# Bộ Kinh Liên Kết [Tương Ưng Kinh Bộ] - Quyển 4. Sáu Cơ-Sở Cảm-Nhận [Saḷāyatana-Vagga] (Bhikkhu Bodhi; Lê Kim K

*Nikaya — bài lẻ & đối chiếu*

QUYỂN 4.

(Quyển Sáu Cơ-Sở Cảm-Nhận) [SAḶĀYATANA-VAGGA]

Về Bản Dịch SN

- Bản dịch Việt này dựa vào phiên bản Pāli-Anh của nhà sư Tỳ Kheo Bồ- Đề (Bhikkhu Bodhi, đại trưởng lão, học giả, dịch giả uyên bác, nhà từ thiện). Đây là bản dịch chính xác nhất từng câu chữ của kinh văn nguyên thủy với đầy đủ chú-giải cần thiết. Có nhiều chỗ tham chiếu với các phiên bản của nhà sư Ajahn Sujato và PTS.

- Để quý vị hình dung nhanh: Bộ Kinh SN này có 05 QUYỂN lớn (Vagga); mỗi QUYỂN được đặt tên theo tên của CHƯƠNG đầu tiên của nó. Toàn bộ kinh có 56 CHƯƠNG. Mỗi chương là đồng nghĩa với một LIÊN- KẾT (tương ưng) theo một chủ-đề chính nào đó (ví dụ: liên-kết về Nhập-Lưu, liên-kết về Ca-Diếp, liên-kết về Gia Chủ Citta ...). Trong nhiều CHƯƠNG lại có các NHÓM kinh (vagga). Bản dịch Việt này đánh số CHƯƠNG trùng với số LIÊN-KẾT luôn. - Các giải thích trong ngoặc tròn (...) là của người dịch, chỉ để làm rõ thêm nghĩa theo tiếng Việt của câu hay chữ chỗ đó.

- Các giải thích, diễn dịch trong ngoặc vuông [...] có trong kinh và trong cả phần chú-thích cuối sách là của thầy Tỳ Kheo Bồ-Đề (có chỗ ghi luôn [TKBĐ]). - Các chú-giải của các luận giảng kinh điển (như Spk, Spk-Pṭ, Vism ...) thì đã được ghi rõ tên ngay đầu câu. - Trong phần chú-thích có chỉ dẫn các kinh chỉ ghi số như 12:08, 56:34 thì có nghĩa đó thuộc bộ kinh SN này; vì nếu thuộc bộ kinh khác thì đã ghi rõ là AN, MN, hay DN ... trước số kinh rồi. Người dịch Việt cũng thường ghi luôn số quyển để dễ dàng tra chiếu, ví dụ 12:08 (Quyển 2), 56:34 (Quyển 5). - Một số chữ Hán-Việt đã được quen dùng bởi các Phật tử Việt Nam thì được người dịch mở ngoặc ghi thêm, ví dụ: sự tạo-tác cố ý (hành), những hiện-tượng (các pháp), nhận-thức (tưởng), sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ) ...

+ Lời nhắn gửi của người dịch: người tu học nên lần lượt đọc hết những lời dạy của Phật!, vì làm vậy cũng không mấy khó khăn. Ví dụ trong bộ kinh SN này, mỗi ngày dành ít thời gian đọc một Liên-kết (chương, tương

ii

ưng) dài hay vài Liên-kết ngắn, thì trong một số ít ngày quý vị sẽ đọc hết một QUYỂN, rồi sẽ hết Bộ Kinh. Số kinh tóm-lược theo một mẫu-kinh là rất nhiều, nhưng quý vị chỉ cần đọc lướt qua. Bản dịch bằng tiếng Việt phổ thông nên ai cũng có thể đọc hiểu được (và lời nói của Phật là rõ ràng từng câu chữ). Đọc qua các kinh quý vị sẽ có được cách-nhìn rộng mở hơn mà sâu sắc và đúng đắn hơn về đạo Phật, hiểu đúng giáo lý đích thực và lý tưởng của Phật để tu hành. Và chắc chắn tâm sẽ dần đổ về, nghiêng về,

và ngã về hướng buông bỏ giải thoát của đạo Phật.

- Do bộ kinh có nhiều liên-kết chủ-đề khác nhau nên quý vị có thể chọn bất kỳ QUYỂN nào và trong đó có thể chọn những liên-kết nào mình quan tâm hơn để đọc trước. Ví dụ, nếu quý vị muốn đọc về các phẩm-chất để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu thì có thể đọc Liên-kết 'Nhập-Lưu', về lý duyên-khởi thì đọc Liên-kết 'Sự khởi-sinh tùy thuộc', về Mục-kiền-liên thì đọc Liên-kết 'Mục-kiền-liên' ...

+ Nên đọc một bài kinh từ đầu đến cuối để nắm được nghĩa chính của kinh, ngay cả khi có chữ nào khó hiểu. (Hầu hết lời các kinh là đơn giản, tự rõ nghĩa nên không cần đọc những chú-thích). ĐỪNG LO ĐỌC NHỮNG CHÚ-THÍCH. Vì nếu cứ dừng lại để tra chú-thích những chữ đó thì người đọc có thể bị lạc khỏi chủ-đề của bài kinh, do tâm trí chúng ta hay chuyền nhảy qua các chủ đề và liên tưởng khác khi đọc các chú-giải này nọ. Nếu có câu nào, chữ nào, hay thuật ngữ nào khó hiểu thì sau khi đọc mới nên tra các chú-thích để hiểu. Còn nếu đã hiểu dễ dàng thì đơn giản đừng đọc những chú-giải, vì đa phần những chú-giải chỉ là những diễn dịch và giải thích của các giảng luận sau kinh.

Cuối cùng, là phước lành lớn lao nhất trong muôn vàn kiếp, người dịch đã gặp gỡ và hưởng dụng đại công trình dịch thuật tận tâm, tỉ mỉ và kỹ càng nhất từ xưa đến nay của Ngài Tỳ Kheo Bồ-Đề từ Tạng Kinh Pāli, dựa vào đó dịch các bộ kinh ra tiếng Việt phổ thông. Mãi mãi biết ơn công đức như thái dương của thầy.

Nhà Bè, Mùa mưa 2018 (PL 2562) (hiệu đính năm thảm dịch Covids 2021)

MỤC LỤC

Về Bản Dịch SN .....i MỤC LỤC ..... iii Chương 35. Liên Kết SÁU CƠ-SỞ CẢM-NHẬN ..... 1 PHẦN I. 'NĂM MƯƠI KINH GỐC' .....3 NHÓM 1. NHÓM 'VÔ THƯỜNG' (Anicca-vagga) ..... 3

1 (1) Bên-Trong là Vô Thường ..... 3 2 (2) Bên-Trong là Khổ ..... 4 3 (3) Bên-Trong là Vô Ngã ..... 4 4 (1) Bên-Ngoài là Vô Thường ..... 5 5 (2) Bên-Ngoài là Khổ ..... 5 6 (3) Bên-Ngoài là Vô Ngã ..... 6 7 (7) Bên-Trong là Vô Thường trong Ba Thời ..... 6 8 (8) Bên-Trong là Khổ trong Ba Thời ..... 7 9 (9) Bên-Trong là Vô Ngã trong Ba Thời ..... 7

10 (10)  12 (12) Bên-Ngoài là Vô Thường trong Ba Thời ... .. 8

NHÓM 2. NHÓM 'CÁC CẶP' (Yamaka-vagga) ..... 9

13 (1) Trước Khi Ta Giác Ngộ (1) (bên trong) ..... 9 14 (2) Trước Khi Ta Giác Ngộ (2) (bên ngoài) ..... 10 15 (3) Đi Tìm Sự Thỏa-Thích ... (1) (bên trong) ..... 10 16 (4) Đi Tìm Sự Thỏa-Thích ... (2) (bên ngoài) ..... 11 17 (5) Nếu Không Có Sự Thỏa-Thích ... (1) (bên trong) ..... 11 18 (6) Nếu Không Có Sự

Thỏa-Thích ... (2) (bên ngoài) ..... 12

iv

19 (7) Khoái Lạc (1) (bên trong) ..... 12 20 (8) Khoái Lạc (2) (bên ngoài) ..... 13 21 (9) Sự Khởi Sinh của Khổ ... (1) (bên trong) ..... 13 22 (10) Sự Khởi Sinh của Khổ ... (2) (bên ngoài) ..... 13

NHÓM 3. NHÓM 'TẤT CẢ' (Sabba-vagga) ..... 14

23 (1) Tất Cả ..... 14 24 (2) Sự Dẹp Bỏ (1) ..... 14 25 (3) Sự Dẹp Bỏ (2) ..... 15 26 (4) Hoàn-Toàn Hiểu (1) ..... 16 27 (5) Hoàn-Toàn Hiểu (2) ..... 17 28 (6) Bốc Cháy (Kinh Lửa) ..... 18 29 (7) Bị Đè Nặng ..... 19 30 (8) Chính Đáng Để Bứng Bỏ ..... 19 31 (9) Thích Hợp để Bứng Bỏ (1) ..... 21 32 (10) Thích Hợp để Bứng Bỏ (2) ..... 22

NHÓM 4. NHÓM 'PHẢI BỊ SINH' (Jātidhamma-vagga) . 24

33 (1) Phải Bị Sinh ..... 24

34 (2)  42 (10) Phải Bị Già ... ..... 24

NHÓM 5. NHÓM 'TẤT CẢ LÀ VÔ THƯỜNG.' (Sabbaanicca-vagga) ..... 25

43 (1)  52 (10) Vô Thường ... ..... 25

PHẦN II. 'NĂM MƯƠI KINH THỨ HAI' .....27 NHÓM 1. NHÓM 'VÔ-MINH' (Avijjā-vagga) ..... 27

53 (1) Dẹp Bỏ Vô-Minh ..... 27 54 (2) Dẹp Bỏ Những Gông-Cùm ..... 27

v

55 (3) Bứng Bỏ Những Gông-Cùm ..... 28

56 (4)  59 (7) Dẹp Bỏ Những Ô-Nhiễm ... ..... 28 60 (8) Hoàn-Toàn Hiểu Tất Cả Sự Dính-Chấp ..... 28 61 (9) Sự Tiêu Sạch Tất Cả Sự Dính-Chấp (1) ..... 29 62 (10) Sự Tiêu Sạch Tất Cả Sự Dính-Chấp (2) ..... 30

NHÓM 2. NHÓM 'MIGAJĀLA' (Migajāla-vagga) ..... 31

63 (1) Migajāla (1) ..... 31 64 (2) Migajāla (2) ..... 32 65 (3) Samiddhi (1) ..... 34 66 (4) Samiddhi (2) ..... 35 67 (5) Samiddhi (3) ..... 35 68 (6) Samiddhi (4)

..... 35 69 (7) Upasena ..... 36 70 (8) Upavāṇa..... 37 71 (9) Sáu Cơ Sở để Tiếp Xúc (1) ..... 38 72 (10) Sáu Cơ Sở để Tiếp Xúc (2) ..... 39 73 (11) Sáu Cơ Sở để Tiếp Xúc (3) ..... 40

NHÓM 3. NHÓM 'BỆNH' (Gilāna-vagga) ..... 42

74 (1) Bệnh (1) ..... 42 75 (2) Bệnh (2) ..... 44 76 (3) Rādha (1) ..... 45 77 (4) Rādha (2) ..... 45 78 (5) Rādha (2) ..... 46 79 (6) Dẹp Bỏ Vô-Minh (1) ..... 46 80 (7) Dẹp Bỏ Vô-Minh (2) ..... 47



81 (8) Một Số Tỳ Kheo..... 47 82 (9) Thế Giới ..... 49 83 (10) Phagguna ..... 49

NHÓM 4. NHÓM 'CHANNA' (Channa-vagga) ..... 51

84 (1) Phải Bị Tan Rã..... 51 85 (2) Thế Giới Là Trống Không ..... 51 86 (3) Giáo Pháp Một Cách Ngắn Gọn ..... 52 87 (4) Ngài Channa ..... 52 88 (5) Ngài Phú-Lâu-Na ..... 56 89 (6) Ngài Bāhiya ..... 60 90 (7) Bị Quấy Động (1) ..... 60 91 (8) Bị Quấy Động (2) ..... 61 92 (9) Cặp Đôi (1) ..... 63 93 (10) Cặp Đôi (2) ..... 63

NHÓM 5. NHÓM 'SÁU THỨ' (Saḷa-vagga) ..... 66

94 (1) Không Thuần Phục, Không Phòng Hộ ..... 66 95 (2) Ngài Māluṅkyaputta ..... 68 96 (3) Sự Sa Sút ..... 72 97 (4) Sống Lơ Tâm ..... 74 98 (5) Sự Kiềm Chế ..... 75 99 (6) Sự Định Tâm ..... 76 100 (7) Sự Tách Ly ..... 77 101 (8) Không Phải Của-Ta (1) ..... 77 102 (9) Không Phải Của-Ta (2) ..... 78 103 (10) Uddaka..... 79

PHẦN III ‘NĂM MƯƠI KINH THỨ BA’ .....81 NHÓM 1. NHÓM ‘AN TOÀN KHỎI SỰ TRÓI BUỘC’ (Yogakkhemi-vagga) ..... 81

104 (1) An Toàn Khỏi Sự Trói-Buộc ..... 81 105 (2) Do Dính Chấp ..... 82 106 (3) Nguồn Gốc Khổ ..... 83 107 (4) Nguồn Gốc Thế Giới..... 83 108 (5) Ta Tốt Hơn, Ta Kém Hơn ... ..... 83 109 (6) Những Thứ Gông Cùm ..... 84 110 (7) Những Thứ Có Thể Bị Dính Chấp ..... 84 111 (8) Hoàn-Toàn Hiểu (1) ..... 85 112 (9) Hoàn-Toàn Hiểu (2) ..... 85 113 (10) Lén Lắng Nghe ..... 85

NHÓM 2. NHÓM ‘THẾ GIỚI & NĂM DÂY DỤC-LẠC’ (Lokakāmaguṇa-vagga) ..... 86

114 (1) Cạm Bẫy của Ma Vương (1) ..... 86 115 (2) Cạm Bẫy của Ma Vương (2) ..... 87 116 (3) Đi Tới Chỗ Chấm Dứt Thế Giới ..... 88 117 (4) Năm Dây Khoái Lạc Giác Quan ..... 91 118 (5) Câu Hỏi Của Vua Trời Đế-Thích ..... 93 119 (6) Câu Hỏi của Pañcasikha ..... 94 120 (7) Xá-Lợi-Phất..... 94 121 (8) Lời Khuyên Dạy Rāhula ..... 96 122 (9) Những Thứ Gông Cùm ..... 99 123 (10) Những Thứ Có Thể Bị Dính Chấp ..... 99



NHÓM 3. NHÓM ‘GIA CHỦ’ (Gahapati-vagga)..... 100

124 (1) Ở Vesālī ..... 100 125 (2) Giữa Những Người Vajji..... 100 126 (3) Ở Nālandā ..... 100 127 (4) Ngài Bhāradvāja ..... 100 128 (5) Soṇa ..... 103 129 (6) Gia Chủ Ghosita ..... 104 130 (7) Gia Chủ Hāliddakāni ..... 105 131 (8) Gia Chủ Nakulapitā ..... 106 132 (9) Gia Chủ Lohicca ..... 106 133 (10) Gia Chủ Verahaccāni ..... 110

NHÓM 4. NHÓM ‘DEVADAHA’ (Devadaha-vagga) ..... 113

134 (1) Ở Devadaha ..... 113 135 (2) Cơ Hội ..... 114 136 (3) Thích Thú Những Hình-Sắc ... (1) ..... 115 137 (4) Thích Thú Những Hình-Sắc (2) ..... 117 138 (5) Không Phải Của-Ta (1) (cỏ, cây, cành, lá) ..... 117 139 (6) Không Phải Của-Ta (2) (cỏ, cây, cành, lá) ..... 118 140 (7) Vô-Thường Là Có Nguyên Nhân (bên trong)..... 118 141 (8) Khổ Là Có Nguyên Nhân (bên trong) ..... 119 142 (9)

Vô-Ngã Là Có Nguyên Nhân (bên trong) ..... 119

143 (10)  145 (12) Vô-Thường Là Có Nguyên Nhân ... (bên ngoài) 120

NHÓM 5. NHÓM ‘MỚI VÀ CŨ’ (Navapurāṇa-vagga) ... 121

146 (1) Nghiệp..... 121

ix

147 (2) Thích Hợp Để Chứng Ngộ Niết-Bàn (1) ..... 122

148 (3)  149 (4) Thích Hợp Để Chứng Ngộ Niết-Bàn ... (2)- (3) 122 150 (5) Thích Hợp Để Chứng Ngộ Niết-Bàn (4) ..... 123 151 (6) Một Học Trò ..... 123 152 (7) Mục Đích Của Đời sống tâm linh? ..... 124 153 (8) Có Phương Pháp Nào? ..... 125 154 (9) Được Trang Bị Các Căn ..... 127 155 (10) Người Thuyết Pháp..... 128

PHẦN IV. ‘NĂM MƯƠI KINH THỨ TƯ’ .....129 NHÓM 1. NHÓM ‘TIÊU DIỆT SỰ THÍCH-THÚ’ (Nadikkhaya-vagga) ..... 129

156 (1) Tiêu Diệt Sự Thích-Thú (1) (bên trong) ..... 129 157 (2) Tiêu Diệt Sự Thích-Thú (2) (bên ngoài) ..... 129 158 (3) Tiêu Diệt Sự Thích-Thú (3) (bên trong) ..... 130 159 (4) Tiêu Diệt Sự thích-thú (4) (bên ngoài) ..... 130 160 (5) Vườn Xoài của Jīvaka (1) ..... 130 161 (6) Vườn Xoài của Jīvaka (2) ..... 131 162 (7) Ngài Câu-hy-la (1) ..... 131 163 (8) Ngài Câu-hy-la (2) ..... 132 164 (9) Ngài Câu-hy-la (Koṭṭhita) (3) ..... 132 165 (10) Dẹp Bỏ Cách Nhìn Sai Lạc ..... 133 166 (11) Dẹp Bỏ Cách Nhìn Có Danh-Tính (thân kiến) ..... 133 167 (12) Dẹp Bỏ Cách Nhìn Có Cái-Ta (ngã kiến) ..... 133

NHÓM 2. NHÓM ‘SÁU MƯƠI KINH LẶP LẠI & TÓM LƯỢC’ (Saṭṭhi-Peyyāla-vagga) ..... 134

x

168 (1) Tham Muốn đối với thứ Vô Thường (bên trong) ..... 134 169 (2) Nhục Dục đối với thứ Vô Thường (bên trong) ..... 134 170 (3) Tham Muốn & Nhục Dục đối với thứ Vô Thường (bên trong) 134 171 (4)  173 (6) Tham Muốn ... đối với thứ Khổ (bên trong)134

174 (7)  176 (9) Tham Muốn ... đối với thứ Vô Ngã (bên trong) 135 177 (10)  179 (12) Tham Muốn ... đối với thứ Vô-Thường (bên ngoài)..... 135 180 (13)  182 (15) Tham Muốn ... đối với thứ Khổ (bên ngoài)136

183 (16)  185 (18) Tham Muốn đối với thứ Vô-Ngã (bên ngoài) 136 186 (19) Quá Khứ là Vô Thường (bên trong)..... 136 187 (20) Tương Lai là Vô Thường (bên trong) ..... 137 188 (21) Hiện Tại là Vô Thường (bên trong) ..... 137

189 (22) 191 (24) Quá Khứ ... Tương Lai ... Hiện Tại là Khổ (bên trong) ..... 137 192 (25) 194 (27) Quá Khứ ... Tương Lai ... Hiện Tại là Vô Ngã (bên trong) ..... 138 195 (28) 197 (30) Quá Khứ ... Tương Lai ... Hiện Tại là Vô Thường (bên ngoài) ..... 138 198 (31) 200 (33) Quá Khứ ... Tương Lai ... Hiện Tại là Khổ (bên ngoài)..... 138 199 (34) 203 (38) Quá Khứ ... Tương Lai ... Hiện Tại là Vô Ngã (bên ngoài) ..... 139 204 (39) Thứ Vô Thường thuộc Quá Khứ (bên trong) ..... 139 205 (40) Thứ Vô Thường thuộc Tương Lai (bên trong) ..... 139 206 (41) Thứ Vô Thường thuộc Hiện Tại (bên trong) ..... 140

xi

207 (42) 209 (44) Thứ Khổ thuộc Quá Khứ ... Tương Lai ... Hiện Tại (bên trong) ..... 140 210 (45) 212 (47) Thứ Vô Ngã thuộc Quá Khứ ... Tương Lai ... Hiện Tại (bên trong) ..... 141 213 (48) 215 (50) Thứ Vô Thường thuộc Quá Khứ ... Tương Lai ... Hiện Tại (bên ngoài) ..... 141 216 (51) 218 (53) Thứ Khổ thuộc Quá Khứ ... Tương Lai ... Hiện Tại (bên ngoài) ..... 141 219 (54) 221 (56) Thứ Vô Ngã thuộc Quá Khứ ... Tương Lai ... Hiện Tại (bên ngoài) ..... 142 222 (57) Những Cơ-Sở [nội xứ] là Vô Thường (bên trong) .... 142 223 (58) Các Cơ-Sở là Khổ (bên trong) ..... 142 224 (59) Các Cơ-Sở là Vô Ngã (bên trong) ..... 143 225 (60) Các Cơ-Sở [ngoại xứ] là Vô Thường (bên ngoài) ..... 143 226 (61) Các Cơ-Sở là Khổ (bên ngoài) ..... 143 227 (62) Các Cơ-Sở là Vô Ngã (bên ngoài) ..... 144

NHÓM 3. NHÓM ‘ĐẠI DƯƠNG’ (Samudda-vagga) ..... 145

228 (1) Đại Dương (1) ..... 145 229 (2) Đại Dương (2) ..... 146 230 (3) Ví Dụ Ngư Dân ..... 147 231 (4) Cây Có Mủ..... 148 232 (5) Ngài Câu-hy-la ..... 150 233 (6) Ngài Kāmabhū ..... 152 234 (7) Ngài Udāyī ..... 153 235 (8) Bài Giảng về sự Bốc Cháy..... 155 236 (9) Ví Dụ Bàn Tay và Bàn Chân ... (1) ..... 158 237 (10) Ví Dụ Bàn Tay và Bàn Chân ... (2) ..... 158

xii

NHÓM 4. NHÓM ‘RẮN ĐỘC’ (Āsīvisa-vagga) ..... 160

238 (1) Ví Dụ Rắn Độc ..... 160 239 (2) Ví Dụ Người Lái Xe Ngựa..... 163 240 (3) Ví Dụ Con Rùa ..... 165 241 (4) Ví Dụ Thân Cây Lớn (1)..... 166 242 (5) Ví Dụ Thân Cây Lớn (2)..... 169 243 (6) Bài Giảng Về Sự Suy Đồi ..... 169 244 (7) Những Trạng

Thái Kéo Theo Khổ Đau ..... 175 245 (8) Cây Kiṃsuka ..... 179 246 (9) Ví Dụ Đờn Tỳ Bà ..... 182 247 (10) Ví Dụ Sáu Con Vật ..... 184 248 (11) Bó Lúa ..... 187

Chương 36. Liên Kết CẢM-GIÁC .....193 NHÓM 1. NHÓM ‘CÓ THI KỆ’ (Sagāthā-vagga) ..... 195

1 (1) Định Tâm ..... 195 2 (2) Sướng..... 195 3 (3) Dẹp Bỏ ..... 196 4 (4) Vực Sâu Không Đáy ..... 197 5 (5) Nên Được Nhìn Thấy ..... 198 6 (6) Mũi Tên ..... 199 7 (7) Khu Người Bệnh (1) ..... 202 8 (8) Khu Người Bệnh (2) ..... 206 9 (9) Vô Thường ..... 207 10 (10) Từ Sự Tiếp-Xúc..... 207

NHÓM 2. NHÓM ‘MỘT MÌNH’ (Rahogata-vagga) ..... 209



11 (1) Một Mình ..... 209 12 (2) Trong Bầu Trời (1) ..... 210 13 (3) Trong Bầu Trời (2) ..... 211 14 (4) Nhà Khách ..... 212 15 (5) Với Ānanda (1) ..... 212 16 (6) Với Ānanda (2) ..... 213

17 (7) 18 (8) Một Số Tỳ kheo ..... 214 19 (9) Pañcakaṅga ..... 214 20 (10) Các Tỳ kheo ..... 218

NHÓM 3. NHÓM ‘CHỦ ĐỀ MỘT TRĂM LẺ TÁM’ (Aṭṭhasatapariyāya-vagga) ..... 220

21 (1) Sīvaka ..... 220 22 (2) Chủ Đề ‘Một Trăm Lẻ Tám’ ..... 221 23 (3) Một Tỳ kheo..... 222 24 (4) Trước Khi ... ..... 223 25 (5) Sự-Biết ..... 224 26 (6) Một Số Tỳ Kheo..... 224 27 (7) Các Tu Sĩ & Bà-la-môn (1) ..... 224 28 (8) Các Tu Sĩ & Bà-la-môn (2) ..... 225 29 (9) Các Tu Sĩ & Bà-la-môn (3) ..... 225 30 (10) Bản Kinh Ngắn Gọn (đơn giản) ..... 226 31 (11) Thuộc Tâm Linh ..... 226

Chương 37. Liên Kết PHỤ NỮ .....229 NHÓM 1. NHÓM ‘LẶP LẠI THỨ NHẤT’ (Paṭhama Peyyāla-vagga) ..... 231

xiv

1 (1) Dễ Ưa Và Khó Ưa (1) ..... 231 2 (2) Dễ Ưa Và Khó Ưa (2) ..... 231 3 (3) Riêng Biệt ..... 231 4 (4) Ba Phẩm Chất ..... 232 5 (5) Tức Giận ..... 232

6 (6) 13 (13) Hiểm Độc ... ..... 233 14 (14) Năm..... 233

NHÓM 2. NHÓM ‘LẶP LẠI THỨ HAI’ (Dutiya Peyyāla- vagga) ..... 235

15 (1) Không Tức Giận ..... 235

16 (2) 23 (9) Không Hiểm Độc ... ..... 235 24 (10) Năm Giới Hạnh..... 236

NHÓM 3. NHÓM ‘NHỮNG SỨC MẠNH’ (Bala-vagga) ..... 237

25 (1) Tự Tin ..... 237 26 (2) Thắng Thế Hơn..... 237 27 (3) Dưới Sự Kiểm Soát ..... 237 28 (4) Một ..... 237 29 (5) Về Mặt Đó ..... 238 30 (6) Họ Đuổi Đi ..... 239 31 (7) Nguyên Nhân ..... 240 32 (8) Những Hoàn Cảnh ..... 240 33 (9) Tự Tin ..... 242 34 (10) Tăng Trưởng ..... 242

Chương 38. Liên Kết ‘NGƯỜI ĂN TÁO HỒNG’ .....243

xv

1 Câu Hỏi về Niết-Bàn ..... 245 2 Thánh Quả A-la-hán ..... 246 3 Những Người Theo Giáo Pháp ..... 246 4 Vì Mục Đích Gì? ..... 247 5 Sự Yên Ủi ..... 248 6 Sự Yên Ủi Tối Thượng ..... 248 7 Cảm-giác ..... 249 8 Những Ô-Nhiễm ..... 249 9 Vô Minh ..... 250 10 Dục Vọng ..... 250 11 Dòng Lũ

..... 250 12 Sự Dính Chấp ..... 251 13 Sự Hiện Hữu..... 251 14 Khổ ..... 252 15 Danh Tính ..... 252 16 Khó Làm ..... 253

Chương 39. Liên Kết SĀMAṆḌAKA .....255 1 16 Câu Hỏi về Niết-Bàn ... ..... 257

Chương 40. Liên Kết MỤC-KIỀN-LIÊN .....259 1 Tầng Thiền Định Thứ Nhất ..... 261 2 Tầng Thiền Định Thứ Hai ..... 262 3 Tầng Thiền Định Thứ Ba ..... 263 4 Tầng Thiền Định Thứ Tư ..... 264 5 Không S3516 728.64 reW* nBT/F8 12889eW* nBT/F7 12 Tf1.0488 0 0 1 231.05 121.94



7 Vô Sở Hữu Xứ ..... 267 8 Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ ..... 268 9 Vô Dấu Hiệu ..... 269 10 Vua Trời Đế-Thích ..... 270 11 Candana ... ..... 275

Chương 41. Liên Kết GIA CHỦ CITTA .....277 1 Gông Cùm ..... 279 2 Ngài Isidatta (1) ..... 280 3 Ngài Isidatta (2) ..... 282 4 Thần Thông của Ngài Mahaka ..... 285 5 Ngài Kāmabhū (1) ..... 287 6 Ngài Kāmabhū (2) ..... 289 7 Ngài Godatta ..... 292 8 Ni-kiền-tử Nātaputta ..... 295 9 Tu Sĩ Lõa Thể Tên Ca-Diếp ..... 297 10 Thăm Người Bệnh ..... 299

Chương 42. Liên Kết TRƯỞNG THÔN .....303 1 Trưởng Thôn Caṇḍa ..... 305 2 Trưởng Đoàn Talapuṭa ..... 306 3 Trưởng Đoàn Yodhājīva ..... 308 4 Trưởng Đoàn Hatthāroha ..... 309 5 Trưởng Đoàn Assāroha..... 310 6 Trưởng Thôn Asibandhakaputta ..... 310 7 Ví Dụ Miếng Ruộng ..... 312 8 Người Thổi Kèn Vỏ Ốc ..... 315



9 Những Gia Đình ..... 320 10 Trưởng Đoàn Maṇicūḷaka ..... 322 11 Trưởng Thôn Bhadraka

..... 324 12 Trưởng Thôn Rāsiya ..... 326 13 Trưởng Thôn Pāṭaliya ..... 334

Chương 43. Liên Kết VÔ VI .....347 NHÓM 1. NHÓM ‘THỨ NHẤT’ (Paṭhama-vagga) ..... 349

1 (1) Sự Chánh-Niệm Hướng Vào Thân ..... 349 2 (2) Thiền Định và Thiền Quán ..... 349 3 (3) Ý Nghĩ và Sự Soi Xét ..... 350 4 (4) Sự Định Tâm Trống Không ..... 350 5 (5) Những Nền Tảng Chánh Niệm ..... 350 6 (6) Những Sự Phần Đấu Đúng Đắn ..... 351 7 (7) Những Cơ Sở Năng Lực Tâm Linh ..... 351 8 (8) Những Căn Tâm Linh ..... 351 9 (9) Những Năng Lực ..... 351 10 (10) Những Chi Giác Ngộ ..... 351 11 (11) Con Đường Tám Phần ..... 352

NHÓM 2. NHÓM ‘THỨ HAI’ (Paṭhama-vagga) ..... 353

12 (1) Sự Vô Vi ..... 353 13 (2) Sự Không Còn Ngã-Hướng ..... 359

14 (3) 43

xviii

2 A-nậu-lâu-đà ..... 367 3 Xá-lợi-phất và Câu-hy-la (1) ..... 367 4 Xá-lợi-phất và Câu-hy-la (2) ..... 368 5 Xá-lợi-phất và Câu-hy-la (3) ..... 369 6 Xá-Lợi-Phất và Câu-hy-la (4) ..... 370 7 Mục-kiền-liên ..... 374 8 Vacchagotta..... 377 9 Hội Trường Tranh Luận ..... 380 10 Ānanda [Có cái ‘Ta’ hay không?] ..... 381 11 Sabhiya Kaccāna ..... 382

BẢNG VIẾT TẮT .....385 CHÚ THÍCH .....391

Kính lễ Đức Thế Tôn, A-la-hán, bậc Toàn Giác!

Chương 35.

Liên Kết SÁU CƠ-SỞ CẢM-NHẬN (35 Saḷāyatana-saṃyutta) (35 Tương ưng Sáu Xứ)

2 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 4

Chương 35 Liên Kết SÁU CƠ-SỞ CẢM-NHẬN • 3

PHẦN I. ‘NĂM MƯƠI KINH GỐC’

NHÓM 1. NHÓM ‘VÔ THƯỜNG’ (Anicca-vagga)

1 (1) Bên-Trong là Vô Thường1 Tôi nghe như vầy.2 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!” “Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Này các Tỳ kheo, mắt là vô thường.3 Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’’. “Tai là vô thường … Mũi là vô thường … Lưỡi là vô thường … Thân là vô thường … Tâm là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’’. “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt, sự ghê-sợ đối với tai, sự ghê-sợ đối với lưỡi, sự ghê-sợ đối với thân, sự ghê-sợ đối với tâm. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát thì có sự-biết: ‘Nó được giải-thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh



đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa’.” (SN 35:01)

2 (2) Bên-Trong là Khổ “Này các Tỳ kheo, mắt là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’’. “Tai là khổ … Mũi là khổ … Lưỡi là khổ … Thân là khổ … Tâm là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’’. “Sau khi đã nhìn thấy như vậy … Người đó hiểu rằng: … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa’.” (SN 35:02)

3 (3) Bên-Trong là Vô Ngã “Này các Tỳ kheo, mắt là vô ngã. Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’’. “Tai là vô ngã … Mũi là vô ngã … Lưỡi là vô ngã … Thân là vô ngã … Tâm là vô ngã. Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’’. “Sau khi đã nhìn thấy như vậy … Người đó hiểu rằng: … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa’.” (SN 35:03)



4 (1) Bên-Ngoài là Vô Thường “Này các Tỳ kheo, những hình-sắc (vật, cảnh, đối tượng …) là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: ‘Đây không

phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’’. “Những âm-thanh … Những mùi-vị … Những đối-tượng chạm xúc … Những hiện-tượng thuộc tâm là vô thường.4 Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’’. “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với những hình-sắc, sự ghê-sợ đối với những âm-thanh, sự ghê-sợ đối với những mùi-hương, sự ghê-sợ đối với những mùi-vị, sự ghê-sợ đối với những đối-tượng chạm xúc, sự ghê-sợ đối với những hiện-tượng thuộc tâm. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát thì có sự-biết: ‘Nó được giải-thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa’.” (SN 35:04)

5 (2) Bên-Ngoài là Khổ “Này các Tỳ kheo, những hình-sắc là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’’.



“Những âm-thanh là khổ … Những mùi-hương là khổ … Những mùi- vị là khổ … Những những đối-tượng chạm xúc là khổ … Những hiện- tượng thuộc tâm là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’’. “Sau khi đã nhìn thấy như vậy … Người đó hiểu rằng: … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa’.” (SN 35:05)

6 (3) Bên-Ngoài là Vô Ngã “Này các Tỳ kheo, những hình-sắc là vô ngã. Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’’. “Những âm-thanh là vô ngã … Những mùi-vị là vô ngã … Những đối-tượng chạm-xúc là vô ngã … Những hiện-tượng thuộc tâm là vô ngã … Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’’. “Sau khi đã nhìn thấy như vậy … Người đó hiểu rằng: … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa’.” (SN 35:06)

7 (7) Bên-Trong là Vô Thường trong Ba Thời Ở Sāvathī. “Này các Tỳ kheo, mắt là vô thường, cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ



kheo, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy chỉ bàng-quan (vô tư, không tác ý) đối với mắt của quá khứ; người đó không tìm kiếm khoái-lạc trong mắt của tương lai; và người đó tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ đối với mắt của hiện tại, dẫn tới sự phai biến và

chấm dứt nó. “Mũi là vô thường … Lưỡi là vô thường … Thân là vô thường … Tâm là vô thường, cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy chỉ bàng-quan đối với tâm của quá khứ; người đó không tìm kiếm khoái-lạc trong tâm của tương lai; và người đó tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ đối với tâm của hiện tại, dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.” (SN 35:07)

8 (8) Bên-Trong là Khổ trong Ba Thời Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, mắt là khổ, cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại … “Mũi là khổ … Tâm là khổ, cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại … Sau khi đã nhìn thấy như vậy … dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.” (SN 35:08)

9 (9) Bên-Trong là Vô Ngã trong Ba Thời Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, mắt là vô ngã, cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại …

8 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

“Mũi là vô ngã … Tâm là vô ngã, cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại … Sau khi đã nhìn thấy như vậy … dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.” (SN 35:09)

10 (10)  12 (12) Bên-Ngoài là Vô Thường trong Ba Thời … [03 kinh này giống hệt kinh 79 ở trên, chỉ thay bằng các “cơ-sở cảm- nhận bên ngoài”, tức các đối-tượng giác quan.]

(SN 35:1012)

Chương 35  Liên Kết SÁU CƠ-SỞ CẢM-NHẬN • 9

NHÓM 2. NHÓM ‘CÁC CẶP’ (Yamaka-vagga)

13 (1) Trước Khi Ta Giác Ngộ (1) (bên trong) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, trước khi ta giác ngộ [trước khi sự giác ngộ của ta], khi ta còn là một bồ-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện, điều (ý, ý nghĩ) này đã xảy đến với ta: ‘Cái gì là sự thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, cái gì là sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] mắt? Cái gì là sự thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, cái gì là sự thoát-khỏi đối với tai … mũi … lưỡi … thân … tâm?’ “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Sự khoái-lạc và vui-thích khởi sinh tùy thuộc vào (theo) mắt: đây chính là sự thỏa-thích trong mắt. Mà mắt là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong mắt. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với mắt: đây chính là sự thoát-khỏi mắt. “‘Sự khoái-lạc và vui-thích khởi sinh tùy thuộc vào tai … mũi … lưỡi … thân … tâm: đây chính là sự thỏa-thích trong tai … tâm. Mà tai … tâm là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong tai … tâm. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với tai … tâm: đây chính là sự thoát-khỏi tai … tâm.’ “Này các Tỳ kheo, chừng nào ta chưa trực-tiếp biết sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sáu cơ-sở cảm-nhận bên trong này đúng như chúng thực là, ta không tuyên bố rằng ta đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có các thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có những tu sĩ và

bà-la-môn, những thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực-tiếp biết tất cả những điều đó đúng như chúng thực là, ta tuyên bố mình đã tỉnh



thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có những thiên thần … những thiên thần và loài người.5 “Sự-biết và sự-thấy (trí biết và tầm nhìn) đã khởi sinh trong ta như vầy: ‘Sự giải-thoát của tâm’ của ta là bất lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn sự tái hiện-hữu.’” (SN 35:13)

14 (2) Trước Khi Ta Giác Ngộ (2) (bên ngoài) [Kinh kế trên nói về “06 cơ-sở cảm-nhận bên trong” (mắt, tai …); kinh này giống hệt, chỉ thay bằng “06 đối-tượng bên ngoài” (những hình-sắc, những âm-thanh …).]

(SN 35:14)

15 (3) Đi Tìm Sự Thỏa-Thích … (1) (bên trong) “Này các Tỳ kheo, ta đã quyết tâm đi tìm sự thỏa-thích trong mắt. Mọi sự thỏa-thích trong mắt— ta đã tìm ra. Bằng trí-tuệ, ta đã nhìn thấy rõ ràng sự thỏa-thích trong mắt với xa tới mức nào. “Ta đã quyết tâm đi tìm sự nguy-hại trong mắt. Mọi sự nguy-hại trong mắt— ta đã tìm ra. Bằng trí-tuệ, ta đã nhìn thấy rõ ràng sự nguy-hại trong mắt với xa tới mức nào. “Ta đã quyết tâm đi tìm sự thoát-khỏi mắt. Mọi sự thoát-khỏi mắt— ta đã tìm ra. Bằng trí-tuệ, ta đã nhìn thấy rõ ràng sự thoát-khỏi mắt với xa tới mức nào.” “Này các Tỳ kheo, ta đã quyết tâm đi tìm sự thỏa-thích trong … sự nguy-hại trong … sự thoát-khỏi tai … mũi … lưỡi … thân … tâm. Mọi sự giải thoát khỏi tâm— ta đã tìm ra. Bằng trí-tuệ, ta đã rõ ràng nhìn thấy sự thoát-khỏi tai … tâm với xa tới mức nào.



“Này các Tỳ kheo, chừng nào ta chưa trực-tiếp biết sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sáu cơ-sở cảm-nhận bên trong này, ta không tuyên bố rằng ta đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có các thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực-tiếp biết tất cả những điều này đúng như chúng thực là, ta tuyên bố mình đã thức tỉnh tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có những thiên thần … những thiên thần và loài người. “Sự-biết và sự-thấy đã khởi sinh trong ta như vầy: ‘Sự giải-thoát của tâm’ của ta là bất lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn sự tái hiện-hữu.’” (SN 35:15)

16 (4) Đi Tìm Sự Thỏa-Thích … (2) (bên ngoài) [Giống hệt kinh kế trên, chỉ lần lượt thay bằng “sáu cơ-sở bên ngoài”.]

(SN 35:16)

17 (5) Nếu Không Có Sự Thỏa-Thích … (1) (bên trong) Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, nếu mà không có sự thỏa-thích trong mắt, thì chúng sinh sẽ không bị say-mê với nó; nhưng vì có sự thỏa-thích trong mắt, nên chúng sinh bị say-mê với nó. Nếu mà không có sự

nguy-hại trong mắt, thì chúng sinh sẽ không ghê-sợ với nó; nhưng vì có sự nguy-hại trong mắt, nên chúng sinh ghê-sợ với nó. Nếu mà không có sự thoát-khỏi mắt, thì chúng sinh sẽ không thoát-khỏi nó; nhưng vì có sự thoát-khỏi nó, nên chúng sinh (có thể tìm cách) thoát-khỏi nó.



"Này các Tỳ kheo, nếu mà không có sự thỏa-thích trong tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm, thì chúng sinh sẽ không bị say-mê với nó; nhưng vì có sự thỏa-thích trong tai ... tâm, nên chúng sinh bị say-mê với nó ... nhưng vì có sự thoát-khỏi tai ... tâm, nên chúng sinh (có thể tìm cách) thoát-khỏi nó. "Này các Tỳ kheo, chừng nào chúng sinh chưa trực-tiếp biết sự thỏa- thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sáu cơ-sở cảm-nhận bên trong đúng như chúng thực là, thì họ chưa được giải-thoát khỏi thế giới này có các thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, khỏi thế hệ chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người; họ chưa thoát-ly khỏi nó, chưa giải-thoát khỏi nó, và họ cũng chưa được sống với một cái tâm không còn những rào-cản. Nhưng khi họ đã trực-tiếp biết tất cả những điều này đúng như nó thực là, thì họ được giải- thoát khỏi thế giới này ... có các thiên thần và loài người; họ thoát-ly khỏi nó, giải-thoát khỏi nó, và họ cũng được sống với một cái tâm không còn những rào-cản." (những rào-cản là: những ô-nhiễm và vòng luân-hồi) (SN 35:17)

18 (6) Nếu Không Có Sự Thỏa-Thích ... (2) (bên ngoài) [Giống hệt kinh kế trên, chỉ lần lượt thay bằng "sáu cơ-sở bên ngoài".]

(SN 35:18)

19 (7) Khoái Lạc (1) (bên trong) Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, ai tìm kiếm khoái-lạc trong mắt là tìm kiếm khoái- lạc trong sự khổ đau. Ai tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau thì (người đó) không thoát khỏi khổ đau, ta nói như vậy. Ai tìm kiếm khoái-lạc trong tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm là tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau.



Ai tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau thì không thoát khỏi khổ đau, ta nói như vậy. "Ai không tìm kiếm khoái-lạc trong mắt ... tâm là không tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau. Ai không tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau thì thoát khỏi khổ đau, ta nói như vậy." (SN 35:19)

20 (8) Khoái Lạc (2) (bên ngoài) [Giống hệt kinh kế trên, chỉ lần lượt thay bằng "sáu cơ-sở bên ngoài".]

(SN 35:20)

21 (9) Sự Khởi Sinh của Khổ ... (1) (bên trong) Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của mắt là sự khởi sinh của sự khổ, sự liên tục của căn bệnh, sự thể hiện của sự già-chết. Sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm là sự khởi sinh của sự khổ, sự liên tục của căn bệnh, sự thể hiện của sự già-chết. "Sự chấm dứt, sự lặn mất, và sự biến mất của

mắt … của tâm là sự chấm dứt của sự khổ, sự lặn mất của căn bệnh, sự biến mất của sự già- chết.” (SN 35:21)

22 (10) Sự Khởi Sinh của Khổ … (2) (bên ngoài) [Giống hệt kinh kế trên, chỉ lần lượt thay bằng “sáu cơ-sở bên ngoài”.]

(SN 35:22)



NHÓM 3. NHÓM ‘TẤT CẢ’ (Sabba-vagga)

23 (1) Tất Cả Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về tất-cả. Hãy lắng nghe điều đó … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tất-cả? Mắt và những hình-sắc, tai và những âm-thanh, mũi và những mùi-hương, lưỡi và những mùi-vị, thân và những đối-tượng chạm xúc, tâm và những hiện-tượng thuộc tâm. Đây được gọi là tất-cả.6 “Này các Tỳ kheo, nếu có ai nói rằng: ‘Sau khi dẹp bỏ tất-cả này, tôi sẽ (có thể) chỉ ra (cho thấy, cho biết, mô tả) một tất-cả khác’— thì điều đó chỉ là lời sáo rỗng của người đó mà thôi.7 Nếu người đó được hỏi thì người đó không thể trả lời, và thêm nữa, người đó sẽ gặp phải sự phiền- ưu. Vì lý do gì? Bởi vì, này các Tỳ kheo, điều đó không nằm trong trú-xứ (lãnh vực, lãnh địa, tầm, phạm vi) của người đó.” (tức: nếu ra ngoài lãnh vực của mình thì sẽ bị phiền-bực (ưu), khổ, não)8 (SN 35:23)

24 (2) Sự Dẹp Bỏ (1) “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy Giáo Pháp về sự để (dẫn tới sự) dẹp bỏ tất-cả. Hãy lắng nghe điều đó … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp để dẹp bỏ tất-cả? Mắt sẽ được dẹp bỏ, những hình-sắc sẽ được dẹp bỏ, thức-mắt sẽ được dẹp bỏ, sự tiếp-xúc mắt sẽ được dẹp bỏ, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-



xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù là sướng, hay khổ, hay trung tính [không khổ không sướng]—cũng đều được dẹp bỏ.9 “Tai sẽ được dẹp bỏ … Tâm sẽ được dẹp bỏ, những hiện-tượng thuộc tâm, thức-tâm sẽ được dẹp bỏ, sự tiếp-xúc tâm sẽ được dẹp bỏ, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên)—dù là sướng, hay khổ, hay trung tính—cũng đều được dẹp bỏ. “Này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp cho sự dẹp bỏ tất-cả.” (SN 35:24)

25 (3) Sự Dẹp Bỏ (2) “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy Giáo Pháp để (dẫn tới sự) dẹp bỏ tất-cả thông qua sự biết trực-tiếp và sự hoàn-toàn hiểu.10 Hãy lắng nghe điều đó … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp để dẹp bỏ tất-cả thông qua sự biết trực-tiếp và sự hoàn-toàn hiểu? Mắt sẽ được dẹp bỏ thông qua sự biết trực-tiếp và sự hoàn-toàn hiểu, những hình-sắc sẽ được dẹp bỏ như vậy, thức-mắt sẽ được dẹp bỏ như vậy, sự tiếp-xúc mắt sẽ được dẹp bỏ như vậy, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù là sướng hay khổ hay trung tính—cũng được dẹp bỏ thông qua sự biết trực-tiếp và sự hoàn-toàn hiểu. “Tai … Tâm sẽ được dẹp bỏ thông qua sự biết trực-tiếp và sự hoàn- toàn hiểu, những hiện-tượng thuộc tâm sẽ được dẹp bỏ như vậy, thức-tâm sẽ được dẹp bỏ như vậy, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên)—dù là sướng hay khổ hay trung tính—cũng được

dẹp bỏ thông qua sự biết trực-tiếp và sự hoàn-toàn hiểu. “Này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp cho sự dẹp bỏ tất-cả thông qua sự biết trực-tiếp và sự hoàn-toàn hiểu.” (SN 35:25)

16 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

26 (4) Hoàn-Toàn Hiểu (1) “Này các Tỳ kheo, nếu không trực-tiếp biết (liễu tri) và hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) tất-cả (12 cơ-sở cảm-nhận bên trong và bên ngoài, sáu nội xứ và sáu ngoại xứ), không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu không khả năng tiêu diệt sự khổ.11 (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là cái tất-cả mà nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu nó, nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu không khả năng tiêu diệt sự khổ? “(đó là) Nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu mắt, nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu không khả năng tiêu diệt sự khổ. Nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu những hình- sắc … sự tiếp-xúc mắt … thức-mắt … và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên) … nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu không khả năng tiêu diệt sự khổ. “Nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu tai … tâm … … và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên) … nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu không khả năng tiêu diệt sự khổ. “Này các Tỳ kheo, đây chính là tất-cả mà nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu nó … thì người tu không khả năng tiêu diệt sự khổ. (2) “Này các Tỳ kheo, bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu tất-cả, bằng cách tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu mới có khả năng tiêu diệt sự khổ. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là cái tất-cả mà bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu nó, bằng cách tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu mới có khả năng tiêu diệt sự khổ? “(đó là) Bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu mắt … tâm … … mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt … do có tiếp-xúc tâm là

Chương 35  Liên Kết SÁU CƠ-SỞ CẢM-NHẬN • 17

điều-kiện (duyên) … bằng cách tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu mới có khả năng tiêu diệt sự khổ. “Này các Tỳ kheo, đây chính là tất-cả mà bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu nó … thì người tu có

-

18 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

28 (6) Bốc Cháy (Kinh Lửa) Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở vùng Gayā, tại chỗ (được gọi là) ‘Đầu của Gayā’ [Gayāsiisa], cùng với một ngàn Tỳ kheo. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy:13 “Này các Tỳ kheo, tất cả đều đang bốc cháy. Và, này các Tỳ kheo tất cả những thứ đang bốc cháy là gì? Mắt đang bốc cháy, những hình-sắc đang bốc cháy, sự tiếp-xúc mắt đang bốc cháy, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù là sướng hay khổ hay trung tính [không khổ không sướng]—cũng đang bốc cháy. Đang bốc cháy bằng cái gì? Đang bốc cháy bằng lửa tham, bằng lửa sân, bằng lửa si; đang bốc cháy bằng sự sinh, già, và chết; bằng sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não), ta nói

như vậy. “Tai đang bốc cháy … mũi … lưỡi … thân … tâm đang bốc cháy … và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên)— dù là sướng hay khổ hay trung tính—cũng đang bốc cháy. Đang bốc cháy bằng cái gì? Đang bốc cháy bằng lửa tham, bằng lửa sân, bằng lửa si; đang bốc cháy bằng sự sinh, già, và chết; bằng sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, ta nói như vậy. “Này các Tỳ kheo, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trở nên ghê-sợ đối với mắt, đối với những hình-sắc, đối với thức-mắt, đối với sự tiếp-xúc mắt, đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù là sướng hay khổ hay trung tính; trở nên ghê-sợ đối với tai … đối với mũi … đối với lưỡi … đối với thân … đối với tâm … đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp- xúc tâm là điều-kiện (duyên) … Sau khi đã trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát thì có sự-biết: ‘Nó được giải-thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa’.”



Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Những Tỳ kheo đó hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn. Và trong khi bài kinh này đang được nói ra, tâm của một ngàn Tỳ kheo đó đã được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm (lậu hoặc) nhờ sự không còn dính-chấp (thủ diệt). (SN 35:28)

29 (7) Bị Đè Nặng Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, tất-cả bị đè nặng.14 Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tất-cả đó bị đè nặng? (đó là) Mắt bị đè nặng, những hình-sắc bị đè nặng, thức-mắt bị đè nặng, sự tiếp-xúc mắt bị đè nặng, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù là sướng hay khổ hay trung tính—cũng bị đè nặng. Bị đè nặng bởi cái gì? Bị đè nặng bởi sự sinh, già, và chết; bởi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, ta nói vậy. “Tai bị đè nặng … Tâm bị đè nặng … Bị đè nặng bởi cái gì? Bị đè nặng bởi sự sinh, già, và chết; bởi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, ta nói vậy. “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa’.” (SN 35:29)

30 (8) Chính Đáng Để Bứng Bỏ



“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy đường-lối (cách thức, phương pháp) là chính đáng (đúng đắn, phù hợp) để bứng bỏ tất cả mọi sự nhìn-nhận (sự nhận lầm, vọng tưởng này nọ). Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đường-lối mà chính đáng để bứng bỏ tất cả sự nhìn-nhận?15 Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo (i) không nhìn nhận mắt, (ii) không nhìn nhận trong mắt, (iii) không

nhìn nhận từ mắt, (iv) không nhìn nhận ‘Mắt là của-ta’.16 Người đó không nhìn nhận những hình-sắc … thức-mắt … sự tiếp-xúc mắt … và đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù là sướng hay khổ hay trung tính—người đó cũng không nhìn nhận chúng, không nhìn nhận trong chúng, không nhìn nhận từ chúng, không nhìn nhận ‘Đó là của-ta.’ “Người đó không nhìn nhận tai … Người đó không nhìn nhận tâm … những hiện-tượng thuộc tâm … thức-tâm … sự tiếp-xúc tâm … và đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên)—dù là sướng hay khổ hay trung tính—người đó cũng không nhìn nhận chúng, không nhìn nhận trong chúng, không nhìn nhận từ chúng, không nhìn nhận ‘Đó là của-ta.’ “Người đó không nhìn nhận tất-cả, không nhìn nhận trong tất-cả, không nhìn nhận từ tất-cả, không nhìn nhận ‘Tất-cả là của-ta.’ “Do người đó không nhìn nhận bất cứ thứ gì như vậy, nên người đó không dính-chấp thứ gì trong thế giới. Do không dính-chấp, nên người đó không bị khích-động (âu lo, bận tâm). Do không bị khích-động, người đó tự thân chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’17 “Này các Tỳ kheo, đây là đường lối là chính đáng để bứng bỏ tất cả sự nhìn-nhận.” (SN 35:30)

Chương 35  Liên Kết SÁU CƠ-SỞ CẢM-NHẬN • 21

31 (9) Thích Hợp để Bứng Bỏ (1) “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy đường-lối là thích hợp để (dẫn tới sự) bứng bỏ tất cả sự nhìn-nhận.18 Hãy lắng nghe điều đó … “Và này các Tỳ kheo, cái gì là đường lối mà thích hợp để bứng bỏ tất cả sự nhìn-nhận? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo không nhìn nhận mắt, không nhìn nhận trong mắt, không nhìn nhận từ mắt, không nhìn nhận ‘Mắt là của-ta.’ Người đó không nhìn nhận những hình-sắc … thức- mắt … sự tiếp-xúc mắt … và đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù là sướng hay khổ hay trung tính— người đó cũng không nhìn nhận chúng, không nhìn nhận trong chúng, không nhìn nhận từ chúng, không nhìn nhận ‘Đó là của-ta.’ Bởi vì, này các Tỳ kheo, thứ gì người ta nhìn nhận, thứ gì người ta nhìn nhận trong đó, thứ gì người ta nhìn nhận từ đó, thứ gì người ta nhìn nhận là ‘của-ta’— thì nó không phải vậy (là khác, đang khác đi, đang biến đổi). Thế giới (thế giới chúng sinh), đang trở thành khác đi (đang luôn biến đổi), là đang bị dính mắc theo sự trở thành (này nọ) như vậy, là đang tìm kiếm khoái-lạc chỉ trong sự trở thành (này nọ) mà thôi, (chứ không thoát khỏi sự trở thành hay tái hữu).19 “Người đó không nhìn nhận tai … Người đó không nhìn nhận tâm … và đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên) … người đó cũng không nhìn nhận chúng, không nhìn nhận trong chúng, không nhìn nhận từ chúng, không nhìn nhận ‘Đó là của-ta.’ Bởi vì, này các Tỳ kheo, thứ gì người ta nhìn nhận, thứ gì người ta nhìn nhận trong đó, thứ gì người ta nhìn nhận từ đó, thứ gì người ta nhìn nhận là ‘của-ta’— thì thứ đó là khác (tức: không phải vậy; là nhận lầm). Thế giới (thế giới chúng sinh), đang trở thành khác đi (đang luôn biến đổi), là đang bị dính mắc theo sự trở thành (này nọ) như vậy, là đang tìm kiếm khoái- lạc chỉ trong sự trở thành (này nọ) mà thôi.

“Cho dù các tổ-hợp (uẩn), các yếu-tố (giới), và các cơ-sở cảm-nhận (xứ) có là gì tới đâu đi nữa, người đó cũng không nhìn nhận chúng, không nhìn nhận trong chúng, không nhìn nhận từ chúng, không nhìn nhận ‘Đó là của-ta.’ “Do người đó không nhìn nhận bất cứ thứ gì như vậy, nên người đó không dính-chấp thứ gì trong thế giới. Do không dính-chấp, nên người đó không bị khích-động (âu lo, bận tâm). Do không bị khích-động, người đó tự thân chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’ “Này các Tỳ kheo, đây là đường-lối là thích hợp cho sự bứng bỏ tất cả sự nhìn-nhận.”20 (SN 35:31)

32 (10) Thích Hợp để Bứng Bỏ (2) “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy đường-lối là thích hợp để (dẫn tới sự) bứng bỏ tất cả sự nhìn-nhận. Hãy lắng nghe điều đó … “Và này các Tỳ kheo, cái gì là đường-lối mà thích hợp để bứng bỏ tất cả sự nhìn-nhận? Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, mắt là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” –“Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vầy: ‘Đây là của-ta, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’’, hay không?” – “Không, thưa Thế Tôn.” “Những hình-sắc … Thức-mắt … Sự tiếp-xúc mắt … Mọi thứ cảm- giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính— là thường hằng hay vô thường? … “Tai là thường hằng hay vô thường? … Tâm là thường hằng hay vô thường? …



“Những đối-tượng thuộc tâm … Thức-tâm … Sự tiếp-xúc tâm … Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—dù sướng hay khổ hay trung tính— là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vầy: ‘Đây là của-ta, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’’ hay không? – “Không, thưa Thế Tôn.” “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt, đối với những hình-sắc, đối với thức-mắt, đối với sự tiếp-xúc mắt, đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện—dù sướng hay khổ hay trung tính. Người đó trải nghiệm sự ghê-sợ đối với tai … đối với tâm … đối với mọi thứ cảm- giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát, có sự-biết: ‘Nó được giải thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’ “Này các Tỳ kheo, đây là đường lối là thích hợp cho sự bứng bỏ tất cả sự nhìn-nhận.” (SN 35:32)



NHÓM 4. NHÓM ‘PHẢI BỊ SINH’ (Jātidhamma-vagga)

33 (1) Phải Bị Sinh Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, tất-cả đều phải bị sinh (có tính chất khởi sinh, sẽ bị tái sinh). Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tất-cả phải bị sinh? Mắt phải bị sinh. Những hình-sắc phải bị sinh … Thức-mắt … Sự tiếp-xúc mắt … Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên) … cũng phải bị tái sinh. “Tai … Mũi … Lưỡi … Thân … Tâm … Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên) … cũng phải bị tái sinh. “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt, đối với những hình-sắc, đối với thức-mắt, đối với sự tiếp-xúc mắt … Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa’.” (SN 35:33)

34 (2)  42 (10) Phải Bị Già … “Này các Tỳ kheo, tất-cả đều phải bị già … Tất-cả phải bị bệnh … Tất-cả phải bị chết … Tất-cả phải bị buồn sầu … Tất-cả phải bị ô nhiễm … Tất cả phải bị tàn hoại … Tất-cả đều phải bị biến mất … Tất-cả phải bị khởi sinh (hữu sinh) … Tất-cả phải bị chấm dứt (hữu diệt) …” [Mỗi “tất-cả” tiếp tục như kinh 35:33 kế trên từ chỗ: “Và, này các Tỳ kheo …” cho đến cuối kinh.]

(SN 35:3442)

Chương 35  Liên Kết SÁU CƠ-SỞ CẢM-NHẬN • 25

NHÓM 5. NHÓM ‘TẤT CẢ LÀ VÔ THƯỜNG.’ (Sabbaanicca-vagga)

43 (1)  52 (10) Vô Thường … Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, Tất-cả đều là vô thường … Tất-cả đều là khổ … Tất-cả đều là vô ngã … Tất-cả nên được biết trực-tiếp … Tất-cả nên được hoàn-toàn hiểu … Tất-cả nên được dẹp-bỏ … Tất-cả nên được chứng-ngộ … Tất-cả nên được hoàn-toàn hiểu thông qua sự biết trực- tiếp … Tất-cả đều bị áp bức … Tất-cả đều bị đánh đập …” [Mỗi “tất-cả” tiếp tục như kinh 35:33 ở trên từ chỗ: “Và, này các Tỳ kheo …” cho đến cuối kinh.]

(SN 35:4352)

26 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

Chương 35  Liên Kết SÁU CƠ-SỞ CẢM-NHẬN • 27

PHẦN II. ‘NĂM MƯƠI KINH THỨ HAI’

NHÓM 1. NHÓM ‘VÔ-MINH’ (Avijjā-vagga)

53 (1) Dẹp Bỏ Vô-Minh Ở Sāvatthī. Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để sự vô-minh được dẹp bỏ và trí-biết đích thực (minh, chân trí) khởi sinh? “Này các Tỳ kheo, khi một người biết và thấy mắt là vô-thường, thì sự vô-minh được dẹp bỏ và trí-biết đích thực khởi sinh.21 Khi một người biết và thấy những hình-sắc là vô-thường … Khi một người biết và thấy mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính— là vô thường, thì sự vô-minh được dẹp bỏ và trí-biết đích thực khởi sinh. Này các Tỳ kheo, khi một người biết và thấy như vậy, thì sự vô-minh được dẹp bỏ và trí-biết đích thực khởi sinh.” (SN 35:53)

54 (2) Dẹp Bỏ Những Gông-Cùm … “Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để những gông-cùm được dẹp bỏ?”22

28 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

[Tiếp tục, Đức Phật trả lời tương tự đoạn cuối kinh kế trên.]

(SN 35:54)

55 (3) Bứng Bỏ Những Gông-Cùm … “Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để những gông-cùm được bứng bỏ?” “Này Tỳ kheo, khi một người biết và thấy mắt là vô-ngã, thì các gông- cùm được bứng bỏ. Khi một người biết và thấy những hình-sắc là vô-ngã … [tiếp tục như kinh 35:53 kế trên, chỉ thay chữ “vô thường” bằng “vô ngã”] … Này các Tỳ kheo, khi một người biết và thấy như vậy, thì các gông- cùm được bứng bỏ.” (SN 35:55)

56 (4)  59 (7) Dẹp Bỏ Những Ô-Nhiễm … … “Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để những ô-nhiễm được dẹp bỏ? … để những ô-nhiễm được bứng bỏ? … để những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) được dẹp bỏ? … để có những khuynh-hướng tiềm ẩn được bứng bỏ?”23 “Này Tỳ kheo, khi một người biết và thấy mắt là vô-ngã, thì những khuynh-hướng tiềm ẩn được bứng bỏ. Khi một người biết và thấy những hình-sắc là vô-ngã … [tiếp tục như kinh 53 kế trên, chỉ thay chữ “vô thường” bằng “vô ngã”] … Này Tỳ kheo, khi một người biết và thấy như vậy, thì những khuynh-hướng tiềm ẩn được bứng bỏ.” (SN 35:5659)

60 (8) Hoàn-Toàn Hiểu Tất Cả Sự Dính-Chấp

Chương 35  Liên Kết SÁU CƠ-SỞ CẢM-NHẬN • 29

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy Giáo Pháp để (dẫn tới sự) hoàn-toàn hiểu tất cả sự dính-chấp.24 Hãy lắng nghe điều đó … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp để hoàn-toàn hiểu tất cả sự dính-chấp? Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc, nên thức-mắt khởi sinh. Sự gặp gỡ của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều- kiện (duyên), nên có [sinh ra] cảm-giác (thọ). Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt, đối với những hình-sắc, đối với thức-mắt, đối với sự tiếp-xúc mắt, đối với cảm-giác. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] được giải-thoát. Với sự giải-thoát của nó, người đó hiểu rằng: ‘Sự dính-chấp đã được hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) bởi ta.’25 “Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh … Tùy thuộc vào tâm và những hiện-tượng thuộc tâm, nên thức-tai … thức-tâm khởi sinh. Sự gặp gỡ của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện (duy- ên), nên có [sinh ra] cảm-giác (thọ). Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với tai … tâm, đối với những âm-thanh … những hiện-tượng thuộc tâm, đối với thức-tai … thức-tâm, đối với sự tiếp-xúc tai … sự tiếp-xúc tâm, đối với cảm-giác. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] được giải-thoát. Với sự giải-thoát của nó, người đó hiểu rằng: ‘Sự dính-chấp đã được hoàn-toàn hiểu bởi ta.’ “Này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp cho sự

hoàn-toàn hiểu tất cả sự dính-chấp.” (SN 35:60)

61 (9) Sự Tiêu Sạch Tất Cả Sự Dính-Chấp (1) “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy Giáo Pháp để (dẫn tới sự) tiêu sạch (hết, tận, cạn hết) tất cả sự dính-chấp. Hãy lắng nghe điều đó …

30 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp để làm tiêu sạch tất cả sự dính-chấp? Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc, nên thức-mắt khởi sinh … [tiếp tục như đoạn đầu kinh 60 kế trên, cho tới:] … Với sự giải-thoát của nó, người đó hiểu rằng: ‘Sự dính-chấp đã được làm tiêu sạch bởi ta.’ “Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh … Tùy thuộc vào tâm và những hiện-tượng thuộc tâm, nên thức-tâm khởi sinh … [tiếp tục như đoạn sau kinh 60 kế trên, cho tới:] … Với sự giải-thoát của nó, người đó hiểu rằng: ‘Sự dính-chấp đã được làm tiêu sạch bởi ta.’ “Này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp cho sự tiêu sạch tất cả sự dính- chấp.” (SN 35:61)

62 (10) Sự Tiêu Sạch Tất Cả Sự Dính-Chấp (2) “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy Giáo Pháp để (dẫn tới sự) tiêu sạch tất cả sự dính-chấp. Hãy lắng nghe điều đó … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp để làm tiêu sạch tất cả sự dính-chấp? Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, mắt là thường hằng hay vô thường?” … [tiếp tục đoạn vấn đáp mẫu như kinh 35:32 ở trên] … “Này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp cho sự tiêu sạch tất cả sự dính- chấp.” (SN 35:61)

Chương 35  Liên Kết SÁU CƠ-SỞ CẢM-NHẬN • 31

NHÓM 2. NHÓM ‘MIGAJĀLA’ (Migajāla-vagga)

63 (1) Migajāla (1) Ở Sāvatthī. Lúc đó có Ngài Migajāla đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:26 “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘người ở một-mình, người ở một- mình’.27 Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người là người ở một-mình (trú, sống độc cư), và theo cách nào một người là người ở với người- khác?”28 (1) “Này Migajāla, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc (vui thích) trong chúng, chào đón chúng, ôm dính theo chúng, thì khoái-lạc khởi sinh. Khi có khoái-lạc, thì có sự say-mê. Khi có sự say-mê, thì có sự trói-buộc. Do bị trói buộc bởi gông-cùm (là) khoái-lạc, này Migajāla, nên một Tỳ kheo được gọi là một người đang ở với người-khác. “Này Migajāla, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai … những mùi-hương được nhận biết bởi mũi … những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân … những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng … nên một Tỳ kheo được gọi là một người đang ở với người-khác. “Này Migajāla, một Tỳ kheo ở như vậy thì cho dù người đó có sống tận trong rừng trong núi hay vườn rẫy, tận những chỗ ở xa xôi có ít âm thanh và tiếng ồn, hoang vu, xa lánh con người, thích hợp cho sự sống độc

cư, thì người đó vẫn được gọi là người sống với người thứ hai. Vì lý do gì? Vì có dục-vọng là bạn cặp-kê của người đó, và người đó chưa dẹp bỏ được nó; do vậy người đó vẫn được gọi là người ở với người-khác. (2) “Này Migajāla, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo không tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, không chào đón chúng, không ôm dính theo chúng, thì khoái-lạc chấm dứt. Khi không có khoái-lạc, thì không có sự say-mê. Khi không có sự say-mê, thì đâu có sự trói-buộc. Do được thoát khỏi gông-cùm (là) khoái- lạc, này Migajāla, nên một Tỳ kheo được gọi là một người đang ở một- mình. “Này Migajāla, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai … những mùi-hương được nhận biết bởi mũi … những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân … những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo không tìm kiếm khoái-lạc trong chúng … nên một Tỳ kheo được gọi là một người đang ở một-mình. “Này Migajāla, một Tỳ kheo ở như vậy thì cho dù người đó có sống gần xóm làng, có giao lưu với các Tỳ kheo và Tỳ kheo ni khác, với những đệ tử tại gia nam và nữ, với vua chúa và các quan thần, với những sư thầy các giáo phái khác và đệ tử của họ, thì người đó vẫn được gọi là một người ở một-mình. Vì lý do gì? Vì dục-vọng là bạn cặp-kê của người đó, nhưng người đó đã dẹp bỏ nó; do vậy người đó mới được gọi là một người ở một-mình.” (SN 35:63)

64 (2) Migajāla (2) Lúc đó có Ngài Migajāla đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:



“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được từ Thế Tôn, con sẽ sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.” (1) “Này Migajāla, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, chào đón chúng, ôm dính theo chúng, thì khoái-lạc khởi sinh. Này Migajāla, khi có sự khởi sinh khoái-lạc, thì có sự khởi sinh khổ đau, ta nói vậy. “Này Migajāla, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai … những mùi-hương được nhận biết bởi mũi … những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân … những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng … thì khoái-lạc khởi sinh. Này Migajāla, khi có sự khởi sinh khoái-lạc, thì có sự khởi sinh khổ đau, ta nói vậy. (2) “Này Migajāla, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo không tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, không chào đón chúng, không ôm dính theo chúng, thì khoái-lạc chấm dứt. Này Migajāla, khi có sự chấm dứt khoái-lạc, thì có sự chấm dứt khổ đau, ta nói vậy. “Này Migajāla, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai … những mùi-hương được nhận

biết bởi mũi … những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân … những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo không tìm kiếm khoái-lạc trong chúng … thì khoái-lạc chấm dứt. Này Migajāla, khi có sự chấm dứt khoái-lạc, thì có sự chấm dứt khổ đau, ta nói vậy.



Rồi thầy Migajāla, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và, sau khi kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và đi ra. Rồi, sau khi sống (tu) một mình, thu mình, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, thầy Migajāla, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy đã trực-tiếp biết: “Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.” Và thầy Migajāla đã trở thành một trong những vị A-la-hán. (SN 35:64)

65 (3) Samiddhi (1) Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó có Ngài Samiddhi đến gặp đức Thế Tôn … và thưa:29 “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘Ma Vương, Ma Vương’, thưa Thế Tôn, theo cách nào là có Ma Vương hay sự mô tả là Ma Vương?”30 (1) “Này Samiddhi, ở đâu có mắt, ở đâu có những hình-sắc, thức-mắt, những thứ được nhận biết bởi thức-mắt, thì ở đó có Ma Vương hay sự mô tả là Ma Vương. “Ở đâu có tai … có tâm, ở đâu có những hiện-tượng thuộc tâm, thức- tâm, những thứ được nhận biết bởi thức-tâm, thì ở đó có Ma Vương hay sự mô tả là Ma Vương. (2) “Này Samiddhi, ở đâu không có mắt, ở đâu không có những hình- sắc, không có thức-mắt, không có những thứ được nhận biết bởi thức-mắt, thì ở đó không có Ma Vương hay sự mô tả nào là Ma Vương.



“Ở đâu không có tai … có tâm, ở đâu không có những hiện-tượng thuộc tâm, không có thức-tâm, không có những thứ được nhận biết bởi thức-tâm, thì ở đó không có Ma Vương hay sự mô tả nào là Ma Vương.” (SN 35:65)

66 (4) Samiddhi (2) “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘một chúng sinh, một chúng sinh’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có một chúng sinh hay sự mô tả là chúng sinh?” [Phật trả lời như kinh kế trên, chỉ thay chữ những ‘Ma Vương’ thành chữ ‘chúng sinh’.]

(SN 35:66)

67 (5) Samiddhi (3) “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘khổ, khổ’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có khổ hay sự mô tả là khổ?” [Phật trả lời như kinh kế trên, chỉ thay chữ những ‘chúng sinh’ thành chữ ‘khổ’.]

(SN 35:67)

68 (6) Samiddhi (4) “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘thế giới, thế giới’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có thế giới hay sự mô tả là thế giới?” (1) “Này Samiddhi, ở đâu có mắt, ở đâu có những hình-sắc, thức-mắt, những thứ được nhận biết bởi thức-mắt, thì ở đó có thế giới hay sự mô tả là thế giới.



“Ở đâu có tai … có tâm, ở đâu có những hiện-tượng thuộc tâm, thức- tâm, những thứ được nhận biết bởi thức-tâm, thì ở đó có thế giới hay sự mô tả là thế giới. (2) “Này Samiddhi, ở đâu không có mắt, ở đâu không có những hình- sắc, không có thức-mắt, không có những thứ được nhận biết bởi thức-mắt, thì ở đó không có thế giới hay sự mô tả nào là thế giới. “Ở đâu không có tai … có tâm, ở đâu không có những hiện-tượng thuộc tâm, không có thức-tâm, không có những thứ được nhận biết bởi thức-tâm, thì ở đó không có thế giới hay sự mô tả nào là thế giới.” (SN 35:68)

69 (7) Upasena Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Upasena đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu Rừng Mát, chỗ Hang Động Đầu Rắn.31 Bấy giờ, vào lúc đó có một con rắn độc rơi xuống trên người của thầy Upasena. Rồi thầy Upasena đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các đạo hữu, hãy đến khiêng cái thân này của tôi lên giường và khiêng nó ra ngoài trước khi nó bị phân rã ngay tại đây như một nắm rạ.”32 Sau khi điều này được nói ra, thầy Xá-lợi-phất đã nói với thầy Upasena: “Chúng tôi đâu thấy sự biến đổi nào trong thân thể của Ngài Upasena hay sự thay đổi nào trong các căn của Ngài; nhưng Ngài Upasena vẫn nói: ‘Này các đạo hữu, hãy đến khiêng cái thân này của tôi lên giường và khiêng nó ra ngoài trước khi nó bị phân rã ngay tại đây như một nắm rạ.’” “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, đối với ai còn nghĩ như vầy: ‘Ta là mắt’ hay ‘Mắt là của-ta’; ‘Ta là tai’ hay ‘Tai là của-ta’ … ‘Ta là tâm’ hay ‘Tâm là của-ta’, thì mới có sự biến đổi của thân hay sự thay đổi của các căn. Nhưng, này đạo hữu Xá-lợi-phất, đối với tôi không còn có điều này: ‘Ta là



mắt’ hay ‘Mắt là của-ta’; ‘Ta là tai’ hay ‘Tai là của-ta’ … ‘Ta là tâm’ hay ‘Tâm là của-ta’, vậy tại sao phải có sự biến đổi gì trong thân hay sự thay đổi nào trong các căn của tôi?”33 “Chắc hẳn là do cái sự tạo-nên cái ‘ta’ (ngã kiến), sự tạo-nên cái ‘của- ta’ (ngã chấp), và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo nên sự tự-ta (tùy-miên ngã mạn) đã bị bứng sạch bên trong Ngài Upasena đã từ lâu cho nên đối với thầy ấy không còn xảy ra điều này: ‘Ta là mắt’ hay ‘Mắt là của-ta’; ‘Ta là tai’ hay ‘Tai là của-ta’ … ‘Ta là tâm’ hay ‘Tâm là của-ta’.” Rồi các Tỳ kheo đã khiêng thân người của thầy Upasena lên giường và khiêng ra ngoài. Rồi thân của thầy Upasena đã phân rã ở đó như một nắm rạ. (SN 35:69)

70 (8) Upavāṇa Lúc đó có Ngài Upavāṇa đến gặp đức Thế Tôn … và thưa: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được, Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được chứng nghiệm bởi người hiền trí?” 34 (1) “Ở đây, này Upavāṇa, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo trải nghiệm cả hình-sắc đó và tham-dục đối với

hình-sắc đó. Người đó hiểu tham-dục đối với những hình-sắc có (có mặt) ở bên trong (tâm) như vầy: ‘Trong ta có tham-dục đối với những hình-sắc ở bên- trong’. Vì có điều đó như vậy, này Upavāṇa, nên (mới nói) Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được chứng nghiệm bởi người hiền trí. “Thêm nữa, này Upavāṇa, khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm, một Tỳ kheo trải nghiệm cả hiện-



tượng thuộc tâm đó và tham-dục đối với hiện-tượng thuộc tâm đó. Người đó hiểu tham-dục đối với những hiện-tượng thuộc tâm có ở bên-trong như vầy: ‘Trong ta có tham-dục đối với những hiện-tượng thuộc tâm ở bên- trong’. Vì có điều đó như vậy, này Upavāṇa, nên (mới nói) Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được chứng nghiệm bởi người hiền trí. (phần (1) này nói về những học-nhân) (2) “Nhưng ở đây, này Upavāṇa, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo trải nghiệm hình-sắc đó nhưng không trải nghiệm tham- dục đối với hình-sắc đó. Người đó hiểu tham-dục đối với những hình-sắc không có (không có mặt) ở bên trong (tâm) như vầy: ‘Trong ta không có tham-dục đối với những hình-sắc ở bên-trong’. Vì có điều đó như vậy, này Upavāṇa, nên (mới nói) Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được trải nghiệm bởi người hiền trí. “Thêm nữa, này Upavāṇa, khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm, một Tỳ kheo trải nghiệm hiện- tượng thuộc tâm đó nhưng không trải nghiệm tham-dục đối với hiện-tượng thuộc tâm đó. Người đó hiểu tham-dục đối với những hiện-tượng thuộc tâm không có ở bên trong như vầy: ‘Trong ta không có tham-dục đối với những hiện-tượng thuộc tâm ở bên-trong’. Vì có điều đó như vậy, này Upavāṇa, nên (mới nói) Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được trải nghiệm bởi người hiền trí.”35 (phần (2) này nói về những A-la-hán) (SN 35:70)

71 (9) Sáu Cơ Sở để Tiếp Xúc (1) “Này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo không hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sáu cơ-sở (để) tiếp-xúc (tức sáu giác quan, sáu nội xứ), đúng



như chúng thực là, thì người đó chưa sống đời sống tâm linh; người đó còn ở xa đối với Giáo Pháp và Giới Luật này.” Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, ở đây con bị lạc lối,36 vì con không hiểu được nguồn- gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sáu cơ-sở tiếp-xúc, đúng như chúng thực là.” - “Này Tỳ kheo, thầy nghĩ sao, thầy có coi mắt như vầy: ‘Đây là ‘của- ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’’, hay không? “Dạ không, thưa Thế Tôn.” - “Tốt, này Tỳ kheo! Và ở đây, này Tỳ kheo, thầy nên rõ ràng nhìn thấy mắt đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’’. Bản thân điều

này (đã) là sự chấm-dứt khổ. - "Thầy có coi tai là như vầy ...? Thầy có coi tâm là như vầy: 'Đây là 'của-ta', đây là cái 'ta', đây là 'bản ngã của ta'', hay không?" "Dạ không, thưa Thế Tôn" - "Tốt, này Tỳ kheo! Và ở đây, này Tỳ kheo, thầy nên rõ ràng nhìn thấy tai ... tâm đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: 'Đây không phải 'của-ta', đây không phải là cái 'ta', đây không phải là 'bản ngã của ta''. Bản thân điều này (đã) là sự chấm-dứt khổ." (SN 35:71)

72 (10) Sáu Cơ Sở để Tiếp Xúc (2) [Hai đoạn đầu giống như kinh kế trên:]

- "Này Tỳ kheo, thầy nghĩ sao, thầy có coi mắt như vầy: 'Đây không phải 'của-ta', đây không phải là cái 'ta', đây không phải là 'bản ngã của ta', hay không?

40 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

"Dạ có, thưa Thế Tôn" - "Tốt, này Tỳ kheo! Và ở đây, này Tỳ kheo, thầy nên rõ ràng nhìn thấy mắt đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: 'Đây không phải 'của-ta', đây không phải là cái 'ta', đây không phải là 'bản ngã của ta''. Như vậy cơ-sở tiếp-xúc thứ nhất sẽ được dẹp-bỏ bởi thầy để không còn tái hiện-hữu trong tương lai.37 (tức niết-bàn, không còn tái hữu tái sinh) - "Thầy có coi tai ... coi tâm là như vầy: 'Đây không phải 'của-ta', đây không phải là cái 'ta', đây không phải là 'bản ngã của ta', hay không? "Dạ có, thưa Thế Tôn" - "Tốt, này Tỳ kheo! Và ở đây, này Tỳ kheo, thầy nên nhìn thấy rõ ràng tâm đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: 'Đây không phải 'của-ta', đây không phải là cái 'ta', đây không phải là 'bản ngã của ta''. Như vậy cơ-sở tiếp-xúc thứ hai ... thứ sáu sẽ được dẹp-bỏ bởi thầy để không còn tái hiện-hữu trong tương lai." (SN 35:72)

73 (11) Sáu Cơ Sở để Tiếp Xúc (3) [Hai đoạn đầu cũng giống như kinh 71 ở trên:]

"Này Tỳ kheo, thầy nghĩ sao, mắt là thường hằng hay vô thường?" – "Vô thường, thưa Thế Tôn" – "Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?" – "Khổ, thưa Thế Tôn" – "Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vầy: 'Đây là 'của-ta', đây là cái 'ta', đây là 'bản ngã của ta'', hay không? – "Dạ không, thưa Thế Tôn." "Tai ... Tâm là thường hằng hay vô thường? – "Vô thường, thưa Thế Tôn" – "Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?" – "Khổ, thưa Thế Tôn" – "Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vầy: 'Đây là 'của-ta', đây là cái 'ta', đây là 'bản ngã của ta'', hay không? – "Dạ không, thưa Thế Tôn."

Chương 35  Liên Kết SÁU CƠ-SỞ CẢM-NHẬN • 41

"Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt ... sự ghê-sợ đối với tâm. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát, có sự-biết: 'Nó được giải thoát'. Người đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa'." (SN 35:73)

42 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

NHÓM 3. NHÓM ‘BỆNH’ (Gilāna-vagga)

74 (1) Bệnh (1) Ở Sāvatthī. Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, ở chỗ trú ở đó và đó (địa danh nào đó) có một Tỳ kheo mới được thụ giới, ít được biết đến, người đó bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết. Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn đến gặp Tỳ kheo đó vì lòng bi-mẫn.” Rồi, sau khi đức Thế Tôn nghe được mấy chữ “mới được thụ giới” và “bệnh”, và biết được đó là một Tỳ kheo ít ai biết đến, đức Thế Tôn đã đến gặp thầy ấy. Vị Tỳ kheo nhìn thấy đức Thế Tôn đi tới từ xa và cử động thân mình trên giường bệnh.38 Đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy: “Đủ rồi, này Tỳ kheo, thầy đừng cử động trên giường nữa. Có sẵn mấy chỗ ngồi ở đây, ta sẽ ngồi xuống đây.” Rồi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn, và nói với vị Tỳ kheo: - “Ta hy vọng thầy đang chịu đựng tốt, này Tỳ kheo, ta hy vọng thầy đang đỡ hơn (tốt hơn, khỏe lại). Ta hy vọng những cảm-giác đau đớn của thầy đang lắng lặn và không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, không phải sự gia tăng, đang được thấy rõ.” “Thưa Thế Tôn, con đang không chịu đựng nổi, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đô đang gia tăng trong con, không phải đang lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, càng lúc càng thấy rõ.”



- “Này Tỳ kheo, ta hy vọng thầy không bị bận tâm bởi sự ân hận và hối tiếc nào.” “Thưa Thế Tôn, thực đúng là, con có khá nhiều sự ân hận và hối tiếc.” - “Này Tỳ kheo, ta hy vọng thầy không có gì để tự trách mình về mặt giới-hạnh.” “Thưa Thế Tôn, con không có gì để tự trách bản thân về mặt giới- hạnh.”  “Này Vakkali, nếu thầy không có gì để tự trách bản thân về mặt giới-hạnh, vậy thì tại sao thầy lại bị bận tâm với sự ân hận và hối tiếc?” “Thưa Thế Tôn, con hiểu được rằng, không phải (chỉ) vì (mục đích là) sự thanh-lọc giới-hạnh mà Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn chỉ dạy.” - “Này Tỳ kheo, nếu thầy hiểu được Giáo Pháp đã không được chỉ dạy bởi ta (chỉ) vì sự thanh-lọc giới-hạnh (là mục tiêu rốt ráo), vậy thầy hiểu được vì mục đích gì mà Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi ta?” “Thưa Thế Tôn, con hiểu được Giáo Pháp được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn là vì sự phai biến của tham-dục.”39 - “Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Lành thay, thầy hiểu được Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi ta là vì (để đạt tới) sự phai biến của tham-dục. - “Này Tỳ kheo, thầy nghĩ sao, mắt là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” … “Tai … Tâm là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vầy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’’, hay không? – “Dạ không, thưa Thế Tôn.” - “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa’.”



“Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Vị Tỳ kheo đó hài lòng và vui mừng với lời tuyên tuyết của đức Thế Tôn. Và trong khi lời thuyết giảng đang được nói ra, trong vị Tỳ kheo đó đã

khởi sinh một tầm-nhìn 'không dính- bụi, và vô-nhiễm' của Giáo Pháp như vầy: "Thứ gì có khởi sinh đều phải bị chấm dứt." (có sinh là có diệt)40 (SN 35:74)

75 (2) Bệnh (2) [Giống hệt lời kinh 74 kế trên, cho đến:]

- "Này Tỳ kheo, nếu thầy hiểu được Giáo Pháp đã không được chỉ dạy bởi ta (chỉ) vì sự thanh-lọc giới-hạnh (là mục tiêu rốt ráo), vậy thầy hiểu được vì mục đích gì mà Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi ta?" "Thưa Thế Tôn, con hiểu được Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn là vì (để đạt tới) Niết-bàn cuối cùng không còn sự dính-chấp." - "Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Lành thay, thầy hiểu được Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi ta là vì Niết-bàn cuối cùng không còn dính-chấp."41 - "Này Tỳ kheo, thầy nghĩ sao, mắt là thường hằng hay vô thường?" – "Vô thường, thưa Thế Tôn" … "Tai … Mũi … Lưỡi … Thân … Tâm … … Thức-tâm … … Sự tiếp-xúc tâm … … Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt … tâm là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—là thường hằng hay vô thường?" – "Vô thường, thưa Thế Tôn" – "Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?" – "Khổ, thưa Thế Tôn" – "Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vầy: 'Đây là 'của-ta', đây là cái 'ta', đây là 'bản ngã của ta'', hay không? – "Không, thưa Thế Tôn." - "Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: "Sinh đã tận … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa'."



78 (5) Rādha (2) … "Này Rādha, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với mọi thứ là vô ngã … [Tiếp tục như kinh kế trên, chỉ thay 'khổ' thành 'vô ngã'.] (SN 35:78)

79 (6) Dẹp Bỏ Vô-Minh (1) Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn … và thưa: "Thưa Thế Tôn, có một thứ gì mà thông qua sự dẹp bỏ nó thì sự vô- minh được dẹp bỏ bởi một Tỳ kheo và trí-biết đích thực (minh, chân trí) khởi sinh?" "Này Tỳ kheo, có một thứ mà thông qua sự dẹp bỏ nó thì sự vô-minh được dẹp bỏ bởi một Tỳ kheo và trí-biết đích thực khởi sinh." "Và thưa Thế Tôn, cái gì là một thứ đó?" "Này Tỳ kheo, sự vô-minh chính là một thứ mà thông qua sự dẹp bỏ nó thì sự vô-minh được dẹp bỏ bởi một Tỳ kheo và trí-biết đích thực khởi sinh."42 "Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào một Tỳ kheo biết, theo cách nào người đó thấy, để sự vô-minh được dẹp bỏ bởi người đó và trí-biết đích thực khởi sinh?" "Này Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo biết và thấy mắt là vô thường, thì sự vô-minh được dẹp bỏ bởi người đó và trí-biết đích thực khởi sinh. Khi người đó biết và thấy những hình-sắc là vô thường … Khi người đó biết và thấy thức-mắt là vô thường … sự tiếp-xúc mắt là vô thường … mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là vô thường, thì sự vô-minh được dẹp bỏ bởi người đó và trí-biết đích thực khởi sinh.



"Này Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo biết và thấy như vậy, thì sự vô-minh được dẹp bỏ bởi người đó và trí-biết đích thực khởi sinh." (SN 35:79)

80 (7) Dẹp Bỏ Vô-Minh (2) [Giống hệt lời kinh 79 kế trên, cho đến:]

“Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào một Tỳ kheo biết, theo cách nào người đó thấy, để sự vô-minh được dẹp bỏ bởi người đó và trí-biết đích thực khởi sinh?” “Ở đây, này Tỳ kheo, một Tỳ kheo đã nghe được điều: ‘Không có thứ gì đáng để cố chấp vào nó’. Sau khi một Tỳ kheo đã nghe được ‘Không có thứ gì đáng để cố chấp vào nó’, thì người đó trực-tiếp biết mọi thứ. Sau khi đã trực-tiếp biết mọi thứ, người đó hoàn-toàn hiểu mọi thứ. Sau khi đã hoàn-toàn hiểu mọi thứ, người đó nhìn thấy tất cả mọi dấu-hiệu (hình tướng) một cách khác đi.43 Người đó nhìn thấy mắt một cách khác đi, người đó nhìn thấy những hình-sắc … thức-mắt … sự tiếp-xúc mắt một cách khác đi, người đó cũng nhìn thấy mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính— một cách khác đi. “Này Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo biết và thấy như vậy, thì sự vô-minh được dẹp bỏ bởi người đó và trí-biết đích thực khởi sinh.” (SN 35:80)

81 (8) Một Số Tỳ Kheo Lúc đó có một số Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn … và thưa: “Ở đây, thưa Thế Tôn, có những du sĩ giáo phái khác hỏi chúng con: ‘Này các bạn, vì mục đích gì đi sống đời sống tâm linh (đi tu) dưới (theo) sa-môn Cồ-đàm?’ Thưa Thế Tôn, khi được hỏi như vậy chúng con trả lời



các du sĩ đó như vầy: ‘Này các bạn, mục đích sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu sự khổ.’ (*) Thưa Thế Tôn, chúng con hy vọng rằng, khi trả lời như vậy là chúng con nói đúng điều đã được nói bởi Thế Tôn, và không diễn dịch sai lời đức Thế Tôn bằng điều gì trái với điều (đức Thế Tôn đã nói) đó; là chúng con giải giải đúng theo Giáo Pháp, để cho lời nói của chúng con không tạo cơ sở có lý nào để bị (họ) phê bình.”44 “Chắc chắn là vậy, này các Tỳ kheo, các thầy đã nói điều đã được nói bởi ta và không diễn dịch sai lời ta bằng điều gì trái với điều (ta đã nói); rằng các thầy giải thích đúng theo Giáo Pháp, và lời nói của các thầy không tạo cơ sở có lý nào để bị (họ) phê bình. Bởi vì, này các Tỳ kheo, mục đích của sự sống đời sống tâm linh (phạm hạnh) theo/dưới ta là để hoàn-toàn hiểu sự khổ. “Nhưng này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ khác đạo đó hỏi các thầy: ‘Này các bạn, cái gì là sự khổ đó, mà để hoàn-toàn hiểu nó phải đi sống đời sống tâm linh dưới sa-môn Cồ-đàm?’— khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ như vầy: ‘Này các bạn, mắt là khổ: mục đích của sự sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu điều này. Những hình-sắc là khổ … Thức-mắt là khổ … Sự tiếp-xúc mắt là khổ … Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là khổ … “Tai là khổ … Tâm là khổ … Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp- xúc tai … tâm là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính— cũng đều là khổ: mục đích của sự sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu điều này. Này các bạn, mục đích của việc sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu sự khổ.” “Này các Tỳ kheo, khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời theo cách như vậy.” (SN 35:81)

82 (9) Thế Giới Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn … và thưa: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘thế giới, thế giới’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào nó được nói là ‘thế giới’?” “Này Tỳ kheo, nó đang tan rã (phân rã, tan hoại), do vậy nó được gọi là thế giới.45 Và cái gì đang tan rã? Này Tỳ kheo, mắt đang tan rã, những hình-sắc đang tan rã, thức-mắt đang tan rã, sự tiếp-xúc mắt đang tan rã, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đang tan rã. “Tai đang tan rã … Tâm đang tan rã … Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tai … tâm là điều-kiện (duyên)—cũng đang tan rã. Này Tỳ kheo, nó đang tan rã, do vậy nó được gọi là thế giới.” (SN 35:82)

83 (10) Phagguna Lúc đó có Ngài Phagguna đến gặp đức Thế Tôn … và thưa: “Thưa Thế Tôn, có mắt nào để làm phương tiện nhờ đó một người mô tả những vị Phật trong quá khứ—là những người đã chứng ngộ Niết-bàn, đã cắt đứt sự bội-tăng (chỉ sự tăng mạnh của dục-vọng), đã cắt đứt đường- lún (đường mòn, vết xe đổ của dục-vọng), đã tiệt dứt vòng luân-hồi, và đã vượt qua tất cả sự khổ46— hay không? Có tai nào … Có tâm nào để làm phương tiện nhờ đó một người mô tả những vị Phật trong quá khứ—là những người đã chứng ngộ Niết-bàn, đã cắt đứt sự bội-tăng, đã cắt đứt đường-lún, đã tiệt dứt vòng luân-hồi, và đã vượt qua tất cả sự khổ— hay không? “Này Phagguna, không có mắt nào để làm phương tiện nhờ đó một người mô tả những vị Phật trong quá khứ—là những người đã chứng ngộ Niết-bàn, đã cắt đứt sự bội-tăng, đã cắt đứt đường-lún, đã tiệt dứt vòng



luân-hồi, và đã vượt qua tất cả sự khổ. Không có tai … Không có tâm nào để làm phương tiện nhờ đó một người mô tả những vị Phật trong quá khứ—là những người đã chứng ngộ Niết-bàn, đã cắt đứt sự bội-tăng, đã cắt đứt đường-lún, đã tiệt dứt vòng luân-hồi, và đã vượt qua tất cả sự khổ.” (SN 35:83)



NHÓM 4. NHÓM ‘CHANNA’ (Channa-vagga)

84 (1) Phải Bị Tan Rã Ở Sāvatthī. Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn … và thưa: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘thế giới, thế giới’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào nó được nói là ‘thế giới’?” “Này Ānanda, thứ gì phải bị (có bản chất) tan rã thì được gọi là thế giới theo Giới Luật của Thánh Nhân.47 Và thứ gì là phải bị tan rã? Này Ānanda, mắt là phải bị tan rã, những hình-sắc … thức-mắt … sự tiếp-xúc mắt … mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duy- ên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng phải bị tan rã. “Tai là phải bị tan rã … Tâm là phải bị tan rã … Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng phải bị tan rã. Này Ānanda, thứ gì phải bị tan rã thì được gọi là thế giới theo Giới Luật của Thánh Nhân.” (SN 35:84)

85 (2) Thế Giới Là Trống Không Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn … và thưa: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘thế giới là trống không, thế giới là trống không’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào mà nói ‘thế giới là trống không’?” “Này Ānanda, đó là bởi vì nó

không có ngã (tự tính, bản ngã, tự ngã, ‘chủ thể’, cái ‘ta’) và không có thứ gì thuộc về ngã, cho nên mới nói ‘Thế



giới là trống không’. Và cái gì không có ngã và không có thứ gì thuộc về ngã? Này Ānanda, mắt … tâm là không có ngã và không có thứ gì thuộc về ngã. Những hình-sắc … những hiện-tượng thuộc tâm là không có ngã và không có thứ gì thuộc về ngã. Thức-mắt … thức tâm là không có ngã và không có thứ gì thuộc về ngã. Sự tiếp-xúc mắt … sự tiếp xúc tâm là không có ngã và không có thứ gì thuộc về ngã … Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt … do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng là không có ngã và không có thứ gì thuộc về ngã. “Này Ānanda, đó là bởi vì nó không có tự ngã và không có thứ gì thuộc về ngã, cho nên mới nói ‘Thế giới là trống không.’” (SN 35:85)

86 (3) Giáo Pháp Một Cách Ngắn Gọn Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Ānanda thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn, chỉ dạy Giáo Pháp cho con một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.” “Này Ānanda, thầy nghĩ sao, mắt là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường thưa Thế Tôn.” [Tiếp tục như kinh 35:32 ở trên, cho đến “ … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.”]

(SN 35:86)

87 (4) Ngài Channa Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy



Sóc.48 Bấy giờ, lúc đó có Ngài Xá-lợi-phất, Ngài Đại Cunda, và Ngài Channa đang ở trên Đỉnh Núi Kền Kền, và thầy Channa đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết. Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất ra khỏi chỗ ẩn trú, đến gặp thầy Đại Cunda, và nói với thầy ấy: “Này, đạo hữu Cunda, chúng ta hãy đến gặp thầy Channa để hỏi thăm bệnh tình của thầy ấy.” “Được, đạo hữu”, thầy Đại Cunda đáp lại. Rồi thầy Xá-lợi-phất và thầy Đại Cunda đã đến gặp thầy Channa, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện với thầy ấy, họ ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn. Thầy Xá-lợi-phất mới nói với thầy Channa: “Này đạo hữu Channa, tôi hy vọng thầy đang chịu đựng tốt, tôi hy vọng thầy đang đỡ hơn (tốt hơn, khỏe lại). Tôi hy vọng những cảm-giác đau đớn của thầy đang lắng lặn và không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, không phải sự gia tăng, đang được thấy rõ.” “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, tôi đang49 không chịu đựng nỗi, tôi đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đô đang gia tăng trong tôi, không phải đang lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, càng lúc càng thấy rõ. “Giống như có một lực sĩ đang đâm chẻ đầu tôi ra bằng mũi kiếm sắc bén; cũng giống như vậy, có những luồng gió dữ dội cắt xuyên đầu tôi. Tôi không đỡ hơn … Giống như có một lực sĩ xiết chặt đầu tôi bằng sợi dây da; cũng giống như vậy, có những cơn đau dữ dội trong đầu tôi. Tôi đang không đỡ hơn … Giống như có một người bán thịt [hay

người phụ việc của ông ta] cắt rọc bụng con bò bằng cái dao hàng thịt sắc bén; cũng giống như vậy, có những luồng gió dữ dội cắt rọc trong bụng tôi. Tôi đang không đỡ hơn … Giống như có hai lực sĩ nắm giữ chặt tay một người yếu ớt và nướng anh ta trên một hố than cháy đỏ; cũng giống như vậy, có một sự thiêu đốt dữ dội trong thân tôi. Tôi đang không chịu đựng tốt, tôi đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đang gia tăng trong tôi, chứ không lắng lặn, và sự gia



tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, đang được thấy rõ. Này đạo hữu Xá-lợi-phất, tôi sẽ dùng dao50 (để kết liễu thân bệnh đau đớn), tôi không muốn sống nữa.” “Mong thầy Channa đừng dùng dao. Mong thầy Channa sống tiếp. Chúng tôi muốn thầy Channa sống tiếp. Nếu thầy thiếu thức ăn, chúng tôi sẽ tìm thức ăn thích hợp cho thầy. Nếu thầy thiếu thuốc thang, chúng tôi sẽ tìm thuốc thang cho thầy. Nếu thầy thiếu người chăm sóc (hầu cận) thích hợp, chúng tôi sẽ tìm người chăm sóc thích hợp cho thầy. Mong thầy Channa đừng dùng dao. Mong thầy Channa sống tiếp. Chúng tôi muốn thầy Channa sống tiếp.” “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, không phải tôi không có thức ăn và thuốc thang thích hợp hay không có người chăm sóc thích hợp. Nhưng mà, này đạo hữu Xá-lợi-phất, Vị Thầy (tức Phật) từ lâu đã được tôn kính bởi tôi bằng lòng thương mến, không phải không có sự thương mến; vì điều đó là đúng đắn đối với một đệ tử phải tôn kính Vị Thầy bằng tình thương mến, không phải không có sự thương mến. Này đạo hữu Xá-lợi-phất, hãy nhớ điều này: Tỳ kheo Channa sẽ dùng dao một cách không tội lỗi.”51 “Chúng tôi muốn hỏi thầy Channa một số câu hỏi, thầy Channa cứ trả lời nếu thấy được.” “Này đạo hữu Channa, thầy có coi mắt, thức-mắt, và những thứ nhận biết được [bởi tâm] thông qua thức-mắt như vầy: ‘Đây là ‘của- ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’’, hay không? Thầy có coi tai … mũi … lưỡi … thân … tâm, thức-tâm và những thứ nhận biết được [bởi tâm] thông qua thức-tâm như vầy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’’, hay không?” “Đạo hữu Xá-lợi-phất, tôi coi mắt, thức-mắt, và những thứ nhận biết được [bởi tâm] thông qua thức-mắt như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’’. Tôi coi tai … mũi … lưỡi … thân … tâm, thức-tâm và những thứ nhận



biết được [bởi tâm] thông qua thức-tâm như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’’.” “Này đạo hữu Channa, thầy đã nhìn thấy gì và trực-tiếp biết gì trong mắt, thức-mắt, và những thứ được nhận biết thông qua thức-mắt, để thầy coi chúng như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’’? Thầy đã nhìn thấy gì và trực-tiếp biết gì trong tai, thức-tai, và những thứ được nhận biết thông qua thức-tai … … Thầy đã nhìn thấy gì và trực-tiếp biết gì trong tâm, thức-tâm, và những thứ được nhận biết thông qua thức-tâm, để thầy coi chúng như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’’? - “Đạo hữu Xá-lợi-phất, chính vì tôi đã nhìn-thấy và trực-tiếp biết sự chấm-dứt trong mắt, trong thức-mắt, và trong những thứ được nhận biết thông qua thức-mắt, nên tôi mới coi chúng như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây

không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’’. Chính vì tôi đã nhìn-thấy và trực-tiếp biết sự chấm-dứt trong tai … … trong tâm, trong thức-tâm, và trong những thứ được nhận biết thông qua thức-tâm, nên tôi mới coi chúng như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’’.”52 (a) Sau khi điều này được nói ra, thầy Đại Cunda đã nói với thầy Channa: “Bởi vậy, này đạo hữu Channa, lời chỉ dạy này của đức Thế Tôn nên được chú-tâm thường xuyên: ‘Có sự dao động trong người còn tùy thuộc, không có sự dao dộng trong người không còn tùy thuộc; khi không có sự dao động, thì có sự tĩnh lặng; khi có sự tĩnh lặng, thì không có sự ngã hướng (= dục vọng) này nọ; khi không có sự ngã hướng, thì không có sự đến và sự đi, không có sự qua đời (chết đi) và tái hiện (tái sinh); khi không có sự qua đời và tái hiện, thì không có đây hay ở trên hay ở giữa. Đây là sự chấm-dứt khổ.’”53 Rồi, sau khi thầy Xá-lợi-phất và thầy Đại Cunda đã nói lời khởi xướng này cho thầy Channa, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về. Rồi, không lâu sau khi họ đã đi, thầy Channa đã dùng dao.54 (b)



Sau đó thầy Xá-lợi-phất đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, thầy Channa đã dùng dao. Vậy nơi-đến của thầy ấy là gì, đường tương lai của thầy ấy là gì?” “Này Xá-lợi-phất, bộ Tỳ kheo Channa không tuyên bố về sự không bị tội-lỗi của thầy ấy ngay trước mặt các thầy rồi hay sao?”55 (c) “Thưa Thế Tôn, có một ngôi làng của người Vajji (Bạt-kỳ) tên là làng Pubbavijjhana. Ở đó thầy Channa có những gia đình thân hữu, những gia đình thân thích, những gia đình luôn đón đãi.”56 “Này Xá-lợi-phất, thầy Channa thực sự đã có những gia đình thân hữu, những gia đình thân thích, những gia đình luôn đón đãi; nhưng ta không nói rằng: ở/tới mức độ đó thì một người tu là có tội lỗi. Này Xá-lợi-phất, khi một người đặt xuống thân này và nhận lãnh thân khác, thì ta nói người đó là còn tội lỗi. (Nhưng) điều này đã không xảy ra trong trường hợp Tỳ kheo Channa. Tỳ kheo Channa đã dùng dao một cách không bị tội lỗi. Như vậy đó, này Xá-lợi-phất, thầy nên nhớ điều đó.”57 (SN 35:87)

88 (5) Ngài Phú-Lâu-Na Lúc đó có Ngài Phú-lâu-na [Puṇṇa] đến gặp đức Thế Tôn … và thưa:58 Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn ban cho con lời khuyên-dạy (giáo giới) ngắn gọn. Sau khi nghe được Giáo Pháp từ đức Thế Tôn, con sẽ sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.” “Được, này Phú-lâu-na, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Phú-lâu-na đáp lại, Đức Thế Tôn đã nói điều này:



(1) Này Phú-lâu-na, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo thích thú chúng, đón chào chúng, và nắm giữ chúng, thì khoái-lạc (sự vui thú) sẽ khởi sinh trong người đó. Này Phú-lâu-na, khi khởi sinh khoái-lạc thì có khởi sinh sự khổ, ta nói vậy. “Này Phú-lâu-na, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai .. Những

mùi-hương được nhận biết bởi mũi … Những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … những thứ hữu-hình chạm xúc được nhận biết bởi thân … những đối-tượng của tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo thích thú chúng, đón chào chúng, và nắm giữ chúng, thì khoái-lạc sẽ khởi sinh trong người đó. Này Phú-lâu-na, khi khởi sinh khoái-lạc thì có khởi sinh sự khổ, ta nói vậy. (2) “Này Phú-lâu-na, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt … những âm-thanh được nhận biết bởi tai … những mùi-hương được nhận biết bởi mũi … những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … những thứ hữu-hình chạm xúc được nhận biết bởi thân … những đối-tượng của tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo không thích thú chúng, không đón chào chúng, và không nắm giữ chúng, thì khoái-lạc sẽ chấm dứt trong người đó. Này Phú-lâu-na, khi chấm dứt khoái-lạc thì sẽ chấm dứt sự khổ, ta nói vậy. (3) “Này Phú-lâu-na, giờ thầy đã nhận được từ ta sự khuyên-dạy ngắn gọn, vậy thầy định đi sống ở xứ nào?” “Thưa Thế Tôn, có một xứ tên là Sunāparanta. Con sẽ đến sống ở đó.” (a) “Này Phú-lâu-na, người dân ở xứ Sunāparanta là thô lỗ và hung bạo. Nếu họ chửi bới và sỉ nhục thầy, thầy sẽ nghĩ sao về điều đó?”



“Thưa Thế Tôn, nếu người xứ Sunāparanta có chửi bới và sỉ nhục con, thì con sẽ nghĩ: ‘Những người này thực tốt, thực sự tốt, vì họ không đánh con bằng nắm đấm’. Thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa Thế Tôn; thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Phúc Lành.” (b) “Nhưng, này Phú-lâu-na, nếu người người xứ Sunāparanta đánh thầy bằng nắm đấm, thầy sẽ nghĩ sao về điều đó?” “Thưa Thế Tôn, nếu người xứ Sunāparanta có đánh con bằng nắm đấm, thì con sẽ nghĩ: ‘Những người này thực tốt, thực sự tốt, vì họ không đánh con bằng đá cục’. Thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa Thế Tôn; thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Phúc Lành.” (c) “Nhưng, này Phú-lâu-na, nếu người xứ Sunāparanta đánh thầy bằng đá cục, thầy sẽ nghĩ sao về điều đó?” “Thưa Thế Tôn, nếu người xứ Sunāparanta có đánh con bằng đá cục, thì con sẽ nghĩ: ‘Những người này thực tốt, thực sự tốt, vì họ không đánh con bằng gậy gộc’. Thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa Thế Tôn; thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Phúc Lành.” (d) “Nhưng, này Phú-lâu-na, nếu người xứ Sunāparanta đánh thầy bằng gậy gộc, thầy sẽ nghĩ sao về điều đó?” “Thưa Thế Tôn, nếu người xứ Sunāparanta có đánh con bằng gậy gộc, thì con sẽ nghĩ: ‘Những người này thực tốt, thực sự tốt, vì họ không đâm con bằng dao’. Thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa Thế Tôn; thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Phúc Lành.” (e) “Nhưng, này Phú-lâu-na, nếu người xứ Sunāparanta đâm thầy bằng dao, thầy sẽ nghĩ sao về điều đó?” “Thưa Thế Tôn, nếu người xứ Sunāparanta có đâm con bằng dao, thì con sẽ nghĩ: ‘Những người này thực tốt, thực sự tốt, vì họ không lấy mạng con bằng dao bén’. Thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa Thế Tôn; thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Phúc Lành.”



(f) “Nhưng, này Phú-lâu-na, nếu người xứ Sunāparanta lấy mạng thầy bằng dao bén, thầy sẽ nghĩ sao về điều đó?” “Thưa Thế Tôn, nếu người xứ Sunāparanta có lấy mạng

con bằng dao bén, thì con sẽ nghĩ: 'Đã từng có những vị đệ tử của đức Thế Tôn, họ thấy khiếp sợ, thấy nhục nhã, thấy ghê tởm bởi thân và bởi kiếp sống, họ đã đi tìm (nhờ) người giết mình.59 Nhưng con thì gặp ngay người giết mình chứ không cần đi tìm kiếm'. Thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa Thế Tôn; thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Phúc Lành." "Tốt, tốt, này Phú-lâu-na! Nếu đã có đủ [được phú cho] sự tự-chủ và sự bình-an như vậy, thầy sẽ sống được ở xứ Sunāparanta. Này Phú-lâu-na, bây giờ thì thầy cứ tùy tiện mà đi."60 Rồi, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, thầy Phú-lâu-na đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, và đi ra, giữ hướng đức Thế Tôn ở bên phải mình. Sau đó thầy ấy thu dọn chỗ ở, mang theo bình bát và cà sa, chuẩn bị lên đường đi du hành theo hướng tới xứ Sunāparanta. Sau khi đã đi qua nhiều chặng đường, cuối cùng thầy ấy tới xứ Sunāparanta, và lưu trú ở đó. Sau đó, trong kỳ an cư mùa mưa (kiết hạ) năm đó, thầy Phú-lâu-na đã thiết lập được năm trăm đệ tử tại gia nam và năm trăm đệ tử tại gia nữ theo tu tập, và bản thân thầy ấy, cũng trong mùa mưa đó, đã chứng ngộ ba loại trí-biết đích thực (chân trí, minh). Và cũng trong mùa mưa đó, thầy ấy chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (tức Bát- niết-bàn, nghĩa là qua đời luôn).61 Rồi một số Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa: "Thưa Thế Tôn, người họ tộc tên Phú-lâu-na, người đã được đức Thế Tôn ban cho bài khuyên-dạy ngắn gọn, đã chết rồi. Nơi-đến của thầy ấy là gì? Đường tương lai của thầy ấy là gì?" "Này các Tỳ kheo, người họ tộc Phú-lâu-na là hiền trí. Thầy ấy đã tu tập đúng theo Giáo Pháp và đã không làm phiền lòng ta về sự diễn dịch về Giáo Pháp. Người họ tộc Phú-lâu-na đã Bát-niết-bàn." (SN 35:88)



89 (6) Ngài Bāhiya Lúc đó có Ngài Bāhiya đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa: "Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định." "Này Bāhiya, mắt là thường hằng hay vô thường?" – "Vô thường, thưa Thế Tôn" ... [Tiếp tục như kinh 32 ở trên cho tới:] ... "Người đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa'." Rồi thầy Bāhiya, sau khi thấy hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, giữ hướng đức Thế Tôn ở bên phải mình, thầy ấy đi ra. Sau đó, sau khi sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, thầy Bāhiya, bằng cách tự mình chứng ngộ (giáo pháp) đó bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy đã trực tiếp biết: "Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa." Và thầy Bāhiya đã trở thành một trong những vị A-la-hán. (SN 35:89)

90 (7) Bị Quấy Động (1) "Này các Tỳ kheo, sự bị quấy động là một căn bệnh, sự bị quấy động là một ung nhọt, sự bị quấy động là một mũi tên.62 Do vậy, này các Tỳ

kheo, Như Lai sống không bị quấy động, với mũi tên đã được nhổ bỏ. Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo cầu mong: ‘Cầu cho tôi sống không còn bị quấy động, với mũi tên đã được nhổ bỏ!’, thì người đó không nên nhìn nhận mắt, không nên nhìn nhận trong mắt, không nên nhìn nhận từ mắt, không nên nhìn nhận ‘Mắt là của-ta’.63 “Người đó không nên nhìn nhận những hình-sắc … thức-mắt … sự tiếp-xúc mắt … và đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—người đó cũng không nên nhìn nhận chúng, không nên nhìn nhận từ chúng, không nên nhìn nhận trong chúng, không nên nhìn nhận ‘Đó là của-ta’. “Người đó không nên nhìn nhận tai … … Người đó không nên nhìn nhận tâm … thức-tâm … sự tiếp-xúc tâm … và đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—người đó cũng không nên nhìn nhận chúng, không nên nhìn nhận từ chúng, không nên nhìn nhận trong chúng, không nên nhìn nhận chúng ‘Đó là của-ta’. “Người đó không nên nhìn nhận tất-cả, không nên nhìn nhận từ tất-cả, không nên nhìn nhận ‘Tất-cả là của-ta’. “Do người đó không nhìn nhận bất cứ thứ gì như vậy, nên người đó không dính-chấp thứ gì trong thế giới. Do không dính-chấp, nên người đó không bị khích-động (âu lo, bận tâm). Do không bị khích-động, người đó tự thân chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa’.” (SN 35:90)

91 (8) Bị Quấy Động (2) “Này các Tỳ kheo, sự bị quấy động là một căn bệnh, bị quấy động là một ung nhọt, sự bị quấy động là một mũi tên. Do vậy, này các Tỳ kheo,



Như Lai sống không bị quấy động, với mũi tên đã được nhổ bỏ. Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo cầu mong: ‘Cầu cho tôi sống không còn bị quấy động, với mũi tên đã được nhổ bỏ!’, thì người đó không nên nhìn nhận mắt … những hình-sắc … thức-mắt … sự tiếp-xúc mắt … và đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duy- ên)—dù sướng hay khổ hay trung tính— người đó cũng không nên nhìn nhận chúng, không nên nhìn nhận trong chúng, không nên nhìn nhận từ chúng, không nên nhìn nhận ‘Đó là của-ta’. Bởi vì, này các Tỳ kheo, thứ gì người đó nhìn nhận, thứ gì người đó nhìn nhận trong nó, thứ gì người đó nhìn nhận từ nó, thứ gì người đó nhìn nhận là ‘của-ta’— thì thứ đó là khác (tức: không phải vậy; là nhận lầm). Thế giới, đang trở thành khác (luôn đang khác đi, luôn đang biến đổi), bị trói buộc vào sự hiện-hữu, tìm kiếm khoái-lạc (vui thích) chỉ trong sự hiện-hữu mà thôi.64 “Người đó không nên nhìn nhận tai … … Người đó không nên nhìn nhận tâm … những hiện-tượng thuộc tâm … không nên nhìn nhận thức- tâm … không nên nhìn nhận sự tiếp-xúc tâm … và đối với mọi thứ cảm- giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính— người đó cũng không nên nhìn nhận chúng, không nên nhìn nhận trong chúng, không nên nhìn nhận từ chúng, không nên nhìn nhận ‘Đó là của-ta’. Bởi vì, này các Tỳ kheo, thứ gì người đó nhìn nhận, thứ gì người đó nhìn nhận trong nó, thứ gì người đó nhìn nhận từ nó, thứ gì người đó nhìn nhận là ‘của-ta’—thì thứ đó là khác. Thế giới, đang trở thành khác, bị trói buộc vào sự hiện-hữu, tìm kiếm khoái-lạc

chỉ trong sự hiện-hữu mà thôi. “Cho dù các tổ-hợp (uẩn), các yếu-tố (giới), và các cơ-sở cảm-nhận (xứ) có là gì tới đâu đi nữa, người đó cũng không nhìn nhận chúng, không nhìn nhận trong chúng, không nhìn nhận từ chúng, không nhìn nhận ‘Đó là của-ta.’ “Do người đó không nhìn nhận bất cứ thứ gì như vậy, nên người đó không dính-chấp thứ gì trong thế giới. Do không dính-chấp, nên người đó không bị khích-động (âu lo, bận tâm). Do không bị khích-động, người đó



tự thân chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’

(SN 35:91)

92 (9) Cặp Đôi (1) “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về cặp đôi. Hãy lắng nghe điều đó … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là cặp đôi? Mắt và những hình-sắc, tai và những âm-thanh, mũi và những mùi-hương, lưỡi và những mùi-vị, thân và những đối-tượng chạm xúc, tâm và những hiện-tượng thuộc tâm. Đây được gọi là cặp đôi. “Này các Tỳ kheo, nếu có ai nói như vầy: ‘Sau khi dẹp bỏ cặp đôi này, tôi sẽ mô tả (cho thấy) cặp đôi khác’— thì điều đó chỉ là lời sáo rỗng của người đó mà thôi.(*) Nếu người đó được hỏi thì người đó không thể trả lời, và thêm nữa, người đó sẽ gặp phải sự ưu phiền. Vì lý do gì? Bởi vì, này các Tỳ kheo, điều đó không nằm trong trú xứ (lãnh vực, lãnh địa, chuyên môn) của người đó.”(**)65 (SN 35:92)

93 (10) Cặp Đôi (2) “Này các Tỳ kheo, thức sinh ra là tùy thuộc vào một cặp đôi. Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là thức sinh ra tùy thuộc vào một cặp đôi? - “Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc nên khởi sinh thức-mắt. Mắt là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác (đang khác đi, đang luôn biến đổi); những hình-sắc là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành



khác. Như vậy cặp đôi này là đang chuyển động và đang lung lay,66 là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. “Thức-mắt là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Cái nguyên-nhân và điều-kiện (nhân duyên) làm khởi sinh thức-mắt cũng là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Này các Tỳ kheo, khi thức- mắt đã khởi sinh tùy thuộc vào một điều-kiện (duyên) là vô thường, thì làm sao nó không là vô thường? “Sự gặp-gỡ, sự gặp-nhau, sự cùng-gặp của ba thứ này (mắt+những hình-sắc+thức-mắt) được gọi là sự tiếp-xúc mắt. Sự tiếp-xúc mắt cũng là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Cái nguyên-nhân và điều- kiện làm khởi sinh thức-mắt cũng là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Này các Tỳ kheo, khi thức-mắt khởi sinh tùy thuộc vào một điều-kiện (duyên) là vô thường, thì làm sao nó không là vô thường? “Này các Tỳ kheo, khi có tiếp-xúc, người ta cảm-nhận, có tiếp-xúc người ta ý-muốn, có tiếp-xúc người ta nhận-thức.67 Như vậy những thứ này cũng là đang chuyển động và lung lay, là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. - “Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh nên khởi sinh thức-tai … Tùy thuộc vào tâm và

những hiện-tượng thuộc tâm nên khởi thức-tâm. Tâm là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác; những hiện-tượng thuộc tâm là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Như vậy cặp đôi này là đang chuyển động và đang lung lay, là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. “Thức-tâm là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Cái nguyên-nhân và điều-kiện làm khởi sinh thức-tâm cũng là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Này các Tỳ kheo, khi thức-tâm đã khởi sinh tùy thuộc vào một điều-kiện là vô thường, thì làm sao nó không là vô thường? “Sự gặp-gỡ, sự gặp-nhau, sự cùng-gặp của ba thứ này (tâm+những hiện-tượng thuộc tâm+thức tâm) được gọi là sự tiếp-xúc tâm. Sự tiếp-xúc



tâm cũng là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Cái nguyên- nhân và điều-kiện làm khởi sinh thức-tâm cũng là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Này các Tỳ kheo, khi thức-tâm khởi sinh tùy thuộc vào một điều-kiện (duyên) là vô thường, thì làm sao nó không là vô thường? “Này các Tỳ kheo, khi có tiếp-xúc, người ta cảm-nhận, có tiếp-xúc người ta ý-định, có tiếp-xúc người ta nhận-thức. Như vậy những thứ này cũng là đang chuyển động và lung lay, là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. “Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là thức sinh ra tùy thuộc vào một cặp đôi.” (SN 35:93)



NHÓM 5. NHÓM ‘SÁU THỨ” (Saḷa-vagga)

94 (1) Không Thuần Phục, Không Phòng Hộ 68 Ở Sāvatthī. (1) “Này các Tỳ kheo, sáu cơ-sở để tiếp-xúc này—nếu không được thuần phục, không được phòng hộ, không được bảo vệ, không được kiềm chế— là những thứ mang đến sự thống khổ.69 Sáu đó là gì? “Này các Tỳ kheo, mắt là một cơ-sở tiếp xúc—nếu không được thuần phục, không được phòng hộ, không được bảo vệ, không được kiềm chế— là những thứ mang đến sự thống khổ. Tai là một cơ-sở tiếp xúc … Tâm là một cơ-sở tiếp xúc—nếu không được thuần phục, không được phòng hộ, không được bảo vệ, không được kiềm chế— là những thứ mang đến sự thống khổ. (2) “Này các Tỳ kheo, sáu cơ-sở để tiếp xúc này—nếu được thuần phục, được phòng hộ, được bảo vệ, được kiềm chế— là những thứ mang đến sự hạnh-phúc cực kỳ.70 Sáu đó là gì? “Này các Tỳ kheo, mắt là một cơ-sở tiếp xúc—nếu được thuần phục, được phòng hộ, được bảo vệ, được kiềm chế— là những thứ mang đến sự hạnh-phúc cực kỳ. Tai là một cơ-sở tiếp xúc … Tâm là một cơ-sở tiếp xúc—nếu được thuần phục, được phòng hộ, được bảo vệ, được kiềm chế— là những thứ mang đến sự hạnh-phúc cực kỳ. Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, đức Thế Tôn bậc Phúc lành đã nói thêm như vầy: “Này các Tỳ kheo, chỉ có sáu cơ-sở để tiếp-xúc, Ngay đó kẻ không kiềm chế gặp phải khổ đau. Người biết cách kiềm chế chúng Thì sống không suy đồi, với niềm-tin là bạn đường.



“Những hình-sắc làm tâm khoái-thích,
Và khi nhìn thấy chúng (người tu) không khoái thích,

Dẹp bỏ đường tham-dục đối với thứ khoái thích,
Và không ‘vun bón’ cái tâm bằng suy nghĩ sân bực:
‘[Thứ này, thứ kia] nó làm ta khó chịu.’
“Nghe thấy những âm-thanh,
Dễ chịu và gắt gỏng,
Không mê thích với tiếng dễ chịu,
Dẹp bỏ đường sân bực đối với tiếng gắt gỏng.
Và không ‘vun bón’ cái tâm bằng nghĩ suy sân bực:
‘[Tiếng này, tiếng kia] nó làm ta khó chịu.’
“Ngửi mùi hương thơm thích,
Và ngửi mùi tanh hôi,
Dẹp bỏ sân bực đối với mùi tanh hôi
Cũng không tham mê đối với mùi thơm tho.
“Thưởng thức vị ngon ngọt,
Và có lúc nếm đắng cay,
Không tham thích vị ngon ngọt,
Không sân bực vị đắng cay.
“Với chạm xúc khoái sướng,
Không để bị say mê.
Không giựt mình giãy nãy,
Với chạm xúc đớn đau.
Nhìn một cách bình-tâm,
Đối với mọi thứ sướng và khổ,
Không chạy trốn, cũng không chống cự.
“Khi người phàm tăng phóng nhận-thức,
Nhận-thức và sự phóng-tâm làm họ bị dính líu.
Sau khi đã xua tan mọi ‘tâm-trạng’ hướng phàm
Của đời sống tại gia phàm tục:


Là người tu đang trên đường từ-bỏ.71
“Khi tâm đã được tu tập thiện khéo như vậy
Trong sáu thứ (sáu cơ-sở tiếp xúc) như vậy,
Thì khi có tiếp-xúc, tâm người tu không bao giờ
Bị phất phơ, động chuyển này nọ.
Sau khi đã chinh phục tham và sân,
Này các Tỳ kheo,
Hãy vượt qua bờ bên kia, thoát khỏi sinh-tử!”
(SN 35:94)

95 (2) Ngài Māluṅkyaputta Lúc đó có Ngài Māluṅkyaputta đến gặp đức Thế Tôn … và thưa:72 “Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.” “Ở đây, này Māluṅkyaputta, ta nên nói gì với các Tỳ kheo trẻ khi một Tỳ kheo như thầy—đã già, nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã trong tuổi xế chiều của cuộc đời, đã tới giai đoạn cuối—đi thỉnh cầu ta một sự khởi xướng (sự chỉ giáo) ngắn gọn, như vậy?”73 “Thưa Thế Tôn, mặc dù con đã già, nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã trong tuổi xế chiều của cuộc đời, đã tới giai đoạn cuối, con mong Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, mong bậc Phúc Lành chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn. Có lẽ con hiểu được ý nghĩa lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn, có lẽ con trở thành một người thừa tự của lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn.” “Thầy nghĩ sao, này Māluṅkyaputta, đối với những hình-sắc mà thầy chưa nhìn thấy và chưa bao giờ nhìn thấy trước giờ, không nhìn thấy và



không nghĩ nó đã được nhìn thấy, thì thầy có tham muốn, nhục dục, hay luyến ái gì với chúng hay không?”74 “Dạ không, thưa Thế Tôn” “Đối với những âm-thanh được nhận biết bởi tai … đối với những mùi-hương được nhận biết bởi mũi … những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân … những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm mà thầy chưa nhận biết và chưa bao giờ nhận biết trước giờ, không nhận biết và không nghĩ nó đã được nhận biết, thì thầy có tham muốn, nhục dục, hay luyến ái nào với chúng hay không?” “Dạ không, thưa Thế Tôn” “Ở đây, này Māluṅkyaputta, đối với những thứ được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm nhận, và được nhận biết bởi thầy: ‘trong cái được nhìn thấy sẽ chỉ có cái được nhìn thấy; trong cái được nghe thấy chỉ có cái được nghe thấy, trong cái được cảm nhận chỉ có cái được cảm nhận, trong cái được nhận biết, chỉ có cái được nhận biết’. “Này Māluṅkyaputta, đối với những thứ được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm nhận, và được nhận biết bởi thầy: ‘trong cái được nhìn thấy chỉ có cái được nhìn thấy; trong cái được nghe thấy chỉ có cái được nghe thấy, trong cái được cảm nhận chỉ có cái được cảm nhận, trong cái được nhận biết, chỉ có cái được nhận biết’, vậy thì, này Māluṅkyaputta, thầy sẽ không là (được tạo tác) ‘bởi-đó’. Này Māluṅkyaputta, khi thầy không là ‘bởi-đó’ thì thầy sẽ không ở ‘trong-chúng’. Này Māluṅkyaputta, khi thầy không ở ‘trong-đó’ thì thầy sẽ không ở bên-này hay bên-kia hay ở giữa hai-bên. Chính điều này là sự chấm-dứt khổ.”75 “Thưa Thế Tôn, con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều mới được Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn, như vầy: (1) “Khi nhìn thấy một hình-sắc với sự chánh-niệm bị lăng xăng, Chú-tâm (tác ý) tới dấu-hiệu (tướng) sướng (dễ chịu),



Thì người đó trải nghiệm nó
Với một cái tâm bị mê đắm,
Và bám chặt theo nó.
“Nhiều cảm-giác phát sinh bên trong,

Bắt nguồn từ những hình-sắc nhìn thấy được,
Có (cảm-giác) thèm muốn (tham),
Có (cảm-giác) phiền bực (sân).
Vì đó mà tâm người bị quấy nhiễu.76
Đối với ai tích tạo khổ như vậy,
Thì Niết-bàn còn ở xa lắm.
"Khi nghe thấy một âm-thanh với sự chánh-niệm bị lăng xăng …
"Khi ngửi thấy một mùi-hương, với sự chánh-niệm bị lăng xăng …
"Khi nếm thấy một mùi-vị với sự chánh niệm bị lăng xăng …
"Khi cảm nhận một chạm-xúc với sự chánh-niệm bị lăng xăng …
"Khi nhận biết một đối-tượng với sự chánh-niệm bị lăng xăng …
Đối với ai tích tạo khổ như vậy,
Thì Niết-bàn còn ở xa lắm.
(2) "Khi nhìn thấy một hình-sắc một cách có chánh-niệm vững vàng
Không bị đốt bởi tham-dục đối với những hình-sắc;
Người trải nghiệm nó với cái tâm chán-bỏ
Và không còn bám dính theo nó.
"Người sống một cách chánh-niệm như vậy,
Thì ngay cả nhìn thấy những hình-sắc,
Chương 35  Liên Kết SÁU CƠ-SỞ CẢM-NHẬN • 71

Và khi đang cảm thụ một cảm-giác, Thì [sự khổ] được tiêu tán, thay vì được tích tạo.77 Đối với ai phá giải sự khổ như vậy, Thì Niết-bàn đang ở gần kề. "Khi nghe thấy một âm-thanh một cách có chánh-niệm vững vàng, Không bị đốt bởi tham-dục đối với những âm-thanh … "Khi ngửi thấy một mùi-hương một cách có chánh-niệm vững vàng, Không bị đốt bởi tham-dục đối với những mùi-hương … "Khi nếm thấy một mùi-vị một cách có chánh-niệm vững vàng, Không bị đốt bởi tham-dục đối với những mùi-vị … "Khi cảm nhận một sự chạm-xúc một cách có chánh-niệm vững vàng, Không bị đốt bởi tham-dục đối với những xúc-chạm … "Khi nhận biết một đối-tượng một cách có chánh-niệm vững vàng, Không bị đốt bởi tham-dục đối với những đối-tượng … Đối với ai giảm thiểu sự khổ như vậy, Thì Niết-bàn đang ở gần kề. - "Thưa Thế Tôn, theo cách như vậy con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều được Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn." "Tốt, tốt, này Māluṅkyaputta! Tốt thay thầy hiểu được một cách chi tiết ý nghĩa của điều đã được ta nói ra một cách ngắn gọn. [Và Đức Phật lặp lại toàn bộ phần thi kệ trên, và nói tiếp:]

"Này Māluṅkyaputta, ý nghĩa của điều được ta nói ra một cách ngắn gọn nên được hiểu một cách chi tiết theo cách như vậy."

72 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

Rồi thầy Māluṅkyaputta, sau khi thấy hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, giữ hướng đức Thế Tôn ở

bên phải mình, thầy ấy đi ra. Rồi sau đó, sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, thầy Māluṅkyaputta, bằng sự tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tâm linh (phạm hạnh), mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy đã trực tiếp hiểu: "Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa'." Và thầy Māluṅkyaputta đã trở thành một trong những vị A-la-hán. (SN 35:95)

96 (3) Sự Sa Sút "Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về người 'phải bị sa sút', về người 'không bị sa sút', và về 'sáu cơ-sở được chế ngự' (được làm chủ, kiểm soát, phòng hộ). Hãy lắng nghe điều đó ... (1) "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một người 'phải bị sa sút'?78 Ở đây, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, ngay đó khởi sinh trong người đó 'những trạng-thái, những sự-nhớ và những ý-định' bất thiện xấu ác có kết nối với những gông-cùm.79 Nếu một Tỳ kheo dung dưỡng chúng, và không dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, chấm dứt chúng và xóa sổ chúng, thì người đó nên hiểu điều này như vầy: 'Ta đang sa sút khỏi những trạng thái thiện lành. Vì sự như vậy đã được đức Thế Tôn gọi là sự sa-sút'. "Thêm nữa, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo nghe thấy một âm- thanh bằng tai ... nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, ngay đó khởi sinh trong người đó 'những trạng-thái, những sự-nhớ và những ý-



định' bất thiện xấu ác có nối kết với những gông-cùm. Nếu một Tỳ kheo dung dưỡng chúng, và không dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, chấm dứt chúng và xóa sổ chúng, thì người đó nên hiểu điều này như vầy: 'Ta đang sa sút khỏi những trạng thái thiện lành. Vì sự như vậy đã được đức Thế Tôn gọi là sự sa-sút'. "Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một người 'phải bị sa sút'. (2) "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một người 'không bị sa sút'? Ở đây, này các Tỳ kheo, khi một người nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, ngay đó khởi sinh trong người đó 'những trạng-thái, những sự-nhớ và những ý-định' bất thiện xấu ác có nối kết với những gông-cùm. Nếu một Tỳ kheo không dung dưỡng chúng mà dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, chấm dứt chúng và xóa sổ chúng, thì người đó nên hiểu điều này như vầy: 'Ta đang không sa sút khỏi những trạng thái thiện lành. Vì sự như vậy đã được đức Thế Tôn gọi là sự không sa-sút.' "Thêm nữa, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo nghe thấy một âm- thanh bằng tai ... nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, ngay đó khởi sinh trong người đó 'những trạng-thái, những sự-nhớ và những ý- định' bất thiện xấu ác có nối kết với những gông-cùm. Nếu một Tỳ kheo không dung dưỡng chúng nhưng dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, chấm dứt chúng và xóa bỏ chúng, thì người đó nên hiểu điều này như vầy: 'Ta đang không sa sút khỏi những trạng thái thiện lành. Vì sự như vậy đã được đức Thế Tôn gọi là sự không sa-sút.' "Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một người 'không bị sa sút'. (3) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là 'sáu cơ-sở được chế ngự'?80 Ở đây, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, ngay đó không khởi sinh trong tâm người đó những

trạng-thái, hay những sự- nhớ, hay những ý-định bất thiện xấu ác nào có nối kết với những gông- cùm. Tỳ kheo đó nên hiểu điều này như vầy: 'Cơ-sở này đã được chế ngự. Vì sự này đã được đức Thế Tôn gọi là một 'cơ-sở được chế ngự'.'



"Thêm nữa, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo nghe thấy một âm- thanh bằng tai … nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, ngay đó không khởi sinh trong tâm người đó những trạng-thái, hay những sự-nhớ, hay những ý-định bất thiện xấu ác nào có nối kết với những gông-cùm. Tỳ kheo đó nên hiểu điều này như vầy: 'Cơ-sở này đã được chế ngự. Vì sự này đã được đức Thế Tôn gọi là một 'cơ-sở được chế ngự'.' "Này các Tỳ kheo, đó được gọi là 'sáu cơ-sở đã được chế ngự'." (SN 35:96)

97 (4) Sống Lơ Tâm "Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về 'người sống một cách lơ-tâm' (phóng dật), và 'người sống một cách chuyên-chú' (chuyên tâm). Hãy lắng nghe điều đó … (1) "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một 'người sống một cách lơ-tâm'? Nếu người sống không có sự kiềm chế căn-mắt (nhãn căn), thì cái tâm bị phủ lắp [bị lắp đất]81 trong những hình-sắc được nhận biết bởi mắt. Nếu tâm bị phủ lắp như vậy, thì không có sự niềm-vui. Không có niềm- vui, thì không có sự hoan-hỷ (hỷ). Không có sự hoan-hỷ, thì không có sự tĩnh-lặng (khinh an). Không có sự tĩnh-lặng, thì người đó sống trong khổ đau.82 Tâm của người sống trong sự khổ đau thì không đạt-định được. Khi tâm không đạt-định, thì các hiện-tượng không thể hiện (hiển lộ, hiện thị … đúng như chúng thực là). Bởi do những hiện-tượng (các pháp) không thể- hiện, nên người đó được quy là một 'người sống một cách lơ-tâm phóng dật'.83 "Nếu một người sống không có sự kiềm chế căn-tai (nhĩ căn), thì cái tâm bị phủ lắp trong những âm-thanh được nhận biết bởi tai … Nếu một người sống không có sự kiềm chế căn-tâm (tâm căn), thì cái tâm bị phủ lắp trong những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm … Bởi do những hiện-tượng (các pháp) không thể hiện, nên người đó được quy là một 'người sống một cách lơ-tâm phóng dật'.



"Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một 'người sống một cách lơ tâm phóng dật'. (2) "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một 'người sống một cách chuyên-chú'? Nếu một người sống với sự kiềm chế căn-mắt (nhãn căn), thì cái tâm không bị phủ lắp trong những hình-sắc được nhận biết bởi mắt. Nếu tâm không bị phủ lắp như vậy, thì có niềm-vui. Khi có niềm-vui, thì có sự hoan-hỷ (hỷ). Khi có sự hoan-hỷ, thì có sự tĩnh-lặng (khinh an). Khi có sự tĩnh-lặng, thì người đó trong thân trải nghiệm sự hạnh-phúc (thân lạc). Tâm của người sống trong sự hạnh-phúc thì đạt-định được. Khi tâm đạt-định, thì các hiện-tượng sẽ thể hiện (hiển lộ, hiện thị … đúng như chúng thực là). Do những hiện-tượng (các pháp) thể hiện ra, nên người đó được quy là một 'người sống một cách chuyên-chú'. "Nếu một người sống với sự kiềm chế căn-tai (nhĩ căn), thì cái tâm không bị phủ lắp trong những âm-thanh được nhận biết bởi tai … Nếu một người sống với sự kiềm chế căn-tâm (tâm căn), thì cái tâm không bị phủ lắp trong những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm … Do những hiện-tượng (các pháp) thể hiện ra, nên

người đó được quy là một 'người sống một cách chuyên-chú'. "Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là 'một người sống một cách chuyên chú'." (SN 35:97)

98 (5) Sự Kiềm Chế "Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự kiềm-chế và sự không kiềm-chế. Hãy lắng nghe điều đó ... (1) "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào có sự không kiềm-chế? Này các Tỳ kheo, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, chào đón chúng,



và ôm dính theo chúng, thì người đó nên hiểu điều này như vầy: 'Tôi đang sa sút khỏi những trạng thái thiện lành. Vì sự này đã được đức Thế Tôn gọi là 'sự sa-sút'.' "Này các Tỳ kheo, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... những đối-tượng của tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì người đó nên hiểu điều này như vầy: 'Tôi đang sa sút khỏi những trạng thái thiện lành. Vì sự này đã được đức Thế Tôn gọi là 'sự sa sút'.' "Này các Tỳ kheo, như vậy là sự không kiềm-chế. (2) "Này các Tỳ kheo, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo không tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, không chào đón chúng, và không ôm dính theo chúng, thì người đó nên hiểu điều này như vầy: 'Tôi đang không sa sút khỏi những trạng thái thiện lành. Vì sự này đã được đức Thế Tôn gọi là 'sự không sa-sút'.' "Này các Tỳ kheo, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... những đối-tượng của tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo không tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, không chào đón chúng, và không ôm dính theo chúng, thì người đó nên hiểu điều này như vầy: 'Tôi đang không sa sút khỏi những trạng thái thiện lành. Vì sự này đã được đức Thế Tôn gọi là 'sự không sa-sút'.' "Này các Tỳ kheo, như vậy là sự kiềm-chế." (SN 35:98)

99 (6) Sự Định Tâm



"Này các Tỳ kheo, hãy tu tập sự định-tâm. Một Tỳ kheo đạt-định thì hiểu được mọi sự đúng như chúng thực là.84 "Và cái gì mà người đó hiểu được đúng như chúng thực là? Người đó hiểu đúng như nó thực là như vầy: 'Mắt là vô thường'. Người đó hiểu đúng như nó thực là như vầy: 'Những hình-sắc là vô thường'. Người đó hiểu đúng như nó thực là như vầy: 'Thức-mắt là vô thường'. Người đó hiểu đúng như nó thực là như vầy: 'Sự tiếp-xúc mắt là vô thường'. Người đó hiểu đúng như nó thực là như vầy: 'Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính— cũng đều là vô thường'. "Người đó hiểu đúng như nó thực là như vầy: 'Tai là vô thường' ... 'Tâm là vô thường' ... Người đó hiểu đúng như nó thực là như vầy: 'Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là vô thường'. "Này các Tỳ kheo, hãy tu tập sự định-tâm. Một Tỳ kheo

đạt-định thì hiểu được mọi sự đúng như chúng thực là.” (SN 35:99)

100 (7) Sự Tách Ly “Này các Tỳ kheo, hãy nỗ lực (tu tập) trong sự tách-ly (ẩn dật, tách-ly về thân, ẩn cư, ẩn tu). Một Tỳ kheo sống tu trong sự tách-ly thì hiểu được mọi sự đúng như chúng thực là.” [Phần còn lại giống hệt bài kinh kế trên.]

(SN 35:100)

101 (8) Không Phải Của-Ta (1) “Này các Tỳ kheo, thứ gì không phải của-ta [không phải của ‘các thầy’], hãy dẹp bỏ nó.85 Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới



ích lợi (lợi) và hạnh phúc (lạc) cho các thầy. Và, này các Tỳ kheo, cái gì là thứ không phải của-ta? Mắt không phải là của-ta: hãy dẹp bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc cho các thầy. Những hình-sắc không phải là của-ta … Thức-mắt không phải là của-ta … Sự tiếp-xúc mắt không phải là của-ta … Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính— cũng không phải là của-ta: hãy dẹp bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc cho các thầy. “Tai không phải là của-ta … Tâm không phải là của-ta … Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính— cũng không phải là của-ta. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc cho các thầy. “Này các Tỳ kheo, giả sử người ta dọn hết cỏ, cây, cành, lá trong cả Khu Vườn của Thái tử Jeta này, hoặc đốt chúng đi, hoặc xử lý chúng theo ý họ. Vậy các thầy có nghĩ (điều đó đồng nghĩa rằng): ‘Người ta đang dọn ‘chúng ta’ đi, hoặc đang đốt hết ‘chúng ta’, hay đang xử lý ‘chúng ta’ theo ý họ, hay không?” “Không, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Bởi vì, thưa Thế Tôn, (cỏ, cây, cành, lá) đó đâu phải là ‘chúng ta’ hay ‘thuộc về chúng ta’. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, mắt không phải là của-ta … … Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên)— cũng không phải là của-ta: hãy dẹp bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc cho các thầy.” (SN 35:101)

102 (9) Không Phải Của-Ta (2) [Giống kinh kế trên, ngoại trừ không có phần ví dụ.]

(SN 35:102)



103 (10) Uddaka “Này các Tỳ kheo, Uddaka Rāmaputta đã từng tuyên bố như vầy: “‘Đây, chắc chắn là một bậc thầy về trí-biết— Đây, chắc chắn là một bậc chinh phục vũ trụ— Đây, chắc chắn là người đã cắt bỏ Gốc ung nhọt chưa được cắt bỏ trước đây!’86 “Này các Tỳ kheo, mặc dù bản thân Uddaka Rāmaputta không phải là một bậc thầy về trí-biết (bậc trí sư), nhưng ông đã tuyên bố: ‘Ta là một bậc thầy về trí-biết’. Mặc dù bản thân ông không phải là một bậc chinh phục vũ trụ (bậc chinh phục tất cả), nhưng ông đã tuyên bố: ‘Ta là một bậc chinh phục vũ trụ’. Mặc dù bản thân ông chưa cắt bỏ gốc ung nhọt, nhưng ông đã tuyên bố: ‘Ta đã cắt bỏ gốc ung nhọt’. Nhưng ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nói một cách đúng đắn có thể nói như vầy: “‘Đây, chắc chắn là một

bậc thầy về trí-biết— Đây, chắc chắn là một bậc chinh phục vũ trụ— Đây, chắc chắn là người đã cắt bỏ Gốc ung nhọt chưa được cắt bỏ trước đây!' - "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là một bậc thầy về trí-biết? Khi một Tỳ kheo hiểu được nguồn-gốc, sự phai-biến, sự thỏa- thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với sáu cơ-sở tiếp xúc (bên trong và bên ngoài), đúng như chúng thực là; một Tỳ kheo như vậy một bậc thầy về trí-biết. - "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là một bậc chinh phục vũ trụ? Khi, sau khi hiểu được nguồn-gốc, sự phai-biến, sự thỏa- thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với sáu cơ-sở tiếp xúc, đúng như chúng thực là, một Tỳ kheo được giải-thoát nhờ sự không còn dính-chấp; một Tỳ kheo như vậy đó là một bậc chinh phục vũ trụ. - "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo đã cắt bỏ hết gốc ung nhọt chưa được cắt bỏ trước đó? Này các Tỳ kheo, 'ung nhọt': đây là một cách để chỉ thân này gồm bốn yếu tố lớn (tứ đại), bắt nguồn từ mẹ và



cha, được nuôi lớn từ cơm và cháo, (mang bản chất) vô thường, phải bị chà xát và đè bóp, phải bị tan hoại và tan rã.87 Và 'gốc ung nhọt' là một cách để chỉ dục-vọng. Khi dục-vọng đã được dẹp bỏ bởi một Tỳ kheo, đã bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc chết của cây cọ, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai, thì trong trường hợp như vậy là một Tỳ kheo đã cắt bỏ gốc ung nhọt chưa bị cắt bỏ trước đó. "Này các Tỳ kheo, mặc dù bản thân Uddaka Rāmaputta không phải là một bậc thầy về trí-biết, nhưng ông đã tuyên bố: 'Ta là một bậc thầy hiểu- biết' … Nhưng ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nói một cách đúng đắn có thể nói như vầy: "'Đây, chắc chắn là một bậc thầy về trí-biết— Đây, chắc chắn là một bậc chinh phục vũ trụ— Đây, chắc chắn là người đã cắt bỏ, Gốc ung nhọt chưa được cắt bỏ trước đây!' (SN 35:103)



## PHẦN III 'NĂM MƯƠI KINH THỨ BA'

### NHÓM 1. NHÓM 'AN TOÀN KHỎI SỰ TRÓI BUỘC' (Yogakkhemi-vagga)

104 (1) An Toàn Khỏi Sự Trói-Buộc Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy một bài thuyết giảng Giáo Pháp về chủ đề 'người tuyên bố sự cố-gắng (sự gắng-công) để trở nên an- toàn khỏi mọi sự trói-buộc'.88 Hãy lắng nghe điều đó … "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là bài thuyết giảng Giáo Pháp về chủ đề 'người tuyên bố sự cố-gắng để đạt tới sự an-toàn khỏi sự trói buộc'? Này các Tỳ kheo, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Những thứ đó đã bị dẹp bỏ bởi Như Lai, bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc chết của cây cọ, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Bậc ấy tuyên bố một sự cố-gắng [nên được làm] để dẹp bỏ được chúng. Do vậy, Như Lai được gọi là 'người tuyên bố sự cố-gắng để trở nên an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc'.89 "Này các Tỳ kheo, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai … những đối-tượng của tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Những thứ đó đã bị dẹp bỏ bởi Như Lai, bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc chết của cây cọ, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai.

Bậc ấy tuyên bố một sự cố-gắng [nên được làm] để dẹp bỏ được chúng.



Do vậy, Như Lai được gọi là 'người tuyên bố sự cố-gắng trở nên an-toàn thoát khỏi mọi sự trói buộc'. "Này các Tỳ kheo, đây là bài thuyết giảng Giáo Pháp về chủ đề 'người tuyên bố sự cố-gắng để đạt tới sự an-toàn khỏi sự trói buộc." (SN 35:104)

105 (2) Do Dính Chấp "Này các Tỳ kheo, khi cái gì có (có mặt), do dính-chấp (thủ) vào cái gì, nên có sự sướng và khổ khởi sinh ở bên-trong?"90 "Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn ..." (1) "Này các Tỳ kheo, khi có mắt, do dính-chấp vào mắt, nên có sướng và khổ sinh ở bên-trong. Khi có tai ... tâm, do dính-chấp vào tai ... tâm, nên có sướng và khổ khởi sinh ở bên-trong. (2) "Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, mắt là thường hằng hay vô thường?" "Vô thường, thưa Thế Tôn." "Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?" "Khổ, thưa Thế Tôn" "Nhưng nếu không dính-chấp vào thứ gì 'vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi', thì liệu sự sướng và khổ có khởi sinh ở bên-trong, hay không?" "Dạ không, thưa Thế Tôn" "Tai ... Mũi ... Lưỡi ... Thân ... Tâm là thường hằng hay vô thường? ..... "Nhưng nếu không dính-chấp vào thứ gì 'vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi', thì liệu sự sướng và khổ có khởi sinh ở bên trong, hay không?" "Dạ không, thưa Thế Tôn"



"Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt ... tâm. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát, có sự-biết: 'Nó được giải thoát'. Người đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa'." (SN 35:105)

106 (3) Nguồn Gốc Khổ [Giống hệt kinh SN 12:43 (Quyển 2).] (SN 35:106)

107 (4) Nguồn Gốc Thế Giới [Giống hệt kinh SN 12:44 (Quyển 2).] (SN 35:107)

108 (5) Ta Tốt Hơn, Ta Kém Hơn ... "Này các Tỳ kheo, khi cái gì có (có mặt), do dính-chấp vào cái gì, do cố-chấp vào cái gì, nên khởi sinh ý nghĩ: 'Ta tốt hơn', hay 'Ta bằng', hay 'Ta kém hơn'?"91 "Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn ..." (1) "Này các Tỳ kheo, khi có mắt, do dính-chấp vào mắt, do cố-chấp vào mắt, nên khởi sinh ý nghĩ: 'Ta tốt hơn', hay 'Ta bằng', hay 'Ta kém hơn'. Khi có tai ... tâm, do dính-chấp vào tai ... tâm, do cố-chấp vào tai ... tâm, nên khởi sinh ý nghĩ: 'Ta tốt hơn', hay 'Ta bằng', hay 'Ta kém hơn'.



(2) "Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, mắt ... tâm là thường hằng hay vô thường?" "Vô thường, thưa Thế Tôn" ... "Nhưng nếu không dính chấp vào thứ gì 'vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi', thì liệu có khởi sinh ý nghĩ: 'Ta tốt hơn', hay 'Ta bằng', hay 'Ta kém hơn', hay không?" "Dạ không, thưa Thế Tôn" "Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt ... tâm ... Người đó

hiểu rằng: “Sinh đã tận … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa’.” (SN 35:108)

109 (6) Những Thứ Gông Cùm “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy những thứ gông cùm (trói buộc mình) và sự gông-cùm. Hãy lắng nghe điều đó …92 “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thứ gông cùm, và cái gì là sự gông-cùm? Này các Tỳ kheo, mắt là một thứ gông cùm (mình); sự tham- muốn và nhục-dục đối với mắt chính là sự gông-cùm ở đó. Tai là một thứ gông cùm (mình) … Tâm là một thứ gông cùm (mình); sự tham-muốn và nhục-dục đối với tâm chính là sự gông-cùm ở đó. Những (sáu) thứ này được gọi là những thứ gông cùm (mình), và đây là sự gông-cùm.” (SN 35:109)

110 (7) Những Thứ Có Thể Bị Dính Chấp “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy những thứ (mình) có thể bị dính chấp (vào chúng), và sự dính-chấp. Hãy lắng nghe điều đó …



“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thứ (mình) có thể bị dính-chấp, và cái gì là sự dính-chấp. Này các Tỳ kheo, mắt là một thứ (mình) có thể bị dính chấp (vào nó); sự tham-muốn và nhục-dục đối với nó chính là sự dính-chấp ở đó. Tai là một thứ (mình) có thể bị dính chấp … Tâm là một thứ (mình) có thể bị dính chấp, sự tham-muốn và nhục-dục đối với nó chính là sự dính-chấp ở đó. Những (sáu) thứ này được gọi là những thứ (mình) có thể bị dính chấp, và đây là sự dính-chấp.” (SN 35:110)

111 (8) Hoàn-Toàn Hiểu (1) “Này các Tỳ kheo, nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu mắt,93 nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu không có khả năng tiêu diệt sự khổ. Nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu tai … tâm, nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người ta không thể nào tiêu diệt khổ. Nhưng, bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu mắt … tâm, bằng cách tu tập sự chán-bỏ và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu có khả năng tiêu diệt khổ.” (SN 35:111)

112 (9) Hoàn-Toàn Hiểu (2) [Giống hệt kinh 111 kế trên, nhưng nói theo cách ‘sáu cơ-sở cảm-nhận bên ngoài’ (sáu ngoại xứ, sáu đối-tượng).] (SN 35:112)

113 (10) Lén Lắng Nghe [Giống hệt kinh SN 12:45 (Quyển 2).] (SN 35:113)



NHÓM 2. NHÓM ‘THẾ GIỚI & NĂM DÂY DỤC-LẠC’ (Lokakāmaguṇa-vagga)

114 (1) Cạm Bẫy của Ma Vương (1) (1) “Này các Tỳ kheo, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo đã bước vào hang ổ của Ma Vương, là người đã ở dưới sự kiểm soát của Ma Vương; cạm bẫy của Ma Vương đã được siết chặt đối với người đó cho nên người đó bị dính buộc trong sự trói-buộc của Ma Vương, và Ác Ma đó có thể làm gì người đó cũng được.94 “Này các Tỳ kheo, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai … có những hiện-tượng thuộc tâm được nhận

biết bởi tâm thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng … Ác Ma đó có thể làm gì người đó cũng được. (2) “Này các Tỳ kheo, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo không tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, không chào đón chúng, và không ôm dính theo chúng, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo đã không bước vào hang ổ của Ma Vương, là người đã không ở dưới sự kiểm soát của Ma Vương; cạm bẫy của Ma Vương đã được tháo gỡ đối với người đó cho nên người đó không bị dính buộc trong sự trói-buộc của Ma Vương, và Ác Ma đó không thể làm gì được người đó. “Này các Tỳ kheo, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai … có những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục.



Nếu một Tỳ kheo không tìm kiếm khoái-lạc trong chúng … Ác Ma đó không thể làm gì được người đó. (SN 35:114)

115 (2) Cạm Bẫy của Ma Vương (2) (1) “Này các Tỳ kheo, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo bị dính buộc trong những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, là người đã bước vào hang ổ của Ma Vương, người đã ở dưới sự kiểm soát của Ma Vương; [cạm bẫy của Ma Vương đã được siết chặt đối với người đó cho nên người đó bị dính buộc trong sự trói-buộc của Ma Vương]95 và Ác Ma đó có thể làm gì người đó cũng được. “Này các Tỳ kheo, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai … có những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng … Ác Ma đó có thể làm gì người đó cũng được. (2) “Này các Tỳ kheo, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo không tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, không chào đón chúng, và không ôm dính theo chúng, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo được tự do khỏi những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, đã không bước vào hang ổ của Ma Vương, là người đã không ở dưới sự kiểm soát của Ma Vương; [cạm bẫy của Ma Vương đã được tháo gỡ đối với người đó cho nên người đó không bị dính buộc trong sự trói- buộc của Ma Vương] và Ác Ma đó không thể làm gì được người đó. “Này các Tỳ kheo, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai … có những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng ước,



đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo không tìm kiếm khoái-lạc trong chúng … Ác Ma đó không thể làm gì được người đó. (SN 35:115)

116 (3) Đi Tới Chỗ Chấm Dứt Thế Giới “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng chỗ kết-thúc [chỗ chấm-dứt] của thế giới không thể nào được biết, được thấy, hay đạt tới bằng cách bước đi (du hành tới đó). Nhưng, này các Tỳ kheo, ta cũng nói rằng nếu không đạt tới chỗ kết-thúc của thế giới thì cũng không có sự làm nên sự chấm-dứt đối với sự khổ.”96 Sau khi nói như vậy, đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi vào chỗ-ở của mình.97 Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, các Tỳ kheo đã suy xét: “Này các đạo hữu, giờ đức Thế Tôn đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi vô chỗ-ở của mình, sau khi đã đọc một câu ngắn gọn mà không giảng giải ý nghĩa một cách chi tiết. Giờ ai sẽ giảng giải một cách chi tiết ý nghĩa của điều mới được đức Thế Tôn mới đọc một cách ngắn gọn?” Rồi họ suy xét: “Ngài Ānanda được khen ngợi bởi vị Sư Thầy và được tôn trọng bởi những huynh đệ hiền trí của thầy ấy trong đời sống tâm linh; thầy Ānanda có khả năng giảng giải một cách chi tiết ý nghĩa của điều mới được đức Thế Tôn mới đọc một cách ngắn gọn mà không giảng giải ý nghĩa một cách chi tiết. Chúng ta hãy đến gặp thầy ấy và hỏi thầy ấy về ý nghĩa của điều này.” Rồi các Tỳ kheo đó đã đến gặp thầy Ānanda, và sau khi xong phần sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên, và kể lại cho thầy ấy điều mới xảy ra, và nói thêm: “Mong thầy Ānanda giảng giải điều đó cho chúng tôi.”



[Thầy Ānanda trả lời:] “Này các đạo hữu, điều này giống như một người đang cần gỗ lõi, đang kiếm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, nhưng lại bỏ đi phần thân và gốc của một cây lớn đang đứng có chứa gỗ lõi, bộ người đó nghĩ nên tìm kiếm gỗ lõi trong nhánh và lá cây hay sao! Và điều này cũng giống như quý vị ở đây: khi quý vị đã được trực diện gặp vị Sư Thầy nhưng quý vị lại bỏ qua đức Thế Tôn, bộ quý vị nghĩ nên đi hỏi tôi về ý nghĩa của điều đó hay sao! Bởi vì, này các đạo hữu, về sự-biết, đức Thế Tôn biết; về sự-thấy, đức Thế Tôn thấy; đức Thế Tôn đã trở thành sự-thấy (tầm nhìn), bậc ấy đã trở thành sự-biết (trí biết), bậc ấy đã trở thành Giáo Pháp, bậc ấy đã trở thành bậc thiên thánh; là người thuyết giảng, người tuyên bố, người làm sáng tỏ ý nghĩa, là người ban tặng sự Bất-tử, bậc chúa tể [của] Giáo Pháp, bậc Như Lai. Lúc đó là lúc quý vị nên hỏi đức Thế Tôn ý nghĩa của điều đó. Khi đức Thế Tôn giảng giải điều đó cho quý vị, quý vị sẽ ghi nhớ nó.” “Chắc chắn là vậy, này đạo hữu Ānanda, về sự-biết, đức Thế Tôn biết; về sự-thấy, đức Thế Tôn thấy; đức Thế Tôn đã trở thành sự-thấy … Như Lai. Lúc đó là lúc chúng tôi nên hỏi đức Thế Tôn ý nghĩa của điều đó và khi đức Thế Tôn giảng giải điều đó cho chúng tôi, chúng tôi sẽ ghi nhớ điều đó. Nhưng thầy Ānanda được khen ngợi bởi đức Thế Tôn và được tôn trọng bởi những huynh đệ hiền trí của thầy trong đời sống tâm linh; thầy Ānanda có khả năng giảng giải một cách chi tiết ý nghĩa của điều đã được đức Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn mà không giảng giải một cách chi tiết. Mong thầy Ānanda giảng giải điều đó mà không thấy bị phiền phức.” “Vậy thì, này các đạo hữu, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, tôi sẽ nói.” “Được, đạo hữu”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Ānanda nói điều này: “Này các đạo hữu, khi đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi vô chỗ trú ở của mình sau khi đã đọc một câu ngắn gọn mà không giảng giải ý nghĩa một cách chi tiết, rằng: ‘Này các Tỳ kheo, ta nói rằng chỗ kết-thúc [chỗ chấm-dứt] của thế giới không thể nào được biết, được thấy, hay đạt

tới bằng cách bước đi (du hành tới đó). Nhưng, này các Tỳ kheo, ta cũng nói rằng nếu không đạt tới chỗ kết-thúc của thế giới thì cũng không có sự làm nên sự chấm-dứt đối với sự khổ.' Tôi hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của câu ngắn gọn đó như sau: rằng trong thế giới qua đó một người là người nhận-thức thế giới, một người nhìn-nhận thế giới—đây được gọi là thế giới theo Giới Luật của Thánh Nhân.98 "Và, này các đạo hữu, cái gì trong thế giới mà qua đó một người là người nhận-thức thế giới, người nhìn-nhận thế giới? Mắt là thứ trong thế giới qua đó một người là người nhận-thức thế giới, người nhìn-nhận thế giới.99 Tai … Mũi … Lưỡi … Thân … Tâm là thứ trong thế giới thông qua đó một người là người nhận-thức thế giới, người nhìn-nhận thế giới. Thứ trong thế giới thông qua đó một người là người nhận-thức thế giới, người nhìn-nhận thế giới— thứ này được gọi là thế giới theo Giới Luật của Thánh Nhân. "Này các đạo hữu, khi đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi vô chỗ trú ở của mình sau khi đã đọc một câu ngắn gọn mà không giảng giải ý nghĩa một cách chi tiết, rằng: 'Này các Tỳ kheo, ta nói rằng chỗ kết-thúc [chỗ chấm-dứt] của thế giới không thể nào được biết, được thấy, hay đạt tới bằng cách bước đi (du hành tới đó). Nhưng, này các Tỳ kheo, ta cũng nói rằng nếu không đạt tới chỗ kết-thúc của thế giới thì cũng không có sự làm nên sự chấm-dứt đối với sự khổ.' Tôi hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của câu ngắn gọn đó là như vậy. Giờ, này các đạo hữu, nếu các thầy muốn, đến gặp đức Thế Tôn và hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa của điều này. Khi đức Thế Tôn giảng giải điều đó cho các thầy, các thầy nên ghi nhớ nó." "Được, thưa đạo hữu", các Tỳ kheo đó đáp lại, và sau khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi (và ra về), và họ đến chỗ đức Thế Tôn. Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên, và kể lại cho đức Thế Tôn tất cả điều đã xảy ra từ sau lúc đức Thế Tôn đã đi trước đó, và nói thêm: "Sau đó, thưa đức Thế Tôn, chúng con đã đến gặp thầy Ānanda và hỏi thầy ấy về ý nghĩa của điều đó. Thầy Ānanda đã giảng giải ý nghĩa cho



chúng con theo cách như vậy, với những từ ngữ như vậy, với những câu chữ như vậy." "Này các Tỳ kheo, Ānanda là người hiền trí, Ānanda là người đại trí. Nếu các thầy đã hỏi ta về ý nghĩa của điều đó, thì ta cũng giải thích nó cho các thầy giống như cách thầy Ānanda đã giải thích. Ý nghĩa của điều đó là như vậy, và do vậy các thầy nên ghi nhớ nó." (SN 35:116)

117 (4) Năm Dây Khoái Lạc Giác Quan "Này các Tỳ kheo, trước khi ta giác-ngộ, khi ta còn là một bồ-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện, ý này đã xảy đến với ta: 'Tâm của ta đã thường đi lạc tới (theo) năm dây khoái-lạc giác quan (dục lạc) vốn đã từng để lại ấn tượng trong tâm (tức: chúng đã từng được trải nghiệm bởi tâm trước đó)100 nhưng đã biến qua, đã chấm dứt, và đã thay đổi; hoặc thường đi lạc tới năm dây khoái-lạc giác quan hiện tại; hoặc hơi chạy tới năm dây khoái-lạc giác quan trong tương lai.' Rồi điều này đã xảy đến với ta: 'Sau khi đã quyết tâm vì phúc lợi của chính mình,101 ta nên thực hành sự chuyên-chú, sự chánh-niệm, và sự phòng-hộ cái tâm đối với năm dây khoái-lạc giác quan vốn đã từng để lại ấn tượng trong tâm nhưng đã biến qua, đã chấm dứt, và đã thay đổi.' "Vì vậy, này các Tỳ kheo, trong trường hợp tâm của các thầy cũng

thường đi lạc theo năm dây khoái-lạc giác quan vốn đã từng để lại ấn tượng trong tâm nhưng đã biến qua, đã chấm dứt, và đã thay đổi; hoặc thường đi lạc theo năm dây khoái-lạc giác quan hiện tại; hoặc hơi chạy theo năm dây khoái-lạc giác quan trong tương lai. Do vậy, này các Tỳ kheo, sau khi đã quyết tâm vì phúc lợi của chính mình, các thầy nên tu tập sự chuyên-chú, sự chánh-niệm, và sự phòng-hộ cái tâm đối với năm dây khoái-lạc giác quan vốn đã từng để lại ấn tượng trong tâm nhưng đã biến qua, đã chấm dứt, và đã thay đổi.



"Do vậy, này các Tỳ kheo, cái cơ-sở (xứ) đó nên được hiểu,102 nơi đó mắt chấm dứt và nhận-thức về những hình-sắc phai biến.103 Cái cơ-sở đó nên được hiểu, nơi đó tai chấm dứt và nhận-thức về những âm-thanh phai biến … Cái cơ-sở đó nên được hiểu, nơi đó tâm chấm dứt và nhận-thức về những hiện-tượng thuộc tâm phai biến. Cơ-sở đó cần nên được hiểu." Sau khi nói điều này, đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ trú ở của mình. Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, các Tỳ kheo đã suy xét … [Tiếp tục đoạn giống kinh kế trên về các Tỳ kheo đến nhờ thầy Ānanda giảng giải chi tiết như kinh kế trên, cho tới chỗ:] … Thầy Ānanda đã nói điều này: "Này các đạo hữu, khi đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ trú ở của mình sau khi đọc một câu ngắn gọn mà không giảng giải ý nghĩa một cách chi tiết, rằng: 'Do vậy, này các Tỳ kheo, cái cơ-sở (xứ) đó nên được hiểu, nơi đó mắt chấm dứt và nhận-thức về những hình-sắc phai biến … Cái cơ-sở đó nên được hiểu, nơi đó tâm chấm dứt và nhận-thức về những hiện-tượng thuộc tâm phai biến. Cơ-sở đó cần nên được hiểu.'— thì tôi hiểu một cách chi tiết ý nghĩa câu ngắn gọn này là như sau: Này các đạo hữu, câu này được đức Thế Tôn nói ra liên quan tới sự chấm-dứt sáu cơ-sở cảm-nhận." 104 "Này các đạo hữu, khi đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi vô chỗ trú ở của mình sau khi đọc một câu ngắn gọn mà không giảng giải ý nghĩa một cách chi tiết, rằng … — thì tôi hiểu ý nghĩa một cách chi tiết ý nghĩa câu ngắn gọn này là như vậy. Giờ, này các đạo hữu, nếu các thầy muốn, hãy đến gặp đức Thế Tôn và hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa của điều này. Khi đức Thế Tôn giảng giải điều đó cho các thầy, các thầy nên ghi nhớ nó." "Được, thưa đạo hữu", các Tỳ kheo đó đáp lại, và sau khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi (và ra về), và họ đến chỗ đức Thế Tôn. Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên, và kể lại cho đức Thế Tôn tất cả điều đã xảy ra từ sau lúc đức Thế Tôn đã đi trước đó, và nói thêm:



"Sau đó, thưa đức Thế Tôn, chúng con đã đến gặp thầy Ānanda và hỏi thầy ấy về ý nghĩa của điều đó. Thầy Ānanda đã giảng giải ý nghĩa cho chúng con theo cách như vậy, với những từ ngữ như vậy, với những câu chữ như vậy." "Này các Tỳ kheo, Ānanda là người hiền trí, Ānanda là người đại trí. Nếu các thầy đã hỏi ta về ý nghĩa của điều đó, thì ta cũng giải thích nó cho các thầy giống như cách thầy Ānanda đã giải thích. Ý nghĩa của điều đó là như vậy, và do vậy các thầy nên ghi nhớ nó." (SN 35:117)

118 (5) Câu Hỏi Của Vua Trời Đế-Thích Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền. Lúc đó có vua trời Đế-thích (Sakka), vua của các thiên thần, đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và đứng qua một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao có những chúng sinh ở đây không đạt tới (chứng ngộ) Niết-bàn trong kiếp này? Và cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao có những chúng sinh (khác) ở đây đạt tới Niết-bàn ngay trong kiếp này?” (1) “Này vua của các thiên thần, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì thức của người đó trở thành (bị) phụ thuộc theo chúng và dính chấp vào chúng. Một Tỳ kheo còn dính-chấp thì không đạt tới Niết-bàn.105 “Này vua của các thiên thần, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai … những đối-tượng của tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, chào đón chúng,



và ôm dính theo chúng, thì thức của người đó trở thành phụ thuộc theo chúng và dính chấp vào chúng. Một Tỳ kheo còn dính-chấp thì không đạt tới Niết-bàn. “Đây là nguyên nhân và lý do tại sao có những chúng sinh ở đây không đạt tới Niết-bàn trong kiếp này. (2) “Này vua của các thiên thần, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt … những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo không tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, không chào đón chúng, và không ôm dính theo chúng, thì thức của người đó không trở thành phụ thuộc theo chúng hay dính chấp vào chúng. Một Tỳ kheo không còn dính-chấp thì đạt tới Niết-bàn. “Đây là nguyên nhân và lý do tại sao có những chúng sinh (khác) ở đây đạt tới Niết-bàn ngay trong kiếp này.” (SN 35:118)

119 (6) Câu Hỏi của Pañcasikha [Giống hệt kinh kế trên, ngoại trừ người hỏi đổi thành Pañcasikha, con của một thiên thần thuộc loại Càn-thát-bà (gandhabba).]106

(SN 35:119)

120 (7) Xá-Lợi-Phất Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp và chảo hỏi qua lại với thầy Xá-lợi-phất. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy đó ngồi xuống một bên và nói với thầy Xá-lợi-phất: “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, có một Tỳ kheo là người ở chung chỗ với tôi vừa mới bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục.”



“Quả đúng là vậy, này đạo hữu, khi một người không phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận, ăn uống không tiết độ, và không hết mình vì sự tỉnh-thức. Không lẽ một người không phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận, ăn uống không tiết độ, và không hết mình vì sự tỉnh-thức mà sẽ duy trì được toàn bộ đời sống tâm linh trong sạch suốt đời được hay sao— điều đó là không thể! Nhưng, này đạo hữu, nếu một người biết

phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận, là người tiết độ trong ăn uống (chừng mực, đủ cho mục đích chân chính là nuôi thân để tu), và là người sống hết mình vì sự tỉnh-thức thì sẽ duy trì được toàn bộ đời sống tâm linh trong sạch suốt đời— điều này là có thể! (1) "Và, này đạo hữu, theo cách nào một người phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận? Ở đây, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo không nắm giữ những dấu-hiệu và đặc-điểm (nét chung và nét riêng) của nó.107 Bởi vì, nếu người đó để lơ căn-mắt không được kiềm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện là tham và sân sẽ xâm chiếm người đó; người đó tu tập phương pháp kiềm chế nó, người đó phòng hộ căn-mắt, người đó đảm trách việc kiềm chế căn-mắt. "Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … Khi ngửi thấy một mùi- hương bằng mũi … Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi … Khi chạm thấy một đối-tượng chạm xúc bằng thân … Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm (như đối-tượng của tâm; các pháp) bằng tâm, một Tỳ kheo không nắm giữ những dấu-hiệu và đường-nét của nó. Bởi vì, nếu người đó để lơ căn- tai (nhĩ căn) … căn-tâm (tâm căn) không được kiềm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện là tham và sân sẽ xâm chiếm người đó; người đó tu tập phương pháp kiềm chế nó, người đó phòng hộ căn-tai … căn-tâm, người đó đảm trách việc kiềm chế căn-tai … căn-tâm. Này đạo hữu, chính theo cách như vậy là người đó phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận. (2) "Và, này đạo hữu, theo cách nào một người là tiết độ trong ăn uống? Ở đây, sau khi suy xét một cách khôn khéo, một Tỳ kheo ăn thức ăn: (i) không phải để khoái thích giải trí; (ii) không phải để say sưa, (iii) không phải để có sắc đẹp hay để làm thân thể hấp dẫn— mà (iv)



(cho mục đích) chỉ để giúp duy trì và liên tục thân này, (v) để kết thúc sự khó chịu (khi đói), và (vi) để trợ giúp đời sống tâm linh (nuôi thân để tu); tâm niệm rằng: 'Bằng cách như vậy tôi kết thúc cái cảm-giác (đói, khát, yếu, đuối) đã có trước đó, và không tạo ra cảm-giác mới. Và tôi sẽ được khỏe mạnh, và không bị chê trách [không tội lỗi] (vì ăn uống thiếu chánh niệm), và sống được an ổn.'108 Này đạo hữu, chính theo cách như vậy là người đó tiết độ trong ăn uống. (3) "Và, này đạo hữu, theo cách nào là một người sống hết mình vì sự tỉnh-thức? Ở đây, suốt ngày, trong khi đang đi tới và đang đi lui và khi đang ngồi, một Tỳ kheo thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại (năm chướng-ngại). Trong canh một ban đêm, trong khi đang đi tới và đang đi lui và khi đang ngồi, một Tỳ kheo thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại. Trong canh giữa, người đó nằm nghiêng bên phải như tư thế sư tử nằm, với chân trái nằm trên chân phải, có chánh- niệm và có sự rõ-biết (tỉnh giác), lưu ý trong tâm về lúc (thời điểm) mình sẽ dậy. Rồi đến canh ba, sau khi đã dậy, trong khi đang đi tới và đang đi lui và khi đang ngồi, một Tỳ kheo thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại. Này đạo hữu, chính theo cách như vậy là một người sống hết mình (dành hầu hết thời gian) cho sự tỉnh-thức. "Vì vậy, này đạo hữu, thầy nên tu tập bản thân như vầy: 'Chúng ta sẽ phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận; chúng ta sẽ tiết độ trong ăn uống; chúng ta sẽ sống hết mình vì sự tỉnh-thức.' Này đạo hữu, thầy nên tu tập bản thân như vậy." (SN 35:120)

121 (8) Lời Khuyên Dạy Rāhula Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika).109 Lúc đó, trong khi đức Thế Tôn đang thiền trú một mình, một ý nghĩ khởi lên trong tâm bậc ấy như vầy: “Những



trạng thái (dẫn) chín muồi tới sự giải-thoát nay đã chín muồi trong Rāhula. Vậy ta hãy dẫn dắt thầy ấy thêm bước nữa để đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận).”110 Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvatthī (Xá-vệ) để khất thực. Sau khi đã đi khất thực trong thành Sāvatthī, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn đã nói với thầy Rāhula như vầy: “Này Rāhula, hãy lấy theo tấm lót ngồi. Chúng ta hãy đến (chỗ được gọi là) Khu Vườn Người Mù để an trú qua ngày.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Rāhula đáp lại, và sau khi lấy theo tấm lót chỗ ngồi, thầy ấy đi theo sát đức Thế Tôn. Bấy giờ, vào lúc đó có nhiều ngàn thiên thần cũng đang theo đức Thế Tôn, họ nghĩ rằng: “Hôm nay đức Thế Tôn sẽ dẫn dắt Ngài Rāhula thêm bước nữa để đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm.”111 Rồi đức Thế Tôn đi vô Khu Rừng Người Mù và ngồi xuống một gốc cây trên một chỗ ngồi chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Và thầy Rāhula kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới nói với thầy Rāhula: “Này Rāhula, thầy nghĩ sao? Mắt là thường hằng hay vô thường?”— “Vô thường, thưa Thế Tôn”—“Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?”—“Khổ, thưa Thế Tôn”—“Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vầy: ‘Đây là của-ta, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’’, hay không?”— “Không, thưa Thế Tôn.” “Này Rāhula, thầy nghĩ sao? Những hình-sắc … Thức-mắt … Tiếp-xúc mắt … Mọi thứ nằm trong cảm-giác (thọ), nhận-thức (tưởng), những sự tạo-tác cố ý (hành), và thức (thức) khởi sinh với thức-mắt là điều-kiện (duyên) là thường hằng hay vô thường?”—“Vô thường, thưa Thế Tôn”—“Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?”—“Khổ, thưa Thế Tôn”—“Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi



thì có đáng được coi là như vầy: ‘Đây là của-ta, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’’, hay không?”— “Không, thưa Thế Tôn. “Này Rāhula, thầy nghĩ sao? Tai là thường hằng hay vô thường? … Mũi là thường hằng hay vô thường? … Lưỡi là thường hằng hay vô thường? … Thân là thường hằng hay vô thường? … Tâm là thường hằng hay vô thường? … Những đối-tượng của tâm … Thức-tâm … Tiếp-xúc tâm … Mọi thứ nằm trong cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức khởi sinh với thức-mắt là điều-kiện là thường hằng hay vô thường?”—“Vô thường, thưa Thế Tôn”—“Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?”—“Khổ, thưa Thế Tôn”—“Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vầy: ‘Đây là của-ta, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’’, hay không?”— “Không, thưa Thế Tôn. “Sau khi nhìn thấy như vậy, này Rāhula, một đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trở nên tỉnh ngộ [không còn mê đắm] với mắt, tỉnh ngộ với những hình-sắc, tỉnh ngộ với thức-mắt, tỉnh ngộ với tiếp-xúc mắt, và tỉnh ngộ với mọi thứ nằm trong cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo- tác cố ý, và thức khởi sinh với thức-mắt là điều-kiện. “Người đó trở nên tỉnh ngộ với tai … mũi … lưỡi … thân … tâm,

tỉnh ngộ với những đối-tượng của tâm, tỉnh ngộ với thức-tâm, tỉnh ngộ với tiếp-xúc tâm, và tỉnh ngộ với mọi thứ nằm trong cảm-giác, nhận- thức, những sự tạo-tác cố ý, và thức khởi sinh với thức-tâm là điều- kiện. “Sau khi đã tỉnh ngộ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ [tâm người đó] được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát, có sự-biết: ‘Nó được giải-thoát.’ Người đó hiểu: ‘Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Rāhula đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn. Bấy giờ, trong khi bài thuyết giảng



này đang được nói, thông qua sự không còn dính-chấp (diệt thủ) tâm của thầy đã được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm. Và trong mấy trăm thiên thần đó đã khởi sinh tầm-nhìn (sự thấy) của Giáo Pháp không còn dính bụi dính vết như vầy: “Mọi thứ có sinh thì có diệt.”112 (SN 35:121)

122 (9) Những Thứ Gông Cùm [Giống kinh 109 ở trên, nhưng nói về sáu cơ-sở cảm-nhận bên ngoài (sáu ngoại xứ, sáu đối-tượng giác quan).]

(SN 35:122)

123 (10) Những Thứ Có Thể Bị Dính Chấp [Giống kinh 110 ở trên, nhưng nói về sáu cơ-sở cảm-nhận bên ngoài.]

(SN 35:123)



NHÓM 3. NHÓM ‘GIA CHỦ’ (Gahapati-vagga)

124 (1) Ở Vesālī Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li), trong khu Rừng Lớn (Đại Lâm), trong Sảnh Đường Mái Nhọn. Lúc đó có gia chủ Ugga ở Vesālī đã đến gặp đức Thế Tôn … và thưa với đức Thế Tôn …113 [Phần còn lại là hỏi và trả lời giống hệt như kinh 118 ở trên.]

(SN 35:124)

125 (2) Giữa Những Người Vajji Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người Vajji (Bạt- kỳ) ở vùng Hatthigāma. Lúc đó có gia chủ Ugga ở Hatthigāma đã đến gặp đức Thế Tôn … và thưa với đức Thế Tôn …114 [Phần còn lại là hỏi và trả lời giống hệt như kinh 118 ở trên.]

(SN 35:125)

126 (3) Ở Nālandā Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở vùng Nālandā, trong khu Vườn Xoài của ông Pāvārika. Lúc đó có gia chủ tên Upāli đã đến gặp đức Thế Tôn … và thưa với đức Thế Tôn …115 [Phần còn lại là hỏi và trả lời giống hệt như kinh 118 ở trên.]

(SN 35:126)

127 (4) Ngài Bhāradvāja



Trong một lần Ngài Piṇḍola Bhāradvāja đang sống ở Kosambī, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita.116 Lúc đó có Vua Udena đến gặp thầy Piṇḍola Bhāradvāja và chào hỏi với thầy ấy.117 Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên và nói với thầy ấy: “Thầy Bhāradvāja, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao những Tỳ kheo trẻ, là những người trẻ với tóc đen, được phú cho phúc phần tuổi trẻ, đang trong tuổi thanh xuân của cuộc đời, chưa chơi bời với các khoái-lạc giác quan, lại đi sống toàn bộ đời sống tâm linh trong sạch suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy?”118 (1) “Này đại vương, điều này đã được nói bởi đức Thế Tôn, là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác: ‘Này các Tỳ kheo, đối với những phụ nữ đủ già để làm mẹ của mình, hãy thiết lập ý tưởng (tâm lý) họ là mẹ của mình;119 đối với những người đáng tuổi là chị mình, hãy thiết lập ý tưởng họ là chị mình; đối với người trẻ đáng tuổi là em gái mình, hãy thiết lập ý tưởng họ là em gái của mình.’ Này đại vương, đây là một nguyên nhân và lý do tại sao các Tỳ kheo trẻ … đi sống toàn bộ đời sống tâm linh trong sạch suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy.” “Thầy Bhāradvāja, cái tâm là đầy ham muốn (hám dục). Có khi những trạng thái nhục-dục cũng khởi sinh đối với cả những người đủ già là mẹ mình; có khi những trạng thái nhục dục cũng khởi sinh đối với người đáng tuổi là chị mình; có khi những trạng thái nhục dục cũng khởi sinh đối với người trẻ đáng tuổi là em gái mình. Vậy còn nguyên nhân và lý do nào khác tại sao những Tỳ kheo trẻ … lại đi sống toàn bộ đời sống tâm linh trong sạch suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy?” (2) “Này đại vương, điều này đã được nói bởi đức Thế Tôn, là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác: ‘Này các Tỳ kheo, hãy coi lại chính thân này từ gót chân trở lên, từ đỉnh đầu trở xuống, được bọc trong da, chứa đầy những thứ ô-uế:120 ‘Trong thân này có: tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, màng, lá lách, phổi, màng treo ruột, bao tử, phân, mật, đờm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, nước mũi,



nước bọt, nhớt các khớp xương, và nước tiểu.’ Này đại vương, đây cũng là một nguyên nhân và lý do tại sao các Tỳ kheo trẻ … đi sống toàn bộ đời sống tâm linh trong sạch suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy.” “Thầy Bhāradvāja, điều đó là dễ làm đối với những Tỳ kheo đã tu thân (kiềm chế các cửa của các giác quan thân), đã tu giới-hạnh, đã tu tâm, đã tu trí-tuệ. Nhưng điều đó là khó làm đối với những Tỳ kheo không tu thân (kiềm chế các cửa của các giác quan thân), không tu giới-hạnh, không tu tâm, không tu trí-tuệ.121 Có khi, mặc dù người đó nghĩ ‘Ta sẽ chú tâm (tác ý) tới thân là ô-uế’, nhưng người đó cứ chấp nó là đẹp-đẽ … Vậy có nguyên nhân và lý do nào khác tại sao những Tỳ kheo trẻ … lại đi sống toàn bộ đời sống tâm linh trong sạch suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy?” (3) “Này đại vương, điều này đã được nói bởi đức Thế Tôn, là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác: ‘Này các Tỳ kheo, hãy sống phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận (các giác-quan). Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, đừng nắm giữ những dấu-hiệu và đặc-điểm (nét chung và nét

riêng) của nó. Bởi vì, nếu các thầy để lơ căn-mắt không được kiềm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện là tham và sân sẽ xâm chiếm các thầy; các thầy hãy tu tập phương pháp kiềm chế nó, phòng hộ căn-mắt, đảm trách việc kiềm chế căn-mắt.' "'Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … Khi ngửi thấy một mùi- hương bằng mũi … Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi … Khi chạm thấy một đối-tượng chạm xúc bằng thân … Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, đừng nắm giữ những dấu-hiệu và đặc-điểm (nét chung và nét riêng) của nó. Bởi vì, nếu người đó để lơ căn-tai … căn-tâm không được kiềm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện là tham và sân sẽ xâm chiếm các thầy; các thầy hãy tu tập phương pháp kiềm chế nó, phòng hộ căn-tai … căn-tâm, đảm trách việc kiềm chế căn-tai … căn-tâm.' Này đại vương, đây là cũng một nguyên nhân và lý do tại sao các Tỳ kheo trẻ … đi



sống toàn bộ đời sống tâm linh trong sạch suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy." "Thật kỳ diệu, Thầy Bhāradvāja! Thật tuyệt vời, Thầy Bhāradvāja! Thật hay khéo về cách điều này đã được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Vậy đây là nguyên nhân và lý do tại sao những Tỳ kheo trẻ, là những người trẻ với tóc đen, được phú cho phúc phần tuổi trẻ, đang trong tuổi thanh xuân của cuộc đời, chưa chơi bời với các khoái-lạc giác quan, đã (có thể) đi sống toàn bộ đời sống tâm linh trong sạch suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy. Cũng như trường hợp của tôi, mỗi khi tôi bước vào khu cung nữ mà không phòng hộ về thân, lời-nói, và tâm, không thiết lập sự chánh-niệm, không kiềm chế các căn cảm-nhận, thì lúc đó những trạng thái nhục-dục tấn công tôi một cách dữ dội. Nhưng khi nào tôi bước vào khu cung nữ mà có phòng hộ về thân, lời-nói, và tâm, có thiết lập sự chánh-niệm, kiềm chế các căn cảm-nhận, thì lúc đó những trạng thái nhục-dục không tấn công tôi một cách như vậy. "Thật kỳ diệu, Thầy Bhāradvāja! Thật tuyệt vời, Thầy Bhāradvāja! Thầy Bhāradvāja đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, giống như thầy đang dựng đúng lại những thứ đã bị lộn đầu, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy được các thứ. Thầy Bhāradvāja, nay con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Kể từ hôm nay mong Thầy Bhāradvāja ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời." (SN 35:127)

128 (5) Soṇa Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy



Sóc. Lúc đó có anh Soṇa, con trai của một gia chủ, đã đến gặp đức Thế Tôn … và thưa với đức Thế Tôn. … [Nội dung phần còn lại giống như kinh 118 ở trên.]

(SN 35:128)

129 (6) Gia Chủ Ghosita Trong một lần Ngài Ānanda đang sống ở Kosambī, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita. Lúc đó có gia chủ Ghosita đã đến gặp thầy Ānanda … và thưa với thầy ấy: "Thưa thầy Ānanda, thường nghe nói 'nhiều loại yếu-tố,

nhiều loại yếu-tố'.122 Thưa thầy, theo cách nào mà có nhiều loại yếu-tố đã được nói bởi đức Thế Tôn?" - "Này gia chủ, (i) hiện có yếu-tố mắt, và có những hình-sắc là sướng (dễ chịu), và có thức-mắt: tùy thuộc vào một sự tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng, nên khởi sinh một cảm-giác sướng.123 (ii) Hiện có yếu-tố mắt, và có những hình-sắc là khổ (khó chịu), và có thức-mắt: tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ, nên khởi sinh một cảm-giác khổ. (iii) Hiện có yếu-tố mắt, và có những hình-sắc là cơ-sở sự buông-xả, và có thức-mắt: tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính [không khổ không sướng], nên khởi sinh một cảm-giác trung tính. - "Này gia chủ, (i) hiện có yếu-tố tai ... yếu-tố mũi ... yếu-tố lưỡi ... yếu-tố thân ... yếu-tố tâm, và có những âm-thanh ... những hiện-tượng thuộc tâm là sướng (dễ chịu), và có thức-tai ... thức-tâm: tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng, nên khởi sinh một cảm-giác sướng. (ii) Hiện có yếu-tố tai ... yếu-tố tâm, và có những âm-thanh ... những hiện-tượng thuộc tâm là khổ (khó chịu), và có thức-tai ... thức-tâm: tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ, nên khởi sinh một cảm-giác khổ. (iii) Hiện có yếu-tố tai ... yếu-tố tâm, và có những âm- thanh ... những hiện-tượng thuộc tâm là một căn bản cho sự buông-xả, và



có thức-tai ... thức-tâm: tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính, nên khởi sinh một cảm-giác trung tính. "Này gia chủ, chính theo cách như vậy nên có nhiều loại yếu-tố đã được nói bởi đức Thế Tôn." (SN 35:129)

130 (7) Gia Chủ Hāliddakāni Tôi nghe như vầy. Trong một lần Ngài Đại Ca-chiên-diên [Mahākac- cāna] đang sống giữa xứ dân Avantī, trên Đỉnh Núi Papāta ở Kuraraghara. Lúc đó có gia chủ tên là Hāliddakāni đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên ... và thưa với thầy ấy:124 "Thưa thầy, điều này đã được nói bởi đức Thế Tôn: 'Chính tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; tùy thuộc vào nhiều loại tiếp-xúc nên khởi sinh nhiều loại cảm-giác.'125 Thưa thầy, theo cách nào có điều này?" - "Ở đây, này gia chủ, (i) khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo hiểu một hình-sắc là sướng (dễ chịu) như vầy: 'Nó chỉ là vậy!'126 Có thức-mắt, và tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng, nên khởi sinh một cảm-giác sướng.127 Rồi, (ii) khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo hiểu một hình-sắc là khổ (khó chịu) như vầy: 'Nó chỉ là vậy!' Có thức-mắt, và tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ, nên khởi sinh một cảm-giác khổ. Rồi, (iii) khi nhìn thấy một hình- sắc bằng mắt, một Tỳ kheo hiểu một hình-sắc là một căn bản cho sự buông-xả như vầy: 'Nó chỉ là vậy!' Có thức-mắt, và tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính, nên khởi sinh một cảm-giác trung tính. - "Thêm nữa, này gia chủ, (i) khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi ... Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi ... Khi chạm thấy một đối-tượng chạm xúc bằng thân ... Khi nhận



biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỳ kheo hiểu một âm-thanh ... một hiện-tượng thuộc tâm là sướng ... là khổ ... là một căn bản cho sự buông-xả như vầy:

‘Nó chỉ là vậy!’ Có thức-tâm, và tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính, nên khởi sinh một cảm-giác trung tính. “Này gia chủ, chính theo cách như vậy nên tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; tùy thuộc vào nhiều loại tiếp-xúc nên khởi sinh nhiều loại cảm-giác.” (SN 35:130)

131 (8) Gia Chủ Nakulapitā Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Bhagga ở Suṃsumāragira, trong khu rừng Bhesakaḷā, trong khu Vườn Nai. Lúc đó có gia chủ tên Nakulapitā đến gặp đức Thế Tôn … và thưa với đức Thế Tôn …128 [Nội dung phần còn lại giống như kinh 118 ở trên.]

(SN 35:131)

132 (9) Gia Chủ Lohicca Trong một lần Ngài Đại Ca-chiên-diên [Mahākaccāna] đang sống giữa xứ dân Avantī ở vùng Makkarakaṭa, trong một chòi trong rừng. Lúc đó có một số thiếu niên bà-la-môn, là môn sinh của bà-la-môn Lohicca, chúng đang đi lượm củi, chúng đến ngang căn chòi của thầy Đại Ca- chiên-diên. Sau khi đến gần, chúng quậy phá xung quanh chòi, và chơi mấy trò nghịch ngợm và ồn ào,129 và nói lời trêu chọc: “Mấy ông đầu trọc, tu sĩ giả hiệu, những kẻ đê hèn, giống nòi đen đủi được sinh ra từ bàn chân của Trời, chỉ được tôn vinh, được tôn trọng, được kính trọng, được cung kính, và được tôn kính bởi những tín đồ hèn mọn của họ.”130



Rồi thầy Đại Ca-chiên-diên bước ra và nói với những thiếu niên bà-lamôn đó: “Đừng làm ồn ào nữa, các cậu. Ta sẽ nói về Giáo Pháp cho các cậu nghe.” Khi câu này được nói ra, những thiếu niên bà-la-môn đó im lặng. Rồi thầy Đại Ca-chiên-diên đã nói với họ bằng lời thi kệ như vầy: “Những bà-la-môn thời xưa xuất sắc về đức-hạnh, Những bà-la-môn đó ghi nhớ giới-luật cổ xưa, Các cửa giác-quan được phòng hộ, được khéo bảo vệ, Và họ sống quản chế được sân-giận bên trong. Họ vui thích trong Giáo Pháp và thiền định,131 Những bà-la-môn đó ghi nhớ giới-luật cổ xưa. “Còn những bà-la-môn thời này thì đã sa sút, Chỉ nói lời ‘tụng lại’ Chỉ hô hào về họ tộc, hành xử không đúng đắn, Bị sân-giận quản chế, dùng gậy gộc vũ khí, Tấn công kẻ mạnh lẫn kẻ yếu. “Đối với ai có ‘các cửa giác-quan không được phòng hộ’, [Mọi điều thệ nguyện, tụng, cúng] đều chỉ là vô ích. Giống như tài sản chỉ có trong giấc mơ: Nào là cách: nhịn đói nằm ngủ trên nền đất, Tắm khi mặt trời mọc, [học thuộc] ba kinh Vệ-đà, Mặc da thú thô cứng, tóc bện, và trét bụi đất; Thần chú, tục lệ và thệ nguyện (giới cấm thủ, mê tín), và khổ hạnh hành xác; Nhân nghĩa bề ngoài, nhân sự suy đồi, và cả nghi thức tắm gội: Đây chỉ là những biểu-ngữ (hô hào) của các bà-la-môn, Được dùng để gia tăng của cải vật chất.132 “Một cái tâm khéo đạt định, Minh-mẫn và không còn dính-nhiễm, Hiền-từ với mọi chúng sinh hữu tình— Đó mới thực là con đường đạt tới cõi trời Brahmā.”



Rồi các thiếu niên bà-la-môn, tức giận và bất đồng, đã về gặp bà-la- môn tên Lohicca và thưa lại với ông: “Thưa đức ngài, ngài nên biết có sa- môn Đại Ca-chiên-diên đã thẳng thừng chê bai và chỉ trích những thần chú của các bà-la-môn.” Khi câu này được nói ra, bà-la-môn Lohicca tức giận và bất đồng. Nhưng ý nghĩ này đã xảy đến với ông: “Sẽ

không hay đối với ta nếu ta quay lại trấn áp và chửi bới sa-môn Đại Ca-chiên-diên chỉ dựa theo điều ta mới nghe từ mấy thiếu niên. Để ta đến gặp ông ấy và tra hỏi." Rồi bà-la-môn Lohicca, cùng với mấy thiếu niên bà-la-môn đó, đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên. Ông ta chào hỏi với thầy Đại Ca-chiên-diên, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên và nói với thầy ấy: "Này Thầy Ca-chiên-diên, có phải mấy thiếu niên bà-la-môn, là các môn sinh của tôi, đã đi qua đây khi chúng đi lượm củi?" "Đúng vậy, bà-la-môn" "Có phải Thầy Ca-chiên-diên có cuộc nói chuyện với chúng không?" "Tôi có cuộc nói chuyện với chúng, này bà-la-môn" "Cuộc nói chuyện gì thầy đã nói với chúng, Thầy Ca-chiên-diên?" "Cuộc nói chuyện tôi nói cho các thiếu niên đó là như vầy: 'Những bà-la-môn thời xưa xuất sắc về đức-hạnh, Những bà-la-môn đó ghi nhớ giới luật cổ xưa … Hiền từ với mọi chúng sinh hữu tình— Đó mới thực là con đường đạt tới cõi trời Brahmā.' Đó là cuộc nói chuyện tôi đã nói cho các thiếu niên đó." "Thầy Ca-chiên-diên đã nói 'các cửa giác-quan không được phòng hộ'. Này Thầy Ca-chiên-diên, theo cách nào là một người có 'các cửa giác-quan không được phòng hộ'?"

Chương 35 Liên Kết SÁU CƠ-SỞ CẢM-NHẬN • 109

(1) "Ở đây, này bà-la-môn, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người ta thường ý thích (tham) một hình-sắc là dễ chịu (sướng) và từ chối (sân) một hình-sắc là khó chịu (khổ).133 Người đó sống không thiết lập 'sự chánh-niệm về thân', với một cái tâm bị giới hạn, và người đó không hiểu được, đúng như nó thực là, về 'sự giải-thoát của tâm', về 'sự giải-thoát nhờ trí-tuệ' trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm-dứt sạch sẽ [không còn tàn dư]. "Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … Khi nhận biết một hiện- tượng thuộc tâm bằng tâm, người ta thường ý thích (tham) một hiện-tượng thuộc tâm là dễ chịu (sướng) và từ chối (sân) một hiện-tượng thuộc tâm là khó chịu (khổ). Người đó sống không thiết lập 'sự chánh-niệm về thân' … trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm-dứt sạch sẽ. Này bà-la- môn, chính theo cách như vậy là một người có 'các cửa giác-quan không được phòng hộ.'" "Thật kỳ diệu, Thầy Ca-chiên-diên! Thật tuyệt vời, Thầy Ca-chiên- diên! Nhưng Thầy Ca-chiên-diên cũng nói 'các cửa giác-quan được phòng hộ'. Thầy Ca-chiên-diên, theo cách nào là một người có 'các cửa giác- quan được phòng hộ'?" (2) "Ở đây, này bà-la-môn, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người tu không có ý thích (không tham) một hình-sắc là dễ chịu (sướng), cũng không từ chối (không sân) một hình-sắc là khó chịu (khổ). Người đó sống thiết lập 'sự chánh-niệm về thân', với một cái tâm vô lượng, và người đó hiểu được, đúng như nó thực là, về 'sự giải-thoát của tâm', về 'sự giải-thoát nhờ trí-tuệ' trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm-dứt sạch sẽ. "Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … Khi nhận biết một hiện- tượng thuộc tâm bằng tâm, người tu không ý thích (không tham) một hiện- tượng thuộc tâm là dễ chịu (sướng), cũng không từ chối (không sân) một hiện-tượng thuộc tâm là khó chịu (khổ). Người đó sống thiết lập 'sự chánh-niệm về thân' … trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã

chấm-dứt sạch sẽ. Này bà-la-môn, chính theo cách như vậy là một người có 'các cửa giác-quan được phòng hộ.'" "Thật kỳ diệu! Thật tuyệt vời,! Giáo Pháp đã được làm rõ theo nhiều cách bởi Thầy Ca-chiên-diên … [tiếp tục giống đoạn này trong kinh 127 ở trên] … Kể từ hôm nay mong Thầy Ca-chiên-diên ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời. "Mong Thầy Ca-chiên-diên ghé tới gia đình Lohicca cũng giống như thầy đã ghé tới các gia đình của các đệ tử tại gia khác ở vùng Makkarakaṭa này. Những thiếu niên và thiếu nữ bà-la-môn ở đó sẽ kính lễ Thầy Ca- chiên-diên, họ sẽ đứng dậy vì sự kính trọng đối với thầy, họ sẽ mời thầy chỗ ngồi và nước uống, và điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ." (SN 35:132)

133 (10) Gia Chủ Verahaccāni Trong một lần Ngài Udāyī đang sống ở Kāmaṇḍā trong khu Vườn Xoài của bà-la-môn tên Todeyya. Lúc đó có một thiếu niên bà-la-môn, là một môn sinh của nữ bà-la-môn thuộc họ tộc Verahaccāni, đã đến gặp thầy Udāyī và chào hỏi với thầy ấy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, anh ta ngồi xuống một bên, và thầy Udāyī đã chỉ dạy, đã khởi xướng, đã truyền cảm hứng, và làm hoan hỷ anh ta bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp. Sau khi đã được chỉ dạy, được khởi xướng, được truyền cảm hứng, và được làm hoan hỷ, anh ta đã đến gặp nữ bà-la-môn họ Verahaccāni, và nói với bà ta rằng: "Thưa phu nhân, phu nhân nên biết rằng sa-môn Udāyī chỉ dạy một Giáo Pháp tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; và ngài ấy cho thấy một đời sống tâm linh toàn thiện và thanh khiết."



"Trong trường hợp đó, này cậu trẻ, hãy nhân danh ta mời sa-môn Udāyī dùng cơm trưa ngày mai." "Dạ, thưa phu nhân", thiếu niên đó đáp lại. Rồi anh ta đến chỗ thầy Udāyī và nói lại với thầy ấy: "Mong Thầy Udāyī đồng ý lời mời tới dùng cơm trưa từ vị thầy đáng kính của tôi,134 nữ bà-la-môn của họ tộc Ve- rahaccāni." Thầy Udāyī đồng ý trong im lặng. Rồi khi đêm đã qua, vào buổi sáng, thầy Udāyī mặc y phục, và mang theo bình bát và cà sa đi tới cư gia của nữ bà-la-môn họ tộc Verahaccāni. Tới đó thầy ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Rồi, bằng chính tay mình, nữ bà-la-môn đã chiêu đãi và làm vui lòng thầy Udāyī bằng nhiều món ăn ngon lành. Sau khi thầy Udāyī đã ăn xong, và dẹp bình bát đi135, lúc đó nữ bà-la-môn mang dép vào, ngồi xuống chỗ ngồi cao hơn, khăn trùm đầu, và nói với thầy ấy: "Này vị sa- môn, hãy chỉ dạy Giáo Pháp." Thầy ấy nói: "Thưa chị, xin hãy để dịp sau", sau đó thầy ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và ra về.136 Lần thứ hai thiếu niên bà-la-môn đó đến gặp thầy Udāyī … [mọi sự diễn ra như đoạn kinh trên, và anh ta cũng về thưa lại với nữ bà-la-môn, và bà đã nói:]

"Theo cách như vậy, này cậu trẻ, cậu cứ tiếp tục ca ngợi sa-môn Udāyī đó đi, chứ khi ta nói với ông ta: 'Thưa sa-môn, hãy chỉ dạy Giáo Pháp', thì ông nói: 'Thưa chị, xin hãy để dịp sau', rồi ông ta đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và ra về." "Thưa phu nhân, đó là bởi vì phu nhân đã mang dép, ngồi ở chỗ ngồi cao hơn, trùm che đầu tóc, và yêu cầu sa-môn chỉ dạy Giáo Pháp. Bởi những sư thầy đó rất tôn trọng và kính trọng Giáo Pháp." "Trong trường hợp đó, này cậu trẻ, hãy nhân danh ta mời sa-môn Udāyī đến dùng cơm trưa ngày mai." "Dạ, thưa phu nhân", thiếu niên đó đáp lại. Rồi anh ta đi đến chỗ thầy Udāyī

… [và mọi sự tiếp tục như lần đầu, cho đến lúc:] … Sau khi thầy

112 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

Udāyī đã ăn xong và dẹp bình bát đi, nữ bà-la-môn đã cởi dép ra, ngồi xuống chỗ ngồi thấp hơn, cởi bỏ khăn trùm đầu, và nói với thầy ấy: “Thưa Ngài, khi cái gì có (có mặt) thì bậc A-la-hán tuyên bố có sự sướng và khổ? Và khi cái gì không có thì bậc A-la-hán không tuyên bố có sự sướng và khổ?” “Này chị, những A-la-hán tuyên bố khi có mắt là có sự sướng và khổ, và khi không có mắt thì không có sự sướng và khổ. Những A-la-hán tuyên bố rằng khi có tai … có tâm là có sự sướng và khổ, và khi không có tai … không có tâm thì không có sự sướng và khổ.” Khi điều này được nói ra, nữ bà-la-môn của họ tộc Verahaccāni đã nói với thầy Udāyī: “Thật kỳ diệu, Thầy Udāyī! Thật tuyệt vời, Thầy Udāyī! Giáo Pháp đã được làm rõ theo nhiều cách bởi Thầy Udāyī … [tiếp tục giống đoạn này trong kinh 127 ở trên] … Kể từ hôm nay mong Thầy Udāyī ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.” (SN 35:133)

Chương 35  Liên Kết SÁU CƠ-SỞ CẢM-NHẬN • 113

NHÓM 4. NHÓM ‘DEVADAHA’ (Devadaha-vagga)

134 (1) Ở Devadaha 137 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa dân chúng Thích-Ca (Sa- kya), ở nơi có một thị trấn tên là Devadaha. (Devadaha là quê mẹ của Đức Phật). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: - “Này các Tỳ kheo, ta không nói về tất cả các Tỳ kheo rằng họ còn việc phải làm (tu) với sự chuyên-chú đối với sáu cơ-sở (để) tiếp xúc (sáu giác-quan), ta cũng không nói về tất cả các Tỳ kheo rằng họ không còn việc phải làm với sự chuyên-chú đối với sáu cơ-sở tiếp-xúc. - “Ta không nói về những Tỳ kheo là A-la-hán—là người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần phải làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục tiêu của họ, đã hoàn toàn tiêu diệt các gông-cùm (trói buộc) hiện-hữu, và đã hoàn toàn giải- thoát thông qua trí-biết cuối cùng—rằng họ vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú đối với sáu cơ-sở tiếp-xúc. Vì sao vậy? Vì họ đã làm xong công việc của họ với sự chuyên-chú; vì họ không còn khả năng lơ-tâm phóng dật nữa. - “Nhưng ta nói về những Tỳ kheo còn là học-nhân (còn đang tu tập)—là những người chưa đạt tới lý tưởng của tâm mình, những người đang sống (với) tâm nguyện đạt tới sự an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc— rằng họ vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú đối với sáu cơ-sở tiếp- xúc. Vì sao vậy? (bởi vì) Này các Tỳ kheo, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt là dễ chịu (sướng) và … là khó chịu (khổ). [Người tu nên tu tập để cho:] những thứ này không còn tồn tại và ám muội trong tâm người đó ngay cả khi người đó có nếm trải [trải nghiệm] chúng hoài hoài. Khi tâm không bị ám muội, sự nỗ-lực (tinh tấn) không mệt mỏi sẽ được phát khởi, sự chánh-niệm không mù rối (không tạp, sáng rõ) được thiết lập,

114 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

thân trở nên tĩnh-lặng và không bị quấy-động, tâm trở nên đạt-định và đạt tới nhất-điểm. Này các Tỳ kheo, sau khi đã nhìn thấy đạo quả của sự chuyên-chú, ta nói rằng những Tỳ kheo đó vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú đối với sáu cơ-sở

tiếp-xúc. “Này các Tỳ kheo, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai … những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm là dễ chịu (sướng) và … là khó chịu (khổ). [Người tu nên tu tập để cho:] những thứ này không còn tồn tại và ám muội trong tâm người đó ngay cả khi người đó có nếm trải chúng hoài hoài. Khi tâm không bị ám muội, nguồn năng lượng mạnh mẽ sẽ được phát khởi, sự chánh-niệm không lăng xăng được thiết lập, thân trở nên tĩnh lặng và không bị quấy động, tâm trở nên đạt-định và đạt tới nhất-điểm. Này các Tỳ kheo, sau khi đã nhìn thấy đạo quả của sự chuyên- chú, ta nói rằng những Tỳ kheo đó vẫn còn việc phải làm với sự chuyên- chú đối với sáu cơ-sở tiếp-xúc. (SN 35:134)

135 (2) Cơ Hội “Này các Tỳ kheo, đó là sự đắc lợi của các thầy, các thầy có được đó là thật hay, rằng các thầy đã có được cơ-hội (trong cõi người) để sống đời sống tâm linh (thiên thánh). (1) “Này các Tỳ kheo, ta đã nhìn thấy cái địa-ngục tên là ‘Sáu Cơ-sở Của Sự Tiếp-xúc’.138 Ở đó, mọi hình-sắc họ nhìn thấy bằng mắt đều là: không đáng ước, không bao giờ đáng ước, không đáng yêu, không bao giờ đáng yêu, không dễ chịu, không bao giờ dễ chịu (tức: đau khổ khủng khiếp). Mọi âm-thanh họ nghe … Mọi mùi-hương họ ngửi … Mọi mùi-vị họ nếm … Mọi đối-tượng chạm xúc họ cảm nhận … Mọi hiện-tượng thuộc tâm họ nhận biết bằng tâm đều là: không đáng ước, không bao giờ đáng ước, không đáng yêu, không bao giờ đáng yêu, không dễ chịu, không bao giờ dễ chịu.



“Này các Tỳ kheo, đó (sự làm người) là sự đắc lợi của các thầy, các thầy có được đó là thật hay, rằng các thầy đã có được cơ-hội (trong cõi người) để sống đời sống tâm linh. (2) “Này các Tỳ kheo, ta đã nhìn thấy cái thiên-đường tên là ‘Sáu Cơ- Sở Của Sự Tiếp-Xúc’139 Ở đó, mọi hình-sắc họ nhìn thấy bằng mắt là: đáng ước, không bao giờ không đáng ước, đáng yêu, không bao giờ không đáng yêu, dễ chịu, không bao giờ không dễ chịu (tức: sung sướng tuyệt vời). Mọi âm-thanh họ nghe … Mọi mùi-hương họ ngửi … Mọi mùi-vị họ nếm … Mọi đối-tượng chạm xúc họ cảm nhận … Mọi hiện-tượng thuộc tâm họ nhận biết bằng tâm đều là: đáng ước, không bao giờ không đáng ước, đáng yêu, không bao giờ không đáng yêu, dễ chịu, không bao giờ không dễ chịu. “Này các Tỳ kheo, đó (sự làm người) là sự đắc lợi của các thầy, các thầy có được đó là thật hay, rằng các thầy đã có được cơ-hội (trong cõi người) để sống đời sống tâm linh. (SN 35:135)

136 (3) Thích Thú Những Hình-Sắc … (1) 140 (1) “Này các Tỳ kheo, những thiên thần và loài người thích thú những hình-sắc (cảnh, vật, kể cả sắc thân …), khoái thích những hình-sắc, vui thích những hình-sắc. Khi có sự thay đổi, sự phai biến, và sự chấm dứt của những hình-sắc, thì những thiên thần và người sống trong khổ đau. “Những thiên thần và loài người thích thú những âm-thanh … thích thú những mùi-hương … thích thú những mùi-vị … thích thú những đối- tượng chạm xúc … thích thú những hiện-tượng thuộc tâm, khoái thích những hiện-tượng thuộc tâm, vui thích những hiện-tượng thuộc tâm. Khi có sự thay đổi, sự phai biến, và sự chấm dứt của những hiện-tượng thuộc tâm, thì những thiên thần và người sống trong khổ đau.

(2) “Nhưng, này các Tỳ kheo, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, đã hiểu được đúng như chúng thực là nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa- thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp của] những hình-sắc. Bậc ấy không thích thú những hình-sắc, không khoái thích những hình-sắc, không vui thích những hình-sắc. Nên khi có sự thay đổi, sự phai biến, và sự chấm dứt của những hình-sắc, Như Lai vẫn sống an lạc. “Bậc ấy đã hiểu được đúng như chúng thực là nguồn-gốc và sự phai- biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp của] những âm-thanh … những mùi-hương … những mùi-vị … những đối-tượng chạm xúc … những hiện-tượng thuộc tâm. Bậc ấy không thích thú những hiện-tượng thuộc tâm, không khoái thích những hiện- tượng thuộc tâm, không vui thích những hiện-tượng thuộc tâm. Nên khi có sự thay đổi, sự phai biến, và sự chấm dứt của những hiện-tượng thuộc tâm, Như Lai vẫn sống an lạc.” Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vầy:141 “Những hình sắc, mùi hương, mùi vị, Những chạm-xúc và tất cả những đối tượng của tâm— Là đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, Đã từ lâu họ vẫn nói: ‘Chúng là như vậy’ “Thì chúng được coi là hạnh-phúc, Bởi thế gian có những thiên thần; Nhưng tới khi: ‘chúng chấm dứt’, Thì họ coi là khổ đau. “Bậc thánh nhân đã nhìn thấy: Sự chấm dứt ‘danh-tính’ mới là hạnh-phúc đích thực. Cách-nhìn này của những bậc rõ-thấy, Thì ngược dòng với toàn bộ thế gian.142 “Những gì người ta gọi là hạnh-phúc,



Thánh nhân nói là khổ;
Những gì người ta gọi là khổ,
Thánh nhân biết đó là hạnh-phúc.
“Đó, giáo lý này thật khó hiểu:
Nó làm những kẻ ngu hoang mang,
Những người có tâm bị đóng chặt thì đúng thực là chướng ngại,
Những người không nhìn thấy thì tất cả chỉ là bầu tối đen.
“Với người thiện có tâm khai mở,
Thì giáo lý đó là ánh sáng cho người nhìn thấy.
Người ngu si không thiện khéo trong Giáo Pháp
Thì không hiểu được nó cho dù nó hiện ra trước mặt.
“Giáo Pháp này là không dễ hiểu được,
Bởi những người bị dính tham-dục được hiện-hữu,
Những người đang trôi theo dòng chảy hiện-hữu,
Đã lún sâu vào cõi của Ma Vương.
“Còn ai ngoài những bậc thánh nhân,
Có thể hiểu được trạng thái này?
Khi họ đã đúng đắn biết trạng thái đó (Niết-bàn),
Những bậc vô-nhiễm đã hoàn toàn tắt ngấm.”143

(SN 35:136)

137 (4) Thích Thú Những Hình-Sắc (2) [Giống hệt kinh kế trên, nhưng không có phần thi kệ.]

(SN 35:137)

138 (5) Không Phải Của-Ta (1) (cỏ, cây, cành, lá) 144 “Này các Tỳ kheo, thứ gì không phải là của-ta [của các thầy], hãy dẹp bỏ nó. Khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc



dài lâu cho các thầy. Và, này các Tỳ kheo, cái gì không phải là của-ta? Mắt không phải là của-ta: hãy dẹp bỏ nó. Khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc cho các thầy. Tai không phải là của-ta … Tâm không phải là của-ta. Khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn đến ích-lợi và hạnh-phúc cho các thầy. “Này các Tỳ kheo, ví dụ người ta dọn hết cỏ, cây, cành, lá trong cả Khu Vườn này của thái tử Jeta, hoặc đốt chúng đi, hoặc xử lý chúng theo ý họ. Vậy các thầy có nghĩ (điều đó đồng nghĩa rằng): ‘Người ta đang dọn ‘chúng ta’ đi, hoặc đang đốt hết ‘chúng ta’, hoặc đang xử lý ‘chúng ta’ theo ý họ’ hay không?” “Không, thưa Thế Tôn. Vì lý gì? Bởi vì, thưa Thế Tôn, (cỏ, cây, cành, lá) đó đâu phải là ‘chúng ta’ hay ‘thuộc về chúng ta’.” “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, mắt không phải là của-ta … Tai … Mũi … Lưỡi không phải là của-ta … Khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc cho các thầy.” (SN 35:138)

139 (6) Không Phải Của-Ta (2) (cỏ, cây, cành, lá) [Giống hệt kinh kế trên, nhưng được ghi theo sáu cơ-sở cảm-nhận bên ngoài (sáu ngoại xứ, sáu đối-tượng giác quan).]

(SN 35:139)

140 (7) Vô-Thường Là Có Nguyên Nhân (bên trong) “Này các Tỳ kheo, mắt là vô thường.145 Nguyên-nhân và điều-kiện (nhân duyên) làm khởi sinh mắt cũng là vô thường. Khi mắt bắt nguồn từ thứ vô thường, thì làm sao nó không là vô thường?



“Tai là vô thường … Tâm là vô thường. Nguyên-nhân và điều-kiện làm khởi sinh tai … tâm cũng là vô thường. Khi tai … tâm bắt nguồn từ thứ vô thường, thì làm sao nó không là vô thường? “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt … đối với tâm. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát, có sự-biết: ‘Nó được giải thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa’.” (SN 35:140)

141 (8) Khổ Là Có Nguyên Nhân (bên trong) “Này các Tỳ kheo, mắt là khổ. Nguyên-nhân và điều-kiện (nhân duy- ên) làm khởi sinh mắt cũng là khổ. Khi mắt bắt nguồn từ thứ khổ, thì làm sao nó không là khổ? “Tai là khổ … Tâm là khổ. Nguyên-nhân

và điều-kiện làm khởi sinh tai … tâm cũng là khổ. Khi tai … tâm bắt nguồn từ thứ khổ, thì làm sao nó không là khổ? “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa’.” (SN 35:141)

142 (9) Vô-Ngã Là Có Nguyên Nhân (bên trong) “Này các Tỳ kheo, mắt là vô ngã. Nguyên-nhân và điều-kiện (nhân duyên) làm khởi sinh mắt cũng là vô ngã. Khi mắt bắt nguồn từ thứ vô ngã, thì làm sao nó không là vô ngã?



“Tai là vô ngã … Tâm là vô ngã. Nguyên-nhân và điều-kiện làm khởi sinh tai … tâm cũng là vô ngã. Khi tai … tâm bắt nguồn từ thứ vô ngã, thì làm sao nó không là vô ngã? “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa’.” (SN 35:142)

143 (10)  145 (12) Vô-Thường Là Có Nguyên Nhân ... (bên ngoài) [Giống hệt kinh 140142 kế trên, chỉ khác là ghi sáu cơ-sở cảm-nhận bên ngoài (sáu ngoại xứ, sáu đối-tượng giác quan).]

(SN 35:14345)



NHÓM 5. NHÓM ‘MỚI VÀ CŨ’ (Navapurāṇa-vagga)

146 (1) Nghiệp “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về nghiệp [kamma] mới và nghiệp cũ, sự chấm-dứt nghiệp, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nghiệp. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói … (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nghiệp cũ? Mắt là nghiệp cũ, (nó) nên được nhìn thấy là đã được tạo ra và được chế tác bởi sự cố-ý (tư), là thứ để được cảm nhận.146 Tai là nghiệp cũ … Tâm là nghiệp cũ, (nó) nên được nhìn thấy là đã được tạo ra và chế tác bởi sự cố-ý, là thứ để cảm nhận. Đây được gọi là nghiệp cũ. (2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nghiệp mới? Đó là mọi hành-động người ta làm trong hiện tại bằng thân, lời-nói, tâm. Đây được gọi là nghiệp mới. (3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự chấm-dứt nghiệp? Khi người tu đạt tới sự giải-thoát thông qua sự chấm-dứt những hành-động của (ba nghiệp) thân, lời-nói, tâm, thì đây được gọi là sự chấm-dứt nghiệp. (4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt nghiệp? Là con đường Bát Thánh Đạo; đó gồm: chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định. “Như vậy, này các Tỳ kheo, ta đã dạy về nghiệp cũ, ta đã dạy về nghiệp mới, ta đã dạy về sự chấm-dứt nghiệp, ta đã dạy về con-đường dẫn tới sự chấm dứt nghiệp. Này các Tỳ kheo, những gì cần phải làm bởi một người thầy bi mẫn vì lòng bi mẫn dành cho những học trò của mình, vì mong muốn họ được phúc lợi, thì ta đã làm xong cho các thầy. Này các Tỳ kheo, đây có những gốc cây, kia có những chòi trống. Hãy thiền tập, này

các Tỳ kheo, đừng lơ tâm xao lãng, chớ để sau này hối tiếc! Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.” (SN 35:146)

147 (2) Thích Hợp Để Chứng Ngộ Niết-Bàn (1) “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy đường-lối (cách tu) là thích hợp để (dẫn tới sự) chứng ngộ Niết-bàn.147 Hãy lắng nghe điều đó … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đường-lối thích hợp để chứng ngộ Niết-bàn? Ở đây, một Tỳ kheo nhìn thấy mắt là vô thường, người đó nhìn thấy những hình-sắc là vô thường, người đó nhìn thấy thức-mắt là vô thường, người đó nhìn thấy sự tiếp-xúc mắt là vô thường, người đó nhìn thấy mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duy- ên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là vô thường. “Người đó nhìn thấy tai là vô thường … Người đó nhìn thấy tâm là vô thường, người đó nhìn thấy những hiện-tượng thuộc tâm là vô thường, người đó nhìn thấy thức-tâm là vô thường, người đó nhìn thấy sự tiếp-xúc tâm là vô thường, người đó nhìn thấy mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính— cũng đều là vô thường. “Này các Tỳ kheo, đây chính là đường-lối là thích hợp cho sự chứng ngộ Niết-bàn.” (SN 35:147)

148 (3)  149 (4) Thích Hợp Để Chứng Ngộ Niết-Bàn … (2)-(3) [Giống kinh kế trên, chỉ thay chữ ‘vô thường’ lần lượt bằng ‘khổ’ và ‘vô ngã’.]

(SN 35:48149)

Chương 35  Liên Kết SÁU CƠ-SỞ CẢM-NHẬN • 123

150 (5) Thích Hợp Để Chứng Ngộ Niết-Bàn (4) “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy đường-lối là thích hợp để (dẫn tới sự) chứng ngộ Niết-bàn. Hãy lắng nghe điều đó … “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, mắt là thường hằng hay vô thường?” … [Tiếp tục như toàn bộ nội dung kinh 35:32 ở trên …] “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa’.” (SN 35:150)

151 (6) Một Học Trò “Này các Tỳ kheo, đời sống tâm linh này được sống mà không-có các học trò và không-có thầy.148 Một Tỳ kheo có các học trò và có sư thầy là sống trong khổ đau, không được thư thái. Một Tỳ kheo không-có các học trò và không-có sư thầy thì sống hạnh-phúc, được thư thái. (1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo có các học trò và có thầy là sống trong khổ đau, không được thư thái? Ở đây, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, ở đó khởi sinh trong người đó ‘những trạng thái, những sự-nhớ và những ý-định’ xấu ác bất thiện có nối kết với những gông-cùm.149 Chúng trú ở bên trong người đó. Vì do những trạng thái xấu ác bất thiện trú ở bên trong người đó, nên người đó được gọi là ‘người có các học trò’. Chúng tấn công người đó. Vì do những trạng thái xấu ác bất thiện tấn công người đó, nên người đó được gọi là ‘người có thầy’. “Thêm nữa, khi một Tỳ kheo nghe thấy một âm-thanh bằng tai … nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm … nên người đó được gọi là ‘người có thầy.’

124 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

“Chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo có các học trò và có thầy là sống trong khổ đau, không được thư thả. (2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo không-có các học trò và không-có thầy thì sống hạnh-phúc, được thư thái? Ở đây, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, ở đó không khởi sinh trong người đó ‘những trạng thái, những sự-nhớ và những ý-định’ xấu ác bất thiện có nối kết với những gông-cùm. Chúng không trú ở bên trong người đó. Vì do những trạng thái xấu ác bất thiện không trú ở bên trong người đó, nên người đó được gọi là ‘người không có các học trò’. Chúng không tấn công người đó. Vì do những trạng thái xấu ác bất thiện không tấn công người đó, nên người đó được gọi là ‘người không có thầy’. “Thêm nữa, khi một Tỳ kheo nghe thấy một âm-thanh bằng tai … nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm … nên người đó được gọi là ‘người không có thầy’. “Chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo không-có các học trò và không-có thầy thì sống hạnh-phúc, được thư thái. “Này các Tỳ kheo, đời sống tâm linh này được sống mà không-có các học trò và không-có sư thầy. Một Tỳ kheo có các học trò và có thầy là sống trong khổ đau, không được thư thái. Một Tỳ kheo không-có các học trò và không-có thầy thì sống hạnh-phúc, được thư thái.” (SN 35:151)

152 (7) Mục Đích Của Đời sống tâm linh? “Này các Tỳ kheo, nếu các du sĩ giáo phái khác có hỏi các thầy: ‘Này các bạn, vì mục đích gì đi sống đời sống tâm linh (đi tu) dưới (theo) sa- môn Cồ-đàm?’— khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời các du sĩ đó như vầy: ‘Này các bạn, mục đích đi sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu sự khổ.’



“Rồi, này các Tỳ kheo, nếu các du sĩ đó hỏi các thầy: ‘Này các bạn, cái gì là sự khổ đó mà để hoàn-toàn hiểu nó phải đi sống đời sống tâm linh dưới sa-môn Cồ-đàm?’— khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ như vầy: ‘Này các bạn, mắt là khổ: mục đích của sự sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu điều này. Những hình-sắc là khổ … Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là khổ: mục đích của sự sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu điều này. “Tai là khổ … Tâm là khổ … … Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính— cũng đều là khổ: mục đích của sự sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu điều này. Này các bạn, mục đích của việc sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu sự khổ.’ “Này các Tỳ kheo, khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời các du sĩ đó theo cách như vậy.” (SN 35:152)

153 (8) Có Phương Pháp Nào? “Này các Tỳ kheo, có phương pháp (cách tu, pháp môn) nào mà nhờ đó một Tỳ kheo—(i) không phải do (dựa vào) niềm-tin, (ii) không phải do sự chấp-thuận, (iii) không phải do truyền thống truyền miệng, (iv) không phải do sự nhận-biết từ lý-giải, (v) không phải do sự chấp-nhận một quan-điểm sau khi đã suy xét kỹ nó150— có thể tuyên bố về trí-biết cuối cùng như vầy: ‘Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa’, hay không?” (tức Tỳ kheo đó niết-bàn) “Thưa Thế Tôn,

những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, có sự nương dựa vào đức Thế



Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.” “Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Đây là một phương pháp nhờ đó một Tỳ kheo— không phải do lòng tin … không phải do chấp nhận một quan điểm sau khi cân nhắc suy xét nó— có thể tuyên bố trí-biết cuối cùng như vầy: ‘Sinh đã tận diệt … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’ Và cái gì là phương pháp đó? Ở đây, này các Tỳ kheo, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, nếu có tham, sân, hay si ở bên trong, người đó hiểu: ‘Có tham, sân, hoặc si ở bên trong’; hoặc, nếu không có tham, sân, hay si ở bên trong, người đó hiểu: ‘Không có tham, sân, hay si ở bên trong’.151 Từ sự việc (nhìn thấy) như vậy, thì có phải những điều trên được hiểu là do [dựa vào] (i) niềm-tin, (ii) sự chấp-thuận, (iii) truyền thống truyền miệng, (iv) sự nhận-biết từ lý giải, (v) sự chấp-nhận một quan-điểm sau khi đã suy-xét kỹ nó, hay không?” “Dạ không, thưa Thế Tôn.” “Vậy có phải những điều này được hiểu là do nhìn thấy chúng bằng trí-tuệ, hay không?” “Đúng vậy, thưa Thế Tôn” “Này các Tỳ kheo, đây là phương pháp nhờ đó một Tỳ kheo … có thể tuyên bố trí-biết cuối cùng như vầy: ‘Sinh đã tận diệt … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’ “Thêm nữa, này các Tỳ kheo, khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, nếu có tham, sân, hay si ở bên trong, người đó hiểu: ‘Có tham, sân, hoặc si ở bên trong’; hoặc, nếu không có tham, sân, hay si ở bên trong, người đó hiểu: ‘Không có tham, sân, hay si ở bên trong’. Từ sự việc (nhìn thấy) như vậy, thì có phải



những điều trên được hiểu là do [dựa vào] (i) niềm-tin … (v) sự chấpnhận một quan-điểm sau khi đã suy-xét kỹ nó, hay không?” “Dạ không, thưa Thế Tôn.” “Vậy có phải những điều này được hiểu là do nhìn thấy chúng bằng trí-tuệ, hay không?” “Đúng vậy, thưa Thế Tôn” “Này các Tỳ kheo, đây là phương pháp nhờ đó một Tỳ kheo—(i) không phải do (dựa vào) niềm-tin … (v) không phải do sự chấp-nhận một quan-điểm sau khi đã suy xét kỹ nó—có thể tuyên bố trí-biết cuối cùng như vầy: ‘Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa’.” (SN 35:153)

154 (9) Được Trang Bị Các Căn Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn … và thưa: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘được trang bị các căn, được trang bị các căn’152 Thưa Thế Tôn, theo cách nào là một người được trang bị các căn?” “Này Tỳ kheo, nếu trong khi một người an trú quán sát (quán niệm, quán xét) sự lên và xuống của căn-mắt, người đó trải nghiệm sự ghê-sợ đối với căn-mắt; nếu trong khi người đó quán sát sự lên và xuống của căn- tai, người đó trải nghiệm sự ghê-sợ đối với căn-tai … nếu trong khi người đó quán sát sự lên và xuống của căn-tâm, người đó trải nghiệm sự ghê-sợ đối với căn-tâm, thì sau khi trải nghiệ

Ý

128 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’ Này Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là người đó được trang bị các căn.” (SN 35:154)

155 (10) Người Thuyết Pháp Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn … và thưa: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘người thuyết Pháp, người thuyết Pháp’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là một người thuyết Pháp?”153 “Này Tỳ kheo, nếu ai chỉ dạy Giáo Pháp vì mục đích dẫn tới sự ghê- sợ đối với mắt, để dẫn tới sự phai-biến và sự chấm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một người thuyết Pháp. Nếu ai tu tập vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với mắt, để dẫn tới sự phai-biến và sự chấm-dứt nó, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập đúng theo Giáo Pháp. Nếu, thông qua sự ghê-sợ đối với mắt, thông qua sự phai-biến và chấm-dứt của nó, người tu được giải-thoát nhờ sự không còn dính-chấp, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đã chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này. “Này các Tỳ kheo, nếu ai chỉ dạy Giáo Pháp vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với tai … tTJETQ EMC /P </MCID 9>> BDC q0.000007689 0 516 728.64 reW* nB

Chương 35  Liên Kết SÁU CƠ-SỞ CẢM-NHẬN • 129

PHẦN IV. ‘NĂM MƯƠI KINH THỨ TƯ’

NHÓM 1. NHÓM ‘TIÊU DIỆT SỰ THÍCH-THÚ’ (Nadikkhaya-vagga)

156 (1) Tiêu Diệt Sự Thích-Thú (1) (bên trong)154 “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nhìn thấy mắt vô thường đúng như nó thực chất là vô thường: đó là cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) của người đó. Sau khi nhìn thấy một cách đúng đắn như vậy, người đó trải nghiệm sự ghê-sợ. Nhờ tiêu diệt sự thích-thú [vui thú, khoái lạc] nên có sự tiêu diệt nhục-dục; nhờ tiêu diệt nhục-dục nên có sự tiêu diệt sự thích-thú. Nhờ sự tiêu diệt sự thích-thú và nhục-dục nên tâm được giải-thoát và được cho là được giải-thoát một cách khéo léo. “Một Tỳ kheo nhìn thấy tai vô thường đúng như nó thực chất là vô thường … tâm vô thường đúng như nó thực chất là vô thường: đó là cách- nhìn đúng đắn của người đó. Sau khi nhìn thấy một cách đúng đắn như vậy, người đó trải nghiệm sự ghê-sợ. Nhờ sự tiêu diệt sự thích-thú nên có sự tiêu diệt nhục-dục; nhờ sự tiêu diệt nhục-dục nên có sự tiêu diệt sự thích-thú. Nhờ sự tiêu diệt sự thích-thú và nhục-dục nên tâm được giải- thoát và được cho là được giải-thoát một cách khéo léo. (SN 35:156)

157 (2) Tiêu Diệt Sự Thích-Thú (2) (bên ngoài) [Giống kinh kế trên, nhưng ghi ‘sáu cơ-sở cảm-nhận bên ngoài’ (sáu ngoại xứ; sáu đối-tượng giác quan).]

130 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

(SN 35:157)

158 (3) Tiêu Diệt Sự Thích-Thú (3) (bên trong) 155 “Này các Tỳ kheo, hãy chú-tâm một cách kỹ càng (như lý tác ý) tới mắt. Hãy nhận thấy tính vô thường của mắt đúng như nó thực là. Khi một Tỳ kheo chú-tâm một cách kỹ càng tới mắt và nhận thấy tính vô

thường của mắt đúng như nó thực là, thì người đó trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt. Nhờ sự tiêu diệt sự thích-thú [vui thú, khoái lạc] nên có sự tiêu diệt nhục-dục; nhờ sự tiêu diệt nhục-dục nên có sự tiêu diệt sự thích-thú. Nhờ sự tiêu diệt sự thích-thú và nhục-dục nên tâm được giải-thoát và được cho là được giải-thoát một cách khéo léo. "Này các Tỳ kheo, hãy chú-tâm một cách kỹ càng tới tai … tâm. Hãy nhận thấy tính vô thường của tai … tâm đúng như nó thực là … Nhờ sự tiêu diệt sự thích-thú và nhục-dục nên tâm được giải-thoát và được cho là được giải-thoát một cách khéo léo." (SN 35:158)

159 (4) Tiêu Diệt Sự thích-thú (4) (bên ngoài) [Giống kinh kế trên, nhưng ghi 'sáu cơ-sở cảm-nhận bên ngoài' (sáu ngoại xứ; sáu đối-tượng giác quan).]

(SN 35:159)

160 (5) Vườn Xoài của Jīvaka (1) 156 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu Vườn Xoài của (lương y) Jīvaka. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy:



"Này các Tỳ kheo, hãy tu tập sự định-tâm. Khi một Tỳ kheo đạt định, thì mọi thứ sẽ thể hiện (hiện thị, hiển lộ, trở nên rõ ràng) đối với người đó đúng như chúng thực là.157 Và cái gì sẽ thể hiện đối với người đó đúng như nó thực là? Mắt sẽ thể hiện đối với người đó đúng như nó thực là—là vô thường. Những hình-sắc thể hiện đối với người đó đúng như chúng thực là—là vô thường. Thức-mắt … Sự tiếp-xúc mắt … Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng thể hiện đối với người đó đúng như chúng thực là—đều là vô thường. "Tai thể hiện đối với người đó đúng như nó thực là … Tâm thể hiện đối với người đó đúng như nó thực là … Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên) … cũng thể hiện đối với người đó đúng như chúng thực là—đều là vô thường. "Này các Tỳ kheo, hãy tu tập sự định-tâm. Khi một Tỳ kheo đạt định, thì mọi thứ sẽ thể hiện đối với người đó đúng như chúng thực là." (SN 35:160)

161 (6) Vườn Xoài của Jīvaka (2) Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu Vườn Xoài của (lương y) Jīvaka. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các Tỳ kheo, hãy phấn-đấu (tinh cần) ở nơi tách-ly (trú ẩn dật để thiền tập). Khi một Tỳ kheo trú tách-ly, thì mọi thứ sẽ thể hiện (hiện thị, hiển lộ, trở nên rõ ràng) đối với người đó đúng như chúng thực là. [Phần còn lại giống như kinh kế trên.]

(SN 35:161)

162 (7) Ngài Câu-hy-la (1) 158



Lúc đó có Ngài Đại Câu-hi-la (Mahā-Koṭṭhita) đến gặp đức Thế Tôn … và thưa: "Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống tu một mình, thu mình (lui về),

chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.” “Này Câu-hi-la, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là vô thường. Và cái gì là vô thường? Mắt là vô thường; thầy nên dẹp bỏ tham muốn đối với nó. Những hình-sắc là vô thường … Thức-mắt là vô thường … Sự tiếp-xúc mắt là vô thường … Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính— cũng đều là vô thường; thầy nên dẹp bỏ tham muốn đối với chúng. “Tai là vô thường … Tâm là vô thường … Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên) … cũng đều là vô thường; thầy nên dẹp bỏ tham muốn đối với chúng. “Này Câu-hi-la, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là vô thường.” (SN 35:162)

163 (8) Ngài Câu-hy-la (2) … “Này Câu-hi-la, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là khổ.” … [Tiếp tục như kinh kế trên, chỉ thay chữ ‘vô-thường’ thành chữ ‘khổ’.]

(SN 35:163)

164 (9) Ngài Câu-hy-la (Koṭṭhita) (3)



… “Này Câu-hi-la, thầy nên dẹp bỏ tham muốn đối với bất cứ thứ gì là vô-ngã.” … [Tiếp tục như kinh kế trên, chỉ thay chữ ‘khổ’ thành chữ ‘vô- ngã’.]

(SN 35:164)

165 (10) Dẹp Bỏ Cách Nhìn Sai Lạc 159 Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn … và thưa: “Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người nên biết, theo cách nào một người nên thấy, để cách-nhìn sai lạc (tà kiến) bị dẹp bỏ?” “Này Tỳ kheo, khi một người biết và thấy mắt … tâm là vô thường, thì cách-nhìn sai lạc bị dẹp bỏ. Khi một người biết và thấy những hình-sắc … … những hiện-tượng thuộc tâm là vô thường. … thức-mắt … … thức- tâm là vô thường. … sự tiếp-xúc mắt … … sự tiếp-xúc tâm là vô thường … mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt … … tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là vô thường, thì cách-nhìn sai lạc sẽ bị dẹp bỏ. Đó là, khi một người biết và thấy như vậy thì cách nhìn sai-lạc bị dẹp bỏ.” (SN 35:165)

166 (11) Dẹp Bỏ Cách Nhìn Có Danh-Tính (thân kiến) [Giống kinh kế trên, chỉ thay “cách-nhìn sai lạc” (tà kiến) thành “cáchnhìn có danh-tính” (thân kiến).] (SN 35:166)

167 (12) Dẹp Bỏ Cách Nhìn Có Cái-Ta (ngã kiến) [Giống kinh kế trên, chỉ thay “cách-nhìn có danh-tính” (thân kiến) thành “cách-nhìn có cái-ta” (ngã kiến).] (SN 35:167)



NHÓM 2. NHÓM ‘SÁU MƯƠI KINH LẶP LẠI & TÓM LƯỢC’ (Saṭṭhi-Peyyāla-vagga)160

168 (1) Tham Muốn đối với thứ Vô Thường (bên trong) “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là vô thường. Và cái gì là vô thường? Mắt là vô thường … Tâm là vô thường; các thầy nên dẹp bỏ nó. Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là vô thường.” (SN 35:168)

169 (2) Nhục Dục đối với thứ Vô Thường (bên trong) “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô thường. Và cái gì là vô thường? Mắt là vô thường … Tâm là vô thường; các thầy nên dẹp bỏ nó. Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô thường.” (SN 35:169)

170 (3) Tham Muốn & Nhục Dục đối với thứ Vô Thường (bên trong) “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô thường. Và cái gì là vô thường? Mắt là vô thường … Tâm là vô thường; các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là đối với nó. Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham- muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô thường.” (SN 35:170)

171 (4)  173 (6) Tham Muốn ... đối với thứ Khổ (bên trong)



“Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là khổ … Các thầy nên dẹp bỏ nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là khổ … Các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là khổ. Và cái gì là khổ? Mắt là khổ … Tâm là khổ; các thầy nên dẹp bỏ tham- muốn và nhục-dục đối với nó. Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là khổ.” (SN 35:171173)

174 (7)  176 (9) Tham Muốn ... đối với thứ Vô Ngã (bên trong) “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là vô ngã … Các thầy nên dẹp bỏ nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô ngã … Các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô ngã. Và cái gì là vô ngã? Mắt là vô ngã. … Tâm là vô ngã; các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với nó. Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô ngã.” (SN 35:174176)

177 (10)  179 (12) Tham Muốn ... đối với thứ Vô-Thường (bên ngoài) “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là vô thường … khổ … vô ngã. Các thầy nên dẹp bỏ nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô thường … khổ … vô ngã. Các thầy nên dẹp bỏ tham- muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô thường … khổ … vô ngã. Và cái gì là vô thường? Những hình-sắc là vô thường … Những hiện- tượng thuộc tâm là vô thường; các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục- dục đối với nó. Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô thường.” (SN 35:177179)



180 (13)  182 (15) Tham Muốn ... đối với thứ Khổ (bên ngoài) “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là khổ … Các thầy nên dẹp bỏ nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là khổ … Các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là khổ. Và cái gì là khổ? Những hình-sắc là khổ … Những hiện-tượng thuộc tâm là khổ; các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với nó. Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là khổ.” (SN 35:180182)

183 (16)  185 (18) Tham Muốn đối với thứ Vô-Ngã (bên ngoài) “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là vô ngã … Các thầy nên dẹp bỏ nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô ngã … Các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô ngã. Và cái gì là vô ngã? Những hình-sắc là vô ngã … Những hiện- tượng thuộc tâm là vô ngã; các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với nó. Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô ngã.” (SN 35:183185)

186 (19) Quá Khứ là Vô Thường (bên trong) “Này các Tỳ kheo, mắt … tâm thuộc quá khứ là vô thường. “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt … đối với tâm. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự biết: ‘Tâm được giải-



thoát’. Người đó hiểu: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa’.” (SN 35:186)

187 (20) Tương Lai là Vô Thường (bên trong) “Này các Tỳ kheo, mắt … tâm thuộc tương lai là vô thường. “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa’.” (SN 35:187)

188 (21) Hiện Tại là Vô Thường (bên trong) “Này các Tỳ kheo, mắt … tâm thuộc hiện tại là vô thường. “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử … trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận … không còn trở lại trạng thái hiệnhữu (tái sinh) nào nữa’.” (SN 35: 188)

189 (22)  191 (24) Quá Khứ ... Tương Lai ... Hiện Tại là Khổ (bên trong) “Này các Tỳ kheo, mắt … tâm thuộc quá khứ … thuộc tương lai … thuộc hiện tại là khổ. “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử … trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận … không còn trở lại trạng thái hiệnhữu (tái sinh) nào nữa’.” (SN 35:189191)



199 (34)  203 (38) Quá Khứ ... Tương Lai ... Hiện Tại là Vô Ngã (bên ngoài) “Này các Tỳ kheo, những hình-sắc … những hiện-tượng thuộc tâm thuộc quá khứ … thuộc tương lai … thuộc hiện tại là vô ngã. “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử … trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận … không còn trở lại trạng thái hiệnhữu (tái sinh) nào nữa’.” (SN 35:201203)

204 (39) Thứ Vô Thường thuộc Quá Khứ (bên trong) “Này các Tỳ kheo, mắt … tâm thuộc quá khứ đã là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’. “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử … trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận … không còn trở lại trạng thái hiện- hữu (tái sinh) nào nữa’.” (SN 35:204)

205 (40) Thứ Vô Thường thuộc Tương Lai (bên trong) “Này các Tỳ kheo, mắt … tâm thuộc tương lai sẽ là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta.’



210 (45)  212 (47) Thứ Vô Ngã thuộc Quá Khứ ... Tương Lai ... Hiện Tại (bên trong) “Này các Tỳ kheo, mắt … tâm thuộc quá khứ … thuộc tương lai … thuộc hiện tại là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta.’ “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử … trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận … không còn trở lại trạng thái hiện- hữu (tái sinh) nào nữa’.” (SN 35:210212)

213 (48)  215 (50) Thứ Vô Thường thuộc Quá Khứ ... Tương Lai ... Hiện Tại (bên ngoài) “Này các Tỳ kheo, những hình-sắc … những hiện-tượng thuộc tâm thuộc quá khứ … thuộc tương lai … thuộc hiện tại là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta.’ “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử … trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận … không còn trở lại trạng thái hiện- hữu (tái sinh) nào nữa’.” (SN 35:213215)

216 (51)  218 (53) Thứ Khổ thuộc Quá Khứ ... Tương Lai ... Hiện Tại (bên ngoài) “Này các Tỳ kheo, những hình-sắc … những hiện-tượng thuộc tâm thuộc quá khứ … thuộc tương lai … thuộc hiện tại là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng



trí-tuệ chánh đúng, như vầy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta.’ “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử … trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận … không còn trở lại trạng thái hiệnhữu (tái sinh) nào nữa’.” (SN 35:216218)

219 (54)  221 (56) Thứ Vô Ngã thuộc Quá Khứ ... Tương Lai ... Hiện Tại (bên ngoài) “Này các Tỳ kheo, những hình-sắc … những hiện-tượng thuộc tâm thuộc quá khứ … thuộc tương lai … thuộc hiện tại là vô-ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vầy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta.’ “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử … trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận … không còn trở lại trạng thái hiện- hữu (tái sinh) nào nữa’.” (SN 35:219221)

222 (57) Những Cơ-Sở [nội xứ] là Vô Thường (bên trong) “Này các Tỳ kheo, mắt là vô-thường … tâm là vô thường. “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử … trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận … không còn trở lại trạng thái hiệnhữu (tái sinh) nào nữa’.” (SN 35:222)

223 (58) Các Cơ-Sở là Khổ (bên trong) “Này các Tỳ kheo, mắt là khổ … tâm là khổ.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử … trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận … không còn trở lại trạng thái hiệnhữu (tái sinh) nào nữa’.” (SN 35:223)

224 (59) Các Cơ-Sở là Vô Ngã (bên trong) “Này các Tỳ kheo, mắt là vô ngã … tâm là vô ngã. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử … trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận … không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa’.” (SN 35:224)

225 (60) Các Cơ-Sở [ngoại xứ] là Vô Thường (bên ngoài) “Này các Tỳ kheo, những hình-sắc … những hiện-tượng thuộc tâm là vô thường. “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử … trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận … không còn trở lại trạng thái hiệnhữu (tái sinh) nào nữa’.” (SN 35:225)

226 (61) Các Cơ-Sở là Khổ (bên ngoài) “Này các Tỳ kheo, những hình-sắc … những hiện-tượng thuộc tâm là khổ. “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử … trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận … không còn trở lại trạng thái hiệnhữu (tái sinh) nào nữa’.” (SN 35:226)

144 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

227 (62) Các Cơ-Sở là Vô Ngã (bên ngoài) “Này các Tỳ kheo, những hình-sắc … những hiện-tượng thuộc tâm là vô ngã. “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử … trải nghiệm sự ghê-sợ … Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tậ

146 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

229 (2) Đại Dương (2) “Này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy thường nói về ‘đại dương, đại dương’. Nhưng đó không phải là đại dương theo Giới Luật của Thánh Nhân; đó chỉ là một biển nước lớn, một biển nước bao la. “Này các Tỳ kheo, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Đây được gọi là đại dương theo Giới Luật của Thánh Nhân. Ở đây, thế giới này có các thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, hầu hết đã bị chìm nghỉm,163 đã thành như một cuộn chỉ rối, như một trái sợi thắt rối, như một mớ bùi nhùi rối bung, và không thể vượt qua cảnh giới đày đọa, những nơi-đến thấp xấu, cõi dưới, vòng luân-hồi (saṃsāra). “Có những âm-thanh được nhận biết bởi tai … … Có những hiện- tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Ở đây thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, có các thiên thần và loài người, hầu hết đã bị chìm nghỉm, đã thành như một cuộn chỉ rối, như một trái sợi thắt rối, như một mớ bùi nhùi rối ben, và không thể vượt qua cảnh giới đày đọa, những nơi-đến thấp xấu, cõi dưới, vòng luân-hồi.164 “Người đã xóa sạch tham-dục và sân-hận, Cùng với [ô nhiễm] vô-minh, Thì đã vượt qua đại dương này vốn rất khó vượt qua, Với đầy hiểm nguy là sóng dữ, cá mập, quỷ dữ. “Người đã vượt khỏi

sự trói-buộc, Người đã loại bỏ cái chết, không còn những sự thu-nạp (sanh y), Đã trừ bỏ sự khổ,165 không còn tái hiện-hữu. Đã qua đời, không còn có thể đo lường được, Ta nói: Người đó đã làm Thần Chết chưng hửng." (SN 35:229)



230 (3) Ví Dụ Ngư Dân "Này các Tỳ kheo, ví dụ có một ngư dân thả một lưỡi câu có mồi xuống một hồ sâu, và một con cá đang đi tìm thức ăn nuốc trúng nó. Con cá đó, sau khi đã nuốt lưỡi câu của ngư dân, coi như đã gặp tai nạn và thảm họa, và ngư dân đó muốn làm gì nó cũng được. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có sáu lưỡi câu trong thế gian là thảm họa của chúng sinh, là sự tàn sát chúng sinh.166 (1) "Này các Tỳ kheo, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc (thích thú, vui thú) trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo đã nuốt lưỡi câu của Ma Vương. Người đó coi như đã gặp phải tai nạn và thảm họa, và Ác Ma muốn làm gì người đó cũng được. "Này các Tỳ kheo, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai … có những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo đã nuốt lưỡi câu của Ma Vương. Người đó coi như đã gặp phải tai nạn và thảm họa, và Ác Ma muốn làm gì người đó cũng được. (2) "Này các Tỳ kheo, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo không tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, không chào đón chúng, và không ôm dính theo chúng, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo không nuốt lưỡi câu của Ma Vương. Người đó không gặp phải tai nạn và thảm họa, và Ác Ma không làm gì được người đó.



"Này các Tỳ kheo, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai … có những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo không tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, không chào đón chúng, và không ôm dính theo chúng, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo không nuốt lưỡi câu của Ma Vương. Người đó không gặp phải tai nạn và thảm họa, và Ác Ma không làm gì được người đó. (SN 35:230)

231 (4) Cây Có Mủ (1) "Này các Tỳ kheo, đối với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, nếu bên trong một Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào vẫn còn tham-dục và chưa được dẹp bỏ, nếu vẫn còn sân-giận và chưa được dẹp bỏ, nếu vẫn còn si- mê và chưa được dẹp bỏ, thì ngay cả những hình-sắc tầm thường lọt vào [đi vào] tầm-mắt cũng ám muội cái tâm, nói chi tới những hình-sắc nổi bật. Vì lý do gì? Bởi vì tham-dục vẫn còn và chưa được dẹp bỏ, sân-giận vẫn còn và chưa được dẹp bỏ, si-mê vẫn còn và chưa được dẹp bỏ. "Tương tự đối với những âm-thanh được nhận biết bởi tai … … những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm. - "Này các Tỳ kheo, ví dụ có một cây có mủ (nhựa

cây)—như cây as- sattha (cây bồ-đề) hoặc cây banyan (cây đa, nigrodha) hoặc cây pilakkha (cây vả) hoặc cây udumbara (cây sung)167—còn tươi, non, mềm. Nếu một người chặt khúc nó bằng cây rìu bén, thì mủ có ứa ra không?" "Có, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Bởi vì (trong đó) vẫn còn mủ cây." - "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, nếu bên trong một Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào vẫn còn tham-dục và chưa được dẹp bỏ, nếu vẫn còn sân-giận và chưa được dẹp bỏ, nếu vẫn còn si-mê và chưa được dẹp bỏ, thì ngay cả những hình-sắc tầm thường lọt vào tầm-mắt cũng ám muội cái tâm, nói chi tới



những hình-sắc nổi bật. Vì lý do gì? Bởi vì tham-dục vẫn còn và chưa được dẹp bỏ, sân-giận vẫn còn và chưa được dẹp bỏ, si-mê vẫn còn và chưa được dẹp bỏ. "Tương tự đối với những âm-thanh được nhận biết bởi tai … … những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm." (2) "Này các Tỳ kheo, đối với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, nếu bên trong một Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào không còn tham-dục và đã được dẹp bỏ, nếu không còn sân-giận và đã được dẹp bỏ, nếu không còn si-mê và đã được dẹp bỏ, thì ngay cả những hình-sắc nổi bật lọt vào [đi vào] tầm-mắt cũng không ám muội được cái tâm, nói chi tới những hình- sắc tầm thường. Vì lý do gì? Bởi vì tham-dục không còn và đã được dẹp bỏ, sân-giận không còn và đã được dẹp bỏ, si-mê không còn và đã được dẹp bỏ. "Tương tự đối với những âm-thanh được nhận biết bởi tai … … những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm. - "Này các Tỳ kheo, ví dụ có một cây có mủ (nhựa)—như cây assat- tha (cây bồ-đề) hoặc cây banyan (cây đa lớn, nigrodha) hoặc cây pilakkha (cây vả) hoặc cây udumbara (cây sung)—đã khô, đã khô cứng, đã qua thời xanh tươi. Nếu một người chặt khúc nó bằng cây rìu bén, thì mủ có ứa ra không?" "Không, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Bởi vì (trong đó) không còn mủ cây." - "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, nếu bên trong một Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào không còn tham-dục và đã được dẹp bỏ, nếu không còn sân-giận và đã được dẹp bỏ, nếu không còn si-mê và đã được dẹp bỏ, thì ngay cả những hình-sắc nổi bật lọt vào tầm-mắt cũng không ám muội cái tâm, nói chi tới những hình-sắc tầm thường. Vì lý do gì? Bởi vì tham-dục không còn và đã được dẹp bỏ, sân-giận không còn và đã được dẹp bỏ, si-mê không còn và đã được dẹp bỏ.



"Tương tự đối với những âm-thanh được nhận biết bởi tai … … những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm." (SN 35:231)

232 (5) Ngài Câu-hy-la Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Đại Câu-hi-la (Mahā-Koṭṭhita) đang sống ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ở Isipat- ana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ giới). Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Câu-hi-la ra khỏi chỗ ẩn trú và đến gặp thầy Xá-lợi-phất. Thầy ấy chào hỏi với thầy Xá-lợi-phất, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và nói với thầy Xá-lợi-phất: "Này đạo hữu Xá-lợi-phất, theo cách nào mắt là gông-cùm của những hình-sắc và những hình-sắc là gông-cùm của mắt? Tai là gông-cùm của những

âm-thanh và những âm-thanh là gông-cùm của tai? … Tâm là gông-cùm của những hiện-tượng thuộc tâm và những hiện-tượng thuộc tâm là gông-cùm của tâm?" "Này đạo hữu Câu-hi-la, mắt không phải là gông-cùm của những hình-sắc và những hình-sắc cũng không phải là gông-cùm của mắt, mà chính tham-muốn và nhục-dục khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó: đó mới chính là gông-cùm. Tai không phải là gông-cùm của những âm-thanh và những âm-thanh cũng không phải là gông-cùm của tai, mà chính tham- muốn và nhục-dục khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó: đó mới chính là gông-cùm … … Tâm không phải là gông-cùm của những hiện-tượng thuộc tâm và những hiện-tượng thuộc tâm cũng không phải là gông-cùm của tâm, mà chính là tham-muốn và nhục-dục khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó: đó mới chính là gông-cùm. "Này đạo hữu, ví dụ có một con bò đen và một con bò trắng bị gông vào với nhau bởi một cái gông hay cái ách. Nếu ai là người nói một cách đúng đắn có thể nói như vầy không: 'Con bò đen là gông-cùm của con bò trắng; con bò trắng là gông-cùm của con bò đen'?"



"Không, thưa đạo hữu. Con bò đen không phải là gông-cùm của con bò trắng và con bò trắng cũng không phải là gông-cùm của con bò đen, mà chính là cái gông hay cái ách đã gông chúng lại với nhau: đó mới chính là gông-cùm." "Cũng giống như vậy, này đạo hữu, mắt không phải là gông-cùm của những hình-sắc … … và những hiện-tượng thuộc tâm cũng không phải là gông-cùm của tâm, mà chính là tham-muốn và nhục-dục khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó: đó mới chính là gông-cùm. "Này đạo hữu, nếu mà mắt là gông-cùm của những hình-sắc hay những hình-sắc là gông-cùm của mắt, thì đâu có [đâu thấy] sự sống của đời sống tâm linh (tu hành) này để tiêu diệt sự khổ.168 Nhưng vì mắt không phải là gông-cùm của những hình-sắc và những hình-sắc không phải là gông-cùm của mắt—mà chính tham-muốn và nhục-dục khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó—cho nên mới có sự sống của đời sống tâm linh này để tiêu diệt sự khổ. "Này đạo hữu, nếu mà tai là gông-cùm của những âm-thanh … … Nếu mà tâm là gông-cùm của những hiện-tượng thuộc tâm hay những hiện-tượng thuộ



Thế Tôn có tâm, đức Thế Tôn nhận biết hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, nhưng không có tham-muốn và nhục-dục trong đức Thế Tôn; đức Thế Tôn đã khéo được giải-thoát trong tâm. "Này đạo hữu, theo cách như vậy có thể hiểu được cách mắt không phải là gông-cùm của những hình-sắc và những hình-sắc cũng không phải là gông-cùm của mắt, mà chính tham-muốn và nhục-dục khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó mới là gông-cùm ở đó; cách tai không phải là gông-cùm của những âm-thanh … … cách tâm không phải là gông-cùm của những hiện-tượng thuộc tâm và những hiện-tượng thuộc tâm cũng không phải là gông-cùm của tâm, mà chính tham-muốn và nhục-dục khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó mới là gông-cùm ở đó." (SN 35:232)

233 (6) Ngài Kāmabhū Trong một lần Ngài Ānanda và Ngài Kāmabhū đang sống trong Tịnh Xá Ghosita. Lúc đó, vào buổi cuối chiều, thầy Kāmabhū ra khỏi chỗ ẩn trú và đến

gặp thầy Ānanda. Thầy ấy chào hỏi với thầy Ānanda, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên và nói với thầy Ānanda: “Này đạo hữu Ānanda, theo cách nào mắt là gông-cùm của những hình-sắc hay những hình-sắc là gông-cùm của mắt? … … Tâm là gông- cùm của những hiện-tượng thuộc tâm hay những hiện-tượng thuộc tâm là gông-cùm của tâm?” “Này đạo hữu Kāmabhū, mắt không phải là gông-cùm của mắt … … Tâm không phải là gông-cùm của những hiện-tượng thuộc tâm và những hiện-tượng thuộc tâm cũng không phải là gông-cùm của tâm, mà chính tham-muốn và nhục-dục khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó: đó mới chính là gông-cùm ở đó.



“Này đạo hữu, ví dụ có một con bò đen và một con bò trắng bị ách cổ vào với nhau bởi một cái gông hay cái ách. Nếu ai là người nói một cách đúng đắn có thể nói như vầy không: ‘Con bò đen là gông-cùm của con bò trắng; con bò trắng là gông-cùm của con bò đen’?” “Không, thưa đạo hữu. Con bò đen không phải là gông-cùm của con bò trắng và con bò trắng cũng không phải là gông-cùm của con bò đen, mà chính là cái gông hay cái ách gông chúng lại với nhau: đó mới chính là gông-cùm.” “Cũng giống như vậy, này đạo hữu, mắt không phải là gông-cùm của những hình-sắc … … và những hiện-tượng thuộc tâm cũng không phải là gông-cùm của tâm, mà chính là tham-muốn và nhục-dục khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó: đó mới chính là gông-cùm.” (SN 35:233)

234 (7) Ngài Udāyī Trong một lần Ngài Ānanda và Ngài Udāyī đang sống ở Kosambī trong Tịnh Xá Ghosita. Lúc đó, vào buổi cuối chiều, thầy Udāyī ra khỏi chỗ ẩn trú và đến gặp thầy Ānanda. Thầy ấy chào hỏi với thầy Ānanda, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên và nói với thầy Ānanda: “Này đạo hữu Ānanda, đức Thế Tôn đã tuyên bố, đã khai mở, và đã làm cho thấy [bản chất của] thân này theo nhiều cách, như vầy: ‘Vì lý do như vậy nên thân này là vô ngã’. Vậy có thể giải thích [bản chất của] thức theo cách tương tự như vậy hay không? Có thể chỉ dạy, tuyên thuyết, thiết lập, khai mở, phân tích, và làm rõ điều đó như vầy: ‘Vì lý do như vậy nên thức là vô ngã’, hay không?” “Có thể được, này đạo hữu Udāyī. Có phải thức-mắt khởi sinh tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc?” “Đúng, thưa đạo hữu.”



“Nếu nguyên-nhân và điều-kiện (nhân duyên) làm khởi sinh thức-mắt chấm-dứt hoàn toàn và sạch sẽ [không còn tàn dư], thì liệu thức-mắt có còn [được thấy] hay không?” “Không, thưa đạo hữu.” “Này đạo hữu, chính theo cách này đức Thế Tôn đã tuyên bố, đã khai mở, đã công khai như vầy: ‘Vì lý do như vậy nên thức là vô ngã’. “Có phải thức-tai … thức-tâm khởi sinh tùy thuộc vào tai và những âm-thanh hay không?” “Đúng, thưa đạo hữu.” “Nếu nguyên-nhân và điều-kiện làm khởi sinh thức-tai … thức-tâm chấm dứt hoàn toàn và sạch sẽ, thì liệu thức-tai … thức-tâm có còn [được thấy], hay không?” “Không, thưa đạo hữu.” “Này đạo hữu, cũng theo cách này đức Thế Tôn đã được tuyên bố, đã khai mở, và đã làm cho thấy điều này như vầy: ‘Vì lý do như vậy nên thức là vô ngã’.” “Này đạo hữu, ví dụ có người đang cần gỗ lõi, đang tìm kiếm

gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, người đó lấy rìu bén và đi vô rừng.169 Người đó nhìn thấy một cây chuối lớn, thẳng, tươi, không có cùi buồng chuối. Người đó đốn gốc hạ cây xuống, chặt bỏ phần lá, và lột bẹ chuối. Khi người đó lột bẹ chuối, người đó không tìm thấy thậm chí một chút phần gỗ mềm, nói chi tới phần gỗ lõi. "Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo không nhận thấy trong sáu cơ-sở tiếp xúc (sáu giác-quan, sáu nội xứ) này có một bản ngã nào hay có thứ gì thuộc về một bản ngã. Bởi vì người đó không nhận thấy có thứ gì như vậy, nên người đó không còn dính-chấp vào thứ gì trong thế giới. Do không còn dính-chấp (thủ diệt), nên người đó không còn bị khích-động. Do không còn bị khích-động, nên người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: "Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những



gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa'." (SN 35:234)

235 (8) Bài Giảng về sự Bốc Cháy "Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy bài giảng Giáo Pháp về chủ đề bốc-cháy. Hãy lắng nghe điều đó ... (1) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là bài giảng Giáo Pháp về chủ đề bốc-cháy? Này các Tỳ kheo, thà căn-mắt bị hủy hoại bởi một cây kim sắt đang bốc cháy, đang cháy đỏ, đang đỏ rực còn tốt hơn một người cứ nắm giữ dấu-hiệu (tướng, hình tướng, tướng chung) thông qua những đặc-điểm (nét, nét riêng, chi tiết) trong một hình-sắc được nhận biết bởi mắt.170 Bởi nếu khi chết mà thức đang hiện hành (có mặt) bị dính theo sự thỏa-thích trong dấu-hiệu hay những đặc-điểm đó, thì có thể người đó sẽ tới (tái sinh vào) một trong hai nơi-đến: địa ngục hoặc cõi súc sinh. Sau khi đã nhìn thấy mối nguy-hại này, ta mới nói như vậy. (2) "Này các Tỳ kheo, thà căn-tai bị hủy hoại bởi một cọng sắt đang bốc cháy, đang cháy đỏ, đang đỏ rực còn tốt hơn một người cứ nắm giữ dấu-hiệu thông qua những đặc-điểm trong một âm-thanh được nhận biết bởi tai. Bởi nếu khi chết mà thức hiện hành bị dính theo sự thỏa-thích trong dấu-hiệu hay những đặc-điểm đó, thì có thể người đó sẽ tới một trong hai nơi-đến: địa ngục hoặc cõi súc sinh. Sau khi đã nhìn thấy mối nguy-hại này, ta mới nói như vậy. (3) "Này các Tỳ kheo, thà căn-mũi bị hủy hoại bởi một cái kiềm bén đang bốc cháy, đang cháy đỏ, đang đỏ rực còn tốt hơn một người cứ nắm giữ dấu-hiệu thông qua những đặc-điểm trong một mùi-hương được nhận biết bởi mũi. Bởi nếu khi chết ... (4) "Này các Tỳ kheo, thà căn-lưỡi bị hủy hoại bởi một lưỡi dao bén đang bốc cháy, đang cháy đỏ, đang đỏ rực còn tốt hơn một người cứ nắm



giữ dấu-hiệu thông những đặc-điểm trong một mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi. Bởi nếu khi chết ... (5) "Này các Tỳ kheo, thà căn-thân bị hủy hoại bởi một ngọn giáo bén đang bốc cháy, đang cháy đỏ, đang đỏ rực còn tốt hơn một người cứ nắm giữ dấu-hiệu thông qua những đặc-điểm trong một đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân. Bởi nếu khi chết mà thức hiện hành bị dính theo sự thỏa-thích trong dấu-hiệu hay những đặc-điểm, thì có thể người đó sẽ tới một trong hai nơi-đến: địa ngục hoặc cõi súc sinh. Sau khi đã nhìn thấy mối nguy-hại này, ta mới nói như vậy. (6) "Này các Tỳ kheo, thà

ngủ đi—cho dù chỉ ngủ thì vô-dụng (cằn trơ) đối với sự sống, chỉ ngủ thì vô-ích (không kết quả) đối với sự sống, chỉ ngủ thì vô ý-thức (không biết gì) đối với sự sống— nhưng vậy vẫn còn tốt hơn (tâm) cứ nghĩ những ý nghĩ có thể xui khiến mình tạo ra sự chia rẽ trong Tăng đoàn. Sau khi đã nhìn thấy mối nguy-hại này, ta nói như vậy.171 “Đối với vấn đề này, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy biết suy xét (quán chiếu) như vầy: (1) ‘Dẹp luôn cái vụ “thà để căn-mắt bị hủy hoại bởi một cây kim sắt đang bốc cháy, đang cháy đỏ, đang đỏ rực …”. Ta chỉ chú-tâm (tác ý) vào điều này: “Mắt là vô thường, những hình-sắc là vô thường, thức-mắt là vô thường, sự tiếp-xúc mắt là vô thường, mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính— cũng đều là vô thường.’ (2) ‘Dẹp luôn cái vụ “thà để căn-tai bị hủy hoại bởi một cọng sắt đang bốc cháy, đang cháy đỏ, đang đỏ rực …”. Ta chỉ chú-tâm vào điều này: “Tai là vô thường, những âm-thanh là vô thường, thức-tai là vô thường, sự tiếp-xúc tai là vô thường, mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tai là điều-kiện (duyên) … cũng đều là vô thường.” (3) ‘Dẹp luôn cái vụ “thà để căn-mũi bị hủy hoại bởi một cái kiềm đang bốc cháy, đang cháy đỏ, đang đỏ rực …”. Ta chỉ chú-tâm vào điều



này: “Mũi là vô thường, những mùi-hương là vô thường, thức-mũi là vô thường, sự tiếp-xúc mũi là vô thường, mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mũi là điều-kiện (duyên) … cũng đều là vô thường.” (4) ‘Dẹp luôn cái vụ “thà để căn-lưỡi bị hủy hoại bởi một lưỡi dao đang bốc cháy, đang cháy đỏ, đang đỏ rực …” Ta chỉ chú-tâm vào điều này: “Lưỡi là vô thường, những mùi-vị là vô thường, thức-lưỡi là vô thường, sự tiếp-xúc lưỡi là vô thường, mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc lưỡi là điều-kiện (duyên) … cũng đều là vô thường.” (5) ‘Dẹp luôn cái vụ “thà để căn-thân bị hủy hoại bởi một ngọn giáo đang bốc cháy, đang cháy đỏ, đang đỏ rực …”. Ta chỉ chú-tâm vào điều này: “Thân là vô thường, những đối-tượng chạm xúc là vô thường, thức- thân là vô thường, sự tiếp-xúc thân là vô thường, mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc thân là điều-kiện (duyên) … cũng đều là vô thường.” (6) ‘Dẹp luôn cái vụ “thà ngủ đi …”. Ta chỉ chú-tâm vào điều này: “Tâm là vô thường, những hiện-tượng thuộc tâm là vô thường, thức-tâm là vô thường, sự tiếp-xúc tâm là vô thường, mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên) … cũng là vô thường.” “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt, những hình-sắc, thức-mắt, sự tiếp- xúc mắt, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên) … Người đó trải nghiệm sự ghê-sợ đối với tai … đối với lưỡi … đối với thân … đối với tâm, những hiện-tượng thuộc tâm, thức-tâm, sự tiếp-xúc tâm, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều- kiện (duyên) … Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự biết: ‘Tâm được giải-thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, không còn trở lại trạng thái hiện- hữu (tái sinh) nào 007689 0 516 728.64 reW* nBT/F1 12.48 Tf1 0 0 1 4349T/F1 12.48 Tf

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi có mắt, thì có sự sướng và sự khổ khởi sinh ở bên-trong do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên) … … Khi có tâm, thì có sự sướng sự khổ khởi sinh ở bên-trong do có tiếp- xúc tâm là điều-kiện. (2) “Này các Tỳ kheo, khi không có hai bàn tay, thì không có sự cầm lên và sự đặt xuống … “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi không có mắt, thì không có sự sướng và sự khổ khởi sinh ở bên-trong do có tiếp-xúc mắt là điều- kiện … … Khi không có tâm, thì không có sự sướng và sự khổ khởi sinh ở bên trong do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện.” (SN 35:237)



NHÓM 4. NHÓM ‘RẮN ĐỘC’ (Āsīvisa-vagga)

238 (1) Ví Dụ Rắn Độc “Này các Tỳ kheo, ví như có bốn con rắn độc bản tính nóng nảy dữ tợn và có nọc độc chết người.173 Rồi có một người tới là người muốn sống, không muốn chết, ham sướng, ghét khổ. Họ nói với anh ta: ‘Này bạn hiền, đây là bốn con rắn độc bản tính nóng nảy dữ tợn và có nọc độc chết người. Có lúc chúng phải được bắt lên; có lúc chúng phải được tắm rửa; có lúc chúng phải được cho ăn; có lúc chúng phải được đặt xuống nằm nghỉ.174 Nhưng nếu có con nào nổi tức với anh, thì, này bạn tốt, coi như anh gặp cái chết hay đau khổ như chết. Vậy hãy làm những gì cần phải làm trước đi, này người bạn tốt!’ “Rồi, này các Tỳ kheo, do sợ hãi bốn con rắn độc bản tính nóng nảy dữ tợn và có nọc độc chết người, người đó kiếm đường trốn chạy. Họ nói với anh ta: ‘Này người bạn tốt, còn có năm kẻ thù sát hại đang đuổi theo anh, trong đầu chúng nghĩ: “Hễ gặp hắn ở đâu, chúng ta sẽ lấy mạng hắn ngay.” Vậy hãy làm những gì cần phải làm trước đi, này người bạn tốt!’ “Rồi, này các Tỳ kheo, do sợ hãi bốn con rắn độc bản tính nóng nảy dữ tợn và có nọc độc chết người, và năm kẻ thù sát hại, người đó lại kiếm đường trốn chạy. Họ nói với anh ta: ‘Này người bạn tốt, còn có một kẻ thù sát hại thứ sáu, đó là một người bạn thân,175 đang đuổi theo anh với kiếm đã tuốt sẵn trong tay, trong đầu kẻ đó nghĩ: “Hễ gặp hắn ở đâu, ta chặt đầu hắn ngay.” Vậy hãy làm những gì cần phải làm trước đi, này người bạn tốt!’ “Rồi, này các Tỳ kheo, do sợ hãi bốn con rắn độc có tính nóng dữ tợn và có nọc độc chết người, và năm kẻ thù sát thủ, và kẻ sát thủ thứ sáu là người bạn thân với kiếm đã tuốt sẵn trong tay, người đó lại kiếm đường trốn chạy. Anh ta tới một ngôi làng trống không. Mọi căn nhà anh ta bước



vào đều trống không, chẳng có gì, trống rỗng. Họ nói với anh ta: ‘Này người bạn tốt, bọn cướp làng đang sắp đến tấn công176 ngôi làng trống không này. Vậy hãy làm những gì cần phải làm trước đi, này người bạn tốt!’ “Rồi, này các Tỳ kheo, do sợ hãi bốn con rắn độc có tính nóng dữ tợn và có nọc độc chết người, và năm kẻ thù sát thủ, và kẻ sát thủ thứ sáu là người bạn thân với kiếm đã tuốt sẵn trong tay, và bọn cướp làng, người đó lại kiếm đường trốn chạy. Người đó tới một biển nước lớn, với bờ bên này (bờ gần, thử ngạn) đầy hiểm nguy và đáng sợ, và bờ bên kia (bờ xa, bỉ ngạn) thì an toàn và không còn hiểm nguy, nhưng không có thuyền phà hay cầu kiều để vượt qua bên đó. “Rồi người đó nghĩ: ‘Có biển nước lớn, với bờ bên này đầy hiểm nguy và đáng sợ, và bờ

bên kia thì an toàn và không còn hiểm nguy, nhưng không có thuyền phà hay cầu kiều để vượt qua bên đó. Vậy ta hãy thu lượm cỏ, cây, cành, lá và đan cột chúng lại thành một cái bè, rồi bằng phương tiện cái bè và với sự nỗ-lực bằng chính tay chân của mình, thì ta có thể an toàn vượt qua tới bờ bên kia.'177 "Rồi người đó thu lượm cỏ, cây, cành, lá và đan cột chúng lại thành một cái bè, rồi bằng phương tiện cái bè và với sự nỗ-lực bằng chính tay chân của mình, anh ta an toàn vượt qua tới bờ bên kia. Sau khi đã vượt qua, đã qua bờ bên kia, vị bà-la-môn đó đứng trên vùng đất cao (an toàn).178 "Này các Tỳ kheo, ta đã làm ví dụ này để chuyển tải một ý nghĩa. Đây là ý nghĩa: - 'Bốn con rắn độc bản tính nóng nảy dữ tợn và có nọc độc chết người': đây là một cách để chỉ bốn yếu tố lớn (tứ đại)—yếu tố đất, yếu tố nước, yếu tố nhiệt, yếu tố khí.179 - 'Năm kẻ thù sát hại': đây là một cách để chỉ năm-uẩn bị dính-chấp (năm thủ uẩn); đó là, uẩn sắc-thân bị dính-chấp, uẩn cảm-giác bị dính-



chấp, uẩn nhận-thức bị dính-chấp, uẩn những sự tạo-tác cố ý bị dính-chấp, uẩn thức bị dính-chấp.180 - 'Kẻ thù sát hại thứ sáu, là một người bạn thân với kiếm đã tuốt sẵn trong tay': đây là một cách để chỉ khoái-lạc và nhục-dục (luôn có mặt bên trong mình, luôn thân cận bên mình).181 - 'Ngôi làng trống không': đây là một cách để chỉ sáu cơ-sở cảm-nhận bên-trong (sáu giác-quan). Này các Tỳ kheo, nếu một người khôn ngoan, giỏi giắn, thông minh xem xét chúng thông qua mắt, chúng sẽ thể hiện là 'trống rỗng, chẳng có gì, trống không'. Nếu người đó xem xét chúng thông qua tai ... ... thông qua tâm, chúng sẽ thể hiện là 'trống rỗng, chẳng có gì, trống không'. - 'Bọn cướp làng': đây là một cách để chỉ sáu cơ-sở cảm-nhận bên- ngoài (sáu đối-tượng giác quan). Này các Tỳ kheo, mắt bị tấn công bởi những hình-sắc dễ chịu và khó chịu. Tai ... Mũi ... Lưỡi ... Thân ... Tâm bị tấn công bởi những hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và khó chịu. - 'Biển nước lớn': đây là một cách để chỉ bốn dòng lũ: dòng lũ của nhục-dục, dòng lũ của sự hiện-hữu, dòng lũ của những tà-kiến, và dòng lũ của sự vô-minh. - 'Bờ bên này, đầy hiểm nguy và đáng sợ': đây là một cách để chỉ danh-tính.182 - 'Bờ bên kia, an toàn và không còn hiểm nguy': đây là một cách để chỉ Niết-bàn. - 'Cái bè': đây là một cách để chỉ con đường Bát Thánh Đạo; đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định. - 'Sự nỗ-lực bằng tay chính tay chân của mình': đây là một cách để chỉ sự phát khởi nỗ-lực (tinh tấn). - 'Sau khi đã vượt qua, đã qua bờ bên kia, vị bà-la-môn đó đứng trên vùng đất cao': đây là một cách để chỉ bậc A-la-hán." (SN 35:238)



239 (2) Ví Dụ Người Lái Xe Ngựa "Này các Tỳ kheo, nhờ có được ba phẩm-chất, một Tỳ kheo sống đầy hạnh-phúc và hoan-hỷ ngay trong kiếp này, và người đó đã đặt xong nền- móng183 cho sự tiêu diệt những ô-nhiễm. Ba đó là gì? Người đó là một người phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận, là người tiết độ trong ăn uống, và là người hết mình vì sự tỉnh-thức. (1) "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là người phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận? Ở đây, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo không nắm giữ dấu-hiệu (tướng, hình tướng, tướng chung) và những đặc-điểm (nét, nét riêng, chi tiết) của nó. Bởi vì, nếu người đó để lơ căn-mắt không được

kiềm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (ưu) sẽ xâm chiếm người đó, người đó tu tập cách kiềm chế nó, người đó phòng hộ căn-mắt, người đó đảm trách việc kiềm chế căn-mắt. Khi nghe thấy một âm-thanh … Khi ngửi thấy một mùi-hương … Khi nếm thấy một mùi-vị … Khi cảm thấy một đối-tượng chạm xúc … Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm, một Tỳ kheo không nắm giữ những dấu-hiệu và những đặc-điểm của nó. Bởi vì, nếu người đó để lơ căn-tâm không được kiềm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (ưu) sẽ xâm chiếm người đó, người đó tu tập cách kiềm chế nó, người đó phòng hộ căn-tâm, người đó đảm trách việc kiềm chế căn-tâm. - "Này các Tỳ kheo, ví dụ có một chiếc xe ngựa được kéo bởi mấy con ngựa thuần chủng đang đậu sẵn trên đất bằng ở ngã tư đường, với roi ngựa sẵn trong tay. Rồi một người huấn luyện ngựa, là một người điều khiển những con ngựa cần được huấn luyện, trèo lên xe, tay trái cầm dây cương, tay phải cầm roi, sẽ lái đi và lái về theo bất cứ đường nào ông ta muốn, bất cứ khi nào ông ta muốn. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo luyện tập cách phòng hộ sáu cửa của các căn cảm-nhận, tập luyện sự kiểm soát chúng, tập luyện sự thuần phục chúng, tập luyện sự làm tĩnh lặng



chúng. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo phòng hộ các cửa giác-quan. (2) "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo tiết độ trong ăn uống? Ở đây, sau khi suy xét một cách khôn khéo, một Tỳ kheo ăn uống (i) không phải để khoái thích giải trí; (ii) không phải để say sưa, (iii) không phải để có sắc đẹp hay để làm thân thể hấp dẫn— mà (iv) (cho mục đích) chỉ để giúp duy trì và liên tục thân này, (v) để kết thúc sự khó chịu (khi đói), và (vi) để trợ giúp đời sống tâm linh (nuôi thân để tu); tâm niệm rằng: 'Bằng cách như vậy tôi kết thúc cái cảm-giác (đói, khát, yếu, đuối) đã có trước đó, và không tạo ra cảm-giác mới. Và tôi sẽ được khỏe mạnh, và không bị chê trách [không tội lỗi]

Ã



"Này các Tỳ kheo, chính là nhờ có được ba phẩm-chất này nên một Tỳ kheo sống đầy hạnh-phúc và hoan-hỷ ngay trong kiếp này, và người đó đã đặt xong nền-móng cho sự tiêu diệt những ô-nhiễm." (SN 35:239)

240 (3) Ví Dụ Con Rùa "Này các Tỳ kheo, ngày xưa có một con rùa184 đang đi tìm thức ăn dọc bờ sông vào buổi cuối chiều. Cũng vào buổi cuối chiều đó có một con chó rừng (linh cẩu, giả can) cũng đang đi tìm thức ăn dọc bờ sông đó. Khi con rùa từ xa nhìn thấy con chó rừng đang đi tìm thức ăn, nó liền rút các chân và cổ vào bên trong mu rùa và nằm yên và im thít ngay đó.185 "Con chó rừng từ xa cũng đã nhìn thấy con rùa đang đi tìm thức ăn, nên nó đã đến gần và rình sát bên, trong đầu nghĩ rằng: 'Hễ khi con rùa thò chân hay cổ ra ngoài, ta sẽ chụp nó ngay, kéo thân thịt nó ra để ăn.' Nhưng bởi vì con rùa không thò chân hay cổ ra ngoài, nên con chó rừng đã thất bại, không chụp được rùa, nó chán nản và bỏ đi. "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, Ma Vương Ác

Ma thường xuyên và liên tục rình sát các thầy, trong đầu nghĩ rằng: ‘Có lẽ ta sẽ chụp được người đó thông qua mắt, hoặc thông qua tai … hoặc thông qua tâm.’ Bởi vậy, này các Tỳ kheo, các thầy phải sống phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận (sáu giác quan). Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, đừng nắm giữ những dấu-hiệu (tướng, hình tướng, tướng chung) và những đặc-điểm (nét, chi tiết, tướng riêng) của nó. Bởi vì, nếu các thầy để lơ căn- mắt không được phòng hộ, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như thèm- muốn (tham) và phiền-bực (ưu) sẽ xâm chiếm các thầy, các thầy hãy tập luyện cách kiềm chế nó, phòng hộ căn-mắt, đảm trách việc phòng hộ căn- mắt. “Khi nghe thấy một âm-thanh … Khi ngửi thấy một mùi-hương … Khi nếm thấy một mùi-vị … Khi cảm thấy một đối-tượng chạm xúc … Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm, đừng nắm giữ những dấu-hiệu



và những đặc-điểm của nó. Bởi vì, nếu các thầy để lơ căn-tâm không được kiềm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (ưu) sẽ xâm chiếm các thầy, các thầy hãy tu tập cách kiềm chế nó, phòng hộ căn-tâm, đảm trách việc kiềm chế căn-tâm. “Này các Tỳ kheo, khi các thầy sống phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận, thì Ma Vương Ác Ma sẽ thất bại, không chụp được các thầy, hắn sẽ chán nản bỏ đi, giống như con chó rừng bỏ đi khỏi con rùa.” Hãy thu rút những ý nghĩ của tâm, Như một con rùa rút chân vào vỏ mu của nó, Không tùy thuộc, không quấy nhiễu người khác, Đã hoàn toàn tắt ngấm (tham, sân), Một Tỳ kheo không còn phiền trách ai nữa.186 (SN 35:240)

241 (4) Ví Dụ Thân Cây Lớn (1) Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī bên bờ sông Hằng. Đức Thế Tôn nhìn thấy một thân thân cây lớn đang bị cuốn trôi theo dòng nước sông Hằng, và nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, các thầy có nhìn thấy thân thân cây lớn đó đang bị cuốn trôi theo dòng nước sông Hằng? “Dạ có, thưa Thế Tôn.” “Này các Tỳ kheo, nếu thân cây đó không dạt theo bờ bên này, không dạt theo bờ bên kia, không chìm xuống giữa dòng, không bị mắc cạn trên cồn đất nổi, không bị vớt (bắt) lấy bởi người ta, không bị vớt (bắt) lấy bởi chúng sinh khác-người (phi nhân), không bị mắc kẹt trong hụp nước xoáy, và cũng không bị mục thối ở bên trong, thì nó sẽ hướng về, đổ về, và trôi về phía biển. Vì lý do gì? Bởi vì dòng chảy của sông Hằng là hướng về, đổ về, và chảy về phía biển.



“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nếu các thầy không dạt theo bờ bên này, không dạt theo bờ bên kia, không chìm nghỉm giữa dòng, không bị mắc cạn trên cồn đất nổi, không bị bắt bởi người ta, không bị bắt bởi chúng sinh khác-người, không bị mắc kẹt trong hụp nước xoáy, và cũng không bị mục thối (suy đồi) ở bên trong, thì các thầy sẽ hướng về, đổ về, và ngã về phía Niết-bàn. Vì lý do gì? Bởi vì cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) là hướng về, nghiêng về, và ngã về phía Niết-bàn.” Sau khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã hỏi đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, cái gì là bờ bên này (bờ gần, thử ngạn)? Cái gì là bờ bên kia (bờ xa, bỉ ngạn)? Cái gì là chìm nghỉm giữa dòng? Cái gì là bị

mắc cạn trên cồn đất nổi? Cái gì là bị bắt bởi người ta? Cái gì là bị bắt bởi chúng sinh khác-người? Cái gì là bị mắc kẹt trong hụp nước xoáy? Cái gì là bị suy đồi ở bên trong?” (1) “Này Tỳ kheo: ‘bờ bên này’: đây là một cách để chỉ sáu cơ-sở cảm-nhận bên-trong (sáu nội xứ, sáu giác-quan). Còn ‘bờ bên kia’: đây là một cách để chỉ sáu cơ-sở cảm-nhận bên-ngoài (sáu ngoại xứ, sáu đối- tượng giác quan). ‘Chìm nghỉm giữa dòng’: đây là một cách để chỉ khoái- lạc và nhục-dục. ‘Bị mắc cạn trên cồn đất nổi’: đây là một cách để chỉ sự ‘tự-ta’ (ngã mạn, ta-đây). (2) “Và, này Tỳ kheo, cái gì là ‘bị bắt bởi người ta’? Ở đây, có người sống có liên hệ với những người tại gia: người đó vui chung với họ và sầu chung với họ, người đó vui khi họ vui và buồn khi họ buồn, và người đó dính líu vào những chuyện riêng và phận sự của họ.187 Đây được gọi là bị bắt bởi người ta. (3) “Và, này Tỳ kheo, cái gì là ‘bị bắt bởi chúng sinh khác-người’? Ở đây, có người sống đời sống tâm linh (tu hành) với khát nguyện [được tái sinh] vào chỗ các thiên-thần (trên cõi trời), trong đầu nghĩ: ‘Với sự giới- hạnh này, hay với sự thệ-nguyện và những lễ-nghi cúng tụng này (giới cấm thủ), hay với sự khổ-hạnh này, ta sẽ trở thành một thiên-thần hay một



trong số những thiên-thần.’ Đây được gọi là bị bắt bởi chúng sinh khác- người. (4) “Cái gì là ‘bị mắc kẹt trong hụp nước xoáy’: này Tỳ kheo, đây là một cách để chỉ năm dây khoái-lạc giác quan (ngũ dục). (5) “Và, này Tỳ kheo, cái gì là ‘bị suy đồi bên trong’? Ở đây có người thất-đức, thuộc tính cách xấu ác, có hành-vi không sạch và đáng ngờ, hành-động bí mật lén lút, không phải bậc sa-môn (tu sĩ) mà tự xưng là sa- môn, không phải người sống độc-thân mà tự xưng là người độc-thân, bên trong bị suy đồi, hư hỏng, thối nát.188 Đây được gọi là sự bị suy đồi ở bên trong.” Bấy giờ, vào lúc đó có một người chăn bò tên là Nanda đang đứng gần đức Thế Tôn. Anh ta mới thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con sẽ không dạt189 theo bờ bên này, con sẽ không dạt theo bờ bên kia, con sẽ không bị chìm nghỉm giữa dòng, con sẽ không bị mắc kẹt trên cồn đất nổi, con sẽ không bị bắt bởi người ta, con sẽ không bị bắt bởi chúng sinh khác-người, con sẽ không bị mắc kẹt trong hụp nước xoáy, con sẽ không bị suy đồi ở bên trong. Con xin được xuất gia dưới đức Thế Tôn (thành sa-di), con xin được thụ nhận toàn-bộ giới (đại thọ giới, thành Tỳ kheo)?” “Này Nanda, trong trường hợp này, hãy trả đàn bò lại cho những chủ nhân của chúng.” “Thưa Thế Tôn, các con bò sẽ tự chúng quay về vì chúng còn ràng buộc (thương yêu) những con bò con ở đó.” “Hãy trả đàn bò lại cho những chủ nhân của chúng, này Nanda.” Rồi người chăn bò Nanda đã trả lại đàn bò cho chủ bò, rồi quay trở lại gặp đức Thế Tôn, và thưa: “Các con bò đã được trả về cho các chủ bò, thưa Thế Tôn. Con xin được xuất gia dưới đức Thế Tôn, cho phép được thụ nhận toàn-bộ giới?”



Và không lâu sau, sau khi thụ nhận toàn-bộ giới, rồi sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định … Và thầy Nanda đã trở thành một trong những vị A-la-hán.” (SN 35:241)

242 (5) Ví Dụ Thân Cây Lớn (2) Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī bên bờ sông Hằng. Đức Thế Tôn nhìn thấy một thân cây lớn đang bị cuốn trôi theo dòng nước sông Hằng, và nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, các thầy có nhìn thấy thân thân cây lớn đó đang bị cuốn trôi theo dòng nước sông Hằng? “Dạ có, thưa Thế Tôn.” … [tiếp tục như kinh kế trên cho đến:] … là hướng về, nghiêng về, và ngã về phía Niết-bàn.” Sau khi điều này được nói ra, Ngài Kimbila đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, cái gì là bờ bên này … cái gì là bị suy đồi ở bên trong?” [Phật tiếp tục trả lời y hệt như kinh kế trên, cho tới:] (5) “Và, này Kimbila, cái gì là sự suy đồi ở bên trong? Ở đây, này Kimbila, một Tỳ kheo phạm vào một tội ô nhiễm, một tội thuộc loại (nghiêm trọng) không cho phép phục hồi (tư cách Tỳ kheo).190 Đây được gọi là bị suy đồi bên trong.” (SN 35:242)

243 (6) Bài Giảng Về Sự Suy Đồi Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người dân Thích- Ca (Sakya) ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá Cây Banyan (ni-grodha, cây đa). Bấy giờ, vào lúc đó có một hội trường mới được xây



dựng cho những người Thích-Ca ở Kapilavatthu, và nó chưa được trú ở bởi một sa-môn hay bà-la-môn hay một người nào. Rồi những người dân Thích-Ca ở Kapilavatthu đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, một hội trường mới được xây dựng cho những người dân Thích-Ca và chưa được trú ở bởi một sa-môn hay bà-la-môn hay một người nào. Thưa Thế Tôn, kính mong Thế Tôn là người đầu tiên sử dụng nó. Sau khi Đức Thế Tôn đã sử dụng trước, những ngươi dân Thích-Ca ở Kapilavatthu sẽ sử dụng nó sau đó. Điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ.”191 Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng. Rồi, khi những ngươi dân Thích- Ca ở hiểu được đức Thế Tôn đã đồng ý, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải của họ, họ đi ra và đi tới hội trường mới. Ở đó họ trải thảm hết hội đường, chuẩn bị các chỗ ngồi, đặt một bình nước lớn, và treo một đèn dầu lớn. Rồi họ quay lại gặp đức Thế Tôn để báo cho đức Thế Tôn về sự đã chuẩn bị, và nói thêm: “Giờ kính mong Thế Tôn tùy tiện ghé đến.” Rồi đức Thế Tôn mặc y phục, và mang theo bình bát và cà sa, đi cùng với Tăng đoàn đến chỗ hội trường mới. Sau khi rửa chân, đức Thế Tôn bước vào và ngồi xuống, lưng tựa hướng cột nhà chính sảnh, mặt hướng phía đông. Các Tỳ kheo cũng vậy, sau khi rửa chân, bước vào hội đường, và ngồi xuống, lưng hướng bức tường phía tây (ở sau), mặt hướng phía đông, với đức Thế Tôn ở trước mặt họ. Những người dân Thích-Ca ở Ka- pilavatthu cũng vậy, sau khi rửa chân, họ bước vào hội trường và ngồi xuống, lưng hướng bức tường phía đông, mặt hướng phía tây, với đức Thế Tôn ở trước mặt. Rồi đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khởi xướng (giáo huấn), truyền cảm hứng, và làm hoan hỷ những người dân Thích-Ca ở đó bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp gần hết cả đêm, sau đó đức Thế Tôn đã giải tán họ, và nói:

“Đêm đã qua, này những người Cồ-đàm. Các người có thể tùy tiện ra về.”192 “Dạ, thưa Thế Tôn”, họ đáp lại. Rồi họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, sau khi kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn hướng bên phải họ và đi ra. Rồi, không lâu sau khi những người họ Thích-Ca ở Kapilavatthu đã đi khỏi, đức Thế Tôn mới nói với Ngài Đại Mục-kiền-liên như vầy: “Này Mục-kiền-liên, Tăng đoàn các Tỳ kheo không bị đờ-dẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thụy miên). Thầy hãy nói một bài Giáo Pháp cho các Tỳ kheo. Lưng của ta đang đau, nên ta sẽ nằm để giãn nó ra một chút.”193 “Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Mục-kiền-liên đáp lại. Rồi đức Thế Tôn gấp tư cà sa (làm gối) và nằm nghiêng bên phải như tư thế sư tử nằm, với chân trái nằm trên chân phải, có chánh-niệm và rõ- biết, lưu ý trong tâm về lúc (thời điểm) mình sẽ dậy. Lúc đó thầy Đại Mục-kiền-liên đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!” “Dạ, thưa đạo hữu!”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Mục-kiền-liên nói điều này: “Này các các Tỳ kheo, tôi sẽ chỉ dạy cho các thầy ‘bài giảng về người bị suy đồi và người không bị suy đồi’.194 Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, tôi sẽ nói.” “Dạ, thưa đạo hữu”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Đại Mục-kiền-liên nói điều này: (1) “Này các các Tỳ kheo, theo cách nào ‘một người là bị suy đồi’? Ở đây, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo có ý thích (tham) một hình-sắc dễ chịu và từ chối (sân) một hình-sắc khó chịu. Người đó sống không thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’, với một cái tâm bị giới hạn, và người đó không hiểu đúng như nó thực là ‘sự giải-thoát của tâm’, ‘sự giải-thoát bằng trí-tuệ’, trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ [không còn tàn dư].



“Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … Khi nhận biết một hiện- tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỳ kheo ý thích (tham) một hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và từ chối (sân) một hiện-tượng thuộc tâm khó chịu. Người đó sống không thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’, với một cái tâm bị giới hạn, và người đó không hiểu đúng như nó thực là ‘sự giải-thoát của tâm’, ‘sự giải-thoát bằng trí-tuệ’, trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ.195 “Này các các Tỳ kheo, đây được gọi là một Tỳ kheo bị suy đồi giữa những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, bị suy đồi giữa những âm-thanh được nhận biết bởi tai, bị suy đồi giữa những mùi-hương được nhận biết bởi mũi, bị suy đồi giữa những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi, bị suy đồi giữa những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân, bị suy đồi giữa những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm. Khi một Tỳ kheo sống như vậy, nếu Ma Vương tiếp cận người đó thông qua mắt, thì Ma Vương sẽ chụp được người đó, Ma Vương sẽ bắt được (xử được, kiểm soát) người đó. Nếu Ma Vương tiếp cận người đó thông qua tai … thông qua tâm, thì Ma Vương sẽ chụp được người đó, Ma Vương sẽ bắt được người đó. - “Này các các Tỳ kheo, ví dụ có một mái lều được làm từ rạ hay cỏ, đã khô héo, đã khô cứng, đã qua thời xanh tươi của nó. Nếu một người tới từ phía đông với một ngọn đuốc rơm đang cháy, hoặc tới từ phía tây, từ phía bắc, từ phía nam, từ phía dưới, từ phía trên, dù tiếp cận từ hướng nào lửa sẽ chụp vô đó, lửa bắt vô đó. Cũng giống như vậy, này các các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo sống như vậy, nếu Ma Vương tiếp cận người đó thông qua mắt … thông qua tâm (cho dù thông qua giác-quan nào), thì Ma Vương sẽ chụp được người đó, Ma Vương sẽ bắt được người đó. “Khi một Tỳ kheo sống như vậy thì những

hình-sắc áp đảo người đó; người đó không áp đảo những hình-sắc. Những âm-thanh áp đảo người đó; người đó không áp đảo những âm-thanh. Những mùi-hương áp đảo người đó; người đó không áp đảo những mùi-hương. Những mùi-vị áp đảo người đó; người đó không áp đảo những mùi-vị. Những đối-tượng



chạm xúc áp đảo người đó; người đó không áp đảo những đối-tượng chạm xúc. Những hiện-tượng thuộc tâm áp đảo người đó; người đó không áp đảo những hiện-tượng thuộc tâm. Này các các Tỳ kheo, đây được gọi là một Tỳ kheo bị áp đảo bởi những hình-sắc, bị áp đảo bởi những âm-thanh, bị áp đảo bởi những mùi-hương, bị áp đảo bởi những mùi-vị, bị áp đảo bởi những đối-tượng chạm xúc, bị áp đảo bởi những hiện-tượng thuộc tâm— là người bị áp đảo, chứ không phải người áp đảo. Những trạng thái xấu ác bất thiện đã áp đảo người đó; những trạng thái đó làm ô-nhiễm, dẫn dắt đến sự tái hiện-hữu, mang đến khổ nạn, đưa đến hậu quả khổ đau, và dẫn tới sự sinh, già, chết trong tương lai. “Này các các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một người bị suy đồi. (2) “Này các các Tỳ kheo, theo cách nào một người là không bị suy đồi? Ở đây, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo không ý thích (không tham) một hình-sắc dễ chịu và không từ chối (không sân) một hình-sắc khó chịu. Người đó sống có thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’, với một cái tâm vô lượng, và người đó hiểu được đúng như nó thực là ‘sự giải-thoát của tâm’, ‘sự giải-thoát bằng trí-tuệ’, trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ. “Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … Khi nhận biết một hiện- tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỳ kheo không ý thích (không tham) một hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và không từ chối (không sân) một hiện- tượng thuộc tâm khó chịu. Người đó sống có thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’ … trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ. “Này các các Tỳ kheo, đây được gọi là một Tỳ kheo không bị suy đồi giữa những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, không bị suy đồi giữa những âm-thanh được nhận biết bởi tai, không bị suy đồi giữa những mùi-hương được nhận biết bởi mũi, không bị suy đồi giữa những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi, không bị suy đồi giữa những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân, không bị suy đồi giữa những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm. Khi một Tỳ kheo sống như vậy, nếu Ma Vương có tiếp



cận người đó thông qua mắt, thì Ma Vương sẽ không chụp được người đó, Ma Vương sẽ không bắt được người đó. Nếu Ma Vương tiếp cận người đó thông qua tai … thông qua tâm (cho dù thông qua giác-quan nào), thì Ma Vương sẽ không chụp được người đó, Ma Vương sẽ không bắt được người đó. - “Này các các Tỳ kheo, ví dụ có một căn nhà có mái nhọn hay một hội trường mới được xây dựng từ đất sét nén chặt và mới được trét vữa. Nếu một người có tới từ phía đông với một ngọn đuốc rơm đang cháy, hoặc tới từ phía tây, từ phía bắc, từ phía nam, từ phía dưới, từ phía trên, hay cho dù người đó có tiếp cận từ phía nào, thì lửa cũng không chụp vô đó được, lửa không bắt vô đó được. Cũng giống như vậy, này các các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo sống như vậy, nếu Ma Vương có tiếp cận người đó thông qua mắt … thông qua tâm, thì Ma Vương sẽ không chụp được

người đó, Ma Vương sẽ không bắt được người đó. “Khi một Tỳ kheo sống như vậy thì người đó áp đảo những hình-sắc; những hình-sắc không áp đảo người đó. Người đó áp đảo những âm- thanh; những âm-thanh không áp đảo người. Người đó áp đảo những mùi- hương; những mùi-hương không áp đảo người đó. Người đó áp đảo những mùi-vị; những mùi-vị không áp đảo người đó. Người đó áp đảo những đối-tượng chạm xúc; những đối-tượng chạm xúc không áp đảo người đó. Người đó áp đảo những hiện-tượng thuộc tâm; những hiện-tượng thuộc tâm không áp đảo người đó. Này các các Tỳ kheo, đây được gọi là một Tỳ kheo không bị áp đảo bởi những hình-sắc, không bị áp đảo bởi những âm- thanh, không bị áp đảo bởi những mùi-hương, không bị áp đảo bởi những mùi-vị, không bị áp đảo bởi những đối-tượng chạm xúc, không bị áp đảo bởi những hiện-tượng thuộc tâm— là người áp đảo, chứ không phải người bị áp đảo. Người đó đã áp đảo những trạng thái (mà nếu không bị áp đảo chúng sẽ) làm ô-nhiễm, dẫn dắt đến sự tái hiện-hữu, mang đến khổ nạn, đưa đến hậu quả khổ đau, và dẫn tới sự sinh, già, chết trong tương lai. “Này các các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một người không bị suy đồi.”



Rồi đức Thế Tôn ngồi dậy và nói với thầy Đại Mục-kiền-liên như vầy: “Tốt, tốt, này Mục-kiền-liên! Thầy đã nói một cách hay khéo bài giảng về người bị suy đồi và người không bị suy đồi.” Đây là lời của thầy Đại Mục-kiền-liên đã nói. Vị Sư Thầy đã chấp thuận. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của thầy Đại Mục-kiền-liên. (SN 35:243)

244 (7) Những Trạng Thái Kéo Theo Khổ Đau “Này các Tỳ kheo, khi (i) một Tỳ kheo hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến của tất cả ‘những trạng thái xấu ác bất thiện kéo theo khổ đau’, đúng như chúng thực là, thì (ii) người đó đã nhìn thấy những khoái-lạc giác quan (dục lạc) theo một cách [người đó] không còn khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) tạo ra tham-muốn về dục, sự luyến-ái về dục, sự mê- thích về dục, sự mê-đắm về dục đối với những khoái-lạc giác quan; rồi (iii) người đó đã thấu rõ một phương pháp hành xử và lối sống để khi người đó hành xử bản thân như vậy và khi người đó sống như vậy, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (ưu) không chảy-vào bên trong người đó; (‘dòng chảy-vào’: chỉ những ô- nhiễm từ bên ngoài vào tâm).196 (1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến của tất cả ‘những trạng thái xấu ác bất thiện kéo theo khổ đau’, đúng như chúng thực là?197 (Người đó hiểu được:) ‘Này là sắc-thân, này là nguồn gốc của nó, này là sự chấm dứt của nó; này là cảm-giác … này là nhận-thức … này là những sự tạo-tác cố ý … này là thức, này là nguồn gốc của nó, này là sự chấm dứt của nó’: theo cách như vậy là một Tỳ kheo hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến của tất cả ‘những trạng thái xấu ác bất thiện kéo theo khổ đau’ (những pháp khổ), đúng như chúng thực là.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo nhìn thấy những khoái-lạc giác quan theo một cách [người đó] không còn khuynh- hướng tiềm ẩn tạo ra tham-muốn nhục dục, luyến-ái nhục dục, sự mê- thích nhục dục, sự mê-đắm nhục dục đối với những khoái-lạc giác quan? Ví dụ có một hố than sâu hơn chiều cao một người, chứa đầy than đang cháy rực nhưng không khói, không có lửa ngọn. Một người đến đó, người đó đang muốn sống, không muốn chết, thích sướng và ghét khổ. Rồi có hai người lực sĩ nắm hai tay người đó và kéo người đó tới chỗ hố than. Người đó sẽ cố vùng vẫy mọi cách (để thoát thân). Vì lý do gì? Vì người đó biết: ‘Ta sẽ rớt xuống hố than và do vậy ta sẽ bị chết hoặc đau đớn như chết’.198 Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo nhìn thấy những khoái-lạc giác quan cũng giống như hố than lửa, thì người đó không còn khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra tham-muốn nhục dục, luyến-ái nhục dục, sự mê-thích nhục dục, sự mê-đắm nhục dục đối với những khoái-lạc giác quan. (3) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo đã thấu rõ một phương pháp hành xử và lối sống để khi người đó hành xử bản thân như vậy và khi người đó sống như vậy, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (ưu) không chảy-vào bên trong người đó? Ví dụ có một người đi vô một khu rừng đầy gai nhọn. Gai có đầy trước mặt, gai đầy sau lưng, gai đầy bên trái, gai đầy bên phải, gai đầy bên dưới, gai đầy bên trên người đó. Người đó phải bước tới một cách chú-tâm (chánh niệm),199 người đó bước lùi một cách chú-tâm, trong đầu nghĩ: ‘Đừng để gai đâm ta!’. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, thứ gì trong thế giới có tính chất dễ-chịu (sướng) và khó-chịu (khổ) thì được gọi là một cái gai theo Giới Luật Thánh Nhân. Sau khi hiểu được những thứ như vậy như một cái ‘gai’,200 thì một người hiểu được sự kiềm-chế và sự không kiềm-chế là gì. (4) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào có sự không kiềm-chế? Ở đây, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo có ý thích (tham) một hình-sắc dễ chịu và từ chối (sân) một hình-sắc khó chịu. Người đó



sống không thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’, với một cái tâm bị giới hạn, và người đó không hiểu đúng như nó thực là ‘sự giải-thoát của tâm’, ‘sự giải-thoát bằng trí-tuệ’, trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ [không còn tàn dư]. “Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … Khi nhận biết một hiện- tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỳ kheo ý thích (tham) một hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và từ chối (sân) một hiện-tượng thuộc tâm khó chịu. Người đó sống không thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’ … trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ. Chính theo cách như vậy là có sự không kiềm-chế. (5) “Và này các Tỳ kheo, theo cách nào là có sự kiềm-chế? Ở đây, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo không ý thích (không tham) một hình-sắc dễ chịu và không từ chối (không sân) một hình-sắc khó chịu. Người đó sống có thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’, với một cái tâm bị giới hạn, và người đó không hiểu đúng như nó thực là ‘sự giải- thoát của tâm’, ‘sự giải-thoát bằng trí-tuệ’, trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ. “Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … Khi nhận biết một hiện- tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỳ kheo không ý thích (không tham) một hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và không từ chối (không sân) một hiện- tượng thuộc tâm khó chịu. Người đó sống có

thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’ … trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ. Chính theo cách như vậy là có sự kiềm-chế. (6) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang hành xử bản thân như vậy và đang sống theo cách như vậy, nhiều lúc sự chánh-niệm bị rớt (yếu, mất, lạc, lăng xăng, thất niệm), thì những sự-nhớ (ký ức, niệm, tà niệm) và những ý-định nối kết với những gông-cùm sẽ khởi sinh trong người đó. Nếu điều này xảy ra thì sự chánh-niệm chậm khởi sinh, nhưng ngay lúc đó người tu liền nhanh chóng dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, kết thúc chúng, và xóa sổ chúng. Ví dụ có một người nhiễu hai hay ba giọt nước lên một dĩa sắt đã được đun nóng cả ngày. Dù những giọt nước có rơi xuống chậm



nhưng ngay lúc chúng chạm xuống dĩa, chúng sẽ lập tức bốc hơi và biến mất.201 Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang hành xử bản thân như vậy và đang sống theo cách như vậy … sự chánh-niệm chậm khởi sinh, nhưng ngay lúc đó người đó liền nhanh chóng dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, kết thúc chúng, và xóa sổ chúng. “Như vậy một Tỳ kheo đã thấu rõ một cách hành xử bản thân và cách sống để khi người đó hành xử bản thân như vậy và khi người đó sống như vậy, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (ưu) không chảy-vào bên trong người đó. (7) “Khi một Tỳ kheo đang hành xử bản thân như vậy và đang sống như vậy, nếu các vua chúa hay các quan thần, bạn bè hay đồng sự, bà con hay họ hàng có thỉnh dụ người đó về nhận lấy tài sản, họ nói: ‘Này, thiện nhân, sao phải để mấy cái áo cà sa đè nặng (làm vướng lụy) mình như vậy? Tại sao phải đi lang thang với cái đầu trọc và bình bát xin ăn như vậy? Này, hãy trở lại đời sống trần tục, sau đó mặc sức mà hưởng thụ của cải và làm những việc công đức’. Nhưng này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang hành xử (dẫn dắt) bản thân như vậy và đang sống như vậy thì không thể nào người đó bỏ sự tu-hành để quay lại đời sống thấp tục. “Này các Tỳ kheo, giả sử khi sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về phía đông, một đám người tới mang theo cuốc và giỏ đựng, trong đầu nghĩ: ‘Chúng ta sẽ làm (đào) cho sông Hằng này đổ về, nghiêng về, và chảy về phía tây’. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, liệu đám người đó có thể làm cho sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về phía tây hay không?” “Dạ không, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Bởi vì sông Hằng (tự hồi nào giờ) là đổ về, nghiêng về, và chảy về phía đông, và không dễ gì làm cho nó đổ về, nghiêng về, và chảy về phía tây cho được. Đám người đó chỉ chuốc lấy sự mệt mỏi và bực tức mà thôi.” “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang hành xử bản thân như vậy và đang sống như vậy, nếu các vua chúa hay các



quan thần, bạn bè hay đồng sự, bà con hay họ hàng có thỉnh dụ người đó về nhận lấy của cải … thì không thể nào người đó bỏ sự tu-hành để quay lại đời sống thấp tục. Vì lý do gì? Bởi vì từ lâu giờ tâm của người đó đã đổ về, nghiêng về, và ngã về sự sống tách-ly (ẩn dật, lánh trần). Như vậy thì không thể nào người đó bỏ sự tu-hành để quay lại đời sống thấp tục.” (SN 35:244)

245 (8) Cây Kiṃsuka (1) Một Tỳ kheo đến gặp một Tỳ kheo khác và hỏi: “Này các Tỳ kheo, theo cách nào tầm-nhìn (sự-thấy) của một Tỳ kheo được thanh lọc một cách khéo léo?”202 “Này đạo hữu, khi một Tỳ kheo hiểu được, đúng như chúng thực là, nguồn-gốc và sự phai-biến của sáu cơ-sở để tiếp-xúc (sáu xứ) thì theo cách như vậy là tầm-nhìn của người đó được thanh lọc một cách khéo léo.”203 (2) Rồi Tỳ kheo thứ nhất (tức người hỏi) không hài lòng với câu trả lời của người kia, nên đến gặp một Tỳ kheo khác (thứ ba) để hỏi lại: “Này đạo hữu, theo cách nào tầm-nhìn của một Tỳ kheo được thanh lọc một cách khéo léo?” “Này đạo hữu, khi một Tỳ kheo hiểu được, đúng như chúng thực là, nguồn-gốc và sự phai-biến của năm-uẩn bị dính-chấp (năm thủ uẩn) thì theo cách như vậy là tầm-nhìn của người đó được thanh lọc một cách khéo léo.” (3) Lần nữa, Tỳ kheo thứ nhất không hài lòng với câu trả lời của người kia, nên đến gặp một Tỳ kheo khác (thứ tư) để hỏi lại: “Này đạo hữu, theo cách nào tầm-nhìn của một Tỳ kheo được thanh lọc một cách khéo léo?”



“Này đạo hữu, khi một Tỳ kheo hiểu được, đúng như chúng thực là, nguồn-gốc và sự phai-biến của bốn yếu-tố lớn (tứ đại), thì theo cách như vậy là tầm-nhìn của người đó được thanh lọc một cách khéo léo.” (4) Lần nữa, Tỳ kheo thứ nhất không hài lòng với câu trả lời của người kia, nên đến gặp tiếp một Tỳ kheo khác để hỏi lại: “Này đạo hữu, theo cách nào tầm-nhìn của một Tỳ kheo được thanh lọc một cách khéo léo?” “Này đạo hữu, khi một Tỳ kheo hiểu được, đúng như chúng thực là: ‘Thứ gì thuộc tính khởi-sinh thì đều thuộc tính chấm-dứt’ (mọi thứ có sinh là có diệt), thì theo cách như vậy là tầm-nhìn của người đó được thanh lọc một cách khéo léo.” (5) Rồi, Tỳ kheo thứ nhất vẫn không hài lòng với câu trả lời của người kia, nên đến gặp đức Thế Tôn, kể lại mọi điều các thầy kia đã nói, và hỏi lại: “Thưa Thế Tôn, theo cách nào tầm-nhìn của một được thanh lọc một cách khéo léo?” - “Này Tỳ kheo, ví dụ có một người trước giờ chưa từng nhìn thấy cây kiṃsuka.204 Người đó đến gặp một người đã từng nhìn thấy cây kiṃsuka để hỏi: ‘Thưa ông, cây kiṃsuka nhìn ra sao?’ Người kia có thể trả lời: ‘Này bạn hiền, cây kiṃsuka có màu đen đen, giống một gốc cây bị đốt thành than.’ Trong lần đó, có thể cây kiṃsuka đúng là giống như người kia đã nhìn thấy. - “Rồi người đó không hài lòng với câu trả lời của người kia, nên đến gặp một người khác đã từng nhìn thấy cây kiṃsuka để hỏi lại: ‘Thưa ông, cây kiṃsuka nhìn ra sao?’ Người kia có thể trả lời: ‘Này bạn hiền, cây kiṃsuka có màu đỏ đỏ, giống một miếng thịt.’ Trong lần đó, có thể cây kiṃsuka đúng là giống như người kia đã nhìn thấy. - “Rồi người đó không hài lòng với câu trả lời của người đó, nên đến gặp một người khác nữa đã từng nhìn thấy cây kiṃsuka để hỏi lại: ‘Thưa ông, cây kiṃsuka nhìn ra sao?’ Người kia có thể trả lời: ‘Này bạn hiền, cây kiṃsuka có vỏ bị tuột xuống và tróc ra, giống một cây acacia



(sirīsa).205 Trong lần đó, có thể cây kiṃsuka đúng là giống như người kia đã nhìn thấy. - “Rồi người đó không hài lòng với câu trả lời của người đó, nên đến gặp tiếp một người khác đã từng nhìn thấy cây kiṃsuka để hỏi lại: ‘Thưa ông, cây kiṃsuka nhìn ra sao?’ Người kia có thể trả lời: ‘Này bạn hiền, cây kiṃsuka có lá và tàn lá che phủ bóng mát,

giống một cây banyan (cây đa).’ Trong lần đó, có thể cây kiṃsuka đúng là giống như người kia đã nhìn thấy. “Cũng giống như vậy, này Tỳ kheo, những bậc thượng nhân đó đã trả lời đúng như chúng thể hiện theo cách mỗi tầm-nhìn của mỗi vị đó đã được thanh lọc một cách khéo léo.206 (tức: mỗi người chứng ngộ mỗi sự thật hay mỗi cách khác nhau.) “Này Tỳ kheo, ví dụ một ông vua có một đô thành ở gần biên giới có những hào lũy, tường thành, và tháp canh kiên cố, và có sáu cổng ra vào.207 Người gác cổng ở đó khôn khéo, giỏi việc, và thông minh; người đó chặn đuổi những người lạ mặt, và cho phép những người quen mặt đi vào đi ra. Có hai người đưa tin hỏa tốc đến từ phía đông và hỏi người gác cổng: ‘Này bạn hiền, vị chủ thành đang ở đâu?’ Người gác cổng có thể trả lời: ‘Ông ta đang ngồi ở sân đình trung tâm.’ Rồi hai người đưa tin hỏa tốc đi vào báo tin hiện-thực cho vị chủ thành, và đi ra khỏi thành theo đường đã đi vào. Tương tự, những người đưa tin đến từ phía tây, từ phía bắc, từ phía nam, đi vào báo tin của họ, và đi ra khỏi thành theo đường đã đi vào. “Này Tỳ kheo, ta đã làm ví dụ này để chuyển tải một ý nghĩa. Đây là ý nghĩa đó: - ‘Thành đô’: đây là một cách để chỉ thân này gồm bốn yếu tố lớn (tứ đại), bắt nguồn từ mẹ và cha, được nuôi lớn từ cơm và cháo, (mang bản chất) bị vô thường, phải bị chà xát và đè bóp, phải bị tan hoại và tan rã.208 - ‘Sáu cổng’: đây là một cách để chỉ sáu cơ-sở cảm nhận bên-trong (sáu nội xứ; sáu giác-quan). - ‘Người gác cổng’: đây là một cách để chỉ sự chánh-niệm.



- ‘Hai người đưa tin hỏa tốc’: đây là một cách để chỉ sự tĩnh-lặng (định) và minh-sát (tuệ). - ‘Người chủ thành’: đây là một cách để chỉ thức.209 - ‘Sân đình trung tâm’: đây là một cách để chỉ bốn yếu-tố lớn—yếu tố đất, yếu tố nước, yếu tố nhiệt, yếu tố khí. - ‘Tin hiện-thực’: đây là một cách để chỉ Niết-bàn.210 - ‘Theo đường đã đi vào’: đây là một cách để chỉ con đường Bát Thánh Đạo; đó gồm: chánh-kiến … chánh-định.” (SN 35:245)

246 (9) Ví Dụ Đờn Tỳ Bà “Này các Tỳ kheo, nếu bên trong một Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào có tham-muốn, hay nhục-dục, hay sân, hay si, hay sự ác-cảm khởi sinh đối với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, thì người đó nên chế ngự tâm mình khỏi chúng như vầy:211 ‘Con đường này là đáng sợ, hiểm nguy, đầy gai gốc, đầy rừng rậm, con đường tà ác, con đường xấu ác, con đường cằn cạn khan hiếm.212 Đây là con đường được bước đi bởi những người thấp tục; đó không phải là con đường được bước đi bởi những bậc thượng nhân. (Này tâm:) đây không phải là (con đường) dành cho mi!.’ Theo cách như vậy tâm nên được chế ngự khỏi những trạng thái liên quan những hình-sắc được nhận biết bởi mắt. Cũng làm tương tự đối với những trạng thái liên quan những âm-thanh được nhận biết bởi tai … những đối- tượng của tâm được nhận biết bởi tâm. - “Này các Tỳ kheo, ví dụ đồng lúa đã chín và người canh gác thì lơ lãng. Con bò nào thích đi vào đồng lúa đó thì nó cứ thỏa thích ăn theo ý mình. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy không tập luyện sự kiềm chế sáu cơ-sở tiếp-xúc (sáu xứ) thì người đó cứ thỏa thích thả mình trong năm dây khoái-lạc giác quan.213

- “Này các Tỳ kheo, ví dụ đồng lúa đã chín và người canh gác thì canh phòng cẩn thận. Nếu con bò nào thích đi vô đồng lúa đó, thì người canh gác sẽ nắm chặt ngay mõm nó (chỗ có dây xỏ mũi). Trong khi nắm chặt mõm nó, người đó ghị chặt dây khóa giữa hai sừng, rồi nện mạnh nó bằng gậy. Sau khi nện mạnh con bò, người đó đánh đuổi nó đi … Lần thứ hai cũng vậy … Lần thứ ba cũng vậy. Như vậy sau đó, con bò thích ăn lúa dù đã chạy về làng hay đã chạy vô rừng hay cho dù nó đang đứng hay đang ngồi đâu đó, khi nhớ tới trận đòn bị nện bằng cây trước đó thì nó sẽ không dám đi vô đồng lúa nữa. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi tâm một Tỳ kheo đã được chinh phục, đã được chinh phục một cách khéo léo214 đối với sáu cơ-sở tiếp-xúc, thì nó sẽ trở nên ổn định ở bên trong, được lắng lặn, được hợp nhất, và đạt định. - “Này các Tỳ kheo, ví dụ có một ông vua [hay quan đại thần của ông] chưa bao giờ nghe tiếng đờn tỳ bà. Rồi, nếu nghe tiếng đờn đâu đó, ông có thể hỏi: ‘Này anh kia, cái gì làm ra thứ âm thanh đó vậy— nó thật dễ chịu, thật gợi cảm, thật say sưa, thật đáng mê, thật mê hoặc, như vậy?’ Người ta có thể trả lời ông: ‘Thưa đức vua, đó là đờn tỳ bà làm ra âm thanh đó— thật dễ chịu, thật gợi cảm, thật say sưa, thật đáng mê, thật mê hoặc, như vậy.’ Ông sẽ nói: ‘Này anh kia, hãy mang đờn đó tới đây cho ta coi.’ “Rồi người ta phải đem cây đờn tỳ bà tới cho ông và thưa: ‘Thưa đức vua, đây là đờn tỳ bà, âm thanh của nó là thật dễ chịu, thật gợi cảm, thật say sưa, thật đáng mê, thật mê hoặc.’ Nhà vua mới nói: ‘Ta đã có cả đống đờn sáo ở đây rồi. Ngươi chỉ cần mang thứ âm thanh đó tới đây cho ta.’ Chắc người ta phải trả lời ông như vầy: ‘Thưa đức vua, cây đờn tỳ bà này gồm nhiều bộ phận, gồm rất nhiều bộ phận, và nó sẽ làm ra thứ âm thanh khi nó được chơi trên nhiều bộ phận của nó; đó là: tùy thuộc vào nhiều thứ như thành đờn làm bằng da, bụng đờn, cần đờn, đầu đờn, các dây đờn, phím để đờn, và sự nỗ-lực khéo léo của người nhạc công.215 Như vậy đó, thưa đức vua, rằng cây đờn tỳ bà này gồm nhiều bộ phận, gồm rất nhiều



bộ phận, và nó sẽ làm ra thứ âm thanh khi nó được chơi trên nhiều bộ phận của nó.’ “Ông vua bèn đập nát cây đờn ra thành mười mảnh hay trăm mảnh, rồi nghiền nát thành vụn. Sau khi nghiền nát hết thành vụn, ông đem đốt chúng cháy nát thành tro, rồi ông đem rải tro trong gió mạnh hoặc rải xuống sông chảy xiết. Rồi ông nói: ‘Cái được gọi là cây-đờn đích thực chỉ là ‘tào lao’, cũng chả có cái gì được gọi là ‘cây-đờn’ cả. Sao mọi người quá lơ tâm nghĩ nó là vậy, sao mọi người cứ nhận lầm nó là vậy!’216 “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo điều tra sắc- thân (sắc) khắp mọi chỗ nó có mặt, người đó điều tra cảm-giác (thọ) khắp mọi chỗ nó có mặt, người đó điều tra nhận-thức (tưởng) khắp mọi chỗ nó có mặt, người đó điều tra những sự tạo-tác cố ý (hành) khắp mọi chỗ chúng có mặt, người đó điều tra thức (thức) khắp mọi chỗ nó có mặt. Khi người đó điều tra sắc-thân khắp mọi chỗ nó có mặt … điều tra thức khắp mọi chỗ nó có mặt (và đâu thấy cái ‘ta’ độc lập nào) thì mọi quan niệm như cái ‘ta’, cái ‘của-ta’ hay cái ‘ta-là’ đều không còn trong người đó nữa.”217 (SN 35:246)

247 (10) Ví Dụ Sáu Con Vật “Này các Tỳ kheo, giả sử có một người với tay chân bị thương và đang mưng mủ mà đang đi vô khu rừng đầy cây gai nhọn,218 và gai cỏ kusa có thể đâm bàn chân và lá lau sậy có thể cào xước tay chân của anh ta. Như vậy người

đó càng thêm bị đau đớn và khổ sở. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, ở đây có mấy Tỳ kheo đi vô làng hay vô rừng gặp người ta chửi chê mình như vầy: 'Quý thầy đây, hành động như vậy, hành vi như vậy, chẳng khác gì cái gai thúi trong làng.' (tức: không phải bậc chân tu hay đại đức; 'đại đức thúi'). Sau khi hiểu được mình chỉ là cái 'gai', thì người đó nên hiểu được sự kiềm-chế và sự không kiềm-chế là gì.219



(1) "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào có sự không kiềm-chế? Ở đây, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo có ý thích (tham) một hình-sắc dễ chịu và từ chối (sân) một hình-sắc khó chịu. Người đó sống không thiết lập 'sự chánh-niệm về thân', với một cái tâm bị giới hạn, và người đó không hiểu đúng như nó thực là 'sự giải-thoát của tâm', 'sự giải-thoát bằng trí-tuệ', trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ [không còn tàn dư]. "Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … Khi nhận biết một hiện- tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỳ kheo ý thích (tham) một hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và từ chối (sân) một hiện-tượng thuộc tâm khó chịu. Người đó sống không thiết lập 'sự chánh-niệm về thân', với một cái tâm bị giới hạn, và người đó không hiểu đúng như nó thực là 'sự giải-thoát của tâm', 'sự giải-thoát bằng trí-tuệ', trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ. Chính theo cách như vậy là có sự không kiềm- chế. - "Này các Tỳ kheo, giả sử có một người bắt được sáu con vật—ở những địa bàn sống khác nhau và vùng kiếm ăn khác nhau—và cột mỗi con bằng một sợi dây thừng. Ví dụ người đó bắt được rắn, cá sấu, chim, chó, chó rừng, và khỉ, và cột mỗi con bằng một sợi dây thừng. Sau khi cột xong, ông cột thắt các đầu dây thừng lại với nhau thành một mối thắt chung, và thả chúng ta. Sáu con vật thuộc sáu địa bàn sống khác nhau và vùng kiếm ăn khác nhau sẽ kéo chạy về hướng địa bàn sống và vùng kiếm ăn của mình. Rắn kéo đi đường khác, trong đầu nghĩ: 'Chạy lên ụ gò mối'. Cá sấu kéo đi đường khác, trong đầu nghĩ: 'Chạy xuống nước'. Chim kéo đi đường khác, trong đầu nghĩ: 'Bay lên trời'. Chó kéo đi đường khác, trong đầu nghĩ: 'Chạy về làng'. Chó rừng kéo đi đường khác, trong đầu nghĩ: 'Chạy vô nghĩa địa'. Khỉ kéo đi đường khác, trong đầu nghĩ: 'Chạy về rừng'. - "Tới lúc sáu con vật đều mệt mỏi và đuối sức, chúng bắt đầu bị lấn áp bởi một con còn mạnh nhất trong đó; giờ chúng phải bị lụy theo con đó và bị con đó điều khiển. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một



Tỳ kheo không tu tập và tu dưỡng 'sự chánh-niệm hướng vào thân', thì mắt kéo (tâm) theo hướng (tham, thích, nắm giữ) những hình-sắc dễ chịu và bất đồng (sân, ghét, từ chối) với những hình-sắc khó chịu; tai kéo theo hướng những âm-thanh dễ chịu và bất đồng với những âm-thanh khó chịu; mũi kéo theo hướng những mùi-hương dễ chịu và bất đồng với những mùi-hương khó chịu; lưỡi kéo theo hướng những mùi-vị dễ chịu và bất đồng với những mùi-vị dễ chịu; thân kéo theo hướng những đối-tượng chạm xúc dễ chịu và bất đồng với những đối-tượng chạm xúc khó chịu; tâm kéo theo hướng những hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và bất đồng với những hiện-tượng thuộc tâm khó chịu. "Chính theo cách như vậy là có sự không kiềm-chế. (2) "Và này các Tỳ kheo, theo cách nào là có sự kiềm-chế? Ở đây, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo không

ý thích (không tham) một hình-sắc dễ chịu và không từ chối (không sân) một hình-sắc khó chịu. Người đó sống có thiết lập 'sự chánh-niệm về thân', với một cái tâm vô lượng, và người đó hiểu được đúng như nó thực là 'sự giải-thoát của tâm', 'sự giải-thoát bằng trí-tuệ', trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ. "Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … Khi nhận biết một hiện- tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỳ kheo không ý thích (không tham) một hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và không từ chối (không sân) một hiện- tượng thuộc tâm khó chịu. Người đó sống có thiết lập 'sự chánh-niệm về thân' … trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ. Chính theo cách như vậy là có sự kiềm-chế. - "Này các Tỳ kheo, giả sử có một người bắt được sáu con vật—ở các địa bàn sống khác nhau và vùng kiếm ăn khác nhau—và cột mỗi con bằng một sợi dây thừng. Ví dụ người đó bắt được rắn, cá sấu, chim, chó, chó rừng, và khỉ, và cột mỗi con bằng một sợi dây thừng. Sau khi cột xong, ông cột tất cả các đầu dây thừng đó vào một cây cột hay trụ chắc chắn. Rồi sáu con vật thuộc sáu địa bàn sống khác nhau và vùng kiếm ăn khác



nhau sẽ kéo chạy về hướng địa bàn sống và vùng kiếm ăn của mình. Rắn kéo đi đường khác, trong đầu nghĩ: 'Chạy lên ụ gò mối' … Khỉ kéo đi đường khác, trong đầu nghĩ: 'Chạy về rừng'. - "Tới lúc sáu con vật đều mệt mỏi và đuối sức, chúng chỉ đứng gần cây cột hay trụ đó, chúng chỉ có thể ngồi gần đó, chúng chỉ có thể nằm gần đó. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đã tu tập và tu dưỡng 'sự chánh-niệm hướng vào thân', thì mắt không kéo (tâm) theo hướng những hình-sắc dễ chịu, cũng không bất đồng với những hình- sắc khó chịu; tai không kéo theo hướng những âm-thanh dễ chịu, cũng không bất đồng với những âm-thanh khó chịu; mũi không kéo theo hướng những mùi-hương dễ chịu, cũng không bất đồng với những mùi-hương khó chịu; lưỡi không kéo theo hướng những mùi-vị dễ chịu, cũng không bất đồng với những mùi-vị dễ chịu; thân không kéo theo hướng những đối-tượng chạm xúc dễ chịu, cũng không bất đồng với những đối-tượng chạm xúc khó chịu; tâm không kéo theo hướng những hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu, cũng không bất đồng với những hiện-tượng thuộc tâm khó chịu. "Chính theo cách như vậy là có sự kiềm-chế. "Này các Tỳ kheo, 'cây cột hay trụ chắc chắn': đây là một cách chỉ 'sự chánh-niệm hướng vào thân'. Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: 'Chúng ta sẽ tu tập và tu dưỡng "sự chánh-niệm hướng vào thân", làm cho nó thành một cỗ-xe (tu thừa) của chúng ta, làm cho nó thành căn-bản của chúng ta, ổn định nó, thực hành bản thân mình trong nó, và hoàn thiện nó.' Các thầy nên tu tập bản thân mình như vậy." (SN 35:247)

248 (11) Bó Lúa "Này các Tỳ kheo, ví dụ có một bó lúa được để ở ngã tư đường. Rồi có sáu người tới tay cầm cây đập lúa,220 và họ đập bó lúa với sáu cây đập lúa đó. Như vậy bó lúa bị đập tơi tả, đã bị đập bởi sáu cây đập lúa. Rồi

một người thứ bảy tới tay cầm cây đập lúa, và người đó cũng đập bó lúa với cây đập lúa thứ bảy đó. Như vậy bó lúa thậm chí càng bị đập tơi tả hơn nữa, đã bị đập thêm bởi cây đập lúa thứ bảy. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy bị đập đánh trong mắt bởi những hình-sắc dễ chịu và khó chịu; bị đập đánh trong tai bởi những âm-thanh dễ chịu và khó chịu; bị đập đánh trong mũi bởi những mùi-hương dễ chịu và khó chịu; bị đập đánh trong lưỡi bởi những mùi-vị dễ chịu và khó chịu; bị đập đánh trong thân bởi những đối-tượng chạm xúc dễ chịu và khó chịu; bị đập đánh trong tâm bởi những hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và khó chịu. Nếu người phàm phu không được chỉ dạy đã thiết lập cái tâm theo hướng tái hiện-hữu trong tương lai221 (với dục-vọng muốn được tái sinh trong ở cõi này cõi nọ; như mong muốn tái sinh làm người hay thành tiên …), thì kẻ ngu dại đó thậm chí còn bị đập đánh tơi tả hơn nữa, giống như bó lúa càng bị đập tơi tả hơn nữa bởi cây đập thứ bảy. “Này các Tỳ kheo, một thuở trong quá khứ có những thiên thần (deva) và những quỷ thần (asura, a-tu-la) dàn trận đánh nhau.222 Rồi Vepacitti, vua của các quỷ thần đã nói với các quỷ thần như vầy: ‘Này các chư thần, trong trận chiến sắp xảy ra, nếu bên các quỷ thần thắng và bên các thiên thần bị thua, hãy bắt trói tay chân và gông cổ Sakka (Đế-thích), vua của các thiên thần, và mang ông ta về cho ta trong kinh thành này của các quỷ thần.’ Và Sakka, vua của các thiên thần, thì nói với các thiên thần như vầy: ‘Này các chư thần, trong trận chiến sắp xảy ra, nếu bên các thiên thần thắng và bên các quỷ thần bị thua, hãy bắt trói tay chân và gông cổ Ve- pacitti, vua của các quỷ thần, và mang ông ta về cho ta trong hội sảnh đường Sudhamma (Thiện Pháp) này.’ “Này các Tỳ kheo, trong trận chiến đó, các thiên thần thắng và các quỷ thần bị thua. Rồi các thiên thần đã trói tay chân và gông cổ Vepacitti và mang ông ta về cho vua Sakka trong sảnh đường Sudhamma đó của các thiên thần.’



“Khi Vepacitti có ý nghĩ: ‘Các thiên thần là chánh đúng, các quỷ thần là bất chánh; ngay đây bây giờ ta đã tới kinh thành của các thiên thần’, thì ông ta thấy mình vừa được thoát khỏi gông-cùm quanh cổ và tay chân, và được thụ hưởng năm dây dục-lạc cõi trời được phú và chu cấp cho mình; (phân biệt với ‘năm dây dục lạc ở cõi trần’). Nhưng khi Vepacitti có ý nghĩ: ‘Các quỷ thần là chánh đúng, các thiên thần là bất chánh; giờ ta sẽ đi tới kinh thành của các thiên thần’, thì ông lại thấy mình vừa bị gông-cùm quanh cổ và tay chân, và ông ta bị tước mất năm dây dục-lạc thuộc cõi trời. “Này các Tỳ kheo, sự trói-buộc của Vepacitti thật là tinh vi (vi tế) như vậy; nhưng sự trói buộc của Ma Vương còn tinh vi hơn nhiều. Trong sự nhìn-nhận (suy tưởng), một người bị trói buộc bởi Ma Vương; trong sự không nhìn-nhận, một người được tự do khỏi ma Vương.223 (1) “Này các Tỳ kheo, ‘Ta-là’ là một sự nhìn-nhận; ‘Ta là này’ là một sự nhìn-nhận; ‘Ta sẽ là’ là một sự nhìn-nhận; ‘Ta sẽ không là’ là một sự nhìn-nhận; ‘Ta sẽ gồm có sắc-thân’ là một sự nhìn-nhận; ‘Ta sẽ không có sắc-thân (vô sắc) là một sự nhìn-nhận; ‘Ta sẽ có nhận-thức’ là một sự nhìn-nhận; ‘Ta sẽ không có nhận-thức’ là một sự nhìn-nhận; ‘Ta sẽ vừa có nhận-thức vừa không có nhận-thức’ là một sự nhìn-nhận (suy tưởng, nhận lầm).224 Sự nhìn-nhận này nọ là một căn bệnh, sự nhìn-nhận là một ung nhọt, sự nhìn-nhận là một mũi tên. Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như

vầy: ‘Chúng ta sẽ sống với một cái tâm không có sự nhìn-nhận này nọ.’ (2) “Này các Tỳ kheo, ‘Ta-là’ là một sự động-chuyển (động vọng).225 ‘Ta là này’ là một sự động-chuyển; ‘Ta sẽ là’ là một sự động-chuyển; ‘Ta sẽ không là’ là một sự động-chuyển; ‘Ta sẽ gồm có sắc-thân’ là một sự động-chuyển; ‘Ta sẽ không có sắc-thân’ là một sự động-chuyển; ‘Ta sẽ có nhận-thức’ là một sự động-chuyển; ‘Ta sẽ không có nhận-thức’ là một sự động-chuyển; ‘Ta sẽ vừa có nhận-thức vừa không có nhận-thức’ là một sự động-chuyển. Sự động-chuyển này nọ là như một căn bệnh, sự động- chuyển như một ung nhọt, sự động-chuyển như một mũi tên. Do vậy, này



các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ sống với một cái tâm không-có sự động-chuyển này nọ.’ (3) “Này các Tỳ kheo, ‘Ta-là’ là một sự chao-đảo (phất phơ, lung lay); ‘Ta là này’ là một sự chao-đảo; ‘Ta sẽ là’ là một sự chao-đảo; ‘Ta sẽ không là’ là một sự chao-đảo; ‘Ta sẽ gồm có sắc-thân’ là một sự chao- đảo; ‘Ta sẽ không có sắc-thân’ là một sự chao-đảo; ‘Ta sẽ có nhận-thức’ là một sự chao-đảo; ‘Ta sẽ không có nhận-thức’ là một sự chao-đảo; ‘Ta sẽ vừa có nhận-thức vừa không có nhận-thức’ là một sự chao-đảo. Sự chao-đảo này nọ là như một căn bệnh, sự chao-đảo như một ung nhọt, sự chao-đảo như một mũi tên. Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ sống với một cái tâm không-có sự chao- đảo này nọ.’ (4) “Này các Tỳ kheo, ‘Ta-là’ là một sự tăng-phóng (phóng-tâm); ‘Ta là này’ là một sự tăng-phóng; ‘Ta sẽ là’ là một sự tăng-phóng; ‘Ta sẽ không là’ là một sự tăng-phóng; ‘Ta sẽ gồm có sắc-thân’ là một sự tăng- phóng; ‘Ta sẽ không có sắc-thân’ là một sự tăng-phóng; ‘Ta sẽ có nhận- thức’ là một sự tăng-phóng; ‘Ta sẽ không có nhận-thức’ là một sự tăng- phóng; ‘Ta sẽ vừa có nhận-thức vừa không có nhận-thức’ là một sự tăng-phóng. Sự tăng-phóng này nọ là như một căn bệnh, sự tăng-phóng như một ung nhọt, sự tăng-phóng như một mũi tên. Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ sống với một cái tâm không-có sự tăng-phóng này nọ.’ (5) “Này các Tỳ kheo, ‘Ta-là’ là một sự dính-líu với sự ‘tự-ta’ (ngã mạn, ta-đây);226 ‘Ta là này’ là một sự dính-líu với sự ‘tự-ta’; ‘Ta sẽ là’ là một sự dính-líu với sự ‘tự-ta’; ‘Ta sẽ không là’ là một sự dính-líu với sự ‘tự-ta’; ‘Ta sẽ gồm có sắc-thân’ là một sự dính-líu với sự ‘tự-ta’; ‘Ta sẽ không có sắc-thân’ là một sự dính-líu với sự ‘tự-ta’; ‘Ta sẽ có nhận-thức’ là một sự dính-líu với sự ‘tự-ta’; ‘Ta sẽ không có nhận-thức’ là một sự dính-líu với sự ‘tự-ta’; ‘Ta sẽ vừa có nhận-thức vừa không có nhận-thức’ là một sự dính-líu với sự ‘tự-ta’. Sự dính-líu với sự ‘tự-ta’ này nọ là như một căn bệnh, sự dính-líu với sự ‘tự-ta’ như một ung nhọt, sự dính-líu với



sự ‘tự-ta’ như một mũi tên. Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ sống với một cái tâm không-có sự dính-líu với sự ‘tự-ta’ này nọ.’ “Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.” (SN 35:248)



Chương 36.

194 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

Chương 36  Liên Kết CẢM-GIÁC • 195

NHÓM 1. NHÓM ‘CÓ THI KỆ’ (Sagāthā-vagga)

1 (1) Định Tâm
“Này các Tỳ kheo, có ba cảm-giác này. Ba đó là gì? Cảm-giác sướng (dễ chịu), cảm-giác khổ (khó chịu), và cảm-giác trung tính [không khổ không sướng]. Đây là ba cảm-giác.”
Một đệ tử của Phật, có chánh-niệm,
Có đạt-định, và thấu suốt rõ ràng,
Hiểu được những cảm-giác,
Và nguồn-gốc những cảm-giác,
Và chỗ chúng chấm-dứt,
Và con-đường dẫn tới sự chấm dứt của chúng.
Khi đã tiêu diệt mọi cảm-giác (diệt thọ)
Một Tỳ kheo hết đói khát và đã hoàn toàn tắt ngấm.227
(SN 36:01)
2 (2) Sướng
“Này các Tỳ kheo, có ba cảm-giác này. Ba đó là gì? Cảm-giác sướng (dễ chịu), cảm-giác khổ (khó chịu), và cảm-giác trung tính [không khổ không sướng]. Đây là ba cảm-giác.”
Dù đó là sướng hay khổ
Hay không khổ không sướng,
Bên trong hay bên ngoài,
Dù là loại cảm-giác gì:
Đã biết rõ: “Đó là khổ,
Sẽ bị hoại diệt, sẽ bị tan rã.”
Sau khi đã tiếp xúc và tiếp xúc chúng hoài hoài,
196 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

Sau khi đã nhìn thấy sự suy biến của chúng, Thì người tu bỏ được sự mê-thích đối với chúng.228 (SN 36:02)

3 (3) Dẹp Bỏ “Này các Tỳ kheo, có ba cảm-giác này. Ba đó là gì? Cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, và cảm-giác trung tính. Đây là ba cảm-giác. Hãy dẹp bỏ khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) tạo ra tham đối với cảm-giác sướng (lạc thọ). Dẹp bỏ khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sân đối với cảm-giác khổ (khổ thọ). Dẹp bỏ khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra si đối với cảm-giác trung tính (vô ký thọ).229 “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra tham đối với cảm-giác sướng, khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sân đối với cảm-giác khổ, và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra si đối với cảm-giác trung tính, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo không còn khuynh- hướng tiềm ẩn,230 là người nhìn thấy một cách đúng đắn. Người đó đã cắt bỏ dục-vọng, đã chặt đứt những

gông-cùm, và bằng cách phá tan sự 'tự-ta' (ngã mạn),231 thì người đó đã kết thúc sự khổ." Khi người trải nghiệm sướng, Nếu người không hiểu cảm-giác đó là gì, Thì có khuynh-hướng tạo ra tham, Bởi người không nhìn thấy sự thoát-khỏi nó. Khi người trải nghiệm khổ, Nếu người không hiểu cảm-giác đó là gì, Thì có khuynh-hướng tạo ra sân, Bởi người không nhìn thấy sự thoát-khỏi nó. Bậc Đại Trí cũng đã dạy: Còn đối với loại cảm-giác 'bình an vô sự', Tức không khổ không sướng:



Nếu người cũng tìm sự khoái-lạc trong nó,
Thì người vẫn không thoát khỏi sự khổ đau.
Khi một Tỳ kheo nhiệt thành,
Không lơ là sự rõ-biết (tỉnh giác),
Thì bậc trí đó hoàn-toàn hiểu
Những cảm-giác một cách toàn diện.
Sau khi đã hoàn-toàn hiểu những cảm-giác,
Người đó hết ô-nhiễm ngay trong kiếp sống này.
Đang đứng trong Giáo Pháp: nên khi thân tan rã,
Bậc trí sư đó không thể được ước tính.
(là chúng sinh loại nào, vì đã Niết-bàn)
(SN 36:03)

4 (4) Vực Sâu Không Đáy "Này các Tỳ kheo, khi người phàm phu không được chỉ dạy tuyên bố điều này: 'Trong đại dương có một vực sâu không đáy'232 thì người đó tuyên bố về một cái không tồn tại và không có thực. Này các Tỳ kheo, thà lấy điều đó để chỉ những cảm-giác khổ đau còn đúng hơn; những cảm- giác khổ đau thiệt đúng như 'một vực sâu không đáy.' "Khi người phàm phu không được chỉ dạy bị tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ thân, người đó sầu, buồn, và ai oán; người đó khóc than và đấm ngực và trở nên quẫn trí. Đây được gọi là một người phàm phu không được chỉ dạy là người chưa lên khỏi cái vực sâu không đáy, người chưa có-được một chỗ đứng. "Nhưng, này các Tỳ kheo, khi người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy bị tiếp xúc với một cảm-giác khổ thân như vậy, người đó không sầu, buồn, hay ai oán; người đó không khóc than và đấm ngực, hay trở nên quẫn trí. Đây được gọi là một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy là người đã lên khỏi vực sâu không đáy, người đã có được một chỗ-dứng."



Người không thể chịu đựng
Những cảm-giác khổ đau đã khởi sinh,
Những cảm-giác khổ thân phá hoại đời người,
Người run sợ khi chúng tiếp xúc mình,
Là người yếu đuối, kém dũng khí,
Người khóc rống và than oan:
Đó là người chưa lên khỏi vực sâu không đáy.

Cũng chưa có-được một chỗ đứng.
Nhưng, ai là người có thể chịu đựng chúng—
Là những cảm-giác khổ đau,
Những cảm-giác khổ thân phá hoại đời người—
Người đó không run sợ khi chúng tiếp xúc mình:
Người đó đã lên khỏi vực sâu không đáy,
Và người đó đã có được một chỗ-đứng.
(SN 36:04)

5 (5) Nên Được Nhìn Thấy "Này các Tỳ kheo, có ba cảm-giác này. Ba đó là gì? Cảm-giác sướng (dễ chịu), cảm-giác khổ (khó chịu), và cảm-giác trung tính [không sướng không khổ]. Đây là ba cảm-giác.". Này các Tỳ kheo, cảm-giác sướng nên được nhìn thấy là khổ (vì nó luôn biến đổi);233 cảm-giác khổ nên được nhìn thấy như mũi tên; cảm-giác trung tính nên được nhìn thấy là vô thường. "Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đã nhìn thấy cảm-giác sướng là khổ, cảm-giác khổ như mũi tên, cảm-giác trung tính là vô thường, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo nhìn thấy một cách đúng đắn. Người đó đã cắt bỏ dục-vọng, đã chặt đứt những gông-cùm, và bằng cách hoàn toàn phá bỏ sự 'tự-ta' (ngã mạn), người đó đã kết thúc sự khổ." Người đã nhìn thấy cảm-giác sướng là khổ,



Và cảm-giác khổ đau như là mũi tên,
Cảm-giác bình an vô sự là vô thường:
Thì đó là một Tỳ kheo nhìn thấy đúng đắn,
Người hoàn-toàn hiểu những cảm-giác.
Sau khi đã hoàn-toàn hiểu những cảm-giác,
Người đó thành vô nhiễm ngay trong kiếp sống này.
Đã có chỗ-đứng trong Giáo Pháp: nên khi thân tan rã,
Bậc trí sư đó không thể được ước tính.
(là chúng sinh loại nào, vì đã Niết-bàn)
(SN 36:05)

6 (6) Mũi Tên "Này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy cảm nhận một cảm-giác sướng, một cảm-giác khổ, và một cảm-giác trung tính. Người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy cũng cảm nhận một cảm-giác sướng, một cảm-giác khổ, và một cảm-giác trung tính. Nhưng trong đó, này các Tỳ kheo,



bắn một người bằng một mũi tên, rồi lập tức bắn thêm một mũi thứ hai vào chỗ đó nữa,234 do vậy người đó cảm-giác một cảm-giác (đau đớn) gây ra bởi hai mũi tên. Cũng giống như vậy, khi người phàm phu không được chỉ dạy bị tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ đau … người đó cảm nhận như hai cảm-giác—một cảm-giác ở thân và một cảm-giác ở tâm. - "Khi bị tiếp xúc bởi cảm-giác khổ đau đó, người đó chấp chứa sân hận

đối với nó. Khi có chấp chứa sân hận đối với cảm-giác khổ đau là có 'khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) tạo ra sân đối với cảm-giác khổ đau' nằm bên dưới đó. Khi bị tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ đau, người đó tìm kiếm sự sướng trong khoái-lạc giác quan (dục lạc). Bởi vì sao, vì người phàm phu không được chỉ dạy không biết được sự/cách thoát-khỏi cảm- giác khổ đau nào ngoài khoái-lạc giác quan. (tức, họ không biết có con đường tu tập để thoát khỏi sự khổ đau, họ chỉ coi dục-lạc là lối thoát khỏi khổ đau).235 - Khi họ tìm kiếm sự vui sướng trong khoái-lạc giác quan là có 'khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra tham đối với cảm-giác sướng' nằm bên dưới đó. - Người đó không hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa- thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi trong [trong trường hợp] những cảm- giác đó, đúng như chúng thực là. Khi không hiểu được những điều đó là có 'khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra si đối với cảm-giác trung tính' nằm bên dưới đó. (tức: khi có sân là có tùy miên (tạo ra) sân nằm bên dưới sự sân đó; khi có tham là có tùy miên tham nằm bên dưới sự tham đó; khi không có hiểu-biết hay ngu mờ là có tùy miên si nằm bên dưới sự ngu mờ đó). - "Khi cảm nhận một cảm-giác sướng, người đó cảm thấy dính theo nó. Khi cảm nhận một cảm-giác khổ đau, người đó cảm thấy dính theo nó. Khi người đó cảm nhận một cảm-giác trung tính, người đó cảm thấy dính theo nó. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là người phàm phu không được chỉ dạy là người bị dính theo sự sinh, già, và chết; là người dính theo sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; là người dính với sự khổ, ta nói vậy.



(2) "Này các Tỳ kheo, (ngược lại) khi người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy bị tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ đau, người đó không buồn, sầu, và ai oán; người đó không khóc than và đấm ngực, và không trở nên quẫn trí.236 Người đó cảm nhận chỉ một cảm-giác—đó là một cảm-giác ở thân, không có một cảm-giác ở tâm. Giống như người ta bắn một người bằng một mũi tên, nhưng sau đó không bắn thêm mũi nào vào chỗ đó nữa, như vậy người đó cảm nhận chỉ một cảm-giác gây nên bởi một mũi tên. Cũng giống như vậy, khi người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy bị tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ đau … người đó cảm nhận chỉ một cảm-giác—đó là một cảm-giác ở thân, không có một cảm-giác ở tâm. - "Khi bị tiếp xúc bởi cảm-giác khổ đau đó, người đó không chấp chứa sân hận đối với nó. Khi người đó không chất chứa sân hận đối với cảm-giác khổ đau là không có 'khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sân đối với cảm-giác khổ đau' nằm bên dưới đó. Khi bị tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ đau, người đó không tìm kiếm sự vui sướng trong khoái-lạc giác quan. Bởi vì sao, vì người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy hiểu được có sự thoát-khỏi khác khỏi cảm-giác khổ đau, không phải khoái-lạc giác quan. (Tức: người đó biết có con-đường tu tập để thoát khỏi khổ đau, dục-lạc không phải là giải pháp, cho dù là dục-lạc thuộc cõi trời).

- Khi người đó không tìm kiếm sự vui sướng trong khoái-lạc giác quan là không có 'khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra tham đối với cảm-giác sướng' nằm bên dưới đó. - Người đó hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] những cảm-giác đó, đúng như chúng thực là. Khi người đó hiểu được những điều đó là không có 'khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra si đối với cảm-giác

trung tính' nằm bên dưới đó. (Tức: không sân nghĩa là không còn tùy miên (tạo ra) sân nằm bên dưới đó; không tham nghĩa là không còn tùy miên tham nằm bên dưới đó; và khi có sự hiểu biết như vậy là không còn tùy miên si nằm bên dưới đó).



- "Khi cảm nhận một cảm-giác sướng, người đó thấy tách ly khỏi nó. Khi cảm nhận một cảm-giác khổ đau, người đó thấy tách ly khỏi nó. Khi cảm nhận một cảm-giác trung tính, người đó thấy tách ly khỏi nó. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy là người đã tách ly khỏi sự sinh, già, và chết; là người đã tách ly khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; là người đã tách ly khỏi sự khổ, ta nói vậy. "Này các Tỳ kheo, đây chính là sự phân biệt, sự khác biệt, sự khác nhau giữa người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy và người phàm phu không được chỉ dạy." Người trí hiền, có học hiểu, thì không cảm nhận Cảm-giác sướng hay khổ [ở tâm]. Đây là sự khác biệt lớn Giữa người có trí và người phàm phu. Bởi có học hiểu thì thấu hiểu Giáo Pháp, Người nhìn thấy rõ thế giới này và thế giới sau, Những thứ sướng (ngon, đẹp, đáng ước …) Không kích động được người đó. Những thứ khổ (đau, dở, xấu, đáng chê …) Người đó không sân bực, kháng cự. Đối với người đó đâu còn sự hấp-dẫn hay ác-cảm; Cả tham và sân đều đã bị dập tắt, đã đưa đến chấm dứt. Sau khi biết được trạng thái không dính bụi và không sầu não, Người thoát khỏi sự hiện-hữu, Hiểu được một cách đúng đắn). (SN 36:06)

7 (7) Khu Người Bệnh (1) Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong khu Rừng Lớn, trong Hội Đường Mái Nhọn. Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế



Tôn ra khỏi chỗ ẩn trú và đi tới khu người bệnh,237 ở đó đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn, và nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nên chờ tới lúc (chết) của mình một cách có chánh-niệm và thường rõ-biết (tỉnh giác). Đây là chỉ thị của ta đối với các thầy." (1) "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo có chánh- niệm? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát (quán niệm) thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm muốn (tham) và buồn phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó sống quán niệm những cảm-giác trong những cảm-giác … tâm trong tâm … những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm muốn và phiền bực đối với thế giới. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo có chánh- niệm. (2) "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo thực hành sự rõ-biết? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là người hành động với sự rõ-biết khi đang đi tới, đang đi lui; đang nhìn thẳng, đang nhìn ngang; đang duỗi tay chân, đang co tay chân; đang mặc y phục, đang mang bình bát và cà sa; đang ăn, đang uống, đang nhai, đang nếm; đang đại tiện, đang tiểu tiện; đang đi, đang đứng, đang nằm, đang ngồi, đang nằm ngủ, đang thức dậy, đang nói, đang im lặng. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo luôn thực hành sự rõ-biết (tức: luôn tỉnh giác). (*) "Một Tỳ kheo nên chờ tới lúc (chết) của mình một cách có chánh- niệm và thường rõ-biết. Đây là chỉ thị của ta đối

với các thầy. (a) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo sống như vậy, có chánh-niệm và rõ-biết, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, nếu khởi sinh trong người đó cảm-giác sướng (dễ chịu; lạc thọ), người đó hiểu: ‘Đã khởi sinh trong ta một cảm-giác sướng. Đó là tùy thuộc, không phải độc lập mà có. Tùy thuộc vào cái gì? Tùy thuộc vào chính thân này. Nhưng thân này là vô thường, có điều-kiện (hữu vi), khởi-sinh tùy thuộc (duyên khởi). Vậy khi cái cảm-giác sướng khởi sinh là tùy thuộc vào thân là thứ vô thường,



có điều-kiện, khởi-sinh tùy thuộc, thì làm sao nó là thường hằng cho được?’ (nhân vô thường thì quả cũng vô thường). Người đó an trú quán sát sự vô thường trong thân và cảm-giác sướng đó; người đó quán sát sự phai-biến, quán sát sự chán-bỏ, quán sát sự chấm-dứt, quán sát sự từ-bỏ (đối với thân và cảm-giác sướng đó).238 Khi người đó an trú như vậy, thì ‘khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) tạo ra tham đối với thân và đối với cảm-giác sướng’ được loại bỏ bởi người đó. (b) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo sống như vậy có chánh-niệm và rõ-biết, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, nếu khởi sinh trong người đó một cảm-giác khổ (khó chịu; khổ thọ), người đó hiểu: ‘Đã khởi sinh trong ta một cảm-giác khổ. Đó là tùy thuộc, không phải độc lập mà có. Tùy thuộc vào cái gì? Tùy thuộc vào thân này. Nhưng thân này là vô thường, có điều-kiện, và khởi-sinh tùy thuộc. Vậy khi cái cảm-giác khổ khởi sinh là tùy thuộc vào thân là thứ vô thường, có điều-kiện, và khởi- sinh tùy thuộc, thì làm sao nó lại là thường hằng cho được?’ Người đó an trú quán sát sự vô thường trong thân và cảm-giác khổ đó; người đó quán sát sự phai-biến, quán sát sự chán-bỏ, quán sát sự chấm-dứt, quán sát sự từ-bỏ (đối với thân và cảm-giác khổ đó). Khi người đó an trú như vậy, thì ‘khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sân đối với thân và đối với cảm-giác khổ’ được loại bỏ bởi người đó. (c) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo sống như vậy có chánh-niệm và rõ-biết, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, nếu khởi sinh trong người đó một cảm-giác trung tính (không khổ không sướng; vô ký thọ), người đó hiểu: ‘Đã khởi sinh trong ta một cảm-giác trung tính. Đó là tùy thuộc, không phải độc lập mà có. Tùy thuộc vào cái gì? Tùy thuộc vào thân này. Nhưng thân này là vô thường, có điều-kiện, và khởi-sinh tùy thuộc. Vậy khi cái cảm-giác trung tính khởi sinh là tùy thuộc vào thân là thứ vô thường, có điều-kiện, và khởi sinh tùy thuộc, thì làm sao nó lại là thường hằng cho được?’ Người đó an trú quán sát sự vô thường trong thân và cảm-giác trung tính; người đó quán sát sự phai-biến, quán sát sự chán- bỏ, quán sát sự chấm-dứt, quán sát sự từ-bỏ (đối với thân và cảm-giác trung tính đó). Khi người đó an trú như vậy, thì ‘khuynh-hướng tiềm ẩn



tạo ra si đối với thân và đối với cảm-giác trung tính’ được loại bỏ bởi người đó. i- “Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác sướng,239 người đó hiểu: ‘Nó là vô thường; không có sự nắm giữ (dính theo) nó; không có sự thích thú nó.’ Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác khổ, người đó hiểu: ‘Nó là vô thường; không có sự nắm giữ (dính theo) nó; không có sự thích thú nó.’ Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác trung tính [không khổ không sướng], người đó hiểu: ‘Nó là vô thường; không có sự nắm giữ (dính theo) nó;

không có sự thích thú nó.’ ii- “Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác sướng, người đó cảm nhận nó tách-ly (cảm nhận nó là nó, không dính líu gì mình); nếu người đó cảm nhận một cảm-giác khổ, người đó cảm nhận nó tách-ly; nếu người đó cảm nhận một cảm-giác trung tính, người đó cảm nhận nó tách-ly. iii- “Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu (kết thúc) cùng với thân, người đó hiểu: ‘Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân.’ Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng mạng-sống, người đó hiểu: ‘Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng-sống.’ Người đó hiểu: ‘Khi thân tan rã, theo sau là sự cạn dứt mạng-sống, tất cả (mọi thứ) đều được cảm nhận, (nhưng) không còn được thích thú, sẽ nguội tắt ngay tại đây.’ “Này các Tỳ kheo, giống như một ngọn đèn dầu cháy tùy thuộc vào dầu và tim, và khi dầu cạn tim hết, nếu nó không được tiếp liệu thêm nữa, nó sẽ tắt ngấm do không còn nhiên liệu. Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân … đang kết liễu cùng với mạng-sống … Người đó hiểu: ‘Khi thân tan rã, theo sau là sự cạn dứt của mạng-sống, tất cả đều được cảm nhận, (nhưng) không còn được thích thú, sẽ trở nên nguội tắt ngay tại đây.’” (SN 36:07)



8 (8) Khu Người Bệnh (2) [Giống kinh kế trên cho tới:] (*) “Một Tỳ kheo nên chờ tới lúc của mình một cách có chánh-niệm và thường rõ-biết. Đây là chỉ thị của ta đối với các thầy. (a) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo an trú như vậy, có chánh- niệm và rõ-biết, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, nếu khởi sinh trong người đó cảm-giác sướng (lạc thọ) người đó hiểu: ‘Đã khởi sinh trong ta một cảm-giác sướng. Đó là tùy thuộc, không phải độc lập mà có. Tùy thuộc vào cái gì? Tùy thuộc vào sự tiếp-xúc. Nhưng sự tiếp-xúc này là vô thường, có điều-kiện (hữu vi), khởi-sinh tùy thuộc (duyên khởi). Vậy khi cái cảm-giác sướng khởi sinh là tùy thuộc vào sự tiếp-xúc là thứ vô thường, có điều-kiện, khởi-sinh tùy thuộc, thì làm sao nó là thường hằng cho được?’ Người đó an trú quán sát sự vô thường trong thân và cảm-giác sướng đó; người đó quán sát sự phai-biến, quán sát sự chán-bỏ, quán sát sự chấm-dứt, quán sát sự từ-bỏ (đối với thân và cảm-giác sướng đó). Khi người đó an trú như vậy, thì ‘khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra tham đối với sự tiếp-xúc và đối với cảm-giác sướng’ được loại bỏ bởi người đó. (b) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo an trú như vậy, có chánh- niệm và rõ-biết, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, nếu khởi sinh trong người đó cảm-giác khổ (khổ thọ), người đó hiểu: ‘Đã khởi sinh trong ta một cảm-giác khổ. Đó là tùy thuộc, không phải độc lập mà có. Tùy thuộc vào cái gì? Tùy thuộc vào sự tiếp-xúc. Nhưng sự tiếp-xúc này là vô thường, có điều-kiện, khởi-sinh tùy thuộc. Vậy khi cái cảm-giác khổ khởi sinh là tùy thuộc vào sự tiếp-xúc là thứ vô thường, có điều-kiện, khởi-sinh tùy thuộc, thì làm sao nó là thường hằng cho được?’ Người đó an trú quán sát sự vô thường trong thân và cảm-giác khổ đó; người đó quán sát sự phai-biến, quán sát sự chán-bỏ, quán sát sự chấm-dứt, quán sát sự từ-bỏ (đối với thân và cảm-giác khổ đó). Khi người đó an trú như vậy, thì ‘khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sân đối với sự tiếp-xúc và đối với cảm-giác khổ’ được loại bỏ bởi người đó.

(c) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo sống như vậy, có chánh-niệm và rõ-biết, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, nếu khởi sinh trong người đó cảm-giác trung tính, người đó hiểu: ‘Đã khởi sinh trong ta một cảm-giác trung tính. Đó là tùy thuộc, không phải độc lập mà có. Tùy thuộc vào cái gì? Tùy thuộc vào sự tiếp-xúc. Nhưng sự tiếp-xúc này là vô thường, có điều-kiện, khởi-sinh tùy thuộc. Vậy khi cái cảm-giác trung tính khởi sinh là tùy thuộc vào sự tiếp-xúc là thứ vô thường, có điều-kiện, khởi-sinh tùy thuộc, thì làm sao nó là thường hằng cho được?’ Người đó an trú quán sát sự vô thường trong thân và cảm-giác trung tính đó; người đó quán sát sự phai-biến, quán sát sự chán-bỏ, quán sát sự chấm-dứt, quán sát sự từ-bỏ (đối với thân và cảm-giác trung tính đó). Khi người đó an trú như vậy, thì ‘khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sân đối với sự tiếp-xúc và đối với cảm-giác trung tính’ được loại bỏ bởi người đó.. i- “Khi người đó cảm nhận một cảm-giác sướng, người đó cảm thấy tách ly với nó … [y hệt đoạn này trong kinh kế trên, cho tới:] … … Người đó hiểu: ‘Khi thân tan rã, kế tiếp là sự hết-mạng (thân hoại, mạng chung), thì mọi thứ được cảm nhận, nhưng không còn được thích thú, sẽ trở thành nguội-tắt ngay tại đây’. (SN 36:08)

9 (9) Vô Thường “Này các Tỳ kheo, ba cảm-giác này là vô thường, có điều-kiện (hữu vi), và khởi-sinh tùy thuộc (duyên khởi), sẽ bị tiêu diệt, sẽ bị biến mất, sẽ bị phai biến, sẽ bị chấm dứt. Ba đó là gì? Cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, cảm-giác trung tính. Ba cảm-giác này là vô thường, có điều-kiện, và khởi- sinh tùy thuộc, sẽ bị tiêu diệt, sẽ bị biến mất, sẽ bị phai biến, sẽ bị chấm dứt.” (SN 36:09)

10 (10) Từ Sự Tiếp-Xúc



“Này các Tỳ kheo, ba cảm-giác này được sinh ra từ sự tiếp-xúc, bắt rễ từ sự tiếp-xúc, có sự tiếp-xúc là nguồn-gốc và điều-kiện (nhân và duyên). Ba đó là gì? Cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, cảm-giác trung tính. (a) “Này các Tỳ kheo, tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng (dễ chịu) nên khởi sinh một cảm-giác sướng. Khi chấm dứt sự tiếp- xúc được trải nghiệm là sướng đó thì cảm-giác tương ứng—cảm-giác sướng khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng đó— cũng chấm dứt và lắng lặn. (b) “Này các Tỳ kheo, tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ (khó chịu), nên khởi sinh một cảm-giác khổ. Khi chấm dứt sự tiếp- xúc được trải nghiệm là khổ thì cảm-giác tương ứng—cảm-giác khổ khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ đó—cũng chấm dứt và lắng lặn. (c) “Này các Tỳ kheo, tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính (không khổ không sướng), nên khởi sinh một cảm-giác trung tính. Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính thì cảm-giác tương ứng—cảm-giác trung tính khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính đó—cũng chấm dứt và lắng lặn. “Này các Tỳ kheo, giống như nhiệt nóng được tạo ra và lửa được sinh ra từ sự tiếp-xúc và cọ-sát của hai cây mồi lửa, nhưng khi tách rời hai cây đó thì nhiệt nóng cũng chấm dứt và lắng lặn.240 Cũng giống như vậy, ba cảm-giác này được sinh ra từ sự tiếp-xúc, bắt rễ từ sự tiếp-xúc, với sự tiếp-xúc là nguồn-gốc và điều-kiện của chúng. Tùy thuộc vào sự những tiếp-xúc, nên khởi sinh những cảm-giác tương ứng; khi chấm dứt những tiếp-xúc đó thì chấm dứt

những cảm-giác tương ứng.” (SN 36:10)

Chương 36  Liên Kết CẢM-GIÁC • 209

NHÓM 2. NHÓM ‘MỘT MÌNH’ (Rahogata-vagga)

11 (1) Một Mình Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, ở đây khi con đang sống một-mình, sự suy xét (quán chiếu) này đã khởi sinh trong con như vầy: ‘Ba cảm-giác đã được nói bởi đức Thế Tôn: cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, cảm-giác trung tính. Ba cảm-giác này đã được nói bởi đức Thế Tôn. Nhưng đức Thế Tôn đã tuyên thuyết: “Những gì được cảm-nhận đều nằm trong sự khổ.” Bây giờ, thưa Thế Tôn, chiếu theo cái gì mà câu này đã được nói bởi đức Thế Tôn như vậy?’” (i) “Tốt, tốt, này Tỳ kheo! “Ba cảm-giác” này đã được nói bởi ta: cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, cảm-giác trung tính. Ba cảm-giác này đã được nói bởi ta. Và ta đã nói rằng: ‘Mọi thứ được cảm nhận đều nằm trong sự khổ.’ Điều đó được nói bởi ta là chiếu theo sự vô-thường của những sự tạo-tác (các hành). Điều đó được nói bởi ta là chiếu theo những sự tạo-tác (có bản chất) phải bị hủy hoại … những sự tạo tác phải bị biến đi … những sự tạo-tác phải bị phai biến … những sự tạo-tác phải bị chấm dứt … những sự tạo-tác phải bị thay đổi.241 (ii) “Rồi, này Tỳ kheo, ta cũng dạy về “sự chấm-dứt tiến dần (lần lượt, nối tiếp; tiến diệt) của những sự tạo-tác”.242 (1) Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ nhất thì lời-nói đã chấm dứt. (2) Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ hai thì ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ) đã chấm dứt. (3) Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ ba thì sự hoan- hỷ (hỷ) đã chấm dứt. (4) Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ tư thì ‘sự thở-vào và thở-ra’ đã chấm dứt. (5) Với người đã chứng đắc không vô biên xứ [cảnh xứ không gian vô biên] thì nhận-thức về thể-sắc (sắc giới)

210 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

đã chấm dứt. (6) Với người đã chứng đắc thức vô biên xứ [cảnh xứ của thức vô biên] thì nhận-thức thuộc không vô biên xứ đã chấm dứt. Với người đã chứng đắc vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì] thì nhận-thức thuộc thức vô biên xứ đã chấm dứt. (7) Với người đã chứng đắc phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức] thì nhận-thức thuộc vô sở hữu xứ đã chấm dứt. (8) Với người đã chứng đắc (trạng thái) diệt thọ tưởng [sự chấm-dứt cảm-giác và nhận-thức] thì cảm-giác và nhận-thức đã chấm dứt. (9) Với một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm thì tham đã chấm dứt, sân đã chấm dứt, si đã chấm dứt. (iii) “Rồi, này Tỳ kheo, ta cũng dạy về “sự liên tiếp lặn-mất của những sự tạo-tác”. Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ nhất thì lời-nói đã lắng lặn … Với người đã chứng đắc (trạng thái) diệt thọ tưởng [sự chấm-dứt cảm-giác và nhận-thức] thì cảm-giác và nhận-thức đã lắng lặn. Với một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm, thì tham đã lắng lặn, sân đã lắng lặn, si đã lắng lặn. (iv) “Này Tỳ kheo, có sáu “sự làm tĩnh-lặng” này. Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ nhất thì lời-nói đã được làm tĩnh lặng. Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ hai thì ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ) đã được làm tĩnh lặng. Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ ba thì sự hoan-hỷ (hỷ) đã được làm tĩnh lặng. Với

người đã chứng đắc tầng thiền định thứ tư thì ‘sự thở-vào và thở-ra’ đã được làm tĩnh lặng. Với người đã chứng đắc (trạng thái) diệt thọ tưởng thì cảm-giác và nhận-thức đã được làm tĩnh lặng. Với một Tỳ kheo là người đã tiêu diệt ô-nhiễm thì tham đã được làm tĩnh lặng, sân đã được làm tĩnh lặng, si đã được làm tĩnh lặng.” (SN 36:11)

12 (2) Trong Bầu Trời (1)

Chương 36  Liên Kết CẢM-GIÁC • 211

“Này các Tỳ kheo, như nhiều thứ gió thổi trong bầu trời: gió từ phía nam, gió từ phía bắc, gió từ phía tây, gió từ phía nam, gió bụi và gió không bụi, gió lạnh và gió nóng, gió nhẹ và gió mạnh. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nhiều thứ cảm-giác khởi sinh trong thân này: cảmgiác sướng, cảm-giác khổ, cảm-giác trung tính khởi sinh.”
Giống như nhiều loại gió
Thổi xuôi thổi ngược trên trời,
Gió đông và gió tây,
Gió nam và gió bắc,
Gió bụi và gió sạch,
Lúc lạnh và lúc nóng,
Lúc mạnh và lúc nhẹ—
Nhiều loại gió thổi khác nhau;
Cũng vậy trong thân này
Nhiều thứ cảm-giác khởi sinh,
Dễ chịu có, khổ đau có,
Trung tính có.
Khi một Tỳ kheo nhiệt thành,243
Không lơ là sự rõ-biết (tỉnh giác),
Thì bậc trí đó hoàn-toàn hiểu
Những cảm-giác một cách toàn diện.
Sau khi đã hoàn-toàn hiểu những cảm-giác,
Người đó hết ô-nhiễm ngay trong kiếp sống này.
Đang đứng trong Giáo Pháp: nên khi thân tan rã,
Bậc trí sư đó không thể được ước tính.
(là chúng sinh loại nào, vì đã Niết-bàn)
(SN 36:12)
13 (3) Trong Bầu Trời (2)

212 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

[Giống hệt kinh kế trên, nhưng không có phần thi kệ.]

(SN 36:13)

14 (4) Nhà Khách “Này các Tỳ kheo, ví dụ có một nhà khách. Có những người từ phía đông, tây, nam, bắc đến và trọ ở đó; những người giai cấp chiến-sĩ, những người giai

cấp bà-la-môn, những người giai cấp nông-thương, những người giai cấp bần-lao đến và trọ ở đó. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nhiều thứ cảm-giác khởi sinh trong thân này: (a) cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, cảm-giác trung tính khởi sinh; (b) cảm-giác sướng thuộc thể xác (thuộc thân), cảm-giác khổ thuộc thể xác, cảm-giác trung tính thuộc thể xác; (c) cảm-giác sướng thuộc tinh thần (thuộc tâm); cảm-giác khổ thuộc tinh thần; cảm-giác trung tính thuộc tinh thần."244 (SN 36:14)

15 (5) Với Ānanda (1) Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, giờ cái gì là cảm-giác? Cái gì là nguồn-gốc của cảm- giác? Cái gì là sự chấm-dứt của cảm-giác? Cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác? Cái gì là sự thỏa-thích trong cảm-giác? Cái gì là sự nguy-hại? Cái gì là sự thoát-khỏi?" - "Này Ānanda, có ba loại cảm-giác này—cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, cảm-giác trung tính—được gọi là cảm-giác. Do có [khởi sinh] tiếp- xúc (xúc) nên có [khởi sinh] cảm-giác (thọ). Khi chấm dứt tiếp-xúc (xúc diệt) thì chấm dứt cảm-giác (thọ diệt). Con đường Bát Thánh Đạo này là con-đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác; đó gồm: chánh-kiến … chánh- định.



- "Sự thích thú và vui sướng khởi sinh tùy thuộc vào cảm-giác: đây chính là sự thỏa-thích trong cảm-giác. Nhưng cảm-giác đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong cảm-giác. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với cảm-giác: đây chính là sự thoát-khỏi cảm-giác. - "Rồi, này Ānanda, ta cũng dạy về "sự chấm-dứt lần lượt của những sự tạo-tác" (các hành) … [giống đoạn này trong kinh 36:11 ở trên] … Với một Tỳ kheo là người đã tiêu diệt ô-nhiễm thì tham đã được làm tĩnh lặng, sân đã được làm tĩnh lặng, si đã được làm tĩnh lặng." (SN 36:15)

16 (6) Với Ānanda (2) Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy Ānanda khi thầy đang ngồi một bên: "Này Ānanda, giờ cái gì là cảm-giác? Cái gì là nguồn-gốc của cảm- giác? Cái gì là sự chấm-dứt của cảm-giác? Cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác? Cái gì là sự thỏa-thích trong cảm-giác? Cái gì là sự nguy-hại? Cái gì là sự giải-thoát?" "Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, có sự nương dựa vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó." "Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói, này Ānanda." "Dạ, thưa Thế Tôn", thầy Ānanda đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:: "Này Ānanda, này là ba cảm-giác—cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, cảm-giác trung tính—được gọi là ba cảm-giác …" [Phần còn lại giống hệt kinh kế trên.]



(SN 36:16)

17 (7) 18 (8) Một Số Tỳ kheo [Hai kinh này lần lượt giống kinh 36:15 và 36:16 kế trên, chỉ khác người nghe là "một số Tỳ kheo" thay vì thầy "Ānanda".]

(SN 36:1718)

19 (9) Pañcakaṅga Lúc đó có người thợ mộc tên Pañcakaṅga đến gặp Ngài Udāyī, kính lễ thầy ấy, ngồi xuống một bên, và thưa với thầy ấy: “Thưa thầy Udāyī, có bao nhiêu loại cảm-giác được nói bởi đức Thế Tôn?”245 “Này anh thợ mộc, có ba loại cảm-giác được nói bởi đức Thế Tôn: cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, cảm-giác trung tính. Đây là ba loại cảm- giác đã được nói bởi đức Thế Tôn.” Khi điều này được nói ra, người thợ mộc nói với thầy Udāyī: “Đức Thế Tôn đã không nói về ba loại cảm-giác, thưa thầy Udāyī. Đức Thế Tôn chỉ nói về hai loại cảm-giác: cảm-giác dễ chịu và cảm-giác khổ đau. Còn đối với loại cảm-giác trung tính [không khổ không sướng], thưa thầy, đức Thế Tôn nói nó nằm trong dạng khoái-lạc bình an và siêu phàm.” (nghĩa của câu cuối này: coi chú thích ở cuối đoạn (4) ‘tầng thiền định thứ tư’ ở bên dưới kinh này) Lần thứ hai và lần thứ ba thầy Udāyī vẫn giữ nguyên ý mình; và lần thứ hai và lần thứ ba người thợ mộc Pañcakaṅga vẫn giữ nguyên ý mình, nhưng thầy Udāyī không thể thuyết phục Pañcakaṅga, và Pañcakaṅga cũng không thể thuyết phục thầy Udāyī. Ngài Ānanda nghe được lời đối thoại của thầy Udāyī và người thợ mộc Pañcakaṅga. Rồi thầy ấy đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn,



ngồi xuống một bên và kể lại cho đức Thế Tôn toàn bộ cuộc đối thoại đó. [Đức Thế Tôn đã nói:] - “Này Ānanda, lời giảng giải của Tỳ kheo Udāyī là đúng, tuy không được người thợ mộc Pañcakaṅga đồng ý, và lời giải thích của Pañcakaṅga cũng là đúng, tuy không được Tỳ kheo Udāyī đồng ý. Theo cách giảng giải này, ta đã nói về hai loại cảm-giác; theo cách giảng giải kia, ta đã nói về ba loại cảm-giác; theo cách giảng giải khác; ta đã nói về năm loại cảm- giác … sáu loại cảm-giác … mười tám loại cảm-giác … ba mươi sáu loại cảm-giác; và theo cách giảng giải khác, ta đã nói về một trăm lẻ tám loại cảm-giác. Như vậy, này Ānanda, Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy bằng nhiều phương pháp giảng giải [khác nhau].246 - “Khi Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy như vậy thông qua những phương pháp giảng giải [khác nhau] thì có thể thấy trước rằng: có những người không thừa nhận, tán thành, hay đồng ý với những điều đã được khéo giảng bằng nhiều cách như vậy thì họ sẽ tranh luận, cãi vả, và dính vào tranh chấp, và sẽ liên tục đâm chọt nhau bằng những lời lẽ xiên xỏ. Nhưng mặt khác, khi Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy như vậy thông qua những phương pháp giảng giải [khác nhau] thì có thể thấy trước rằng: cũng có những người sẽ thừa nhận, tán thành, và đồng ý với những điều đã được khéo giảng bằng nhiều cách như vậy thì họ sẽ sống hòa đồng, hòa thuận, không tranh cãi, và hiền hòa với nhau như sữa và nước, và nhìn nhau bằng ánh mắt hiền từ. - “Này Ānanda, có năm dây khoái-lạc giác quan (dục lạc). Năm đó là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Những âm-thanh được nhận biết bởi tai … Những mùi-hương được nhận biết bởi mũi … những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Đó là năm dây khoái- lạc giác quan. Sự thích thú và vui sướng khởi sinh tùy thuộc vào năm dây khoái-lạc giác quan: đây được gọi là

khoái-lạc giác quan.



(1) “Cho dù ai nói ‘Đây là sự khoái-lạc và vui-thú cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại khoái-lạc đó. Và cái gì là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách ly.’ Đây là loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại khoái-lạc đó. (2) “Cho dù có ai nói: ‘Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc đó. Và cái gì là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (ii) ‘Với sự lắng lặn của ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có niềm tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.’ Đây là loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh- phúc trước. (3) “Cho dù có ai nói: ‘Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc đó. Và cái ǵ là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (iii) ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), một Tỳ kheo an trú buông-xả, có chánh- niệm, và rõ-biết, người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân nói là: “Người đó buông-xả, có chánh- niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc)”.’ Đây là loại hạnh- phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc trước. (4) “Cho dù có ai nói: ‘Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có



một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc đó. Và cái gì là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (iv) ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng và sự khổ, và với sự phai biến trước đó của yếu tố vui và buồn, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ yếu tố buông-xả.’ Đây là loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc trước.247 (5) “Cho dù có ai nói: ‘Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc đó. Và cái gì là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (v) ‘Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc (sắc giới); (nên từ đây trở lên được gọi là những tầng vô-sắc giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận- thức về sự đa-dạng (khác biệt này

nọ), [chỉ nhận thức rằng:] ‘không gian là vô biên’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ [cảnh xứ không gian vô biên].’ Đây là loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc trước. (6) “Cho dù có ai nói: ‘Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc đó. Và cái gì là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (vi) ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘thức là vô biên’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ [cảnh xứ thức vô biên].’ Đây là loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc trước. (7) “Cho dù có ai nói: ‘Đây là sự hỷ-lạc cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại hạnh-phúc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại hạnh-phúc đó. Và cái gì là loại hạnh-phúc khác? Ở đây, này Ānanda: (vii) ‘Lại nữa: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘không-





“Này các Tỳ kheo, theo cách giảng giải này ta đã nói về hai loại cảm- giác; theo cách giảng giải kia ta đã nói về ba loại cảm-giác; theo cách giảng giải khác ta đã nói về năm loại cảm-giác … Như vậy, này Ānanda, Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy như vậy thông qua nhiều phương pháp giảng giải [khác nhau] …” [Phần còn lại giống y kinh kế trên; và trong kinh này người nghe là “các Tỳ kheo”.]

(SN 36:20)



NHÓM 3. NHÓM ‘CHỦ ĐỀ MỘT TRĂM LẺ TÁM’ (Aṭṭhasatapariyāya-vagga)

21 (1) Sīvaka Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó có một du sĩ tên Moḷiyasīvaka (Sīvaka Tóc Búi) đến gặp và chào hỏi với đức Thế Tôn.250 Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thầy Cồ-đàm, có mấy tu sĩ và bà-la-môn nắm giữ một giáo thuyết và quan-điểm như vầy: ‘Người ta trải nghiệm gì, dù là sướng hay khổ hay trung tính, tất cả đều do nghiệp quá khứ’.251 Thầy Cồ-đàm nói sao về điều này?” - “Này Sīvaka, một số cảm-giác ở đây khởi sinh (i) từ những rối loạn từ túi mật (trong bụng): đó là những cảm-giác khởi sinh từ rối loạn túi mật, một người có thể tự mình biết, và điều đó được coi là đúng trong thế gian. Giờ các tu sĩ và bà-la-môn nắm giữ một giáo thuyết và quan-điểm như vầy: ‘Người ta trải nghiệm gì, dù là sướng hay khổ hay trung tính, tất cả đều do nghiệp quá khứ’ là coi như họ đã bỏ qua điều một người tự mình biết và họ bỏ qua điều đã được coi là đúng trong thế gian. Do vậy ta nói (quan điểm) đó là sai về phần các tu sĩ và bà-la-môn đó.252 - “Này Sīvaka, một số cảm-giác ở đây khởi sinh (ii) từ rối loạn đờm … (iii) từ rối loạn gió … (iv) từ sự mất cân bằng [của ba thứ đó] … (v) do thay đổi thời tiết … (vi) do hành vi bất cẩn … (vii) do bị tấn công … (viii) do nghiệp-quả: đó là những cảm-giác ở đây khởi sinh từ rối loạn đờm … do nghiệp-quả một người có thể tự

mình biết, và điều đó được coi là đúng trong thế gian.253 Giờ các tu sĩ và bà-la-môn nắm giữ một giáo thuyết và quan-điểm như vầy: 'Người ta trải nghiệm gì, dù là sướng hay khổ hay trung tính, tất cả đều do nghiệp quá khứ' là coi như họ đã bỏ qua



điều một người tự mình biết và họ bỏ qua điều đã được coi là đúng trong thế gian. Do vậy ta nói (quan điểm) đó là sai về phần các tu sĩ và bà-lamôn đó." Sau khi điều này được nói ra, du sĩ Moḷiyasīvaka đã nói với đức Thế Tôn: "Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm! … Kể từ hôm nay mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời." Do mật, đờm, và gió, Do mất cân bằng và do thời tiết thay đổi, Do hành vi bất cẩn và do bị tấn công, Do nghiệp quả là nguyên nhân thứ tám. (SN 36:21)

22 (2) Chủ Đề 'Một Trăm Lẻ Tám' "Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy một bài giảng Giáo Pháp về chủ đề 'một trăm lẻ tám'. Hãy lắng nghe điều đó … "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là bài giảng Giáo Pháp về chủ đề 'một trăm lẻ tám'? Theo cách giảng giải này, ta đã nói về hai loại cảm-giác; theo cách giảng giải kia, ta đã nói về ba loại cảm-giác; theo cách giảng giải khác, ta đã nói về năm loại cảm-giác … sáu loại cảm-giác … mười tám loại cảm-giác … ba mươi sáu loại cảm-giác; và theo cách giảng giải khác, ta đã nói về một trăm lẻ tám (108) loại cảm-giác. Như vậy, này các Tỳ kheo, Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy như vậy thông qua những phương pháp giảng giải [khác nhau]. 1- "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là hai (2) loại cảm-giác? Cảm-giác ở thân và cảm-giác ở tâm. Đây được gọi là hai loại cảm-giác. 2- "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ba (3) loại cảm-giác? Cảm-giác sướng (dễ chịu), cảm-giác khổ (khó chịu), cảm-giác trung tính (không khổ không sướng). Đây được gọi là ba loại cảm-giác.



3- "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là năm (5) loại cảm-giác? Căn sướng (lạc), căn khổ (khổ), căn vui (hỷ), căn buồn (ưu), căn buông-xả (xả). Đây được gọi là năm loại cảm-giác.254 4- "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sáu (6) loại cảm-giác? Cảm-giác sinh ra từ tiếp-xúc mắt … cảm-giác sinh ra từ tiếp-xúc tâm. Đây được gọi là sáu loại cảm-giác. 5- "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là mười tám (18) loại cảm-giác? Sáu sự soi-xét (tứ) có kèm theo bởi sự hoan-hỷ (hỷ), sáu sự soi-xét có kèm theo sự buồn-phiền (ưu), sáu sự soi-xét có kèm theo sự buông-xả (xả). Đây được gọi là mười tám loại cảm-giác.255 6- "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ba mươi sáu (36) loại cảm-giác? Sáu loại cảm-giác hoan-hỷ (hỷ) thuộc đời sống tại gia, sáu loại cảm-giác hoan-hỷ thuộc đời sống xuất gia; sáu loại cảm-giác buồn-phiền (ưu) thuộc đời sống tại gia, sáu loại cảm-giác buồn-phiền thuộc đời sống xuất gia; sáu loại cảm-giác buông-xả (xả) thuộc đời sống tại gia, sáu loại cảm-giác buông-xả thuộc đời sống xuất gia. Đây được gọi là ba mươi sáu loại cảm- giác.256 7. "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là một trăm lẻ tám (108) loại cảm- giác? Ba mươi sáu loại cảm-giác như vậy [như kế trên] trong thời quá khứ, trong thời tương lai, và trong thời hiện tại. Đây được gọi là một trăm lẻ tám loại cảm-giác. "Này các Tỳ kheo, đây là bài giảng Giáo Pháp về chủ đề 'một trăm lẻ tám'." (SN 36:22)

23 (3) Một Tỳ kheo Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

Chương 36 Liên Kết CẢM-GIÁC • 223

“Thưa Thế Tôn, giờ cái gì là cảm-giác? Cái gì là nguồn-gốc của cảm- giác? Cái gì là sự chấm-dứt của cảm-giác? Cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác? Cái gì là sự thỏa-thích trong cảm-giác? Cái gì là sự nguy-hại? Cái gì là sự giải-thoát?” “Này Tỳ kheo, có ba loại cảm-giác này—cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, cảm-giác trung tính—được gọi là cảm-giác. Do có [khởi sinh] tiếp- xúc (xúc) nên có [sinh ra] cảm-giác (thọ). Khi chấm dứt tiếp-xúc (xúc diệt) thì chấm dứt cảm-giác (thọ diệt). Con đường Bát Thánh Đạo này là con-đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác; đó gồm: chánh-kiến … chánh- định. “Sự thích thú và vui sướng khởi sinh tùy thuộc vào cảm-giác: đây chính là sự thỏa-thích trong cảm-giác. Nhưng cảm-giác đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong cảm-giác. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với cảm-giác: đây chính là sự thoát-khỏi cảm-giác. (SN 36:23)

24 (4) Trước Khi … “Này các Tỳ kheo, trước khi ta giác-ngộ [trước khi sự giác-ngộ của ta], khi ta còn là một bồ-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện, ý này đã xảy đến với ta: “Giờ cái gì là cảm-giác? Cái gì là nguồn-gốc của cảm-giác? Cái gì là sự chấm-dứt của cảm-giác? Cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác? Cái gì là sự thỏa-thích trong cảm-giác? Cái gì là sự nguy-hại? Cái gì là sự giải-thoát?” “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Có ba loại cảm- giác này: … [Tiếp tục như kinh kế trên] … đây chính là sự thoát-khỏi khỏi cảm-giác.’” (SN 36:24)

224 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 4

25 (5) Sự-Biết 257 “Này các Tỳ kheo, ‘đây là những cảm-giác’: như vậy, đối với những điều chưa từng được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng. “Này các Tỳ kheo, ‘đây là nguồn-gốc của cảm-giác’: như vậy, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa từng được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết … ánh-sáng. “Này các Tỳ kheo, ‘đây là con-đường dẫn đến sự khởi-sinh của cảm- giác’: như vậy, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa từng được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết … ánh-sáng. “Này các Tỳ kheo, ‘đây là sự chấm-dứt cảm-giác’: như vậy, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa từng được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết … ánh-sáng. “Này các Tỳ kheo, ‘đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác’: như vậy, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa từng được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấ728.64 reW* nBT/F4 12.48 Tf1 0 0 1 188.45 458.35 Tm0

Chương 36 Liên Kết CẢM-GIÁC • 225

“Này các Tỳ kheo, có ba loại cảm-giác này. Ba đó là gì? cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, cảm-giác trung tính. (1) “Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hiểu được đúng như chúng thực là sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] ba loại cảm-giác này,258 thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong những bà-la- môn, và những vị đó, do không

tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, nên trong kiếp này không chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu-sĩ (sa-môn hạnh) hay mục tiêu của đời sống bà-la-môn (bà-la-môn hạnh). (2) “Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó, đúng như chúng thực là, thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu-sĩ và mục tiêu của đời sống bà-la-môn.” (SN 36:27)

28 (8) Các Tu Sĩ & Bà-la-môn (2) [Giống hai đoạn sau của kinh 36:27 kế trên, chỉ khác là 03 chữ “sự thỏa- thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi” được thay bằng 05 chữ “sự khởi-sinh và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi”.] (SN 36:28)

29 (9) Các Tu Sĩ & Bà-la-môn (3) [Giống kinh kế trên, chỉ khác là 05 chữ “sự khởi-sinh và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi” được thay bằng 04 chữ “cảm-giác, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó”.] (SN 36:29)



30 (10) Bản Kinh Ngắn Gọn (đơn giản) “Này các Tỳ kheo, có ba loại cảm-giác. Ba đó là gì? cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, cảm-giác trung tính.”259 (SN 36:30)

31 (11) Thuộc Tâm Linh “Này các Tỳ kheo, (a) có niềm hoan-hỷ (hỷ) về thể xác, có niềm ho- an-hỷ về tâm linh (phi thể xác), và có niềm hoan-hỷ siêu tâm linh hơn niềm hoan-hỷ về tâm linh đó. (b) Có niềm hạnh-phúc (lạc) về thể xác, có niềm hạnh-phúc về tâm linh, và có niềm hạnh-phúc siêu tâm linh hơn niềm hạnh-phúc về tâm linh đó. (c) Có sự buông-xả (xả) về thể xác, có sự buông-xả về tâm linh, và có sự buông-xả siêu tâm linh hơn sự buông-xả tâm linh đó. (d) Có sự giải-thoát về thể xác, có sự giải-thoát về tâm linh, và có sự giải-thoát siêu tâm linh hơn sự giải-thoát về tâm linh đó. (a) 1- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự hoan-hỷ về thể xác? Này các Tỳ kheo, có năm dây khoái-lạc giác quan (dục lạc). Năm đó là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt … những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Đây là năm dây khoái-lạc giác quan. Sự hoan-hỷ khởi sinh tùy thuộc vào năm dây khoái-lạc giác quan: đây được gọi là sự hoan-hỷ về thể xác. 2- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự hoan-hỷ về tâm linh? Ở đây: (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm bởi ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly.’ Rồi: (ii) ‘Với sự lắng lặn của ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên-



trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), và có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.’ Đây được gọi là sự hoan-hỷ về tâm linh. [hỷ lạc tâm linh cấp 1] 3- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự hoan-hỷ

siêu tâm linh hơn sự hoan-hỷ về tâm linh? Khi một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm xem xét lại (quán chiếu lại) cái tâm đã được giải-thoát khỏi tham, sân, si, thì niềm hoan-hỷ khởi sinh. Đây được gọi là niềm hoan-hỷ siêu tâm linh hơn cả sự hoan-hỷ về tâm linh kia; (tức, siêu xuất hơn niềm hoan-hỷ có trong nhất thiền và nhị thiền).260 (b) 1- "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự hạnh-phúc về thể xác? Này các Tỳ kheo, có năm dây khoái-lạc giác quan. Năm đó là gì? Những hình- sắc được nhận biết bởi mắt ... những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Đây là năm dây khoái-lạc giác quan. Sự hạnh-phúc khởi sinh tùy thuộc vào năm dây khoái-lạc giác quan: đây được gọi là sự hạnh-phúc về thể xác. 2- "Và, này các Tỳ kheo cái gì là sự hạnh-phúc về tâm linh? Ở đây, này các Tỳ kheo: (i) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan ... một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) ...' (ii) ' ... tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) ...' Rồi: (iii) 'Với sự phai biến luôn sự hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ- biết, người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân nói là: "Người đó buông-xả, có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc)".' Đây được gọi là sự hạnh-phúc về tâm linh. 3- "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự hạnh-phúc siêu tâm linh hơn sự hạnh-phúc về tâm linh? Khi một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm xem xét lại cái tâm đã được giải thoát khỏi tham, sân, si, thì niềm hạnh-phúc khởi sinh. Đây được gọi là niềm hạnh-phúc siêu tâm linh hơn cả sự hạnh- phúc về tâm linh kia.



(c) 1- "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự buông-xả về thể xác? Này các Tỳ kheo, có năm dây khoái-lạc giác quan. Năm đó là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt ... những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Đây là năm dây khoái-lạc giác quan. Sự buông- xả khởi sinh tùy thuộc vào năm dây khoái-lạc giác quan: đây được gọi là sự buông-xả về thể xác. 2- "Và, này các Tỳ kheo cái gì là sự buông-xả về tâm linh? (iv) 'Với sự dẹp bỏ sự sướng và sự khổ, và với sự phai biến trước đó của yếu tố vui và buồn, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng và khổ, và có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ yếu tố buông-xả.' Đây là sự buông xả về tâm linh. 3- "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự buông-xả siêu tâm linh hơn sự buông-xả về tâm linh? Khi một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm xem xét lại cái tâm đã được giải thoát khỏi tham, sân, si, thì niềm buông-xả khởi sinh. Đây được gọi là niềm buông xả siêu tâm linh hơn cả sự buông- xả về tâm linh kia. (d) 1- "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự giải-thoát về thể xác? Sự giải thoát nối kết với cõi sắc-giới (bốn tầng thiền định sắc-giới) là sự giải-thoát về thể xác.261 2- "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự giải-thoát về tâm linh? Sự giải thoát nối kết với cõi vô-sắc giới (các tầng chứng đắc vô-sắc giới) là sự giải thoát về tâm linh. 3- "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự giải-thoát siêu tâm linh hơn sự giải-thoát về tâm linh? Khi một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm xem xét lại cái tâm đã được giải thoát khỏi tham, sân, si, thì sự giải-thoát khởi sinh. Đây được gọi là sự giải-thoát siêu tâm linh hơn

cả sự giải-thoát về tâm linh kia.” (SN 36:31)

Chương 37.

Liên Kết PHỤ NỮ (37 Mātugāma-saṃyutta) (37 Tương ưng Nữ Nhân)

230 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

Chương 37  Liên Kết PHỤ NỮ • 231

NHÓM 1. NHÓM ‘LẶP LẠI THỨ NHẤT’ (Paṭhama Peyyāla-vagga)

1 (1) Dễ Ưa Và Khó Ưa (1) “Này các Tỳ kheo, khi một người phụ nữ có năm yếu-tố thì cô ta là cực kỳ khó-ưa đối với một đàn ông. Năm đó là gì? Cô ta không đẹp, không giàu, không đức hạnh; cô ta lười biếng; và cô ta không sanh con cái. Khi một người phụ nữ có năm yếu tố này thì cô ta là cực kỳ khó-ưa đối với một đàn ông. “Này các Tỳ kheo, khi một người phụ nữ có năm yếu-tố thì cô ta là cực kỳ dễ-ưa đối với một đàn ông. Năm đó là gì? Cô ta đẹp, giàu, có đức hạnh; cô ta khôn khéo và siêng năng; và cô ta sanh con cái. Khi một người phụ nữ có năm yếu tố này thì cô ta là cực kỳ dễ-ưa đối với một đàn ông.” (SN 37:01)

2 (2) Dễ Ưa Và Khó Ưa (2) [Giống kinh trên, chỉ đổi ngược “phụ nữ” thành “đàn ông.]

(SN 37:02)

3 (3) Riêng Biệt “Này các Tỳ kheo, có năm loại khổ riêng của phụ nữ,262 chỉ phụ nữ phải chịu, đàn ông không phải chịu. Năm đó là gì? “Ở đây, này các Tỳ kheo, ngay cả lúc còn trẻ, một người phụ nữ về sống với gia đình nhà chồng và đã bị chia cách khỏi người thân gia đình của mình. Đây là loại khổ thứ nhất của riêng nữ giới …

232 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

“Thêm nữa, phụ nữ thì phải bị kinh nguyệt. Đây là loại khổ thứ hai của riêng nữ giới … “Thêm nữa, phụ nữ thì phải mang thai. Đây là loại khổ thứ ba của riêng nữ giới … “Thêm nữa, phụ nữ phải sinh đẻ. Đây là loại khổ thứ tư của riêng nữ giới … “Thêm nữa, phụ nữ (như) được tạo ra để phục vụ đàn ông. Đây là loại khổ thứ năm của riêng nữ giới … “Này các Tỳ kheo, đây là năm loại khổ riêng của phụ nữ, chỉ phụ nữ phải chịu, đàn ông không phải chịu.” (SN 37:03)

4 (4) Ba Phẩm Chất “Này các Tỳ kheo, khi một phụ nữ có ba phẩm chất này, thì khi thân tan rã, sau khi chết, cô ta hầu như bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Ba đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, buổi sáng cô ta ở nhà với một cái tâm bị ám muội bởi ô-nhiễm là tính ích-kỷ; buổi trưa cô ta ở nhà với một cái tâm bị ám muội bởi ô-nhiễm là tính ganh-tỵ; buổi tối cô ta ở nhà với một cái tâm bị ám muội bởi ô-nhiễm là tính nhục-dục. Khi một phụ nữ có ba phẩm chất đó … hầu như sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa … trong địa ngục.” (SN 37:04)

[A-nậu-lâu-đà: (i) Mảng Tối]

5 (5) Tức Giận Lúc đó có Ngài A-nậu-lâu-đà (Anuruddha) đến gặp đức Thế Tôn … và thưa:263

Chương 37  Liên Kết PHỤ NỮ • 233

“Ở đây, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, con nhìn thấy những phụ nữ, khi thân tan rã, bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Thưa Thế Tôn, khi một người phụ nữ có mấy phẩm chất gì thì cô ta bị tái sinh như vậy?” “Này A-nậu-lâu-đà, khi một phụ nữ có năm phẩm chất thì khi thân tan rã, sau khi chết, cô ta bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi- đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Năm đó là gì? “Cô ta không có lòng-tin (vào Tam Bảo), không biết xấu-hổ (về mặt đạo đức), không sợ-hãi việc làm sai trái, hay tức-giận, không có trí. Khi một phụ nữ có năm phẩm chất này, thì cô ta bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa … trong địa ngục.” (SN 37:05)

6 (6)  13 (13) Hiểm Độc … “Này A-nậu-lâu-đà, khi một phụ nữ có năm phẩm chất thì khi thân tan rã, sau khi chết, cô ta bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Năm đó là gì? “Cô ta không có lòng-tin, không biết xấu-hổ (về mặt đạo đức), không sợ-hãi việc làm sai trái, hiểm độc {ghen tỵ … keo kiệt … lẳng lơ … thất đức … thiếu học hiểu … lười biếng … tâm mù rối},264 không có trí. Khi một phụ nữ có năm phẩm chất này, thì cô ta bị tái sinh trong cảnh giới đọa đày … trong địa ngục.” [Từ kinh 37:0713 là mỗi chữ trong ngoặc {…} lần lượt thay chữ “hiểm độc” của kinh 37:06.]

(SN 37:0613)

14 (14) Năm

234 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

“Này A-nậu-lâu-đà, khi một phụ nữ có năm phẩm chất thì khi thân tan rã, sau khi chết, cô ta bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi- đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Năm đó là gì? “Cô ta sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, và uống rượu nhẹ, rượu nặng và các chất độc hại, là căn nguyên của sự sống lơ tâm phóng dật. Khi một người phụ nữ có năm phẩm chất này, thì cô ta bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa … trong địa ngục.” (SN 37:14)

Chương 37  Liên Kết PHỤ NỮ • 235

NHÓM 2. NHÓM ‘LẶP LẠI THỨ HAI’ (Dutiya Peyyāla-vagga)

[A-nậu-lâu-đà: (ii) Mảng Sáng]

15 (1) Không Tức Giận Lúc đó có Ngài A-nậu-lâu-đà đến gặp đức Thế Tôn … và thưa: “Ở đây, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, con nhìn thấy những phụ nữ, khi thân tan rã, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Thưa Thế Tôn, khi một người phụ nữ có mấy phẩm chất gì thì có ta được tái sinh như vậy?” “Này A-nậu-lâu-đà, khi một phụ nữ có năm phẩm chất, thì khi thân tan rã, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Năm

đó là gì? “Cô ta có lòng-tin, biết xấu-hổ (về mặt đạo đức), biết sợ-hãi việc làm sai trái, không tức-giận, có trí. Khi một phụ nữ có năm phẩm chất này, thì cô ta được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.” (SN 37:15)

16 (2)  23 (9) Không Hiểm Độc … “Này A-nậu-lâu-đà, khi một phụ nữ có năm phẩm chất thì khi thân tan rã, sau khi chết, cô ta được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Năm đó là gì? “Cô ta có lòng-tin, biết xấu-hổ (về mặt đạo đức), biết sợ-hãi việc làm sai trái, cô ta không hiểm độc {không ghen tỵ … không keo kiệt … không tà dâm tà dục … có đức hạnh … có học hiểu … siêng năng … có chánh niệm},265 có trí. Khi một phụ nữ có năm phẩm chất này, thì cô ta được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.”



[Từ kinh 37:1723 là mỗi chữ trong ngoặc {…} lần lượt thay chữ “không hiểm độc” của kinh 37:15.]

(SN 37:1623)

24 (10) Năm Giới Hạnh “Này A-nậu-lâu-đà, khi một phụ nữ có năm phẩm chất thì khi thân tan rã, sau khi chết, cô ta được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Năm đó là gì? “Cô ta kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ tà-dâm tà dục, kiêng cữ nói-dối nói láo, và kiêng cữ dùng rượu nhẹ, rượu nặng và các chất độc hại, là căn nguyên của sự sống lơ tâm phóng dật. Khi một người phụ nữ có năm phẩm chất này, thì cô ta được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.” (SN 37:24)



NHÓM 3. NHÓM ‘NHỮNG SỨC MẠNH’ (Bala-vagga)

25 (1) Tự Tin “Này các Tỳ kheo, có năm sức-mạnh của một phụ nữ. Năm đó là gì? Sức mạnh của sắc đẹp, sức mạnh của sự giàu có, sức mạnh của người thân thuộc, sức mạnh của các con [trai], sức mạnh của đức hạnh. Đây là năm sức mạnh của một phụ nữ. Khi một phụ nữ có năm sức mạnh này, cô ta sống ở nhà (một cách) tự-tin.” (SN 37:25)

26 (2) Thắng Thế Hơn “Này các Tỳ kheo, có năm sức mạnh của một phụ nữ … [tiếp tục như kinh kế trên] … Khi một phụ nữ có năm sức mạnh này, cô ta sống ở nhà thắng thế hơn chồng.”266 (SN 37:26)

27 (3) Dưới Sự Kiểm Soát “Này các Tỳ kheo, có năm sức mạnh của một phụ nữ … [tiếp tục như kinh kế trên] … Khi một phụ nữ có năm sức mạnh này, cô ta sống ở nhà với người chồng dưới sự kiểm soát của cô ta.” (SN 37:27)

28 (4) Một “Này các Tỳ kheo, khi một đàn ông có một sức mạnh, thì anh ta sống với một phụ nữ ở dưới sự kiểm soát của anh ta. Cái gì là một sức mạnh?

Đó là sức mạnh của quyền hành. Khi một phụ nữ bị khuất phục bởi sức mạnh của quyền hành (gia trưởng), thì sức mạnh của sắc đẹp, sức mạnh của giàu có, sức mạnh của những người thân thuộc, sức mạnh các con, hay sức mạnh của đức hạnh cũng không cứu giúp được cô ta." (SN 37:28)

29 (5) Về Mặt Đó "Này các Tỳ kheo, có năm sức mạnh này của một phụ nữ. Năm đó là gì? Sức mạnh của sắc đẹp, sức mạnh của giàu có, sức mạnh của những người thân thuộc, sức mạnh các con, sức mạnh của đức hạnh. (a) "Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh của sắc đẹp nhưng không có sức mạnh giàu có, thì cô ta còn thiếu hụt về mặt đó (tức về mặt giàu có). Nhưng nếu một phụ nữ có sức mạnh sắc đẹp và cả sức mạnh giàu có, thì cô ta đầy đủ về mặt đó. (b) "Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh sắc đẹp và giàu có nhưng không có sức mạnh của những người thân thuộc, thì cô ta còn thiếu hụt về mặt đó. Nhưng nếu một phụ nữ có sức mạnh sắc đẹp và giàu có, và cả sức mạnh của những người thân thuộc, thì cô ta đầy đủ về mặt đó. (c) "Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh sắc đẹp, giàu có, và sức mạnh của những người thân thuộc nhưng không có sức mạnh của các con, thì cô ta còn thiếu hụt về mặt đó. Nhưng nếu một phụ nữ có sức mạnh sắc đẹp, giàu có, sức mạnh của những người thân thuộc, và cả sức mạnh của các con, thì cô ta đầy đủ về mặt đó. (d) "Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh sắc đẹp, giàu có, của những người thân thuộc, và cả sức mạnh của những con nhưng không có sức mạnh của đức hạnh, thì cô ta còn thiếu hụt về mặt đó. Nhưng nếu một phụ nữ có sức mạnh sắc đẹp, giàu có, sức mạnh của những người thân



thuộc, sức mạnh của những con, và cả sức mạnh của đức hạnh, thì cô ta đầy đủ về mặt đó. "Đây là năm sức mạnh của một phụ nữ." (SN 37:29)

30 (6) Họ Đuổi Đi "Này các Tỳ kheo, có năm sức mạnh này của một phụ nữ … sức mạnh của đức hạnh. (a) "Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh của sắc đẹp, nhưng không có sức mạnh của đức hạnh, thì họ sẽ đuổi cô ta đi; họ không cho ở trong gia đình.267 (b) "Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh của sắc đẹp và giàu có, nhưng không có sức mạnh của đức hạnh, thì họ sẽ đuổi cô ta đi; họ không cho ở trong gia đình. (c) "Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh của sắc đẹp, giàu có, và sức mạnh của những người thân thuộc, nhưng không có sức mạnh của đức hạnh, thì họ sẽ đuổi cô ta đi; họ không cho ở trong gia đình. (d) "Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh của sắc đẹp, giàu có, và sức mạnh của những người thân thuộc, và sức mạnh của các con, nhưng không có sức mạnh của đức hạnh, thì họ sẽ đuổi cô ta đi; họ không cho ở trong gia đình. (e) "Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh của đức hạnh, tuy không có sức mạnh của sắc đẹp, họ vẫn cho cô ta ở trong gia đình; họ không xua đuổi cô ta.268 (f) "Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh của đức hạnh, tuy không có sức mạnh của sự giàu có, họ vẫn cho cô ta ở trong gia đình; họ không xua đuổi cô ta.

(g) “Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh của đức hạnh, tuy không có sức mạnh của những người thân thuộc, họ vẫn cho cô ta ở trong gia đình; họ không xua đuổi cô ta. (h) “Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh của đức hạnh, tuy không có sức mạnh của các con, họ vẫn cho cô ta ở trong gia đình; họ không xua đuổi cô ta. “Đây là năm sức mạnh của một phụ nữ.” (SN 37:30)

31 (7) Nguyên Nhân “Này các Tỳ kheo, có năm sức mạnh này của một phụ nữ … sức mạnh của đức hạnh. “Này các Tỳ kheo, không phải do có sức mạnh sắc đẹp, hay sức mạnh giàu có, hay sức mạnh của những người thân thuộc, hay sức mạnh của các con nên khi thân tan rã, sau khi chết, một phụ nữ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Do có sức mạnh của đức hạnh nên một phụ nữ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.” “Đây là năm sức mạnh của một phụ nữ.” (SN 37:31)

32 (8) Những Hoàn Cảnh (1) “Này các Tỳ kheo, có năm hoàn cảnh khó đạt được bởi một phụ nữ không làm việc công đức? (a) “Cô ta cầu: ‘Cầu cho ta được sinh ra trong một gia đình phù hợp (đúng ý mình)!’ Đây là hoàn cảnh thứ nhất khó đạt được bởi một phụ nữ không làm việc công đức.



(b) “Cô ta cầu: ‘Sau khi được sinh ra trong một gia đình phù hợp, cầu cho ta được gả cưới trong một gia đình phù hợp!’ Đây là hoàn cảnh thứ hai … (c) “Cô ta cầu: ‘Sau khi được sinh ra trong một gia đình phù hợp, và sau khi được gả cưới trong một gia đình phù hợp, cầu cho ta sống trong nhà không có người đối nghịch!’ Đây là hoàn cảnh thứ ba …269 (d) “Cô ta cầu: ‘Sau khi được sinh ra trong một gia đình phù hợp … không có người đối nghịch, cầu cho ta sinh được con trai!’ Đây là hoàn cảnh thứ tư … (e) “Cô ta cầu: ‘Sau khi được sinh ra trong một gia đình phù hợp … sinh được con trai, cầu cho ta sống ở nhà với người chồng ở dưới sự kiểm soát của ta!’ Đây là hoàn cảnh thứ năm … “Có năm hoàn cảnh khó đạt được bởi một phụ nữ chưa làm việc công đức nào. (2) “Này các Tỳ kheo, có năm là hoàn cảnh dễ đạt được bởi một phụ nữ đã làm việc công đức? (a) “Cô ta cầu: ‘Cầu cho ta được sinh ra trong một gia đình phù hợp!’ Đây là hoàn cảnh thứ nhất dễ đạt được bởi một phụ nữ đã làm việc công đức. (b)-(e) “Cô ta cầu: ‘Sau khi được sinh ra trong một gia đình phù hợp, cầu cho ta được gả cưới trong một gia đình phù hợp … sinh được con trai … sống trong nhà không có người đối nghịch … sống ở nhà với người chồng ở dưới sự kiểm soát của ta!’ Đây là hoàn cảnh thứ năm dễ đạt được bởi một phụ nữ đã làm việc công đức. “Có năm hoàn cảnh khó dễ đạt được bởi một phụ nữ đã làm việc công đức. (SN 37:32)



33 (9) Tự Tin “Này các Tỳ kheo, khi một phụ nữ có năm phẩm chất thì cô ta sống ở nhà (một cách) tự-tin. Năm đó là gì? Cô ta kiêng cữ sát-sinh; kiêng cữ gian-cắp; kiêng cữ tà-dâm tà dục; kiêng cữ nói-dối nói láo; kiêng cữ rượu nhẹ, rượu nặng và các chất độc hại, là căn nguyên của sự sống lơ tâm phóng dật. Khi một phụ nữ có năm phẩm chất này, thì cô ta sống ở nhà (một cách) tự tin.” (SN 37:33)

34 (10) Tăng Trưởng “Này các Tỳ kheo, sau khi đã tăng trưởng v +

246 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

2 Thánh Quả A-la-hán - “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘quả A-la-hán, quả A- la-hán’. Giờ cái gì là thánh quả A-la-hán?” “Này thiện hữu, sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây được gọi là thánh quả A-la-hán.” - “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để chứng ngộ thánh quả A-la-hán?” “Này thiện hữu, có một con-đường, có một đường-đi để chứng ngộ thánh quả A-la-hán.” - “Và, này thiện hữu, cái gì là con-đường, cái gì là đường-đi để chứng ngộ thánh quả A-la-hán?” “Này thiện hữu, đó là con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát thánh đạo); đó gồm: chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định. Này thiện hữu, đây là con-đường, đây là đường-đi để chứng ngộ thánh quả A-la-hán.” - “Thật hay là con-đường này, này thiện hữu, thật hay là đường-đi này để chứng ngộ thánh quả A-la-hán! Và bấy nhiêu đó đã đủ để chuyên-chú (tu tập), này thiện hữu Xá-lợi-phất. (SN 38:02)

3 Những Người Theo Giáo Pháp - “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, ai là những người ủng-hộ (theo, đề xướng, chủ trương, truyền bá) Giáo Pháp trong thế gian? Ai là những người đang tu-tập một cách hay khéo trong thế gian? Ai là những bậc phúc-lành (bậc khéo đi, thiện thệ) trong thế gian?” “Này thiện hữu, những người chỉ dạy Giáo Pháp để dẹp bỏ tham, để dẹp bỏ sân, để dẹp bỏ si: họ là những người ủng-hộ Giáo Pháp trong thế gian. Những người đang tu tập để dẹp bỏ tham, để dẹp bỏ sân, để dẹp bỏ

Chương 38  Liên Kết JAMBUKHĀDAKASA • 247

si: họ là những người đang tu-tập một cách hay khéo trong thế gian. Những người đã dẹp bỏ tham, sân, si; đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc chết của cây cọ, đã xóa sổ chúng để chúng không còn khởi sinh trong tương lai: họ là những bậc phúc-lành trong thế gian.”272 - “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để dẹp bỏ tham, sân, si?” “Này thiện hữu, có một con-đường, có một đường-đi để dẹp bỏ tham, sân, si.” - “Và, này thiện hữu, cái gì là con-đường, cái gì là đường-đi để dẹp bỏ tham, sân, si?” “Này thiện hữu, đó là con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát thánh đạo); đó gồm: chánh-kiến … chánh-định. Này thiện hữu, đây là con-đường, đây là đường-đi để dẹp bỏ tham, sân, si.” - “Thật hay là con-đường này, này thiện hữu, thật hay là đường-đi này để dẹp bỏ tham, sân, si! Và bấy nhiêu đó đã đủ để chuyên-chú (tu tập), này thiện hữu Xá-lợi-phất. (SN 38:03)

4 Vì Mục Đích Gì? - “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, vì mục đích gì đi sống đời sống tâm linh (đi tu) dưới (theo) sa-môn Cồ-đàm?” “Này thiện hữu, đó là để hoàn-toàn hiểu sự khổ nên mới đi sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn.” - “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để hoàn-toàn hiểu sự khổ?” “Này thiện hữu, có một con-đường, có một đường-đi … đó là con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát thánh đạo) …” (như các kinh trên)

248 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

(SN 38:04)

5 Sự Yên Ủi - “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘người đã đạt được sự yên-ủi, người đã đạt được sự yên-ủi’ (sự an ủi, sự an bài). Này thiện hữu, theo cách nào một người đạt tới sự yên-ủi?”273 “Này thiện hữu, khi một Tỳ kheo hiểu được nguồn-gốc và sự phai- biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sáu cơ-sở để tiếp xúc (sáu xứ) đúng như chúng thực là, thì theo cách này người đó đã đạt tới sự yên-ủi.” - “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để chứng ngộ sự yên-ủi này?” “Này thiện hữu, có một con-đường … con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) …” (như các kinh kế trên) (SN 38:05)

6 Sự Yên Ủi Tối Thượng “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘người đã đạt được sự yên-ủi tối thượng, người đã đạt được sự yên-ủi tối thượng’. Này thiện hữu, theo cách nào một người đạt tới sự yên-ủi tối thượng?” “Này thiện hữu, sau khi hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sáu cơ-sở để tiếp xúc (sáu xứ) đúng như chúng thực là, một Tỳ kheo được giải-thoát nhờ sự không còn dính-chấp (diệt thủ), thì theo cách này người đó đã đạt tới sự yên-ủi tối thượng.” - “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để chứng ngộ sự yên-ủi tối thượng này?”



“Này thiện hữu, có một con-đường … con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) …” (như các kinh trên) (SN 38:06)

7 Cảm-giác - “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘cảm-giác, cảm-giác’. Giờ cái gì là cảm-giác?” “Này thiện hữu, có ba loại cảm-giác này: cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, cảm-giác trung tính. Đây là ba loại cảm-giác.” - “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để hoàn-toàn hiểu ba loại cảm-giác này?” “Này thiện hữu, có một con-đường … con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) …” (như các kinh trên) (SN 38:07)

8 Những Ô-Nhiễm - “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘ô-nhiễm, ô-nhiễm’ Giờ cái gì là ô-nhiễm? “Này thiện hữu, có ba loại ô-nhiễm này: ô-nhiễm do nhục-dục (dục lậu), ô-nhiễm do sự hiện-hữu (hữu lậu), ô-nhiễm do vô minh (vô minh lậu). Đây là ba loại ô-nhiễm.” - “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để dẹp bỏ ba loại ô-nhiễm này?” “Này thiện hữu, có một con-đường … con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) …” (như các kinh trên) (SN 38:08)



9 Vô Minh - “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘vô-minh, vô-minh’. Giờ cái gì là vô-minh?” “Không biết sự khổ, không biết nguồn-gốc khổ, không biết sự chấmdứt khổ, không biết con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. Đây được gọi là vô-minh.” - “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để dẹp bỏ sự vô-minh này?” “Này thiện hữu, có một con-đường … con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) …” (như các kinh trên) (SN 38:09)

10 Dục Vọng - “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘dục-vọng, dục-vọng’. Giờ cái gì là dục-vọng?” “Này thiện hữu, có ba loại dục-vọng này: dục-vọng khoái-lạc giác quan (dục ái), dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái), dục-vọng muốn được diệt-vong (phi-hữu ái). Có ba loại dục-vọng này.” - “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để dẹp bỏ ba loại dục-vọng này?” “Này thiện hữu, có một con-đường … con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) …” (như các kinh trên) (SN 38:10)

11 Dòng Lũ



- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘dòng lũ, dòng lũ’. Giờ cái gì là dòng lũ?” “Này thiện hữu, có bốn dòng lũ này: dòng lũ nhục-dục, dòng lũ hiệnhữu, dòng lũ những quan-điểm này nọ (tà kiến), dòng lũ vô-minh. Có bốn dòng lũ này.” - “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để dẹp bỏ bốn dòng lũ này?” “Này thiện hữu, có một con-đường … con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) …” (như các kinh trên) (SN 38:11)

12 Sự Dính Chấp - “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘sự dính-chấp, sự dính-chấp’. Giờ cái gì là sự dính-chấp?” “Này thiện hữu, có bốn loại sự dính-chấp (thủ) này: sự dính chấp vào khoái-lạc giác quan (dục thủ), sự dính chấp vào các các quan-điểm này nọ (kiến thủ), sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện (giới-cấm thủ), sự dính chấp vào giáo thuyết có ‘cái- ta’ (ngã thuyết thủ). Có bốn loại sự dính-chấp này.” - “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để dẹp bỏ bốn loại sự dính-chấp này?” “Này thiện hữu, có một con-đường … con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) …” (như các kinh trên) (SN 38:12)

13 Sự Hiện Hữu



- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘sự hiện-hữu, sự hiện- hữu’. Giờ cái gì là sự hiện-hữu?” “Này thiện hữu, có ba loại sự hiện-hữu này: sự hiện-hữu cõi dục giới (dục hữu), sự hiện-hữu cõi sắc giới (sắc hữu), sự hiện-hữu cõi vô-sắc giới (vô sắc hữu). Có ba loại sự hiện



“Này thiện hữu, năm-uẩn bị dính chấp (năm thủ uẩn) này đã được đức Thế Tôn gọi là danh-tính; đó là: uẩn sắc-thân bị dính chấp (sắc uẩn), uẩn cảm-giác bị dính chấp (thọ uẩn), uẩn nhận-thức bị dính chấp (tưởng uẩn), uẩn những sự tạo-tác cố ý bị dính chấp (hành uẩn), uẩn thức bị dính chấp (thức uẩn). Năm-uẩn bị dính chấp này được đức Thế Tôn gọi là danh- tính.” - “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để hoàn-toàn hiểu về danh-tính này?” “Này thiện hữu, có một con-đường, có một đường-đi để hoàn-toàn hiểu về danh-tính này.” - “Và, này thiện hữu, cái gì là con-đường, cái gì là đường-đi để hoàn- toàn hiểu danh-tính này?” “Này thiện hữu, đó là

con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát thánh đạo); đó gồm: chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định. Này thiện hữu, đây là con-đường, đây là đường-đi để hoàn-toàn hiểu danh-tính này." - "Thật hay là con-đường này, này thiện hữu, thật hay là đường-đi này để hoàn-toàn hiểu danh-tính này! Và bấy nhiêu cũng đã đủ để chuyên-chú (tu tập), này thiện hữu Xá-lợi-phất." (SN 38:15)

16 Khó Làm

- "Này thiện hữu Xá-lợi-phất, cái gì là khó làm trong Giáo Pháp và
Giới Luật này?"
"Này thiện hữu, sự xuất-gia là khó làm trong Giáo Pháp và Giới Luật này."
- "Này thiện hữu, cái gì là khó làm bởi một người đã xuất-gia?"
254 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 4

"Này thiện hữu, tìm thấy niềm vui-thích (vui lòng với đời sống tu hành) là khó làm bởi một người đã xuất-gia." - "Này thiện hữu, cái gì là khó làm bởi một người đã tìm thấy niềm vui-thích?" "Này thiện hữu, sự tu-tập cho đúng theo Giáo Pháp là khó làm bởi một người đã tìm thấy niềm vui-thích." - "Nhưng, này thiện hữu, nếu một Tỳ kheo đang tu-tập đúng theo Giáo Pháp, thì có phải rất lâu người đó mới trở thành một A-la-hán?" "Không lâu, này thiện hữu."275 (SN 38:16)

Chương 39.

Liên Kết SĀMAṆḌAKA (39 Sāmaṇḍaka-saṃyutta) (39 Tương ưng Sāmaṇḍaka)

256 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 4

Chương 39 Liên Kết SĀMAṆḌAKASA • 257

1 16 Câu Hỏi về Niết-Bàn ... Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất đang sống giữa xứ dân Vajji (Bạt-kỳ) ở vùng Ukkacelā. Lúc đó có một du sĩ tên là Sāmaṇḍaka đến gặp thầy Xá-lợi-phất và chào hỏi với thầy ấy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên và nói với thầy Xá-lợi-phất: - "Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói 'Niết-bàn, Niết-bàn'. Giờ cái gì là Niết-bàn?" ... ... [Phần còn lại, và các kinh tiếp theo, lần lượt giống hệt Chương 38 kế trên, chỉ khác là người hỏi được đổi thành du sĩ Sāmaṇḍaka] ...

- "Nhưng, này thiện hữu, nếu một Tỳ kheo đang tu-tập đúng theo
Giáo Pháp, thì có phải rất lâu người đó mới trở thành một A-la-hán?"
"Không lâu, này thiện hữu."
(SN 39:0116)
258 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 4

Chương 40.

Liên Kết MỤC-KIỀN-LIÊN (40 Moggallāna-saṃyutta) (40 Tương ưng Mục-kiền-liên)

260 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 4

1 Tầng Thiền Định Thứ Nhất Trong một lần Ngài Đại Mục-kiền-liên đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó thầy Đại Mục-kiền-liên đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!”276 “Dạ, đạo hữu!”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Mục-kiền-liên nói điều này: (a) “Ở đây, này các các Tỳ kheo, khi tôi đang ở một mình trong sự tách-ly (sự ẩn dật, ẩn trú, ẩn tu), một sự quán chiếu (vấn đề) đã khởi lên trong tâm tôi như vầy: ‘Thường nghe nói “tầng thiền định thứ nhất, tầng thiền định thứ nhất”. Giờ cái gì là tầng thiền định thứ nhất?’ (b) Rồi, này các các Tỳ kheo, điều này (giải đáp) đã xảy đến với tôi: ‘Ở đây, tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly.’ Đây được gọi là tầng thiền định thứ nhất.’ (c) “Rồi, này các các Tỳ kheo (thực hiện): ‘Tách ly khỏi những khoái- lạc giác quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất … Trong khi tôi an trú trong đó thì nhận-thức (tưởng) và sự chú-tâm (tác ý) còn dính nhục-dục đã tấn công tôi.277 “Lúc đó, này các các Tỳ kheo, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thần thông [năng lực tâm linh] và nói điều này: ‘Mục-kiền- liên, Mục-kiền-liên, này bà-la-môn, đừng lơ-tâm xao lãng đối với tầng thiền định thứ nhất. Hãy ổn-định tâm trong tầng thiền định thứ nhất, hãy hợp-nhất tâm trong tầng thiền định thứ nhất, hãy định-tâm trong tầng thiền định thứ nhất.’ Rồi, này các các Tỳ kheo, trong lần sau đó: ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, tôi



chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất, trạng thái có đi kèm ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc).’ “Này các các Tỳ kheo, người nói một cách đúng đắn mà nói về ai rằng: ‘Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp278 với sự trợ giúp của Vị Thầy (Phật)’, thì đó là về tôi người đó có thể nói điều đó một cách đúng đắn.” (SN 40:01)

2 Tầng Thiền Định Thứ Hai … (a) “Ở đây, này các các Tỳ kheo, trong khi tôi đang ở một mình trong sự tách-ly, một sự quán chiếu (vấn đề) đã khởi lên trong tâm tôi như vầy: ‘Thường nghe nói “tầng thiền định thứ hai, tầng thiền định thứ hai”. Giờ cái gì là tầng thiền định thứ hai?’279 (b) “Rồi, này các các Tỳ kheo, điều này (giải đáp) đã xảy đến với tôi: ‘Ở đây, với sự lắng lặn của ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có đi kèm sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), và có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm. Đây là tầng thiền định thứ hai.’ (c) “Rồi, này các các Tỳ kheo, (thực hiện): ‘Với sự lắng lặn của ý- nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai … Khi tôi an trú trong trạng thái đó, thì nhận-thức (tưởng) và sự chú-tâm (tác ý) còn dính ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ) đã tấn công tôi. “Lúc đó, này các các Tỳ kheo, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thần thông và nói điều này: ‘Mục-kiền-liên, Mục-kiền-liên,

này bà-la-môn, đừng lơ-tâm xao lãng đối với tầng thiền định thứ hai. Hãy ổn-định tâm trong tầng thiền định thứ hai, hãy hợp-nhất tâm trong tầng thiền định thứ hai, hãy định-tâm trong tầng thiền định thứ hai.' Rồi, này các các Tỳ kheo, trong lần sau đó: 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-



xét (tứ), tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai, trạng thái có đi kèm sự tự-tin bên-trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý- nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), và có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm. "Này các các Tỳ kheo, người nói một cách đúng đắn mà nói về ai rằng: 'Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp với sự trợ giúp của Vị Thầy', thì đó là về tôi người đó có thể nói điều đó một cách đúng đắn." (SN 40:02)

3 Tầng Thiền Định Thứ Ba … (a) "Ở đây, này các các Tỳ kheo, trong khi tôi đang ở một mình trong sự tách-ly, một sự quán chiếu (vấn đề) đã khởi lên trong tâm tôi như vầy: 'Thường nghe nói "tầng thiền định thứ ba, tầng thiền định thứ ba". Giờ cái gì là tầng thiền định thứ ba?' "Rồi, này các các Tỳ kheo, điều này (giải đáp) đã xảy đến với tôi: 'Ở đây, với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), một Tỳ kheo an trú buông- xả (xả), có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân nói là: "Người đó buông-xả, có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc)". Đây được gọi là tầng thiền định thứ ba.' "Rồi, này các các Tỳ kheo, (thực hiện): Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ) … tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba … Trong khi tôi an trú trong đó, thì nhận-thức (tưởng) và sự chú-tâm (tác ý) còn dính sự hoan-hỷ (hỷ) đã tấn công tôi. "Lúc đó



"Lúc đó, này các các Tỳ kheo, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thần thông và nói điều này: 'Mục-kiền-liên, Mục-kiền-liên, này bà-la-môn, đừng lơ-tâm xao lãng đối với tầng thiền định thứ tư. Hãy ổn-định tâm trong tầng thiền định thứ tư, hãy hợp-nhất tâm trong tầng thiền định thứ tư, hãy định-tâm trong tầng thiền định thứ tư.' Rồi, này các các Tỳ kheo, trong lần sau đó: 'Với sự dẹp bỏ sự sướng và sự khổ và với sự phai biến trước đó của sự vui và sự buồn, tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư, trạng thái không còn khổ hay sướng, và có sự chánh-niệm đã được thanh lọc tinh khiết nhờ yếu tố buông-xả (xả). "Này các các Tỳ kheo, người nói một cách đúng đắn mà nói về ai rằng: 'Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp với sự trợ giúp của Vị Thầy', thì đó là về tôi người đó có thể nói điều đó một cách đúng đắn." (SN 40:04)

5 Không Vô Biên Xứ … (a) "Ở đây, này các các Tỳ kheo, trong khi tôi đang ở một mình trong sự tách-ly, một sự quán chiếu (vấn đề) đã khởi lên trong tâm tôi như vầy: 'Thường nghe nói "không vô biên xứ, không vô biên xứ". Giờ cái gì là không vô biên xứ?' (b) "Rồi, này các các Tỳ kheo, điều này (giải đáp) đã xảy đến với tôi: 'Ở đây, với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc (sắc giới), với sự phai biến những

nhận-thức về chạm-xúc giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự khác-biệt (đa dạng) này nọ, chỉ ý thức rằng "không gian là vô biên", một Tỳ kheo chứng nhập và an trú không vô biên xứ [cảnh xứ (cơ sở) không gian vô biên].' (c) "Rồi, này các các Tỳ kheo (thực hiện): Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc ... tôi chứng nhập và an trú trong không vô



biên xứ. Trong khi tôi an trú trong đó, thì nhận-thức (tưởng) và sự chú- tâm (tác ý) còn dính thể-sắc đã tấn công tôi. "Lúc đó, này các các Tỳ kheo, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thần thông và nói điều này: 'Mục-kiền-liên, Mục-kiền-liên, này bà-la-môn, đừng lơ-tâm xao lãng đối với không vô biên xứ. Hãy ổn- định tâm trong không vô biên xứ, hãy hợp-nhất tâm trong không vô biên xứ, hãy định tâm trong không vô biên xứ.' Rồi, này các các Tỳ kheo, trong lần sau đó: 'Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc, với sự phai biến những nhận-thức về chạm-xúc giác quan, với sự không còn chú-tâm tới những nhận-thức về sự khác-biệt này nọ, chỉ ý thức rằng "không gian là vô biên", tôi đã chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ.' "Này các các Tỳ kheo, người nói một cách đúng đắn mà nói về ai rằng: 'Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp với sự trợ giúp của Vị Thầy', thì đó là về tôi người đó có thể nói điều đó một cách đúng đắn." (SN 40:05)

6 Thức Vô Biên Xứ ... (a) "Ở đây, này các các Tỳ kheo, trong khi tôi đang ở một mình trong sự tách-ly, một sự quán chiếu (vấn đề) đã khởi lên trong tâm tôi như vầy: 'Thường nghe nói "thức vô biên xứ, thức vô biên xứ". Giờ cái gì là thức vô biên xứ?' (b) "Rồi, này các các Tỳ kheo, điều này (giải đáp) đã xảy đến với tôi: 'Ở đây, bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, chỉ ý thức rằng "thức là vô biên", một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ [cảnh xứ thức vô biên].' (c) "Rồi, này các các Tỳ kheo (thực hiện): 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, chỉ ý thức rằng "thức là vô biên", tôi chứng nhập



và an trú trong thức vô biên xứ. Trong khi tôi an trú trong đó, thì nhận- thức (tưởng) và sự chú-tâm (tác ý) còn dính không vô biên xứ đã tấn công tôi. "Lúc đó, này các các Tỳ kheo, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thần thông và nói điều này: 'Mục-kiền-liên, Mục-kiền-liên, này bà-la-môn, đừng lơ-tâm xao lãng đối với thức vô biên xứ. Hãy ổn- định tâm trong thức vô biên xứ, hãy hợp-nhất tâm trong thức vô biên xứ, hãy định-tâm trong thức vô biên xứ.' Rồi, này các các Tỳ kheo, trong lần sau đó: 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, chỉ ý thức rằng "thức là vô biên", tôi đã chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ.' "Này các các Tỳ kheo, người nói một cách đúng đắn mà nói về ai rằng: 'Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp với sự trợ giúp của Vị Thầy', thì đó là về tôi người đó có thể nói điều đó một cách đúng đắn." (SN 40:06)

7 Vô Sở Hữu Xứ ... (a) "Ở đây, này các các Tỳ kheo, trong khi tôi ở một mình trong sự tách-ly, một sự quán chiếu (vấn đề) đã khởi lên trong tâm tôi như vầy: 'Thường nghe

nói "vô sở hữu xứ, vô sở hữu xứ". Giờ cái gì là vô sở hữu xứ?' (b) "Rồi, này các các Tỳ kheo, điều này (giải đáp) đã xảy đến với tôi: 'Ở đây, bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, chỉ ý thức sự "không-có-gì", một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì].' "Rồi, này các các Tỳ kheo (thực hiện): Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, chỉ ý thức sự "không-có-gì", tôi chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ. Trong khi tôi an trú trong đó, thì nhận-thức (tưởng) và sự chú-tâm (tác ý) còn dính thức vô biên xứ đã tấn công tôi.



"Lúc đó, này các các Tỳ kheo, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thần thông và nói điều này: 'Mục-kiền-liên, Mục-kiền-liên, này bà-la-môn, đừng lơ-tâm xao lãng đối với vô sở hữu xứ. Hãy ổn-định tâm trong vô sở hữu xứ, hãy hợp-nhất tâm trong vô sở hữu xứ, hãy định- tâm trong vô sở hữu xứ.' Rồi, này các các Tỳ kheo, trong lần sau đó: 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, chỉ ý thức sự "không-có- gì", tôi đã chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ.' "Này các các Tỳ kheo, người nói một cách đúng đắn mà nói về ai rằng: 'Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp với sự trợ giúp của Vị Thầy', thì đó là về tôi người đó có thể nói điều đó một cách đúng đắn."

(SN 40:07)

8 Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ ... (a) "Ở đây, này các các Tỳ kheo, trong khi tôi đang ở một mình trong sự tách-ly, một sự quán chiếu (vấn đề) đã khởi lên trong tâm tôi như vầy: 'Thường nghe nói "phi tưởng phi phi tưởng xứ, phi tưởng phi phi tưởng xứ". Giờ cái gì là phi tưởng phi phi tưởng xứ?' "Rồi, này các các Tỳ kheo, điều này (giải đáp) đã xảy đến với tôi: 'Ở đây, bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức].' "Rồi, này các các Tỳ kheo (thực hiện): 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, tôi chứng nhập và an trú trong phi tưởng phi phi tưởng xứ. Trong khi tôi an trú trong đó, thì nhận-thức (tưởng) và sự chú-tâm (tác ý) còn dính vô sở hữu xứ đã tấn công tôi. "Lúc đó, này các các Tỳ kheo, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thần thông và nói điều này: 'Mục-kiền-liên, Mục-kiền-liên,



này bà-la-môn, đừng lơ-tâm xao lãng đối với phi tưởng phi phi tưởng xứ. Hãy ổn-định tâm trong phi tưởng phi phi tưởng xứ, hãy hợp-nhất tâm trong phi tưởng phi phi tưởng xứ, hãy định-tâm trong phi tưởng phi phi tưởng xứ.' Rồi, này các các Tỳ kheo, trong lần sau đó: 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, tôi đã chứng nhập và an trú trong phi tưởng phi phi tưởng xứ.' "Này các các Tỳ kheo, người nói một cách đúng đắn mà nói về ai rằng: 'Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp với sự trợ giúp của Vị Thầy', thì đó là về tôi người đó có thể nói điều đó một cách đúng đắn." (SN 40:08)

9 Vô Dấu Hiệu ... (a) “Ở đây, này các các Tỳ kheo, trong khi tôi đang ở một mình trong sự tách-ly, một sự quán chiếu (vấn đề) đã khởi lên trong tâm tôi như vầy: ‘Thường nghe nói “sự định-tâm vô dấu-hiệu, sự định-tâm vô dấu- hiệu”. Giờ cái gì là sự định-tâm vô dấu-hiệu?’280 (b) “Rồi, này các các Tỳ kheo, điều này (giải đáp) đã xảy đến với tôi: ‘Ở đây, bằng cách không còn chú-tâm (tác ý) tới tất cả những dấu-hiệu (các tướng), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong sự định-tâm vô dấu- hiệu. Đây được gọi là sự định-tâm vô dấu-hiệu.’ (vô tướng định) (c) “Rồi, này các các Tỳ kheo (thực hiện): Bằng sự không còn chú- tâm tới tất cả những dấu-hiệu, tôi chứng nhập và an trú trong sự định-tâm vô dấu-hiệu. Trong khi tôi an trú trong đó, thức của tôi vẫn còn đi kèm bởi những dấu-hiệu này nọ.281 “Lúc đó, này các các Tỳ kheo, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thần thông và nói điều này: ‘Mục-kiền-liên, Mục-kiền-liên, này bà-la-môn, đừng lơ-tâm xao lãng đối với sự định-tâm vô dấu-hiệu. Hãy ổn-định tâm trong sự định-tâm vô dấu-hiệu, hãy hợp-nhất tâm trong



sự định-tâm vô dấu-hiệu, hãy định-tâm trong sự định-tâm vô dấu-hiệu.’ Rồi, này các các Tỳ kheo, trong lần sau đó: ‘Bằng sự không còn chú-tâm tới tất cả những dấu-hiệu, tôi chứng nhập và an trú trong sự định-tâm vô dấu-hiệu. “Này các các Tỳ kheo, người nói một cách đúng đắn mà nói về ai rằng: ‘Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp với sự trợ giúp của Vị Thầy’, thì đó là về tôi người đó có thể nói điều đó một cách đúng đắn.” (SN 40:09)

10 Vua Trời Đế-Thích [I] Trong một lần Ngài Đại Mục-kiền-liên đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó, nhanh như một người khỏe mạnh duỗi hay co cánh tay, thầy Đại Mục-kiền-liên biến mất khỏi Khu Vườn Jeta và hiện ra ở chỗ những thiên thần của cõi trời Tāvatiṃsa (cõi trời Đao-lợi, cõi trời Ba Mươi Ba). Rồi vua trời Đế-thích (Sakka), vua của các thiên thần, đã đến gặp thầy Đại Mục-kiền-liên. Sau khi gặp mặt, vua kính lễ thầy Đại Mục-kiền-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiền-liên mới nói với vị vua trời: [1] “Này vua của các thiên thần, lành thay việc quy y nương tựa vào Đức Phật. Bởi nhờ quy y nương tựa vào Phật, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Này vua của các thiên thần, lành thay việc quy y nương tựa vào Giáo Pháp. Bởi nhờ quy y nương tựa vào Giáo Pháp, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Này vua của các thiên thần, lành thay việc quy y nương tựa vào Tăng Đoàn. Bởi nhờ quy y nương tựa vào Tăng Đoàn, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã,



sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.” - (Đế-thích lặp lại) “Thưa Ngài Mục-kiền-liên, lành thay việc quy y nương tựa vào Đức Phật ... vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn. Bởi nhờ quy y nương tựa ... nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm

chí trong một cõi trời.” Sau đó, vua trời Đế-thích, vua của các thiên thần, cùng với sáu trăm thiên thần … bảy trăm thiên thần … tám trăm thiên thần … tám mươi ngàn thiên thần,282 đã đến gặp thầy Đại Mục-kiền-liên. Sau khi gặp mặt, vua trời kính lễ thầy Đại Mục-kiền-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiền-liên mới nói với vị vua trời: [Thầy Mục-kiền-liên lặp lại lời [1] ở trên … ]

[II] Lúc đó, vua trời Đế-thích, vua của các thiên thần, cùng với năm trăm thiên thần, đã đến gặp thầy Đại Mục-kiền-liên. Sau khi gặp mặt, vua trời kính lễ thầy Đại Mục-kiền-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiền- liên mới nói với vị vua trời: [2] “Này vua của các thiên thần, lành thay sự có-được (sở hữu) niềm- tin xác thực vào Đức Phật như vầy: ‘Đức Thế Tôn đó là bậc A-la-hán [đã tu-thành] và bậc Toàn Giác [đã giác ngộ toàn thiện], đã thành tựu về trí- biết đích thực (chân trí, minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ [Phật], bậc Thế Tôn.’ Bởi nhờ có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.283 “Này vua của các thiên thần, lành thay sự có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vầy: ‘Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến



để thấy, có thể áp dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.’ Bởi nhờ có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cơi trời. “Này vua của các thiên thần, lành thay sự có-được niềm-tin xác tin vào Tăng Đoàn như vầy: ‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, đang tu tập cách thức chánh trực, đang tu tập cách thức chân thực, đang tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại người— Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất (phước điền vô thượng) trong thế gian.’ Bởi nhờ có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. “Này vua của các thiên thần, lành thay sự có-được những đức-hạnh [giới-hạnh, năm giới-hạnh] mà những bậc thánh nhân quý trọng—không bị sứt mẻ, không bị đứt rách, không bị ô nhiễm, không bị vết chấm, giúp giải thoát, được khen ngợi bởi người hiền trí, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định. Bởi nhờ có-được những đức-hạnh như vậy, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. - (Đế-thích lặp lại) “Thưa Ngài Đại Mục-kiền-liên, lành thay sự có- được (sở hữu) niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vầy … sự có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vầy … sự có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vầy … sự có-được những đức-hạnh mà các bậc thánh nhân quý trọng—không bị sứt mẻ, không bị đứt rách, không bị ô nhiễm, không bị vết chấm, giúp giải thoát, được khen ngợi bởi người hiền trí, không bị dính chấp, dẫn

tới đạt định. Bởi nhờ có-được đức-hạnh như vậy, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời."



Sau đó vua trời Đế-thích, vua của các thiên thần, cùng với sáu trăm thiên thần ... bảy trăm thiên thần ... tám trăm thiên thần ... tám mươi ngàn thiên thần, đã đến gặp thầy Đại Mục-kiền-liên. Sau khi gặp mặt, vua trời kính lễ thầy Đại Mục-kiền-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục- kiền-liên mới nói với vị vua trời: [Thầy Mục-kiền-liên lặp lại lời [2] ở trên ...]

[III] Lúc đó, vua trời Đế-thích, vua của các thiên thần, cùng với năm trăm thiên thần, đã đến gặp thầy Đại Mục-kiền-liên. Sau khi gặp mặt, vua trời kính lễ thầy Đại Mục-kiền-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiền- liên mới nói với vị vua trời: [3] "Này vua của các thiên thần, lành thay việc quy y nương tựa vào Đức Phật. Bởi nhờ sự quy y nương tựa vào Phật, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Họ vượt qua những thiên thần khác về mười mặt: về tuổi thọ ở cõi trời, về sắc đẹp cõi trời, về hạnh-phúc cõi trời, về danh tiếng cõi trời, về quyền hạn cõi trời, và về những hình-sắc, những âm-thanh, những mùi-hương, những mùi-vị, những đối-tượng chạm xúc thuộc cõi trời. "Này vua của các thiên thần, lành thay việc quy y nương tựa vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn. Bởi nhờ sự quy y nương tựa vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn ... vượt qua những thiên thần khác về mười mặt: ... những hình-sắc, những âm-thanh, những mùi-hương, những mùi-vị, những đối-tượng chạm xúc thuộc cõi trời." - (Đế-thích lặp lại) "Thưa Ngài Mục-kiền-liên, lành thay việc quy y nương tựa vào Đức Phật ... vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn. Bởi nhờ sự quy y nương tựa vào Đức Phật ... vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn ... vượt qua những thiên thần khác về mười mặt ... những hình-sắc, những âm-thanh, những mùi-hương, những mùi-vị, những đối-tượng chạm xúc thuộc cõi trời."



Rồi vua trời Đế-thích, vua của các thiên thần, cùng với sáu trăm thiên thần ... bảy trăm thiên thần ... tám trăm thiên thần ... tám mươi ngàn thiên thần, đã đến gặp thầy Đại Mục-kiền-liên. Sau khi gặp mặt, vua trời kính lễ thầy Đại Mục-kiền-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiền- liên mới nói với vị vua trời: [Thầy Mục-kiền-liên lặp lại lời [3] ở trên ...]

[IV] Lúc đó, vua trời Đế-thích, vua của các thiên thần, cùng với năm trăm thiên thần, đã đến gặp thầy Đại Mục-kiền-liên. Sau khi gặp mặt, vua trời kính lễ thầy Đại Mục-kiền-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiền- liên mới nói với vị vua trời: [4] "Này vua của các thiên thần, lành thay sự có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vầy: 'Đức Thế Tôn là bậc A-la-hán ... bậc Giác- ngộ, bậc Thế Tôn.' Bởi nhờ có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Họ vượt qua

những thiên thần khác về mười mặt: về tuổi thọ ở cõi trời, về sắc đẹp cõi trời, về hạnh-phúc cõi trời, về danh tiếng cõi trời, về quyền hạn cõi trời, và về những hình-sắc, những âm-thanh, những mùi-hương, những mùi-vị, những đối-tượng chạm xúc thuộc cõi trời. “Này vua của các thiên thần, lành thay sự có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp … sự có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn … sự có- được những đức-hạnh mà các bậc thánh nhân quý trọng—không bị sứt mẻ … dẫn tới đạt định. Bởi nhờ có-được những đức-hạnh mà các bậc thánh nhân quý trọng … họ vượt qua những thiên thần khác về mười mặt: … những hình-sắc, những âm-thanh, những mùi-hương, những mùi-vị, những đối-tượng chạm xúc thuộc cõi trời.” - (Đế-thích lặp lại) “Thưa Ngài Mục-kiền-liên, lành thay sự có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật … sự có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp … sự có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn … sự có-được



những đức-hạnh mà các bậc thánh nhân quý trọng—không bị sứt mẻ … dẫn tới đạt định. Bởi nhờ có-được những đức-hạnh mà các bậc thánh nhân quý trọng, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Họ vượt qua những thiên thần khác về mười mặt: về tuổi thọ ở cõi trời, về sắc đẹp cõi trời, về hạnh-phúc cõi trời, về danh tiếng cõi trời, về quyền hạn cõi trời, và về những hình-sắc, những âm-thanh, những mùi-hương, những mùi-vị, những đối-tượng chạm xúc thuộc cõi trời.” Rồi vua trời Đế-thích, vua của các thiên thần, cùng với sáu trăm thiên thần … bảy trăm thiên thần … tám trăm thiên thần … tám mươi ngàn thiên thần, đã đến gặp thầy Đại Mục-kiền-liên. Sau khi gặp mặt, vua trời kính lễ thầy Đại Mục-kiền-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiền- liên mới nói với vị vua trời: [Thầy Mục-kiền-liên lặp lại lời [4] ở trên …]

(SN 40:10)

11 Candana … Rồi có Candana, một thiên thần trẻ … Rồi có Suyāma, một thiên thần trẻ … Rồi có Santusita, một thiên thần trẻ … Rồi có Sunimmita, một thiên thần trẻ … Rồi có Vasavatti, một thiên thần trẻ, đã đến gặp thầy Đại Mục-kiềnliên. Sau khi gặp mặt, vị tiên đó kính lễ thầy Đại Mục-kiền-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiền-liên mới nói với vị đó: [Tiếp tục giống toàn bộ nội dung kinh 40:10 kế trên.] 284

(SN 40:11)



Chương 41.

Liên Kết GIA CHỦ CITTA (41 Citta-saṃyutta) (41 Tương ưng Citta)





1 Gông Cùm Trong một lần có một số vị Tỳ kheo trưởng lão đang sống ở Mac-chikāsaṇḍa, trong khu Vườn Xoài Hoang (rẫy xoài). Bấy giờ, vào lúc đó, sau khi các Tỳ

kheo trưởng lão trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, họ tụ họp trong khu hội họp và cùng ngồi với nhau và có sự đàm đạo này: “Này các các Tỳ kheo, ‘gông-cùm’ và ‘những thứ gông cùm’ (trói buộc mình): hai thứ này khác nhau về nghĩa và khác nhau về chữ, hay chúng chỉ là một và chỉ khác nhau về chữ?” Có mấy Tỳ kheo trưởng lão trả lời như vầy: “Này các Tỳ kheo, ‘gông- cùm’ và ‘những thứ gông cùm’ khác nhau về nghĩa và khác nhau về chữ.” Nhưng có mấy Tỳ kheo trưởng lão khác trả lời như vầy: “Này các Tỳ kheo, ‘gông-cùm’ và ‘những thứ gông cùm’ là một về nghĩa và chỉ khác nhau về chữ.” Bấy giờ, vào lúc đó đó có gia chủ tên là Citta mới đến làng Migapathaka vì một số công việc.285 Rồi gia chủ Citta nghe được: “Có một số các Tỳ kheo trưởng lão trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, họ tụ họp trong khu hội họp và cùng ngồi với nhau và có sự đàm đạo này. …” Rồi gia chủ Citta đã đến gặp các Tỳ kheo trưởng lão đó, kính lễ các thầy, ngồi xuống một bên, và thưa với họ: - “Thưa quý thầy, con đã nghe rằng khi các vị Tỳ kheo trưởng lão ngồi với nhau và có sự đàm đạo rằng: ‘Này các các Tỳ kheo, ‘gông-cùm’ và ‘những thứ gông cùm’: hai thứ này khác nhau về nghĩa và cũng khác nhau về chữ, hay chúng là một về nghĩa và chỉ khác nhau về chữ?’” “Đúng vậy, này gia chủ.” - “Thưa quý thầy, ‘gông-cùm’ và ‘những thứ gông cùm’ là khác nhau về nghĩa và cũng khác nhau về chữ. Con xin đưa ra ví dụ về điều này, bởi những người có trí ở đây hiểu được một điều nhờ phương tiện ví dụ.



- “Thưa quý thầy, giả sử có con bò đen và con bò trắng được gông với nhau bằng một cái gông hay cái ách.286 Ai là người nói một cách đúng đắn có thể nói như vầy không: ‘Con bò đen là gông-cùm của con bò trắng; con bò trắng là gông-cùm của con bò đen’?” “Không phải, này gia chủ. Con bò đen không phải là gông-cùm của con bò trắng, và con bò trắng cũng không phải là gông-cùm của con bò đen, mà chính là cái gông hay cái ách đã gông chúng lại với nhau: đó mới chính là gông-cùm.” - “Cũng giống như vậy, thưa quý thầy, mắt không phải là gông-cùm của những hình-sắc, và những hình-sắc cũng không phải là gông-cùm của mắt, mà chính là tham-muốn và nhục-dục khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó: đó mới chính là gông-cùm. Tai không phải là gông-cùm của những âm-thanh … Mũi không phải là gông-cùm của những mùi-hương … Lưỡi không phải là gông-cùm của những mùi-vị … Thân không phải là gông-cùm của những đối-tượng chạm xúc … Tâm không phải là gông- cùm của những hiện-tượng thuộc tâm, và những hiện-tượng thuộc tâm cũng không phải là gông-cùm của tâm, mà chính là tham-muốn và nhục- dục khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó: đó mới chính là gông-cùm.” “Đó là ích lợi [sự đạt được] cho chú, này gia chủ, đó thực sự là ích lợi cho chú [nó khéo đạt được bởi chú], này gia chủ, trong đó chú có con mắt trí-tuệ nhìn thấu Lời Nói thâm sâu của Đức Phật.” (SN 41:01)

2 Ngài Isidatta (1) Trong một lần có một số vị Tỳ kheo trưởng lão đang sống ở Macchikāsaṇḍa, trong khu Vườn Xoài Hoang. Lúc đó có gia chủ Citta đến gặp các Tỳ kheo trưởng lão, kính lễ các thầy, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa quý thầy, mong các bậc trưởng lão nhận lời mời tới dùng cơm trưa chỗ con ngày mai.”

Các Tỳ kheo trưởng lão đồng ý trong im lặng. Rồi gia chủ Citta, sau khi hiểu được các trưởng lão đã đồng ý, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ các vị, giữ họ ở hướng bên phải mình, và đi ra. Rồi khi đêm đã qua, vào buổi sáng, các Tỳ kheo mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi tới chỗ ở của gia chủ Citta. Ở đó họ ngồi xuống các chỗ ngồi đã dọn sẵn. Rồi gia chủ Citta đến gặp các Tỳ kheo trưởng lão, kính lễ các thầy, ngồi xuống một bên, và thưa với vị trưởng lão đứng đầu: - "Thưa Trưởng Lão, thường nghe nói 'nhiều loại yếu-tố, nhiều loại yếu-tố'. Thưa thầy, theo cách nào có nhiều loại [đa dạng] yếu-tố đã được nói bởi đức Thế Tôn?"287 Khi điều này được nói ra, vị trưởng lão đứng đầu chỉ im lặng. Lần thứ hai và lần thứ ba gia chủ Citta hỏi lại câu hỏi đó, vị trưởng lão đứng đầu vẫn im lặng.288 Bấy giờ, lúc đó có Ngài Isidatta khi đó là Tỳ kheo trẻ nhất trong đoàn Tăng đó.289 Rồi thầy Isidatta mới thưa với vị trưởng lão đứng đầu: "Thưa trưởng lão, cho phép con trả lời câu hỏi của gia chủ Citta." "Trả lời đi, này Tỳ kheo Isidatta." "Giờ, này gia chủ, có phải chú đang hỏi câu như vầy không: 'Thưa Trưởng Lão, thường nghe nói 'nhiều loại yếu-tố, nhiều loại yếu-tố'. Thưa thầy, theo cách nào có nhiều loại yếu-tố đã được nói bởi đức Thế Tôn?'" - "Đúng vậy, thưa thầy." "Này gia chủ, nhiều loại yếu-tố này đã được nói bởi đức Thế Tôn như vầy: yếu-tố mắt, yếu-tố hình sắc, yếu-tố thức-mắt … … yếu-tố tâm, yếu-tố hiện-tượng thuộc tâm, yếu-tố thức-tâm. Theo cách như vậy, này gia chủ, nhiều loại yếu-tố đã được nói bởi đức Thế Tôn." Rồi gia chủ Citta, sau khi thấy hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Isidatta, bằng hai tay mình đã phục vụ và làm vui lòng các Tỳ kheo



trưởng lão với nhiều món ăn ngon khác nhau. Sau khi các Tỳ kheo trưởng lão đã ăn xong và đã dẹp bình bát,290 họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về. Rồi, vị Tỳ kheo trưởng lão đứng đầu đã nói với thầy Isidatta: "Này Tỳ kheo Isidatta, thật tốt lành rằng câu trả lời cho câu hỏi đó đã xảy đến với thầy. Nó không xảy đến với tôi. Bởi vậy, này Tỳ kheo Isidat- ta, lúc khác có ai đặt câu hỏi tương tự như vậy, thầy cứ làm rõ nó như vậy."291 (SN 41:02)

3 Ngài Isidatta (2) [Mở đầu như kinh kế trên, cho tới:]

Rồi gia chủ Citta đến gặp các Tỳ kheo trưởng lão, kính lễ các thầy, ngồi xuống một bên, và thưa với vị trưởng lão đứng đầu: - "Thưa Trưởng Lão, có nhiều quan-điểm khác nhau khởi lên trong thế gian rằng: 'Thế giới là bất diệt' hay 'Thế giới không phải bất diệt'; hoặc 'Thế giới là hữu hạn' hay 'Thế giới là vô hạn'; hoặc 'Linh hồn và thể xác là một' hay 'Linh hồn một thứ và thể xác là thứ khác nhau'; hoặc 'Như Lai hiện hữu sau khi chết' hay 'Như Lai không hiện hữu sau khi chết' hay 'Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết' hay 'Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết'— những quan-điểm này cũng như sáu mươi hai quan-điểm đã được nói trong kinh Lưới Trời (Brahmajāla, kinh Phạm Võng).292 Giờ, khi có cái gì thì xảy ra những quan-điểm này? Khi không có cái gì thì không xảy ra những quan-điểm này?" Khi điều này được nói ra, vị trưởng lão đứng đầu chỉ im lặng. Lần thứ hai và lần thứ ba gia chủ Citta hỏi lại câu hỏi đó, vị trưởng lão đứng đầu vẫn im lặng. Bấy giờ, lúc đó có Ngài Isidatta khi đó là Tỳ kheo trẻ nhất trong đoàn Tăng đó. Rồi thầy Isidatta mới

thưa với vị trưởng lão đứng đầu:

Chương 41  Liên Kết CITTA • 283

“Thưa trưởng lão, cho phép con trả lời câu hỏi của gia chủ Citta.” “Trả lời đi, này Tỳ kheo Isidatta.” “Giờ, này gia chủ, có phải chú đang hỏi câu như vầy không: ‘Thưa thầy, có nhiều quan-điểm khác nhau khởi lên trong thế gian rằng: ‘Thế giới là bất diệt’ hay ‘Thế giới không phải bất diệt’ … cũng như sáu mươi hai quan-điểm đã được nói trong kinh Lưới Trời. Giờ, khi có cái gì thì xảy ra những quan-điểm này? Khi không có cái gì thì không xảy ra những quan-điểm này?” - “Đúng vậy, thưa thầy.” “Này gia chủ, đối với những quan-điểm khác nhau khởi lên trong thế gian rằng: ‘Thế giới là bất diệt’ … cũng như sáu mươi hai quan-điểm được nói trong kinh Lưới Trời thì: khi có quan-điểm (cách nhìn) có danh- tính (thân kiến), thì có những quan-điểm này xảy ra; khi không có quan- điểm có danh-tính, thì không có những quan-điểm này xảy ra.” - (1) “Nhưng, thưa thầy, theo cách nào có quan-điểm có danh-tính xảy ra?” “Ở đây, này gia chủ, người phàm phu không được chỉ dạy, là người không coi trọng những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương (rèn luyện, huấn luyện) trong Giáo Pháp của họ; là người không coi trọng những thiện nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương trong Giáo Pháp của họ; là người cứ coi sắc-thân là cái ‘ta’, hoặc nghĩ cái ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hoặc sắc-thân nằm trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ nằm trong sắc-thân. Người đó cứ coi cảm-giác là cái ‘ta’ … nhận-thức là cái ‘ta’ … những sự tạo-tác cố ý là cái ‘ta’ … thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ cái ‘ta’ sở hữu thức, hoặc thức nằm trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Chính theo cách như vậy nên mới xảy ra quan-điểm có danh-tính.” - (2) “Nhưng, thưa thầy, theo cách nào không có quan-điểm có danh- tính xảy ra?”

284 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

“Ở đây, này gia chủ, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, là người coi trọng những bậc thánh nhân, và thiện khéo và được kỷ cương trong Giáo Pháp của họ; là người coi trọng những thiện nhân, và thiện khéo và được kỷ cương trong Giáo Pháp của họ; là người không coi sắc-thân là cái ‘ta’, hoặc nghĩ cái ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hoặc sắc-thân nằm trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ nằm trong sắc-thân. Người đó không coi cảm-giác là cái ‘ta’ … nhận-thức là cái ‘ta’ … những sự tạo-tác cố ý là cái ‘ta’ … thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ cái ‘ta’ sở hữu thức, hoặc thức nằm trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Chính theo cách như vậy nên không xảy ra quan-điểm có danh-tính.” - “Xin phép hỏi thầy, Sư Thầy Isidatta đến từ đâu vậy?” “Tôi đến từ vùng Avantī, này gia chủ.” - “Thưa thầy, có một người họ tộc cũng đến từ vùng Avantī cũng tên là Isidatta, là một người bạn ‘chưa từng gặp’ của chúng con trước kia, người đó đã xuất gia. Thầy có bao giờ gặp người đó chưa?” “Đã gặp rồi, này gia chủ.” - “Thầy ấy hiện đang ở đâu, thưa thầy?” Khi câu hỏi này được nói ra, thầy Isidatta chỉ im lặng. - “Vậy đây chính là Sư Thầy Isidatta?” “Đúng vậy, này gia chủ.” - “Vậy mong Sư Thầy Isidatta hãy vui sống trong khu Vườn Xoài Hoang đáng thích ở vùng Macchikāsaṇḍa này. Con sẽ nhiệt tình chu cấp cho Thầy Isidatta y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang.” “Lời nói thật hảo tâm, này gia chủ.” Rồi gia chủ Citta, sau khi thấy hài lòng và vui mừng với lời của thầy Isidatta, bằng chính hai tay mình, đã phục vụ và làm vui lòng các Tỳ kheo trưởng lão với nhiều món ăn ngon khác

nhau. Sau khi các Tỳ kheo trưởng lão đã ăn xong và đã dẹp bình bát, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về.



Rồi, vị Tỳ kheo trưởng lão đứng đầu đã nói với thầy Isidatta: “Này Tỳ kheo Isidatta, thật tốt lành câu trả lời cho câu hỏi đó đã xảy đến với thầy. Nó không xảy đến với tôi. Bởi vậy, này Tỳ kheo Isidatta, lúc khác có ai đặt câu hỏi tương tự như vậy, thầy cứ làm rõ nó như vậy.” Rồi, thầy Isidatta đã thu dọn chỗ ở, mang theo bình bát và cà sa, thầy ấy rời khỏi vùng Macchikāsaṇḍa. Sau khi đi khỏi Macchikāsaṇḍa, thầy ấy đã rời đi mãi mãi và chưa bao giờ quay lại nơi đó.293 (SN 41:03)

4 Thần Thông của Ngài Mahaka Trong một lần có một số vị Tỳ kheo trưởng lão đang sống ở Mac- chikāsaṇḍa, trong khu Vườn Xoài Hoang. Lúc đó có gia chủ Citta đến gặp các Tỳ kheo trưởng lão, kính lễ các thầy, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa quý thầy, mong các bậc trưởng lão nhận lời mời tới dùng cơm trưa ở chỗ trại bò sữa của con ngày mai.” Các Tỳ kheo trưởng lão đồng ý trong im lặng. Rồi gia chủ Citta, sau khi hiểu được các trưởng lão đã đồng ý, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ các vị, giữ họ ở hướng bên phải mình, và đi ra. Rồi khi đêm đã qua, vào buổi sáng, các Tỳ kheo mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi tới chỗ tại bò sữa của gia chủ Citta. Ở đó họ ngồi xuống các chỗ ngồi đã dọn sẵn. Rồi gia chủ Citta, bằng chính hai tay mình, đã phục vụ và làm vui lòng các Tỳ kheo trưởng lão với nhiều món ăn ngon khác nhau. Sau khi các Tỳ kheo trưởng lão đã ăn xong và đã dẹp bình bát, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về. Rồi gia chủ Citta, sau khi nói với người của mình “Hãy đem phân phát hết chỗ thức ăn còn lại”, ông đi theo sát các Tỳ kheo trưởng lão. Lúc bấy giờ, lúc đó trời đang cực kỳ nóng bức,294 và các trưởng lão bước đi giống như thân họ đang tan chảy cùng với những thức ăn họ mới vừa ăn.



Bấy giờ, lúc đó có Ngài Mahaka là một Tỳ kheo trẻ nhất trong đoàn Tăng đó. Rồi thầy Mahaka đã thưa với vị Tỳ kheo trưởng lão đứng đầu: “Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu giờ có luồng gió mát thổi qua, một tán mây tụ thành, và trời mưa phùn.” “Được vậy sẽ tốt, này đạo hữu.” Rồi thầy Mahaka đã thực hiện một chiêu thức thần thông làm gió mát thổi qua, và một tán mây tụ thành, và trời mưa phùn. Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với gia chủ Citta: “Sức mạnh và năng lực thần thông như vậy mà lại có-được bởi một Tỳ kheo trẻ nhất đoàn Tăng ở đây như vậy!” Rồi, sau khi thầy Mahaka về đến tịnh xá, thầy ấy thưa với vị Tỳ kheo trưởng lão đứng đầu: “Như vậy có đủ không, thưa Trưởng Lão?” “Như vậy là đủ rồi, này đạo hữu Mahaka. Vừa rồi là đã đủ, này đạo hữu Mahaka, sự cúng dường như vậy là đầy đủ rồi.” Rồi các Tỳ kheo trưởng lão đi về chỗ ở và thầy Mahaka cũng đi về chỗ trú ở của mình. Rồi gia chủ Citta đến gặp thầy Mahaka, ngồi xuống một bên, và thưa với thầy ấy: - “Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu Thầy Mahaka cho con thấy một phép màu siêu phàm của thần thông.” “Vậy thì, này gia chủ, hãy cõi áo choàng của chú phủ lên hiên và rải một nắm cỏ lên đó.” - “Dạ, thưa thầy”, gia chủ Citta đáp lại, và ông cõi áo choàng của mình phủ lên hiên và rải một nắm cỏ lên đó. Rồi, thầy Mahaka đi

vào trong thất và khóa cửa lại, rồi thầy biểu diễn màn thần thông phun lửa ra lỗ khóa và khe cửa, đốt cháy hết cỏ, nhưng không cháy áo choàng.295 Gia chủ Citta giũ áo choàng và đứng sang một bên, sửng sốt và hoảng sợ.



Rồi thầy Mahaka bước ra khỏi thất và nói với gia chủ Citta: “Như vậy đủ chưa, này gia chủ?” - “Như vậy là đủ rồi, thầy Mahaka. Vừa rồi là đã đủ, thưa thầy, sự ban tặng như vậy là đầy đủ rồi. Vậy mong Sư Thầy Mahaka hãy vui sống trong khu Vườn Xoài Hoang đáng thích ở vùng Macchikāsaṇḍa này. Con sẽ nhiệt tình chu cấp cho Thầy Mahaka y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang.” “Lời nói thật hảo tâm, này gia chủ.” Rồi, thầy Mahaka đã thu dọn chỗ ở, mang theo bình bát và cà sa, thầy ấy rời khỏi vùng Macchikāsaṇḍa. Sau khi đi khỏi Macchikāsaṇḍa, thầy ấy đã rời đi mãi mãi và chưa bao giờ quay lại nơi đó. (SN 41:04)

5 Ngài Kāmabhū (1) Trong một lần Ngài Kāmabhū đang sống ở Macchikāsaṇḍa, trong khu Vườn Xoài Hoang. Lúc đó có gia chủ Citta đến gặp thầy Kāmabhū, kính lễ thầy ấy, và ngồi xuống một bên. Thầy Kāmabhū mới nói với ông rằng: “Này gia chủ, điều này đã được nói: ‘Với bánh xe hoàn-hảo và một mái che trắng, Chiếc xe bánh một-căm cứ lăn đi. Nhìn xem người đang đến, không còn rắc-rối, Dòng-chảy đã cắt, không còn sự trói-buộc.’296 Này gia chủ, theo cách nào ý nghĩa của lời ngắn gọn này được hiểu một cách chi tiết?” - “Thưa thầy, đó là lời của đức Thế Tôn phải không?” “Đúng vậy, này gia chủ.” - “Thưa thầy, vậy hãy chờ con một chút trong khi con xem xét ý nghĩa của nó.”



Rồi sau một chút im lặng, gia chủ Citta đã nói với thầy Kāmabhū: - “Thưa thầy, ‘Hoàn-hảo’ [không vết lỗi]: đây là một cách để chỉ những giới-hạnh. ‘Mái che trắng’: đây là một cách để chỉ sự giải-thoát. ‘Một căm’: đây là một cách để chỉ sự chánh-niệm. ‘Lăn’: đây là một cách để chỉ sự đi-tới và đi-lại. ‘Chiếc xe’: đây là một cách để chỉ thân này gồm có bốn yếu-tố lớn (tứ đại), bắt nguồn từ mẹ và cha, được nuôi lớn từ cơm và cháo, (mang bản chất) bị vô thường, phải bị chà xát và đè bóp, phải bị tan hoại và tan rã. - “Thưa thầy, những ‘rắc-rối’ chính là tham, sân, và si. Đối với một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm, thì chúng (tham, sân, si) đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết của cây cọ, đã bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm thì được gọi là “không-còn rắc rối”. ‘Người đang đến’ là một cách để chỉ bậc A-la-hán. - “Thưa thầy, ‘Dòng-chảy’: đây là một cách để chỉ dục-vọng. Đối với một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm thì dục-vọng đó đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết của cây cọ, đã bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm thì được gọi là “người đã cắt đứt dòng-chảy.’ - “Thưa thầy, ‘sự trói-buộc’ cũng chính là tham, sân, si. Đối với một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm, thì chúng (tham, sân, si) đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết của cây cọ, đã bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm thì được gọi là “không còn sự trói-buộc.” “Như vậy, thưa thầy, khi đức Thế Tôn

nói như vầy: ‘Với bánh xe hoàn hảo và một mái che trắng, Chiếc xe bánh một-căm cứ lăn đi. Nhìn xem người đang đến, không-còn rắc rối, Dòng chảy đã cắt, không-còn trói buộc.’



, thì con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của lời đã được đức Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn như vậy.” “Đó là ích lợi [sự đạt được] cho chú, này gia chủ, đó thực sự là ích lợi cho chú [nó khéo đạt được bởi chú], này gia chủ, trong đó chú có con mắt trí-tuệ nhìn thấu Lời Nói thâm sâu của Đức Phật.” (SN 41:05)

6 Ngài Kāmabhū (2) Trong một lần Ngài Kāmabhū đang sống ở Macchikāsaṇḍa, trong khu Vườn Xoài Hoang. Lúc đó có gia chủ Citta đến gặp thầy Kāmabhū, kính lễ thầy ấy, ngồi xuống một bên, và thưa: - (1) “Thưa thầy, có mấy loại sự tạo-tác (hành)?”297 “Này gia chủ, có ba loại sự tạo-tác: sự tạo-tác của thân (thân hành), sự tạo-tác của lời-nói (khẩu hành), và sự tạo-tác của tâm (tâm hành).”298 - “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói. Rồi sau khi hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Kāmabhū, ông hỏi thêm: (2) “Nhưng, thưa thầy, cái gì là sự tạo-tác của thân? Cái gì là sự tạo- tác của lời-nói? Cái gì là sự tạo-tác của tâm?” “Này gia chủ, sự thở-vào và thở-ra là sự tạo-tác của thân; ý-nghĩ và sự soi-xét (tầm và tứ) là sự tạo-tác của lời-nói; nhận-thức và cảm-giác (tưởng và thọ) là sự tạo-tác của tâm.” - “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói … ông hỏi thêm: (3) “Nhưng, thưa thầy, tại sao sự thở-vào và thở-ra là sự tạo-tác của thân? Tại sao ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ) là sự tạo-tác của lời-nói? Tại sao nhận-thức (tưởng) và cảm-giác (thọ) là sự tạo-tác của tâm.” “Này gia chủ, sự thở-vào và thở-ra là thuộc thân, những sự này tùy thuộc vào thân (mà sinh và diệt); đó là lý do tại sao sự thở-vào và thở-ra là sự tạo-tác của thân. Trước tiên người ta nghĩ, rồi xem xét, sau đó chuyển



thành lời-nói; đó là lý do tại sao ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ) là sự tạo- tác của lời-nói. Nhận-thức và cảm-giác là thuộc tâm, những thứ này tùy thuộc vào tâm (mà sinh và diệt); đó là lý do tại sao nhận-thức và cảm-giác là sự tạo-tác của tâm.” - “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói … ông hỏi thêm: (4) “Thưa thầy, theo cách nào thì có sự chứng đắc trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tưởng)?”299 “Này gia chủ, khi một Tỳ kheo đang chứng đắc trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, thì điều (ý nghĩ) này: ‘Ta sẽ chứng đắc trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác’ hay ‘Ta đang chứng đắc trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác’ hay ‘Ta đã chứng đắc trạng thái chấm- dứt nhận-thức và cảm-giác’ không còn xảy đến trong người đó; nhưng thay vì vậy, tâm của vị ấy đã được tu tập trước đó theo một cách dẫn vị ấy tới trạng thái như vậy.”300 - “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói … ông hỏi thêm: (5) “Thưa thầy, khi một Tỳ kheo đang chứng đắc trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, thì sự tạo-tác nào trong ba sự tạo-tác đó chấm dứt trước bên trong vị ấy?” “Này gia chủ, khi một Tỳ kheo đang chứng đắc trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, thì sự tạo-tác của lời-nói chấm dứt trước, sau đó là sự tạo-tác của thân, và sau đó là sự tạo-tác của tâm.”301 - “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói … ông hỏi thêm: (6) “Thưa thầy, cái

gì là sự khác nhau của một người đã chết so với một Tỳ kheo đã chứng đắc sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác?" "Này gia chủ, trong trường hợp người đã chết, người đã kết thúc thời mạng, thì những sự tạo-tác của thân (thân hành) đã chấm dứt và lắng lặn, những sự tạo-tác của lời-nói (khẩu hành) đã chấm dứt và lắng lặn, những sự tạo-tác của tâm (tâm hành) đã chấm dứt và lắng lặn; sức- sống của người đó đã tận kiệt, nhiệt của người đó đã tiêu tan, và các



căn của người đó đã hoàn toàn tan rã. Trong trường hợp một Tỳ kheo đã chứng nhập trong sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác thì những sự tạo-tác của thân (thân hành) đã chấm dứt và lắng lặn, những sự tạo-tác của lời-nói (khẩu hành) đã chấm dứt và lắng lặn, những sự tạo-tác của tâm (tâm hành) đã chấm dứt và lắng lặn; nhưng sức-sống của vị ấy không cạn kiệt, nhiệt của người đó không tiêu tan, và các căn của vị ấy trở nên cực kỳ sáng trong.302 Đây là sự khác nhau giữa người đã chết, người đã kết thúc thời mạng so với một Tỳ kheo đã chứng nhập trong sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác." - "Lành thay, thưa thầy", gia chủ Citta nói ... ông hỏi thêm: (7) "Thưa thầy, theo cách nào có sự thoát-ra khỏi trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác?" "Này gia chủ, khi một Tỳ kheo đang thoát-ra khỏi trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác thì điều (ý nghĩ) này: 'Ta sẽ thoát ra khỏi trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác', hay 'Ta đang thoát ra khỏi trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác', hay 'Ta đã thoát ra khỏi trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác' không còn xảy đến trong người đó; nhưng thay vì vậy, tâm của vị ấy đã được tu tập trước đó theo một cách dẫn vị ấy tới trạng thái như vậy."303 - "Lành thay, thưa thầy", gia chủ Citta nói ... ông hỏi thêm: (8) "Thưa thầy, khi một Tỳ kheo đang thoát-ra khỏi trạng thái chấm- dứt nhận-thức và cảm-giác thì sự tạo-tác nào trong ba sự tạo-tác đó khởi sinh trở lại trước?" "Này gia chủ, khi một Tỳ kheo đang thoát-ra khỏi trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác thì sự tạo-tác của tâm khởi sinh trước, sau đó là sự tạo-tác của thân, và sau đó là sự tạo-tác của lời-nói."304 - "Lành thay, thưa thầy", gia chủ Citta nói ... ông hỏi thêm: (9) "Thưa thầy, sau khi một Tỳ kheo đã thoát-ra khỏi trạng thái chấm- dứt nhận-thức và cảm-giác, có bao nhiêu loại tiếp-xúc tiếp xúc người đó?"



"Này gia chủ, sau khi một Tỳ kheo đã thoát-ra khỏi trạng thái chấm- dứt nhận-thức và cảm-giác, có ba loại tiếp-xúc tiếp xúc người đó: sự tiếp- xúc trống-không, sự tiếp-xúc vô dấu-hiệu, sự tiếp-xúc vô định-hướng."305 - "Lành thay, thưa thầy", gia chủ Citta nói ... ông ta hỏi thêm: (10) "Thưa thầy, sau khi một Tỳ kheo đã thoát-ra khỏi trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, tâm vị đó nghiêng về, hướng về, và ngã về cái gì?" "Này gia chủ, sau khi một Tỳ kheo đã thoát-ra khỏi trạng thái chấm- dứt nhận-thức và cảm-giác, tâm vị đó nghiêng về, hướng về, và ngã về sự tách-ly."306 - "Lành thay, thưa thầy", gia chủ Citta nói. Rồi sau khi hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Kāmabhū, ông hỏi thêm: (11) "Thưa thầy, có bao nhiêu điều hữu ích đối với sự chứng đắc trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác?" "Này gia chủ, thực ra chú đang hỏi câu hỏi lẽ ra nên được hỏi đầu tiên; nhưng dù vậy tôi vẫn trả lời luôn cho chú. Đối với sự chứng

đắc trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, có hai điều hữu ích: sự vắng- lặng (định) và sự minh-sát (tuệ).”307 (SN 41:06)

7 Ngài Godatta Trong một lần Ngài Godatta đang sống ở Macchikāsaṇḍa, trong khu Vườn Xoài Hoang. Lúc đó có gia chủ Citta đến gặp thầy Godatta, kính lễ thầy ấy, ngồi xuống một bên. Rồi thầy Godatta mới nói với ông khi ông đang ngồi một bên:308 “Này gia chủ, (i) ‘sự giải-thoát vô lượng của tâm’, (ii) ‘sự giải-thoát của tâm bằng sự không-có-gì’, (iii) ‘sự giải-thoát của tâm bằng µ s

ằa tâm b



(iii) “Và, thưa thầy, cái gì là ‘sự giải-thoát của tâm bằng sự trống- không’? Ở đây, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng hay đến một gốc hay một chòi trống, quán chiếu như vầy: “Đây là sự không-có [trống không] cái ‘Ta’ nào (vô ngã) hoặc của cái thuộc về cái ‘Ta’ (vô ngã sở).” Đây là ‘sự giải-thoát của tâm bằng sự trống-không’.311 (iv) “Và, thưa thầy, cái gì là ‘sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm’? Ở đây, với sự không chú-tâm tới tất cả những dấu-hiệu (các tướng), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong sự định-tâm vô dấu-hiệu (vô tướng định) của tâm. Đây được gọi là ‘sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm’.312 - “Thưa thầy, đây là cách theo đó những trạng thái này là khác nhau về nghĩa và khác nhau về tên gọi.313 (2) Và, thưa thầy, theo cách nào những trạng thái này là giống nhau về nghĩa và chỉ khác nhau về tên gọi? (a) “Tham là một tác giả (cái tạo ra, làm nên) của sự đo lường, sân là một tác giả của sự đo lường, si là một tác giả của sự đo lường. Trong một Tỳ kheo là người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), thì những thứ này đều đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã bị xóa sổ để chúng không còn khởi sinh trong tương lai. Trong tất cả các loại của ‘sự giải-thoát vô lượng của tâm’, thì ‘sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm’ được tuyên bố là tốt nhất (bậc nhất).314 Bây giờ thì ‘sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm’ là trống rỗng tham, trống rỗng sân, trống rỗng si. (b) “Tham là một thứ, sân là một thứ, si là một thứ.315 Trong một Tỳ kheo là người đã tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận), thì những thứ này đều đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã bị xóa sổ để chúng không còn khởi sinh trong tương lai. Trong tất cả các loại ‘sự giải-thoát của tâm bằng sự không-có-gì’, thì ‘sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm’ được tuyên bố là tốt nhất. Bây



giờ thì ‘sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm’ là trống rỗng tham, trống rỗng sân, trống rỗng si. (d) “Tham là một tác giả (cái làm ra, tạo ra) của những dấu-hiệu (các tướng), sân là tác giả của những dấu-hiệu, si là tác giả của những dấu-hiệu.316 Trong một Tỳ kheo là người đã tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận), thì những thứ này đều đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã bị xóa sổ để chúng không còn khởi sinh trong tương lai. Trong tất cả các loại ‘sự giải-thoát vô dấu- hiệu của tâm’, thì ‘sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm’ được tuyên bố là tốt nhất. Bây giờ thì ‘sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm’ là trống rỗng tham, trống rỗng sân, trống

rỗng si. - “Đây là cách theo đó những trạng thái đó là giống nhau về nghĩa và chỉ khác nhau về tên gọi.”317 (giống nhau ở chỗ đều là trạng thái trống rỗng tham, sân, si của tâm) “Đó là ích lợi [sự đạt được] cho chú, này gia chủ, đó thực sự là ích lợi cho chú [nó khéo đạt được bởi chú], này gia chủ, trong đó chú có con mắt trí-tuệ nhìn thấu Lời Nói thâm sâu của Đức Phật.” (SN 41:07)

8 Ni-kiền-tử Nātaputta Bấy giờ, vào lúc đó có ông Ni-kiền-tử Nātaputta [Niganṭha] Nātaputa đã đến vùng Macchikāsaṇḍa cùng với một đoàn lớn những ni-kiền-tử [môn đệ theo giáo phái của Ni-kiền-tử Nātaputa].318 Gia chủ Citta nghe được tin này và đã cùng với một nhóm cư sĩ đến gặp Ni-kiền-tử Nātaputta Nātaputa.319 Ông chào hỏi với Ni-kiền-tử Nātaputta Nātaputa, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên. Ni-kiền-tử Nāta- putta mới nói với gia chủ: “Này gia chủ, ông có niềm-tin vào sa-môn Cồ-đàm khi ông ta nói rằng: ‘Có một sự định-tâm không còn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ); có



sự chấm dứt ý-nghĩ và sự soi-xét’, hay không?” (tức trạng thái tầng thiền định thứ hai)320 - “Thưa ngài, về vấn đề này tôi không có niềm-tin vào đức Thế Tôn321 khi đức Thế Tôn nói rằng: ‘Có một sự định-tâm không còn ý-nghĩ và sự soi-xét; có sự chấm dứt ý-nghĩ và sự soi-xét’.” Khi điều này được nói ra, Ni-kiền-tử Nātaputta ngửa mặt lên một cách tự hào,322 nhìn các môn đệ của ông và nói: “Thấy chưa, quý ngài! Gia chủ Citta này thật thẳng thắn! Gia chủ Citta này thật trung thực và cõi mở! Ai cho rằng ý-nghĩ và sự soi-xét có thể bị chặn thì chẳng khác nào tưởng tượng mình có thể bắt được gió bằng lưới hay bắt giữ dòng nước sông Hằng bằng nắm tay của mình.” - “Thưa ngài, ngài nghĩ sao, cái nào cao hơn: sự-biết (trí) hay niềm-tin (tín)?”, gia chủ Citta hỏi. “Này gia chủ, sự-biết là cao hơn niềm-tin.” - “Đúng vậy, thưa ngài, tùy theo tôi muốn: (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách ly’. Rồi, tùy theo tôi muốn: (ii) ‘Với sự lặn mất của ý-nghĩ và sự soi-xét, tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) …’ Rồi, tùy theo tôi muốn: (iii) ‘Với sự phai biến luôn của yếu tố hoan-hỷ … tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) …’ Rồi, tùy theo tôi muốn: (iv) ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng và sự khổ … tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền)’. - “Thưa ngài, tôi đã tự biết và thấy như vậy, vậy tại sao tôi cần phải đặt niềm-tin vào lời một sa-môn hay bà-la-môn khác nói rằng: ‘Có một sự định-tâm không còn ý-nghĩ và sự soi-xét; có sự chấm dứt ý-nghĩ và sự soi- xét’?”



Khi điều này được nói ra, Ni-kiền-tử Nātaputta với ánh mắt ngờ vực, nhìn qua các môn đệ của mình và nói: “Thấy chưa, các ngài! Gia chủ Citta này thật lươn lẹo! Gia chủ Citta này thật xảo trá và lừa lọc!” - “Thưa ngài, mới đây chúng tôi hiểu ngài nói: ‘Thấy chưa, quý ngài! Gia chủ Citta này thật thẳng thắn! Gia chủ Citta này thật trung thực và cõi

mở!'— giờ chúng tôi lại hiểu ngài nói: 'Thấy chưa, các ngài! Gia chủ Cit- ta này thật lươn lẹo! Gia chủ Citta này thật xảo trá và lừa bịp!'. Thưa ngài, nếu câu nói đầu của ngài là đúng thì câu nói sau của ngài là sai; hoặc nếu câu nói đầu là sai thì câu nói sau là đúng. - "Thêm nữa, thưa ngài, có mười câu hỏi hữu lý này được đưa ra. Khi ngài hiểu được ý nghĩa của chúng, thì ngài có thể trả lời lại cho tôi, cùng với đoàn môn đệ của ngài.323 'Một câu hỏi, một tóm tắt, một trả lời. Hai câu hỏi, hai tóm tắt, hai trả lời. Ba … bốn … năm … sáu … bảy … tám … chín … mười câu hỏi, mười tóm tắt, mười trả lời.'" Rồi gia chủ Citta đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi luôn chứ không hỏi Ni-kiền-tử Nātaputta mười câu hỏi hữu lý đó.324 (SN 41:08)

9 Tu Sĩ Lõa Thể Tên Ca-Diếp Bấy giờ, lúc đó có khổ sĩ lõa thể tên Ca-diếp (Kassapa) mới đến vùng Macchikāsaṇḍa; thời ông còn tại gia ông từng là một người bạn của gia chủ Citta. Gia chủ Citta nghe được điều này và đã đến gặp tu sĩ lõa thể Ca-diếp. Ông chào hỏi với khổ sĩ đó, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên và nói với tu sĩ Ca-diếp: - "Này ngài Ca-diếp, đã bao lâu rồi, kể từ lúc ngài xuất gia?" "Này gia chủ, đã ba mươi năm rồi, từ lúc tôi xuất gia." - "Thưa ngài, trong ba mươi năm đó, ngài có chứng đắc sự khác-biệt siêu phàm nào về sự-biết và sự-thấy (trí biết và tầm nhìn) của hàng thánh nhân hay không,325 có sống trong sự thư thái an nhiên hay không?"



"Này gia chủ, trong ba mươi năm từ lúc tôi xuất gia, tôi không chứng đắc được sự khác-biệt siêu phàm nào về sự-biết và sự-thấy, cũng không sống trong sự thư thái an nhiên nào, ngoại trừ cái sự lõa thể, và cái đầu trọc, và cái bàn chải lông gà để phủi quét cho chỗ ngồi (trước khi ngồi) của tôi".326 Khi điều này được nói ra, gia chủ Citta đã nói với ông Ca-diếp: - "Thật sự kỳ diệu, thưa ngài! Thật sự tuyệt vời, thưa ngài! Rằng Giáo Pháp đã được giảng bày một cách hay khéo (không hiểu chỗ này gia chủ Citta đề cao Giáo Pháp hay chỉ mượn câu này để pha một ý nghĩa ngậm ngùi đối với người bạn cũ khác đạo?),327 trong đó, sau ba mươi năm, ngài không chứng đắc được sự khác-biệt siêu phàm nào về sự-biết và sự-thấy, cũng không sống trong sự thư thái an nhiên nào, ngoại trừ sự lõa thể, và cái đầu trọc, và cái bàn chải lông gà để phủi quét cho chỗ ngồi của mình." "Nhưng, này gia chủ, đã bao lâu rồi, kể từ lúc ông trở thành một đệ tử tại gia?" - "Thưa ngài, trường hợp tôi cũng giống vậy, cũng đã ba mươi năm rồi." "Này gia chủ, trong ba mươi năm đó, ông có chứng đắc sự khác-biệt siêu phàm nào về sự-biết và sự-thấy của hàng thánh nhân hay không, có sống trong sự thư thái an nhiên hay không?" - "Sao tôi lại không thể, thưa ngài?328 Bởi, bất cứ khi nào, tùy theo tôi muốn: (i) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan, tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất … [như nguyên đoạn này trong kinh kế trên cho đến] … tầng thiền định thứ tư. Thêm nữa, nếu tôi có chết trước đức Thế Tôn, thì cũng không lấy gì ngạc nhiên nếu đức Thế Tôn tuyên bố về tôi là: 'Không còn gông-cùm nào trói buộc gia chủ Citta quay lại thế gian này nữa'." (tức ông đã là bậc thánh Bất-lai)329 Sau khi điều này được nói ra, tu sĩ lõa thể Ca-diếp đã nói với gia chủ Citta:

“Thật sự kỳ diệu, này gia chủ! Thật sự tuyệt vời, này gia chủ! Rằng Giáo Pháp đã được giảng bày một cách hay khéo, trong đó, một người tại gia mặc đồ trắng có thể chứng đắc một sự khác-biệt siêu phàm về sự-biết và sự-thấy của hàng thánh nhân, một sự sống thư thái an nhiên. Tôi có thể xin được thụ giới xuất-gia trong Giáo Pháp và Giới Luật này không; tôi có thể xin thụ giới cao-hơn (toàn-bộ giới, đại thọ giới) hay không?” Rồi gia chủ Citta đã dẫn tu sĩ lõa thể Ca-diếp đến gặp các Tỳ kheo trưởng lão, và thưa với họ: - “Thưa quý thầy, tu sĩ lõa thể Ca-diếp này là một người bạn cũ của con thời ông còn sống tại gia. Mong các vị trưởng lão ban cho ông sự thụ giới xuất-gia, mong các thầy ban cho ông sự thụ giới cao-hơn. Con sẽ nhiệt tình chu cấp cho ông y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc men.” Rồi khổ sĩ lõa thể Ca-diếp đã thụ giới xuất-gia trong Giáo Pháp và Giới Luật này (thành sa-di); rồi thụ giới cao-hơn (đại thọ giới, toàn-bộ giới, thành Tỳ kheo). Và không lâu sau khi thầy Ca-diếp thụ giới cao-hơn, thầy ấy sống một mình, thu mình (lui về), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định; rồi Thầy Ca-diếp, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy hiểu rằng: “Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa’.” Và thầy Ca-diếp đã trở thành một trong những vị A-la-hán. (SN 41:09)

10 Thăm Người Bệnh Bấy giờ, lúc đó gia chủ Citta bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần chết. Có một số thiên thần điền viên, thiên thần rừng, thiên thần cây, và thiên thần



sống trong cây dược thảo và sống trong cây đại thụ trong rừng, họ đã tề tựu đến và nói với gia chủ Citta: “Này gia chủ, hãy ước nguyện như vầy: ‘Cầu cho tôi sau này trở thành một vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương)!’” Khi điều này được nói ra, gia chủ Citta đã nói với các thiên thần: “Đó cũng là vô thường; đó cũng là bất ổn; người ta nên dẹp bỏ luôn ước muốn đó để ra đi.” Khi điều này được nói ra, những bạn bè và đồng sự, những người thân và họ hàng của gia chủ Citta đã nói với ông rằng: “Này gia chủ, hãy thiết lập sự chánh-niệm. Đừng nói lảm nhảm gì nữa.” - “Này, tôi đã nói gì khiến các người nói với tôi như vậy.” “Ông mới nói với chúng tôi: ‘Đó cũng là vô thường; đó cũng là bất ổn; người ta nên dẹp bỏ luôn ước muốn đó để ra đi.’ - “Tôi nói vậy là vì mới có các thiên thần điền viên, thiên thần rừng, thiên thần cây, và thiên thần sống trong cây dược thảo và sống trong cây đại thụ trong rừng, họ đã tề tựu ở đây, và nói với tôi: ‘Này gia chủ, hãy ước nguyện như vầy: ‘Cầu cho tôi sau này trở thành một vị vua quay chuyển bánh xe!’ Cho nên tôi mới nói với họ rằng: ‘Đó cũng là vô thường; đó cũng là bất ổn; người ta nên dẹp bỏ luôn ước muốn đó để ra đi.’” “Thưa gia chủ, do nhìn thấy lợi ích gì mà các thiên thần đã nói với gia chủ như vậy?” - “Các thiên thần có ý nghĩ như vầy: ‘Gia chủ Citta này là đức-hạnh, thuộc tính-cách thiện. Nếu ông ấy ước: ‘Cầu cho tôi sau này trở thành một vị vua quay chuyển bánh xe!’—thì nhờ ông ấy có đức-hạnh, thì ước- nguyện này sẽ thành nhờ vào sự trong-sạch (thanh tịnh) của nó. Một vị vua chân chính của sự chân chính sẽ chu cấp những sự cúng dường chân chính.’330

Sau khi nhìn thấy sự lợi ích này nên các thiên thần đã tề tựu đến đây và nói với tôi: ‘Này gia chủ, hãy ước nguyện như vầy: ‘Cầu cho tôi sau này trở thành một vị vua quay chuyển bánh xe!’ Và tôi mới nói với họ



rằng: ‘Đó cũng là vô thường; đó cũng là bất ổn; người ta nên dẹp bỏ luôn ước muốn đó để ra đi.’” “Vậy thì hãy khởi xướng (chỉ giáo) cho chúng tôi luôn, này gia chủ.” - “Bởi vậy, các người nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ có- được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vầy: “Đức Thế Tôn đó là bậc A- la-hán [đã tu-thành] và bậc Toàn Giác [đã giác ngộ toàn thiện], đã thành tựu về trí-biết đích thực (chân trí, minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành (thiện thệ), bậc hiểu biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ [Phật], bậc Thế Tôn.”’ “‘Chúng ta sẽ có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vầy: “Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.”’ “‘Chúng ta sẽ có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vầy: “Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, đang tu tập cách thức chánh trực, đang tu tập cách thức đích thực, đang tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại người— Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất (phước điền vô thượng) trong thế gian.”’ “‘Trong gia đình chúng ta có bất cứ thứ gì có thể cho đi, chúng ta có thể chia sẻ tất cả những thứ đó với những người đức-hạnh, có tính-cách thiện.’ Chính theo cách như vậy các người nên tu tập bản thân.” Rồi, sau khi đã tạo cảm hứng về niềm-tin vào Phật, Pháp, Tăng cho những người bạn bè và đồng sự, những người thân và họ hàng của mình, và sau khi đã khởi xướng cho họ về sự rộng lòng bố-thí như vậy,331 gia chủ Citta đã qua đời. (SN 41:10)



Chương 42.

Liên Kết TRƯỞNG THÔN (42 Gāmaṇisa-saṃyutta) (42 Tương ưng Thôn Trưởng)





1 Trưởng Thôn Caṇḍa Ở Sāvatthī. Lúc đó có người được gọi là trưởng thôn Caṇḍa Hung Dữ332 đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao một số người ở đây được quy là hung dữ? Và cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao có người ở đây được quy là hiền từ?”333 “Ở đây, này trưởng thôn, có người chưa dẹp bỏ tham. Bởi vì người đó chưa dẹp bỏ tham, nên người khác kích chọc. Do bị người khác kích chọc, nên người đó thể hiện sự kích động phẫn nộ: nên người đó được quy là người hung dữ. Người đó chưa dẹp bỏ sân. Bởi vì người đó chưa dẹp bỏ sân, nên người khác kích chọc. Do bị

người khác kích chọc, nên người đó thể hiện sự kích động phẫn nộ: nên người đó được quy là người hung dữ. Người đó chưa dẹp bỏ si. Bởi vì người đó chưa dẹp bỏ si, nên người khác kích chọc. Do bị người khác kích chọc, nên người đó thể hiện sự kích động phẫn nộ: nên người đó được quy là người hung dữ. “Này trưởng thôn, đây là nguyên nhân và lý do tại sao có người ở đây được quy là hung dữ. “Ở đây, này trưởng thôn, có người đã dẹp bỏ tham. Bởi vì người đó đã dẹp bỏ tham, nên người khác không kích chọc. Do không bị người khác kích chọc, nên người đó đâu cớ gì thể hiện sự kích động phẫn nộ: nên người đó được quy là người hiền từ. Người đó đã dẹp bỏ sân, nên người khác không kích chọc. Do không bị người khác kích chọc, nên người đó đâu cớ gì thể hiện sự kích động phẫn nộ: nên người đó được quy là người hiền từ. Người đã dẹp bỏ si, nên người khác không kích chọc. Do không bị người khác kích chọc, nên người đó đâu cớ gì thể hiện sự kích động phẫn nộ: nên người đó được quy là người hiền từ. “Này trưởng thôn, đây là nguyên nhân và lý do tại sao có người ở đây được quy là hiền từ.



Khi điều này được nói ra, trưởng thôn Caṇḍa đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Giáo Pháp đã được làm sáng tỏ theo nhiều cách bởi đức Thế Tôn, cứ như đức Thế Tôn đã dựng đứng lại những thứ đã bị chúi đầu, phơi bày những điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong bóng tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, và theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn. Kể từ nay mong đức Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.” (SN 42:01)

2 Trưởng Đoàn Talapuṭa Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó có ông Talapuṭa là trưởng đoàn kịch334 đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con nghe những tổ sư kịch sư thời trước giờ nói rằng: ‘Nếu một diễn viên trong nhà hát hay hội hát làm vui và giải trí mọi người bằng những diễn xuất (điệu bộ, biểu cảm, lời nói …) thật và giả,335 thì khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cười.’ Đức Thế Tôn nói sao về điều này?” “Đủ rồi, ông trưởng đoàn, cứ vậy đi! Đừng hỏi ta về điều đó!” Lần thứ hai và lần thứ ba ông trưởng đoàn Talapuṭa lại thưa: “Thưa đức Thế Tôn, con nghe … Đức Thế Tôn nói sao về điều này?” “Này ông trưởng đoàn, chắc ta vẫn chưa làm ông thông hiểu336 khi ta nói ‘Đủ rồi, ông trưởng đoàn, cứ vậy đi! Đừng hỏi ta về điều đó!’. Nhưng dù vậy ta vẫn trả lời cho ông. Trong nhà hát hay hội hát, giữa những chúng sinh chưa hết tham, là những người bị trói buộc bởi sự trói buộc của tham, một diễn viên làm vui họ bằng những diễn xuất khêu khích



(cảm xúc) thì càng kích thích họ tham mạnh hơn. Trong nhà hát hay hội hát, giữa những chúng sinh chưa hết sân, là những người bị trói buộc bởi sự trói buộc của sân, một diễn viên làm vui họ bằng những diễn xuất khêu khích thì càng kích thích họ sân mạnh hơn. Trong nhà hát hay hội hát, giữa những chúng sinh chưa hết si, là những

người bị trói buộc bởi sự trói buộc của si, một diễn viên làm vui họ bằng những diễn xuất khêu khích thì càng kích thích họ si mạnh hơn. “Như vậy, tự mình bị say sưa (chuốc say) và lơ tâm phóng dật, sau khi còn làm cho người khác say sưa và lơ tâm phóng dật, thì khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong ‘Địa Ngục Cười’.337 Nhưng nếu ai cứ chấp theo quan-điểm là: ‘Nếu một diễn viên trong nhà hát hay hội hát làm vui và giải trí mọi người bằng những diễn xuất thật và giả, thì khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cười’—thì đó là một quan-điểm sai lầm của người đó. Đối với một người có quan-điểm sai lầm (tà kiến), ta nói, thì chỉ có một trong hai nơi-đến, đó là: địa ngục hoặc cõi súc sinh.”338 Khi điều này được nói ra, ông trưởng đoàn kịch Talapuṭa đã òa khóc với nước mắt hai hàng. [đức Thế Tôn đã nói:] “Chính vậy ta đã không nói thẳng với ông khi ta nói: ‘Đủ rồi, này trưởng đoàn. Cứ để vậy! Đừng hỏi ta điều đó!’” “Thưa Thế Tôn, không phải con đang khóc vì điều Thế Tôn mới nói với con, mà bởi vì con đã bị gài, bị gạt và bị lừa từ lâu bởi những tổ sư kịch sư trước giờ đã luôn nói: ‘Nếu một diễn viên trong nhà hát hay hội hát làm vui và giải trí mọ



theo đức Thế Tôn, và theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn. Thưa Thế Tôn, con xin được thụ giới xuất-gia dưới đức Thế Tôn, con xin được thụ giới cao-hơn có được không?” Rồi trưởng đoàn kịch Talapuṭa đã thụ nhận giới xuất-gia dưới đức Thế Tôn, ông ta cũng thụ giới cao-hơn (toàn-bộ giới, đại thọ giới, thành Tỳ kheo). Và không lâu sau khi thầy Talapuṭa thụ giới cao-hơn, thầy ấy sống một mình, thu mình (lui về), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định … Và thầy Talapuṭa đã trở thành một trong những vị A-la-hán. (SN 42:02)

3 Trưởng Đoàn Yodhājīva Lúc đó có một trưởng đoàn chiến binh đánh thuê tên là ‘Yodhājīva Giết Thuê’339 đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con nghe những tổ sư chiến sư đánh giết thuê thời trước giờ nói rằng: ‘Khi một người đánh giết thuê là người nỗ lực xông pha trong trận chiến, nếu người khác giết anh ta và kết liễu anh ta, thì khi thân tan rã, sau khi chết, anh ta được tái sinh trong số những thiên thần liệt sĩ.’340 Đức Thế Tôn nói sao về điều này?” “Đủ rồi, ông trưởng đoàn, cứ vậy đi! Đừng hỏi ta về điều đó!” Lần thứ hai và lần thứ ba ông trưởng đoàn Yodhājīva lại thưa: “Thưa Thế Tôn, con nghe những người đánh thuê giết thuê … được tái sinh trong số những thiên thần liệt sĩ.’ Đức Thế Tôn nói sao về điều này?” “Này ông trưởng đoàn, chắc ta vẫn chưa làm ông thông hiểu khi ta nói ‘Đủ rồi, ông trưởng đoàn, cứ vậy đi! Đừng hỏi ta về điều đó!’ Nhưng dù vậy ta vẫn trả lời cho ông. Này ông trưởng đoàn, một người đánh giết thuê là người nỗ lực xông pha trong trận chiến, tâm trí của người đó đã là thấp kém, đồi bại, bị ý nghĩ tà đạo dẫn dắt: ‘Cầu cho lũ chúng sinh này bị giết, bị tàn sát, bị hủy diệt, bị tiêu diệt, hay bị diệt vong.’ Nếu người khác giết

anh ta và kết liễu anh ta, thì khi thân tan rã, sau khi chết, anh ta sẽ bị tái sinh trong 'Địa Ngục Tử Trận'.341 Nhưng ai cứ chấp theo quan-điểm là: 'Khi một người đánh giết thuê là người nỗ lực xông pha trong trận chiến, nếu người khác giết anh ta và kết liễu anh ta, thì khi thân tan rã, sau khi chết, anh ta được tái sinh trong số những thiên thần liệt sĩ'—thì đó là quan-điểm sai lầm của người đó. Đối với ai có quan-điểm sai lầm (tà kiến), ta nói, thì chỉ có một trong hai nơi-đến, đó là: địa ngục hay cõi súc sinh." Khi điều này được nói ra, ông trưởng đoàn kịch Yodhājīva đã òa khóc với nước mắt hai hàng. [đức Thế Tôn đã nói:] "Chính vậy ta đã không nói thẳng với ông khi ta nói: 'Đủ rồi, này trưởng đoàn. Cứ để vậy! Đừng hỏi ta điều đó!'" "Thưa Thế Tôn, không phải con đang khóc vì điều Thế Tôn mới nói với con, mà bởi vì con đã bị gài, bị gạt và bị lừa từ lâu bởi những tổ sư chiến sư đánh giết thuê thời trước giờ đã luôn nói: 'Khi một người đánh giết thuê là người nỗ lực xông pha trong trận chiến, nếu người khác giết anh ta và kết liễu anh ta, thì khi thân tan rã, sau khi chết, anh ta được tái sinh trong số những thiên thần liệt sĩ.' "Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Thật hay khéo, thưa Thế Tôn … Kể từ hôm nay mong Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời." (SN 42:03)

4 Trưởng Đoàn Hatthāroha Lúc đó có ông Hatthāroha là trưởng đoàn Tượng Binh (chiến binh dùng voi) … [Lời kinh gốc bị bỏ mất, và kết thúc bằng câu cuối như kinh kế trên]: " … là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

(SN 42:04)



5 Trưởng Đoàn Assāroha Lúc đó có ông Assāroha là trưởng đoàn Kỵ Binh (chiến binh dùng ngựa) đã đến gặp đức Thế Tôn … và thưa: [Phần còn lại giống hệt kinh 42:03 ở trên, chỉ khác 'chiến binh đánh giết thuê' được thay bằng 'kỵ binh'.]

(SN 42:05)

6 Trưởng Thôn Asibandhakaputta Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Nālandā, trong khu Vườn Xoài của ông Pāvārika. Rồi ông trưởng thôn tên Asibandhakaputta đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, những bà-la-môn ở miền tây—là những người luôn mang theo bình nước, mang vòng hoa làm từ cây cỏ dưới nước (cây thủy sinh), đắm mình trong nước, và thờ lửa thiêng—họ được cho là có khả năng dẫn người chết hướng thượng, dẫn dắt người đó theo đó, và đưa người đó lên thiên đàng.342 Nhưng đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác thì có khả năng làm cho (những người trong) toàn thế gian này, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời." (1) "Ra vậy, này trưởng thôn, vậy ta sẽ hỏi ông về điều này. Cứ trả lời ta nếu thấy được. Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ví dụ có người ở đây sát-sinh, gian-cắp (trộm, cướp, lừa, gian, lận, tham nhũng …), tà-dâm tà dục (tính dục bất chính), nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt- gỏng nạt nộ, nói tầm-phào tán dóc, là người thèm-khát, đầy ác-ý, và chấp giữ cách-nhìn sai trái (tà kiến). Rồi có đám đông người đến và bu quanh ông ta, rồi họ cầu nguyện vì ông ta, tán tụng vì ông ta, và chấp

tay kính cẩn đi vòng quanh (đi nhiễu quanh) và khấn vái như vầy: ‘Cầu cho người này khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành,



thậm chí trong một cõi trời.’. Ông nghĩ sao, này trưởng thôn, do nhờ có đám đông người đến và bu quanh ông ta, rồi họ cầu nguyện vì ông ta, tán tụng vì ông ta, và chấp tay kính cẩn đi quanh, và khấn vái như vậy, cho nên ông ta sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời, phải không?” “Không đâu, thưa Thế Tôn” “Này trưởng thôn, giả sử một người quăng một tảng đá to xuống một ao nước sâu. Rồi có đám đông người đến và bu quanh nó, rồi họ cầu nguyện vì nó, tán tụng vì nó, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khấn vái như vầy: ‘Hãy nổi lên, này tảng đá! Hãy trồi lên, này tảng đá! Hãy nhảy lên bờ cao, này tảng đá!’ Ông nghĩ sao này gia chủ? Do nhờ có đám đông người đến và bu quanh ông ta, rồi họ cầu nguyện, tán tụng, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khấn vái như vậy, cho nên tảng đá sẽ nổi lên, trồi lên, và nhảy lên bờ cao, phải không?” “Không đâu, thưa Thế Tôn” “Cũng giống như vậy, này trưởng thôn, nếu một người sống sát-sinh … và chấp giữ cách-nhìn sai trái, thì dù có đám đông người đến và bu quanh ông ta, rồi họ cầu nguyện, tán tụng, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khấn vái như vậy, thì người đó, khi thân tan rã, sau khi chết, cũng sẽ bị tái sinh vào cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong một cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. (2) “Ông nghĩ sao, này trưởng thôn? Ví dụ có người ở đây sống kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ tà-dâm tà dục, kiêng cữ nói-dối nói láo, kiêng cữ nói lời gây chia-rẽ, kiêng cữ nói lời gắt-gỏng nạt nộ, kiêng cữ nói tầm-phào tán dóc; là người không thèm-khát, không ác-ý, nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Rồi có đám đông người đến và bu quanh ông ta, rồi họ cầu nguyện vì ông ta, tán tụng vì ông ta, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khấn vái như vầy: ‘Cầu mong cho người này, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.’. Ông



nghĩ sao, này trưởng thôn, do có đám đông người đến và bu quanh ông ta, rồi họ cầu nguyện, tán tụng, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khấn vái như vậy, cho nên người đó, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh vào cảnh giới đày đọa … trong địa ngục, phải không ?” “Không đâu, thưa Thế Tôn.” “Này trưởng thôn, giả sử một người nhấn chìm một hũ bơ hay một hũ dầu xuống một ao nước sâu, sau đó lấy đồ đập bể hũ ra. Những miếng bể và mảnh vỡ đều chìm xuống dưới, nhưng bơ hay dầu đều nổi lên trên. Rồi lại có đám đông người đến và bu quanh nó, rồi họ cầu nguyện vì nó, tán tụng vì nó, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khấn vái như vầy: ‘Hãy ngoan ngoãn chìm xuống, này bơ này dầu! Hãy lặn xuống, này bơ này dầu! Hãy lắng xuống, này bơ này dầu!’ Ông nghĩ sao, này trưởng thôn? Do nhờ có đám đông người đến và bu quanh nó, rồi họ cầu nguyện, tán tụng, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khấn vái như vậy, cho nên bơ hay dầu đó sẽ chìm xuống, lặn xuống, và lắng xuống, phải không?” “Không đâu, thưa Thế Tôn.” “Cũng giống như vậy, này trưởng thôn, nếu một người sống kiêng cữ sát-sinh … và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn, thì dù có đám đông người

đến và bu quanh người đó, rồi họ cầu nguyện, tán tụng, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khấn vái như vậy, thì người đó, khi thân tan rã, sau khi chết, cũng sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời." Sau khi điều này được nói ra, ông trưởng thôn Asibandhakaputta đã thưa với đức Thế Tôn: "Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! … Kể từ hôm nay mong Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời." (SN 42:06)

7 Ví Dụ Miếng Ruộng

Chương 42 Liên Kết TRƯỞNG THÔN • 313

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Nālandā, trong khu Vườn Xoài của ông Pāvārika. Rồi ông trưởng thôn tên Asibandhakaputta đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, có phải bậc Thế Tôn sống bi-mẫn đối với tất cả mọi chúng sinh, đúng không?" "Đúng vậy, này trưởng thôn, Như Lai sống bi-mẫn đối với tất cả mọi chúng sinh." "Thưa Thế Tôn, vậy tại sao Thế Tôn chỉ dạy Giáo Pháp một cách thấu suốt cho một số người, nhưng không chỉ dạy thấu suốt cho những người khác?" (1) "Ra vậy, này trưởng thôn, ta sẽ hỏi ông điều này. Cứ trả lời nếu ông thấy được. Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ví dụ một nông dân ở đây có ba miếng ruộng: một miếng rất tốt, một miếng trung bình, và một miếng xấu—toàn đất cằn, bị nhiễm mặn, thế đất tệ. Ông nghĩ sao, này trưởng thôn? Nếu người nông dân đó muốn gieo hạt, ông ta sẽ gieo ở đâu trước: trên miếng tốt, miếng trung bình, hay miếng xấu—toàn đất cằn, bị nhiễm mặn, thế đất tệ?" "Thưa Thế Tôn, nếu người nông dân đó muốn gieo hạt, ông ta sẽ gieo trên miếng tốt trước tiên. Sau khi gieo hạt xong ở đó, có thể ông ta sẽ gieo hạt trên miếng trung bình. Sau khi gieo hạt ở đó, ông có thể gieo hoặc không gieo trên miếng đất xấu—toàn đất cằn, bị nhiễm mặn, thế đất tệ. Vì lý do gì? Bởi vì chí ít số hạt đó còn có thể dùng làm thức ăn cho gia súc." (vì có gieo trên miếng ruộng xấu đó cũng toàn vô ích) "Này trưởng thôn, miếng ruộng tốt giống như những Tỳ kheo và Tỳ kheo ni đối với ta. Ta chỉ dạy cho họ Giáo Pháp tốt ở đầu, tốt ở giữa và tốt ở cuối, bằng câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; ta cho (họ) thấy đời sống tâm linh được toàn thiện và thanh khiết. Vì lý do gì? Bởi vì họ sống có ta là hòn đảo của họ, có ta là nơi trú ẩn của họ, có ta là người bảo hộ của họ, có ta là nơi nương tựa của họ.

314 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 4

"Rồi, này trưởng thôn, miếng ruộng trung bình giống như những đệ tử tại gia nam và nữ đối với ta. Đối với họ ta cũng chỉ dạy Giáo Pháp tốt ở đầu, tốt ở giữa và tốt ở=cuối, bằng câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; ta cũng cho thấy

Chương 42 Liên Kết TRƯỞNG THÔN • 315

ý nghĩa đúng đắn; ta cho thấy đời sống tâm linh được toàn thiện và thanh khiết. Vì lý do gì? Bởi vì họ sống có ta là hòn đảo của họ, có ta là nơi trú ẩn của họ, có ta là người bảo hộ của họ, có ta là nơi nương tựa của họ. "Rồi, này trưởng thôn, (b) bình nước không bị nứt nhưng nó để rỉ nước ra và thất thoát giống như những đệ tử tại gia nam và nữ đối với ta. Đối với họ ta cũng chỉ dạy Giáo Pháp tốt ở đầu, tốt ở giữa và tốt ở cuối,

bằng câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; ta cho thấy đời sống tâm linh được toàn thiện và thanh khiết. Vì lý do gì? Bởi vì họ sống có ta là hòn đảo của họ, có ta là nơi trú ẩn của họ, có ta là người bảo hộ của họ, có ta là nơi nương tựa của họ. “Rồi, này trưởng thôn, (c) bình nước bị nứt và nó để nước rỉ ra và thất thoát giống như những tu sĩ, bà-la-môn, và các du sĩ giáo phái khác đối với ta. Đối với họ ta cũng chỉ dạy Giáo Pháp tốt ở đầu, tốt ở giữa và tốt ở cuối, bằng câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; ta cũng cho thấy đời sống tâm linh được toàn thiện và thanh khiết. Vì lý do gì? Bởi vì chí ít nếu họ chỉ hiểu được một câu ta nói, thì điều đó cũng dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ.” Sau khi điều này được nói ra, ông trưởng thôn Asibandhakaputta đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! … Kể từ hôm nay mong Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.” (SN 42:07)

8 Người Thổi Kèn Vỏ Ốc Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở vùng Nālandā, trong khu Vườn Xoài của gia chủ Pāvārika. Lúc đó có ông trưởng thôn Asi- bandhakaputta, một đệ tử tại gia của những người Ni-kiền-tử (nigaṇṭha),343 đã đến gặp đức Thế Tôn … Rồi đức Thế Tôn mới nói với ông khi ông đang ngồi một bên:



“Thưa ngài, như trong trường hợp người gian-cắp … người tà-dâm tà dục … người nói-dối nói láo, nếu so sánh thời gian, dù là ban ngày hay ban đêm, thì thời gian ông ta đang lấy trộm lấy cắp … đang tà-dâm tà dục … đang nói-dối nói láo là ít thường xuyên, thời gian ông ta không làm những điều đó là thường xuyên hơn.” - “Như vậy, này trưởng thôn, nếu đúng là mỗi người bị dẫn dắt [tái sinh] tùy theo cách mình thường xuyên sống, thì theo như lời của Ni-kiền- tử Nātaputta, sẽ không có ai bị rớt trong cảnh giới đày đọa, bị rớt trong địa ngục. (2) “Ở đây, này trưởng thôn, có đạo sư nắm giữ một giáo thuyết và quan-điểm như vầy: ‘Ai sát-sinh … Ai gian-cắp … Ai tà-dâm tà dục … Ai nói-dối nói láo thì bị rớt vào cảnh giới khổ đau, bị rớt vào địa ngục.’ Rồi có đệ tử có toàn niềm-tin vào vị đạo sư. Người đệ tử đó nghĩ rằng: ‘Sư thầy của ta nắm giữ một giáo thuyết và quan-điểm như vầy: “Ai sát-sinh thì bị rớt vào cảnh giới khổ đau, bị rớt vào địa ngục.” Giờ ta đã từng sát- sinh, vậy ta ắt sẽ bị rớt trong cảnh giới đày đọa, bị rớt trong địa ngục.’ Đệ tử đó cứ khăng khăng một quan-điểm như vậy. Nếu người đó không dẹp bỏ sự khăng khăng đó và trạng thái tâm đó, và nếu người đó không từ bỏ quan-điểm đó, thì đáng theo điều người đó cứ chấp, người đó sẽ rớt trong địa ngục, như thể bị tống xuống đó.344 - “Người đệ tử đó nghĩ rằng: ‘Sư thầy của ta nắm giữ một giáo thuyết và quan-điểm như vầy: “Ai gian-cắp … Ai tà-dâm tà dục … Ai nói-dối nói láo thì bị rớt vào cảnh giới khổ đau, bị rớt vào địa ngục.” Giờ ta đã từng tà-dâm tà dục … từng lấy trộm lấy cắp … từng nói-dối nói láo, vậy ta ắt sẽ bị rớt trong cảnh giới đày đọa, bị rớt trong địa ngục.’ Người đệ tử cứ khăng khăng một quan điểm như vậy. Nếu người đó không dẹp bỏ sự khăng khăng đó và trạng thái tâm đó, và nếu người đó không từ bỏ quan điểm đó, thì đáng theo những gì người đó chấp, người đó sẽ rớt trong địa ngục, như thể bị tống xuống đó. (3) “Nhưng, này trưởng thôn, ở đây một Như Lai khởi sinh trong thế gian, là bậc A-la-hán [đã tu-thành] và bậc Toàn Giác [đã giác ngộ toàn

thiện], đã thành tựu về trí-biết đích thực (chân trí, minh) và đức-hạnh, là bậc phúc-lành (thiện thệ), bậc hiểu-biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ [Phật], bậc Thế Tôn. Theo nhiều cách Như Lai chê trách và phê phán việc sát-sinh và Như Lai nói: 'Hãy kiêng cữ sát-sinh'. Như Lai chê trách và phê phán việc gian-cắp và Như Lai nói: 'Hãy kiêng cữ gian-cắp'. Như Lai chê trách và phê phán việc tà- dâm tà dục và Như Lai nói: 'Hãy kiêng cữ việc tà-dâm tà dục'. Như Lai chê trách và phê phán việc nói-dối nói láo và Như Lai nói: 'Hãy kiêng cữ nói-dối nói láo'. - "Rồi một đệ tử có đầy đủ niềm-tin vào Vị Thầy. Người đệ tử đó nghĩ rằng: 'Theo nhiều cách đức Thế Tôn chê trách và phê phán việc sát-sinh và đức Thế Tôn nói: "Hãy kiêng cữ sát-sinh". Giờ ta đã từng sát-sinh như vậy và như vậy. Điều đó là không đúng; điều đó là bất thiện. Nhưng cho dù ta có hối tiếc tới mức nào, thì việc làm xấu ác (tà nghiệp) đó cũng đâu thể nào rút lại (hoàn tác, xí xóa) được.' Sau khi đã suy xét như vậy, người đệ tử dẹp bỏ việc sát-sinh, và người đó kiêng cữ mọi sự sát-sinh trong tương lai. Như vậy là có sự dẹp bỏ việc làm xấu ác đó;345 như vậy là có sự chuyển hóa vượt khỏi việc làm xấu ác đó. - "Người đệ tử đó nghĩ rằng: 'Theo nhiều cách đức Thế Tôn chê trách và phê phán việc gian-cắp … việc tà-dâm tà dục … việc nói-dối nói láo và đức Thế Tôn nói: "Hãy kiêng cữ gian-cắp" … "Hãy kiêng cữ tà-dâm tà dục" … "Hãy kiêng cữ nói-dối nói láo". Giờ ta đã từng lấy trộm lấy cắp … đã từng tà-dâm tà dục … đã từng nói-dối nói láo. Điều đó là không đúng; điều đó là bất thiện. Nhưng cho dù ta có hối tiếc tới mức nào, thì việc làm xấu ác đó cũng đâu thể nào rút lại được.' Sau khi đã suy xét như vậy, người đệ tử dẹp bỏ việc gian-cắp … dẹp bỏ tà-dâm tà dục … dẹp bỏ nói-dối nói láo, và người đó kiêng cữ những việc xấu ác đó trong tương lai. Như vậy là có sự dẹp bỏ những việc làm xấu ác đó; như vậy là có sự chuyển hóa những việc làm xấu ác đó.



- "Sau khi đã dẹp bỏ việc sát-sinh, người đó kiêng cữ việc sát-sinh. Sau khi đã dẹp bỏ việc gian-cắp, người đó kiêng cữ gian-cắp. Sau khi đã dẹp bỏ việc tà-dâm tà dục, người đó kiêng cữ tà-dâm tà dục. Sau khi đã dẹp bỏ sự nói-dối nói láo, người đó kiêng cữ sự nói-dối nói láo. Sau khi đã dẹp bỏ lời nói gây chia-rẽ, người đó kiêng cữ lời nói gây chia-rẽ. Sau khi đã dẹp bỏ lời nói gắt-gỏng nạt nộ, người đó kiêng cữ lời nói gắt-gỏng nộ. Sau khi đã dẹp bỏ sự nói chuyện tầm-phào tán dóc, người đó kiêng cữ sự nói chuyện tầm-phào tán dóc. Sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-khát [tham], người đó không còn thèm-khát [bỏ tham]. Sau khi đã dẹp bỏ sự ác-ý và thù-ghét [sân], người đó có một cái tâm không còn sự ác-ý và thì-ghét [bỏ sân]. Sau khi đã dẹp bỏ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), người đó thành người có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). - "Vậy đó, này trưởng thôn, vị đệ tử thánh thiện đó—là người đã không còn thèm-khát [bỏ tham], không còn sự ác-ý và thù-ghét [bỏ sân], không còn sự ngu-mờ [bỏ si], có sự rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm—an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ), cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy bên trên, bên dưới, dọc ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó an trú bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn, bao la [được khuếch đại, mở rộng, cao rộng], vô lượng, không còn hung-dữ, không

còn ác-ý. Giống như một người giỏi thổi kèn vỏ ốc thì có thể dễ dàng gửi tín hiệu của mình (tiếng kèn) khắp bốn phương hướng; cũng giống như vậy, khi 'sự giải- thoát của tâm bằng tâm-từ' mà được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì mọi nghiệp giới hạn đã từng làm sẽ không còn nữa, không còn có nữa.346 - Người đó an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) ... v

)



thấm đẫm sự bi-mẫn ... sự tùy-hỷ ... sự buông-xả, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn thù ghét, không còn ác ý. Giống như một người giỏi thổi kèn vỏ ốc thì có thể dễ dàng gửi tín hiệu của mình (tiếng kèn) khắp bốn phương hướng; cũng giống như vậy, khi 'sự giải-thoát của tâm bằng tâm- bi' ... tâm-hỷ' ... tâm-xả' mà được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì mọi nghiệp giới hạn đã từng làm sẽ không còn nữa, không còn có nữa." Sau khi điều này được nói ra, ông trưởng thôn Asibandhakaputta đã thưa với đức Thế Tôn: : "Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! ... Kể từ hôm nay mong Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời." (SN 42:08)

9 Những Gia Đình Trong một lần đức Thế Tôn, trong khi đang đi du hành giữa xứ dân Kosala (Kiều-tất-la) cùng với một Tăng đoàn lớn nhiều Tỳ kheo, lúc đó đã đến Nālandā. Đức Thế Tôn ở Nālandā trong khu Vườn Xoài của ông Pāvārika. Bấy giờ, vào lúc đó vùng Nālandā đang gặp nạn đói, vào lúc khan kiệt, mùa màng đã bị hư hại thành đồng rạ trắng. Vào dịp đó ông Ni-kiền- tử Nātaputta (giáo chủ) cũng đang ở Nālandā với một đoàn lớn nhiều đệ tử của ông. Rồi ông trưởng thôn Asibandhakaputta, một đệ tử tại gia của những người Ni-kiền-tử, đã đến gặp Ni-kiền-tử Nātaputta, kính lễ ông, và ngồi xuống một bên. Rồi Ni-kiền-tử Nātaputta mới nói với ông ta: "Này ông trưởng thôn, hãy đi bác bỏ giáo lý của sa-môn Cồ-đàm. Rồi tin đồn tốt về ông sẽ lan truyền như vầy: 'Trưởng thôn Asibandhakaputta đã bác bỏ được giáo lý của sa-môn Cồ-đàm, một người thật uy lực và uy dũng.'" "Nhưng, thưa ngài, làm sao tôi có thể bác bỏ giáo lý của sa-môn Cồ- đàm, một người thật uy lực và uy dũng?"



"Này trưởng thôn, hãy đến gặp sa-môn Cồ-đàm và hỏi ông ta: 'Thưa ngài, có phải bậc Thế Tôn bằng nhiều cách đề cao sự cảm thông đối với các gia đình, sự bảo vệ đối với các gia đình, lòng bi mẫn đối với các gia đình?' Khi ông ta được hỏi như vậy, nếu ông ta trả lời như vầy: 'Đúng vậy, này trưởng thôn, Như Lai bằng nhiều cách đề cao sự cảm thông đối với các gia đình, sự bảo vệ đối với các gia đình, lòng bi mẫn đối với các gia đình', thì ông hỏi tiếp ông ta như vầy: 'Thưa ngài, vậy thì tại sao bậc Thế Tôn lại đi du hành với một đoàn lớn nhiều Tỳ kheo vào lúc đang có nạn đói, đang lúc khan kiệt, với mùa màng đã bị hư hại thành đồng rạ trắng?347 Đức Thế Tôn đang thực hành vì sự hủy hoại của các gia đình, vì sự khổ nạn của các gia đình, vì sự tàn hoại của các gia đình hay sao.' Khi sa-môn Cồ-đàm bị ông đặt vào thế kẹt này, thì ông ta sẽ ngậm bồ hòn đắng chứ không thể nuốt nó xuống hay nhổ nó ra." "Dạ, thưa ngài", trưởng thôn Asibandhakaputta đáp lại. Rồi ông ta đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ Ni-kiền-tử

Nātaputta, giữ ông ta hướng bên phải mình, và đi ra; và ông đến chỗ đức Thế Tôn. Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, ông ngồi xuống một bên và nói với đức Thế Tôn: “Thưa ngài, có phải bậc Thế Tôn bằng nhiều cách đề cao sự cảm thông đối với những gia đình, sự bảo hộ đối với những gia đình, sự bi mẫn đối với những gia đình?” - “Đúng vậy, này trưởng thôn, Như Lai bằng nhiều cách đề cao sự cảm thông đối với những gia đình, sự bảo hộ đối với những gia đình, sự bi mẫn đối với những gia đình.” “Vậy thì, thưa ngài, tại sao bậc Thế Tôn lại đang đi du hành cùng với một Tăng đoàn lớn các Tỳ kheo vào lúc đang có nạn đói, vào lúc khan kiệt, mùa màng đã bị hư hại thành đồng rạ trắng? Thế Tôn đang thực hành vì sự hủy hoại của các gia đình, vì sự khổ nạn của các gia đình, vì sự tàn hoại của các gia đình hay sao.” - “Này trưởng thôn, ta nhớ lại trong chín mươi mốt đại kiếp trước, nhưng không thấy có gia đình nào bị tàn hoại chỉ vì cúng dường thức ăn đã nấu. Mặt khác, những gia đình nào giàu có, có nhiều tài sản và của cải,



có nhiều vàng và bạc, có nhiều thứ sở hữu và phương tiện sinh sống, dồi dào tiền của và lúa gạo, thì tất cả họ có được như vậy là nhờ sự bố-thí, nhờ sự chân-thật, và nhờ sự tự-chủ.348 - “Này trưởng thôn, có tám nguyên-nhân và điều-kiện dẫn tới sự tàn hoại của các gia đình. Các gia đình đi đến sự tàn hoại do (i) bị vua chúa (áp bức, tịch thu), hoặc (ii) bị trộm cướp, hoặc (iii) bị hỏa hoạn, hoặc (iv) bị lũ lụt; hoặc (v) do tiền của dành dụm bị biến mất;349 (vi) hoặc do công việc làm ăn thất bại vì không tự mình nỗ lực đúng đắn; (vii) hoặc trong gia đình có kẻ hư hỏng phung phí, làm tiêu tán và làm tiêu tan tiền của; và (viii) sự vô-thường là thứ tám. Đó là tám nguyên-nhân và điều-kiện dẫn tới sự tàn hoại những gia đình. Nhưng trong khi có tồn tại tám nguyên nhân dẫn tới sự tàn hoại của những gia đình, nếu ai nói về ta như vầy: ‘Thế Tôn đang thực hành vì sự hủy hoại của các gia đình, vì sự khổ nạn của các gia đình, vì sự tàn hoại của các gia đình’, nếu người đó không dẹp bỏ lời khẳng định đó và trạng thái tâm đó, và nếu người đó không dẹp bỏ quan-điểm đó, thì người đó sẽ bị đọa xuống địa ngục.” Sau khi điều này được nói ra, trưởng thôn Asibandhakaputta đã nói với đức Thế Tôn: “Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! … Từ hôm nay mong đức Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.” (SN 42:09)

10 Trưởng Đoàn Maṇicūḷaka Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Bấy giờ, vào lúc đó đoàn tùy tùng của nhà vua đang tề tụ trong cung điện và đang ngồi với nhau thì khởi sinh cuộc nói chuyện như sau: “Vàng bạc là có thể được nhận đối với các tu sĩ tu theo người con của dân tộc Thích-ca (tức Phật); các tu sĩ tu theo người con của dân tộc Thích-ca đồng



ý nhận vàng bạc; các tu sĩ tu theo người con của dân tộc Thích-ca chấp nhận vàng bạc.” Bấy giờ, lúc đó có người trưởng đoàn tên Maṇicūḷaka cũng đang ngồi ở đó. Rồi ông Maṇicūḷaka mới nói với đoàn tùy tùng: “Đừng nói như vậy, các thầy. Vàng bạc là không

thể được nhận đối với các tu sĩ tu theo người con của dân tộc Thích-ca; các tu sĩ tu theo người con của dân tộc Thích-ca không đồng ý nhận vàng bạc; các tu sĩ tu theo người con của dân tộc Thích-ca không chấp nhận vàng bạc."350 Và ông Maṇicūḷaka đã có thể thuyết phục đoàn tùy tùng về điều này. Rồi ông Maṇicūḷaka đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, ông kể lại chuyện đã xảy ra, và nói thêm rằng: "Thưa Thế Tôn, con hy vọng khi con trả lời họ như vậy là con đã nói đúng điều đã được nói bởi Thế Tôn và không diễn dịch sai bằng điều gì trái với điều (đức Thế Tôn đã nói) đó; rằng con đã giải thích cho họ đúng theo Giáo Pháp, và không tạo ra cơ sở gì để bị (họ) phê bình." - "Chắc chắn là vậy, này ông trưởng đoàn, khi ông trả lời họ như vậy là ông đã nói đúng điều đã được nói bởi ta và không diễn dịch sai bằng điều gì trái với điều (ta đã nói) đó; rằng ông đã giải thích cho họ đúng theo Giáo Pháp, và không tạo ra cơ sở gì để bị (họ) phê bình. Bởi vì, này ông trưởng đoàn, vàng bạc là không thể được nhận đối với các tu sĩ tu theo người con của dân tộc Thích-ca; các tu sĩ tu theo người con của dân tộc Thích-ca không đồng ý nhận vàng bạc; các tu sĩ tu theo người con của dân tộc Thích-ca không chấp nhận vàng bạc. Họ đã từ bỏ vàng bạc và châu báu; họ đã từ bỏ việc sử dụng vàng bạc. Khi vàng bạc được nhận bởi bất cứ ai, thì coi như năm dây khoái-lạc giác quan (ngũ dục lạc) được nhận bởi người đó. Nếu năm dây khoái-lạc giác quan được nhận bởi ai, thì chúng ta nhất định có thể coi người đó là người không có phẩm-chất của một tu sĩ (sa-môn) hay của người tu theo người con của dân tộc Thích-ca. - "Thêm nữa, này ông trưởng đoàn, ta nói điều này: 'Rạ có thể được tìm kiếm bởi người cần rạ; gỗ có thể được tìm kiếm bởi người cần gỗ; xe



có thể được tìm kiếm bởi người cần xe; thợ có thể được tìm kiếm bởi người cần thuê thợ'. Nhưng ta không nói có phương pháp nào qua đó vàng bạc có thể được cho phép hay được tìm kiếm (bởi các Tỳ kheo)." (SN 42:10)

11 Trưởng Thôn Bhadraka Trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại một thị trấn tên là Uruvelakappa của những người dân Malla. Rồi có vị trưởng thôn tên Bhadraka đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, thật tốt lành nếu Thế Tôn dạy cho con về nguồn-gốc và sự biến-qua của khổ." - "Này ông trưởng thôn, nếu như ta dạy cho ông về nguồn-gốc và sự biến-qua của khổ trong thời quá khứ, và nói 'Điều đó đã xảy ra trong thời quá khứ' thì trong ông có thể khởi sinh nghi ngờ và bối rối. Và nếu như ta dạy cho ông về nguồn-gốc và sự biến-qua của khổ trong thời tương lai, và nói 'Điều đó xảy ra trong tương lai' thì trong ông có thể khởi sinh nghi ngờ và bối rối. Vậy nên, này ông trưởng thôn, trong khi ta đang ngồi ngay đây và ông đang ngồi ngay đây, ta sẽ dạy cho ông về nguồn-gốc và sự biến-qua của khổ. Hãy lắng nghe và ông tâm kỹ càng, ta sẽ nói." "Dạ, thưa Thế Tôn", ông Bhadraka đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:: - "Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Có người nào ở Uruvelakappa bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê chửi mà vì họ trong ông khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng?" "Dạ có những người đó, thưa Thế Tôn." - "Nhưng có người nào ở Uruvelakappa bị xử tội, bị bắt

tù, bị hình phạt, hoặc bị chê chửi mà vì họ trong ông không khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng?”351 “Dạ cũng có những người đó, thưa Thế Tôn.”



- “Vì sao vậy, này ông trưởng thôn, vì sao có những người ở Uruvelakappa khi họ bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê chửi, vì họ trong ông khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; trong khi có những người khác cũng bị như vậy thì trong ông không khởi sinh như vậy?” “Thưa Thế Tôn, những người ở Uruvelakappa khi họ bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê chửi, vì họ trong con khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng—là vì con có tham-muốn và ràng-buộc đối với những người đó. Nhưng những người khác ở Uruvelakappa khi họ bị vậy trong con không khởi sinh như vậy—là vì con không có tham-muốn và ràng-buộc đối với những người đó. - “Này trưởng thôn, bằng phương tiện là nguyên lý này mới được nhìn thấy, được hiểu ra, được chứng ngộ tức thì, được xác minh bởi ông, thì ông hãy ứng dụng phương pháp (nguyên lý) này cho quá khứ và tương lai như vầy:352 ‘Khổ nào đã khởi sinh trong quá khứ, tất cả đều do tham-dục là gốc rễ, có tham-dục là gốc rễ của nó; bởi vì tham-dục là gốc rễ của sự khổ. Khổ nào sẽ khởi sinh trong tương lai, tất cả đều do tham-dục là gốc rễ, có tham-dục là gốc rễ của nó; bởi vì tham-dục là gốc rễ của sự khổ.’” “Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn! Thật hay khéo cách điều đó đã được khẳng định bởi đức Thế Tôn: ‘Khổ nào khởi sinh, tất cả đều do tham-dục là gốc rễ, có tham-dục là gốc rễ của nó; bởi vì tham-dục là gốc rễ của sự khổ.’353 Thưa Thế Tôn, con có một người con trai tên Ciravāsi, sống ở chỗ khác. Sáng sớm con thức dậy, con gọi một người tới và nói: ‘Đi anh, đi coi Ciravāsi có khỏe mạnh an ổn không.’ Trong khi chờ tới khi người đó trở về, trong lòng con cứ buồn lo và nghĩ ngợi: ‘Cầu cho Ciravāsi không gặp sự khó khổ nào!’” - “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Nếu như Ciravāsi bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê chửi, vì điều đó trong ông có khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, phải không?”



“Thưa Thế Tôn, nếu như Ciravāsi bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê chửi, thì làm sao có thể trong con không khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng?” - “Cũng theo cách như vậy, này ông trưởng thôn, điều này có thể được hiểu rằng: ‘Điều gì khởi sinh, tất cả đều do tham-dục là gốc rễ, có tham- dục là gốc rễ của nó; bởi vì tham-dục là gốc rễ của sự khổ.’ - “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Khi chưa gặp vợ ông hoặc chưa nghe về cô ta, ông có tham-muốn, ràng-buộc, hay tình-cảm nào với cô ta không?” “Không có, thưa Thế Tôn.” - “Vậy thì, này trưởng thôn, chỉ khi ông gặp cô ta hoặc khi nghe nói về cô ta thì sự tham-muốn, sự ràng-buộc, và tình-cảm đó mới khởi sinh trong chú, phải không? “Dạ đúng, thưa Thế Tôn.” - “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Nếu như vợ ông bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê chửi, vì điều đó trong ông có khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, phải không?” “Nếu như vợ con bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chê chửi, thì đời

con coi như chẳng còn gì, thì làm sao có thể trong con không khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng?" - "Cũng theo cách như vậy, này trưởng thôn, điều này có thể được hiểu rằng: 'Khổ nào khởi sinh, tất cả đều do tham-dục là gốc rễ, có tham- dục là gốc rễ của nó; bởi vì tham-dục là gốc rễ của sự khổ.'" (SN 42:11)

12 Trưởng Thôn Rāsiya Lúc đó có ông trưởng thôn tên Rāsiya đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:



"Thưa Thế Tôn, con nghe người ta nói: 'Sa-môn Cồ-đàm phê phán tất cả mọi sự hành xác khổ hạnh. Đặc biệt ông ta quở trách và phê phán những người tự hành xác là sống thô lỗ.' Thưa Thế Tôn, có phải những người nói như vậy là đã nói đúng điều đã được nói bởi Thế Tôn và không diễn dịch sai ý đức Thế Tôn bằng điều gì trái với điều (đức Thế Tôn đã nói) đó? Họ có giải thích đúng theo Giáo Pháp để không tạo ra cơ sở nào để bị người ta phê bình, hay không?" "Này trưởng thôn, những người nói như vậy là không nói đúng điều đã được ta nói mà diễn dịch sai ý ta bằng sự sai giả và trái sự thật.

(I) "Này trưởng thôn, có hai cực đoan không nên tu dưỡng bởi người đã xuất gia tu hành, đó là: (i) sự theo đuổi hạnh-phúc nhục dục trong những khoái-lạc giác quan (dục lạc), điều đó là thấp hèn, phàm tục, là cách sống của những người phàm tục, không thánh thiện, không lợi lạc; và (ii) sự theo đuổi sự hành xác khổ hạnh, đó là đau đớn, không thánh thiện, không lợi lạc. Không ngã theo cực đoan nào, Như Lai đã giác ngộ được con đường trung-đạo, nó giúp khởi sinh sự-thấy, nó giúp khởi sinh sự-biết, nó dẫn tới sự bình-an, dẫn tới trí-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn. Và cái gì là con đường trung-đạo được giác ngộ bởi Như Lai, nó giúp khởi sinh sự-thấy … dẫn tới Niết-bàn? Đó là con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát thánh đạo); đó gồm (tám phần tu tập): chánh-kiến … chánh-định. Đây là con đường trung-đạo đã được giác ngộ bởi Như Lai, nó giúp khởi sinh sự-thấy, nó giúp khởi sinh sự-biết, nó dẫn tới sự bình- an, dẫn tới trí-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn.354

(II) "Này trưởng thôn, đây là ba loại người thụ hưởng dục-lạc [khoái-lạc giác quan] thấy có trong thế gian. Ba đó là gì?355 (1) "Ở đây, này trưởng thôn, có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách phi pháp, bằng bạo lực. Sau khi làm như vậy, người đó



không làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và không chia sẻ của-cải và không làm những việc công đức. (2) "Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách phi pháp, bằng bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức. (3) "Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách phi pháp, bằng bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và có chia sẻ của-cải và làm những việc công đức. (4) "Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách cả hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó không

làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức. (5) “Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách cả hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức. (6) “Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách cả cách hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và có chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức. (7) “Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách hợp pháp, không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó không làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức. (8) “Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách hợp pháp, không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức.



(9) “Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách hợp pháp, không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và có chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức—(tuy là tốt) Nhưng người này sử dụng tài sản trong khi bị trói buộc vào nó, mê đắm với nó, bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; không nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, không hiểu được sự thoát-khỏi nó. (10) “Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách hợp pháp, không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và có chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức—Và (còn tốt hơn nữa) người này biết sử dụng tài sản mà không bị trói buộc vào nó, không mê đắm với nó, không bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; có nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, có hiểu được sự thoát-khỏi nó.

(III) (1) “Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách phi pháp, bằng bạo lực, và (b) không làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) cũng không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ. Dựa trên 03 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a), (b), (c). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ này. (2) “Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách phi pháp, bằng bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng (c) không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 02 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a), (c). Và dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ này và được khen dựa trên 01 căn cứ này.

(3) “Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách phi pháp, bằng bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) có chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ và được khen dựa trên 02 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a). Và dựa trên 02 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b) và (c). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ này và được khen dựa trên 02 căn cứ này. (4) “Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cả cách hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực, và (b) không làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) cũng không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ. Dựa trên 03 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a), (b), (c). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ này. (5) “Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cả cách hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng (c) không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 02 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a), (c). Và dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ này và được khen dựa trên 01 căn cứ này. (6) “Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cả cách hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) có chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ và được khen dựa trên 02 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a). Và dựa trên 02 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b) và (c). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ này và được khen dựa trên 02 căn cứ này.



(7) “Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách hợp pháp, không bạo lực, và (b) không làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (a). Và dựa trên dựa trên 02 căn cứ nào người đó bị chê trách?: (b) và (c). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể được khen dựa trên 01 căn cứ này và bị chê trách dựa trên 02 căn cứ này. (8) “Trong đó, này trưởng thôn, người hưởng khoái-lạc giác quan tìm kiếm của-cải (a) theo cách hợp pháp, không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng (c) không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể bị chê trách?: (c). Và dựa trên 02 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (a) và (b). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ này và được khen dựa trên 02 căn cứ này. (9) “Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách hợp pháp, không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) có chia sẻ của-cải và làm những việc công- đức, nhưng (d) người này sử dụng tài sản trong khi bị trói buộc

vào nó, mê đắm với nó, bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; không nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, không hiểu được sự thoát-khỏi nó, thì có thể được khen dựa trên 03 căn cứ, nhưng vẫn có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể bị chê trách?: (d). Và



mê đắm với nó, không bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, hiểu được sự thoát-khỏi nó, thì có thể được khen dựa trên 04 căn cứ. Dựa trên 04 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (a), (b), (c), (d). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể được khen dựa trên 04 căn cứ này.

(IV) "Này trưởng thôn, đây là ba loại tu sĩ sống thô lỗ này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì? (1) "Ở đây, này trưởng thôn, có tu sĩ sống thô lỗ đã vì niềm-tin rời bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành với ý nghĩ như vầy: 'Có lẽ ta sẽ thành tựu một trạng thái thiện lành; có lẽ ta sẽ chứng ngộ một sự khác-biệt siêu nhân (siêu phàm, xuất chúng) của sự-biết và sự-thấy (trí biết và tầm nhìn) xứng đáng của bậc thánh.' Người đó hành xác và hành khổ bản thân, nhưng không thành tựu một trạng thái thiện lành nào, và cũng không chứng ngộ một sự khác-biệt siêu nhân nào về sự-biết và sự- thấy xứng đáng của bậc thánh.356 (2) "Rồi, này trưởng thôn, có tu sĩ sống thô lỗ đã vì niềm-tin … Người đó hành xác và hành khổ bản thân, và có thành tựu được một trạng thái thiện lành, nhưng không chứng ngộ sự khác-biệt siêu nhân nào về sự-biết và sự-thấy xứng đáng của bậc thánh. (3) "Rồi, này trưởng thôn, cũng có tu sĩ sống thô lỗ đã vì niềm-tin … Người đó hành xác và hành khổ bản thân, và có thành tựu được một trạng thái thiện lành, và cũng có chứng ngộ một sự khác-biệt siêu nhân về sự- biết và sự-thấy xứng đáng của bậc thánh.

(V) (1) "Ở đây, này trưởng thôn, có tu sĩ (a) sống thô lỗ hành xác và hành khổ bản thân, nhưng (b) không thành tựu một trạng thái thiện lành nào, và (c) cũng không chứng ngộ một sự khác-biệt siêu nhân nào về sự-biết và sự-thấy xứng đáng của bậc thánh, thì có thể bị chê trách dựa trên 03 căn



cứ. Dựa trên 03 căn cứ nào người đó có thể bị chê trách?: (a), (b), (c). Đây là tu sĩ sống thô lỗ có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ này. (2) "Ở đây, này trưởng thôn, có tu sĩ (a) sống thô lỗ hành xác và hành khổ bản thân, và (b) có thành tựu một trạng thái thiện lành, nhưng (c) không chứng ngộ một sự khác-biệt siêu nhân nào về sự-biết và sự-thấy xứng đáng của bậc thánh, thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 02 căn cứ nào người đó có thể bị chê trách?: (a) và (c). Và dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b). Đây là tu sĩ sống thô lỗ có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ này và được khen ngợi dựa 01 căn cứ này. (3) "Ở đây, này trưởng thôn, có tu sĩ (a) sống thô lỗ hành xác và hành khổ bản thân, và (b) có thành tựu một trạng thái thiện lành, và có chứng ngộ một sự khác-biệt siêu nhân của sự-biết và sự-thấy xứng đáng của bậc thánh, thì có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ và được khen dựa trên 02 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể bị chê trách?: (a). Và

dựa trên 02 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b) và (c). Đây là tu sĩ sống thô lỗ có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ này và được khen ngợi dựa 02 căn cứ này.

(VI) “Này trưởng thôn, có ba loại sự phai-mòn357 là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi những người có trí. Ba đó là gì? (1) “Có người là tham dục (tham), và do có tham dục người đó ý định gây khổ đau mình, gây khổ đau người khác, gây khổ đau cả mình và người. Khi tham dục được dẹp bỏ, thì người đó không ý định gây khổ đau mình, gây khổ đau người khác, gây khổ đau cả mình và người. Sự phai- mòn (của tham) là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi những người có trí.



(2) “Có người là đầy sự ghét (sân), và do có sự ghét người đó ý định gây khổ đau mình, gây khổ đau người khác, gây khổ đau cả mình và người. Khi sự ghét được dẹp bỏ, thì người đó không ý định gây khổ đau mình, gây khổ đau người khác, gây khổ đau cả mình và người. Sự phai- mòn (của sân) là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi những người có trí. (3) “Có người là ngu mờ (si), và do bị ngu mờ người đó ý định gây khổ đau mình, gây khổ đau người khác, gây khổ đau cả mình và người. Khi sự ngu mờ được dẹp bỏ, thì người đó không ý định gây khổ đau mình, gây khổ đau người khác, gây khổ đau cả mình và người. Sự phai-mòn (của si) là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi những người có trí. “Này trưởng thôn, đây là ba loại sự phai-mòn là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi những người có trí.” Sau khi điều này được nói ra, trưởng thôn Rāsiya đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! … Kể từ hôm nay mong Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.” (SN 42:12)

13 Trưởng Thôn Pāṭaliya Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những xứ dân Koliya (Câu-lợi) trong một thị trấn của họ có tên là Uttara. Lúc đó có ông trưởng thôn tên Pāṭaliya đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con nghe nói: ‘Sa-môn Cồ-đàm biết bùa thuật’.358 Thưa Thế Tôn, con hy vọng những người nói như vậy là nói đúng điều đã



được nói bởi Thế Tôn và không nói sai lời của đức Thế Tôn bằng điều gì trái với điều (đức Thế Tôn đã nói) đó; là họ giải thích đúng theo Giáo Pháp và không tạo cơ sở có lý nào để bị phê bình. Bởi vì chúng con không muốn nói sai lời đức Thế Tôn, thưa Thế Tôn.” - “Này trưởng thôn, những ai nói ‘Sa-môn Cồ-đàm biết bùa thuật’ là họ nói đúng điều đã được nói bởi ta và không nói sai lời của ta bằng điều gì không thật; là họ giải thích đúng theo Giáo Pháp, và không tạo cơ sở có lý nào để bị (người khác) phê bình.” “Rồi nữa, thưa Thế Tôn, chúng con đã không tin sự thật đơn giản mà những tu sĩ và bà-la-môn đã khẳng định, rằng ‘Sa-môn Cồ-đàm biết bùa thuật.’ Đúng thực sa-môn

Cồ-đàm là một nhà bùa thuật!”359 - “Này trưởng thôn, bộ hễ ai nói ‘tôi biết bùa thuật’ thì cũng đồng nghĩa ‘tôi là một nhà bùa thuật’ hay sao?” “Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Đúng vậy, thưa bậc Phúc Lành!” - “Vậy thì, này trưởng thôn, ta sẽ hỏi ông về vấn đề này. Ông cứ trả lời nếu thấy được.

(I) (1) “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ông có biết những người Koliya (Câu-lợi) có những người cai làm thuê có búi tóc thòng xuống?”360 “Con có biết, thưa Thế Tôn.” - “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Công việc của những người làm cai thuê có búi tóc thòng xuống đó là gì?” “Thưa Thế Tôn, công việc của họ là canh bắt kẻ trộm cướp cho những người Koliya và đưa tin cho những người Koliya.” - “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ông có biết những người làm cai thuê có búi tóc thòng xuống đó là có đức hạnh hay thất đức, hay không?” “Thưa Thế Tôn, con biết những người đó là thất đức, có tính khí xấu. Họ nằm trong số những người thất đức, có tính khí xấu, trong thế gian.”



- “Vậy có đúng khi nói rằng do ông Pāṭaliya biết những người làm cai thuê có búi tóc thòng xuống đó là thất đức, có tính khí xấu, nên chắc ông Pāṭaliya cũng là thất đức, có tính khí xấu, hay không?” “Không, thưa Thế Tôn. Con thì khác với những người cai thuê có búi tóc thòng xuống đó; tính khí của con và họ khác nhau.” - “Vậy nếu ông có thể biết những người làm cai thuê đó là thất đức trong khi ông không phải là thất đức; thì tương tự, Như Lai biết về bùa thuật đâu có nghĩa Như Lai là nhà bùa thuật, đúng vậy không? Ta hiểu về bùa thuật và hậu quả của nó. Và ta hiểu cách những nhà bùa thuật hành sự ra sao, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong một cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. (2) “Ta hiểu sự sát-sinh và hậu quả của nó. Và ta hiểu cách những người sát-sinh hành sự ra sao, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong một cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Ta hiểu sự gian-cắp … sự tà dục tà- dâm … sự nói-dối nói láo … sự nói lời gây chia-rẽ … sự nói lời gắt-gỏng nạt nộ … sự nói chuyện tầm-phào tán dóc … sự thèm-khát [tham] … sự ác-ý và sự ghét-thù [sân] … cách-nhìn sai lạc (tà kiến) và hậu quả của sự gian-cắp … … hậu quả của cách-nhìn sai lạc. Và ta hiểu cách những người gian-cắp … … những người nắm giữ cách-nhìn sai lạc hành sự ra sao, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong một cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.”

(II) “Có những tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết và quan-điểm này: ‘Ai sát-sinh thì nếm trải khổ đau và ưu buồn ngay trong kiếp này. Ai gian-cắp … Ai tà-dâm tà dục … Ai nói-dối nói láo thì nếm trải khổ đau và ưu buồn ngay trong kiếp này.’



(1) (a) “Nhưng chúng ta có thể thấy: có người, đeo vòng hoa và trang điểm, tắm rửa sạch sẽ và xức dầu thơm, tóc và râu được chải chuốt, thụ hưởng khoái-lạc nhục dục với những phụ nữ, giống như một ông vua. Ai thấy cũng muốn hỏi: ‘Thưa ông, ông đó đã làm gì?’ Và họ trả lời: ‘Thưa anh, ông ta đã tấn công và giết kẻ thù của nhà vua. Nhà

vua vui lòng nên ban thưởng cho ông ta như vậy. Cho nên ông ấy mới được đeo vòng hoa và trang điểm, tắm rửa sạch sẽ và xức dầu thơm, tóc và râu được chải chuốt, thụ hưởng khoái-lạc nhục dục với những phụ nữ, giống như một ông vua.' - (b) "Và chúng ta có thể thấy: có người, với hai tay bị trói chặt sau lưng bằng dây thừng chắc chắn. Đầu bị cạo và ông ta bị dẫn bước đi theo tiếng trống oái ăm từ đường này qua đường khác, từ khu này qua khu khác. Sau đó ông bị dẫn qua cửa thành phía nam, và họ chặt đầu ông ta ở phía nam khu thành. Ai thấy cũng muốn hỏi: 'Thưa ông, ông ấy đã làm gì?' Và họ trả lời: 'Thưa anh, ông ta là kẻ thù của nhà vua, và ông ta mới giết một người.' Cho nên những quan quân mới bắt ông ta và xử trảm như vậy.' - "Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ông đã từng thấy hay nghe chuyện như vậy chưa?" "Thưa Thế Tôn, chúng con đã từng thấy và nghe chuyện đó, và chúng con mới vừa nghe lại." - "Từ những chuyện như vậy, có thể nói những tu sĩ và bà-la-môn đó là đúng hay sai khi họ có quan điểm rằng: 'Ai sát-sinh thì nếm trải khổ đau và ưu buồn ngay trong kiếp này?" "Họ sai, thưa Thế Tôn." - "Nhưng những ai nói lời vô căn cứ, sai giả là có đức hạnh hay thất đức?" "Thất đức, thưa Thế Tôn."



- "Và những ai là thất đức, có tính khí xấu, thì đang hành sự đúng đắn hay sai trái?" "Họ đang hành sự sai trái, thưa Thế Tôn." - "Và những ai đang hành sự sai trái thì có quan-điểm đúng đắn hay sai lạc?" "Họ có quan-điểm sai lạc, thưa Thế Tôn." - "Như vậy có đúng khi tin vào những người có quan-điểm sai lạc?" "Không, thưa Thế Tôn." (2) (a) "Chúng ta có thể thấy: có người, được đeo vòng hoa và trang điểm … 'Thưa anh, ông ta đã tấn công kẻ thù của nhà vua và cướp đoạt của quý châu báu của họ. Nhà vua vui lòng nên ban thưởng cho ông ta như vậy …' - (b) "Và chúng ta có thể thấy: có người, với hai tay bị trói chặt sau lưng … 'Thưa anh, ông ta lấy cắp đồ trong làng hay trong rừng. Cho nên những quan quân mới bắt ông ta và xử trảm như vậy.' Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ông đã từng thấy hay nghe chuyện như vậy không?" "Thưa Thế Tôn, chúng con đã từng thấy và nghe chuyện đó, và chúng con mới vừa nghe lại." - "Từ những chuyện như vậy, có thể nói những tu sĩ và bà-la-môn đó là đúng hay sai khi họ có quan điểm rằng: 'Ai sát-sinh thì nếm trải khổ đau và ưu buồn ngay trong kiếp này?" "Họ sai, thưa Thế Tôn." … (như đoạn (1) kế trên) … - "Như vậy có đúng khi tin vào những người có quan-điểm sai lạc?" "Không, thưa Thế Tôn." (3) (a) "Chúng ta có thể thấy: có người, được đeo vòng hoa và trang điểm … 'Thưa anh, ông ta đã tà-dâm tà dục với những thê thiếp của một ông vua là kẻ thù của nhà vua này. Nhà vua này vui lòng nên ban thưởng cho ông ta như vậy …'



- (b) "Và chúng ta có thể thấy: có người, với hai tay bị trói chặt sau lưng … 'Thưa anh, ông ta đã tà-dâm tà dục với mấy phụ nữ và hầu nữ của những gia đình đàng hoàng. Cho nên những quan quân mới bắt ông ta và xử trảm như vậy.' Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ông đã từng thấy hay nghe chuyện như vậy không?" "Thưa Thế Tôn, chúng con đã từng thấy và nghe chuyện đó, và chúng con mới vừa nghe lại." - "Từ những chuyện như vậy, có thể nói những tu sĩ và bà-la-môn đó là đúng hay sai khi họ có quan

điểm rằng: ‘Ai sát-sinh thì nếm trải khổ đau và ưu buồn ngay trong kiếp này?” “Họ sai, thưa Thế Tôn.” … - “Như vậy có đúng khi tin vào những người có quan-điểm sai lạc?” “Không, thưa Thế Tôn.” (4) (a) “Chúng ta có thể thấy: có người, được đeo vòng hoa và trang điểm … ‘Thưa anh, ông ta đã bày chuyện nói dối, nói bịa, nói nịnh để làm vui lòng nhà vua. Nhà vua vui lòng nên ban thưởng cho ông ta như vậy …’ - (b) “Và chúng ta có thể thấy: có người, với hai tay bị trói chặt sau lưng … ‘Thưa anh, ông ta đã nói dối nói lừa dụ dỗ một con trai của một gia chủ để cho anh ta trở thành hư hỏng suy đồi. Cho nên những quan quân mới bắt ông ta và xử trảm như vậy.’ Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ông đã từng thấy hay nghe chuyện như vậy không?” “Thưa Thế Tôn, chúng con đã từng thấy và nghe chuyện đó, và chúng con mới vừa nghe lại.” - “Từ những chuyện như vậy, có thể nói những tu sĩ và bà-la-môn đó là đúng hay sai khi họ có quan điểm rằng: ‘Ai sát-sinh thì nếm trải khổ đau và ưu buồn ngay trong kiếp này?” “Họ sai, thưa Thế Tôn.” …

340 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

- “Như vậy có đúng khi tin vào những người có quan-điểm sai lạc?” “Không, thưa Thế Tôn.”

(III) “Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật tuyệt vời, thưa đức Thế Tôn! Con có một nhà khách, ở đó có đủ giường chiếu, chỗ ngồi, bình nước, và đèn dầu. Khi nào có một tu sĩ hay bà-la-môn đến ở, con đều chia sẻ những gì tốt nhất con có được. Rồi có một lần, có bốn sư thầy khác nhau cùng đến ở trong nhà khách, họ có bốn quan-điểm khác nhau. [1] “Một sư thầy có giáo thuyết và quan-điểm như vầy:361 (đối với ông ta) [‘Không thứ gì (cần nên) được cho đi (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí), không thứ gì được cúng dường, không thứ gì được hiến tặng hay hy sinh; không có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu nào cho những hành động tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có chúng sinh nào được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và đi công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’]

[2] “Một sư thầy khác thì có giáo thuyết và quan-điểm như vầy: (đối với ông ta) [‘Có thứ (cần) được cho đi (và có phước quả từ việc cho đi, bố thí), có thứ được cúng dường, có thứ được dâng hiến hy sinh; có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu cho những hành động tốt và xấu; có thế giới (đời) này, có thế giới (đời) khác; có mẹ, có cha; có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’] [3] “Một sư thầy khác lại có giáo thuyết và quan-điểm như vầy:362 (đối với ông ta) [‘Khi một người hành động hoặc khiến (nói, xúi, bắt, tác động, gài) người khác hành động; khi đánh đập hoặc khiến

Chương 42  Liên Kết TRƯỞNG THÔN • 341

người khác đánh đập, khi hành hạ hoặc khiến người khác hành hạ; khi gây đau buồn hoặc khiến người khác gây đau buồn; khi áp bức hoặc khiến người khác áp bức; khi đe dọa hoặc khiến người khác đe dọa, khi sát-sinh, gian-cắp đột nhập nhà cửa, trộm cướp của cải, cướp giựt, chặn cướp ngoài đường, dụ dỗ vợ người khác, nói-dối nói láo—người làm vậy là không gây tội ác gì. Nếu, với một bánh xe có vành như lưỡi dao bén, một người làm chúng sinh trên trái đất này thành một đống thịt, thành một núi thịt, cho dù làm vậy cũng không gây tội ác gì và không có ác quả gì. Nếu một người đi dọc bờ nam sông Hằng giết và tàn sát, đánh đập và khiến người khác đánh đập, hành hạ và khiến người khác hành hạ, cho dù làm vậy cũng không gây tội ác gì và không có ác quả gì. Nếu một người đi dọc bờ bắc sông Hằng bố thí và khiến người khác bố thí, cúng dường và khiến người khác cúng dường, cho dù làm vậy cũng không tạo phước đức gì và không có phước quả gì. Bằng sự bố-thí, bằng sự thuần-phục bản thân, bằng sự kiềm-chế, bằng sự nói lời sự-thật, cho dù làm vậy cũng không tạo phước đức gì và không có phước quả gì.'] [4] "Một sư thầy khác lại có giáo thuyết và quan-điểm như vầy: (đối ông ta) ['Khi một người hành động hoặc khiến (nói, xúi, bắt, tác động, gài) người khác hành động; khi đánh đập hoặc khiến người khác đánh đập ... nói-dối nói láo—người làm vậy là gây tội ác. Nếu, với một bánh xe có vành như lưỡi dao bén, một người làm chúng sinh trên trái đất này thành một đống thịt, thành một núi thịt, làm vậy là gây ra tội ác và có ác quả. Nếu một người đi dọc bờ nam sông Hằng giết và tàn sát, đánh đập và khiến người khác đánh đập, hành hạ và khiến người khác hành hạ, làm vậy là gây ra tội ác và có ác quả. Nếu một người đi dọc bờ bắc sông Hằng bố thí và khiến người khác bố thí, cúng dường và khiến người khác cúng dường, làm vậy là tạo phước đức và có phước quả. Bằng sự bố-thí, bằng sự thuần-phục bản thân, bằng sự kiềm-chế, bằng sự nói lời sự-thật, làm vậy là tạo phước đức và có phước quả.']



"Thưa Thế Tôn, ở đây đã khởi sinh trong con sự bối rối và nghi- ngờ: 'Trong số những tu sĩ và bà-la-môn đáng kính đó ai là nói đúng, ai là nói sai?'" - "Này trưởng thôn, điều đó cũng hợp lý khi ông bị bối rối, cũng hợp lý khi ông có nghi ngờ. Sự nghi ngờ đã khởi sinh trong ông về một vấn đề còn gây bối rối đáng ngờ." "Con có niềm-tin vào đức Thế Tôn như vầy: 'Đức Thế Tôn có khả năng chỉ dạy cho con Giáo Pháp theo cách để con có thể dẹp bỏ được sự bối rối này.'"

(IV) - "Này trưởng thôn, có 'sự định-tâm của Giáo Pháp'. Nếu ông đạt được 'sự định-tâm của tâm' trong Giáo Pháp, thì ông có thể dẹp bỏ trạng thái bối rối này.363 Và, này trưởng thôn, cái gì là sự định-tâm của Giáo Pháp? (1) "Ở đây, này trưởng thôn, sau khi đã dẹp bỏ việc sát-sinh, người đệ tử thánh thiện kiêng cữ hẳn sự sát-sinh. Sau khi đã dẹp bỏ việc gian-cắp, người đệ tử thánh thiện kiêng cữ hẳn việc gian-cắp. Sau khi đã dẹp bỏ việc tà-dâm tà dục, người đệ tử thánh thiện kiêng cữ hẳn sự tà-dâm tà dục. Sau khi đã dẹp bỏ việc nói-dối nói láo, người đệ tử thánh thiện kiêng cữ hẳn sự nói-dối nói láo. Sau khi đã dẹp bỏ việc nói lời gây chia-rẽ, người đệ tử thánh thiện kiêng cữ hẳn sự nói lời gây chia-rẽ. Sau khi đã dẹp bỏ việc nói lời gắt-gỏng nạt nộ, người đệ tử thánh thiện kiêng cữ hẳn sự nói lời gắt- gỏng nạt nộ. Sau khi đã dẹp bỏ việc nói chuyện

tầm-phào tán dóc, người đệ tử thánh thiện kiêng cữ hẳn sự nói chuyện tầm-phào tán dóc. Sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-khát (tham), người đó hết thèm-muốn (hết tham). Sau khi đã dẹp bỏ sự ác-ý và sự ghét-thù (sân), người đó có một cái tâm không còn sự ác-ý (hết sân). Sau khi đã dẹp bỏ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), người đó là có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). [tu tốt phần giới-hạnh] "Rồi, này trưởng thôn, người đệ tử thánh thiện đó—là người không còn sự thèm-khát (tham), không còn sự ác-ý (sân), không còn sự ngu-mờ



(si), thường rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm—an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái [tâm từ]; và tương tự với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy phương trên, dưới, ngang dọc, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như bản thân mình, người đó an trú bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, lớn rộng, bao la [được khuếch đại, mở rộng, cao vời], vô lượng, không còn sự hung-dữ, không còn sự ác-ý. "Người đó quán xét như vầy: 'Sư thầy [1] này nắm giữ một giáo thuyết và quan-điểm như vầy: (đối với ông ta) ['Không thứ gì (cần nên) được cho đi (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí) … không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và đi công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.'] Nếu lời nói của ông thầy [1] này là đúng, thì điều đó cũng đâu thể chuyển đổi gì đối với tôi364 vì tôi không làm hại chúng sinh mạnh hay yếu nào. Cho dù lời đó đúng hay sai thì đằng nào tôi cũng nắm phần thắng (phần an toàn, lành):365 dù gì tôi cũng đã giới-hạnh về thân, lời nói, và tâm, và dù gì, khi thân tan rã, sau khi chết, tôi cũng được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.' [Khi người đó quán xét như vậy] sự hoan-hỷ được sinh ra. Khi một người được hoan-hỷ, sự khoan-khoái được sinh ra. Khi tâm được phấn khởi bởi sự khoan-khoái, tâm trở nên tĩnh-lặng. Một người tĩnh-lặng trong thân thì trải nghiệm sự hạnh-phúc. Tâm của một người hạnh-phúc trở nên đạt-định. [tu tốt phần thiền-định] "Này trưởng thôn, đây là 'sự định-tâm của Giáo Pháp'. Nếu ông đạt được 'sự định-tâm của tâm' trong Giáo Pháp, thì ông có thể dẹp bỏ trạng thái bối rối này. (2) "Rồi, này trưởng thôn, người đệ tử thánh thiện đó—là người không còn sự thèm-khát (tham), không còn sự ác-ý (sân), không còn sự ngu-mờ (si), thường rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm—an trú bao trùm



một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái [tâm từ] … không còn sự ác-ý. "Người đó quán xét như vầy: 'Sư thầy [2] này nắm giữ một giáo thuyết và quan-điểm như vầy: (đối với ông ta) ['Có thứ (cần) được cho đi (và có phước quả từ việc cho đi, bố thí) … có những tu sĩ và bà-la- môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.'] Nếu lời nói của ông thầy [2] này là đúng, thì điều đó cũng đâu thể chuyển đổi gì đối với tôi vì tôi không làm hại chúng sinh mạnh hay yếu nào. Cho dù lời đó đúng hay sai thì đằng nào tôi cũng nắm phần thắng: dù gì tôi cũng đã giới-hạnh về thân, lời nói, và tâm, và dù gì, khi thân tan rã, sau khi chết, tôi cũng được tái sinh trong một nơi-đến

tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.' [Khi người đó quán xét như vậy] sự hoan-hỷ được sinh ra. Khi một người được hoan-hỷ, sự khoan-khoái được sinh ra. Khi tâm được phấn khởi bởi sự khoan-khoái, tâm trở nên tĩnh- lặng. Một người tĩnh-lặng trong thân thì trải nghiệm sự hạnh-phúc. Tâm của một người hạnh-phúc trở nên đạt-định. [tu tốt phần thiền-định] "Này trưởng thôn, đây là 'sự định-tâm của Giáo Pháp'. Nếu ông đạt được 'sự định-tâm của tâm' trong Giáo Pháp, thì ông có thể dẹp bỏ trạng thái bối rối này. (3) "Rồi, này trưởng thôn, người đệ tử thánh thiện đó—là người không còn sự thèm-khát (tham), không còn sự ác-ý (sân), không còn sự ngu-mờ (si), thường rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm—an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái [tâm từ] … không còn sự ác-ý. "Người đó quán xét như vầy: 'Sư thầy [3] này nắm giữ một giáo thuyết và quan-điểm như vầy: (đối với ông ta) ['Khi một người hành động hoặc khiến (nói, xúi, bắt, tác động, gài) người khác hành động … —người làm vậy là không gây tội ác gì … Bằng sự bố-thí, bằng sự thuần-phục bản thân, bằng sự kiềm-chế, bằng sự nói lời sự-thật, cho dù làm vậy cũng không tạo phước đức gì và không có phước quả gì.'] Nếu



lời nói của ông thầy [3] này là đúng, thì điều đó cũng đâu thể chuyển đổi gì đối với tôi vì tôi không làm hại chúng sinh mạnh hay yếu nào. Cho dù lời đó đúng hay sai thì đằng nào tôi cũng nắm phần thắng: dù gì tôi cũng đã giới-hạnh về thân, lời nói, và tâm, và dù gì, khi thân tan rã, sau khi chết, tôi cũng được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.' [Khi người đó quán xét như vậy] sự hoan-hỷ được sinh ra. Khi một người được hoan-hỷ, sự khoan-khoái được sinh ra. Khi tâm được phấn khởi bởi sự khoan-khoái, tâm trở nên tĩnh-lặng. Một người tĩnh-lặng trong thân thì trải nghiệm sự hạnh-phúc. Tâm của một người hạnh-phúc trở nên đạt-định. [tu tốt phần thiền-định] "Này trưởng thôn, đây là 'sự định-tâm của Giáo Pháp'. Nếu ông đạt được 'sự định-tâm của tâm' trong Giáo Pháp, thì ông có thể dẹp bỏ trạng thái bối rối này. (4) "Rồi, này trưởng thôn, người đệ tử thánh thiện đó—là người không còn sự thèm-khát (tham), không còn sự ác-ý (sân), không còn sự ngu-mờ (si), thường rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm—an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái [tâm từ] … không còn sự ác-ý. "Người đó quán xét như vầy: 'Sư thầy [4] này nắm giữ một giáo thuyết và quan-điểm như vầy: (đối với ông ta) ['Khi một người hành động hoặc khiến (nói, xúi, bắt, tác động, gài) người khác hành động … —người làm vậy là gây tội ác … Bằng sự bố-thí, bằng sự thuần-phục bản thân, bằng sự kiềm-chế, bằng sự nói lời sự-thật, làm vậy là tạo phước đức và có phước quả.'] Nếu lời nói của ông thầy [4] này là đúng, thì điều đó cũng đâu thể chuyển đổi gì đối với tôi vì tôi không làm hại chúng sinh mạnh hay yếu nào. Cho dù lời đó đúng hay sai thì đằng nào tôi cũng nắm phần thắng: dù gì tôi cũng đã giới-hạnh về thân, lời nói, và tâm, và dù gì, khi thân tan rã, sau khi chết, tôi cũng được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.' [Khi người đó quán xét như vậy] sự hoan-hỷ được sinh ra. Khi một người được hoan-hỷ, sự khoan- khoái được sinh ra. Khi tâm được phấn khởi bởi sự khoan-khoái, tâm trở

nên tĩnh-lặng. Một người tĩnh-lặng trong thân thì trải nghiệm sự hạnh- phúc. Tâm của một người hạnh-phúc trở nên đạt-định. [tu tốt phần thiền- định] “Này trưởng thôn, đây là ‘sự định-tâm của Giáo Pháp’. Nếu ông đạt được ‘sự định-tâm của tâm’ trong Giáo Pháp, thì ông có thể dẹp bỏ trạng thái bối rối này.

(V) [Giống các đoạn (IV) - (1), (2), (3), (4) kế trên, chỉ khác “sự từ-ái” [tâm từ] được thay bằng “sự bi-mẫn” [tâm bi].]

(VI) [Giống các đoạn (IV) - (1), (2), (3), (4) kế trên, chỉ khác “sự từ-ái” [tâm từ] được thay bằng “sự tùy-hỷ” [tâm hỷ].]

(VII) [Giống các đoạn (IV) - (1), (2), (3), (4) kế trên, chỉ khác “sự từ-ái” [tâm từ] được thay bằng “sự buông-xả” [tâm xả].]

Khi điều này được nói ra, ông trưởng thôn Pāṭaliya đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! … Kể từ hôm nay mong Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.” (SN 42:13)

Chương 43.

Liên Kết VÔ VI (43 Asaṅkhatasa-saṃyutta) (43 Tương ưng Vô Vi)

348 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

Chương 43  Liên Kết VÔ VI • 349

NHÓM 1. NHÓM ‘THỨ NHẤT’ (Paṭhama-vagga)

1 (1) Sự Chánh-Niệm Hướng Vào Thân Ở Sāvatthī. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự vô-vi (không còn bị điều- kiện) và con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi. Hãy lắng nghe điều đó … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự vô-vi? Đó là sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây được gọi là sự vô-vi. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là ‘sự chánh-niệm hướng vào thân’:366 đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi. “Như vậy, này các Tỳ kheo, ta đã dạy cho các thầy sự vô-vi và con- đường dẫn tới trạng thái vô-vi. Này các Tỳ kheo, những gì cần làm bởi một người thầy bi-mẫn vì lòng bi-mẫn đối với những đệ tử vì mong muốn họ được phúc lợi, thì ta đã làm xong cho các thầy. Này các Tỳ kheo, đây có mấy gốc cây, kia có mấy chòi trống. Này các Tỳ kheo, hãy thiền tập, đừng lơ tâm xao lãng, đừng để sau này hối tiếc. Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.” (SN 43:01)

2 (2) Thiền Định và Thiền Quán “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự vô-vi và con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi. Hãy lắng nghe điều đó … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự vô-vi? Đó là sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây được gọi là sự vô-vi.

350 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là thiền định [sự vắng lặng] và thiền quán [sự minh sát]: đây là conđường dẫn tới trạng thái vô-vi. “Như vậy, này các Tỳ kheo, ta đã dạy cho các thầy sự vô-vi và conđường dẫn tới trạng thái

vô-vi …” (SN 43:02)

3 (3) Ý Nghĩ và Sự Soi Xét … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô- vi? Đó là sự định-tâm có ý-nghĩ và sự soi-xét (có tầm và tứ); sự định-tâm không có ý-nghĩ, chỉ có sự soi-xét (hết tầm, còn tứ); và sự định-tâm không còn ý-nghĩ và sự soi-xét (hết tầm, hết tứ):367 đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi …” (Đây là chỉ tầng thiền định thứ nhất và thứ hai) (SN 43:03)

4 (4) Sự Định Tâm Trống Không … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vôvi? Đó là sự định-tâm trống-không (tánh-không định), sự định-tâm vô dấu-hiệu (vô-tướng định), sự định-tâm vô định-hướng (vô-hướng định):368 đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi …” (SN 43:04)

5 (5) Những Nền Tảng Chánh Niệm 369 … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vôvi? Đó là bốn nền-tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ, bốn sự thiết-lập chánh- niệm): đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi …” (SN 43:05)



6 (6) Những Sự Phần Đấu Đúng Đắn … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vôvi? Đó là bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn (tứ chánh cần): đây là conđường dẫn tới trạng thái vô-vi …” (SN 43:06)

7 (7) Những Cơ Sở Năng Lực Tâm Linh … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vôvi? Đó là bốn cơ sở năng-lực tâm-linh (tứ thần túc, bốn cở sở tạo ra thần- thông): đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi …” (SN 43:07)

8 (8) Những Căn Tâm Linh … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vôvi? Đó là năm căn tâm linh (ngũ căn): đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi …” (SN 43:08)

9 (9) Những Năng Lực … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vôvi? Đó là năm năng-lực (ngũ lực): đây là con-đường dẫn tới trạng thái vôvi …” (SN 43:09)

10 (10) Những Chi Giác Ngộ



… “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vôvi? Đó là bảy yếu tố (giúp) giác-ngộ (thất giác chi): đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi …” (SN 43:10)

11 (11) Con Đường Tám Phần … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô- vi? Đó là con-đường tám phần thánh thiện (Bát Thánh Đạo): đây là con- đường dẫn tới trạng thái vô-vi. “Như vậy, này các Tỳ kheo, ta đã dạy cho các thầy sự vô-vi và con- đường dẫn tới trạng thái vô-vi. Này các Tỳ kheo, những gì cần làm bởi một người thầy bi-mẫn vì lòng bi-mẫn đối với những đệ tử vì mong muốn họ được phúc lợi, thì ta đã làm xong cho các thầy. Này các Tỳ kheo, đây có mấy gốc cây, kia có mấy chòi trống. Này các Tỳ kheo, hãy thiền tập, đừng lơ tâm xao lãng, đừng để sau này hối tiếc. Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.” (SN 43:10)

NHÓM 2. NHÓM ‘THỨ HAI’ (Paṭhama-vagga)

12 (1) Sự Vô Vi [1. Thiền Định] “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự vô-vi (không còn bị điều- kiện) và con-đường dẫn tới sự trạng thái vô-vi. Hãy lắng nghe điều đó … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự vô-vi? Đó là sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây được gọi là sự vô-vi. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là thiền-định [sự vắng-lặng]: đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi … “Như vậy, này các Tỳ kheo, ta đã dạy cho các thầy sự vô-vi và con- đường dẫn tới trạng thái vô-vi. Này các Tỳ kheo, những gì cần làm bởi một người thầy bi-mẫn vì lòng bi-mẫn đối với những đệ tử vì mong muốn họ được phúc lợi, thì ta đã làm xong cho các thầy. Này các Tỳ kheo, đây có mấy gốc cây, kia có mấy chòi trống. Này các Tỳ kheo, hãy thiền tập, đừng lơ tâm xao lãng, đừng để sau này phải hối tiếc. Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.”

[2. Thiền Quán] … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô- vi? Đó là thiền-quán [sự minh-sát]: đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi … “Như vậy, này các Tỳ kheo, ta đã dạy cho các thầy sự vô-vi và con- đường dẫn tới trạng thái vô-vi …. Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.”

[3–8. Trạng Thái Định]



[3] … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là trạng thái định-tâm có ý-nghĩ và sự soi-xét (có tầm và tứ): đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi …” (chỉ tầng thiền định thứ nhất) [4] … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là trạng thái sự định-tâm không có ý-nghĩ, chỉ có sự soi-xét (hết tầm, còn tứ): đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi …” (chỉ tầng thiền định thứ hai) [5] … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là sự định-tâm không còn ý-nghĩ và sự soi-xét (hết tầm, hết tứ): đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi …” (chỉ tầng thiền định thứ ba) [6] … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là sự định-tâm trống-không (tánh-không định): đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi …” [7] … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là sự định-tâm vô dấu-hiệu (vô-tướng định): đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi …” [8] … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là sự định-tâm không định-hướng (vô-hướng định): đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi …”

[9–12. Bốn Nền Tảng Chánh Niệm] (Thân, Những Cảm-Giác, Tâm, Những Hiện-Tượng) [9] … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm muốn (tham) và sự buồn phiền (ưu) đối với thế giới: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi …”

[10] … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát những cảm- giác trong những cảm-giác, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh- niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm muốn (tham) và sự buồn phiền (ưu) đối với thế giới: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi …” [11] … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát tâm trong tâm, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm muốn (tham) và sự buồn phiền (ưu) đối với thế giới: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi …” [12] … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp] trong những giáo pháp, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm muốn (tham) và sự buồn phiền (ưu) đối với thế giới: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi …”

[13–16. Bốn Sự Nỗ Lực Đúng Đắn] [13] … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn (i) không làm khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tính tấn), áp dụng tâm, và phấn-đấu (tinh cần): đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi …” [14] … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn (ii) dẹp bỏ những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh; người đó tạo sự cố- gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), áp dụng tâm, và phấn-đấu (tinh cần) …” [15] … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn (iii)



làm khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), áp dụng tâm, và phấn-đấu (tinh cần) …” [16] … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn (iv) duy trì liên tục những trạng thái thiện lành đã khởi sinh; mong muốn chúng không sa sút, tăng trưởng, và khuếch trương nhờ sự tu-tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), áp dụng tâm, và phấn- đấu (tinh cần): đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi …”

[17–20. Bốn Cơ Sở Thần Thông] [17] … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ sở thần thông [năng lực tâm linh] có-được sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (dục) và những sự tạo-tác cố ý của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành): đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi …” [18] … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, (ii) một Tỳ kheo tu tập cơ sở thần thông có-được sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) và những sự tạo-tác cố ý của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành) …” [19] … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các

Tỳ kheo, (iii) một Tỳ kheo tu tập cơ sở năng lực tâm linh có-được sự định-tâm nhờ tâm (tâm) và những sự tạo-tác cố ý của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành) …" [20] … "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, (iv) một Tỳ kheo tu tập cơ sở than thông có-được sự định-tâm nhờ sự điều-tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố ý của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành): đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi …"

[21–25. Năm Căn Tâm Linh]



[21] … "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo tu tập căn niềm-tin (tín căn), dựa trên sự tách-ly (sự ẩn dật, lánh trần, ẩn tu, ẩn cư, sống tách-ly, cách-ly), sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự giải-thoát: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi …" [22-25] … "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, (ii) một Tỳ kheo tu tập căn nỗ-lực (tinh tấn căn) … (iii) căn chánh-niệm (niệm căn) … (iv) căn định-tâm (định căn) … căn trí-tuệ (tuệ căn), dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự giải-thoát: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi …"

[26–30. Năm Năng Lực] [26] … "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo tu tập năng lực niềm-tin (tín lực), dựa trên sự tách-ly (ẩn dật), sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự giải-thoát: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi …" [27-30] … "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, (ii) một Tỳ kheo tu tập năng lực nỗ- lực (tinh tấn lực) … (iii) năng lực chánh-niệm (niệm lực) … (iv) năng lực định-tâm (định lực) … (v) năng lực trí-tuệ (tuệ lực), dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự giải-thoát: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi …"

[31–37. Bảy Chi Giác Ngộ] [31] … "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo tu tập 'chi giác-ngộ' (giác chi) là sự chánh-niệm (niệm), dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm- dứt, dần chín muồi tới sự giải-thoát: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi …"



[32-37] … "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, (ii) một Tỳ kheo tu tập 'chi giác-ngộ' là sự điều-tra (trạch-pháp; tìm hiểu, phân biệt những hiện-tượng) … (iii) 'chi giác-ngộ' là sự nỗ-lực (tinh tấn) … (iv) 'chi giác-ngộ' là sự hoan-hỷ (hỷ) … 'chi giác-ngộ' là sự tĩnh-lặng (khinh an) … 'chi giác-ngộ' là sự định-tâm (định) … 'chi giác-ngộ' là sự buông-xả (xả), dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự giải-thoát: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi …"

[38–45. Bát Thánh Đạo] [38] … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự giải-thoát: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi …” [39-45] … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, (ii) một Tỳ kheo tu tập ý-định đúng đắn (chánh tư duy) … (iii) lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) … (iv) hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) … (v) sự mưu-sinh đúng đắn (chánh mạng) … (vi) sự nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh tấn) … (vii) sự tâm-niệm đúng đắn (chánh niệm) … (viii) sự định-tâm đúng đắn (chánh định), dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự giải-thoát: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi. “Như vậy, này các Tỳ kheo, ta đã dạy cho các thầy sự vô-vi và con- đường dẫn tới trạng thái vô-vi. Này các Tỳ kheo, những gì cần làm bởi một người thầy bi-mẫn vì lòng bi-mẫn đối với những đệ tử vì mong muốn họ được phúc lợi, thì ta đã làm xong cho các thầy. Này các Tỳ kheo, đây có mấy gốc cây, kia có mấy chòi trống. Này các Tỳ kheo, hãy thiền tập, đừng lơ tâm xao lãng, đừng để sau này hối tiếc. Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.” (SN 43:12)

Chương 43  Liên Kết VÔ VI • 359

13 (2) Sự Không Còn Ngã-Hướng 370 “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự không còn ngã-hướng (không còn khuynh-hướng nào) và con-đường dẫn tới trạng thái không còn ngã-hướng. Hãy lắng nghe điều đó … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự không còn ngã-hướng? …” [Tiếp tục bằng toàn bộ các mẫu kinh từ 43:01 đến 43:12 ở trên. Tức là: 12 kinh trên của Chương 43 nói về “sự vô-vi” và “con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi”, giờ tất cả thay bằng “sự không còn ngã-hướng” và “con-đường dẫn tới trạng thái không còn ngã-hướng”.] 371

(SN 43:13)

14 (3)  43 (32) Sự Vô Nhiễm … “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự vô-nhiễm (không ô- nhiễm, không ố-nhiễm) và con-đường dẫn tới sự vô-nhiễm. Hãy lắng nghe điều đó … “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự-thật và con-đường dẫn tới sự thật … “Ta sẽ dạy cho các thầy bờ bên-kia (bờ xa, bỉ ngạn) … sự vi-tế … sự rất-khó nhìn-thấy được … sự không-già … sự chắc-chắn (ổn định) … sự không còn tan-rã (hết bị hoại diệt) … sự không thể-hiện (không còn hiện thị, không còn hiện hữu) … sự không bị tăng-phóng372 … sự bình-an … sự bất-tử … sự siêu-phàm … sự phước-lành … sự an-ninh … sự diệt-dục (tiêu-diệt dục-vọng) … sự kỳ-diệu … sự tuyệt vời … sự vô-bệnh … trạng thái vô-bệnh … Niết-bàn … sự không còn đau-khổ … sự chán-bỏ … sự thanh-khiết (thanh tịnh) … sự tự-do … sự không còn dính-líu … hòn-đảo … nơi trú-ẩn … nơi tị-nạn … nơi nương-tựa …” (SN 43:1443)

360 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

44 (33) Đích Đến “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy đích-đến và con-đường dẫn tới đích-đến đó. Hãy lắng nghe điều đó … “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đích-đến? Đó là sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây được gọi là đích-đến. “Và, này các

Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới đích-đến đó? Đó là ‘sự chánh-niệm hướng vào thân’: đây là con-đường dẫn tới đích-đến đó. “Như vậy, này các Tỳ





1 Khemā Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó có Tỳ kheo ni Khemā373 trong khi đang đi du hành giữa xứ dân Kosala (Kiều-tất-la), đã chọn nơi tạm trú ở Toraṇavatthu nằm giữa Sāvathī và Sāketa. Rồi Vua Pa- senadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala, trong khi đang đi từ Sāketa đến Sāvathī, cũng đã chọn nơi tạm trú một đêm ở Toraṇavatthu nằm giữa Sāketa và Sāvathī. Lúc đó Vua Pasenadi của xứ Kosala đã nói với một người như vầy: “Này khanh, hãy đi tìm coi có tu-sĩ (sa-môn) hay bà-la- môn nào đang ở Toraṇavatthu để ta có thể viếng thăm hôm nay.” “Dạ, thưa đại vương”, người đó đáp lại. Ông ta thăm dò hết cả vùng Toraṇavatthu nhưng không thấy có tu sĩ hay bà-la-môn nào ở đó để Vua Pasenadi có thể đến thăm. Tuy nhiên ông ta thấy có Tỳ kheo ni Khemā đang trú ở Toraṇavatthu, nên ông về thưa với nhà vua: “Thưa đại vương, không có tu sĩ và bà-la-môn nào có ở Toraṇavatthu để đại vương đến thăm. Nhưng, thưa đại vương, có Tỳ kheo ni tên là Khemā, một đệ tử của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Hiện những tin đồn tốt về bậc nữ tu này như vầy: ‘Ni ấy là bậc trí, giỏi giắn, thông minh, học rộng, là một người thuyết giảng hay khéo, có biện tài.’ Vậy đại vương có thể ghé thăm ni ấy.” Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala đã đến gặp Tỳ kheo ni Khemā, kính lễ ni, ngồi xuống một bên và thưa với ni ấy: (1) “Thưa đức ni, là sao, Như Lai có còn hiện hữu sau khi chết?”374 - “Này đại vương, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết.’” (2) “Vậy là, thưa đức ni, Như Lai không hiện hữu sau khi chết?” - “Này đại vương, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết.’”



(3) “Vậy là sao, thưa đức ni, Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết?” - “Này đại vương, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết.’” (4) “Vậy thì, thưa đức ni, Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết?” - “Này đại vương, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’” “Vậy là sao, thưa đức ni? Khi được hỏi: ‘Thưa đức ni, là sao, Như Lai hiện hữu sau khi chết?’ … Và khi được hỏi ‘Vậy thì, thưa đức ni, Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết?’—trong mỗi trường hợp ni đều nói: ‘Này đại vương, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này.’ + Bây giờ, thưa đức ni, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?” (*) - “Vậy thì, này đại vương, tôi sẽ hỏi đại vương cũng về vấn đề này. Cứ trả lời nếu đại vương thấy được. Này đại vương, ngài nghĩ sao? Ngài có một người tính toán, hay một kế toán, hay một nhà toán học nào có thể đếm số hạt cát của sông Hằng và nói như vầy: ‘Có rất nhiều hạt cát’ hay ‘Có rất nhiều trăm hạt cát’ hay ‘Có rất nhiều ngàn hạt cát’ hay

‘Có rất nhiều trăm ngàn hạt cát’, hay không?” “Không, thưa đức ni.” - “Vậy thì, này đại vương, ngài có một người tính toán, hay một kế toán, hay một nhà toán học nào có thể đếm số nước của đại dương và nói như vầy: ‘Có rất nhiều gàu nước’ hay ‘Có rất nhiều trăm gàu nước’ hay ‘Có rất nhiều ngàn gàu nước’ hay ‘Có rất nhiều trăm ngàn gàu nước’, hay không?” “Không, thưa đức ni. Vì lý do gì? Bởi vì đại dương là sâu thẳm, không thể đo lường, khó dò khó ước.”



- “Cũng giống như vậy,375 này đại vương, nếu ai mô tả Như Lai qua sắc-thân [sắc], thì sắc-thân đó Như Lai đã dẹp bỏ, đã cắt bỏ tận gốc, đã làm nó thành như gốc chết của cây cọ, đã xóa sổ nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai. Này đại vương, Như Lai được giải-thoát khỏi sự suy tính (tính toán, ước tính, quy tính) về mặt sắc-thân; Như Lai là sâu thẳm, không thể đo lường, khó dò khó ước, giống như đại dương kia.376 Nếu nói ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’ thì cũng không trúng được. - “Nếu ai mô tả Như Lai qua cảm-giác [thọ] … qua nhận-thức [tưởng] … qua những sự tạo-tác cố ý [hành] … qua thức [thức], thì thức đó Như Lai đã dẹp bỏ, đã cắt bỏ tận gốc, đã làm nó thành như gốc chết của cây cọ, đã xóa sổ nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai. Này đại vương, Như Lai được giải-thoát khỏi sự suy tính về mặt thức; Như Lai là sâu thẳm, không thể đo lường, khó dò khó ước, giống như đại dương kia. Nếu nói ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’ thì cũng không trúng được.” Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala, sau khi hài lòng và vui mừng với lời nói của Tỳ kheo ni Khemā, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức ni, giữ ni ở hướng bên phải mình, và đi ra. Rồi, trong một dịp sau đó, Vua Pasenadi của xứ Kosala đã đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến gặp đức Thế Tôn, ông kính lễ, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, là sao, Như Lai có còn hiện hữu sau khi chết?”



- “Này đại vương, ta đã không tuyên bố điều này: ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết.’” [Tiếp tục giống nội dung các câu trả lời như đoạn ở trên, cho tới:]

- “Này đại vương, ta đã không tuyên bố điều này: ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’” “Vậy là sao, thưa Thế Tôn? Khi được hỏi ‘Thưa Thế Tôn, là sao, Như Lai có còn hiện hữu sau khi chết?’ … Và khi được hỏi ‘Vậy thì, thưa Thế Tôn, Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết?’—trong mỗi trường hợp Thế Tôn đều trả lời: ‘Này đại vương, ta đã không tuyên bố điều này.’ + Bây giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?” (*) - “Vậy thì, này đại vương, ta sẽ hỏi đại vương cũng về vấn đề này. Cứ trả lời nếu đại vương thấy được. Này đại vương, ngài nghĩ sao? Ngài có

một người tính toán, hay một kế toán, hay một nhà toán học nào … [Tiếp tục giống nội dung mà Tỳ kheo ni Khemā đã nói ở trên, cho tới:] … … Này đại vương, Như Lai được giải-thoát khỏi sự suy tính về mặt thức; Như Lai là sâu thẳm, không thể đo lường, khó dò khó ước, giống như đại dương kia. Nếu nói 'Như Lai hiện hữu sau khi chết' thì không trúng; nếu nói 'Như Lai không hiện hữu sau khi chết' thì không trúng; nếu nói 'Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết' thì không trúng; nếu nói 'Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết' thì cũng không trúng được." "Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn! Là cách mà ý nghĩa và câu chữ của Vị Thầy và vị đệ tử trùng hợp và giống nhau, và không khác biệt nhau về vấn đề chính.377 Thưa Thế Tôn, trong một lần trước con có đến gặp Tỳ kheo ni Khemā và đã hỏi ni ấy về vấn đề này. Đức ni đó cũng đã giải thích vấn đề này bằng những từ ngữ và câu chữ y hệt như đức Thế Tôn mới dùng để giải thích. Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn! Là cách mà ý nghĩa và câu chữ của Vị Thầy và vị đệ tử trùng hợp và giống nhau, và không khác biệt nhau về vấn đề



chính. Thưa Thế Tôn, bây giờ chúng con phải đi. Chúng con đang bận bịu và có nhiều việc phải làm." "Vậy thì, này đại vương, ngài cứ tùy tiện mà đi." Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala, sau khi hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và đi ra. (SN 44:01)

2 A-nậu-lâu-đà [Kinh này giống hệt kinh SN 22:86 (Quyển 3).]

(SN 44:02)

3 Xá-lợi-phất và Câu-hy-la (1) Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Đại Câu-hi-la (Mahā- Koṭṭhita) đang sống ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ở Isipat- ana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ giới). Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Đại Câu-hi-la ra khỏi chỗ ẩn trú và đến gặp thầy Xá-lợi-phất. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và hỏi thầy Xá-lợi-phất: (1) "Là sao, này đạo hữu Xá-lợi-phất, Như Lai có còn hiện hữu sau khi chết?" [Tiếp tục nội dung giống hỏi đáp (1)-(3) trong kinh 44:01 ở trên] …

(4) "Vậy thì, này đạo hữu Xá-lợi-phất, Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết?" - "Này đạo hữu (Câu-hi-la), đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: 'Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu.'"



"Vậy là sao, này đạo hữu (Xá-lợi-phất)? Khi được hỏi 'Này đạo hữu Xá-lợi-phất, là sao, Như Lai có còn hiện hữu sau khi chết?' … Và khi được hỏi 'Vậy thì, này đạo hữu Xá-lợi-phất, Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết?'—trong mỗi trường hợp thầy đều nói: 'Này đạo hữu, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này.' + Bây giờ, này đạo hữu (Xá-lợi-phất), cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?" (*) - "Này đạo hữu (Câu-hi-la), nếu nói 'Như Lai hiện hữu sau khi chết': điều này là dính líu sắc-thân (sắc).378 'Như Lai

không hiện hữu sau khi chết': điều này là dính líu sắc-thân. 'Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết': điều này dính líu với sắc-thân. 'Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết': điều này là dính líu sắc-thân. - "Nếu nói 'Như Lai hiện hữu sau khi chết': điều này là dính líu cảm- giác (thọ) ... là dính líu nhận-thức (tưởng) ... là dính líu những sự tạo-tác cố ý (hành) ... là dính líu thức (thức), này các Tỳ kheo. Nếu nói 'Như Lai không hiện hữu sau khi chết': điều này là dính líu cảm-giác ... là dính líu thức. Nếu nói 'Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết': điều này là dính líu cảm-giác ... là dính líu thức. Nếu nói 'Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết': điều này là dính líu cảm-giác ... là dính líu thức. "Này đạo hữu (Câu-hi-la), đây là nguyên nhân và lý do điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn." (SN 44:03)

4 Xá-lợi-phất và Câu-hy-la (2) [Bắt đầu y hệt kinh 44:03, cho tới:]

+ Bây giờ, này đạo hữu (Xá-lợi-phất), cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?" (*)

Chương 44 Liên kết KHÔNG ĐƯỢC TUYÊN BỐ • 369

(1) "Này đạo hữu (Câu-hi-la), đó là những người không biết và không thấy sắc-thân (sắc) đúng như nó thực là, những người không biết và không thấy nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó, nên họ mới nghĩ rằng: 'Như Lai hiện hữu sau khi chết', hay 'Như Lai không hiện hữu sau khi chết', hay 'Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết', hay 'Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.' - "Đó là những người không biết và không thấy cảm-giác (thọ) đúng như nó thực là ... những người không biết và không thấy nhận-thức (tưởng) đúng như nó thực là ... những người không biết và không thấy những sự tạo-tác cố ý (hành) đúng như nó thực là ... những người không biết và không thấy thức (thức) đúng như nó thực là, những người không biết và không thấy nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó, nên họ mới nghĩ rằng: 'Như Lai hiện hữu sau khi chết' ... hay 'Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.' (2) "Nhưng, này đạo hữu (Câu-hi-la), những ai biết và thấy sắc-thân ... cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố ý ... thức đúng như nó thực là, những ai biết và nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con- đường dẫn tới sự chấm dứt nó, thì họ không nghĩ: 'Như Lai hiện hữu sau khi chết' ... hay 'Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.' "Này đạo hữu (Câu-hi-la), đây là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn." (SN 44:04)

5 Xá-lợi-phất và Câu-hy-la (3) [Bắt đầu y hệt kinh 44:03, cho tới:]

370 • Bộ Kinh Liên Kết QUYỂN 4

+ Bây giờ, này đạo hữu (Xá-lợi-phất), cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?" (*) (1) "Này đạo hữu (Câu-hi-la), đó là những người không hết tham-dục đối với sắc-thân (sắc), những người không hết sự tham-muốn, cảm-tình (luyến ái), sự thèm-khát, sự mê-đắm, và dục-vọng đối với

sắc-thân, nên họ mới nghĩ rằng: 'Như Lai hiện hữu sau khi chết', hay 'Như Lai không hiện hữu sau khi chết', hay 'Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết', hay 'Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.' - "Đó là những người không hết tham-dục đối với cảm-giác (thọ) ... những người không hết tham-dục đối với nhận-thức (tưởng) ... những người không hết tham-dục đối với những sự tạo-tác cố ý (hành) ... những người không hết tham-dục đối với thức (thức), những người không hết sự tham-muốn, cảm-tình, sự thèm-khát, sự mê-đắm, và dục-vọng đối với cảm-giác ... thức, nên họ mới nghĩ rằng: 'Như Lai hiện hữu sau khi chết' ... hay 'Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.' (2) "Nhưng, này đạo hữu Câu-hi-la, những ai không còn tham-dục đối với sắc-thân ... những ai không còn tham-dục đối với cảm-giác ... những ai không còn tham-dục đối với nhận-thức ... những ai không còn tham- dục đối với những sự tạo-tác cố ý ... những ai không còn tham-dục đối với thức, những ai không còn sự tham-muốn, cảm-tình, sự thèm-khát, sự mê-đắm, và dục-vọng đối với sắc-thân ... thức, thì họ không nghĩ: 'Như Lai hiện hữu sau khi chết' ... hay 'Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.' "Này đạo hữu (Câu-hi-la), đây là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn." (SN 44:05)

6 Xá-Lợi-Phất và Câu-hy-la (4)

Chương 44  Liên kết KHÔNG ĐƯỢC TUYÊN BỐ • 371

Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Câu-hi-la đang sống ở Bārāṇasī trong khu Vườn Nai ở Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ giới). Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất ra khỏi chỗ ẩn trú và đến gặp thầy Đại Câu-hi-la. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và hỏi thầy Đại Câu-hi-la: (lần này thì thầy Xá-lợi-phất hỏi, thầy Câu-hi-la trả lời)

(1) "Là sao, này đạo hữu Câu-hi-la, Như Lai có còn hiện hữu sau khi chết?" [Tiếp tục đoạn hỏi đáp y hệt kinh 44:03 kế trên, cho tới:]

+ "Bây giờ, này đạo hữu (Câu-hi-la), cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?" (*)

[i. Thích Thú Năm-Uẩn] (1) "Này đạo hữu (Xá-lợi-phất), đó là những người thích thú sắc-thân (sắc), khoái thích sắc-thân, vui thích sắc-thân, và những người không biết và không thấy sự chấm-dứt của sắc-thân đúng như nó thực là, nên họ mới nghĩ rằng: 'Như Lai hiện hữu sau khi chết' ... hay 'Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.' - "Đó là những người thích thú cảm-giác (thọ) ... những người thích thú nhận-thức (tưởng) ... những người thích thú những sự tạo-tác cố ý (hành) ... những người thích thú thức (thức), những người khoái thích cảm-giác ... thức, những người vui thích cảm-giác ... thức, và những người không biết và không thấy sự chấm-dứt của cảm-giác ... thức, nên họ mới nghĩ rằng: 'Như Lai hiện hữu sau khi chết' ... hay 'Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.' (2) "Nhưng, này đạo hữu Xá-lợi-phất, những ai không thích thú sắc- thân ... những ai không thích thú cảm-giác ... những ai không thích thú nhận-thức ... những ai không thích thú những sự

tạo-tác cố ý … những ai không thích thú thức, những ai không khoái thích cảm-giác … thức, những ai không vui thích cảm-giác … thức, và những ai biết và thấy sự



chấm-dứt của cảm-giác … thức, thì họ không nghĩ: ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ … hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’ “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, đây là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn.”

[ii. Thích Thú Sự Hiện-Hữu] “Nhưng, này đạo hữu (Câu-hi-la), có phương pháp nào khác để giải thích tại sao điều này không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?” (1) “Có, này đạo hữu (Xá-lợi-phất). Đó là những người thích thú sự hiện-hữu (hữu), những người khoái thích sự hiện-hữu, những người vui thích sự hiện-hữu, và những người không biết và không thấy sự chấm-dứt của sự hiện-hữu đúng như nó thực là, nên họ mới nghĩ rằng: ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ … hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’ (2) “Nhưng, này đạo hữu (Xá-lợi-phất), những ai không thích thú sự hiện-hữu, những ai không khoái thích sự hiện-hữu, những ai không vui thích sự hiện-hữu, và những ai biết và thấy sự chấm-dứt của sự hiện-hữu đúng như nó thực là, thì họ không nghĩ: ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ … hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’ “Này đạo hữu (Xá-lợi-phất), đây là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn.”

[iii. Thích Thú Sự Dính-Chấp] “Nhưng, này đạo hữu (Câu-hi-la), có phương pháp nào khác để giải thích tại sao điều này không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?” (1) “Có, này đạo hữu (Xá-lợi-phất). Đó là những người thích thú sự dính-chấp (thủ), những người khoái thích sự dính-chấp, những người vui thích sự dính-chấp, và những người không biết và không thấy sự chấm-dứt



của sự dính-chấp đúng như nó thực là, nên họ mới nghĩ rằng: ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ … hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’ (2) “Nhưng, này đạo hữu (Xá-lợi-phất), những ai không thích thú sự dính-chấp, những ai không khoái thích sự dính-chấp, những ai không vui thích sự dính-chấp, và những ai biết và thấy sự chấm-dứt của sự dính-chấp đúng như nó thực là, thì họ không nghĩ: ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ … hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’ “Này đạo hữu (Xá-lợi-phất), đây là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn.”

[iv. Thích Thú Dục-Vọng] “Nhưng, này đạo hữu (Câu-hi-la), có phương pháp nào khác để giải thích tại sao điều này không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?” (1) “Có, này đạo hữu (Xá-lợi-phất). Đó là những người thích thú dục- vọng (ái), những người khoái thích dục-vọng, những người vui thích dục- vọng, và những người không biết và không thấy sự chấm-dứt của dục- vọng đúng như nó thực là, nên họ mới nghĩ rằng: ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ … hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’ (2) “Nhưng, này đạo hữu (Xá-lợi-phất), những ai không thích thú dục- vọng,

những ai không khoái thích dục-vọng, những ai không vui thích dục-vọng, và những ai biết và thấy sự chấm-dứt của dục-vọng đúng như nó thực là, thì họ không nghĩ: 'Như Lai hiện hữu sau khi chết' ... hay 'Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.' "Này đạo hữu (Xá-lợi-phất), đây là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn."

[v. Còn Phương Pháp Nào Khác?]

374 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

"Nhưng, này đạo hữu (Câu-hi-la), còn có phương pháp nào khác để giải thích tại sao điều này không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?" - "Ở đây, này đạo hữu (Xá-lợi-phất), thầy còn muốn có thêm cách gì nữa (để giải thích) cho điều này? Này Đạo hữu (Xá-lợi-phất), khi một Tỳ kheo được giải-thoát nhờ sự tiêu diệt dục-vọng (ái tận), thì không còn vòng luân-hồi nào để mô tả về vị đó nữa."379 (SN 44:06)

7 Mục-kiền-liên Lúc đó có du sĩ tên Vacchagotta đến gặp Ngài Đại Mục-kiền-liên. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với thầy Mục-kiền-liên: (1) "Là sao, Thầy Mục-kiền-liên, thế giới là bất diệt?" - "Này Vaccha, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: 'Thế giới là bất diệt.'" (2) "Vậy là, Thầy Mục-kiền-liên, thế giới là không bất diệt?" - "Này Vaccha, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: 'Thế giới là không bất diệt.'" (3) "Vậy là sao, Thầy Mục-kiền-liên, thế giới là hữu hạn?" - "Này Vaccha, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: 'Thế giới là hữu hạn.'" (4) "Vậy thì, Thầy Mục-kiền-liên, thế giới là vô hạn?" - "Này Vaccha, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: 'Thế giới là vô hạn.'" (5) "Là sao, Thầy Mục-kiền-liên, linh hồn và thân xác là một?" - "Này Vaccha, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: 'Linh hồn và thân xác là một.'"

Chương 44  Liên kết KHÔNG ĐƯỢC TUYÊN BỐ • 375

(6) "Vậy là, Thầy Mục-kiền-liên, linh hồn là một thứ, thân xác là thứ khác?" - "Này Vaccha, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: 'Linh hồn là một thứ, thân xác là thứ khác.'" (7) "Vậy, Thầy Mục-kiền-liên, Như Lai hiện hữu sau khi chết?" - "Này Vaccha, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: 'Như Lai hiện hữu sau khi chết.'" (8) "Vậy là, Thầy Mục-kiền-liên, Như Lai không hiện hữu sau khi chết'?" - "Này Vaccha, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: 'Như Lai không hiện hữu sau khi chết.'" (9) "Vậy là sao, Thầy Mục-kiền-liên, Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết?" - "Này Vaccha, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: 'Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết.'" (10) "Vậy thì, Thầy Mục-kiền-liên, Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết'?" - "Này Vaccha, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: 'Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.'" + "Bây giờ, Thầy Mục-kiền-liên, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao khi những du sĩ thuộc giáo phái khác được hỏi những câu hỏi đó, họ đều có những câu trả lời như: 'Thế giới là bất diệt' hoặc 'Thế giới là không bất diệt'; hay 'Thế giới là hữu hạn' hoặc 'Thế giới là vô hạn'; hay 'Linh hồn và thân xác là một' hoặc 'Linh hồn và thân xác là khác nhau'; hay 'Như Lai hiện hữu sau khi chết' hoặc 'Như Lai không hiện

hữu sau khi chết’, hay ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’ hoặc ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’? Và cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao, khi sa-môn Cồ-đàm được hỏi những câu hỏi đó, vị ấy không đưa ra câu trả lời nào?” (*)



- “Này Vaccha, những du sĩ các giáo phái khác cứ coi mắt là như vầy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’’. Họ cứ coi tai … mũi … lưỡi … thân … tâm là như vầy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’’. Do vậy khi những du sĩ các giáo phái khác được hỏi những câu hỏi như vậy, họ đưa ra những câu trả lời như: ‘Thế giới là bất diệt’ … hoặc ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’. Nhưng, này Vaccha, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, thì coi mắt là như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’’. Như Lai coi tai … mũi … lưỡi … thân … tâm là như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’’. Do vậy, khi đức Thế Tôn [Như Lai] được hỏi những câu hỏi như vậy, đức Thế Tôn đã không đưa ra những câu trả lời như vậy.” (*) Rồi du sĩ đứng đậy khỏi chỗ ngồi, và đi đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và hỏi với đức Thế Tôn: (1) “Là sao, thưa thiện Cồ-đàm, thế giới là bất diệt?” - “Này Vaccha, ta đã không tuyên bố điều này: ‘Thế giới là bất diệt.’” … [Tiếp tục như đoạn hỏi đáp với thầy Mục-kiền-liên ở đầu kinh] …

(10) “Vậy thì, thưa thiện Cồ-đàm, Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’?” - “Này Vaccha, ta cũng không tuyên bố điều này: ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’” + “Thầy Cồ-đàm, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao, khi những du sĩ thuộc giáo phái khác khi được hỏi những câu hỏi đó, họ đều có những câu trả lời như: ‘Thế giới là bất diệt’ … hoặc ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’? Và cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao, khi sa-môn Cồ-đàm khi được hỏi những câu hỏi đó, vị ấy không đưa ra câu trả lời nào?”



- “Này Vaccha, những du sĩ các giáo phái khác cứ coi mắt … tai … mũi … lưỡi … thân … tâm là như vầy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’’. Do vậy khi những du sĩ các giáo phái khác được hỏi những câu hỏi như vậy, họ đưa ra những câu trả lời như: ‘Thế giới là bất diệt’ … hoặc ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’. Nhưng, này Vaccha, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, thì coi mắt … tai … mũi … lưỡi … thân … tâm là như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’’. Do vậy, khi ta [Như Lai] được hỏi những câu hỏi như vậy, ta đã không đưa ra những câu trả lời như vậy.” (*) “Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm! Là cách mà ý nghĩa và câu chữ của vị thầy và vị đệ tử trùng hợp và giống nhau, và không khác biệt nhau về vấn đề chính. Thầy Cồ-đàm, vừa rồi tôi có đến gặp sa-môn Mục-kiền-liên và đã hỏi vị ấy về

vấn đề này. Sa-môn Mục- kiền-liên cũng đã giải thích vấn đề này bằng những từ ngữ và câu chữ y hệt như Thầy Cồ-đàm mới dùng để giải thích. “Thật kỳ diệu, Thầy Cồ- đàm! Thật tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm! Là cách mà ý nghĩa và câu chữ của vị sư thầy và vị đệ tử trùng hợp và giống nhau, và không khác biệt nhau về vấn đề chính.” (SN 44:07)

8 Vacchagotta Lúc đó có du sĩ Vacchagotta đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn: [Tiếp tục như đoạn 10 hỏi đáp ở trên, cho đến câu (10):]

(10) “Vậy thì, thưa thiện Cồ-đàm, Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’?”



- “Này Vaccha, ta cũng không tuyên bố điều này: ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’” + “Thầy Cồ-đàm, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao, khi những du sĩ thuộc giáo phái khác khi được hỏi những câu hỏi đó, họ đều có những câu trả lời như: ‘Thế giới là bất diệt’ … hoặc ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’? Và cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao, khi sa-môn Cồ-đàm khi được hỏi những câu hỏi đó, vị ấy không đưa ra câu trả lời nào?” - “Này Vaccha, những du sĩ các giáo phái khác cứ coi sắc-thân (sắc) là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hay sắc-thân là ở trong cái ‘ta’, hay cái ‘ta’ ở trong sắc-thân. Họ cứ coi cảm-giác (thọ) là cái ‘ta’ … nhận- thức (tưởng) là cái ‘ta’ … những sự tạo-tác cố ý (hành) là cái ‘ta’ … thức (thức) là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hay thức là ở trong cái ‘ta’, hay cái ‘ta’ ở trong thức. Do vậy, khi những du sĩ các giáo phái khác được hỏi những câu hỏi như vậy, họ đưa ra những câu trả lời như: ‘Thế giới là bất diệt’ … hoặc ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’. Nhưng, này Vaccha, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, thì không coi sắc-thân là cái ‘ta’ … hay cái ‘ta’ ở trong sắc-thân. Như Lai không coi cảm-giác … thức là cái ‘ta’ … hay cái ‘ta’ ở trong thức. Do vậy, khi ta [Như Lai] được hỏi những câu hỏi như vậy, ta đã không đưa ra những câu trả lời như vậy.” (*) Rồi du sĩ Vacchagotta đứng đậy khỏi chỗ ngồi, (ra về), và đi đến gặp Ngài Đại Mục-kiền-liên. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và hỏi thầy ấy: (1) “Là sao, Thầy Mục-kiền-liên, thế giới là bất diệt?” [Tiếp tục như đoạn 10 hỏi đáp ở trên, cho đến câu (10):]

(10) “Vậy thì, Thầy Mục-kiền-liên, Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’?” - “Này Vaccha, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’”



+ “Thầy Mục-kiền-liên, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao, khi những du sĩ thuộc giáo phái khác khi được hỏi những câu hỏi đó, họ đều có những câu trả lời như: ‘Thế giới là bất tận’ … hoặc ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’? Và cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao, khi sa-môn Cồ-đàm khi được hỏi những câu hỏi đó, vị ấy không đưa ra câu trả lời nào?” - “Này Vaccha, những du sĩ các giáo phái khác cứ coi sắc-thân là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hay sắc-thân là

ở trong cái ‘ta’, hay cái ‘ta’ ở trong sắc-thân. Họ cứ coi cảm-giác là cái ‘ta’ … nhận-thức là cái ‘ta’ … những sự tạo-tác cố ý là cái ‘ta’ … thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hay thức là ở trong cái ‘ta’, hay cái ‘ta’ ở trong thức. Do vậy, khi những du sĩ các giáo phái khác được hỏi những câu hỏi như vậy, họ đưa ra những câu trả lời như: ‘Thế giới là bất diệt’ … hoặc ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’. Nhưng, này Vaccha, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, thì không coi sắc-thân là cái ‘ta’ … hay cái ‘ta’ ở trong sắc-thân. Như Lai không coi cảm-giác … thức là cái ‘ta’ … hay cái ‘ta’ ở trong thức. Do vậy, đức Thế Tôn [Như Lai] được hỏi những câu hỏi như vậy, đức Thế Tôn đã không đưa ra những câu trả lời như vậy.” (*) “Thật kỳ diệu, Thầy Mục-kiền-liên! Thật tuyệt vời, Thầy Mục-kiền- liên! Là cách mà ý nghĩa và câu chữ của vị thầy và vị đệ tử trùng hợp và giống nhau, và không khác biệt nhau về vấn đề chính. Thầy Mục-kiền- liên, vừa rồi tôi có đến gặp sa-môn Cồ-đàm và đã hỏi vị ấy về vấn đề này. Sa-môn Cồ-đàm cũng đã giải thích vấn đề này bằng những từ ngữ và câu chữ y hệt như Thầy Mục-kiền-liên mới dùng để giải thích. Thật kỳ diệu, Thầy Mục-kiền-liên! Thật tuyệt vời, Thầy Mục-kiền-liên! Là cách mà ý nghĩa và câu chữ của vị thầy và vị đệ tử trùng hợp và giống nhau, và không khác biệt nhau về vấn đề chính.” (SN 44:08)



9 Hội Trường Tranh Luận Lúc đó có du sĩ Vacchagotta đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn: “Thầy Cồ-đàm, trong mấy ngày qua một số tu sĩ, các bà-la-môn, và những du sĩ các giáo phái khác đã tụ họp trong hội trường tranh luận [hội trường huyên náo],380 và khi họ đang ngồi với nhau thì có cuộc đối thoại khởi sinh giữa họ như vầy: ‘Vị Pūraṇa Kassapa này—là người lãnh đạo một giáo đoàn, người dẫn dắt một hội đoàn, là đạo sư của giáo đoàn, là người thầy tâm linh có tiếng và có danh được nhiều người coi là bậc thánh hiền—khi có một đệ tử (bình thường) nào mới chết, vị này tuyên bố được người này đã tái sinh ở cõi đó, hoặc người nọ đã tái sinh ở cõi kia. Và khi có một đệ tử, thuộc hàng cao nhất, một người siêu phàm, một người đã đạt tới sự chứng ngộ cao siêu phàm mới chết, vị ấy cũng tuyên bố được vị này đã tái sinh ở cõi đó, hoặc vị đó đã tái sinh ở cõi kia.” ‘Vị Makkhali Gosāla này … Vị Nigaṇṭha Nātaputta (Ni-kiền-tử) này … Vị This Sañjaya Belaṭṭhiputta này … Vị Pakudha Kaccāyana này … Vị Ajita Kesakambalī (A-tư-đà) này … khi có một đệ tử (bình thường) nào mới chết, vị này tuyên bố được người này đã tái sinh ở cõi đó, hoặc người nọ đã tái sinh ở cõi kia. Và khi có một đệ tử, thuộc hàng cao nhất, một người siêu phàm, một người đã đạt tới sự chứng ngộ cao siêu phàm mới chết, vị ấy cũng tuyên bố được vị này đã tái sinh ở cõi đó, hoặc vị đó đã tái sinh ở cõi kia.” ‘Vị sa-môn Cồ-đàm này— là người lãnh đạo một giáo đoàn, người dẫn dắt một hội đoàn, là đạo sư của giáo đoàn, là người thầy tâm linh nổi tiếng và nổi danh được nhiều người coi là bậc thánh hiền—khi có một đệ tử (bình thường) nào mới chết, vị này tuyên bố được người này đã tái sinh ở cõi đó, hoặc người nọ đã tái sinh ở cõi kia. Nhưng khi có một đệ tử, thuộc hàng cao nhất, một người siêu phàm, một người đã đạt tới sự chứng

ngộ cao siêu phàm mới chết, thì vị ấy không tuyên bố người này đã tái sinh ở cõi đó, hoặc người nọ đã tái sinh ở cõi kia. Thay vì vậy, vị ấy tuyên bố về sự tái-sinh của người đó như vầy: "Người đó đã cắt đứt dục-vọng, đã chặt đứt gông-cùm, và, bằng cách phá bỏ sự tự-ta (ngã mạn), người đó đã làm nên sự diệt-khổ."' "Thầy Cồ-đàm, trong tôi có sự bối rối, có sự nghi ngờ rằng: 'Giáo Pháp của sa-môn Cồ-đàm phải nên được hiểu theo cách nào?'" - "Này Vaccha, ông bị bối rối là cũng phải thôi, ông nghi ngờ cũng hợp lý thôi. Bởi vì sự nghi ngờ đã khởi sinh trong ông về một vấn đề còn làm bối rối. Này Vaccha, ta tuyên bố sự tái-sinh là đối với người còn nhiên liệu, không phải đối với người không còn nhiên liệu. Giống như một ngọn lửa cháy bằng nhiên liệu, không phải không có nhiên liệu; cũng giống như vậy, này Vaccha, ta tuyên bố sự tái-sinh là đối với người còn nhiên liệu, không phải đối với người không còn nhiên liệu."381 "Thầy Cồ-đàm, khi một ngọ

Ñ

382 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

Lúc đó có du sĩ Vacchagotta đến gặp đức Thế Tôn ... và nói với đức Thế Tôn: (1) "Giờ thì, Thầy Cồ-đàm, có cái 'ta' (ngã, tự ngã, bản ngã) phải không?" Khi điều này được hỏi, đức Thế Tôn im lặng. (2) "Thầy Cồ-đàm, vậy không có cái 'ta' phải không?". Lần thứ hai đức Thế Tôn vẫn im lặng. Rồi du sĩ Vacchagotta đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và bỏ đi. Không lâu sau khi du sĩ Vacchagotta bỏ đi, Ngài Ānanda mới thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, vì sao như vậy, khi Thế Tôn được hỏi bởi du sĩ Vac- chagotta mà Thế Tôn không trả lời?" - "Này Ānanda, nếu khi du sĩ Vacchagotta hỏi ta 'Có cái 'ta' nào không?' mà ta trả lời 'Có cái 'ta'', thì coi như đồng tình với383 những tu sĩ và bà-la-môn theo thuyết bất-diệt (có 'linh hồn' chuyển kiếp; thường kiến). Và, nếu khi du sĩ Vacchagotta hỏi ta 'Không có cái 'ta' phải không?' mà ta trả lời 'Không có cái 'ta'' thì coi như đồng tình với những tu sĩ và bà-la-môn theo thuyết diệt-vong (như chết là hết; đoạn kiến). - "Này Ānanda, nếu khi du sĩ Vacchagotta hỏi ta 'Có cái 'ta' phải không?' mà ta trả lời 'Có cái 'ta'', thì liệu về phần ta có nhất quán với 'sự khởi-sinh của sự-biết' (của ta) rằng 'Tất cả những hiện-tượng đều là vô- ngã' (chư pháp vô ngã), hay không?"384 "Không (nhất quán), thưa Thế Tôn." - "Và, này Ānanda, nếu khi du sĩ Vacchagotta hỏi ta 'Không có cái 'ta' phải không?' mà ta trả lời 'Không có cái 'ta'' thì, du sĩ đó, vốn đã bị rối trí, sẽ càng rớt vào sự rối trí hơn nữa khi ông ta nghĩ rằng 'Dường như cái 'ta' mình có trước đây giờ hóa ra nó cũng không tồn tại.'"385 (SN 44:10)

11 Sabhiya Kaccāna

Chương 44  Liên kết KHÔNG ĐƯỢC TUYÊN BỐ • 383

Trong một lần Ngài Sabhiya Kaccāna đang sống ở Ñātika, trong Ngôi Nhà Gạch. Lúc đó có du sĩ Vacchagotta đến gặp thầy Sabhiya Kaccāna. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với thầy ấy: (1) "Là sao, Thầy Kaccāna, Như Lai có còn hiện hữu sau khi chết?" [Tiếp tục đoạn 10 hỏi đáp như đầu kinh 44:01 cho đến câu (10):]

(10) “Vậy thì, Thầy Kaccāna, Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’?” - “Này Vaccha, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’” + “Bây giờ, Thầy Kaccāna, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?” - “Này ông Vaccha, đối với những nguyên-nhân và điều-kiện để mô tả một người là ‘gồm có sắc-thân’ (sắc) hay ‘không có sắc-thân’ (vô sắc) hay ‘có nhận-thức’ (tưởng) hay ‘không có nhận-thức’ (phi tưởng) hay ‘không có nhận thức cũng không phải không có nhận thức’ (phi tưởng phi phi tưởng): nếu nguyên-nhân và điều-kiện đó chấm dứt toàn bộ và hoàn toàn không còn tàn dư, thì lấy cách nào để người mô tả mình là ‘gồm có sắc- thân’ hay ‘không có sắc-thân’ hay ‘có nhận-thức’ hay ‘không có nhận- thức’ hay ‘không có nhận thức cũng không phải không có nhận thức’ như vậy?” (*) “Thầy Kaccāna, thầy xuất gia đi tu đã bao lâu rồi?” “Không lâu, này thiện hữu. Ba năm.” “Này thiện hữu, một người đạt được (trí biết) như vậy trong chừng ấy năm thì quả thực là (đạt được) nhiều lắm, nói chi tới người đã vượt trên (trình độ) này!”386 (SN 44:11)



HẾT QUYỂN 4  (QUYỂN SÁU CƠ-SỞ CẢM-NHẬN)

BẢNG VIẾT TẮT

I. BỘ KINH & CHÚ GIẢI CHÍNH: Be: phiên bản Miến Điện của SN Ee: phiên bản tiếng Anh của SN (ấn bản PTS)

Se: phiên bản Sinhala (Tích Lan cổ) của SN * SN= Saṃyutta Nikāya: Bộ Kinh Liên Kết (Tương Ưng Kinh Bộ)

Spk (Be) = Sāratthappakāsinī: Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Miến Điện) Spk (Se) = Sāratthappakāsinī: Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Sinhala).

Spk-pṭ = Sāratthappakāsinī-purāṇa-ṭīkā: Tiểu Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Miến Điện)

SS = Sinhala-script: Tiểu Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Sinhala) CDB = Connected Discourses of Buddha: bản dịch Pāli-Anh SN bởi Tỳ Kheo Bồ-Đề SC = trang SuttaCentral: bản dịch Pāli-Anh của các bộ kinh Nikaya bởi nhà sư Ajahn Sujato. Lưu Ý: trong bản dịch Việt này dụa theo bản dịch của TKBĐ, các chú giải Spk thì mặc nhiên là của phiên bản Miến Điện (Be). Chỗ nào ghi Spk (Be) và Spk (Se) chỉ khi có sự khác nhau về về câu chữ được ghi trong hai phiên bản.

II. NHỮNG KINH SÁCH PĀLI KHÁC: Abhi = Abhidhamma Pitaka: Vi Diệu Pháp Tạng

* AN = Aṇguttara Nikāya: Bộ Kinh Tăng Chi (Tăng Chi Kinh Bộ) As = Atthasālinī (Dhammasaṅgaṇī-aṭṭhakathā): Chú Giải tập Dhs Dhp = Dhammapada: tập Kinh Pháp Cú (thuộc KN)

Dhp-a = Dhammapada-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Dhp Dhs = Dhammasaṅgaṇī: Bộ Pháp Tụ (thuộc Abhi)

∗ DN = Dīgha Nikāya: Bộ Kinh Dài (Trường Kinh Bộ) It = Itivuttaka: tập Kinh Phật Tự Thuyết (thuộc KN)

It-a = Itivuttaka-aṭṭhakathā: Chú Giải tập It Ja: = Jātaka: tập kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật (thuộc KN)

Khp = Khuddakapāṭha: tập Kinh Tiểu Tụng (thuộc KN) ∗ KN = Khuddaka Nikaya: Bộ Kinh Ngắn (Tiểu Kinh Bộ)

Mil = Milindapanha: tập kinh Milinda Vấn Đáp (thuộc KN) ∗ MN = Majjhima Nikāya: Bộ Kinh Vừa (Trung Kinh Bộ)

Mp = Manorathapūraṇī: Chú Giải bộ AN Nett = Nettippakaraṇa: (thuộc KN)

Nidd I = Mahā-niddesa: tập Đại Diễn Giải (Đại Nghĩa Tích) (thuộc KN) Nidd II = Cūḷa-niddesa: tập Tiểu Diễn Giải (Tiểu Nghĩa Tích) (thuộc KN)

Paṭis = Paṭisambhidāmagga: tập Con Đường Phân Biệt (Vô Ngại Giải Đạo) (thuộc KN)

Paṭis-a = Paṭisambhidāmagga-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Patis Peṭ = Peṭakopadesa: (thuộc KN)

Pj II = Paramatthajotikā, Phần II (Suttanipāta-aṭṭhakathā): Chú Giải tập Sn Pp = Puggalapannatti: bộ Phân Định Cá Nhân (Nhân Thi Thuyết Luận) (thuộc Abhi) Pp-a = Puggalapannatti-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Pp

Ps = Papancasūdanī (Majjhima Nikāya-aṭṭhakathā): Chú Giải bộ MN Pv = Petavatthu: tập Chuyện Quỷ Đói (Ngạ Quỷ Sự) (thuộc KN)

Bảng Viết Tắt • 387

∗ SN = Saṃyutta Nikāya: Bộ Kinh Liên Kết (Tương Ưng Kinh Bộ) Sn = Suttanipāta: tập Kinh Tập (thuộc KN)

Sp = Samantapāsādikā (Vinaya-aṭṭhakathā): Chú Giải Luật Tạng Sv = Sumaogalavilāsinī (Dīgha Nikāya-aṭṭhakathā): Chú Giải bộ kinh DN

Sv-pṭ = Sumaogalavilāsinī-purāṇa-ṭīkā (Dīgha Nikāya-ṭīkā) (Be): Tiểu Chú Giải bộ kinh DN (phiên bản Miến Điện)

Th = Theragāthā: tập kinh Trưởng Lão Thi Kệ (thuộc KN) Th-a = Theragāthā-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Th

Thī = Therīgāthā: tập kinh Trưởng Lão Ni Kệ (thuộc KN) Thī-a = Therīgāthā-aṭṭhakathā (1998): Chú Giải tập Thī (bản 1998)

Ud = Udāna: tập kinh Phật Đã Nói Như Vậy (thuộc KN) Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Ud

Vibh = Vibhaṅga: Bộ Phân Tích (thuộc Abhi) Vibh-a = Vibhaṅga-aṭṭhakathā (Sammohavinodanī): Chú Giải bộ Vibh

Vibh-mṭ = Vibhaṅga-mūlaṭīkā (Be): Tiểu Chú Giải tập Vbh (phiên bản Miến Điện)

Vin = Vinaya: Luật Tạng (Rỗ Luật) Vism = Visuddhimagga: Con Đường Thanh Lọc (Thanh Tịnh Đạo)

III. NHỮNG BẢN DỊCH CỦA CÁC BỘ KINH, TẬP KINH: BL= Buddhist Legends: Những Huyền Thoại Phật Giáo (của học giả Burlin- game)

CMA = A Comprehensive Manual of Abhidhamma: Cẩm Nang Vi Diệu Pháp (của Tỳ Kheo Bồ-Đề) EV I = Elders' Verses I: Trưởng Lão Thi Kệ I (của Norman)

388 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

EV II = Elders' Verses II: Trưởng Lão Thi Kệ II (của Norman) GD = Group of Discourse: tập Kinh Tập II (của Norman)

Germ Tr = Bản dịch SN tiếng Đức (của Geiger) KS = Kindred Sayings: Bản dịch tiếng Anh của SN (bởi Rhys Davids, Woodward) LDB = Long Discourses of the Buddha: bản dịch Pāli-Anh của DN (bởi học giả Walshe) MLDB = Middle Length Discourses of the Buddha: bản dịch Pāli-Anh của MN (bởi nhà sư dịch giả Tỳ Kheo Nāṇamoli) Ppn = Path of Purification: bản dịch Con Đường Thanh Lọc (Thanh Tịnh Đạo) [= Vism] bởi nhà sư học giả Tỳ Kheo Nāṇamoli) SN-Anth = "Saṃyutta Nikāya: An Anthology": Tuyển tập các kinh thuộc SN (của các học giả Ireland, Nāṇananda, Walshe)

IV. CÁC NGUỒN THAM CHIẾU KHÁC: CPD = Critical Pāli Dictionary: Tự Điển Pāli Phê Bình (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch) CSCS = A Comprehensive Study of the Chinese Saṃyuktāgama: Nghiên Cứu Tổng Quát về Tương Ưng A-hàm Hán Tạng (của Enomoto) DPPN: Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli (của Malalasekera)

MW = Monier-Williams' Sanskrit-English Dictionary: Tự Điển Phạn-Anh (của Monier-William)

PED = Pāli-English Dictionary: Tự Điển Pāli-Anh (của PTS)

V. CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC: BHS = Buddhist Hybrid Sanskrit: Chữ Lai Phạn trong Phật giáo

Bảng Viết Tắt • 389

BPS = Buddhist Publication Society: Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan C.Rh.D = C.A.F. Rhys Davids (tiến sĩ học giả dịch giả Rhys Davids)

PTS = Pali Text Society: Hội Kinh Điển Pali Skt = Sanskrit: tiếng Phạn

VĀT = Vanarata Ānanda Thera: Trưởng Lão Vanarata Ānanda Lưu Ý: Những số hiệu của các kinh Pāli được so chiếu và trích dẫn trong phần chú thích (của TKBĐ) là ghi số quyển và số trang của ấn bản PTS. Còn các số hiệu kinh DN, MN, và Ja kèm theo số kinh sau đó là chỉ toàn bộ kinh đó. Các số trang dẫn chiếu tới Vism cũng được ghi kèm theo

bằng số chương và số đoạn của Ppn. Mặc dù những số hiệu tham chiếu về các luận giảng cũng theo số quyển và số trang của ấn bản PTS, có lúc tôi phải quyết định chọn ghi bằng cách chuyển đổi từ Be hay Ce thông qua bảng chuyển đổi tương ứng của các giảng luận Pāli của PTS (Pāli Aṭṭhakathā Correspondence Tables)

390 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

CHÚ THÍCH

1 [Chữ “bên-trong” (ajjhattika = adhi + atta + ika) là chỉ riêng “sáu cơ-sở

cảm-nhận” (sáu nội xứ, tức sáu giác-quan, sáu căn), và ngược lại “bên- ngoài” (bāhira) là chỉ riêng sáu đối-tượng ở bên ngoài (sáu ngoại xứ); [mặc dù theo như Vi Diệu Pháp Tạng (Abhidhamma) thì chữ dhammāyatana (pháp xứ) là chỉ những đối-tượng của thức-tâm (mano-viññāṇa) và những thứ phái sinh thuộc tâm của tất cả thức (viññāṇa). Mặc dù giống nhau, nhưng chữ kép ajjhattika–bāhira thì không phải là đồng nghĩa với chữ kép ajjhatta– bahiddhā; chữ sau đánh dấu sự khác-biệt giữa ‘thứ thuộc về mình’ và ‘thứ thuộc về người khác’. Các căn cảm-nhận ‘của chúng sinh khác’ là ajjhattika chứ không phải bahiddhā, trong khi đó sắc tố, giọng nói, mùi … ‘của mình’ là ajjhatta chứ không phải bāhira.] (1)

(Bản dịch Việt dùng các chữ sáu nội xứ [bên trong] là đồng nghĩa sáu giác-W* nBT/F1 12 Tf1 0 0 1 343.03 535.66 Tm0.137 0.122 0.125 RG[(()] Th.137 0.122 0.125 RG

392 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

khởi sinh bằng sự tràn ngập của ánh sáng [có thể nhìn thấy sự qua-đời và tái- sinh của những chúng sinh]; và (v) mắt trí-tuệ hay tuệ nhãn (paññācakkhu), là sự nhận thấy thấu suốt về Bốn Diệu Đế.

(2) Loại mắt thường có 02: (i) mắt hợp-tố (sasambhāracakkhu), là tròng mắt gồm nhiều yếu tố tạo thành; và (ii) mắt cảm-nhận (pasādacakkhu), giống như chất cảm-ứng trong những dụng cụ nhãn khoa, nhạy ứng với những hình-sắc [có lẽ đây là chỉ võng-mạc và các dây thần kinh thị giác].

- Ở đây đức Thế Tôn đang nói mắt cảm-nhận là “cơ-sở mắt” (nhãn xứ, nhãn quan). Tai, mũi, lưỡi … cũng nên được hiểu một cách tương tự. Tâm (mano) là tâm thuộc ba cõi, đó là trú xứ của sự khám phá bằng trí-tuệ (tebhūmakas- ammasanacāracitta).

- Về sự giảng giải về các loại “mắt” theo luận giảng, mời coi Thanh Tịnh Đạo, Vism 444–46 (Ppn 14:36–53).

- Học giả Hamilton đã phản bác cách xếp loại 05 cơ-sở cảm-nhận đầu tiên là thuộc sắc-uẩn (rūpakkhandha), bà lập luận rằng từ “những định nghĩa tiêu chuẩn về sắc-uẩn trong các kinh” thì sắc-uẩn đâu có bao gồm những cơ-sở cảm-nhận này. Theo quan điểm của bà, các căn cảm-nhận là những năng lực của sự nhận thức tham gia vào cả những đặc tính thuộc vật chất và thuộc tâm, và do vậy không thể nào được xếp loại chúng chỉ nằm trong sắc-uẩn (rūpa) [coi quyển Danh Tính và Trải Nghiệm, trang 14–22]. Tuy nhiên cũng theo lý lẽ này có thể lập luận rằng 05 cơ-sở cảm-nhận bên ngoài

không nên được xếp vào sắc-uẩn, cũng bởi vì các kinh không xếp chúng trong tổ hợp sắc-uẩn. Sự thật trần trụi là: những liên hệ tương quan giữa các uẩn, các xứ, và các giới (khandha, āyatana và dhātu) là không hề được nói rõ rệt trong Kinh Tạng mà chỉ được phân biệt rõ trong Vi Diệu Pháp Tạng (Abhidhamma Piṭaka); Vi Diệu Pháp Tạng đã xếp loại 05 cơ-sở cảm-nhận đầu tiên cả bên-trong và bên-ngoài (05 nội xứ và 05 ngoại xứ đầu tiên) là thuộc sắc-uẩn. Còn 05 căn và 04 đối-tượng giác quan [không tính đối-tượng chạm xúc] thì được xếp loại là "thể sắc phái sinh" (upādā rūpa) [ví dụ: thể sắc phái sinh từ 04 yếu-tố tứ đại]; và đối-tượng chạm xúc thì được xếp thuộc 03 yếu-tố tứ đại: đất [thể cứng-mềm], nhiệt [thể nóng-lạnh], và khí [thể động-áp]. Bản thân các kinh không liệt kê những loại thể sắc phái sinh, và Vi Diệu Pháp dường như đã làm thay việc này.] (3)

Chú Thích • 393

4 [Spk: Những hiện-tượng thuộc tâm: là những đối-tượng là những hiện-

tượng thuộc tâm (dhammā ti tebhūmakadhammārammaṇaṃ). Tôi dịch chữ dhammā ở đây là "những hiện-tượng thuộc tâm" (các tâm pháp) hơn là "những đối-tượng thuộc/của tâm"—vốn là cách dịch tiêu chuẩn—đúng theo tư tưởng được nhấn mạnh trong Vi Diệu Pháp Tạng (Abhidhamma) và các luận giảng, rằng chữ dhammāyatana (pháp xứ) không chỉ bao gồm những loại đối-tượng riêng của cơ-sở tâm (tâm xứ, manāyatana), mà cũng gồm tất cả những hiện-tượng thuộc tâm đi kèm với (nối kết, cùng có, câu hữu) thức thuộc bất cứ loại nào, chẳng hạn như gồm cảm-giác đi kèm, nhận-thức đi kèm và những sự tạo-tác cố ý đi kèm. Coi thêm định nghĩa về pháp-xứ (dhammāyatana) ở Vibh 72, và sự giảng giải trong Vism 484 (Ppn 15:14).

- Ba cảnh giới (03 cảnh hiện hữu) là dục-giới, sắc-giới, và vô-sắc giới.] (4)

5 [Spk diễn dịch rằng: cái sự "bên-trong" của các căn cảm-nhận nên được

hiểu là xuất phát từ sức mạnh của tham-muốn và nhục-dục đối với chúng. Đối với những người coi sáu cơ-sở bên trong (sáu nội xứ) như phần bên trong một ngôi nhà thì sáu cơ-sở bên ngoài giống như phần xung quanh bên ngoài ngôi nhà đó. Giống như tham-muốn và nhục-dục của người ta là cực kỳ mạnh trong liên quan tới những thứ bên trong ngôi nhà thì họ không cho người lạ nào đi vào trong nhà; tương tự như vậy trong liên quan tới sáu cơ-sở bên trong (sáu giác-quan). Nhưng tham-muốn và nhục-dục của người ta là không mạnh lắm trong liên quan tới những thứ bên ngoài nhà thì họ không cấm cản những người khác đi qua đi lại bên ngoài ngôi nhà; tương tự như vậy trong liên quan tới sáu cơ-sở bên ngoài (những đối-tượng giác quan).] (5)

6 [Spk: Tất-cả (sabba) gồm có bốn: (i) tất-cả bao gồm tất cả (sabbasabba),

như: mọi thứ có thể biết, tất cả chúng đều đi vào tầm (phạm vi) của trí-biết của Phật về thế giới (vũ trụ); (ii) tất cả các cơ-sở cảm-nhận (āyatanasabba), tức: những hiện-tượng thuộc 04 cảnh giới (4 cảnh hiện hữu); (iii) tất cả của danh-tính cá thể (sakkāyasabba), tức: những hiện-tượng thuộc 03 cảnh giới; và (iv) tất cả từng-phần (padesasabba), tức như: 05 đối-tượng cảm-nhận thuộc thân (tất cả xứ thuộc thân). Mỗi 'tất-cả' này, từ (i) đến (iv), lần lượt có tầm (phạm vi) hẹp hơn loại đứng trước. Bài kinh này là đang nói

đến ‘tất-cả các cơ-sở cảm nhận’ (bên trong và bên ngoài; sáu nội xứ và sáu ngoại xứ).



- Chữ “04 cảnh giới” ở đây là gồm 03 cảnh thế-tục [coi thêm chú thích số 4 ở trên] và 01 cảnh siêu-thế [chỉ 04 thánh đạo, 04 thánh quả, và Niết-bàn].] (6)

7 [Nguyên văn câu này: Tassa vācāvatthur ev’ assa. Spk giải thích nghĩa là:

Điều đó chỉ là lời hô hào mà thôi. Bởi vì, nếu một người bỏ qua 12 cơ-sở cảm-nhận thì người đó đâu thể chỉ ra hiện-tượng nào có thực.] (7)

8 [Nguyên văn: Yathā taṃ bhikkhave avisayasmiṃ. Spk: Người ta sẽ bị phiền-ưu khi họ ra khỏi trú-xứ (lãnh vực, lãnh địa, chuyên môn, tầm, phạm vi) của mình. Ra khỏi trú-xứ của mình cũng giống như người phải lội qua sông sâu khi đội một cung điện bằng đá trên đầu hay giống như cố sức kéo mặt trời và mặt trăng khỏi hướng đi của chúng vậy; làm vậy (là ngoài khả năng của mình, là bất khả thi) chỉ mang lại sự phiền-bực mà thôi; giống như người đi ra khỏi trú-xứ của mình sẽ gặp phải sự phiền-ưu như vậy.] (8)

9 [Có vẻ như: bằng việc thêm vào những yếu tố trải-nghiệm vốn không

được liệt kê trong số 12 cơ-sở cảm-nhận—đó là thức, sự tiếp-xúc, và cảm- giác—Đức Phật đã vi phạm vào chính sự quy định của mình rằng “tất-cả” là gồm cả mọi thứ (?). Tuy nhiên những yếu tố được nói ra ở đây [và bên dưới] có thể được xếp loại trong số 12 cơ-sở (12 xứ). 06 loại thức được gồm trong cơ-sở tâm (tâm xứ; manāyatana). Tâm (mano) là một yếu tố riêng biệt, là điều-kiện trợ giúp (trợ duyên) cho thức-tâm, rồi nó trở thành nhỏ hẹp hơn về quy mô hơn cơ-sở tâm; theo hệ thống các luận giảng, nó biểu thị cho bha- vaṅgacitta hay “sự liên-tục sự-sống thuộc tiềm thức”.

- Trong số những cơ-sở (xứ) thì sự tiếp-xúc (xúc) và cảm-giác (thọ) được gồm trong cơ-sở những hiện-tượng thuộc tâm (pháp xứ; dhammāyatana), cùng với những dạng đồng-sinh thuộc tâm khác và dhammārammaṇa (những đối-tượng của thức-tâm). Bản thân thức-tâm, theo Spk, gồm có loại thức hướng (phát) ra cửa-tâm (manodvārāvajjanacitta) và những javana (tốc hành thức?). Về những thuật ngữ này đã được giảng giải trong Vi Diệu Pháp, mời đọc thêm CMA 3:8–11.] (9)

10 [Nguyên văn: Sabbaṃ abhiññā pariññā pahānāya. Spk giải nghĩa câu này

là: sabbaṃ abhijānitvā parijānitvā pajahanatthāya. (Chữ gốc là abhiññā và pariññā: trực-tiếp biết (liễu tri) và hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ). Về sự phân biệt



giữa chữ abhiññā và pariññā, mời coi lại chú thích số 42 ở kinh SN 22:24 (Quyển 3).] (10)

11 [Spk: trong kinh này đang nói về 03 loại sự hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ): (i)

sự hoàn-toàn hiểu về những điều đã biết (đã biết bởi nhiều người, hiển nhiên, phổ quát), (ii) sự hoàn-toàn hiểu nhờ sự suy-xét kỹ lưỡng, và (iii) sự hoàn- toàn hiểu là sự

dẹp-bỏ. Mời coi lại thêm chú thích số 36 trong Quyển 1 và chú thích số 42 ở kinh SN 22:24 (Quyển 3) về chữ này.] (11)

12 [Nguyên văn cả câu này: Cakkhuviññāṇaviññātabbā dhammā. Spk đã đưa

ra những sự giải thích thay phiên nhau để chỉ ra cách những thứ này khác với sắc (rūpā) … nhưng theo tôi [TKBĐ] thì sự chú giải này có vẻ là tự nghĩ ra chứ không phải từ hàm ý lời kinh …] (12)

13 [Kinh này thường được gọi là "Kinh Lửa", là bài thuyết giảng thứ ba của

Đức Phật sau khi giác-ngộ, như đã được ghi lại trong Luật Tạng, Vin I 34– 35. Theo Luật Tạng, 1.000 Tỳ kheo này trước đó đã từng là những khổ sĩ để tóc búi (jaṭila) đi tu dưới sự dẫn dắt của 03 anh em nhà Ca-diếp (Kassapa). Phật đã chuyển hóa họ bằng một loạt những điều thần-diệu (bằng thần thông), sau đó giảng cho họ bài kinh này. Bài kinh này được gọi là "kinh lửa" vì những Tỳ kheo này trước kia từng là những khổ sĩ thờ thần lửa (nên Phật đã dùng hình ảnh "lửa đốt cháy" để thuyết giảng cho họ). Toàn bộ câu chuyện này cũng được ghi trong Luật Tạng, Vin I 24–34; mời đọc thêm quyển "Cuộc Đời Của Đức Phật" của nhà sư dịch giả Ñāṇamoli, trang 54– 60, 64–69.

- Spk chú giải như vầy: Sau khi dẫn 1.000 Tỳ kheo đến (nơi được gọi là) Đầu Của Gayā (không rõ chữ 'đầu' ở đây là chỉ 'thủ phủ của vùng Gayā' hay là 'đầu núi Gayā'?), đức Thế Tôn đã suy xét: "Loại thuyết Pháp nào sẽ thích hợp với họ?" Rồi đức Thế Tôn nhận ra trước kia họ đã từng thờ cúng thần lửa buổi sáng và buổi tối. Vậy ta sẽ dạy họ 12 cơ-sở cảm-nhận (12 xứ) đang bốc cháy và đốt cháy. Theo cách như vậy họ sẽ có thể chứng quả A-la-hán." Trong kinh này sự đốt-cháy là nói về đặc-tính "khổ".] (13)

14 [Phiên bản Se và Ee ghi chữ andhabhūtaṃ, nhưng tôi chọn chữ ghi trong

Be là addhabhūtaṃ, chữ này cũng được ủng hộ bởi Spk khi nó giải nghĩa là: Addhabhūtan ti adhibhūtaṃ ajjhotthaṭaṃ, upaddutan ti attho (bị đè nặng: bị



chinh phục, bị quá tải, nghĩa là bị áp bức). Coi thêm thi kệ 203 ở Quyển 1 và chú thích số 121 trong Quyển 1; kinh 22:1 (Quyển 3) và chú thích số 3 của nó.

- Học giả Norman đã giải thích rằng chữ addhabhūta có lẽ đã được phát triển từ động từ thể quá khứ bất định (?) addhabhavi = ajjhabhavi (< *adhya- bhavi). Một khi nguồn gốc của động từ thể quá khứ bất định không còn được hiểu (?) thì động từ đã được cho là chữ addhabhavati với quá khứ phân từ là chữ addhabhūta; coi thêm GD, trang 356, chú thích 968.] (14)

15 [Nguyên văn câu này: Sabbamaññitasamugghātasāruppaṃ paṭipadaṃ. (Chữ "sự nhìn-nhận" là dịch chữ maññita). Chữ maññita là quá khứ phân từ của maññanā], là tiến trình ý-nghĩ (tư duy) sai lệch do bị chi phối bởi dục- vọng, sự tự-ta và những quan-điểm này nọ (ái, ngã-mạn và tà kiến); những quan-niệm hay ý-niệm khởi sinh từ những cách (lối, khuôn, kiểu) nghĩ như vậy cũng được gọi là những sự nhìn-nhận. Trong đó bao gồm cả những ý tưởng 'Ta là', 'Ta là này' (cái 'ta', 'đây là ta'; ngã kiến, ngã

chấp) và tất cả những quan niệm khác xuất phát từ những sai lầm gốc rễ này; coi thêm kinh SN 35:248.

- Nhân tiện: một bài kinh đã khảo sát sâu rộng nhất về "những sự nhìn-nhận' này là kinh Mulapariyāya Sutta [MN 01]; coi thêm tham luận mang cùng tên "Bài Kinh Về Gốc Rễ Của Sự Hiện-Hữu' [của TKBĐ], gồm có bản dịch kinh này và những giảng giải về nó.] (15)

16 [Mẫu lời kinh "04 sự nhìn-nhận" cũng được hàm chứa trong kinh Mūlapariyāya Sutta (MN 1) mặc dù trong kinh đó đã không dùng khuôn-mẫu này một cách hiển rõ rệt đối với những cơ-sở cảm-nhận.

- Spk chú giải: (i) Người đó không nhìn nhận mắt (cakkhuṃ na maññati) nghĩa là: Người đó không nhìn nhận "mắt là 'ta' hay 'của-ta' hay 'ai' hay 'của-ai' khác". (ii) Người đó không nhìn nhận trong mắt (cakkhusmiṃ namaññati) nghĩa là: Người đó không nhìn nhận "Ta ở trong mắt, hay những phương tiện (thứ liên quan) của ta ở trong mắt; hay 'ai ở trong mắt' hay những phương tiện của ai ở trong mắt". (iii) Người đó không nhìn nhận từ mắt (cakkhuto na maññati) nghĩa là: Người đó không nhìn nhận "Ta đã thoát ra từ mắt, hay những phương tiện của ta đã thoát ra từ mắt, hay ai đã thoát



ra từ mắt, hay những phương tiện của ai đã thoát ra từ mắt". (iv) ... (?) Người đó thậm chí không phát khởi một sự nhìn-nhận nào của dục-vọng, sự tự-ta, và hay tà-kiến.] (16)

17 [Mời coi lại chú thích số 376 trong Quyển 1 và chú thích số 137 trong

Quyển 2. Spk ghi: Trong kinh này, sự minh-sát đạt đỉnh là thánh quả A-la- hán đã được thảo luận trong 44 trường hợp. Và Spk-pṭ luận tính theo như vầy: Trong cửa-mắt có 07 thứ: mắt, những hình-sắc, thức-mắt, sự tiếp-xúc mắt, và cảm-giác sướng, khổ, trung tính. Tính cách tương tự đối với 05 cửa còn lại, tất cả thành 42 (06 cửa x 07 thứ]. Thêm đoạn nói về sự "không nhìn nhận tất-cả" là 43, và thêm cụm chữ "người đó không dính-chấp gì trong thế giới" thành tổng số là 44.] (17)

18 [Nguyên văn: Sabbamaññitasamugghātasappāyapaṭipadā.] (18)

19 [Nguyên văn cả câu này: Tato taṃ hoti aññathā; aññathābhāvī bhavasatto

loko bhavam ev'ābhinandati. Ở đây hình như có sự chơi chữ xung quanh ý nghĩa "chúng sinh/sự đang trở thành khác đi". Theo Spk, câu thứ nhất khẳng định rằng đối-tượng có mặt theo kiểu khác (aññen' ākārena hoti) với kiểu mà nó được nhìn nhận [Spk-pṭ bổ sung: đối-tượng được nhìn nhận theo kiểu là thường-hằng nhưng đích thực nó có mặt theo kiểu 'vô-thường, khổ, vô-ngã']. Trong câu thứ hai, tôi dịch cụm chữ aññathābhāvı có nghĩa là "trải qua sự biến đổi, có mặt trong sự biến đổi, đang trong sự biến đổi", tức là đang trở thành khác với nó trước đó. Như Spk cũng giải thích là "Nó đang trở thành khác đi bằng sự đang bước tới sự biến đổi, đang tới sự thay đổi" (aññathābhāvaṃ vipariṇāmaṃ upagamanena aññathābhāvı hutvā).

- Trong ngữ bhavasatto, thì chữ satto là quá khứ phân từ của sajjati, được giải nghĩa là = laggo, laggito, paḷibuddho. Nhân tiện coi lại sự kết nối này ở kinh Ud 32,29–32 [trong đó lời kinh nên được chỉnh lại là bhavasatto], ở kinh Sn 756–757, và MN 138.20.

- Ở đây, chữ "thế giới" (loko) rõ ràng được nói với nghĩa là "thế giới của những chúng sinh" (sattaloka).] (19)

20 [Spk: Trong bài kinh này tuệ minh-sát có đỉnh cao là thánh quả A-la-hán

được giảng giải với 48 trường hợp. Spk-pṭ: Cụm chữ "thì nó không phải vậy"



(tức là: là khác, đang khác đi, đang biến đổi) nên được đưa vào mọi phân đoạn của bài kinh, tạo nên 8 thứ trong mỗi phân đoạn đó. Do vậy thành 48 trường hợp. [Spk-pṭ không giải thích tại sao đoạn nói về các uẩn, các yếu-tố … được đưa vào và đoạn "người đó không dính chấp gì trong thế gian" không thể được đếm thêm thành 2 thứ để nâng tổng số lên thành 50 trường hợp, cho nó giống tương tự như cách đếm của kinh kế trên.] (20)

21 [Spk nói: Vô-minh cũng được trừ bỏ đối với một người biết và thấy theo

cách nó là "khổ" và "vô ngã", nhưng sự vô-thường được nếu ra ở đây là do xem xét đối với khuynh-hướng (căn cơ) của người đang được chỉ dạy (?).] (21)

22 [Về 10 gông-cùm (saṃyojana), mời đọc thêm các kinh SN 45:179–80

(Quyển 5).] (22)

23 [Về 03 dạng ô-nhiễm (āsava, lậu hoặc) chính, coi kinh SN 38:8, 45:163; về

07 khuynh-hướng tiềm ẩn (anusaya, tùy miên), coi kinh SN 45:175.] (23)

24 [Về 04 loại sự dính-chấp (upādāna, chấp thủ, thủ), coi kinh SN 12:2 (Quyển 2) và kinh 45:173 (Quyển 5); về 03 loại sự hoàn-toàn hiểu (pariññā; liễu ngộ), coi lại chú thích số 11 ở trên. Spk diễn giải là: "Để có sự hoàn- toàn hiểu về tất cả 04 loại sự dính-chấp (thủ) bằng 03 loại sự hoàn-toàn hiểu."] (24)

25 [Chữ 'sự giải-thoát của nó' ngay chỗ này là chữ 'vimokkhā'– hiếm khi

được dùng. Thường các kinh dùng chữ 'vimuttiyā' là danh từ trực tiếp liên hệ với động từ 'vimuccati'.] (25)

26 [Tỳ kheo Migajāla chính là con trai của cô Visākhā, vị nữ thí chủ lớn nhất

của Đức Phật và Tăng đoàn; coi thêm thi kệ Th 417-22 của thầy ấy.] (26)

27 [Ekavihārī ekavihārī (người sống một mình, người ở một mình). So sánh

với kinh SN 21:10 về vị Tỳ kheo có tên là "Trưởng Lão".] (27)

28 [Chữ gốc là: sadutiyavihārī. Dutiya nghĩa gốc là "thứ hai", thường để chỉ

người vợ hay chồng, hay người cặp kê, sống chung với người đó.] (28)

29 [Coi thêm kinh thi kệ ở kinh SN 1:20, SN 4:22 (Quyển 1) của vị Tỳ kheo

này.]

30 [Nguyên văn câu này: Māro vā assa mārapaññatti vā. Spk giải nghĩa chữ

Māra: (i) "Ma Vương" nghĩa là sự chết (maraṇa); (i) "sự mô tả của chữ Ma Vương" là sự mô tả, tên gọi, biệt danh của "Ma Vương". So sánh với các kinh có nói về danh tính từ "Ma Vương" là kinh SN 23:11–12 (Quyển 3).] (30)

31 [Thầy Upasena là em ruột của thầy Xá-lợi-phất; coi thêm thi kệ Th 577-86

của thầy ấy. Spk giải thích hang đó được gọi là "Hang Đầu Rắn" (sappasoṇḍikapabbhāra) vì nó (có miệng hang dạng vòm) giống hình đầu rắn nên được gọi như vậy.] (31)

32 [Spk giải thích: sau khi ăn trưa trưởng lão Upasena đã mang áo cà sa lớn

của mình ra và ngồi khâu vá lại bên dưới mái vòm của hang. Nhằm lúc có hai con rắn độc đang đùa giỡn trên mái hang, một con rớt xuống trúng thầy ấy, nó cắn và nọc độc lập tức lan tỏa khắp thân thể. Do vậy thầy ấy đã nói với các Tỳ kheo như vậy, bởi vì thầy ấy không muốn để thân mình chết thối bên trong hang động.] (32)

33 [Có sự chơi chữ trong trong đối thoại giữa thầy Xá-lợi-phất và thầy Upasena. Cách nói indriyānaṃ aññathatta (sự biến đổi của các căn) đôi lúc được dùng như một uyển ngữ có nghĩa bóng nhẹ là "bị khổ đau sâu nặng" hoặc "không ở trong cái tâm đúng của mình" (không đúng tâm trạng của mình?) [coi kinh MNII 106,12 (?)]. Ở đây lời kinh ghi là kāyassa vā aññathattaṃ indriyānaṃ vā vipariṇāmaṃ, nhưng tôi nghĩ hàm ý là rất giống nhau. Lúc đó thầy Xá-lợi-phất thì đang nói theo nghĩa đen thẳng thắn, còn thầy Upasena thì có ý nói nghĩa hơi bóng hình, để nói nghĩa rằng: đối với một người không còn những ý-niệm về cái 'ta' (ngã) và cái 'của-ta' thì không có sự khổ đau sốt não nào ngay cả khi đối diện với cái chết. Về sự không còn sự tạo-nên cái 'ta', 'của-ta' … mời quý vị đọc thêm kinh SN 21:02 (Quyển 2) và chú thích ở đoạn đầu của kinh SN 18:21 (Quyển 2), chú thích 340 của nó.] (33)

34 [Sanditṭhiko dhammo (Giáo Pháp có thể trực tiếp nhìn thấy được). Lời

kinh tiếp theo là 'công thức tiêu chuẩn' để thiền quán về Giáo Pháp. Coi



thêm chú thích số 33 trong Quyển 1. Upavāṇa là người hầu cận của Phật khi Phật đang bị bệnh do trúng gió; coi thêm kinh SN 7:13 (Quyển 1).] (34)

35 [Spk nói phần (1) nói về sự suy xét (quán chiếu) của những học-nhân, và

phần (2) nói về sự suy xét của những A-la-hán.] (35)

36 [Nguyên văn chữ này: Be ghi là: anassasaṃ; Se và Ee ghi: anassāsiṃ. Đây

là thể 'bất định thời (?)' thứ nhất của chữ nassati. Spk giải nghĩa chữ này là = naṭṭho nāma ahaṃ.] (36)

37 [Nguyên văn cụm chữ cuối này là: Āyatiṃapunabbhavāya. Spk: Ở đây,

"sự không tái hiện-hữu trong tương lai" là đồng nghĩa Niết-bàn. Ý nghĩa là: "Nó sẽ được dẹp bỏ bởi thầy để có/vì mục đích Niết-bàn".] (37)

38 [Cử động, cựa mình, muốn ngồi dậy là để tỏ lòng kính trọng và chào đón

khi có người (Phật) đến thăm mình; chú thích này và những câu tiếp theo cũng giống lời trong kinh Vakkali, SN 22:87 (Quyển 3).] (38)

39 ['Sự phai biến của tham dục' (rāgavirāgatthaṃ). Nghĩa của chữ này thường được lặp lại rất nhiều (trong các kinh), vì bản thân chữ 'virāga' có nghĩa là 'không-có rāga', tức 'không-có tham dục' hay 'vô-dục'. Nhưng gốc chữ 'virāga' vốn có nghĩa đen là sự loại bỏ màu sắc, sự làm phai màu, và do vậy toàn bộ chữ ghép có thể dịch nghĩa như là "sự phai biến" của "màu sắc" bị nhuốm bởi 'tham dục'.] (39)

40 [Sự khởi-sinh tầm-nhìn của Giáo Pháp (dhammacakkhu) có nghĩa là sự

chứng-ngộ một trong 03 thánh quả thấp hơn A-la-hán (thường là Nhập-lưu).] (40)

41 [Nguyên văn cụm chữ cuối là: anupādāparinibbānatthaṃ. Ở đây có sự là

một chữ được hiểu theo 02 cách: đối với tiếng Pāli chữ upādā (hay upādāna: sự chấp thủ, dính chấp) có hai nghĩa là sự dính-chấp và nhiên-liệu, do vậy mục tiêu của Giáo Pháp cũng có thể được hiểu là "sự dập tắt [lửa] thông qua sự hết nhiên-liệu" (như ngọn đèn tắt khi dầu cạn hay tim hết). Dĩ nhiên lửa ở đây là tham, sân, si [coi "Kinh Lửa" SN 35:28]. Ee đã bỏ đi đoạn kế tiếp nói về sự giả định giống hệt với phần tương ứng của kinh kế trên, và học giả Woodward đã làm ý ở luận giảng KS 4:25. Tuy nhiên phiên bản Be và Se thì



không làm giống vậy. Kinh kế trước chỉ đề cập sáu cơ-sở bên trong (sáu giác-quan, sáu nội xứ), nhưng kinh này thì liệt kê ra tất cả những hiện-tượng vốn khởi sinh thông qua mỗi cơ-sở cảm-nhận đó. Điều này có thể giải thích (ít nhất một phần nào) lý do tại sao vị Tỳ kheo trong kinh này chứng ngộ A- la-hán, còn Tỳ kheo trong kinh kế trước chỉ chứng ngộ tầm-nhìn của Giáo Pháp.] (41)

42 [Chỗ này không phải do Phật nói lắp hay nói theo kiểu 'huề không'! Ý

Phật muốn nhấn mạnh lại rằng: vô-minh là nguyên nhân gốc rễ nhất của sự trói-buộc (với sự hiện-hữu, luân hồi?), và nó phải được loại bỏ để loại bỏ (một phát) tất cả những dây trói-buộc khác (chẳng hạn những sự dính-chấp, danh-sắc?).] (42)

43 [Phần thứ nhất của bài chỉ giáo này, câu "người đó hoàn-toàn hiểu mọi

thứ" được gồm có trong "lời khuyên dạy ngắn ngọn về sự giải-thoát thông qua sự dập tắt dục-vọng" trong kinh MN 37, mục 3 và kinh AN 7:61, gần cuối kinh; với thứ tự thì

khác nhau. Spk giải nghĩa: "Người đó nhìn thấy tất cả mọi dấu-hiệu (hình tướng) một cách khác đi" (sabbanimittāni aññato pas- sati): là người đó nhìn thấy tất cả mọi dấu-hiệu của những sự tạo-tác (saṅkhāranimittāni) theo một cách khác với cách của những người chưa hoàn-toàn hiểu những sự cố-chấp. Bởi vì những người (chưa hoàn-toàn hiểu) thì nhìn tất cả mọi dấu-hiệu là cái 'ta' (ngã), còn người đã hoàn-toàn hiểu những sự cố-chấp thì nhìn chúng là vô-ngã, không phải là cái 'ta' nào. Như vậy trong kinh này đặc tính "vô-ngã" đang được thảo luận.] (43)

44 [(Ở kinh SN 12:24 (Quyển 2) có chú thích số 72 về đoạn (*) này như sau:

[Cách diễn đạt của đoạn (*) này được coi như đoạn "mẫu" được dùng trong các bộ kinh Nikāya, thường có thể được lặp lại hơi khác nhau chút xíu tùy theo ngữ cảnh của mỗi bài kinh, ví dụ trong các kinh SN 12:25, 12:26, 22:02, 22:86, 35:81, 42:13, 44:02, và 45:05, (và trong mấy kinh thuộc AN).] (72).)] (44)

45 [Nguyên văn: Lujjatı ti kho bhikkhu tasmā loko ti vuccati. Đây là một cách

cố chơi chữ vì mục đích sư phạm, lấy chữ loka từ chữ lujjati, mời coi thêm chú thích 186, kinh SN 22:94 (Quyển 3), đoạn (3). Còn về sáu cơ-sở cảm- nhận là 'thế giới', mời coi lại kinh SN 35:116 ở trên. (Ý chỉ 'thế giới' được



định nghĩa là gồm những tạo-tác, những thứ sinh diệt, những thứ hợp tan).] (45)

46 [Spk giải thích chữ chinnapapañca (cắt đứt sự bội-tăng) là chỉ sự bội-tăng

của dục-vọng, và chữ chinnavaṭuma (cắt đứt đường-lún) là chỉ đường-lún hay vết-xe của dục-vọng. Nghĩa câu hỏi ở đây dường như là: Có phải những vị Phật trong quá khứ, khi chứng yếu-tố niết-bàn không còn tàn dư (vô dư y niết-bàn giới), thì họ có còn giữ nguyên sáu căn cảm-nhận hay không?] (46)

47 [Nguyên văn: Yaṃ kho Ānanda palokadhammaṃ ayaṃ vuccati ariyassa

vinaye loko. Paloka là từ chữ palujjati (tan rã, phân rã, tan hoại), là một thể được tăng cường của chữ lujjati và không có liên hệ gì về mặt nguyên từ học với với chữ loka (thế giới); coi lại thêm kinh 35:82 kế ở trên.] (47)

48 [Kinh này giống như MN 144 có tên "Lời Khuyên Dạy Channa" (Channo-

vāda). Thêm nữa, Channa trong kinh này rõ ràng không phải là Channa (từng là người lái xe ngựa của Phật khi còn là thái tử) trong kinh SN 22:90.] (48)

49 [Bắt đầu từ chỗ này trở xuống cộng với các ví dụ: là đoạn kinh "mẫu"

thường được dùng trong các kinh để diễn tả sự đau đớn không thể chịu đựng nỗi của người bệnh nặng và đau đớn như sắp chết.] (49)

50 [Nguyên văn: Satthaṃ āharissāmi. Đây là một cách để diễn tả sự muốn tự

sát … để kết liễu thân bệnh hành hạ đau đớn.] (50)

51 [Nguyên văn câu cuối: Anupavajjaṃ Channo bhikkhu satthaṃ āharissati.

Bằng câu này thầy ấy dường như ám chỉ mình đã là một A-la-hán. Spk giải nghĩa chữ "một cách không tội lỗi" (anupavajjaṃ, một cách không đáng chê trách) là "không còn tiếp tục hiện-hữu, không còn tái sinh" (appavattikaṃ appaṭisandhikaṃ).

- (Có thể hiểu thêm câu kế trên thầy Channa đã đề cập tới sự tôn kính Đức Phật có lẽ ý thầy ấy muốn nói mình không làm điều sai hay trái với Giáo Pháp của Phật, ngay cả đó là sự tự sát cái thân bệnh của mình).] (51)

52 [Tới chỗ (a) này, theo Spk thì: Thầy Channa đã trả lời những câu hỏi của

thầy Xá-lợi-phất theo cách mình đã là một A-la-hán, nhưng thầy Xá-lợi-phất chỉ im lặng mặc dù thầy Xá-lợi-phất biết thầy Channa vẫn còn là người



phàm. Tuy nhiên, tiếp theo, thầy Đại Cunda đã khởi xướng cho thầy Channa để thuyết phục thầy ấy cần phải nắm chắc về (sự chưa là A-la-hán) của mình.] (52)

53 ["Giáo lý này của đức Thế Tôn" này đã được ghi trong kinh Ud 81,6–10.

Spk đã giải thích sự kết-nối giữa giáo lý này và tình trạng hiện tại như vầy: Đối với người còn tùy-thuộc (nissitassa): nghĩa là "còn tùy thuộc vào dục- vọng (ái), sự tự-ta (ngã mạn), và những quan-điểm này nọ (tà kiến)"; có sự dao-động (calitaṃ): là sự động vọng, khích động, thất thường. (Thầy Đại Cunda nghĩ rằng:) Khi thầy Channa là không thể chịu đựng được sự đau đớn đã khởi sinh, thì có nghĩa trong thầy ấy còn sự dao-động của một người chưa hết khỏi sự dính-chấp với ý nghĩ: 'Ta' đang bị dau, sự đau đớn là 'của-ta'. Với lời này là thầy Đại Cunda muốn nói với thầy Channa rằng: 'Thầy vẫn còn là một phàm phu, chưa phải A-la-hán'. Không còn ngã-hướng (nati): là không còn ngã hướng này nọ theo/bởi dục-vọng. Không còn sự-đến và sự-đi: không sự-đến bằng cách tái-sinh, không sự-đi bằng cách chết-đi. Điều này chính là sự chấm-dứt khổ: điều này chính là sự chấm dứt, sự kết thúc, sự tới hạn của sự-khổ do những ô-nhiễm (lậu hoặc) và sự-khổ do vòng luân-hồi [đây cũng được gọi là những 'rào-cản' của cái tâm.

- Ở đây, nếu có những người nghĩ rằng cụm chữ "ở-giữa hai chỗ đó" (ubha-yamantarena) hàm nghĩa là một trạng thái trung-gian như một dạng thân trung-ấm (antarābhava) thì điều họ nói là vô nghĩa, bởi vì Vi Diệu Pháp Tạng (Abhidhamma) đã bác bỏ sự tồn tại của một trạng thái trung-gian (thân trung ấm). Bởi vậy, nghĩa ở đây đơn giản chỉ là: "Không ở đây, không ở trên, cũng không ở giữa đó—mà là một trường hợp khác" (chẳng hạn Niết-bàn).

- Mặc dù Vi Diệu Pháp Tạng của Trưởng Lão Bộ (Theravāda Abhidhamma) [coi thêm Kvu 362–66] và những luận giảng đã bác bỏ sự có mặt của một antarābhava (thân trung-ấm), nhưng vẫn có một số kinh dường như đã ủng hộ quan niệm này. Mời coi thêm chú thích ở cuối kinh SN 44:09 ở cuối quyển này, chú thích số đuôi (382), và coi thêm chú thích số 65 gần cuối kinh SN 46:03 (Quyển 5).] (53)

54 [Tới chỗ (b) này thì Spk giải thích: Thầy Channa đã cắt tĩnh mạch cổ của

mình, và rồi sự sợ-chết đã xâm nhập vào thầy ấy. Khi dấu-hiệu (hình tướng) của cảnh giới tái-sinh xuất hiện, thầy ấy mới nhận ra mình vẫn còn là một



phàm và tâm thầy ấy trở nên bị khích động. Thầy ấy liền thiết lập sự minh- sát, nhận biết rõ những sự tạo-tác (các hành), và chứng tới A-la-hán, thầy ấy đã bát-Niết-bàn.] (54)

55 [Đến chỗ (c) này thì Spk giải thích: "Mặc dù sự tuyên bố về sự "không bị

tội-lỗi" đã được nói ra khi thầy Channa vẫn còn là một người phàm, nhưng do sự chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (bát Niết-bàn) của thầy ấy xảy ra lập tức ngay sau đó, nên Phật đã trả lời bằng cách nhắc lại chính lời tuyên bố đó của thầy ấy."

Nên lưu ý rằng: sự diễn dịch như trên bởi luận giảng chỉ là sự gán ghép những thông tin từ ngoài đối với bài kinh, (không nhất thiết là luôn đúng với nghĩa của kinh); và đúng thực đó chỉ là những thông tin do diễn dịch từ bên ngoài chứ không dựa vào lời kinh. Nếu chúng ta chỉ cần bám kỹ vào lời bài kinh thì hình như thầy Channa đã là một A-la-hán khi thầy ấy nói lời tuyên bố như vậy, và nếu đúng vậy thì đây thực sự là 'cú sốc' khi cả hai vị thánh sư huynh đã không nhận ra điều đó! Dĩ nhiên, hàm nghĩa bài kinh là: sự đau đớn hành hạ tột cùng đó cũng khiến ngay cả một A-la-hán muốn kết liễu mạng sống của chính mình—không phải do sân hận mà chỉ đơn giản là do một ý chí muốn được tự do khỏi sự đau đớn bất khả chịu đựng đó; (cũng giống kinh SN 22:87 nói về sự kết liễu thân mình của A-la-hán Vakkali vậy). (55)

56 [Tên của ngôi làng được ghi hơi khác nhau trong các phiên bản kinh; tôi

ghi theo Ee ở đây. Tôi coi những chữ mittakulāni suhajjakulāni upava- jjakulāni—được dùng để mô tả những gia đình tại gia đã giúp đỡ (cúng dường, tiếp tế) cho thầy Channa—là những chữ đồng nghĩa. Spk giải nghĩa đó là upasaṅkamitabbakulāni (những gia đình được ghé đến, được đến gặp) [để thầy ấy được cúng dường những thứ nhu yếu như y phục, thức ăn, thuốc men … để nuôi thân tu hành] (56)

57 [Khi Đức Phật nói về những điều-kiện (yếu tố, lý do) theo đó một người tu

là có tội lỗi (sa-upavajja), chữ upavajja ở đây là đại diện chữ Phạn upavadya. Mặc dù ở trên Spk đã giải nghĩa chính xác chữ upavajjakulāni là gì (chú thích kế trên), nhưng ở đây nhà luận giải Spk dường như không hay biết gì về sự 'chơi chữ' nên đã luận giải thư thể thầy Channa đã thực sự dính tội lỗi vì đã giao lưu gần gũi với những người tại gia. Nhà luận giải ghi rằng: "Trưởng lão Xá-lợi-phất, sau khi chỉ ra tội lỗi của thầy Channa vì có sự thân



mật với những gia đình (kulasaṃsaggadosa) trong giai đoạn tu tập ban đầu, và thầy Xá-lợi-phất đã hỏi đức Thế Tôn: 'Khi một Tỳ kheo có những gia đình thân mật như vậy, liệu người đó có thể nào đã chứng được bát-Niết-bàn hay không?' Đức Thế Tôn đã trả

lời chỉ ra rằng thầy Channa không có thân mật với những gia đình đó". Về sự thân mật tình cảm với những gia đình được coi là một tội hay lỗi vi phạm của những Tỳ kheo, mời coi lại các kinh SN 9:07 (Quyển 1), 16:03, 16:04, 20:09, 20:10 (Quyển 2).] (57)

58 [Kinh này cũng giống kinh MN 145, được đặt tên là kinh Puṇṇovāda Sutta

(Kinh Khuyên Dạy Phú-lâu-na), chỉ có các đoạn mở đề và đoạn kết thúc có hơi khác chút ít. (Lưu ý: Phú-lâu-na [Puṇṇa] trong kinh này là khác với ngài Phú-lâu-na [Puṇṇa Mantāṇiputta] được nói trong kinh MN 24 (và là người đã được Phật tuyên bố trong kinh AN 1:196 là đệ tử đệ nhất về thuyết pháp).

- Bối cảnh bài kinh là, theo Spk: Ngài Phú-lâu-na (Puṇṇa) trước kia đã từng là một thương nhân từ xứ/nước Sunāparanta được nói ra bên dưới, đã đến thành Sāvatthī (Xá-vệ) vì công việc làm ăn. Sau khi nghe được lời thuyết giảng của Phật, thầy đã quyết định trở thành một Tỳ kheo. Sau khi thụ giới thầy ấy thấy vùng xung quanh thành Sāvatthī không hợp cho sự thiền tập của mình, nên thầy ấy muốn trở lại quê hương để tiếp tục tu tập. Thầy ấy đã đến gặp Phật để xin Phật hướng dẫn trước khi đi.

- Những chi tiết về tiểu sử của thầy ấy, mời quý vị đọc thêm DPPN 2:220– 21. Xứ Sunāparanta ở phía bờ tây của Ấn Độ. Thủ đô của nó là Suppāraka, chính là Sopāra ngày nay nằm trong quận Thāna gần thành phố Mumbai. (Xứ Sunāparanta ngày nay là bang Maharashtra, bang lớn và đông dân thứ nhì của Ấn Độ). (58)

59 [Về chuyện này, mời coi kinh SN 54:09.] (59)

60 [Câu cuối này có chú thích số 650 trong Quyển 1 như vầy: [Nguyên văn

câu này và nghĩa gốc là: Yassa dāni kālaṃ maññasi (Thầy có thể đi khi có sự thuận tiện của mình). Về câu này có thể coi thêm bài viết có tên (tạm dịch là) "Về Thể Thức Lên Đường và Cách Dịch Của Nó" (On a Departure Formula and its Translation) của học giả Manne. Mẫu câu 'tiễn đưa' này của Phật cũng có trong các kinh 35:88, 35:243, 44:1 (Quyển 4), kinh 54:9 và 55:6



(Quyển 5). Có chỗ tôi dịch câu này với câu chữ hơi khác chút xíu để cho hợp với ngữ cảnh lời kinh ở đó.] (60).]

61 [Ee đã bỏ câu ten' ev' antaravassena pañcamattāni upāsikāsatāni paṭipādesi; trong Be và Se thì thấy có [nhưng 2 phiên bản sau ghi động từ cuối là paṭivedesi]. Trong kinh MN 145 ngay câu này thì ghi rằng thầy ấy đã bát-Niết-bàn (Niết-bàn cuối cùng và qua đời) "vào một dịp/thời sau đó" (aparena samayena) chứ không không xác định rõ là ngay trong kỳ An Cư Mùa Mưa đầu tiên ở đó.] (61)

62 [Spk: sự quấy động (ejā) là dục-vọng, do vậy mới nói (bị quấy động) theo

nghĩa động chuyển (calanaṭṭhena) như vậy. Còn anejā (không bị quấy động) là cách mô tả chung về một A-la-hán.] (62)

63 [Chỗ này coi lại chú thích số 16 của kinh SN 35:30 ở trên.] (63)

64 [Chỗ này coi lại kinh SN 35:31, và chú thích số 19 ở cuối đoạn thứ hai của

nó.] (64)

65 [(*) (Vì nếu một người bỏ qua 12 cơ-sở cảm-nhận thì người đó đâu thể chỉ

ra hiện-tượng nào có thực). [Mời lại chú thích số 7, kinh SN 35:23.]

(**) (Nghĩa là: nếu ra ngoài trú xứ (lãnh vực, chuyên môn) của mình thì một người sẽ bị phiền-ưu vì sẽ gặp phải khó khăn nan giải). [Mời coi lại chú thích số 8, SN 35:23.] (65)

66 [Tôi đọc theo Be là: calañ c' eva byathañ ca. Se và Ee ghi chữ vyayañ thay

vì chữ byathañ, nhưng Be dường như cũng có sự ủng hộ của Spk và Spk-pṭ. Spk (của Be) khi ghi: Calañ c' eva byathañ cā ti attano sabhāvena asaṇṭha- hanato calati c' eva byathati ca = [Đang chuyển động và đang lung lay: nó chuyển động và lung lay vì nó không giữ ổn định trong bản chất của nó]. [Spk (của Se) cũng nói giống vậy, nhưng ghi với chữ v.l. asaṃvahanato (?)] Spk-pṭ thì ghi rằng: Byathatı ti jarāya maraṇena ca pavedhati [[Nó] lung lay: nó rung rẩy vì sự già và chết]. Coi thêm MW, s.v. vyath: rung rẩy, dao dộng, đi đến hư hỏng, thất bại.] (66)

67 [Nguyên văn cả câu này: Phuṭṭho bhikkhave vedeti phuṭṭho ceteti phuṭṭho

sañjānāti. Chỗ này chỉ ra 03 uẩn là cảm-giác, những sự tạo-tác cố ý, và



nhận-thức (thọ, hành, tưởng) (*) Như vậy đối với mỗi cơ-sở cảm-nhận, tất cả 05 uẩn đều được đưa vào: cơ-sở cảm-nhận (nội xứ) và đối-tượng của nó (ngoại xứ) là thuộc sắc-uẩn; thức tương ứng là thuộc thức-uẩn; và 03 uẩn khác khởi sinh từ sự tiếp-xúc. Đối với cơ-sở tâm (tâm xứ) thì căn bản thuộc sắc của tâm (vatthurūpa) và đối-tượng (tùy lúc có) đều là thuộc sắc-uẩn. (Riêng chú thích này, từ (*) người dịch Việt dịch nguyên văn chú giải, nhưng không thực sự hiểu rõ rệt ý nghĩa của nó).] (67)

68 [Tên kinh ghi theo Be. Trong Se kinh này được gọi là Cha phassāyatana

(Sáu Cơ Sở Để Tiếp Xúc) và trong Ee kinh này và kinh kế tiếp được gọi là Saṅgayha (Gồm Có) nghĩa là gồm có phần thi kệ.] (68)

69 [Cụm chữ cuối là: dukkhādhivāhā. Spk: chúng là những thứ mang đến

(āvahanakā) sự khổ đau cùng cực, sự thống khổ (adhidukkha), chúng được xếp vào loại "như địa ngục"...] (69)

70 [Chữ cuối là: sukhādhivāhā. Spk: chúng là những thứ mang đến (āva-

hanakā) sự hạnh-phúc cực kỳ, cực lạc (adhisukkha), được xếp loại là những thứ như "tầng thiền định, thánh đạo, và thánh quả".] (70)

71 Nguyên văn dòng kệ (pāda) này là: papañcasaññā itarītarā narā, dựa vào

đó Spk đã luận giải: "Những chúng sinh phàm thường 'trở thành như nhận- thức đã được tăng phóng' đó bởi đó là nhận-thức bị ô-nhiễm (kile- sasaññāya)". Về cách mà

“những nhận-thức và những ý-niệm bị ảnh hưởng bởi sự tăng phóng” khởi sinh và ám muội một người, mời coi kinh MN 18, từ mục 15. Chữ papañca được giải thích bởi các luận giảng là có từ 03 nguồn gốc: dục-vọng, sự tự-ta, và những quan-điểm này nọ (taṇhā, māna, diṭṭhi; ái, ngã mạn, tà kiến) trong năng lực của nó để gây ra sự sai lệch đảo điên và sự ám muội của tâm. “Nhận-thức bị tăng phóng” có thể được diễn dịch là sự nhận-thức sai lệch sai lạc (tà tưởng) vì cho rằng có sự ‘thường hằng, sướng, bản ngã, và sạch đẹp’ (thường, lạc, ngã, tịnh) trong những thứ đích thực là ‘vô thường, khổ, vô ngã, và bất tịnh’ [Coi thêm cách diễn đạt về chữ saññāvipallāsa ở đầu kinh AN 4:29 và chú thích của nó (sự đảo điên của nhận-thức).] Người đó bị đảo điên là do bị gây ra bởi những ô-nhiễm bội tăng.



- “Trạng thái tâm” là dịch chữ manomaya, đây một tính từ có nghĩa là “được làm bằng tâm, do tâm tạo ra” với danh từ được bổ nghĩa được hiểu ngầm (chứ không ghi ra). Spk giải nghĩa như vầy: “Sau khi đã xua tan mọi ý-nghĩ (tầm) ‘do tâm tạo ra’ (manomayaṃ vitakkaṃ) kết nối tới ‘đời sống tại gia của năm dây dục-lạc’, một Tỳ kheo thiện giỏi sẽ đi trên [con đường] hướng tới sự từ-bỏ”. Sự tương phản giữa sự sướng (hạnh phúc, thân lạc) của đời tại gia phàm tục và sự sướng (an lạc, tâm lạc) của đời xuất-gia đã được giảng giải kỹ trong kinh MN 137, mục 9, 10.] (71)

72 [Ngài Māluṅkyaputta cũng xuất hiện trong kinh MN 63 và 64; và trong thi

kệ Th 794–817. Vị này cũng có mặt trong kinh AN 4:257, trong đó thầy đã thỉnh cầu giáo pháp khi tuổi đã già. Spk giải thích rằng thời trẻ thầy ấy đã lơ tâm chểnh mảng, say mê với những vui thú dục-lạc; giờ đến lúc già thầy ấy muốn sống trong rừng và thiền tập.] (72)

73 [Spk nói: Đức Thế Tôn nói như vậy như có ý quở trách thầy ấy đã không

lo tu khi còn trẻ mà để tới già mới lo và đã không làm gương cho những Tỳ kheo trẻ.] (73)

74 [Spk giải nghĩa chữ adiṭṭhā ở đây là “đã không được nhìn thấy trong kiếp

này” và chữ adiṭṭhapubbā là “chưa bao giờ được nhìn thấy trước giờ”. Sự minh họa cho sự giải nghĩa này có thể đọc thấy ở kinh 42:11 (Quyển 4 này).] (74)

75 [Lời khuyên dạy giống vầy cũng được Phật nói cho du sĩ Bāhiya Dārucīri-

ya ở kinh Ud 8,5–12. Nghĩa ở đây được nén lại một cách cực kỳ và ở những chỗ đoạn kinh dường như thách đố ngữ pháp tiêu chuẩn [chẳng hạn ghi những chữ na tena và na tattha như những vị ngữ chỉ định (?)].

- (i) Spk chú giải rất dài chỗ này, trong đó tôi trích dẫn một phần như sau: Trong cơ-sở những hình-sắc (sắc xứ), tức trong những thứ được nhìn thấy bởi thức-mắt, thì “sẽ chỉ có thứ được nhìn thấy”. Bởi vì thức-mắt chỉ nhìn thấy sắc trong sắc (sắc chỉ là sắc), chứ không phải bản thể nào là thường- hằng, hữu ngã … Cũng giống như vậy đối với những loại thức tương ứng còn lại [Spk-pṭ bổ sung: tức là những thức tốc hành (javana)], rằng

sẽ chỉ có thứ được nhìn thấy. Hoặc nói cách khác: Thứ được gọi là "thứ được nhìn thấy trong thứ được nhìn thấy" là thức-mắt, (nó) có nghĩa là sự nhận biết sắc trong

Chú Thích • 409

sắc. Chữ "chỉ, chỉ là" là biểu thị giới-hạn (mattā ti pamāṇaṃ). Nó chỉ là 'thứ được nhìn thấy', là (một thuộc tính của) tâm. Nghĩa là: "Tâm của ta sẽ chỉ là một thức-mắt mà thôi". Điều này có nghĩa là: Khi thức-mắt không bị tác động bởi tham, sân, hay si trong liên hệ với một hình-sắc đã đi vào tầm (của mắt), thì thức tốc-hành (javana) sẽ chỉ như một thức-mắt nhờ sự thiếu tham, sân, si. Ta sẽ thiết lập javana với thức-mắt là giới-hạn và cho phép tâm khởi sinh theo cách của tham, sân, si. Cách giải thích tương tự đối với thứ được nghe và thứ được cảm nhận. Thứ "được nhận biết" là đối-tượng được nhận biết bởi sự hướng tâm [thức] ra cửa-tâm (manodvārāvajjana). Trong thứ đã được nhận biết đó, "chỉ là thứ được nhận biết" là sự hướng tâm [thức] là giới-hạn. Khi không bị tham, sân, si, bằng sự hướng tâm, vậy ta sẽ thiết lập tâm mình với sự hướng tâm là giới-hạn, không cho nó khởi sinh theo cách của tham, sân, si. (?)

- (ii) Câu "thầy sẽ không là "bởi-đó" (na tena)" nghĩa là: thầy sẽ không bị phát khởi bởi tham đó, hay bị kích thích bởi sân đó, hay bị ngu mờ bởi si đó. Câu "thì thầy sẽ không ở "trong-đó" (na tattha)" nghĩa là: khi thầy không bị phát khởi bởi tham, sân, si ... thì "thầy sẽ không ở trong (tham, sân, hay si)- đó"— mà chỉ hướng theo, dính theo, được thiết lập trong thứ được nhìn thấy, thứ được nghe thấy, thứ được cảm nhận, và thứ được nhận biết (đúng như nó đơn giản chỉ là vậy).

- (iii) Spk chú giải câu "không ở bên-này hay bên-kia hay ở giữa hai-bên" cũng giống như chú giải số 53 ở trên, và một lần nữa luận giảng này cũng đề nghĩ tránh bỏ việc thừa nhận một trạng thái trung-gian (như trung-ấm).

- (iv) Những đoạn thi kệ bên dưới là phân-giải một cách chi tiết ý nghĩa của lời Phật đã nói ra một cách ngắn gọn. Dường như những dòng kệ đã đi xa hơn cái sự "chỉ là thứ được nhìn thấy" là gán cho một dấu-hiệu dễ chịu (tướng đẹp, piyanimitta)—một thuộc tính hấp dẫn—cho những đối-tượng được nhìn thấy, được nghe thấy ... và từ sự này nên có những ô-nhiễm là kết quả của sự hấp dẫn (tham) và sự khó-chịu (sân). (??)] (75)

76 [Nên đọc câu này là: cittam ass' ūpahaññati.] (76)

410 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

77 [Khīyati no pacīyati. Câu này không ghi chủ từ là cái gì được tiêu tán ...

nhưng Spk gợi ý đó là cả hai thứ "sự khổ" và "những ô-nhiễm khác nhau" được tiêu tán ...] (77)

78 [Chữ gốc là: parihānadhamma.] (78)

79 [Nguyên văn: Sarasaṅkappā saṃyojaniyā. Spk coi sara là xuất thân từ chữ

saranti (chạy) và giải nghĩa là dhavanti, nhưng tôi coi nó là một từ đồng âm có nghĩa là "nhớ" ["nhớ" cũng là căn bản của danh từ sati với cả 2 nghĩa là sự-nhớ và sự chánh-niệm.] (79)

80 [Nguyên văn: cha abhibhāyatanāni (sáu cơ-sở được chế ngự; được làm

chủ, được kiểm soát, được phòng hộ). Spk giải nghĩa là: abhibhavitāni āyatanāni. Tất cả những cơ-sở này là khác với tám cơ-sở cho sự vượt-trên (aṭṭha abhibhāyatanāni) đã được nói trong các kinh DN II 110–11 (?), kinh MN 77, mục 23 và chú thích 765 ở đó.] (80)

81 ["Bị lắp, bị lắp đất, bị phủ đất". Spk: chữ gốc: byāsiñcati có nghĩa gốc là

rãi lắp, rãi đầy; hàm nghĩa ở đây là: bị nhuốm màu bởi những ô-nhiễm.] (81)

82 [Chỗ này đọc theo Se và Ee là dukkhaṃ viharati, khác với Be ghi là duk-

khaṃ hoti.] (82)

83 [Những hiện-tượng (các pháp) không thể hiện (dhammā na pātubhavanti).

(i) Theo Spk: nói đây là những trạng thái của thiền-định và minh-sát (sa-matha-vipassanā dhammā) không thể hiện; (ii) nhưng theo tôi nghĩa thì nghĩa ở đây là: những cơ-sở bên trong (nội xứ) và những cơ-sở bên ngoài (ngoại xứ) [được gọi chung ở đây là các pháp (dhamma)] không thể hiện đúng thực là 'vô thường, khổ, vô ngã'; coi thêm kinh SN 35:99 ngay bên dưới.] (83)

84 [Kinh này 35:99 và kinh kế 35:100 tiếp là các kinh song hành tương tự của

các kinh 22:05 và 22:06 (Quyển 3). Mời coi lại chú thích số 31 ở kinh 22:06 về sự tách-ly về thân (sự ẩn dật, ẩn tu).] (84)

85 [Kinh 35:101 này và kinh kế tiếp 35:102 là các kinh song hành tương

đương của các kinh 22:33 và 22:34 (Quyển 3). Coi lại chú thích số 46 ở kinh 22:33.] (85)



86 [Ông Uddaka Rāmaputta là vị thầy thứ hai của Phật về thiền-định trong

thời trước khi Phật giác-ngộ; thời đó Phật đã thấy cách tu đó không đưa đến sự giải-thoát rốt ráo, nên đã từ biệt ông. Coi MN 26, mục 15, 16.] (86)

87 [Đoạn mô tả về thân "thân này gồm bốn yếu tố lớn … phải bị chà xát và đè

bóp, phải bị tan hoại và tan rã" là đoạn "mẫu" cũng có trong các kinh SN 35:245 và SN 41:05. Spk giải thích sự chà-xát (ucchādana) là dùng hương thơm và dầu thơm để loại bỏ những mùi hôi, và sự đè-bóp (parimaddana) là thoa bóp bằng nước để loại bỏ sự đau nhức của tay chân. Toàn bộ lời đoạn "mẫu" này mô tả này chỉ ra những giai đoạn khởi-sinh, tăng-trưởng, sa-sút, và hủy-hoại của thân.] (87)

88 [Yogakkhemīpariyāyaṃ: sự an-toàn khỏi (mọi) sự trói-buộc. Thông thường

chữ yogakkhema là một chữ đồng nghĩa với thánh quả A-la-hán hay Niết- bàn, được giải thích bởi những luận sư là "sự an-toàn hay sự thoát-khỏi 04 sự trói-buộc (yoga) là tham-dục, sự hiện-hữu, vô-minh, và những tà-kiến.] (88)

89 [Có sự chơi chữ ở đây [không thể nào bắt chước được] dựa trên một sự

phái sinh 02 lần của chữ yogakkhemı. Đúng hơn, chữ sau là một dạng của chữ trừu tượng yogakkhema, có nghĩa là 'người an toàn khỏi sự trói-buộc'. Tuy vậy, bên cạnh nghĩa trói-buộc, yoga cũng có thể có nghĩa là sự nỗ-lực hay sự cố-gắng, đây là một nghĩa có liên hệ tới câu trước là: tesañ ca pahānāya akkhāsi yogaṃ. Về mặt ngữ âm, câu này có lẽ nối kết động từ akkhāsi [thông qua gốc từ khā] với chữ khemı, mặc dù chúng không có liên hệ gì với nhau về mặt từ nguyên. Như vậy chữ yogakkhemı có thể có nghĩa là "người an toàn khỏi sự trói-buộc" [nghĩa thực] hoặc "người tuyên bố về sự cố-gắng" [nghĩa do cố tình chuyển tải bằng sự chơi chữ]. Spk nói rằng người được gọi là yogakkhemı không chỉ bởi vì người đó 'tuyên bố [về sự cố-gắng]', mà cũng bởi vì người đó đã trừ bỏ [tham-muốn và nhục-dục].] (89)

90 [So sánh với kinh SN 22:150 (Quyển 3), và coi lại chú thích thứ hai ở kinh

22:83 (Quyển 3) về chữ upādāya (do dính-chấp, bởi sự dính-chấp).] (90)

91 [Đây là ba dạng thể hiện của "sự tự-ta' (ngã mạn, ta-đây); coi thêm kinh

SN 22:49.] (91)

412 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

92 [Kinh này 35:109 và kinh kế tiếp 35:110 là kinh song hành với các kinh

22:120 và 22:121 (Quyển 3).] (92)

93 [Kinh này 35:111 và kinh kế tiếp 35:112 là hầu như giống hệt kinh 35:26.]

(93)

94 [Chỗ này thì Be ghi đúng chánh tả hơn là: paṭimukk' assa mārapāso [và

ngay bên dưới ghi là: ummukk' assa mārapāso]. Spk giải thích là: cạm bẫy của Ma Vương (Māra) được siết chặt, được quấn quanh cổ của người đó. So sánh với kinh It 56,15–21.] (94)

95 [Lời trong ngoặc vuông [ …] ở đây và bên dưới cũng có trong kinh kế trên,

nhưng trong kinh này chỉ có trong phiên bản Be.] (95)

96 [Coi thêm kinh SN 2:26 (Quyển 1) [= AN 4:45] với vị tiên trẻ Rohitassa;

kinh 35:116 này có thể được coi như một 'luận giảng' cho 02 kinh đó vậy.] (96)

97 [Toàn bộ phần lời kinh còn lại bên dưới cũng được tìm thấy tương tự có

trong kinh MN 18, MN 138. Spk nói: Phật đã biết trước các Tỳ kheo sẽ đến gặp hỏi thầy Ānanda để thầy ấy sẽ giảng giải, và sự giảng giải của thầy ấy sẽ được khen ngợi. Rồi các Tỳ kheo đó sẽ kính trọng thầy Ānanda, và điều đó sẽ làm tăng thêm ích-lợi và hanh-phúc dài lâu cho họ.] (97)

98 [Nguyên văn cả câu này: Yena kho āvuso lokasmiṃ lokasaññı hoti loka-

mānı ayaṃ vuccati ariyassa vinaye loko. Về hàm nghĩa của câu này, mời coi lại kinh SN 2:26 (Quyển 1) và chú thích 182 ở đó.] (98)

99 [Về nghĩa "sáu cơ-sở cảm-nhận là 'thế giới' theo nghĩa đang tan rã": mời

coi lại kinh 35:82 ở trên. Ở đây chúng được gọi là 'thế giới' bởi vì chúng là những điều-kiện (duyên) để chúng sinh trở thành người nhận-thức và người nhìn-nhận về thế giới. Chúng ta có thể đoán rằng: 05 cơ-sở cảm-nhận thuộc thân là nổi trội trong việc tạo nên một "người nhận-thức về thế giới"; còn cơ- sở tâm thì tạo nên một "người nhìn-nhận về thế giới". Tuy nhiên trong kinh không nói sự khác biệt gì về 02 loại người này. Sáu cơ-sở cảm-nhận ngay lập tức là một phần của thế giới ["là thứ trong thế giới"] và là phương tiện cho sự thể hiện của một thế giới ["thứ thông qua đó"]. Chỗ "kết-thúc của thế giới"

Chú Thích • 413

phải đạt tới được thì mới làm nên sự chấm-dứt đối với sự khổ, đó là Niết-bàn, vốn được gọi [trong số những cách gọi và định nghĩa khác] là = sự chấm-dứt sáu cơ-sở cảm-nhận.] (99)

100 [Cụm chữ cuối là: cetaso samphuṭṭhapubbā, được giải nghĩa bởi Spk là

cittena anubhūtapubbā (được trải nghiệm trước đó bởi tâm).

- Spk lần lượt giải thích: (i) Tâm của ta đã thường đi lạc (tatra me cittaṃ ba- hulaṃ gaccheyya) là Phật chỉ rằng: "Trong nhiều lúc nó chuyển tới năm dây dục-lạc đã từng trải nghiệm trước đó lúc ta đang thụ hưởng sự xa xỉ trong 03 cung điện với 03 loại vũ nữ … (khi còn là thái tử)". (ii) Hoặc đi lạc tới năm dây dục-lạc có trong hiện tại (paccuppannesu vā) là Phật chỉ rằng: "Suốt những năm tháng chuyên-cần tu (tinh cần tu khổ hạnh) thường có năm dây dục-lạc khởi sinh, như những đối-tượng giác quan đẹp, ví dụ như những vườn hoa, những đàn chim …". (iii) Hoặc ít nhiều chạy tớ

414 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

103 [Tôi đọc theo Se và Ee là: yattha cakkhuñ ca nirujjhati rūpasaññā ca vi-

rajjati. Be cũng đồng nhất có động từ thứ hai là nirujjhati, nhưng chữ biến thể trong Se và Ee có vẻ là nguyên gốc hơn.] (103)

104 [Nguyên văn cả câu này là: Saḷāyatananirodhaṃ … sandhāya bhāsitaṃ.

Spk: "Chính Niết-bàn được gọi là sự chấm-dứt sáu cơ-sở cảm-nhận, vì trong (trạng thái) Niết-bàn mắt, tai … chấm dứt và những nhận-thức về những hình-sắc, những âm-thanh … phai biến".

- Ở đây chúng ta để ý, mặc dù thầy Ānanda nói "tôi hiểu một cách chi tiết" nhưng thực ra câu trả lời của thầy vỏn vẹn còn ngắn hơn cả câu Đức Phật đã nói ra.] (104)

105 [Câu cuối này là: Sa-upādāno … bhikkhu no parinibbāyati. Nếu dịch theo

nghĩa ẩn dụ, câu này cũng có thể dịch nghĩa là "Một Tỳ kheo với (còn) nhiên liệu thì không thể được hoàn toàn dập tắt được". (Coi thêm đoạn cuối kinh 36:07).] (105)

106 [Để ý: Pañcasikha cũng xuất hiện trong kinh dài DN 21 là một nhạc sĩ và

thi sĩ trên cõi trời.] (106)

107 [Coi phân tích chi tiết trong Vism 20-22 (Ppn 1:53-59)] (107)

108 [Coi Vism 31-33, (Png 1:89-94)] (108)

109 [Kinh này giống hệt kinh MN 147.] (109)

110 [Vimuttiparipācaniyā dhammā (tạm dịch Việt): những trạng thái (dần)

chín muồi tới sự giải-thoát. (1) Spk diễn dịch đây gồm 15 phẩm-chất (để) thanh lọc 05 căn [căn niềm-tin, nỗ-lực, chánh-niệm, định-tâm, và trí-tuệ (tín, tấn, niệm, định, tuệ)], được gọi là, đối với mỗi căn thì: tránh những người thiếu hụt căn đó, giao lưu với người được phú căn đó, và suy xét về các kinh truyền cảm hứng sự chín-muồi của căn. (3x5=15). (2) Spk còn đưa ra một bộ 15 phẩm-chất khác, bao gồm: (i) 05 căn nói trên; (ii) 05 nhận-thức góp phần vào sự thâm-nhập, được gọi là: nhận-thức về sự vô-thường, khổ, vô-ngã, sự dẹp-bỏ, và sự chán-bỏ [về 02 sự nhận-thức cuối, coi các kinh AN 10:56, 59, 60]; và (iii) 05 phẩm-chất đã được dạy cho Tỳ kheo Meghiya, được gọi là: sự có bạn-tốt (đồng đạo tốt), giới-hạnh của giới-bổn của Tỳ kheo (Pātimokkha),



sự đàm-đạo thích hợp, sự nỗ-lực (tinh tấn), và trí-tuệ [coi thêm kinh Meghiya AN 9:03; kinh Ud 36,3–28).] (110)

111 [Spk chú giải rằng: Những thiên thần đó là những người bạn của Rāhula

trong kiếp trước, họ đã từng phát khởi tâm-nguyện [được giác-ngộ] cùng với Rāhula khi Rāhula đang phát tâm-nguyện [được trở thành con trai của một vị Phật] dưới chân của Phật Padumuttara (Bảo Liên Hoa). Họ đã tái sinh trong những cảnh giới khác nhau nhưng vào ngày này tất cả họ đang đến tụ họp ở đây trong Khu Vườn Người Mù.] (111)

112 [Spk nói: Trong bài kinh này, chữ "tầm-nhìn (sự-thấy) của Giáo Pháp"

không phải chỉ dùng để chỉ riêng (phẩm chất của) bậc Nhập-lưu không thôi, mà nó chỉ cả 04 thánh đạo và 04 thánh quả. Bởi vì những thiên thần trong số đó có sự chứng ngộ thấp nhất cũng là Nhập-lưu (đều là bậc thánh), nhưng có số đã chứng ngộ những thánh đạo và thánh quả cao hơn như Nhất-lai, Bất-lai, và có cả A-la-hán. Số lượng thiên thần ở đây này là rất nhiều, không thể đếm được.]

- (Có sinh là có diệt; hữu sinh hữu diệt; mọi sự chỉ là sinh và diệt; sinh-diệt là bản chất của mọi thứ trong thế giới; mọi sự chỉ là sinh diệt, có mất, vô thường.) (112)

113 [Trong kinh AN 1:253 ông được tuyên bố là đệ nhất đệ tử tại gia nam về

việc cúng dường những thứ đáng thích nhất, đúng đắn nhất.] (113)

114 [Trong kinh AN 1:254 ông được tuyên bố là đệ nhất đệ tử tại gia nam về

về sự phụng sự chăm nom cho Tăng Đoàn.] (114)

115 [Về câu chuyện chuyển đạo của gia chủ tên Upāli, mời coi kinh MN 56.]

(115)

116 [Trong kinh AN 1:195 thầy Bhāradvāja được tuyên bố là đệ nhất đệ tử

xuất gia trong số những người đã cất lên 'tiếng gầm sư tử' (tuyên bố dõng dạc về điều gì); thầy ấy tuyên bố thánh quả A-la-hán của mình trong kinh SN 48:49 (Quyển 5); coi thêm Luật Tạng, Vin II, 111-12.] (116)

117 [Udena là vua của xứ Kosambī; về câu chuyện của ông, mời đọc thêm các

kinh Dhp-a I 161–227; BL 1:247–93] (117)



118 [Cụm chữ cuối: addhānaṃ āpādenti. Spk giải nghĩa là: glosses: paveṇiṃ

paṭipādenti; dīgharattaṃ anubandhāpenti (họ kéo dài nó một cách liên tục; họ theo đuổi nó trong thời gian dài lâu".] (118)

119 [Nguyên văn câu này: Mātumattısu mātucittaṃ upaṭṭhapetha. (Nghĩa chữ

hơi khó dịch Việt, có lẽ đại ý là): "Thiết lập một tâm về mẹ đối một đối- tượng như mẹ" (?); và tương tự các câu về chị gái, em gái. Spk chú giải rằng mẹ, chị gái, và con gái là "03 đối-tượng được tôn trọng" (garukā rammaṇa) không thể bị xâm phạm. Thật thú vị là, câu nói này, mặc dù đã được gán là của Phật như một lời khuyên dạy phổ biến, lại không được tìm thấy trong bất kỳ kinh nào trong Kinh Tạng.] (119)

120 [Chỗ này chính là 'chủ-đề thiền' được gọi là sự "nhận-thức về không hấp-

dẫn (asubhasaññā) của thân" [như trong kinh AN 7:49, đoạn (1)], hoặc sự "quán-niệm về thân" (kāyagatāsati) được giảng giải chi tiết trong Vism 239– 66 (Ppn 8:42–144).] (120)

121 [Chữ gốc là: abhāvitakāyā: không tu thân. Spk chú giải: không được tu

tập về "thân" của năm cửa [giác-quan] (abhāvitapañcadvārikakāyā), tức là thiếu sự kiềm chế các giác-quan.] (121)

122 [Chữ gốc: dhātunānatta. Coi thêm các kinh SN 14:01–10 (Quyển 2). Mỗi

thể thức cảm-nhận có 03 yếu-tố—căn cảm-nhận, đối-tượng, và thức—do vậy tổng cộng là 18 yếu-tố.] (122)

123 [Spk: Tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng (sự khởi-sinh

tùy thuộc): đó là, một tiếp-xúc hội với thức-mắt có chức năng là một điều- kiện (duyên) [với chức năng là sự hỗ-trợ quyết định (upanissaya)] đối với (sinh ra) một cảm-giác sướng trong chặng javana (tốc hành tâm) tùy thuộc vào chỉ một tiếp-xúc. Ứng dụng cách lý giải tương tự cho những đoạn kinh kế tiếp.] (123)

124 [Gia chủ này cũng xuất hiện trong các kinh SN 22:0304 (Quyển 3).]

(124)

125 [Câu trích dẫn này cũng có trong kinh SN 14:04 (Quyển 2).] (125)

Chú Thích • 417

126 [Manāpaṃ itth’ etan ti pajānāti. Spk: Tỳ kheo đó hiểu cái hình-sắc sướng

(dễ chịu; lạc sắc) được nhìn thấy bởi mình như vầy: “Nó chỉ là vậy”, nghĩa là: “Đó chỉ là một thứ sướng” (chỉ biết nó là vậy thôi! không có gì phải dính theo hay mê thích hay dính tâm theo nó).] (126)

127 [Tôi đọc theo Be và Se là: Cakkhuviññāṇaṃ sukhavedanıyañ ca phassaṃ

paṭicca … có vẻ đáng chọn hơn cách ghi của Ee là: Cakkhu- viññāṇaṃ su-khavedaniyaṃ. Sukhavedaniyaṃ phassaṃ paṭicca … Không rõ ở đây chữ cakkhuviññāṇaṃ đang được ghi ra như một yếu-tố thêm hay chỉ đơn thuần là một điều-kiện (duyên) cho cảm-giác. Tôi dịch theo giải thích của Spk (coi nó như một yếu-tố thêm) như vầy: “(Có) thức-mắt, và một tiếp-xúc là một điều- kiện (duyên) tạo ra cảm-giác sướng dưới cái danh nghĩa là sự hỗ trợ quyết định, sự gần gũi, sự tiếp giáp, sự liên kết [coi Vism 532–41; Ppn 17:66– 100]. Tùy thuộc vào đó sự tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng, ở đó khởi sinh một cảm-giác sướng”.] (127)

128 [Ngay đầu kinh đầu tiên SN 22:01 của Quyển 3 có chú thích về gia chủ

Nakulapitā.] (128)

129 [Be ghi: seleyyakāni karonti; Se: selissakāni karontā; Ee: selissakāni ka-

ronti. Sự giải thích của Spk cho thấy trờ chơi này giống như trò chơi “nhảy cóc” của trẻ con, tức một người nhảy qua lưng của người khác đang khom xuống.] (129)

130 [ Bốn danh từ này thuộc những “mẫu câu” của những bà-la-môn dùng để

sỉ nhục những sa-môn. (Họ cho rằng những sa-môn là những người thấp hèn được sinh ra từ bàn chân của trời Brahmā, còn những bà-la-môn thì được sinh ra từ miệng …) “Những tín đồ hèn mọn”: ở đây Spk giải nghĩa chữ bhara- taka là kuṭumbikā (những chủ đất), nhưng tôi nghĩa đây là từ dùng để chửi những đệ tử thí chủ tại gia. (Cụm chữ ‘bởi những tín đồ hèn mọn của họ’ theo bản dịch của nhà sư Sujato là: ‘bởi những kẻ giả vờ để thừa hưởng văn minh Vệ-đà’.) (130)

131 [Spk diễn dịch rằng: Giáo Pháp ở đây chỉ là mười đường nghiệp thiện

(chứ chưa có toàn bộ Giáo Pháp của Phật sau này), và thiền định (jhana) là sự tu tập 08 tầng thiền-định (chứ chưa có thiền-quán (minh-sát, tuệ)).] (131)

418 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

132 [Câu này: Katā kiñcikkhabhāvanā. Nghĩa chính xác của nó không rõ,

nhưng tôi dịch theo sự giải nghĩa của Spk là: āmisakiñcikkhassa vaḍḍhan- atthāya katan ti attho (được làm vì mục đích gia tăng những của-cải vật chất của họ).] (132)

133 [Có ý thích hay ham thích (adhimuccati) thứ gì theo cách của “tham”; từ

chối hay kháng cự (byāpajjati) thứ gì theo cách của “sân” hay “ác-ý”.] (133)

134 [Cụm chữ này là: amhākaṃ ācariyabhariyāya. Đây có lẽ muốn nói đó là

“phu nhân của sư thầy của chúng tôi” (tức nữ bà-la-môn này là người góa chồng), nhưng s.v. ācariyabhariyā thì nói cho rằng: theo như lời kinh đã diễn đạt thì đó là một nữ sư thầy, và thiếu niên đó là một học trò (antevāsī) của vị nữ bà-la-môn này. Waldschmidt có xuất bản phiên bản tiếng Phạn của kinh này.] (134)

135 [Chữ ‘dẹp bình bát’ nghĩa là không ăn nữa. Hành động đầy đủ của một Tỳ

kheo lúc đó là mang bình bát ra và đổ nước vào, dùng tay phải rửa bình bát và rửa luôn bàn tay mình trong đó luôn (sau cùng có thể tráng nước bình bát và dội nước bàn tay lần cuối).] (135)

136 [Lý do chỗ này là: một Tỳ kheo chỉ dạy Giáo Pháp cho người nghe còn

mang giày dép là phạm điều luật Sekhiya 61; cho người ngồi chỗ cao hơn là phạm điều luật Sekhiya 69; cho người trùm che đầu tóc là phạm điều luật Sekhiya 67. Ý nghĩa giới-luật: những trường hợp đó thể hiện sự không tôn trọng của người nghe]; (có lẽ do nữ bà-la-môn không phải người trong Tăng Đoàn nên không hề biết điều đó mà thôi, chứ không phải cô không tôn trọng các Tỳ kheo).] (136)

137 [Bởi do đọc sai phần thi kệ “Tóm Tắt” [cuối NHÓM 4, 132?], nên phiên

bản Ee đã đặt tên sai cho kinh này là “Devadahakhaṇo” và “Saṅgayha”. Ghi đúng như Be và Se thì tên kinh này là “Devadaha”, kinh kế tiếp là “Khaṇa”, và kinh thứ ba là “Saṅgayha”.] (137)

- (Nhân tiện ở đầu kinh: (Sakya (Thích-ca) là một xứ, một vương quốc, của dân tộc Thích-ca; dân Thích-ca có nhiều dòng tộc, họ tộc khác nhau, như dòng họ Cồ-đàm (Gothama) của Phật …)



138 [Spk: không có địa ngục nào tên này, vì cách gọi như vậy là chỉ chung về

31 đại địa ngục; nếu chỉ cái tệ hại kinh khủng nhất trong số đó thì đó là đại địa ngục A-tỳ (Avīci), hoặc trong SN 56:43 (Quyển 5) có tả về một đại địa ngục khác là Đại Hỏa Ngục.] (138)

139 [Spk chú giải: Chỗ này là chỉ thiên thành Đao-lợi (Tāvatiṃsa, cõi trời Ba

Mươi Ba). Phật nói như vậy để chỉ nghĩa gì? Đó là: “Không thể nào sống đời sống tâm linh của đạo trong địa ngục vì ở đó toàn sự đau khổ cùng cực, hoặc trong cõi trời bởi vì ở đó toàn sung sướng cùng cực và sự lơ-tâm phóng dật luôn luôn khởi sinh với những sự vui sướng và thụ hưởng liên tục. Nhưng cõi người là cảnh vừa có sướng có khổ, do vậy đây chính là môi trường cho đời sống tâm linh (tu hành) theo đạo. Trạng thái làm người đã có được bởi các thầy là cơ-hội, là thời-cơ, để sống đời sống tâm linh.”.] (139)

140 [Ee đã đặt tên sai cho kinh này là Agayha, và gộp luôn với kinh kế tiếp

vào kinh này [bắt đầu chỗ IV 128,8 (?)). Như vậy, từ kinh 35:137 trở đi số kinh của tôi vượt quá Ee 1 số. Be thì đặt tên kinh 35:136 là Paṭhama- rūpārāma và tên kinh 35:137 là Dutiya-rūpārāma, trong khi Se thì đặt tên chúng là Sagayha và Gayha. Cái tên cuối này có lẽ nên được sửa thành Agayha, để chỉ sự khác biệt giữ chúng là kinh trước có phần thi kệ và kinh sau thì không có.] (140)

141 [Phần thi kệ này là = Sn 759–65. Một số chỗ sau đây cần được sửa lại cho

đúng, như trong Ee (ở IV 127–28 (?)), dòng kệ 5a nên đọc là: Passa dhammaṃ durājānaṃ; 6cd: santike na vijānanti, magā dhammass' akovidā; 8b: buddhuṃ. Ở dòng kệ 3b, Be và Ee ghi là sakkāyassa nirodhanaṃ, Se ghi là sakkāyass' uparodhanaṃ; nghĩa ở đây đều như nhau. Tôi đọc dòng 3d theo Be và Se là passataṃ, mặc dù Ee ghi dassanaṃ.] (141)

142 [Spk: Cách-nhìn hay chánh-kiến này của bậc trí-hiền rõ-thấy (idaṃ pas-

santānaṃ paṇ˜itānaṃ dassanaṃ) là ngược lại (paccanīkaṃ) với toàn bộ thế gian. Vì thế gian nhận lầm năm-uẩn là thường-hằng, sướng, bản ngã, và sạch- đẹp (thường, lạc, ngã, tịnh), còn những bậc trí thì rõ thấy chúng đích thực là 'vô-thường, khổ, vô-ngã, và ô-uế'.] (142)

143 [Spk: "Trạng thái đó" = trạng thái Niết-bàn (nibbānapadaṃ). "Đã hoàn

toàn tắt ngấm": bậc vô-nhiễm đã hoàn toàn tắt ngấm bởi sự dập tắt mọi ô-



nhiễm (kilesaparinibbānena parinibbanti). Hoặc nói cách khác, sau khi trở nên không còn dính-nhiễm nhờ sự-biết đúng đắn (chánh trí), những bậc ấy hoàn toàn tắt ngấm (tịch diệt) bằng cách dập tắt năm-uẩn (khandhapa- rinibbānena parinibbanti). (Người dịch Việt nghĩ câu này có lẽ đơn giản chỉ có nghĩa là: những bậc A-la-hán đã tắt ngấm 'lửa dục', vì (i) chữ tắt ngấm hay dập tắt thường được nói nhanh trong các kinh với chữ 'ngọn đèn, lửa, dục, dục-vọng', và vì (ii) chiếu theo chữ tham-dục của đoạn thi kệ kế trên).] (143)

144 [Kinh này 35:138 và kinh kế tiếp 35:139 là các kinh song hành tương ứng

với các kinh 22:33 và 22:34 (Quyển 3), và là những biến thể rút gọn dựa trên các kinh 35:101 và 35:102. Tên kinh ở đây tôi làm theo Be; Se đặt tên là Palāsa, Ee đặt tên là Palāsinā, cả hai đều có nghĩa là "cành lá".] (144)

145 [Để ý: các kinh SN 35:140–45 là các kinh song hành với các kinh SN

22:18–20.] (145)

146 [So sánh kinh 12:37 (Quyển 2). Chỗ này Spk đưa ra lời chú giải giống

như chú thích số 111 trong kinh 12:37, và nói thêm rằng kinh này thảo luận về 'giai đoạn sơ khởi của minh-sát' (pubbabhāgavipassanā)

- (Nhân tiện: “được tạo ra”: abhisaokhata; “được chế tác (tác thành, tạo mẫu) bởi sự cố-ý (tư): abhisancetayita; “thứ để được cảm nhận”: vedaniya.] (Còn ‘nghiệp cũ’ chỗ này là đang chỉ các cơ-sở cảm-nhận bên trong (các giác-quan); kinh SN 12:37 cũng có chú thích ‘nghiệp cũ’ y hệt như vậy, nhưng nó chỉ về phần thân).] (146)

147 [Nibbānasappāyaṃ paṭipadaṃ (các đường lối thích hợp để chứng ngộ

Niết-bàn). Spk chú giải: (đó là) sự tu-tập (là) hữu ích (upakārapaṭipadā), thích hợp, để đạt được (chứng ngộ, đạt tới) Niết-bàn.] (147)

148 [Nguyên văn cả câu: Anantevāsikam idaṃ bhikkhave brahmacariyaṃ vussati anācariyakaṃ. Chỗ này rất khó dịch ra ngay, vì lời kinh như câu đố chuyển thành 02 cách chơi chữ. Một “học trò” (antevāsī) có nghĩa gốc là “người trú ở bên trong”, do vậy [như lời kinh kế tiếp bên dưới cũng giải thích] một người có các ô-nhiễm không trú ở bên-trong (na antovasanti) thì được gọi là “không có các học trò” (vì chữ ‘học trò’ = ‘người sống ở bên



trong’, như vậy ‘không có các học trò’ = ‘không có người trú ở bên trong). Chữ “thầy” (ācariya) ở đây được kết nối một cách chơi chữ với động từ “tấn công, đánh” (samudācarati); do vậy người không bị tấn công bởi những ô- nhiễm được nói là “không có thầy” (= không có người không bị tấn công bởi những ô-nhiễm). Spk giải nghĩa anantevāsikaṃ là = anto vasanakile- savirahitaṃ (không có những ô-nhiễm trú ở bên trong), và chữ anācariyakaṃ là = ācaraṇakilesavirahitaṃ (không có những ô-nhiễm ‘tấn công’).] (148)

149 [Về “sự-nhớ”, coi lại chú thích số 79 chỗ này ở đoạn (1), kinh 35:96 ở

trên, là bao hàm hai nghĩa là sự-nhớ và chánh-niệm.] (149)

150 [Coi thêm kinh SN 12:68 (Quyển 2) và chú thích 198 ở đầu phần (I) của

nó.] (150)

151 [So sánh kinh SN 35:70. Spk nói bài kinh này nói về sự quán-chiếu lại

(paccavekkhaṇā) của một học-nhân (sekha) và về bậc A-la-hán.] (151)

152 [Được trang bị các căn: indriyasampanno. Spk: có nghĩa là: hoàn thiện

trong các căn (paripuṇṇindriyo). Người đã chứng thánh quả A-la-hán bằng cách khám phá sáu căn cảm-nhận bằng sự minh-sát thì được nói là “hoàn thiện trong các căn”, bởi vì người đó có-được các căn đã được thuần-phục, hoặc bởi do người đó có-được các căn tâm linh như căn niềm-tin, căn trí-tuệ … đã khởi sinh bằng cách khám phá sáu căn cảm-nhận bằng sự minh-sát, như căn mắt … căn tâm. Để coi thêm về “được trang bị các căn”, mời coi lại kinh SN 48:19 (Quyển 5).] (152)

153 [Kinh này là kinh song hành với kinh SN 12:16 (Quyển 2) và kinh SN

22:115 (Quyển 3)] (153)

154 [Kinh này 35:156 và kinh kế tiếp 35:157 là các kinh song hành của kinh

22:51 (Quyển 3), nhưng trong kinh 22:51 câu cuối đọc là cittaṃ vimuttaṃ suvimuttan ti vuccati, còn trong kinh này ghi là cittaṃ suvimuttan ti vuccati.] (154)

155 [Kinh này 35:158 và kinh kế tiếp 35:159 là các kinh song hành của kinh

22:52 (Quyển 3).] (155)

422 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

156 [Kinh này 35:160 và kinh kế tiếp 35:161 là các kinh song hành của các

kinh 22:5 và 22: 6 (Quyển 3).] (156)

157 [Chữ okkhāyati: thể hiện (hiện thị, hiển lộ). Spk giải nghĩa okkhāyati là

paññāyati pākaṭaṃ hoti (được nhận thấy, được thấy rõ, trở nên rõ ràng).

- (Và "thể hiện đối với người đó đúng như chúng thực là" có nghĩa là: người đó thấy được mọi thứ rõ ràng đúng như chúng thực là).] (157)

158 [Kinh này 35:162 và kinh kế tiếp 35:163 là các kinh song hành của các

kinh 22:137, 22:140, và 22:143 (Quyển 3).] (158)

159 [Kinh này 35:165 và kinh kế tiếp 35:166 là các kinh song hành của các

kinh 22:154 và 22:156 (Quyển 3).] (158)

160 [Ee nhóm mỗi ba kinh thành một kinh, nên số bài kinh cuối cùng của họ là

186; nhưng Be và Se, (và tôi cũng làm theo) thì đánh số mỗi kinh bằng mỗi số riêng, nên số kinh cuối cùng là 227.

- Spk: 60 bài kinh này được nói cho những căn-cơ (thiên hướng, tính khí) của những người-nghe khác nhau để cho họ dễ giác ngộ; như vậy mỗi bài kinh được thuyết giảng riêng cho mỗi căn-cơ của người-nghe (puggala- ajjhāsayavasena). Cuối cùng 60 Tỳ kheo đều chứng ngộ A-la-hán.] (160)

161 [Spk: 'đại dương đối với một người': ngụ ý (i) mênh mông khó lắp đầy,

không thể làm thỏa mãn bằng mọi đối-tượng hình sắc ở cõi trần và cõi trời ... và (ii) (người) bị chìm ngỉm trong đại dương của những đối-tượng hình sắc, đó là, khi nó không được phòng hộ kiềm chế, thì nó sẽ đi theo đường sai bằng cách trở thành một nguyên nhân làm khởi sinh những ô-nhiễm. Dòng chảy của nó gồm có những hình-sắc: như đại dương có vô lượng cơn sóng, "đại dương của mắt" có vô lượng những đối-tượng nhìn thấy được hội tụ vào nó.] (161)

162 [Theo kinh It 114, 15-18 thì giải nghĩa những hiểm nguy đó như sau:

"sóng dữ" (ūmi): sự sân giận và tuyệt vọng (kodhūpāyāsa); "lốc xoáy" (āvaṭṭa): năm dây dục-lạc; "cá mập và quỷ dữ" (gāharakkhasa): phụ nữ (sắc dục).] (162)

Chú Thích • 423

163 [Samunna (bị chìm nghỉm) được Spk giải nghĩa là: kilinna tinta nimugga

(bị ô nhiễm, bị dính nhiễm, bị chìm ngập). Trong tiếng Phạn chữ samunna là quá khứ phân từ của động từ samunatti, từ đó có danh từ là samudra (Pāli: samudda): đại dương; coi thêm MW, s.v. samud. Spk nói: "hầu hết" (yebhuyyena) nghĩa là: hầu như tất cả trừ những bậc thánh. Dãy chữ mô tả cũng giống như trong kinh SN 12:60 (Quyển 2), cuối đoạn thứ ba.] (163)

164 [Ee đã sai khi ghi đoạn thi kệ đầu bên dưới là văn xuôi và biến thành đoạn

thứ nhất của kinh kế tiếp. Học giả Woodward, ở KS 4:99, đã bị lạc theo bởi sự phân chia này. Phần thi kệ này cũng có trong kinh It 57–58.] (164)

165 [Ở đây dịch theo Be và Se là pahāsi dukkhaṃ, khác với Ee ghi là pahāya

dukkhaṃ. It 58 cũng có ghi chữ pahāsi.] (165)

166 [Ở đây dịch theo Be vadhāya, Se và Ee ghi vyābādhāya.] (166)

167 [Cả bốn cây đều thuộc họ cây fig, tức họ cây đa đề; coi thêm kinh SN

46:39 (Quyển 5).] (167)

168 [Tức là: nếu không có tham-muốn và nhục-dục là gốc rễ của khổ đau thì

sự tu hành để tiêu diệt tham-muốn và nhục-dục đâu có nghĩa lý gì. Bởi chừng nào người còn sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu giác quan) thì còn bị gông-cùm bởi những đối-tượng giác quan, và do vậy sự giải-thoát là không thể được.] (168)

169 [Giống ví dụ trong kinh SN 22:95 (Quyển 3) (và nhiều kinh khác).] (169)

170 [Lời đoạn này cũng được trích dẫn vào trong Vism 36,24–27 (Ppn 1:100).

Spk chú giải như vầy: "Một người "nắm giữ dấu-hiệu (tướng) thông qua những đặc-điểm (nét)" (anubyañjanaso nimittaggāho) nghĩ rằng: "Tay là đẹp, chân là đẹp …". Sự nắm giữ dấu-hiệu (tướng, tướng chung) là sự nắm giữ cái kết-hợp; sự nắm giữ những đặc-điểm (nét, tướng riêng) diễn ra bằng sự phân-tách. Sự nắm giữ dấu-hiệu là nắm giữ mọi thứ một lần, như con cá sấu (nuốt nguyên thân); sự nắm giữ những đặc-điểm là nắm lấy những chi tiết riêng, giống như tay riêng và chân riêng, như con đĩa (hút máu từng chỗ khác nhau). Hai sự nắm-giữ này còn được thấy có trong thậm chí chỉ trong một của tiến trình javana (tốc hành tâm), nói chi trong nhiều tiến trình javana khác nhau."] (170)



171 [Gây chia rẽ trong Tăng Đoàn là phạm vào một trong 05 đại trọng tội sẽ bị

nghiệp báo lập tức, kiếp kế tiếp sẽ bị rớt ngay xuống địa ngục. Coi It 10-11 và Vin 198.] (171)

172 [Spk nói: kinh này 35:236 và kinh kế tiếp 35:237 là nói về vòng luân hồi

hiện-hữu và sự chấm-dứt luân hồi bằng cách chỉ ra: những sự sướng và khổ là kết quả của nghiệp.] (172)

173 [Spk nói: kinh này được nói cho những Tỳ kheo đã thiền tập sử dụng

"đặc-tính khổ" làm chủ-đề thiền. Có bốn lại rắn độc (āsīvisa) cũng được nói trong kinh AN 4:110.] (173)

174 [Be và Se ghi: saṃvesetabbā (Ee ghi: pavesetabbā). Spk giải nghĩa cụm

chữ này là nipajjāpetabbā (được làm cho nằm xuống). Spk đa đưa ra một câu chuyện bối cảnh bài kinh khá chi tiết, làn cho điều này trở thành một hình phạt cho người đó được ấn định bởi nhà vua.] (174)

175 [Nguyên văn câu này: Chaṭṭho antaracaro vadhako.] (175

176 [Động từ này Be ghi là: pivisanti; Se và Ee ghi là: vadhissanti.] (176)

177 [Coi thêm ví dụ cái bè nổi tiếng trong kinh MN 22, mục 13.] (177)

178 [Chỗ này lời kinh giống trong kinh 35:228 ở trên.] (178)

179 [Về các yếu-tố được so sánh với bốn loại rắn: cũng được giảng giải trong

Vism 367–368 (Ppn 11:102)] (179)

180 [Coi lại ví dụ về mỗi uẩn được mô tả giống như người hầu cận là kẻ sát

nhân trong SN 22:85, đoạn (7).] (180)

181 [Nguyên văn chữ này: nandirāga.] (181)

182 [Nguyên văn: sakkāya (danh tính. Spk chú giải: "Danh-tính", danh-tính cá

thể, là năm uẩn thuộc về 03 cõi hiện hữu. Giống như bờ bên này với nhiều rắn độc … "danh-tính" là nguy hiểm và đáng sợ hãi bởi vì vì 04 yếu-tố lớn (tứ đại) và vân vân.] (182)

Chú Thích • 425

183 [Câu chỗ này là: Yoni c' assa āraddhā hoti. Spk giải nghĩa là: Kāraṇañ c'

assa paripuṇṇaṃ hoti (và cái nguyên nhân để nó được viên thành). Coi thêm chú thích số 54 ở Quyển 3. So sánh với kinh AN 3:16 cũng nói về ba sự tu- tập này là "đã đặt xong nền-móng cho sự tiêu diệt ô-nhiễm". Nhân tiện, lời hai bài kinh giống nhau, chỉ khác câu mở đầu và kinh SN thì có thêm ví dụ. Trong đoạn dưới, ví dụ người lái xe ngựa cũng có ghi ghi trong kinh MN 119, mục 31.] (183)

184 [Lời kinh ở đây dùng cả hai chữ chỉ rùa là kummo kacchapo. Về những

chữ chỉ loài rùa sống dưới nước và rùa trên bờ, mời coi lại chú thích số 317 trong Quyển 2.] (184)

185 Nguyên văn câu này: Apposukko tuṇhıbhūto saṅkasāyati. Câu này giống

cách diễn tả vị Tỳ kheo chỉ im lặng thinh thít trong kinh 21:4 (Quyển 2). Đọc thêm lại toàn bộ chú thích số 54 trong Quyển 1 về cách sống trong sự im lặng, thụ động, không tham gia bận rộn.] (185)

186 [Không như các kinh khác đều ghi rõ câu: "Sau khi nói xong, bậc Phúc

Lành, Vị Thầy nói thêm như vầy: …" ngay trước phần thi kệ. Vì vậy có thể phần thi kệ này là do những người biên tập về sau gắn thêm, dựa theo ví dụ con rùa.] (186)

187 [Giống lời kinh trong SN 22:03 (Quyển 3), đoạn (5), (6).] (187)

188 [Đoạn mô tả về 'một người thất-đức …" cũng có trong các kinh AN 8:19,

phần (II), đoạn (3); AN 8:20, đoạn giữa; AN 7:72, đoạn (1), và các kinh Ud 52,13–16, 55,10–13.] (188)

189 [Tôi hiểu chữ upagacchāmi chỗ này thực sự là ở thể tương lai, phù hợp

với những điều tương lai tiếp theo.] (189)

190 [Nguyên văn cả câu: Aññataraṃ saṅkiliṭṭhaṃ āpattiṃ āpanno hoti. Spk

giải thích hơi khác … Tuy nhiên, tôi coi lời kinh ở đây nói về một tội nặng, là tội thuộc về dạng tội Pārājika (ba-la-di, tội lớn nặng) hay tội Saṅghādisesa (tội Tăng tàng); tội Pārājika sẽ bị trục xuất khỏi Tăng Đoàn và tội Saṅghādisesa cần có một tiến trình đặc biệt để phục hồi. (Người dịch thấy lời



kinh đã ghi rõ là một 'tội ô nhiễm, không cho phép hay không có sự phục- hồi' có nghĩa là tội lớn nặng thuộc loại Pārājika (ba-la-di).)] (190)

191 [Lời thỉnh mời này phản ánh niềm-tin phổ biến trong tín ngưỡng ở các xứ

Nam Á, rằng sẽ phúc lành nếu thỉnh mời một bậc thánh thiêng (bậc thánh, bậc chân tu) đến ở đêm đầu tiên ở một nơi-ở (nhà, hội trường) mới được xây xong trước khi những người tại gia đến đó hoặc ở đó. Đây là một niềm vinh dự dành cho những người Thích-Ca là những người cùng họ tộc với Phật. Những nghi thức tương tự vầy cũng được nói trong các kinh MN 53, mục 2 và kinh DN II 84–85 (= Ud 85–86).] (191)

192 [Cồ-đàm (Gotama): Phật gọi như vậy vì nhóm người này cũng thuộc dòng

họ Gotama, giống như Phật]. (Gotama (Cồ-đàm) là một dòng họ thuộc dân tộc Thích-Ca (Sakya) ở vương quốc Thích-Ca.) (192)

193 [Spk chú giải: Trong suốt 06 năm tu khổ hạnh hành xác, Phật đã nếm trải

những đau đớn về thân. Do vậy đến lúc tuổi già, Phật bị trúng gió lưng [piṭṭhivāta, là bệnh thấp khớp?]. Hoặc nói cách khác, Phật nằm xuống bởi vì Phật muốn sử dụng hội trường trong tất cả các tư thế, sau khi đã đi, đứng, ngồi trong đó.] (193)

194 [Nguyên văn cụm chữ này: Avassutapariyāya, anavassutapariyāya. Chữ

avassuta có nghĩa gốc là “đã chảy vào” hoặc bị thấm rỉ, hàm nghĩa một cái tâm đã bị thấm nhiễm bởi những ô-nhiễm. Những danh từ avassuta và āsava, và những động từ anvāssavati và anu(s)savati, đều dựa trên một gốc từ su (chảy). Waldschmidt cũng có ấn hành phiên bản tiếng Phạn của ‘Bài thuyết giảng bởi Mục-kiền-liên’ này (coi thư mục cuối bản dịch của TKBĐ).] (194)

195 [Lời kinh giống trong kinh SN 35:132 (Quyển 4), đoạn (1), (2).] (195)

196 [Toàn bộ câu dài này một dạng phức tạp bất thường thái quá trong tiếng

Pāli, như theo cách dịch của tôi phải cần tách ra đến 03 chủ-đề. Cú pháp có vẻ rất bất thường, vì chữ liên hệ khởi đầu là yato không được hoàn thành bằng chữ minh họa tương ứng là tato. Ở đây tôi đọc chữ cuối cùng là nānu(s)savanti theo Se và Ee, khác với Be ghi là nānusenti. (Người dịch Việt đánh số để làm rõ từng vấn đề trong phần mở đề phức hợp; cú pháp lời kinh



này là bất thường, không đơn giản như lời dạy trong các kinh của Phật …).] (196)

197 [Spk: dukkhadhammā (những pháp khổ) là dukkhasambhavadhammā (những trạng thái từ đó khổ phát sinh ra). Bởi vì do có năm-uẩn nên từ đó có thể phát sinh ra nhiều loại khổ như bị thương, bị giết, bị bắt tù … (trong kiếp luân hồi)] (197)

198 [Ví dụ hố than giống trong kinh SN 12:63 (Quyển 2), chỉ khác một chút

về lời.] (198)

199Trong tất cả những chỗ Ee ghi là yato ca, tôi đều đọc theo cách ghi của Be

và Se là sato va.] (199)

200 [Tôi đọc theo Se ở đây ghi là: … ayaṃ vuccati ariyassa vinaye kaṇṭako.

Taṃkaṇṭako ti iti viditvā saṃvaro ca asaṃvaro ca veditabbo. Kinh 35:247 (Quyển 4) cũng ủng hộ theo cách ghi này; coi thêm chú thích số 219 bên dưới.] (200)

201 [Ví dụ những giọt nước rớt trên dĩa sắt cũng có ghi trong kinh MN 66,

mục 16 và kinh MN 152, mục 9.

- Spk chú giải như vầy: Giống như, sự khởi sinh của sự chánh-niệm là chậm, nhưng ngay khi nó đã khởi sinh thì những ô-nhiễm bị áp đảo và không thể tồn tại. Bởi vì khi tham, sân, hay si đã khởi sinh trong cửa-mắt, thì bằng tiến trình javana thứ hai người tu biết rằng những ô-nhiễm đã khởi sinh và tiến trình javana thứ ba xảy ra với sự kiềm-chế. Một điều không có gì làm ngạc nhiên rằng một người thiền minh-sát có thể áp đảo khống chế những ô-nhiễm bằng tiến trình javana thứ ba; bởi khi một đối-tượng đáng thích đi vào tầm- mắt và một tiến trình javana bị ô nhiễm sắp xảy ra, một người thiền minh-sát có thể chặn đứng nó và phát khởi một tiến trình javana thiện lành. Đây là một lợi thế đối với những người thiền minh-sát khi họ được thiết lập khéo léo trong sự thiền và sự quán-xét.] (201)

202 [Sự ‘thanh lọc tầm-nhìn” (dasaana) thường có nghĩa là chứng ngộ Nhập-

lưu, đã đạt tới ‘tầm-nhìn của Giáo Pháp’ (dhammacakkhu); tuy nhiên ở đây



có sự phẩm-định là ‘được thanh lọc một cách khéo léo’ (suvisuddhaṃ) có lẽ chỉ chặng thánh đạo để chứng thánh quả A-la-hán.] (202)

203 [Spk nói rằng tất cả những Tỳ kheo trả lời đều là những A-la-hán; họ trả

lời đúng theo cách mà mỗi người đã tu tập. Người hỏi không hài lòng bởi vì nó chỉ đề cập tới những sự tạo-tác (các hành) chỉ một phần (padesasaṅkhāresu ṭhatvā); người đó cũng không hài lòng bởi vì những câu trả lời khác đều khác lẫn nhau; (bởi vì người hỏi thường chỉ tin nếu một câu trả lời có hai hay nhiều người cùng nói như vậy).] (203)

204 [Chữ kiṃsuka có nghĩa gốc là “nó là gì?”. Tên này có thể bắt nguồn từ câu

đố dân gian cổ Ấn Độ. Chữ kiṃśuka cũng được biết trong văn ngữ tiếng Phạn [coi MW, s.v. kiṃ]. (Cây này được suy dịch thành nhiều loại cây khác nhau, và dựa theo những giai thoại khác nhau!).] (204)

205 [Chữ gốc: ‘sirīsa’, tức là Cây Bồ-Đề của Đức Phật Kakusandha (Câu-lưu-

tôn); coi kinh DN II 4,12.] (205)

206 [Spk: Giống như 04 người đã mô tả cây kiṃsuka theo cách họ đã nhìn

thấy nó; cũng giống như vậy, 04 vị Tỳ kheo [đã chứng A-la-hán bằng sự thanh lọc tầm-nhìn của họ] đã mô tả về Niết-bàn [là thứ thanh lọc tầm-nhìn] đúng theo thânhs đạo mà họ đã chứng ngộ nó. Spk đã chỉ ra nghĩa song hành là 04 cách thể hiện của cây kiṃsuka đối với 04 người đó giống như 04 cách tiếp cận của thiền-quán mà những Tỳ kheo đó đã dùng để chứng A-la-hán.] (206)

207 [Spk: Vì sao đưa vào ví dụ này? Nếu Tỳ kheo đó đã hiểu được [ý nghĩa

được chuyển tải bằng ví dụ cây kiṃsuka simile] thì ví dụ này được đưa thêm vào để chỉ dạy Giáo Pháp cho thầy ấy. Còn nếu như thầy ấy chưa hiểu, thì ví dụ về đô thành được đưa thêm vào để giải thích và làm rõ ý nghĩa. (Spk cũng diễn dịch ý nghĩa ví dụ này bằng câu chuyện về vị chủ thành là một hoàng tử của một vị hoàng đế đức hạnh …).] (207)

208 [‘Bị chà xát và đè bóp’: nghĩa bóng là bị tác động và tác hại, bị hư biến đủ

kiểu; cả câu này chỉ các giai đoạn ‘sinh, trưởng, hoại, diệt’ của thân; Spk giải thích y hệt như chú thích 87 ở kinh SN 35:103 ở trên.] (208)



209 [Spk suy luận ‘người chủ thành’ là cái tâm minh-sát (vipassanācitta), đó

là vị hoàng tử được đăng quang bằng ‘sự đăng quang’ là thánh quả A-la-hán bởi hai sứ giả–sự tĩnh-lặng (định) và minh-sát (tuệ). Sự diễn dịch này theo tôi là quá bó hẹp. Tôi

nghĩ đơn giản ý chỗ này có nghĩa: "thức" là trung tâm của mọi trải nghiệm cá nhân.] (209)

210 [Spk: Niết-bàn được gọi là "tin hiện-thực" (yathābhūtaṃ vacanaṃ) bởi vì

trong bản chất thực của nó nó không thể lay chuyển và bất biến (yathābhūtasabhāvaṃ akuppaṃ avikāri).] (210)

211 [Ngoài Chương 5 (SN 5) của Quyển 1, trong bộ kinh SN này hiếm khi

thấy đề cập tới các Tỳ kheo ni; Tỳ kheo ni chỉ được đề cập thêm một lần nữa ở kinh SN 35:231 ở trên. (Phật cũng có ít có hội nói trực tiếp cho các Tỳ kheo ni).

- 05 sự ô-nhiễm cũng được nói trong kinh MN 151, mục 3-8. Spk chú giải: Tham-muốn (chanda, ham muốn) là dạng dục-vọng (taṇhā, ái) yếu mới khởi sinh; nhục-dục (rāga, tham-dục) là dục-vọng mạnh đã khởi sinh liên tục. Một cách tương tự, sân (dosa; ghét, sâm giận) là dạng sự tức-giận (kodha) yếu mới khởi sinh; sự ác-cảm (paṭigha; thù ghét, sân hận) là sự tức-giận mạnh đã khởi sinh liên tục.

- 05 sự ô-nhiễm này kết hợp lại thành 03 gốc-rễ bất thiện, và khi có những sự này thì tất cả những ô-nhiễm phụ thuộc cũng có theo. 05 sự ô-nhiễm này cũng hàm chứa 12 tâm bất thiện (citta) [theo Vi Diệu Pháp Tạng—coi CMA 1:4–7.] (211)

212 ['Cằn cạn khan hiếm' là tạm dịch chữ gốc [duhitika]: nghĩa là 'không có

gì để ăn uống, nghỉ ngơi ... nên không thể đi qua được'; nghĩa bóng: là con đường ô-nhiễm phàm tục là như 'con đường duhitika', không thể đưa đến sự tu tiến hay thanh lọc ...

- Spk phân tách chữ này là du-ihiti-ka; ihiti có nghĩa là đồng nghĩa với iri- yanā (di chuyển, đi qua): Ettha ihitı ti iriyanā; dukkhā ihiti etthā ti duhitiko (phân tích về động từ). Dọc theo đường không có thức ăn hay chỗ nghỉ như gốc cây và trái cây, thì sự đi qua được là khó khăn; một người không thể đi



qua bằng cách đi dọc theo con đường đầy ô-nhiễm, do vậy con đường đầy ô- nhiễm là duhitika.

- Gốc gác đúng của chữ duhitika rõ ràng là từ du-hita, chắc đã bị mất dấu vào thời các luận sư. Coi thêm thảo luận trong chú thích số 347 bên dưới, và cũng coi thêm MW, s.v. dur-hita, và chữ phản nghĩa của nó là su-hita.] (212)

213 [Spk: Giống như người chủ ruộng không chịu thu hoạch lúa, rồi do người

chăn bò lơ lãng, con bò vào ruộng ăn lúa; cũng giống như vậy, khi tâm bị xa lìa khỏi sự chánh-niệm là người canh gác sáu cửa giác-quan, thì tâm sẽ lo thụ hưởng năm dây dục-lạc; rồi, vì những phẩm chất thiện lành bị hủy diệt, Tỳ kheo đó không chứng đắc những kết-quả của đời sống sa-môn (tu hành).] (213)

214 [Nguyên văn câu này Be ghi: udujitaṃ hoti sudujitaṃ; Se: udujjitaṃ hoti

sudujjitaṃ; Ee: ujujātaṃ hoti saṃmujujātaṃ. Spk giải nghĩa câu nảy này là = tajjitaṃ, sutajjitaṃ, và nói rằng nghĩa nó là sujitaṃ (đã được chinh phục khéo léo); udu và sudu chỉ là những chữ không thể biến hóa (nipātamatta).

- Có thể lời kinh đã bị hư mất đâu đây. Spk nói rằng ngay điểm này Phật đã thảo luận "sự phòng-hộ" của sự vắng-lặng (định) và của giới-hạnh kiềm chế các căn cảm-nhận (samathānurakkhaṇa-indriyasaṃvarasıla).] (214)

215 [Nguyên chữ Pāli các bộ phận của cây đờn tỳ bà (vīṇā) là: camma, doṇi,

daṇḍa, upavīṇā, tanti, koṇa. Ví dụ này cũng có trong kinh Mil 53, bao gồm cả danh sách này [được dẫn đầu bởi chữ patta (dây đeo)]. Cách dịch những bộ phận của đờn tỳ bà tôi làm theo bản dịch của nữ tiến sĩ Horner, trong tập Milinda Vấn Đáp, 1:74, cô đã dịch dựa theo cách diễn dịch theo bài viết có tên "Những Bộ Phận Của Một Đờn Tỳ Bà (Vīṇā)" bởi học giả A.K. Coomar- aswamy, được đăng trên tạp chí Journal of the American Oriental Society, 50:3.] (215)

216 [Tôi đọc theo Be là: Asatı kir' āyaṃ bho vıṇā nāma, yath' evaṃ yaṃ kiñci

vıṇā nāma, ettha ca pan' āyaṃ jano ativelaṃ pamatto palaḷito. Se chỉ khác chỗ ghi là palāḷito, nhưng Ee thì khác nhiều hơn. Nghĩa chính xác ở đây không rõ lắm! Spk thì giải nghĩa chữ asatı là = lāmikā và diễn giải rằng: "Nó



không chỉ là đờn là một thứ tồi, mà giống như thứ được-gọi-là đờn, chỉ như mọi thứ khác được căng dây mà thôi—tất cả chỉ là một thứ tồi tệ."] (216)

217 [Spk: Năm-uẩn được ví như đờn tỳ bà; người thiền là nhà vua. Khi nhà

vua không thấy âm thanh nào bên trong cây đờn cho dù có dập nát nó ra để tìm, và do vậy ông không còn quan tâm tới cây đờn; cũng giống như người thiền, sau khi đã khám phá năm-uẩn không thấy có cái 'ta' hay cái 'của-ta' bên trong đó nên người thiền cũng không còn quan tâm hay dính chấp vào năm-uẩn như một thực-thể nào cả. Ba cái này là chỉ 03 sự dính-chấp lớn của con người: cái 'ta': thân kiến (như ngã kiến); cái 'của-ta': dục-vọng (như ngã chấp); cái 'ta-là' này nọ là những quan-điểm sai lạc (như tà kiến).] (217)

218 [Saravanaṃ tạm dịch là cây gai nhọn. Spk (Se) giải nghĩa là kaṇṭaka-

vanaṃ. Chữ sara, theo PED, là cây lau sậy. Saccharum sara, được dùng làm tên bắn.] (218)

219 [Spk giải thích ý nghĩa là Tỳ kheo thiếu đức-hạnh thì như cái gai thúi làm

thương tổn những người dân làng. Còn Spk-pt thì nói: những Tỳ kheo thiếu đức-hạnh thì giống như người ép uổng dân làng phải cúng dường, mặc dù những 'đại đức thúi' đó là không đáng được cúng dường hay kính trọng ...] (219)

- (Nhân tiện, lời kinh bên dưới nói về sự không kiềm-chế và sự biết kiềm-chế cũng giống như trong các kinh SN 35:132 ở trên, phần (1), (2), và trong kinh 35:243, phần (1),

(2) ở trên được nói bởi Ngài Mục-kiền-liên, và một số kinh khác cũng có những đoạn giống tương tự.)

220 [Cụm chữ này: byābhaṅgihatthā. Spk giải nghĩa là kājahatthā; Spk-pṭ

giải nghĩa là daṇḍahatthā.] (220)

221 Āyatiṃ punabbhavāya ceteti (đã thiết lập cái tâm theo hướng tái hiện-hữu

trong tương lai). Spk: Những chúng sinh đó, hoàn toàn bị đánh đập bởi những ô-nhiễm [bắt rễ] từ tâm nguyện muốn được hiện-hữu nếm trải sự khổ đau bắt rễ từ sự hiện-hữu (bhavamūlakaṃ dukkhaṃ).] (221)

222 [Sự xích mích và đánh nhau giữa các thiên thần và những quỷ thần (a-tu-

la) được nói nhiều lần trong các kinh; mời coi lại cái kinh SN 11:1–6 (Quyển



1). Đoạn kinh mô tả tiếp dưới đây là song hành tương tự đoạn trong kinh SN 11:4 (Quyển 1).] (222)

223 [Ý câu này cũng được nói trong kinh 22:64 (Quyển 3). Spk giải nghĩa đó

là: "Trong sự nhìn-nhận (suy tưởng) năm-uẩn theo cách của dục-vọng (ái), sự tự-ta (ngã mạn) và những quan-điểm này nọ (tà kiến)".] (223)

224 [Sự nhìn-nhận (mañña). Spk chú giải: "Ta-là" (asmi) là một sự nhìn-

nhận thông qua dục-vọng (ái); "ta là này" (ayam aham asmi) là một sự nhìn- nhận thông qua những quan-điểm này nọ (tà kiến); "ta sẽ là' là một sự nhìn- nhận thông qua quan-điểm bất diệt, tức có một cái 'ta' hằng hữu (thường kiến); "ta sẽ không là" là một sự nhìn-nhận thông qua quan-điểm diệt-vong, tức sau khi chết là hết, sẽ không còn là gì (đoạn kiến). Những cái còn lại là những loại đặc trưng của quan-điểm bất diệt.

- Spk kết nối cái 'ta-là' với dục-vọng là bất thường, vì ý niệm của sự 'ta-là' (asmi) thường được gán cho sự 'tự-ta' (ngã mạn) trong các kinh và luận giảng; tuy nhiên, trong kinh SN 22:89 (Quyển 3) có ghi asmī ti chando theo lời của Ngài Khemaka) và có thể nhà luận giải đã có ý này trong đầu. "Ta là này" dính líu với quan-điểm có danh-tính (thân kiến), trong đó một người thiết lập một 'danh-tính' của mình bằng cách nhận một hay các uẩn là cái 'ta' (ngã).

- 09 (?) sự nhìn-nhận cũng được nói trong kinh SN 22:47 (Quyển 3); cũng được nói trong kinh MN 140, mục 31.] (224)

225 [03 thuật ngữ của 03 đoạn kế tiếp này lần lượt là iñjita, phandita, và pa-

pañcita. Spk chú giải rằng: "Điều này cho thấy rằng do có những ô-nhiễm [như dục-vọng ...] nên chúng sinh động-chuyển (động vọng), chao-đảo (phất phơ), và tăng-phóng (phóng tâm)." Chữ papañca thường được giải nghĩa trong các luận giảng là pamādakarā dhammā (những thứ, những yếu tố chịu trách nhiệm gây ra sự lơ-tâm hay sự tăng-phóng).] (225)

226 [Chữ cuối là: mānagata. Spk: bản thân sự 'tự-ta' (ngã mạn) là một sự

dính-líu với sự 'tự-ta' rồi. Trong đoạn này, sự 'ta-là' (ngã chấp) được nói ra theo cách của sự 'tự-ta' kết nối với dục-vọng; "Ta là này" thì theo cách của những quan-điểm (tà-kiến) này nọ. Mặc dù sự 'tự-ta' (ngã mạn) không khởi



sinh trong sự liên kết lập tức với những tà-kiến này nọ [theo như sự phân tích của Vi Diệu Pháp về những khoảng-khắc tâm (sát-na tâm) thì chúng là riêng nhau], những tà-kiến xảy ra là do sự 'tự-ta' (ngã mạn, ta-đây) chưa được dẹp bỏ. Vì vậy nên điều này được nói ra với sự đề cập tới những tà-kiến bắt rễ từ sự 'tự-ta'.] (226)

227 [TKBĐ: Phần thi kệ [trong kinh này và các kinh sau] không được để trong

ngoặc kép " …", vì chúng có vẻ không phải lời của Phật; có thể những người biên tập ngày xưa đã lấy từ chỗ nọ chỗ kia trong các kinh rồi gắn vào các bài kinh này. Trong kinh này, phần thi kệ được nói theo khuôn-mẫu 'Tứ Diệu Đế', với 'sự khổ' được thay bằng 'cảm-giác' với ý nghĩa rằng: mọi cảm-giác đều nằm trong sự khổ, bởi cảm-giác cũng là một trong năm khổ uẩn. Spk giải thích 'có đạt-định' và 'thấu-suốt rõ ràng' là định và tuệ minh-sát; [còn Spk-pṭ thì giải nghĩa 02 chữ là = samāhito và sampajāno (rõ-biết, tỉnh giác)]; phần còn lại là Bốn Diệu Đế. Spt-pt thì giải thích: 'hết đói khát' (nicchāto): là hết dục-vọng (ái tận); 'hoàn toàn tắt ngấm' (parinibbuto) hàm nghĩa là sự hoàn toàn tắt bặt của những ô-nhiễm. Như vậy, bài kệ là bao gồm tất-cả những trạng-thái trong 04 cõi, [coi lại chú thích đầu tiên trong kinh SN 35:23 ở trên].] (227)

228 [Tôi dịch chữ mosadhammaṃ trong dòng kệ c đúng theo cách mà Spk đã

giải nghĩa là nassanadhammaṃ (phải bị tiêu hủy, phải bị hủy hoại), dựa vào nghĩa này Spk-pṭ đã bổ sung thêm nghĩa là: "Không có gì được nhìn thấy sau sự tan biến của nó do tính chất nhất thời có mất của nó." Chữ này có thể liên quan chữ musā, từ một gốc động từ nhưng tích thêm nghĩa "sai, giả". Như vậy chữ mosadhamma có thể đã được dịch là "có bản chất sai giả" hoặc "đánh lừa". Nghĩa này dường như được chuyển tải trong phần gần cuối kinh MN 140, và có lẽ ở kinh Sn 757d, mặc dù cunngx có thể tất cả những lời kinh đều hàm chứa cả 02 nghĩa này. Spk giải nghĩa câu phussa phussa vayaṃ passaṃ là: ñāṇena phusitvā phusitvā vayaṃ passanto (sau khi nhìn thấy sự suy biến của nó, sau khi đã liên tục tiếp-xúc nó [chạm vào nó] bằng sự-biết. Spk-pṭ coi chữ virajjati là một chữ ám chỉ con-đường (đạo) (maggavirāgena virajjati).] (228)

229 (Tức: sướng không tham, khổ không sân, trơ không si mà phải biết rõ về

nó). [03 khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) này trong tiếng Pāli là



rāgānusaya, paṭighānusaya, avijjānusaya. Trong số 07 khuynh-hướng tiềm ẩn (anusaya) [coi lại kinh SN 45:175] thì riêng 03 loại này liên quan tới những cảm-giác; coi thêm kinh MN 148, mục 28-34.] (229)

230 [Chỗ này tôi đọc theo Be ghi là niranusayo, khác với Se và Ee ghi là

pahınarāgānusayo.] (230)

231 [Cụm chữ cuối: mānābhisamayā. Spk nói: sự phá tan sự tự-ta là bằng

cách nhìn thấy nó (dassanābhisamayā) và bằng cách dẹp bỏ nó (pahānābhisamayā). Mời đọc lại chú thích chi tiết ở kinh SN 12:02 (Quyển 2), phần [I. Khởi sinh], đoạn (1), chú thích số đuôi (13).] (231)

232 [Chữ gốc là: pātālo. Cũng có ghi trong Quyển 1, dòng kệ 147d, 517b,

759c. Ở đây Spk coi trích xuất chữ này từ câu pātassa alaṃ pariyatto (đủ, sự đủ đầy của sự rớt xuống" và nói rằng chữ này chỉ một nơi không có đáy (nat- thi ettha patiṭṭhā). "Cảm-giác khổ của thân" (khổ thân) ở đây là dịch cụm chữ sārırikā dukkhā vedanā.] (232)

233 [Spk: bởi vì nó phải bị thay đổi, luôn biến đổi, có mất.] (233)

234 Tôi chọn đọc theo cách ghi của Se là: tam enaṃ dutiyena sallena anuvedhaṃ vijjheyyuṃ. Be chỉ khác ở chỗ nó có một động từ số ít. Spk chú giải: vết thương thứ hai (anugatavedhaṃ) chỉ cách vết đầu một vài phân. Người bị thương như vậy, cảm-giác tiếp theo sẽ tồi tệ và đau đớn hơn vết đầu.] (234)

235 [Spk: Sự thoát-khỏi ở đây là sự định-tâm, đạo và quả. Người phàm phu

không biết sự tu-tập là giải pháp; họ chỉ nghĩ sự thoát-khỏi khổ đau là khoái- lạc giác quan mà thôi; (cho nên mỗi khi bị khổ đau, họ tìm tới dục-lạc, như người nghiện bị đau đớn thì tìm tới ma túy vậy; chỉ là cách tạm bợ, và sự tái khổ liên tục).]. (235)

- (Ví dụ: nhân loại luôn tìm kiếm sự vui-sướng của dục-lạc trong đủ loại phương tiện như: tiền của, tiện nghi, ái tình, tính dục, ăn uống, rượu chè, hút chích, trò chơi, trò giải trí, ca hát, tiệc tùng, tụ tập ...)

236 [Spk nói rằng trong số những thánh đệ tử, ở đây nhấn mạnh là A-la-hán,

mặc dù bậc Bất-lai thì cũng hợp lý. Theo hệ thống các luận giảng, cả hai bậc



thánh này đều đã trừ bỏ sân (paṭigha, dosa) và do vậy không còn phải bị bực- tức hay phiền-ưu (domanassa), không còn cảm-giác khổ của tâm (chỉ bị khổ thân chứ không còn bị khổ tâm). Mọi người có thân, ngay cả Phật, cũng đều bị cảm-giác đau khổ về thân (ở đây là kāyikā dukkhā vedanā).] (236)

237 [Spk: Phật đến thăm những người bệnh để cho các Tỳ kheo cũng thấy đó

cũng đến thăm và chăm sóc cho những đồng đạo bị bệnh. Phật cũng đến đó để giảng giải về một chủ-đề thiền cho những người cần có nó để thiền quán khi bị bệnh.] (237)

- (Câu bên dưới (*) dịch nguyên văn là: "Một Tỳ kheo nên chờ tới lúc của mình một cách có chánh-niệm và thường rõ-biết (luôn tỉnh-giác)". Câu này có thể được hiểu là: "Người tu nên sống có chánh-niệm và tỉnh-giác cho đến lúc chết"; hoặc: "Trong khi chờ đến lúc chết, người tu nên luôn thực hành sự chánh-niệm và sự rõ-biết"; hoặc: "Chừng nào còn

sống, người tu phải luôn có chánh-niệm và rõ-biết". Bối cảnh lúc này là Phật đang nói với những người bệnh ở khu người bệnh).

238 [Spk chú giải: Tới điểm này, điều gì đã được chỉ ra? Đó là cách đạt-đến

của vị Tỳ kheo này [Spk-pṭ: là sự tu tập sơ cấp (pubbabhā gapaṭipadā) là nhân (dẫn đến quả là) sự đạt đến thánh đạo]. Vì những sự thiết-lập (nền tảng, xứ) của chánh-niệm mới chỉ là sơ cấp, và đối với sự rõ-biết (tỉnh giác) thì những sự 'quán sát về sự vô-thường, sự biến-đi, sự phai-biến' cũng chỉ là sơ cấp. Còn 02 sự—'quán sát về sự chấm-dứt và quán sát về sự từ-bỏ'—là hỗn hợp [Spk-pṭ: tức vừa thế tục vừa siêu thế]. Tới điểm này, là chỉ ra lúc có sự tu tập thiền-quán của Tỳ kheo đó.] (238)

239 [Lời đoạn kinh mẫu từ chỗ này cho đến hết bài kinh cũng có trong kinh

12:51 (Quyển 2) chỉ khác ví dụ; kinh 22:88 (Quyển 3) và 54:08 (Quyển 4) với cùng ví dụ; và cũng có trong kinh MN 140, mục 23-24 với cùng ví dụ.] (239)

240 [Ví dụ này cũng có trong kinh 12:62 (Quyển 2).] (240)

241 [Spk chú giải: Sự vô-thường của những sự tạo-tác (các hành) chính nó là

sự vô-thường của những cảm-giác (thọ), và sự vô-thường này là cái chết.

436 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

Không sự khổ đau nào tệ hơn cái chết: với chủ ý này nên mới nói "Tất cả cảm-giác là khổ."

- "Mọi thứ được cảm nhận đều nằm trong sự khổ": câu cách ngôn này của Phật, mời lại kinh 12:32 (Quyển 2), gần cuối phần [i] và trong kinh MN 136, mục 6 thầy Samiddhi đã nhắc lại. Chỗ này sự chú giải ủa Spk là không hợp lý cho lắm. Lý do thực sự "tất cả cảm-giác là khổ" là bởi vì tất cả cảm-giác là vô-thường và do vậy không thể cung cấp sự sướng (lạc) và sự an-toàn ổn định dài lâu.] (241)

242 [Nguyên văn cụm chữ này: anupubbasaṅkhārānaṃ nirodho. Spk chú giải:

Câu này được nói ra để chỉ ra rằng: "Ta không chỉ mô tả sự chấm-dứt của những cảm-giác, mà cũng mô tả sự chấm-dứt của nhữ9.22 54W* nB.000007689 0 516 728.64 r

Chú Thích • 437

245 [(Pañcakaṅga có nghĩa là Năm Công Cụ, Năm Đồ Nghề). Kinh này là

giống kinh MN 59, kinh "Bahuvedanıya Sutta".] (245)

246 [108 loại cảm-giác này đã được giảng giải trong kinh SN 36:22 bên dưới.]

(246)

247 [Kể từ tầng thiền định thứ tư trở lên, do không còn sự sướng và sự khổ

nên sự hạnh-phúc ở đây được coi là dạng "khoái-lạc bình an và siêu phàm"; thường được gọi là "an trú" hay "lạc trú", theo nghĩa nó là "bình an và siêu phàm".] (247)

248 [Sự chấm-dứt (tịch diệt) được gọi là hạnh-phúc theo nghĩa nó là 'niềm

hạnh-phúc không được cảm nhận' (avedayitasukha) (bằng giác quan).' Còn 'niềm hạnh-phúc được cảm nhận' (vedayitasukha) thì khởi sinh theo cách của năm dây khoái lạc-giác-quan và tám tầng thiền nói trên, trong khi đó sự chấm-dứt thì được gọi là 'niềm hạnh-phúc không được cảm nhận'. Cho dù có được cảm nhận hay không, chúng vẫn đều là hạnh-phúc theo cái nghĩa là những 'sự an trú không-còn khổ đau' (niddukkhabhāva).] (248)

249 [Tôi đọc nguyên văn câu cuối là: Yattha yattha āvuso sukhaṃ upalabbhati

yamhi yamhi, taṃ taṃtathāgato sukhasmiṃpaññāpeti. Spk diễn dịch: Cho dù sự hạnh-phúc được cảm nhận hay sự hạnh-phúc không được cảm nhận, Như Lai chỉ mô tả rằng: thứ gì không còn khổ là hạnh-phúc.] (249)

250 [Spk: tên ông ta là Sīvaka, nhưng vì ông ta có búi tóc trên đỉnh đầu (cūḷā)

nên ông được gọi là Moḷiyasīvaka, nghĩa là ông Sīvaka tóc búi (moḷi hay moli là một chữ khác chỉ búi tóc).] (250)

251 [Quan-điểm này thường được nói giống như thuyết pubbakatahetuvāda

(thuyết nghiệp tiền kiếp). Trong kinh MN 101, mục 2, 5, 13, 22 (1), (6), và 45 (1), 6), trong đó thuyết này được gán cho những người đạo Jains (Ni-kiền- tử), Đức Phật đã chỉ trích thuyết đó từ một góc độ, và cũng chỉ trích theo góc độ đó như trong kinh AN 3:61.] (251)

252 [Theo lý luận này, chữ vedanā (cảm-giác) đang được dùng theo nghĩa hẹp

là cảm-giác khổ đau mà thôi. Mật (pitta), đờm (semha), và gió (vāta) là 03 khí chất của thân (dosa) theo y học Ayurveda cổ ở Ấn Độ. Ở đây nên để ý



Phật đã nhắc tới sự trải nghiệm cá nhân (người tự mình cảm nhận cảm-giác trong bụng …) và điều công nhận trong dân gian (điều được cho là đúng trong thế gian) là 02 góc độ để bác bỏ quan-điểm cho rằng 'tất cả cảm-giác đều do nghiệp quá khứ' theo nghĩa là nghiệp quá khứ là nguyên nhân duy nhất và đầy đủ tạo ra mọi cảm-giác trong hiện tại. Tuy nhiên, lời của Phật cũng hàm ý không từ chối những nghiệp (ác) quá khứ có thể kết quả thành bệnh tật … (dẫn tới những sự đau đớn, đau khổ … trong hiện tại); vì mức độ nhân-quả này không thể được nhận biết ngay bởi người thiếu các căn nhận biết siêu thường. Như vậy nghiệp vẫn có thể là một nhân gián tiếp gây ra những cảm-giác đau khổ được trực tiếp gây ra bởi 07 nguyên nhân đầu tiên. [Nhân chỉ đủ trong trường hợp thứ tám, mặc dù muốn đủ cũng cần sự liên kết với những điều-kiện (duyên) khác nhau khác].] (252)

253 [Tôi đã dịch các chữ sannipātikāni, visamaparihārajāni, và opakkamikāni

đúng theo cách giải thích của Spk. Về cụm chữ kammavipākajāni vedayitāni, Spk nói những cảm-giác này được tạo ra bởi duy nhất (kevalaṃ) nghiệp quả. Nhưng những cảm-giác đã khởi sinh trực tiếp từ 04 nguyên nhân đầu đều không phải là 'những

cảm-giác được tạo ra bởi nghiệp', cho dù nghiệp có thể có chức năng là nguyên nhân nằm bên dưới sự bệnh tật … vốn là những tình trạng trực tiếp gây ra những cảm-giác đau đớn. Theo Vi Diệu Pháp (Abhi- dhamma), tất cả mọi cảm-giác đau khổ thuộc thân đều là quả của nghiệp (kamma-vipāka), nhưng điều đó không nhất thiết chỉ được tạo bởi (duy nhất) nghiệp; nghiệp thường hoạt động thông qua những mạng lưới nhân-quả hữu hình hơn để tạo ra quả của nó.

- Spk nói rằng kinh này được nói trừ quan-điểm của quy ước thế tục (lo- kavohāra), dựa vào đó Spk-pṭ luận thêm: "Bởi vì thế gian nói chung đều chấp nhận rằng [những cảm-giác] khởi sinh từ mật … Mặc nhiên cho rằng những cảm-giác dựa trên thân thể thực sự được tạo ra bởi nghiệp, nhưng quy ước thế tục có được theo cách của điều-kiện hiện tại (duyên) (paccuppanna- paccayavasena). Sau khi chấp nhận điều đã được nói, giáo thuyết của người ngoài đạo đã bị bác bỏ. Khi chấp nhận điều này là vậy thì thuyết "duy nghiệp" của người ngoài đạo bị bác bỏ." (?)] (253)

254 [Các căn này được nói rõ trong các kinh SN 48:3140 (Quyển 5), tức

nguyên NHÓM 4 của Chương 48.] (254)

Chú Thích • 439

255 [Coi thêm kinh MN 137, mục 3-8. Mỗi loại nhân với 06 bằng cách khởi

sinh liên quan tới 06 đối-tượng giác quan như—những hình-sắc, những âm- thanh … thành 18 loại khác nhau.] (255)

256 [36 loại cảm-giác này đã được giảng giải trong kinh MN 137, mục 9-15:

gồm 18 loại thuộc đời sống tại gia và 18 loại thuộc đời sống xuất gia, thành 36 loại khác nhau.] (256)

257 [Trong phiên bản Ee, kinh này được coi là phần tiếp tục của kinh kế trên.

Tôi làm theo Be và Se, coi đây là một kinh riêng.] (257)

258 [Trong tất cả 03 phiên bản, lời của kinh này cũng có luôn 02 chữ samudayañ ca atthaṅgamañ ca (sự khởi-sinh và sự biến-qua), và lời trong kinh kế tiếp cũng có đủ 05 chữ giống vậy. Điều này hơi vô lý, vì nếu mà đúng như vậy thì đâu cần phải có 02 kinh riêng biệt như vậy. Từ đó chúng ta có thể suy ra chắc chắn rằng kinh 36:27 nguyên thủy chỉ có 03 chữ assāda, ādınava, nissaraṇa (sự thỏa-thích, sự nguy-hại, sự thoát-khỏi), còn kinh 36:28 kế tiếp thì có tất cả 05 chữ. Tôi đã dịch dựa trên giả thiết này, nó cũng được ủng hộ từ các kinh song hành là: 14:37–38 (Quyển 2), 22:107–8 và 22:129–34 (Quyển 3).] (258)

259 [Trong Ee thì bài kinh ngắn củn này được tính như đoạn mở đầu cho kinh

kế sau, nhưng trong Be và Se nó được tính là một kinh riêng, và tôi làm theo như vầy.] (259)

260 [Nirāmisā nirāmisatarā pīti. Spk giải nghĩa: còn tâm linh hơn niềm hoan-

hỷ tâm linh của các tầng thiền định. (tức là, niềm hoan-hỷ từ sự giải-thoát là siêu tâm linh hơn cả sự hoan-hỷ trong các tầng thiền định).] (260)

261 [Sau khi đã gọi sự hoan-hỷ … của những tầng thiền định là sự hoan-hỷ

thuộc về tâm-linh (nghĩa gốc phi thể-xác) … có vẻ mâu thuẫn khi lời kinh nói sự giải-thoát sắc-giới là thuộc thể xác. Spk giải thích rằng sự giải-thoát sắc- giới được gọi là thuộc thể-xác bởi vì đối-tượng của nó là sắc thuộc thân xác (rūpāmisavasen' eva sāmiso nāma).] (261)

262 [Nguyên văn câu này: Mātugāmassa āveṇikāni dukkhāni. Spk giải nghĩa:

Riêng biệt, chỉ có [đối với phụ nữ]; không có bởi đàn ông.] (262)



263 [(i) Tôi làm theo sự sắp xếp của Be, là gồm có câu mở đầu này trong kinh

thứ năm [5. (5)] của NHÓM 1 này và được ghi cho tất cả các kinh 37:5–24 như đã chỉ được nói cho người nghe là thầy A-nậu-lâu-đà. (ii) Ee thì chỉ đặt câu mở đầu này ở đây [và trong phần "Mảng Sáng"] trước kinh thứ nhất của mỗi dãy kinh. Về mặt này, Se làm tương ứng như Be. (iii) Tuy nhiên, trong Se chỉ có kinh thứ nhất của mỗi dãy kinh [Mảng Tối và Mảng Sáng] là được nói cho thầy A-nậu-lâu-đà. Rồi Se lặp lại chính kinh thứ nhất đó nhưng đổi thành được nói cho "các Tỳ kheo", và đổi luôn các kinh tiếp theo còn lại trong mỗi dãy kinh là chỉ được nói cho "các Tỳ kheo". Vì lý do này nên Se tăng 02 số kinh so với Be và Ee trong NHÓM 1 này, coi như nó thêm 02 kinh thứ nhất được nói cho chỉ thầy A-nậu-lâu-đà vậy. Nhưng những kinh này ghi thiếu chữ yebhuyyena (hầu như [bị tái sinh]) được thấy có trong kinh dẫn trước là kinh 4. (4).

- Ngài Anuruddha (A-nậu-lâu-đà) là siêu xuất về 'thiên nhãn minh', có thể nhìn thấy sự chết đi và tái sinh của những chúng sinh; và dường như thầy ấy cũng hay gặp phải những phụ nữ, cả trong cõi trần và cõi trời; mời coi thêm kinh SN 9:06 (Quyển 1).] (263)

264 [Như giải thích trong câu ở cuối kinh.] (264)

265 [Như giải thích trong câu cuối kinh.] (265)

266 [Nguyên văn câu cuối: Sāmikaṃ pasayha agāraṃ ajjhāvasati. Spk giải

nghĩa chữ pasayha là = abhibhavitvā, và trong kinh kế tiếp giải nghĩa cụm chữ abhibhuyya vattati là = abhibhavati ajjhottharati. Theo cách này thì cả hai thành như chỉ đơn giản là những biến tấu của cùng một nghĩa muốn nói mà thôi. (Cũng giống những tập tục nghi luật trong xã hội cận đại và cổ đại ở các nước đông Á như Việt Nam, Trung Quốc…).] (266)

267 [Nguyên văn câu này: Nāsent' eva naṃ, kule na vāsenti. Spk đã cung cấp

cho chúng ta một cái nhìn thoáng qua về những tập tục xã hội trong thời cổ xưa, luận giảng diễn dịch rằng: "Sau khi họ nói 'Đồ thất đức, đồ dâm phụ lăng loàng', họ nắm cổ và tống cô ta đi khỏi; họ không chứa cô ta trong gia đình đó nữa."] (267)

268 [Nguyên văn câu này: Vāsent’ eva naṃ kule, na nāsenti. Spk diễn dịch

rằng: “Sau khi họ suy xét ‘Sắc đẹp hay sự giàu có … đâu là vấn đề gì khi cô ta là đức hạnh và liêm trực?’, họ dung chứa cô ta trong gia đình đó; họ không xua đuổi cô ta.”] (268)

269 [‘Người đối nghịch’ (asapattī) ở đây là chỉ những vợ thứ, vợ lẽ, thê thiếp

mà chồng có thể cưới thêm.] (269)

270 [Spk: người này thực ra là cháu ruột của Ngài Xá-lợi-phất, tên Jambu-

khādaka của ông có nghĩa: ‘người ăn táo hồng’.] (270)

271 [Spk tranh luận bất đồng với ý tưởng cho rằng Niết-bàn chỉ là sự tiêu diệt

ô-nhiễm (kilesakkhayamattaṃ nibbānaṃ), và cho rằng Niết-bàn được gọi là sự tiêu diệt những ô-nhiễm như tham, sân, si theo cái nghĩa tham, sân, si được tiêu diệt phụ thuộc vào (chỉ khi có) Niết-bàn (yaṃ āgamma rāgādayo khıyanti, taṃ nibbānaṃ). Để đọc đầy đủ về sự biện luận này, mời coi thêm Vism 507–9 (Ppn 16:67–74). Điểm mấu chốt trong quan-điểm của luận giảng là: Niết-bàn là yếu tố không còn điều-kiện (vô vi giới) đạt được cùng với sự chứng đắc thánh đạo siêu thế. Bởi vì sự trải nghiệm trạng thái vô vi này tác động tạo ra sự tiêu diệt những ô-nhiễm, nên Niết-bàn mới đi đến được gọi là sự tiêu diệt tham, sân, si, nhưng Niết-bàn không thể bị thu hẹp chỉ là sự tiêu diệt tham, sân, si.] (271)

272 [Chữ “sugata” (bậc khéo đi, bậc thiện thệ, [TKBĐ dịch là:] bậc phúc lành)

thường là chữ biểu tượng cho Đức Phật, nhưng ở đây, ở dạng số nhiều, thì nó dùng để chỉ chung tất cả những bậc A-la-hán.] (272)

273 [Người đạt tới sự yên-ủi (assāsapatta). Câu trả lời kinh này là công thức

tiêu chuẩn đối với bậc học-nhân (sekha). Kinh kế tiếp, người đạt tới sự yên-ủi tối thượng (paramassāsapatta) là chỉ bậc vô-học nhân (asekha), tức A-la- hán.] (273)

274 [Ba loại khổ được giải thích trong Vism 499,14–21 (Ppn 16:34-35).]

(274)

275 [Spk chú giải bằng cách trích thẳng câu trong kinh MN 85, cuối mục 59:

“… sau khi được chỉ dẫn trong buổi tối, người đó có thể đạt tới sự khác-biệt



[sự giác-ngộ] vào sáng mai; sau khi được chỉ dẫn vào buổi sáng, người đó có thể đạt tới sự khác-biệt vào buổi chiều.”

- (Mời đọc lại cả mục 59 của MN 85 này về thời gian một người tu có thể đạt tới mục tiêu giác-ngộ, như Phật nói cho Hoàng tử Bồ-Đề.).] (275)

276 [09 kinh đầu của Chương này kể lại những trải-nghiệm của thầy Mục-

kiền-liên khi thầy đang phấn đấu hết mực (thiền tập) để chứng thánh quả A- la-hán trong suốt 01 tuần lễ đầu tiên ngay sau khi thụ giới thành Tỳ kheo. Những câu chuyện khác về sự tu hành của vị thánh tăng này, mời đọc thêm quyển "Mục-kiền-liên: Bậc Thầy Thần Thông" của học giả Hecker, và quyển "Những Vị Đại Đệ Tử của Đức Phật" bởi nhà sư trưởng lão Nyanaponika và Hecker.] (276)

277[Nguyên văn câu cuối này: Kāmasahagatā saññā manasikārā sam- udācaranti. Spk giải nghĩa là: còn bị dính bởi năm chướng-ngại.] (277)

278 [Mahābhiññataṃ patto: đạt tới sự lớn lao của trí-biết trực tiếp, có nghĩa

là thầy Mục-kiền-liên là siêu xuất về những năng-lực siêu thường, tức thần- thông (iddhividha); mời coi thêm các kinh SN 51:14, 51:31 (Quyển 5).] (278)

279 [So sánh kinh SN 21:01, trong đó trải nghiệm tầng thiền định thứ hai cũng

được diễn tả bằng chữ "sự im-lặng thánh thiện" (ariya tuṇhıbhāva), một thuật ngữ tiêu chuẩn để diễn tả tầng thiền định thứ hai này.] (279)

280 [Animitta cetosamādhi: sự/trạng thái định-tâm vô dấu-hiệu (vô tướng định). Spk: chữ này là chỉ sự định-tâm minh-sát (vipassanā-samādhi), xảy ra khi người thiền đã dẹp bỏ dấu-hiệu vô thường (vô thường tướng) ... vv.

- 'Sự định-tâm vô dấu-hiệu của tâm' đã không được định nghĩa thêm trong cac bộ kinh Nikāya, nhưng sự đặt vị trí của nó sau tầng chứng đắc vô-sắc thứ tám (phi tưởng phi phi tưởng xứ) cho thấy nó là một trạng thái định-tâm (samādhi) về mặt định tính là khác với những trạng thái định đạt được trong thiền-định (samatha, thiền vắng-lặng). Trong các kinh bên dưới có nói về 'sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm' (animittā cetovimutti; ở kinh 41:7). Trong kinh 43:4 thì 'sự định-tâm vô dấu-hiệu' (animitta samādhi) được gọi là con-



đường dẫn tới trạng thái vô-vi (không còn điều-kiện, không còn hữu vi). Để có thêm cách nhìn bao quát về sự thiền vô dấu-hiệu (vô tướng), mời coi thêm quyển "Thiền Định Vô Dấu-Hiệu trong Phật giáo Pāli" của học giả Harvey. Mời đọc thêm các chú thích số 312 ở đoạn (1), (iv) của kinh SN 41:07 về 'sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm', và chú thích số 368 trong kinh SN 43:04 về 'sự định-tâm vô dấu-hiệu'.] (280)

281 [Nguyên văn cụm chữ này: nimittānusāri viññāṇaṃ hoti. Spk: Điều này

đã xảy ra trong khi sự-biết minh-sát (quán trí) của người thiền (Mục-kiền- liên) đang trôi chảy theo một cách sắc xảo và mạnh mẽ khi người thiền đã an trú trong sự định-tâm minh-sát (quán định). Giống như, khi một người đang chặt một cái cây bằng một rìu bén, nếu người đó cứ lo kiểm tra ngắm nghía lưỡi rìu thì người đó không hoàn thành chức năng chặt hạ cây; cũng giống như vậy thầy Mục-kiền-liên đã tu dưỡng sự ưa-thích (nikanti) đối với sự minh-sát và do vậy không hoàn thành được chức năng của nó.] (281)

282 [Dịch theo Be và Se ghi là: asıtiyā devatāsahassehi saddhiṃ. Riêng Ee

ghi: asıtiyā devatāsatehi saddhiṃ (tám mươi trăm).] (282)

283 [Đây là loại 'niềm-tin' của một thánh đệ tử, tối thiểu là bậc Nhập-lưu, vì

đây là một trong bốn yếu-tố phẩm chất của một bậc thánh Nhập-lưu; coi kinh SN 12:41 (Quyển 2). Vua trời Đế-thích được thấy là một bậc thánh Nhập-lưu trong kinh DN II, 288.] (283)

284 (Về bài kinh dài SN 40-10 kế trên, tóm tắt như vầy để dễ nhớ: [I] Quy y

(Tam Bảo): được tái sinh cõi trời. [II] Có được niềm-tin vào Tam Bảo và có được những đức-hạnh mà những bậc thánh quý trọng: được tái sinh cõi trời. [III] Quy y (Tam Bảo): được tái sinh cõi trời + hơn những thiên thần khác về 10 mặt. [II] Có được niềm-tin xác thực vào Tam Bảo và có được những đức- hạnh mà bậc thánh quý trọng: được tái sinh cõi trời + hơn những thiên thần khác về 10 mặt.)

- [Về thiên thần Candana trong kinh này: mời coi thi kệ kinh SN 2:05 (Quyển 1); còn 04 thiên thần kia là đang trị vì những thiên thần của 04 cõi dục-giới nằm trên cõi trời Ba Mươi Ba] (284)



285 [Trong kinh AN 1:250 gia chủ Citta được Phật tuyên bố là đệ nhất về thu-

yết giảng Giáo Pháp trong số những đệ tử tại gia nam (etadaggaṃ dhamma- kathikā naṃ); coi thêm kinh SN 17:23 (Quyển 3). Về tiểu sử của vị gia chủ này, mời đọc thêm "Những Sự Đoản Mệnh của Những Vị Đệ Tử" của học giả Hecker, và "Những Vị Đại Đệ tử Của Đức Phật" của nhà sư Nyanaponika và Hecker, trang 365–732.

- Theo Spk, làng Migapathaka là ngôi làng huê lợi (tức nộp huê lợi cho gia chủ; bhogagāma) của gia chủ Citta, nó nằm ngay sau khu Vườn Xoài Ho- ang.] (285)

286 [Giống ví dụ ở kinh SN 35:232 ở trên.] (286)

287 [Vấn đề này cũng được đặt ra trong đoạn đầu của kinh 35:129 (Quyển

này), nhưng lời giải đáp bên dưới thì được nói ra giống như trong kinh 14:01 (Quyển 2).] (287)

288 [Spk nói rằng: vị trưởng lão đó biết câu trả lời, nhưng do thầy ấy không

phải là một người thuyết pháp một cách tự tin. Sự giải thích này không mấy thuyết phục, khi lúc sau chúng ta đọc lời thú nhận của vị trưởng lão ở cuối kinh rằng 'Câu trả lời không khởi sinh trong tâm thầy ấy lúc đó'.] (288)

289 [Phần kinh thi Th 120 (Trưởng Lão Kệ) được cho là của Thầy Isidatta.

Isidatta khi còn tại gia đã nhận được lá thư từ người bạn "chưa biết mặt" là cư sĩ Citta [coi kinh kế tiếp] đề cao về Phật, Pháp, Tăng. Nhờ đó Isidatta đã có niềm-tin vào Tam Bảo và đã thụ giới xuất gia theo Ngài Đại Ca-chiên- diên, và đã nhanh chóng chứng ngộ

A-la-hán với sáu trí-biết trực tiếp.] (289)

290 [Về sự "dẹp bình bát" của Tỳ kheo, coi lại chú thích 135 trong kinh

35:133 ở trên.] (290)

291 [Trong câu cuối này, tôi đã dịch cái thành ngữ lọng cọng này một cách tự

do cho đúng theo nghĩa tự nhiên của nó.] (291)

292 [Brahmajāla Sutta (kinh Phạm Võng), tức kinh DN 1.] (292)

293 [Cả luận giảng Spk và Spk-pṭ đều không chú giải gì về sự bỏ đi đột ngột

này của thầy Isidatta. Thầy ấy có lẽ đã nhìn thấy sự nguy-hại trong sự "lợi,



vinh, danh" (mà gia chủ Citta đã tôn dành cho mình; tức bậc chân tu sợ bị dính danh) và muốn chọn sống trong sự ẩn danh hoàn toàn. (Như Phật đã lặp lại rất nhiều lần trong Chương 17 (Quyển 2): 'Lợi, danh, vinh' là tai hại (chết chóc), đắng cay, tệ bạc (nghiệt ngã), cản trở sự đạt tới 'sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc'—Tỳ kheo Isidatta này (và Tỳ kheo Mahaka trong kinh kế tiếp) có lẽ là một tấm gương cho những tu sĩ ở Việt Nam và xứ khác nên noi theo).] (293)

294 [Se và Ee ghi là kuṭṭhitaṃ, Spk (của Se) giải nghĩa là kuthitaṃ; Be ghi là

kuthitaṃ, được giải nghĩa là kudhitaṃ. SS ghi là kikitaṃ hoặc kikiṭaṃ được chọn bởi học giả Woodward. Spk gọi chữ này là chữ chỉ xảy ra 1 lần duy nhất trong toàn bộ kinh Phật được bảo tồn trong Tam Tạng (Tipiṭaka) (tepiṭike buddhavacane asambhinnapadaṃ), giải nghĩa nó là "cực kỳ kịch liệt" (atitikhiṇaṃ), bởi do cát nóng dưới chân và nắng nóng trên đầu.] (294)

295 [Đoạn này cũng có ghi trong Vism 393–394 (Ppn 12:85).] (295)

296 [Coi kinh Ud 76,26–27, được nói ra khi đề cập tới A-la-hán Lakuṇṭaka

Bhaddiya, (coi kinh SN 21:6, Quyển 1)). Mọi chữ nghĩa gốc chỉ những bộ phận của một chiếc xa và nghĩa bóng là chỉ một A-la-hán ...] (296)

297 (Nội dung từ mục 13-21 trong kinh MN 44 là gần giống tương tự nội dung

của toàn bộ kinh SN 41:06 này; chỉ hơn thiếu nhau một vài chỗ vấn-đáp.)

- [Nội dung những phần vấn đáp trong kinh này là tương ứng với các đoạn kinh trong MN 44, mục 13-21. Tuy nhiên câu hỏi và trả lời cuối cùng (11) trong kinh này không thấy có trong các kinh MN 43 và MN 44.]

- [Spk giải thích rằng gia chủ Citta đã từng an trú trong sự chấm-dứt cảm- giác và nhận-thức (diệt thọ tưởng) [Spk-pṭ: là sự an trú của bậc thánh Bất-lai (gia chủ Citta là một bậc Bất-lai)] và do vậy ông mới đặt câu hỏi về những sự tạo-tác (hành) vốn là cơ-sở cho sự chấm-dứt (diệt định). Coi thêm chú thích số đuôi (299) bên dưới.] (297)

298 [03 chữ trong tiếng Pāli—kāyasaṅkhāra, vacīsaṅkhāra, cittasaṅkhāra—là

giống hệt những chữ tạo nên yếu-tố ‘sự-tạo-tác’ (saṅkhāra) trong chuỗi ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’ (như trong kinh 12:02 (Quyển 2), coi chú thích số 7



trong kinh đó), nhưng trong ngữ cảnh kinh này thì ý nghĩa của chúng là khác, như sự thảo luận bên dưới sẽ cho thấy.

- Ở đây, trong những chữ kép kāya-saṅkhāra và citta-saṅkhāra, thì saṅkhāra rõ ràng có một nghĩa thụ động (nghĩa là): cái được tạo tác hay được tạo ra (saṅkharıyati) tùy thuộc vào thân và vào tâm. Còn trong trường hợp chữ kép vacı-saṅkhāra thì nghĩa của saṅkhāra là chủ động (nghĩa là): cái tạo ra (saṅkharoti) lời-nói.] (298)

- (Nói cách khác: 03 loại sự tạo-tác (hành) này không nên bị nhầm lẫn với 03 loại sự tạo-tác được nói đến trong kinh SN 12:03. Bộ 03-hành trong kinh đó được nói ra khi giảng giải về ‘sự khởi sinh tùy thuộc’ (vòng duyên khởi), trong đó những sự tạo-tác (hành) là một yếu-tố nhân duyên trong 12 yếu-tố nhân duyên; còn bộ 03-hành trong kinh này được nói liên quan tới trạng thái ‘chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác’ (diệt thọ tưởng). Mời quý vị đọc lại lời kinh đoạn (11) của kinh SN 12:03 và chú thích số 7 ở đó.)

299 [Câu hỏi này nói về trạng thái định chấm-dứt cảm-giác và nhận-thức hay

diệt thọ tưởng (saññāvedayitanirodha), cũng thường được gọi là trạng thái diệt-định (nirodhasamāpatti): sự chứng đắc sự chấm-dứt, là một trạng thái trong đó tâm và mọi chức năng thuộc tâm (tâm sở) đều ngừng diệt. Trạng thái này được cho là chỉ có thể đạt tới bởi những bậc Bất-lai và A-la-hán, họ là những bậc đã làm-chủ (thiện thạo) 08 tầng chứng đắc thiền định. Để đọc thêm chi tiết, mời coi Vism 702–9 (Ppn 23:16–52). Spk cho rằng gia chủ Citta hỏi như vậy để coi vị Tỳ kheo đó đã quen thuộc với sự chứng đắc đó chưa.] (299)

300 [Spk: điều này có nghĩa là trước khi chứng đắc sự chấm-dứt (diệt) người

tu đã phân định thời gian chứng-đắc là bao lâu, quyết định trước rằng: “Ta sẽ ‘không-còn tâm’ (acittaka) trong khoảng thời gian như vậy. (acittaka: không còn khởi tâm, trạng thái không có tâm này tâm nọ nữa).] (300)

301 [Sự tạo-tác lời-nói (ý-nghĩ và sự soi-xét) chấm dứt trong tầng thiền định

thứ hai; sự tạo-tác của thân (sự thở-vô thở-ra) chấm dứt trong tầng thiền định thứ tư; sự tạo-tác của tâm (nhận-thức và cảm-giác) chấm dứt trong chính sự chứng đắc trạng thái ‘chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác’ đó.] (301)



302 [Nguyên văn cụm chữ này: Indriyāni vippasannāni. Spk chú giải rằng:

Các căn cảm-nhận bị mệt mỏi khi hoạt động xảy ra và những đối-tượng bên ngoài tác động vào các giác-quan. Chúng bị phiền khổ, bị phủ bụi đất, như một tấm gương đặt ở ngã tư đường bị bụi đất hất vào bởi gió. Nhưng, giống như một cái gương được đặt trong hộp kín và được chiếu sáng bên trong, năm căn của một Tỳ kheo đã chứng nhập

sự chấm-dứt (diệt định) thì chiếu sáng bên trong (trạng thái) sự chấm-dứt đó vậy.] (302)

303 [Spk giải thích: trước khi chứng nhập trạng thái sự chấm-dứt (diệt định),

vào lúc ấn định thời gian nhập định, người tu nhất quyết rằng: "Ta sẽ 'không- có tâm' trong khoảng thời gian (nhập định) đó và sau đó ta sẽ trở lại 'có chú-tâm'."] (303)

304 [Spk: Sau khi người thiền thoát-ra khỏi trạng thái sự chấm-dứt (diệt định)

đó, tâm chứng quả khởi sinh trước. Do chiếu theo nhận-thức và cảm-giác gắn liền với tâm nên mới nói "sự tạo-tác của tâm khởi sinh trước". Sau đó, vào lúc bhavaṅga (phần cơ-sở để hiện-hữu (hữu phần) = vô thức, tiềm thức), sự tạo-tác của thân [sự thở] sẽ khởi sinh trở lại, và rồi sau cùng, vào lúc hoạt động (của thân) bình thường trở lại, sự tạo-tác lời-nói khởi sinh trở lại, được gọi là ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ) có thể làm phát sinh lời-nói trở lại.] (304)

305 [Nguyên văn 03 sự tiếp-xúc đó lần lượt là: suññataphassa, animittaphas-

sa, appaṇihitaphassa. Spk: Những trạng thái này có thể được giải thích theo cách tính-chất (saguṇa) của chúng, hoặc theo cách đối-tượng (ārammaṇa) của chúng. (a) Theo cách tính-chất của chúng: sự chứng quả (phalas- amāpatti) được gọi là trống không, và sự tiếp-xúc đi kèm được gọi là sự tiếp- xúc trống-không; tương tự cách giải thích cho hai chữ còn lại. (b) Theo cách đối-tượng của chúng: Niết-bàn được gọi là trống-không bởi nó trống rỗng tham, sân, si; được gọi là vô dấu-hiệu (vô tướng) bởi không có những dấu- hiệu của tham, sân, si; và vô định-hướng bởi nó không còn bị định hướng theo/tới tham, sân, si. Sự tiếp-xúc của sự chứng quả đã khởi sinh, (sự chứng quả đó) lấy sự trống-không [Niết-bàn] làm đối-tượng, thì được gọi là sự tiếp- xúc trống-không; phương pháp tương tự đối với hai chữ còn lại.

- Sự chứng quả là sự chứng đắc thiền định đặc biệt trong đó tâm trực-tiếp trải nghiệm niềm chân phúc của Niết-bàn. Nó được nói là có 04 mức độ, tương



ứng với 04 mức độ giác-ngộ = (sự chứng quả Nhập-lưu, sự chứng quả Nhất- lai ...). Coi Vism 698–702 (Ppn 23:3–15).] (305)

306[Spk: chính Niết-bàn được gọi là sự tách-ly (viveka). Tâm người đó nghiêng về, đổ về, ngã về Niết-bàn.] (306)

307 [Điều này được nói ra như vậy bởi vì: sự chấm-dứt (diệt định, diệt thọ

tưởng) được chứng đắc bằng cách trước tiên chứng nhập trong mỗi tầng thiền định sắc giới (jhāna) và mỗi tầng chứng đắc vô-sắc, và rồi sau đó quán-sát nó bằng sự minh-sát theo cách nhìn thấy ba đặc tính 'vô-thường, khổ, vô-ngã'. Trình tự các bước này để đạt tới sự chấm-dứt đã được giảng giải trong Vism 705–707 (Ppn 23:31–43).] (307)

308 [Thi kệ Th 659-672 là của thầy Godatta. Những lời vấn-đáp tiếp theo

cũng có trong MN 43, mục 26-33, trong đó thầy Xá-lợi-phất và Đại Ca- chiên-diên là hai người đối thoại.] (308)

309 [(i) Spk: có 12 'sự giải-thoát vô lượng của tâm', đó gồm: 04 cảnh giới cõi

trời (bốn phạm trú), và 04 thánh đạo và 04 thánh quả.] (309)

310 [(ii) Spk: có 09 'sự giải-thoát của tâm bằng sự không-có-gì', đó gồm: vô

sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì], và 04 thánh đạo và 04 thánh quả.] (310)

311 [Spk không chú giải gì chỗ này; nhưng dường như cách diễn tả "sự giải-

thoát bằng sự trống-không hay tánh-không" (suññatā cetovimutti) thường được dùng để chỉ sự định-tâm dựa trên minh-sát (thiền quán) nhìn thấu bản chất vô-ngã của những hiện-tượng và cũng để chỉ các thánh đạo và thánh quả siêu thế.] (311)

312 [(iii) Spk: Có 13 'sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm', gồm: sự minh-

sát—[bởi vì minh-sát tuệ loại bỏ những dấu-hiệu giả là 'thường, lạc, ngã, tịnh']; 04 tầng chứng đắc vô-sắc giới—[bởi chúng không còn dấu-hiệu của hình-sắc của sắc giới]; 04 thánh quả, và 04 thánh đạo—[bởi vì những dấu- hiệu của những ô-nhiễm (vốn là những 'tác giả' tạo nên những dấu-hiệu) không còn có trong đó).] (312)

313 [Theo cách diễn dịch này: (i) sự giải-thoát vô lượng của tâm là 04 cõi trời

(04 phạm trú, tứ vô lượng tâm); (ii) sự giải-thoát của tâm bằng sự không-có-



gì là tầng chứng đắc vô sắc giới thứ ba (vô sở hữu xứ); và (iii) sự giải-thoát của tâm bằng sự trống-không (tánh không) là sự định-tâm dựa trên sự minh- sát nhìn thấu bản chất vô-ngã của mọi hiện-tượng. Còn (iv) sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm thì khó được chỉ ra hoặc quy theo những tiêu chuẩn giáo lý. Spk chỉ xếp nó thuộc (thánh quả) siêu thế với Niết-bàn là đối-tượng của nó.] (313)

314 [Spk: 'tốt nhất, bậc nhất, ưu nhất' ở đây là do có luôn thánh quả A-la-hán]

(314)

315 [Spk đã chú giải chữ kiñcana như thể nó phái sinh từ động từ là kiñcati

được giải nghĩa là = maddati palibundhati (đè bẹp, nghiền nát; ngăn cản, cản trở), do vậy nó có nghĩa là sự cản-trở hay trở-ngại. Tuy nhiên, sự phái sinh đúng của nó là từ kiṃ + cana—đơn thuần có nghĩa là "thứ, thứ gì đó"; mời coi thêm MW, s.v. (2) ka, kas, ka, kim. Chữ này đã được dùng một cách thành ngữ trong tiếng Pāli có nghĩa là một 'sự sở-hữu' được coi như là một cản-trở; coi thêm chú thích số 454 ở kinh MN 43, mục 36, về nghĩa của chữ kiñcana này. Cái nghĩa (ghép kiṃ + cana) này của nó có lẽ đã được chế đặt ra cho mục đích sư phạm (để chỉ dạy). Coi thêm PED để tham khảo thêm mấy chỗ khác ở đó nghĩa này đã được thấy rõ.] (315)

316 [Spk nói: bởi vì những ô-nhiễm đó đánh dấu một người là tham, hay sân,

hay si. Có lẽ câu này có nghĩa: tham là nhân của 'dấu hiệu đẹp' (tướng đẹp), sân là nhân của 'dấu hiệu xấu' (tướng xấu), còn si là nhân của những 'dấu- hiệu (mê tín) của/về sự thường, lạc, hữu ngã'.] (316)

317 [Mặc dù về phương diện "giống nhau về ý nghĩa" này trong kinh gia chủ

Citta đã không đề cập tới loại giải-thoát thứ ba [(iii) 'sự giải-thoát của tâm bằng sự trống-không hay tánh-không'], nhưng bản thân trạng thái này theo tên gọi của nó đã cho thấy tính chất "trống-không" rồi, và do vậy theo cách này nó đã giống 03 loại kia về sự "trống rỗng tham, trống rỗng sân, trống rỗng si".] (317)

318 [Ni-kiền-tử Nātaputta chính là ông Mahāvīra (Đại Thiên), ông tổ sáng lập

của đạo Jain (nên còn được gọi là 'giáo phái Ni-kiền-tử'). Mặc dù ông có xuất hiện vài lần trong Tam Tạng Pāli (đặc biệt coi kinh MN 56, nhưng không có kinh nào cho thấy ông ta đã từng gặp Phật lần nào. Những đệ tử của



ông được gọi là những niganṭha (ni-kiền-tử), nghĩa gốc chữ này là: những "người không búi tóc".] (318)

319 [Spk chú giải: vì sao gia chủ Citta phải tới gặp ông khổ sĩ trần truồng đó?

Vì muốn xóa bỏ ý nghĩ của những người Ni-kiền-tử cho rằng những người theo đạo Phật không thân thiện với mọi người. Ngoài ra ông cũng muốn đến để chỉ ra những điều không đúng trong giáo lý của ông Ni-kiền-tử.] (319)

320 [Nguyên văn cả câu này: Atthi avitakko avicāro samādhi, atthi vitakkavicārānaṃ nirodho. Như lời kinh sẽ cho thấy, đây là đề cập tới trạng thái tầng thiền định thứ hai (cũng như theo định nghĩa tiêu chuẩn về nó).] (320)

321 [Nguyên văn cả câu này: Na khvāhaṃ ettha bhante bhagavato saddhāya

gacchāmi. Gia chủ Citta đang lập cái bẫy ngôn từ, ông Ni-kiền-tử sẽ bị sập bẫy ngay câu bên dưới.] (321)

322 [Tất cả 03 phiên bản đều ghi chữ ulloketvā ở đây, mặc dù SS thì ghi là

apaloketvā, và Spk (Se) thì ghi là oloketvā. Spk diễn tả về ông Ni-kiền-tử chỗ này là: "Ông ta nở ngực, hớp bụng, rướn căng cổ về phía trước, quan sát khắp mọi phía, và rồi ngước nhìn lên", cách diễn giải này của Spk đã ủng hộ chữ ulloketvā. Tôi dịch theo cách ghi của Be và Ee là apaloketvā [còn Se thì lặp lại chữ ulloketvā], chữ này cung cấp sự tương phản có ý nghĩa hơn, rằng: "Ông ta nhìn một cách ngờ vực bởi vì ông ta cũng thấy ngượng (vì bị hớ) khi nhìn vào mắt những đệ tử của ông."] (322)

323 [Câu này có thể có nghĩa là: (a) 'Hãy trả lời lại cho tôi trước mặt các môn

đệ của ngài', hoặc 'Ngài cùng các môn đệ của ngài có thể trả lời hoặc bác bỏ tôi'.] (323)

324 [Chỗ này tôi dịch theo Ee ghi là pañhe apucchitvā. Cả Be và Se đều ghi là

pañhe āpucchitvā, trông có vẻ trục trặc, vì động từ sau thường có nghĩa là "rời đi, đi khỏi" và nó khó thể được dùng với nghĩa liên quan tới sự "đặt những câu hỏi". Ở đây có lẽ ông Ni-kiền-tử đã làm ngơ không chấp nhận lời thách hỏi của gia chủ Citta, nên gia chủ Citta đã đứng dậy ra về, chứ gia chủ Citta thật sự không hỏi 10 câu hỏi đó.] (324)

Chú Thích • 451

325 [Ở đây đọc câu này theo Be và Se là: koci uttari manussadhammā ala-

mariyañāṇadassanaviseso. Ee nên sửa lại như vậy cho đúng. Lời diễn đạt này thường có trong các kinh như một thuật ngữ tiêu chuẩn để chỉ tất cả những tầng chứng đắc thiền-định và những giai đoạn giác-ngộ ... Spk giải nghĩa chữ manussadhamma là "điều bình thường của con người" chính là = 10 đường nghiệp thiện. Và những điều vượt cao hơn đó (tato manussad- hammato uttari) là những điều "siêu nhân". Alamariyañāṇadassanavisesa được giải nghĩa là = "sự khác-biệt của sự-biết và sự-thấy có khả năng tạo nên trạng thái của một thánh nhân.] (325)

326 [Nguyên văn cụm chữ này: pāvaḷanipphoṭanā. Theo Spk, đây là loại chổi

lông được làm từ lông con công, dùng để quét phủ bụi đất chỗ ngồi trước khi ngồi.] (326)

327 [TKBĐ: không hiểu chỗ này gia chủ Citta nói lời đề cao Giáo Pháp hay

chỉ mượn câu này để pha một ý nghĩa ngậm ngùi đối với người bạn cũ khác đạo?] (327)

328 [Tôi đọc câu này theo cách ghi của Se là: kiṃ hi no siyā bhante (sao tôi là

không thể, thưa ngài).] (328)

329 [TKBĐ: như vậy có nghĩa là gia chủ Citta đã là một bậc thánh Bất-lai,

người đã xóa bỏ năm gông-cùm đầu tiên (hạ phần kiết sử) trói buộc chúng sinh trong cảnh dục-giới.] (329)

330 [Riêng Se có cách ghi đúng ở đây là: dhammiko dhammarājā dhammikaṃ

baliṃ anuppadassati. Những thiên thần đó muốn vị gia chủ trở thành vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển pháp luân vương) để họ chắc chắn sẽ nhận được những thứ cúng dường dành cho họ. Tôi dịch chữ dhammarājā là "vị vua của sự chân-chánh" (chánh vương) chứ không dịch đúng như chữ là "vị vua của Giáo Pháp" (Pháp vương), bởi vì Pháp Vương là chữ thường được dùng để biểu thị cho Phật.] (330)

331 [Chỗ này có lẽ Ee có cách ghi tốt nhất: saṅghe ca pasādetvā cāge ca

samādapetvā.] (331)

452 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

332 [Spk: chữ 'Caṇḍa': nghĩa là hung dữ, bạo tàn; tên này do những người kết

tập kinh đặt ra.] (332)

333 [Hiền từ, nhẹ nhàng là tạm dịch chữ sorata [Ee: sūrata]. Coi thêm chú

thích số 256, 462 trong Quyển 1.] (333)

334 [Tên ông có nghĩa là: 'cái hộp cây bối đa' bởi da mặt ông có màu trái của

cây này khi nó chín rụng xuống đất. Ông là chủ quản một đoàn kịch gồm rất nhiều diễn viên và ông trở thành rất nổi tiếng khắp Ấn Độ. Lời kinh thi Th 1091-1145 về sự đề cao sự nhiệt-thành nghiêm túc về mặt lương tâm đạo đức là của ông.] (334)

335 [Cụm chữ gốc là: saccālikena. Học giả Woodward dịch nghĩa là "bằng

cách (diễn xuất) của mình làm giả sự thật" [KS 4:214], nhưng tôi làm theo Spk giải nghĩa chữ này là chữ kép dvanda có nghĩa là: saccena ca alikena ca.] (335)

336 [Ở đây, chỗ này đòi hỏi thời hiện-tại, chúng ta nên đọc theo Be và Se là na

labhāmi, và bên dưới, chỗ đòi hỏi thời quá khứ bất định, nên đọc là nālat- thaṃ. Ee thì ghi chữ sau trong cả 02 chỗ.] (336)

337 [Nguyên văn cụm chữ cuối: Pahāso nāma nirayo. Spk: thực ra không có

riêng một địa ngục nào tên này. Thực ra đó là một chỗ trong đại địa ngục A- tỳ (Avıci) ở đó các cư dân bị tra tấn trong các trang phục hóa trang của những diễn viên đang ca hát và múa nhảy ...] (337)

338 [Coi kinh MN 57, từ mục 2-5, là những đoạn hỏi đáp với ý nghĩa song

hành như đoạn này (mặc dù ở đó nói về những quan-điểm tái sinh thành chỗ khác).] (338)

339 [Spk: tên của ông có nghĩa 'người kiếm sống bằng nghề chiến tranh'; tên

này do những người kết tập kinh đặt ra; TKBĐ chọn dịch là 'người giết thuê' hay 'lính đánh thuê chuyên nghiệp' cho hợp với nghĩa phổ thông.] (339)

340 [Đây là cách dịch thoáng nghĩa được gợi ý bởi VĀT. Se và Ee ghi là sa-

rañjitānaṃ, nhưng Be ghi chữ parajitānaṃ (bị đánh bại bởi những người khác; bị tử trận) thì có nghĩa đúng hơn.] (340)

Chú Thích • 453

341 [Giống như trên, Spk cũng nói đây không phải là một địa ngục có tên

riêng như vậy. Đó là một chỗ trong đại địa ngục A-tỳ (Avıci), trong đó những chúng sinh trong hình dạng lính chiến bị giết trong chiến trận.] (341)

342 [03 động từ này là uyyāpenti [được giải nghĩa = upari yāpenti], saññāpenti

[được giải nghĩa = sammā ñāpenti], và saggaṃ okkāmenti. Về cụm chữ này, Spk mô tả là: "Họ đứng xung quanh người chết và hô rằng 'Này ông, hãy đi lên cõi trời'; này ông, hãy đi lên cõi trời' và nhờ vậy làm cho người chết nhập vào (pavesenti) thiên đàng."] (342)

343 [Tức những người theo đạo Jain (Kỳ-na giáo) của giá chủ là Ni-kiền-tử

Nātaputta. Về giáo chủ Ni-kiền-tử này, mời coi thêm kinh 41:8.] (343)

344 [(Sẽ rớt trong địa ngục, như thể bị tống xuống đó là tạm dịch nghĩa qua

tiếng Việt). Nguyên văn cụm chữ này: Yathābhataṃ [Ee: yathā hataṃ] nik- khitto evaṃ niraye. Cụm chữ thành ngữ này là tối nghĩa và sự diễn dịch ở đây là thuộc sự phngr đoán. Cụm chữ này cũng có ghi trong kinh MN 12, mục 21 và chú thích 189 ở đó, được tạm dịch là "(người đó) bị ký thác trong địa ngục như thể đã bị đưa thẳng xuống đó" dựa theo sự giải nghĩa của luận giảng là: "Người đó bị đọa trong địa ngục như thể đã bị lôi đi và đưa xuống đó bởi những giám ngục của địa ngục". Cách dịch nghĩa này, là làm theo chú giải của Ps II 32 [yathā nirayapālehi ābharitvā niraye ṭhapito], là còn rắc rối và nan giải nan giải, bởi vì chữ yathābhataṃ là một từ bất biến hóa với vai trò của nó là thuộc trạng từ, không phải là một thực từ (quan trọng) được đặt để gán vào chủ thể. Vai trò của chữ evaṃ cũng tối nghĩa. Mời coi thêm sự thảo luận nhưng không kết luận trong PED, s.v. yathā. ] (344)

345 [Chỗ này phiên bản Ee không ghi câu evam etassa pāpassa kammassa

pahānaṃ hoti.] (345)

346 [Spk: chữ "tâm-từ" khi được nói ra [một mình] thì có thể được diễn dịch

là (trạng thái) cận-định hoặc tầng thiền định, nhưng khi nó được phẩm định là một "sự giải-thoát của tâm" (cetovimutti) thì nhất định có nghĩa là tầng thiền định.

- Nghiệp thuộc cõi dục-giới được gọi là nghiệp giới-hạn (pamāṇakataṃ kammaṃ); nghiệp thuộc cõi sắc-giới được gọi là nghiệp vô-hạn (hay vô



lượng, appamāṇakataṃ kammaṃ). Nó được gọi là vô-hạn bởi vì nó được làm bằng cách vượt trên giới-hạn, vì nó được tu tập bằng cách bao trùm được xác định, không được xác định, và tùy hướng [coi thêm sự giảng giải này trong Vism 309–11; Ppn 9:49–58].

- "Không còn nữa, không còn có nữa" (na taṃ tatrāvasissati, na taṃ ta- trāvatiṭṭhati). Spk: tức nghiệp dục-giới không còn bám dính, không còn có tiếp trong cõi sắc-giới và vô-sắc giới. Nghĩa là gì? Là nghiệp thuộc dục-giới không có khả năng lấn lướt nghiệp thuộc sắc giới và vô sắc giới, cũng không thể duy trì hay có được cơ-hội [để tạo ra những quả của nó]. Thay vì vậy, giống như một dòng lũ lớn có thể áp đảo một dòng suối nhỏ, nghiệp thuộc sắc giới và vô sắc giới có thể áp đảo nghiệp thuộc dục giới và duy trì ở đó sau khi đã tạo ra một cơ-hội [để tạo ra những quả của nó]. Loại nghiệp ưu thế hơn này [sau khi đã ngăn chặn nghiệp dục giới sản sinh ra quả của nó] sẽ tự nó dẫn dắt tới sự tái-sinh trong cõi trời brahmā (phạm thiên giới).] (346)

347 [Chỗ này tôi làm theo những gợi ý của học giả von Hinüber về cách ghi

cho đúng và dịch cho đúng những chữ này, như trong bài viết của ông có tên là "Chữ Ma Dvihitikā và Sự Mô Tả Về Những Nạn Đói Trong Kinh Văn Phật Giáo Tiền Thân" (Description of Famines in Early Buddhist Literature). Trước tiên, câu này nên được

ghi cho đúng là: Nālandā dubbhikkhā hoti duhitikā setaṭṭikā salākāvuttā. Tất cả mọi mss còn lưu truyền, dường như, đều đã bị nhiễm bởi chữ dvıhitikā và chữ setaṭṭhikā, mặc dù Spk đã nhận dạng duhitikā ở đây là chữ 'tục tĩu'và những kinh khác nói về sự thất bại mùa màng thì bảo lưu chữ setaṭṭikā [coi thêm Vin II 256,21–23 = AN 3:56, đoạn (2)]. Spk thì giải thích cả 02 chữ dvıhitikā và duhitikā đều phái sinh từ du- ıhiti [hoặc duihiti (khó khăn, khó ăn, khó đi, khó sống)], nhưng sự phái sinh đúng của chúng là từ chữ duhita [coi lại chú thích số 212 ở trên]. Cách ghi chữ setaṭṭhikā theo nghĩa suy đồi được chú giải bởi Spk có nghĩa là "trắng đầy xương", tức đầy xương người phơi trắng đồng vì người ta bị 'chết như rạ' do nạn đói do mùa màng thất bại; nhưng những luận giảng khác thì nhận dạng chữ setaṭṭikā là một căn bệnh dịch mùa màng (rogajāti) bị gây ra bởi những côn trùng ăn phá phần ruột trong của những nhánh lúa. Chữ này được phân tách là seta-aṭṭi-kā (bệnh trắng, dịch trắng) bởi vì những mùa màng bị ảnh hưởng đã chuyển thành trắng xác và không tạo ra hạt lúa [mời coi thêm Sp VI 1291,5–7 = Mp IV 136,16–18; và Sp I 175,4–8].(347)

Chú Thích • 455

348 [Chỗ này tôi đọc theo Se và Ee là saññamasambhūtāni, khắc với Be ghi là

sāmaññasambhūtāni. Spk chỉ giải nghĩa nó là = sesasılaṃ.] (348)

349 [Chỗ này tôi cũng đọc theo Se và Ee là nihitaṃ vā nādhigacchati, khác

với Be ghi là nihitaṃ vā ṭhānā vigacchati.] (349)

350 [Giới luật cấm các Tỳ kheo nhận vàng, bạc (và tiền) cúng dường; đó là

điều luật Nissaggiya-pācittiya 18; coi thêm Vin III 236–39 và Vin I 245,2–7. Bài kinh này được ghi trong Vin II 296–97 là tuyên ngôn cấm các Tỳ kheo nhận vàng, bạc (hay tiền). Theo như Luật Tạng Vin III 238, "bạc" là = tiền bạc, ở đây theo nghĩa rộng gồm những đồng tiền được làm từ bạc, đồng, gỗ, hay hỗ phách, hay bất cứ thứ gì có chức năng như tiền, được làm phương tiện trao đổi mua bán.] (350)

351 [Be bỏ mất phần câu hỏi thứ hai này, rõ ràng là do lỗi khi biên tập, vì

trong Se và Ee đều có.] (351)

352 [So sánh chỗ này trong kinh 12:33 (Quyển 2) cũng có ghi các câu "…

người đó ứng dụng phương pháp (nguyên lý) này cho quá khứ và tương lai". Cách xử lý của Spk ở đây là coi cụm chữ akālikena pattena như một biểu thức đơn với chữ akālikena có vai trò là công cụ trạng từ để bổ nghĩa cho chữ pattena; Spk chú giải như vầy: Akālikena pattenā ti na kālantarena pattena; kālaṃ anatikkamitvā va pattenā ti attho. "Được những ngộ tức thì": là không phải được chứng ngộ sau một khoảng thời gian; nghĩa là điều đó được chứng ngộ ngay chứ không có thời gian trôi qua."

- Để hiểu thêm về chữ akālikena, mời coi lại chú thích số 33 trong Quyển 1, chú thích 103 trong Quyển 2. Lời mở đầu của đoạn này có lẽ đã bị cắt xén bớt.] (352)

353 [Lưu ý rằng ông thôn trưởng đã gán cho Phật đã nói câu ông dẫn trực tiếp

trong ngoặc '…', như một khẳng-định chung về mối liên hệ nhân-duyên giữa tham-dục và sự khổ (yaṃ kiñci dukkhaṃ uppajjamā naṃ uppajjati…). Nguyên văn câu này không thấy có trong lời Phật nói ở trên, nhưng rõ ràng nó là cần có như một dẫn chứng cho cái "nguyên-lý này" (iminā dhammena); dường như câu này có trong kinh văn nguyên thủy nhưng có lúc nó đã bị bỏ



đi khi đọc. Ngay bên dưới chính Phật đã tổng hợp lại lời của mình đã nói.] (353)

354 [Đoạn này gồm có những câu Đức Phật đã tuyên thuyết trong bài kinh

thuyết giảng đầu tiên, tức kinh Chuyển Pháp Luân, SN 56:11 (Quyển 5). Spk chú giải: Sự theo đuổi hạnh-phúc (sự sướng) giác quan (dục lạc) được nói ra để chỉ ra những loại người thụ hưởng khoái-lạc giác quan (II–III); sự theo đuổi sự khổ-hạnh (hành xác) được nói ra để chỉ ra những khổ-sĩ hay sa-môn (IV–V); con đường trung-đạo được nói ra để chỉ 03 loại sự phai-mòn (VI). Mục đích để chỉ ra tất cả đó là gì? Như Lai, người đã đạt tới sự sự giác-ngộ toàn thiện bằng cách dẹp-bỏ 02 cực đoan đó và bằng cách đi theo con đường trung-đạo, không phê phán hay khen ngợi tất cả những người thụ hưởng dục lạc hay tất cả những khổ sĩ. Phật chỉ phê phán những ai đáng bị phê phán và khen ngợi những ai đáng được khen ngợi.] (354)

(Nhân tiện: Trong kinh này, từ phần (II) dưới đây, (và trong kinh 42:13 kế tiếp), người dịch Việt đã đổi cách đánh số (i)-(x) giữa-trang của TKBĐ thành những số (1)-(10) để người đọc dễ nhìn ra bố cục của bài kinh, và để dễ dàng đọc kinh này đối chiếu với kinh tương ứng là AN 10:91.

(Trong phần (III) trở xuống: các chi mục (a), (b), (c), (d) do người dịch Việt đặt ra và ghi tóm lược lại để người đọc dễ nhìn và khỏi lặp lại nhiều lần những 'căn cứ', nhưng vẫn giữ đúng nguyên ý nghĩa của lời kinh gốc.)

355 (Kinh này với phần (II) và (III) là song hành tương ứng với toàn bộ phần

[I.] và phần [II.] của kinh AN 10:91 [chỉ hơi khác một chút về bố cục sắp xếp] (như thứ tự 'căn cứ để khen' và 'căn cứ để chê', nhưng người dịch Việt đã làm thứ tự đó trong kinh AN giống thứ tự trong kinh SN để người đọc dễ đọc đối chiếu 02 kinh). Coi thêm chú thích 2120 và 2121 trong kinh đó để hiểu thêm về sự phân tích các yếu-tố của những loại người thụ hưởng dục- lạc).

- [Có 03 phần phẩm-chất để kết hợp phẩm định những người thụ hưởng dục- lạc là thuộc phân-loại nào, đó là: (i) cách của-cải có được, là chân chính, hay bất chính, hay cả hai; (ii) của-cải đó có mang lại hạnh-phúc và niềm-vui cho mình hay không; và (iii) có chia sẻ của-cải cho những người khác và làm việc công-đức hay không. Tổng hợp lại có 09 phân-loại. Phân-loại thứ 9 là người



có được cả 03 phần tích cực của (i), (ii), (iii), là người tốt, nhưng phân-loại người tốt này còn được phân loại tiếp là bị trói buộc với của-cải và không bị trói buộc với của-cải;

tổng cộng là 10 phân-loại. Đây cũng chính là cách phân tích loại người thụ hưởng dục-lạc (kāmabhogı) như trong kinh AN 10:91.] (355)

356 [‘Một trạng thái thiện lành’: là chỉ ‘sự thành tựu về đức-hạnh (giới hạnh)’,

hoặc chỉ là ‘một trạng thái thiện lành thông thường của tâm’; ‘sự khác-biệt siêu nhân về sự-biết và sự-thấy’: là chỉ những sự chứng-đắc các tầng thiền định sắc giới, các tầng thiền vô sắc giới, những trí-biết trực tiếp, thánh đạo và thánh quả. Coi thêm chú thích thứ nhất số 325 trong kinh SN 41:09 ở trên.] (356)

357 [“Ba loại sự phai-mòn”: Tisso sandiṭṭhikā nijjarā. Chữ “nijjarā” (nghĩa:

mòn đi, phai mòn đi, vơi đi, phai biến) là một thuật ngữ của giáo phái Jain (Ni-kiền-tử) đã được Đức Phật ứng dụng để nói với ông trưởng thôn này. Những người Ni-kiền-tử cho rằng những tu sĩ tu tập có nghĩa là làm “mòn đi” tất cả sự khổ (sabbaṃ dukkhaṃ nijjiṇṇaṃ bhavissati); coi thêm về quan-điểm của họ trong kinh MN 14, từ mục 17 và MN II 214,7–13 (?), và Đức Phật cũng đã ứng dụng nói về “sự phai-mòn” theo một cách khác trong kinh MN 101. Ba loại “sự phai-mòn” này (sandiṭṭhikā nijjarā) cũng được tả trong kinh AN 3:74 (là: sự giới-hạnh, các tầng thiền định, sự tiêu diệt ô-nhiễm), và 20 “sự phai-mòn” (nijjarā) cũng được nói trong kinh MN 101, từ mục 23.

- Spk nói: một con đường đạo được miêu tả như 03 sự phai-mòn vì do có sự phai-mòn đi của 03 loại ô-nhiễm (tham, sân, si).] (357)

358 [Nguyên văn câu này: Samaṇo Gotamo māyaṃ jānāti. Trong kinh MN 56,

mục 8, 21, những người Ni-kiền-tử (đạo Jain) có nói rằng: “Sa-môn Cồ-đàm là một nhà huyền thuật (māyāvı), là người biết bùa thuật chuyển đạo (āvaṭṭaniṃ māyaṃ jānāti) nhờ đó ông ta chuyển đạo (cải đạo) những đệ tử của những đạo sư giáo phái khác.” Lời buộc tội này cũng được đưa ra để thảo luận ở đầu kinh AN 4:193.] (358)

359 [Nguyên văn câu này: Samaṇo Gotamo māyaṃ jānāti.] (359)

458 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

360 [Nguyên văn cụm chữ này: lambacūḷakā bhaṭā. Spk đã không giúp gì,

nhưng tiến sĩ Rhys Davids (của PTS) đã dịch đoạn này trong quyển Ấn Độ Phật Giáo (Buddhist India), trang 21, như vầy: “Chính quyền trung ương của nước Koliya (Câu-lợi) có dùng một cơ quan (ban) đặc biệt gồm những peon (dạng như những giám sát, cảnh sát, hay “cai” làm thuê) được phân biệt bởi một loại đồng phục là kiểu tóc búi đặc biệt, chính do kiểu tóc đó mà họ có tên gọi như vậy. Những người đặc vụ này nổi tiếng xấu là tống tiền và bạo lực.”] (360)

361 [Coi kinh SN 24:05 (Quyển 3); chú thích 254 của nó.] (361)

362 [Coi kinh SN 24:06 (Quyển 3); chú thích 255 của nó.] (362)

363 [Spk đưa ra 03 cách diễn dịch luân phiên cho chữ dhamma-samādhi (sự

định-tâm của Giáo Pháp) và chữ citta-samādhi (sự định-tâm của tâm) như vầy: (i) sự định-tâm của Giáo Pháp (dhamma-samādhi) là dhamma (giáo pháp) của 10 đường nghiệp thiện; còn sự định-tâm của tâm (citta-samādhi) chính là 04 thánh đạo đi kèm sự minh-sát; (ii) 05 dhammā [năm pháp, năm trạng thái]—đó là: sự hoan-hỷ, sự khoan-khoái, sự tĩnh-lặng, sự hạnh-phúc, và sự định-tâm (trong thiền định)—được gọi là sự định-tâm của Giáo Pháp (dhamma-samādhi); còn sự định-tâm của tâm (citta-samādhi) vẫn là 04 thánh đạo đi kèm với sự minh-sát; (iii) sự định-tâm của Giáo Pháp (dhamma- samādhi) chính là 10 đường nghiệp thiện và 04 sự an trú cõi trời (04 phạm trú); còn sự nhất-điểm của tâm đã khởi sinh đối với người tu đã hoàn thiện sự định-tâm của Giáo Pháp (dhamma-samādhi) chính là sự định-tâm của tâm (citta-samādhi).] (363)

364 Nguyên văn cụm chữ chỗ này: apaṇṇakatāya mayhaṃ. Spk giải nghĩa

cụm chữ này là: "Sự thực hành này dẫn tới chỗ là sự (tình trạng) bất khả chuyển đổi đối với tôi, dẫn tới sự (trạng thái) không-có sự sai-trái (anaparā dhakatāya)." (Nghĩa là, người đệ tử thánh thiện thực hành sự giới-hạnh như vậy là luôn nắm chắc phần thắng (an toàn, lành) cho dù những quan-điểm của các ông thầy đó là đúng hay sai). Trong Ps III 116,21 chữ apaṇṇaka được giải nghĩa là = aviruddho advejjhagāmı ekaṃsagāhiko (không bị mâu thuẫn, rõ ràng là vậy, nhất định là vậy).] (364)

Chú Thích • 459

365 [Nguyên văn là chữ kaṭaggaha, có nghĩa là "cú ném xúc xắc". Hàm nghĩa

của cụm chữ này là ném con xúc xắc được cú may mắn, được giải nghĩa là = jayaggaha (cú ném thắng, cú ném đã thắng). Chữ phản nghĩa của chữ này là kaliggaha (cú ném đen, cú ném thua, cú ném đã thua). Sự lập). luậnS của lời kinh đây làm gợi nhớ tới sự lập luận tương tự được ghi trong kinh MN 60, mục 12, 20 và MN 129, mục 49 [cũng gồm ví dụ về sự ném xúc xắc] và trong kinh AN 6:46, đoạn thi kệ thứ sáu tính từ cuối lên, I 192–93.] (365)

366 [K . jm

Õ

460 • Bộ Kinh Liên Kết  QUYỂN 4

nhưng cũng không có chú giải gì; nhưng Sv III 1003–4 thì luận giảng chúng như vầy: "Người tu, ở giai đoạn thiền quán thâm cao, quán xét mọi thứ là vô- ngã, thì đạt 'định trống-không' (tánh-không định) khi đạt tới thánh đạo và thánh quả—[bởi vì người đó đã nhìn thấy mọi thứ đều không có ngã nào]; người tu quán xét mọi thứ là vô-thường thì đạt 'định vô dấu-hiệu'—[bởi vì người đó đã nhìn thấy thông qua 'dấu hiệu của vô-thường]; còn người tu quán xét mọi thứ đều là khổ thì đạt 'định vô định-hướng'—[bởi vì người đó không còn hướng tới hay dựa vào những thứ đã được nhìn thấy là khổ]. Coi thêm phần thảo luận về "ba cửa đi tới giải-thoát" trong Vism 657–59 (Ppn 21:66–73). Về 'sự định-tâm vô dấu-hiệu' (animitta cetosamādhi), coi thêm kinh SN 40:09 ở trên.] (368)

369 [ Kinh này và 06 kinh tiếp theo [từ SN 43:05-11] lần lượt nói ra tổng cộng

“37 phần trợ giúp giác-ngộ” (37 bồ-đề phần). Và tất cả 37 phần trợ đạo này cũng được lặp lại trong kinh SN 43:12 (từ đoạn [9] cho đến hết [45]). Nhiều sự giải thích chi tiết được nói trong phần Giới Thiệu Quyển 5 (của TKBĐ) và trong những chú thích của kinh SN 45:51.] (369)

370 [Ở đây tôi làm theo cách đánh số kinh của phiên bản Ee. Mặc dù học giả

Woodward đã nói: “các phần đã bị đánh số sai trong lời kinh” [KS 4:261, chú thích số 1], nhưng thực ra chính lời kinh là chính xác và các đánh số của Woodward thì bị lạc đi. Đối với bài kinh này, tôi thích chọn theo Be ghi chữ anataṃ và được Spk (Be) giải nghĩa là: taṇhānatiyā abhāvena anataṃ (không còn ngã hướng do không còn (trống vắng) sự ngã hướng thông qua dục-vọng). Chữ này có lẽ là nguyên thủy hơn chữ antaṃ (sự kết thúc, tận, chấm dứt) được ghi trong Se và Ee và được Spk (Se) giải nghĩa là: taṇhāra- tiyā abhāvena antaṃ (sự kết thúc do sự không còn (trống vắng) sự thích-thú thông qua dục-vọng).] (370)

371 [Những thuật-từ từ kinh số 43:1343 là những chữ đồng nghĩa với “Niết-

bàn”.

- Phiên bản Ee thì đếm số kinh chỉ từ 145 như thể sự lặp-lại chỉ được làm với nội dung trong kinh 43-12 mà thôi. Tuy nhiên, trong bài kinh cuối cùng của Ee [kinh 43:44: “con-đường dẫn tới đích-đến”] thì bắt đầu bằng ‘sự chánh-niệm hướng vào thân’, điều này có nghĩa là mỗi sự lặp-lại đã được làm



đầy đủ từ kinh 43:0143:12. Điều này có nghĩa là mỗi thuật-từ được gắn kết với 56 phiên bản của đạo (toàn bộ sự tu-tập).] (371)

372 [Chữ gốc là: nippapañcaṃ. Spk giải nghĩa: Đó là nhờ sự không còn (sự

trống vắng) sự tăng-phóng bởi dục-vọng, sự tự-ta, và những quan-điểm này nọ (ái, ngã-mạn, tà-kiến).] (371)

373 [Trong kinh AN 1:236 ni được tuyên bố là Tỳ kheo ni đệ nhất về đại-trí

(etadaggaṃ mahā-paññānaṃ), và trong kinh SN 17:24 ni được mô tả là một mẫu-mực cho các Tỳ kheo ni noi theo. Về chi tiết tiểu sử, coi thêm quyển “Những Nữ Đại Đệ Tử của Đức Phật” của Hecker; quyển “Những Đại Đệ Tử của Đức Phật” của Nyanaponika và Hecker, trang 266-276. Coi thêm quyển “Luận giảng về Trưởng Lão Ni Kệ” của Pruitt, trang 164-174.] (373)

374 [Lời kinh về những câu hỏi mang tính suy đoán này giống trong các kinh

SN 16:12 (Quyển 2), 24:15–18, 33:1–55 (Quyển 3).] (374)

375 [Những câu trả lời ở đây cũng giống y những câu trả lời của Phật nói cho

du sĩ Vacchagotta trong kinh MN 72.] (375)

376 [Spk chú giải: "Sắc-thân mà người ta dùng nó để mô tả Như Lai" [= mô tả

Như Lai qua sắc-thân] được coi như một chúng-sinh (sattasaṅkhātaṃ tathāgataṃ)—như cao hay thấp, tối hay sáng ... vân vân—đã được dẹp bỏ bởi Như Lai toàn trí thông qua sự dẹp bỏ nguồn-gốc của nó. Như Lai "được giải-thoát khỏi sự suy tính về mặt (theo cơ sở, theo những điều khoản) sắc- thân" (rūpasaṅkhāya vimutto), nghĩa là, bởi vì đối với Như Lai sẽ không còn khởi sinh sắc-thân trong tương lai; ngay cả câu "Bậc ấy sẽ là như vầy và như vậy", dựa theo sắc-thân và những phẩm-chất của tâm, cũng mất giá trị hiệu lực của nó; như vậy Như Lai được giải-thoát khỏi cả sự mô tả theo cách dùng sắc-thân. Bậc ấy là thâm sâu (gambhıra) thông qua độ sâu của sự ngã hướng của bậc ấy (ajjhāsayagambhıratā) và thông qua độ sâu của những phẩm-hạnh của bậc ấy (guṇagambhıratā). Đối với sự mô tả có thể được dùng để tả Như Lai toàn trí bằng những phẩm-hạnh thâm sâu như vậy, tức coi Như Lai như một chúng-sinh, khi một người nhìn thấy sự không tồn tại [không giá trị hiệu lực] của sự mô tả này [Spk-pṭ: mô tả về một chúng-sinh] bởi sự không tồn tại [Spk-pṭ: của năm uẩn], thì cái câu "Như Lai—được coi là một chúng-sinh—



sẽ hiện hữu sau khi chết" sẽ không trúng, không thể áp dụng, tức là nó không có giá trị hiệu lực gì.] (376)

377 [Be và Ee ghi động từ cuối là virodhayissati, Se ghi là vihāyissati. Spk

giải nghĩa là: na viruddhaṃ padaṃ [Se: viruddhasaddaṃ] bhavissati (sẽ không có chữ/khoản mâu thuẫn nhau". Spk giải nghĩa chữ aggapadasmiṃ đơn thuần có nghĩa là "trong giáo lý" (desanāya). Chữ aggapadasmiṃ cũng thấy có trong kinh AN 11:07, đoạn cuối, được luận giảng Mp giải nghĩa là nibbāne.] (377)

378 [Nguyên văn cụm chữ này: rūpagatam etaṃ. Spk giải nghĩa: (thì) đây chỉ

đơn thuần là sắc-thân. Thầy ấy muốn chỉ ra rằng: "Không có 'chúng-sinh' nào được tìm thấy ở đây ngoài sắc-thân, nhưng khi có sắc-thân là chỉ có cái tên như vậy thôi." Spk-pṭ nói: Cái gì đang bị từ chối ở đây? Đó là cái 'Ta' (ngã) mà những nhà tư duy ngoài đạo đã đặt nên và gán đó là "Như Lai" (nhưng Như Lai không phải là sắc-thân hoặc uẩn nào hoặc năm-uẩn).] (378)

379 [Về cách diễn đạt về những A-la-hán là "không còn vòng luân-hồi nào để

mô tả về họ nữa": mời coi lại chú thích số 83 trong kinh SN 22:56 (Quyển 3), ở cuối đoạn (1).] (379)

380 [Spk giải thích chữ kutūhalasālā ở đây [nghĩa gốc: "hội trường huyên

náo"] là một nơi những tu sĩ và bà-la-môn của những giáo phái khác tham gia vào những sự thảo luận hay đàm đạo khác nhau. Nó được gọi tên là "hội trường tranh luận" (hay huyên náo) bởi vì có sự huyên náo ồn ào khởi lên mỗi khi có người nói "Điều này là nghĩa gì? Điều kia là nghĩa gì?" (giống như kiểu các bên luôn tranh luận, tranh cãi hay giành nói lẫn nhau).

- Những đạo sư được kể tên ở đây là nhóm "sáu người dị giáo" rất nổi tiếng, họ là những người chống đối Đức Phật [coi lại chú thích số 200 trong Quyển 1). Điều lạ kỳ ở đây là những sự dự-báo về tái-sinh lại được gán cho Ajita, vì trong các kinh khác đã cho thấy ông ta đã chỉ dạy thuyết duy vật chất và ông đã từ chối có kiếp sau mà. Ngay cả Sañjaya cũng được thấy là đã từng là một người hoài-nghi về những vấn đề như vậy.] (380)

381 [Nguyên văn cả câu này là: Sa-upādānassa khvāhaṃ Vaccha upapattiṃ

paññāpemi no anupādānassa. Có một nghĩa kép ở đây, với chữ upādāna vừa



có nghĩa là "nhiên-liệu", vừa có nghĩa là "sự dính-chấp" (chấp thủ, thủ), nhưng tôi đã dịch câu này với sự cộng hưởng của ví dụ sau đây. Trong một bài kinh khác Phật đã nói cho du sĩ Vacchagotta, Phật đã dùng ví dụ nổi tiếng của mình về "ngọn lửa" sẽ tắt đo do thiếu vắng nguyên liệu để minh họa cho trạng thái của một người đã chứng ngộ Niết-bàn; mời coi thêm kinh đó là kinh MN 72, mục 19.] (381)

382 ["Vì trong lúc đó dục-vọng là nhiên liệu của nó" (tamahaṃ taṇhūpādānaṃ vadāmi). Lời tuyên bố này của Phật trông dường như có vẻ như có 'một thời-đoạn tạm thời' nằm trung gian giữa lúc-chết và lúc tái/thụ sinh vậy, (như kiểu giai đoạn trung-chuyển hay 'trung-ấm' như được nói trong các truyền thống Phật giáo khác). Nhưng bởi do điều này thì mâu thuẫn với triết lý chính thống của Phật giáo Nguyên thủy [Trưởng Lão Bộ, Thera- vāda], nên Spk đã cho rằng: chính ngay 'lúc-chết' chúng sinh được cho là 'chưa được tái sinh', đơn giản bởi vì thức tái sinh vẫn chưa khởi sinh vào lúc đó.] (382)

383 [Ở đây và bên dưới tôi đọc theo Be và Ee là saddhiṃ, khác với Se ghi là

laddhi. Spk giải nghĩa là: tesaṃ laddhiyā saddhiṃ etaṃ abhavissa. Theo sự biết của tôi thì chữ laddhi, theo cái nghĩa là sự tin, đức tin, là một chữ được dùng sau này, và nó có thể đã được du nhập vào phiên bản Se thông qua sự hiểu sai của luận giảng.] (383)

384 [Chỗ này tôi đọc theo cách ghi của Be và Se là ñāṇassa uppādāya, khác

với cách ghi của Ee là ñāṇassa upādāya. Spk chú giải rằng: "Như đối với sự biết minh-sát khởi sinh như vầy: 'Tất cả mọi hiện tượng là đều vô-ngã' (chư pháp vô ngã), thì nếu nói vậy liệu ta có nhất quán với (sự thật) đó hay không?".] (384)

385 [Có thể câu cuối này có nghĩa rằng: Vacchagotta đã diễn dịch 'sự từ-chối

trả lời' của Phật là một sự phủ-nhận về cái 'cá-thể thuộc trải nghiệm' của ông ta [dựa vào đó ông ta có những cách-nhìn có ngã (ngã kiến)] mà ông ta đã nhận dạng đó là một cái 'Ta" (bản ngã). Chúng ta cần chú ý một cách cẩn thận 02 lý do mà Phật đã không tuyên bố "Không có cái 'ta' (ngã)". Phật không tuyên bố điều này không phải là do Phật nhận thấy có một cái 'ngã' nào cao siêu hơn nữa [như một số người dịch đã lập luận như vậy] hoặc do những lý do nào khác (...). Phật không tuyên bố "Không có cái 'ta' (ngã)" là

bởi vì (i) cách diễn đạt đó đã từng được dùng bởi những người theo 'thuyết diệt-vong' và do vậy Phật tránh việc để giáo lý của mình bị nhầm là giống với giáo lý của họ; và bởi vì (ii) Phật muốn tránh gây ra sự hoang-mang rối trí cho những người vốn đã có tư tưởng "có-ngã" (như ông Vacchagotta ở đây). Phật đã tuyên bố "Tất Cả mọi thứ đều là vô-ngã" (sabbe dhammā anat- tā, chư pháp vô ngã), điều đó có nghĩa là nếu ai cố tìm một cái cái 'Ta' (ngã, bản ngã) ở bất cứ đâu, thì người đó sẽ không tìm thấy có cái nào. Bởi vì cụm chữ "tất cả mọi thứ" hay "tất cả mọi hiện-tượng" là bao gồm cả những thứ có điều-kiện (pháp hữu vi) và những thứ không còn điều-kiện (pháp vô vi), cho nên điều này đã loại trừ hoàn toàn khả năng có một cái 'ngã' siêu việt khó tả nào đó (chẳng hạn một 'linh hồn').] (385)

386 [Nguyên văn câu cuối này: Yassa p' assa āvuso etam ettakena ettakam

eva, tam p' assa bahuṃ. Tôi đã dịch câu cảm thán khó dịch này với sự trợ giúp là chú-giải của Spk.] (386)



(a) Về bản dịch, quý độc giả có sự thắc mắc, góp ý, tra cứu, hoặc xin nhận bản in giấy ấn tống, liên hệ người dịch: email: lekimkha@gmail.com, hoặc nhắn tin/điện thoại: 0909503993, hoặc liện hệ Thư Viện Chùa Bửu Quang, Bình Triệu, Thủ Đức, điện thoại: 0908475521 (chú Bính) hoặc 0918735176 (sư cô Quang Kiến);

(b) Hoặc liên hệ anh Huỳnh Văn Thịnh, email: huynhvanthinh@gmail.com, hoặc điện thoại: 0363316764.



*Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.*